V. CA-VÊ-RIN

THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

1



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

Tập I

V.CA-VÊ-RIN

THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

(Giải thưởng văn học Xta-lin 1946)

Tái bản

Ngọc Kỳ và Trần Luân Kim dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN – 2004

Dịch theo bản Nga văn của
Nhà xuất bản "Văn nghệ"
Mát-xcơ-va 1964
và bản Trung văn của Nhà xuất bản
"Nhân dân văn học" Bắc-kinh 1959.

LỜI GIỚI THIỆU

Có những cuốn sách mà ngay từ thời còn nhỏ nó đã trở thành người bạn thân thiết của ta và sau đó nó cứ tồn tại trong suốt cả đời mình. Cuốn tiểu thuyết "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *của Vê-ni-a-min A-lếch-xan-đrơ-vích Ca-vê-rin, một nhà văn, nhà báo nổi tiếng của Liên Xô là một cuốn sách như vậy. Không phải ngẫu nhiên mà từ Nhà xuất bản Văn học Thiếu nhi, đến Nhà xuất bản Đội Cận vệ thanh niên, Nhà xuất bản Văn học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia và hàng chục Nhà xuất bản khác ở Liên Xô đã in đi in lại cuốn tiểu thuyết này tới bốn, năm chục lần, mỗi lần hàng chục vạn bản* (1).

Ca-vê-rin sinh năm 1902. Từ ngày còn theo học ở trường trung học, ông đã say mê văn học và bắt đầu làm thơ. Năm 1919 ông học ở trường Đại học Tổng hợp Mát-xcơ-va; năm 1920 chuyển sang học ở trường Đại học Tổng

---

(1) Tác phẩm này in lần đầu tiên trên tạp chí "Ngọn lửa" năm 1938 – 1939. Nhà xuất bản Văn học Thiếu nhi thuộc Bộ Giáo dục nước Cộng hòa liên bang Nga in thành sách năm 1940.

hợp Lê-nin-grát và đồng thời còn tham gia nghiên cứu tiếng Ả-rập – trong Học viện Ngôn ngữ Phương Đông. Giữa lúc đó "Câu lạc bộ văn học" Lê-nin-grát tổ chức cuộc thi văn cho các cây bút thanh niên, Ca-vê-rin đã tham gia với cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình, cuốn "Cây số thứ 11". Truyện này đã được Mác-xim Goóc-ki rất thích và khen ngợi. Từ đó trở đi Ca-vê-rin thường xuyên được sự chỉ đạo và giúp đỡ của nhà văn cách mạng vĩ đại đó.

Trong thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, Ca-vê-rin đã công tác trên hạm đội Phương Bắc, đồng thời làm phóng viên cho tờ báo "Tin tức" và đã được tặng thưởng "Huy chương cờ đỏ".

Thời kỳ đầu, phần lớn những tác phẩm của Ca-vê-rin là những cuốn tiểu thuyết ảo tưởng; sau đó ông chuyển sang đề tài bộ mặt tinh thần và quá trình trưởng thành của thanh niên trong thời đại Xô Viết. Tiểu thuyết của ông khá nhiều, có hơn tám quyển lớn và nhiều cuốn đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài.

"THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *là cuốn tiểu thuyết dài nổi tiếng nhất của Ca-vê-rin. Tác phẩm kể lại câu chuyện về chiếc tầu thám hiểm "Xanh Ma-ri" của nước Nga trước cách mạng tháng Mười, về thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp và đội thám hiểm do ông lãnh đạo đã bị mất tích ở vùng Bắc cực và về chuyện đại úy không quân Liên Xô A-lếch-xan-đrơ Gri-gô-ri-ép sau ngày Cách mạng đã đi tìm đội thám hiểm đó. Câu chuyện kéo dài trong hơn ba mươi năm, qua những tình tiết phức tạp, tinh tế, tác giả đã biểu hiện vô cùng sắc nét ý chí kiên cường và*

tinh thần cao thượng của thanh niên Liên Xô. Sau khi xuất bản, cuốn tiểu thuyết đã lôi cuốn người đọc mãnh liệt. Năm 1946 "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *đã được tặng giải thưởng văn học Xta-lin. Hiện nay* "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *vẫn là một trong số tác phẩm được nhân dân và thanh thiếu niên Liên Xô yêu thích nhất.*

Về giá trị của tác phẩm, nhà phê bình văn học V. Anhen-cốp đã viết: "Gri-gô-ri-ép, nhân vật chính của "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *đã trở thành tấm gương cho nhiều người. Không phải ngẫu nhiên mà một thanh niên nước ngoài đã viết:* "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *đã đặt vào tay anh một vũ khí sắc bén. Vũ khí ấy là "Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng!"*

Tính chất lãng mạn của lao động sáng tạo, của phát minh khoa học, tính chất lãng mạn của dũng cảm và chiến công là động cơ của tư tưởng và tình cảm trong những nhân vật tốt đẹp nhất của Ca-vê-rin".

Theo nhà phê bình văn học G.Trê-phi-lô-va thì "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *đã liên tiếp góp phần đào tạo thế hệ thanh niên cùng thời đại với nhân vật của nó...* "THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY" *được tính trong số những cuốn sách văn học Xô Viết đặc biệt được yêu thích, đặc biệt được phổ biến rộng rãi trong quần chúng, những cuốn sách ấy xuất sắc ở điểm là mọi người đều "mê".*

Và theo ý kiến của Viện văn học thế giới mang tên Lê-nin thì "Cuốn tiểu thuyết "THUYỀN TRƯỞNG VÀ

ĐẠI ÚY" *của Ca-vê-rin đầy tinh thần dũng cảm, bền bỉ, dám nghĩ, dám làm. Nó đã trở thành một trong những cuốn sách được thanh thiếu niên Liên Xô yêu thích nhất".*

Tóm lại đây là một tác phẩm văn học lớn, một cuốn tiểu thuyết có nội dung giáo dục rất cao, có sức hấp dẫn mãnh liệt.

Hấp dẫn, không chỉ vì nó ly kỳ, dồn dập, cái gì cũng mới lạ, mà còn do nội dung tư tưởng, do số phận và cá tính của các nhân vật chính, do lời văn trong sáng, tươi mát và phong phú của nó.

Xin trân trọng giới thiệu với toàn thể các bạn nam nữ thanh niên và các em thiếu niên lớn tuổi .

Hà Nội, mùa xuân năm 1974

Ngọc Kỳ

Phần thứ nhất

THỜI THƠ ẤU

Chương 1

Lá thư - đi câu tôm biếc

Tôi còn nhớ mãi cái sân rộng thênh thang nhưng bẩn thỉu và những căn nhà thấp bé có hàng rào bao bọc ấy. Cái sân ở ngay cạnh một con sông và cứ mùa xuân đến khi băng tuyết tan, nước rút đi là trên sân lại đầy những củi rác và vỏ sò, đôi khi còn có cả những vật rất hiếm thấy. Chẳng hạn như có lần chúng tôi vớ được một cái túi chặt ních những bì thư. Sau đó nước sông lại đưa đến và nhẹ nhàng đẩy luôn chính cái người đưa thư ấy vào bờ. Anh ta nằm ngửa, hai tay giơ lên như muốn che nắng. Người này còn trẻ lắm, tóc vàng hoe, những chiếc khuy đồng trên áo vét kín cổ sáng lóng lánh – có lẽ trước khi đi đưa chuyến thư cuối cùng này anh ta vừa mới đánh khuy bằng phấn.

Người cảnh sát mang cái túi đi. Vứt lại bó thư bên trong đã bị nước ngấm ướt sũng. Dì Đa-sa nhặt đem về nhà. Chắc là túi đựng thư còn mới lại làm bằng da và nắp đậy rất khít nên những bức thư bên trong vẫn còn xem được. Mỗi buổi tối dì Đa-sa lại đọc lên một bức thư, có khi dì chỉ đọc cho mình tôi nghe, có khi cả xóm cùng nghe. Việc đó thú vị đến nỗi cả các bà già thường đến

nhà ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp chơi bài cũng bỏ đấy đến nhập bọn với chúng tôi. Trong số thư ấy có một bức được dì Đa-sa hay đọc nhất đến nỗi sau này tôi đã thuộc lòng. Từ đó đến nay bao nhiêu năm tháng đã trôi qua mà tôi vẫn còn thuộc từ đầu đến cuối.

"*Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na kính mến!*

Trước hết xin báo tin để bà rõ là ông I-van Li-vô-vích hãy còn sống và khỏe mạnh. Cách đây bốn tháng, theo lệnh của ông, tôi đã rời khỏi chiếc tầu buồm cùng mười ba người nữa trong đội thủy thủ. Tôi hy vọng chẳng bao lâu nữa sẽ được gặp bà, nên tôi sẽ không viết tỉ mỉ về chuyến đi gian nan này của chúng tôi trên những núi băng trôi về đất Phơ-ran-xơ I-ô-xíp. Chúng tôi đã phải chịu đựng mọi nguy nan và gian khổ khôn lường. Tôi chỉ muốn nói với bà một điều là trong cả nhóm chỉ còn mình tôi đến được mũi Phơ-lo-ra một cách an toàn (nếu không kể đến đôi chân cứng dại vì băng giá). Chiếc tàu "Xanh Phô-ca" thuộc đội thám hiểm của trung úy Xê-đốp đã cứu tôi và đưa về Ác-khan-ghen-xcơ. Tôi được sống sót nhưng có lẽ phải lấy làm tiếc về điều đó vì một ngày gần đây tôi sẽ phải cưa chân và sau đó thì chỉ còn biết trông chờ ở lòng nhân từ của Chúa. Tôi không biết sẽ sống ra sao khi không còn chân nào nữa. Dưới đây tôi xin báo để bà biết: chiếc tàu "Xanh Ma-ri" bị nghẽn băng ở ngoài biển Ca-ra và từ tháng Mười năm 1912 nó không ngừng di chuyển lên phía Bắc cùng với những tảng băng Bắc cực. Khi chúng tôi rời khỏi chiếc tàu buồm thì nó ở vĩ độ 82°55'. Nó nằm nguyên giữa biển băng hay nói cho đúng hơn thì từ mùa thu năm 1912 nó còn nằm nguyên ở đó cho đến khi chúng tôi đi khỏi. Rất có thể nó sẽ đi được trong năm nay, nhưng theo ý tôi thì có lẽ phải đến sang năm, khi nó trôi đến gần chỗ mà chiếc tàu "Phơ-ram" đã được giải thoát, nó mới có khả năng thoát ra khỏi biển băng ấy. Lương thực còn cho những

người ở lại trên tàu đủ dùng đến tháng Mười hoặc tháng Mười một sang năm. Dù thế nào đi nữa cũng xin bà tin cho rằng chúng tôi rời khỏi tàu không phải vì nó ở vào tình thế tuyệt vọng. Tất nhiên tôi phải chấp hành lệnh của Thuyền trưởng, song cũng xin thú thật rằng lệnh đó của ông rất phù hợp với nguyện vọng riêng của tôi. Khi tôi cùng với mười ba thủy thủ rời khỏi tàu thì ông I-van Li-vô-vích có nhờ tôi chuyển một gói niêm phong cho Ngài Cục trưởng Cục Địa lý thủy văn hiện đã quá cố và một phong thư cho bà. Tôi không dám mạo hiểm gửi bưu điện những thứ ấy bởi vì hiện nay chỉ mình tôi còn sống, tôi phải thận trọng tất cả những gì làm bằng chứng cho hành vi chính trực của mình. Do đó xin bà phái người hoặc bà đích thân đến Ác-khan-ghen-xcơ để nhận các thứ trên, bởi vì tôi còn phải nằm ở nhà thương này ít nhất cũng là ba tháng nữa. Tôi mong thư trả lời của bà.

Xin gửi bà lời chào kính trọng và luôn luôn sẵn sàng hầu bà.

Hoa tiêu tàu viễn hành

I. Cơ-li-mốp"

Địa chỉ đề thư đã bị nước thấm nhòe nhưng vẫn còn có thể thấy được, địa chỉ ấy cũng viết bằng nét chữ cứng cáp, thẳng tắp trên chiếc phong bì giấy dày đã ngả màu vàng.

Đối với tôi, bức thư ấy cứ như một thứ kinh cầu nguyện – tối nào tôi cũng nhẩm đi nhẩm lại trong lúc chờ cha tôi đi làm về.

Cha tôi ở bến tàu về rất khuya. Giờ đây tàu thủy ra vào hàng ngày và không chở đay gai, bột mì như trước nữa mà toàn chở những hòm đạn và phụ tùng súng ống nặng trình trịch.

Cha tôi người đẫy đà, vạm vỡ, ria mép rậm, đầu đội chiếc mũ dạ con và mặc quần vải bạt. Mẹ tôi nói luôn mồm còn cha thì cứ lặng thinh ngồi ăn, thỉnh thoảng ho vài tiếng và vuốt bộ ria. Sau

đó cha dắt các con – tôi và em gái tôi – lên giường đi ngủ. Từ người cha tỏa ra mùi bao tải, khi thì mùi táo, mùi bột mì, có khi lại là mùi hôi của dầu máy. Tôi còn nhớ cái mùi đó đã làm cho tôi phát ngán.

Có lẽ chính trong cái đêm bất hạnh ấy khi nằm cạnh cha tôi, lần đầu tiên tôi đã nhận xét một cách có ý thức về tất cả mọi vật chung quanh. Một căn phòng nhỏ hẹp với cái trần thấp lè tè dán giấy báo. Bên dưới cửa sổ có một khe hở lớn và qua đó gió từ ngoài sông lùa vào. Đó là ngôi nhà của chúng tôi. Một người đàn bà xinh đẹp, da ngăm đen để xõa tóc đang nằm ngủ trên hai chiếc bao tải nhét đầy rơm đặt dưới đất, đó là mẹ tôi. Đôi bàn chân trẻ con nhỏ bé thò ra ngoài cái chăn rách tả tơi, đó là chân em gái tôi. Một thằng bé gày gò đen đủi, mặc chiếc quần rộng thùng thình, run rẩy bò từ trên giường xuống và rón rén đi ra sân – đó là tôi.

*

* *

Địa điểm thích hợp đã được chọn sẵn. Dây dợ chuẩn bị đầy đủ rồi, đến cả củi khô cũng đã chất đống sẵn ở cạnh Prô-lôm, chỉ còn thiếu có miếng thịt thiu nữa là có thể đi câu tôm biếc được thôi. Đáy con sông ở chỗ chúng tôi màu sắc sặc sỡ cho nên tôm ở đây cũng lắm mầu nhiều vẻ. Con thì đen, con thì xanh màu lá cây, con thì vàng. Những loại tôm này cứ đốt lửa lên là chúng sẽ đến và dùng nhái con con làm mồi mà câu cũng được. Nhưng còn tôm biếc thì chỉ có thịt thiu mới câu được. Về điểm này, tất cả bọn trẻ con đều khẳng định như vậy. Mãi hôm qua mới gặp may: tôi xoáy được của mẹ tôi một miếng thịt, đem ra phơi nắng suốt một ngày. Bây giờ nó đã thối rữa ra rồi, chẳng cần phải cầm cũng đã thấy rõ.

Tôi chạy thật nhanh dọc theo bờ sông đến Prô-lôm. Ở đây đã chất sẵn củi để đốt lửa. Từ xa đã có thể nhìn thấy hai cái tháp: bờ bên này là tháp Pô-crốp-xcai-a, còn bờ bên kia là tháp Xpát-xcai-a. Sau khi nổ ra chiến tranh, tháp Xpát-xcai-a được dùng làm kho chứa da của quân đội. Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp quả quyết rằng ngày xưa trong tháp Xpát-xcai-a có ma và chính mắt cậu ta đã nhìn thấy lũ ma bơi từ bờ bên kia sông sang bờ bên này của chúng tôi. Sau khi sang sông, lũ ma đánh đắm thuyền đi và kéo nhau vào sống ở trong tháp Pô-crốp-xcai-a. Cậu ấy còn cam đoan rằng lũ ma rất thích hút thuốc lá và uống rượu. Đầu chúng nhọn hoắt và trong bọn chúng có nhiều đứa thọt chân bởi vì chúng rơi từ trên trời xuống. Lũ ma ở trong tháp Pô-crốp-xcai-a ngày càng sinh sôi nảy nở và mỗi khi đẹp trời là chúng lại lẻn vào bờ ăn cắp thuốc lá của những người đánh cá buộc vào lưới để cúng thủy thần.

Tóm lại là khi tôi nhìn thấy một bóng đen gày gò ở chỗ bức tường hổng trong lúc đang thổi lửa thì tôi cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên cả.

- Nhóc con, mày làm gì ở đây! - Con ma hỏi tôi y như người vậy.

Nếu lúc đó tôi nói được tôi cũng không trả lời nó. Tôi cứ nhìn nó trừng trừng và run bắn người lên.

Đúng vào lúc đó mặt trăng ló ra khỏi đám mây nên có thể nhìn thấy người lính canh đang đi lại chung quanh kho chứa da của quân đội ở bờ sông bên kia, dáng to lớn, đẫy đà, lưng đeo khẩu súng trường chĩa nòng lên trời.

- Câu tôm à?

"Con ma" nhẹ nhàng nhẩy xuống và đến ngồi bên đống lửa.

- Sao cứ câm như hến thế, thằng ngốc? - Nó hỏi lại, giọng cục cằn.

Không, đó không phải là ma! Đó chính là một người gày còm hốc hác, đầu không mũ, Gã cầm cái gậy con, luôn tay đập gậy vào chân mình. Tôi không nhìn kỹ mặt gã, nhưng tôi cũng nhận ra ngay là gã mặc có mỗi chiếc áo vét lên mình trần và dùng một chiếc khăn choàng thay cho áo sơ-mi.

- Sao, mày không muốn nói chuyện với tao à, thằng khốn? – gã lấy gậy chọc chọc vào người tôi mấy cái. - Thế nào, trả lời đi! Trả lời đi! Không thì...

Không đứng dậy, gã nắm luôn lấy chân tôi kéo tới chỗ gã. Tôi ú ớ.

- À, thì ra mày vừa câm vừa điếc!

Gã bỏ tôi ra và cứ ngồi mãi, tay cầm gậy chọc vào đống than.

- Cái thành phố hay thật, - gã nói vẻ chán chường. - Nhà nào cũng có chó; bọn cảnh sát như bầy thú dữ. Một lũ ăn tôm khốn kiếp!

Gã bắt đầu chửi rủa.

Nếu tôi biết sau đó một tiếng đồng hồ việc gì sẽ xảy ra thì dù tôi không thể nói lại với người khác một lời nào, tôi cũng sẽ cố gắng nhớ lấy tất cả những lời gã nói. Gã chửi rủa mãi, thậm chí nghiến răng nghiến lợi lại mà nhổ một bãi nước bọt vào đống lửa. Sau đó gã im lặng ngửa đầu lên ngồi bó gối. Tôi liếc nhìn và nếu gã không đáng ghét như vậy thì có lẽ tôi cũng đã thương hại gã.

Bỗng gã đứng phắt dậy. Vài phút sau gã đã ở trên chiếc cầu phao - chiếc cầu này do quân lính mới bắc - sau đó thoáng thấy bóng gã bên bờ bên kia rồi mất hút.

Đống lửa của tôi tắm ngấm. Nhưng dù không có ánh lửa tôi vẫn thấy rõ là tôi đã câu được rất nhiều tôm, nhưng trong đó không có con tôm biếc nào cả. Toàn là những con tôm đen thông thường chẳng lấy gì làm to lắm. Đem những con tôm này đến bán ở quán rượu chỉ được một cô-pếch[1] một đôi.

Gió lạnh từ đâu phía sau thổi tới cứ lùa vào ống quần của tôi, tôi bắt đầu thấy lạnh cóng. Phải về thôi! Lần cuối cùng tôi quăng dây câu có sẵn mồi thịt thiu xuống nước thì thấy người lính gác ở bờ sông bên kia đang chạy xuống dốc. Tháp Xp-át-xcai-a đứng sừng sững trên con sông. Từ tháp đến bờ sông là một cái dốc rải đá. Trăng sáng vằng vặc, trên dốc chẳng có một bóng người nào cả. Vậy mà không hiểu tại sao người lính gác lại vừa chạy vừa bỏ súng ra khỏi vai.

- Đứng lại!

Người lính không bắn mà chỉ lên đạn. Ngay lúc đó tôi nhìn thấy rõ người đang bị rượt theo trên cầu phao. Sở dĩ tôi phải viết thận trọng như thế là vì cho đến giờ tôi cũng không dám khẳng định rằng đó chính là người trước đây một tiếng đồng hồ đã ngồi bên cạnh đống lửa của tôi. Song hình như giờ đây tôi vẫn còn nhìn thấy cái cảnh thế này: bờ sông tĩnh mịch, con đường sáng ánh trăng như rộng thêm ra chạy thẳng từ chỗ tôi đến những chiếc xà-lan đầu cầu phao và hai cái bóng đen dài của những người đang chạy trên cầu.

Người lính gác chạy nặng nề và có một lần phải đứng lại để thở. Song người chạy trước rõ ràng lại còn nhọc nhằn hơn, bởi vì có lúc bỗng nhiên gã ngồi thụp xuống bên thành cầu. Người lính gác chạy tới chỗ gã, thình lình kêu lên một tiếng rồi ngã vật ra

(1) Một rúp có 100 cô-pếch. - N.D.

đằng sau - có lẽ bị đánh bất ngờ từ dưới lên. Người lính nằm vắt trên thành cầu rồi từ từ tuột xuống. Lúc đó tên hung thủ đã biến mất sau bức tường pháo đài.

Không hiểu tại sao đêm hôm đó lại không có ai canh gác cầu phao: trong chòi gác trống không mà chung quanh cũng chẳng có người nào. Chỉ có mỗi mình người lính gác nằm nghiêng ở đó, hai tay vươn ra phía trước. Một miếng da bỗng to tướng văng ra bên cạnh. Lúc tôi sợ quá run bắn người lên đi đến gần thì thấy người lính ngáp một cách chậm chạp. Sau nhiều năm tôi mới biết rằng có nhiều người cũng ngáp trước khi chết. Đoạn người lính thở một hơi rõ dài, dường như khoan khoái, rồi tất cả lại trở nên tĩnh mịch.

Chẳng biết làm gì hơn, tôi cúi xuống nhìn rồi chạy đến chòi gác xem – lúc đó tôi mới biết trong chòi gác không có người, thế là tôi lại quay về chỗ người lính. Tôi không kêu lên được không phải vì hồi ấy tôi bị câm mà chính là vì sợ quá. Đúng lúc ấy từ trên bờ có tiếng người nói, tôi cắm đầu chạy về chỗ câu tôm vừa rồi. Sau này tôi cũng chẳng bao giờ lại chạy nhanh đến thế, thở không ra hơi, đau tức cả ngực. Tôi cũng chẳng kịp lấy cỏ đậy giỏ tôm vì khi về đến nhà thì tôm rơi mất một nửa. Lúc đó còn chú ý gì đến tôm nữa!

Tôi lẳng lặng hé cửa, tim đập thình thịch. Trong gian phòng duy nhất của chúng tôi tối om om, mọi người đang ngủ ngon lành chẳng ai biết tôi lén ra đi rồi lại trở về. Một phút sau tôi lại nằm lên chỗ cũ cạnh cha tôi. Nhưng mãi tôi vẫn không tài nào chợp mắt được. Trước mắt tôi, lại hiện ra chiếc cầu phao dưới ánh trăng vằng vặc và hai cái bóng đen dài đang chạy.

Chương 2

Cha

Sáng hôm sau có hai chuyện làm cho tôi rất buồn.

Chuyện thứ nhất là mẹ tôi đã phát hiện thấy tôm và đã đem luộc hết. Thế là hai mươi cô-pếch của tôi coi như đi tong, hy vọng mua lưỡi câu và con cá mồi[1] mới cũng tiêu tan. Chuyện thứ hai là tôi đánh mất con dao nhíp. Thực ra thì con dao này là của cha tôi, vì lưỡi dao bị gãy nên cha mới cho tôi. Tôi đã đi tìm khắp trong nhà, ngoài sân mà chẳng thấy, tựa như nó đã chui tọt xuống đất mất tăm.

Tôi loay hoay như thế cho đến tận mười hai giờ là lúc tôi phải mang cơm trưa ra bến tàu cho cha tôi. Đem cơm trưa cho cha là nhiệm vụ của tôi và tôi rất tự hào về nhiệm vụ này.

Hiện nay bến tàu ở bờ sông bên kia, còn bờ bên này là con đường phố lớn hai bên trồng bồ đề. Cho đến nay những cây bồ đề này vẫn được cả thành phố chúng tôi yêu thích. Hôm đó, khi tôi xách cái túi đựng hộp canh đỗ và khoai tây mang đến cho cha tôi

---

(1) Cá mồi là con cá làm bằng kim loại sáng lóng lánh bên dưới mắc lưỡi câu dử cá đến ăn mồi sẽ mắc lưỡi câu. - N.D.

thì thấy trên đại lộ này có rất nhiều lán cho công nhân, dọc theo tường pháo dài có những bao tải và túi vải đựng bột mì chất cao từng đống; những tấm gỗ to rộng bắc từ xà lan lên bờ, những người công nhân khuân vác luôn miệng hét: "Tránh ra này"! – Họ đẩy những chiếc xe gỗ chất đầy hàng chạy từ xà lan xuống. Tôi còn nhớ nước sông ở bến tàu nổi váng ánh lên nhiều màu sặc sỡ, những cái cọc gỗ để buộc tàu đã bị mòn vẹt, mùi cá tanh, mùi hắc ín, mùi bao tải lẫn lộn với nhau nồng nặc.

Lúc tôi tới bến tàu, mọi người vẫn còn đang làm việc. Có một chiếc xe đẩy bị kẹt bánh giữa khe ván cầu, làm cho việc đi lại từ xà lan lên bờ bị gián đoạn. Những người đằng sau chửi mắng ầm ĩ. Hai người đẩy xe nằm đè lên chiếc xà beng, ra sức bẩy chiếc xe bị kẹt bánh lên để đặt vào đường xe đi. Lúc đó cha tôi đủng đỉnh vòng qua người họ. Ông nói câu gì đó rồi cúi xuống... Tôi cứ nhớ mãi dáng điệu của cha lúc đó: khuôn mặt to tròn có ria rậm, đôi vai to rộng, cha nhấc chiếc xe đẩy chở đầy hàng rất nặng ấy lên một cách nhẹ nhàng. Sau này không bao giờ tôi còn được thấy cha tôi như thế nữa.

Cha vừa ăn cơm vừa nhìn tôi - "Thế nào, Xa-nhi-a?" - Lúc đó trên bến tàu hiện ra viên cảnh sát trưởng béo phị và ba tên cảnh sát nữa. Một tên gọi "ông bác" đến - mọi người đều gọi bác trùm phường bốc vác ở đây như vậy – và nói với bác điều gì đó. "Ông bác" hốt hoảng kêu lên một tiếng, làm dấu thánh giá rồi cả mấy người cùng đến chỗ chúng tôi.

- Anh là I-van Gri-gô-ri-ép? - Tên cảnh sát trưởng hỏi và đưa thanh kiếm ra sau lưng.

- Chính tôi.

- Bắt lấy hắn! - Tên cảnh sát trưởng hét lên, mặt tím bầm. - Hắn bị bắt!

Mọi người xôn xao. Cha tôi đứng dậy. Tất cả lặng im.

- Vì sao?

- Tội gì thì đến chỗ tao mày sẽ rõ! Bắt hắn đi!

Bọn cảnh sát đi đến chỗ cha tôi và túm lấy hai tay. Cha tôi khẽ lắc vai một cái – bọn chúng nhảy lùi lại mấy bước, một tên cảnh sát vội vàng rút kiếm.

- Bẩm quan lớn, thế này là thế nào ạ? - Cha hỏi. - Vì sao lại bắt tôi? Tôi chẳng phải là ai xa lạ, mọi người đều biết tôi.

- Không đâu, chú mày ạ, mọi người còn chưa biết hết về chú mày đâu, - tên cảnh sát trưởng bác lời. - Mày là quân ăn cướp. Giải hắn đi!

Bọn cảnh sát lại vây lấy cha tôi.

- Này thằng ngốc, đừng có ngoe nguẩy cái con cá mòi ấy, - cha khẽ nói qua kẽ răng với tên cảnh sát vừa rút kiếm ra. - Bẩm quan, tôi là người có nhà có cửa, tôi làm việc ở bến tàu này đã hai mươi năm nay. Tôi đã làm điều gì xấu xin ngài nói hết cả ra để cho mọi người đều biết, rốt cuộc tôi đã phạm tội gì mà bị bắt. Nếu không mọi người sẽ cho tôi là kẻ cướp thật!

- Hừ, mày còn giả vờ hả, làm như ông thánh ấy! - Tên cảnh sát trưởng hét lên. - Tao còn lạ gì chúng mày! Nào! Hừ!

Bọn cảnh sát có vẻ còn lưỡng lự.

- Nào!

- Thưa quan, hãy chờ cho một tí, tôi sẽ tự đi được, - cha nói. - Xa-nhi-a... - Cha cúi xuống bảo tôi, - Xa-nhi-a, chạy mau về nhà báo cho mẹ... À, tao quên mất, mày là...

Cha tôi muốn nói rằng tôi bị câm, nhưng Người lại im. Từ xưa đến nay chưa bao giờ cha nói đến tiếng này. Như thể cha tôi

vẫn còn hy vọng rằng có một ngày nào đó tôi sẽ nói được. Ông nín lặng và nhìn chung quanh.

- Tôi sẽ dẫn nó về, ông I-van ạ, - bác trùm phường nói. - Ông cứ yên tâm.

- Bác Mi-sa, bác đi hộ nhé. À, còn... - Cha tôi rút ra ba rúp đưa cho bác trùm phường. – Nhờ bác chuyển cho nhà tôi. Thôi, xin từ biệt!

Mọi người đồng thanh chào lại cha tôi.

Ông xoa đầu tôi và nói:

- Đừng khóc, Xa-nhi-a!

Thế mà tôi không biết là mình đang khóc.

Giờ đây tôi nhớ lại cảnh khi mẹ tôi biết tin cha tôi bị bắt mà rùng mình. Mẹ không khóc, nhưng khi bác trùm phường vừa đi khỏi, mẹ liền ngồi lên giường, nghiến chặt răng mà đập mạnh đầu vào tường. Tôi và em gái khóc rống lên mà mẹ tôi cũng không ngoái cổ lại. Bà lắp bắp nói gì đó và cứ đập đầu vào tường. Sau đó mẹ tôi đứng dậy, chùm khăn lên đầu rồi đi ra ngoài.

Dì Đa-sa lo liệu cho chúng tôi suốt ngày hôm đó. Chúng tôi đi ngủ. Thực ra chỉ có em gái tôi ngủ thôi, còn tôi nằm đấy, hai mắt mở thao láo và suy nghĩ... Trước hết là nghĩ về cha tôi, nhớ lại lúc ông chào từ biệt mọi người. Rồi tôi lại nghĩ đến tên cảnh sát trưởng béo phị, nghĩ đến thằng con trai nó mặc quần áo lính thủy. Tôi đã nhìn thấy thằng bé ấy ở trong vườn nhà tỉnh trưởng. Rồi tôi lại nghĩ đến chiếc xe đạp ba bánh của nó. Thằng bé này thường đi chiếc xe đạp ấy, - giá tôi mà có được chiếc xe đạp con ấy! - Cuối cùng khi mẹ tôi về thì tôi chẳng nghĩ gì nữa. Mẹ tôi bước vào nhà, người đen xạm, gày tọp đi và dì Đa-sa chạy đến chỗ mẹ...

Không hiểu sao tự nhiên tôi lại cảm thấy hình như cha tôi đã bị cảnh sát chém chết. Tôi nằm yên bất động như vậy hồi lâu, đau đớn lặng người đi và chẳng nghe thấy gì nữa. Sau đó tôi mới rõ là cha còn sống, nhưng bọn cảnh sát không cho mẹ tôi vào gặp ông. Mẹ nhắc đi nhắc lại ba lần rằng cha bị bắt vì tội giết người, – ban đêm người lính gác bị giết trên chiếc cầu phao. - Bây giờ tôi mới đoán rằng cái đêm mà mẹ nói chính là đêm vừa qua, còn người lính gác là người lính gác ấy và cái cầu phao cũng chính là cái cầu phao mà người lính gác nằm duỗi hai tay ra. Tôi vùng bật dậy chạy bổ đến chỗ mẹ và hét ầm lên. Mẹ ôm chặt lấy tôi: có lẽ mẹ tưởng là tôi sợ quá. Nhưng đấy chính là tôi đang "nói" đấy...

Trời, giá mà lúc đó tôi không bị câm!

Tôi rất muốn nói lại toàn bộ câu chuyện. Tôi đã lén chạy ra câu tôm ở sông Pét-trin-ca như thế nào, đã nhìn thấy một con người bất chính tay cầm cây gậy từ chỗ lỗ hổng của bức tường quanh pháo đài đi ra và hắn đã nghiến răng nghiến lợi chửi bới như thế nào, sau đó hắn nhổ một bãi nước bọt như thế nào vào đống lửa rồi chuồn ra sao. Song đối với một đứa trẻ lên tám tuổi bập bẹ chỉ biết nói được đôi ba tiếng ú ớ thì việc kể lại những điều đó thật là một việc làm quá khó khăn.

- Bọn trẻ sợ hết hồn rồi! – dì Đa-sa thở dài.

Khi đó tôi im tiếng và nhìn mẹ tôi, tưởng rằng bây giờ thì tất cả đã rõ ràng.

- Không, hình như nó muốn nói gì. Con có biết chuyện gì không, hở Xa-nhi-a?

Ôi, giá như tôi không bị câm! Tôi bắt đầu thuật lại, dùng tay ra hiệu... Mẹ là người hiểu tôi hơn ai hết thế mà lần này tôi lại hoàn toàn thất vọng vì thấy rằng chính mẹ cũng không hiểu

được tí gì cả. Hiểu thế nào được! Sự việc xảy ra trên cầu phao làm sao mà giống được cái cảnh một thằng bé gày còm đen đủi, trên mình chỉ mặc mỗi chiếc sơ-mi đang lồng lộn chạy quanh nhà, khi thì nằm lăn ra giường ý muốn nói rằng đêm ấy cha đã ngủ say như thế nào, khi lại nhảy lên ghế, giơ hai nắm tay lên trước mặt dì Đa-sa đang chẳng hiểu đầu đuôi ra sao.

Cuối cùng dì Đa-sa làm dấu thánh cho tôi.

- Tụi trẻ con đã đánh nó.

Tôi lắc đầu.

- Nó đang kể lại chuyện cha nó bị bắt đấy, - mẹ nói. - Kể lại chuyện bọn cảnh sát đã xông vào đánh cha nó. Có đúng không, Xa-nhi-a?

Tôi không nhịn được nữa, gục đầu lên đùi mẹ khóc òa lên. Mẹ bế tôi lên giường tôi nằm mãi lắng nghe xem hai người nói những gì và suy nghĩ xem làm thế nào có thể nói lên được điều bí mât phi thường này của tôi.

Chương 3

Chạy chọt

Nếu sáng hôm sau mẹ tôi không ốm thì chắc chắn tôi sẽ tìm được cách trình bày cho ra sự việc này. Xưa nay mẹ tôi vốn là người thất thường, nhưng kỳ lạ như lần này thì tôi chưa bao giờ thấy.

Trước đây khi nào mẹ đột nhiên đứng cạnh cửa sổ hàng tiếng đồng hồ hoặc đang đêm mà mẹ nhảy từ trên giường xuống, mình mặc mỗi chiếc áo cánh ngồi cạnh bàn suốt đêm là cha phải đưa mẹ về nhà quê nghỉ mấy ngày và lúc mẹ trở lại là sức khỏe bình thường rồi. Giờ đây không có cha ở nhà, vả lại vị tất những chuyến đi như thế còn ích lợi gì cho mẹ tôi nữa.

Mẹ đứng ở cửa, tóc buông xõa, chân đi đất, dù có người đi bên cạnh mẹ tôi vào nhà, bà cũng chẳng ngoảnh lại. Mẹ tôi cứ nín thinh, thỉnh thoảng mới ngơ ngác nói dăm ba tiếng.

Hình như mẹ sợ tôi. Mỗi khi tôi "nói chuyện" là mẹ lại bịt chặt lấy tai. Vẻ mặt đau đớn. Có khi mẹ lấy tay dụi mắt, day trán, hình như cố nhớ lại điều gì. Khi dì Đa-sa khuyên dỗ, mẹ

quay mặt lại, lặng thinh gườm gườm nhìn dì bằng đôi mắt đen nháy đáng sợ làm cho dì Đa-sa phải kín đáo làm dấu thánh...

Phải đến hai tuần lễ mẹ mới hoàn hồn. Tuy còn ngơ ngác nhưng mẹ đã bắt đầu nói chuyện, đi ra khỏi nhà và đã làm việc. Giờ đây càng ngày mẹ càng hay nói đến chữ "phải chạy chọt". Đầu tiên ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nói câu đó, rồi dì Đa-sa cũng nói. Sau đó thì mọi người trong cả xóm đều nói như vậy: phải "chạy chọt". Tôi mơ màng cảm thấy cái từ này có liên quan gì đó với hiệu bán đồ chơi "Ơ-ri-ca" ở phố Xéc-ghi-ép-xcai-a có treo những bánh pháo[1] trên các cửa sổ.

Nhưng chẳng bao lâu tôi hiểu được nghĩa những chữ đó lại khác hẳn.

Hôm đó, mẹ dẫn chúng tôi – tôi và em gái – đi theo. Chúng tôi mang đơn kêu lên "tòa". "Tòa" là một ngôi nhà lớn tối om ở đằng sau quảng trường Ba-da-rơ-nai-a, bên trong hàng rào sắt rất cao.

Tôi đã mấy lần nhìn thấy những viên chức sáng sáng đến làm ở tòa. Tôi không biết tại sao lại nảy ra ý nghĩ kỳ quặc thế này: tôi cứ cho rằng họ sẽ ở lại trong tòa, rồi sáng hôm sau lại có những viên chức khác đến làm việc, và ngày thứ ba lại có những viên chức mới nữa, cứ thế mà tái diễn hàng ngày.

Tôi và em gái ngồi mãi trên chiếc ghế sắt ở ngoài hành lang cao tít và tối mò. Những người tùy phái của tòa tay cầm công văn chạy đi chạy lại, ra vào sập cửa thình thình. Sau đó mẹ quay ra dắt tay em gái và chúng tôi tất cả chạy vào. Ba mẹ con vào một căn phòng ngăn đôi. Tuy tôi không nom thấy mẹ đang nói chuyện với ai và cúi rạp đầu xuống chào ai, nhưng tôi nghe thấy một

(1) Trong tiếng Nga, chữ chạy chọt, lo việc (Khơ-lô-pốt-tư) và chữ bánh pháo (Khơ-lô-pút-sca) hơi giống nhau. - N.D.

giọng nói khô khan, lạnh nhạt của người nào đó. Thật đáng sợ là người đó nói đến những điều mà cả thế giới này chỉ mình tôi có thể giải đáp đến nơi đến chốn.

- Gri-gô-ri-ép I-van... - Tiếng giở những trang giấy sột soạt. - Điều 1454 về tội hình. Giết người một cách có ý thức. Thế nào bà, bà còn muốn nói gì nữa?

- Bẩm quan lớn, - mẹ nói giọng lạc đi, căng thẳng, - nhà tôi không có tội, không bao giờ ông ấy giết người.

- Tòa sẽ xét xử.

Tôi đứng kiễng chân từ lâu, nghển cổ lên cao đến nỗi đầu muốn rời ra, nhưng chỉ nhìn thấy qua bức vách gỗ một bàn tay có những ngón tay dài ngoẵng và gày đét đang cầm kính đung đưa.

- Bẩm quan lớn, - mẹ lại nói, - con muốn đệ lên tòa một lá đơn. Cả xóm con đều đã ký vào đây.

- Đơn thì có thể đưa được, nhưng phải nộp một rúp tiền tem.

- Đã nộp rồi đấy ạ. Bẩm quan lớn, con dao họ tìm thấy không phải của ông ấy.

Con dao? Tôi cứ tưởng mình nghe nhầm.

- Về việc này thì đã có lời khai của bị báo.

- Có lẽ ông ấy đã đánh rơi con dao ấy từ trước đó một tuần.

Tôi nhìn lên thấy môi mẹ tôi run run.

- Nếu thế thì người ta đã nhặt mất từ lâu rồi, thưa bà! Song le, tòa sẽ xét xử.

Từ lúc ấy tôi không còn nghe thấy gì nữa. Đến phút này tôi mới hiểu tại sao cha bị bắt. Không phải cha mà chính tôi đã đánh mất con dao ấy.

Con dao chuôi gỗ của thợ điện đã cũ. Con dao mà tôi đã tìm suốt cả buổi sáng sau vụ giết người. Con dao có thể rơi ở túi tôi ra khi tôi cúi xuống người lính gác ở trên cầu phao. Con dao mà thằng Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã dùng kính lúp để khắc tên tôi vào đó.

Giờ đây nhớ lại chuyện đó, tôi mới hiểu là dẫu tôi có kể ra được thì các viên chức nhà nước ngồi sau những cái vách gỗ cao trong tòa nhà lớn âm u ở tòa án En-xcơ lúc đó cũng chẳng thể nào tin ở lời tôi nói. Nhưng khi đó tôi lại không biết như thế. Tôi càng nghĩ lòng càng nặng trĩu. Như vậy có nghĩa là vì lỗi của tôi mà cha bị bắt; vì lỗi của tôi mà hiện nay cả nhà tôi bị đói; vì lỗi của tôi mà mẹ phải bán chiếc áo bành tô dạ mới mà mẹ đã ký cóp dành dụm suốt một năm trời mới mua được; vì lỗi của tôi mà mẹ phải đi đến tòa án, phải rạp đầu chào và nói chuyện giọng lạc hẳn đi với cái người mà tôi không thấy mặt có những ngón tay dài ngoẵng, gày đét và đáng sợ cầm cái kính đung đưa...

Chưa bao giờ tôi lại cảm thấy đau khổ ghê gớm về tật câm của mình đến như thế.

Chương 4

Về nông thôn

Những cái bè cuối cùng đã trôi xuôi hết. Đêm đêm mỗi khi tỉnh dậy tôi không còn nom thấy ánh đèn thấp thoáng trong những căn nhà nhỏ từ từ di động trên mặt sông nữa. Dòng sông trống trải, trong xóm trống trải, trong nhà cũng trống trải.

Sáng sớm khi chúng tôi còn đang ngủ, mẹ đã đi giặt thuê cho nhà thương. Tôi thường đến nhà Xcô-vô-rốt-ni-cốp và nghe ông già làu bàu chửi rủa.

Ông cụ đeo chiếc kính gọng sắt, tóc bạc trắng và rối bù. Ông ngồi khâu giày trên chiếc ghế da thấp ở trong gian bếp tối tăm bé nhỏ. Khi thì ông khâu giày, khi lại đan lưới, hoặc đẽo gọt những con chim, con ngựa con bằng gỗ hoàn diệp liễu để đem bán. Ông mang cái nghề thủ công đó - người ta gọi nó là nghề "đẽo ngựa giống" - từ quê ông ở vùng sông Von–ga tới.

Ông rất mến tôi - có lẽ là vì tôi là đối tượng duy nhất tiếp chuyện ông mà không bao giờ phản đối lại ông điều gì cả. Ông rủa các bác sĩ, bọn quan chức và lũ nhà buôn. Nhưng bị ông rủa thậm tệ nhất là các cha cố.

- Phàm là người thì sẽ chết, nhưng người đó có dám vì thế mà than phiền Chúa không? Cha cố nói rằng không. Nhưng tao nói rằng dám! Thế nào gọi là than phiền?

Tôi không biết thế nào là than phiền.

- Than phiền tức là bất mãn. Nhưng thế nào là bất mãn? Tức là mong muốn đạt được nhiều hơn là người ta dành cho mình. Cha cố nói: Như vậy không được. Tại sao?

Tôi không hiểu tại sao cả.

- Bởi vì "Đất cho các con ăn và các con lại đi vào đất".

Ông cười cay đắng.

- Nhưng đất thì cần cái gì? Đất chẳng cần nhiều hơn những gì người ta dành cho nó.

Tôi cứ suốt ngày ngồi chơi ở nhà ông. Cái gì ở đây tôi cũng thích. Cả những điều ông nói thật khó hiểu, cả tiếng cười đinh tai nhức óc đáng sợ của ông, làm cho tôi cứ phải đớ người ra mà nhìn ông.

Thế là đã mùa thu rồi. Thời gian gần đây lũ tôm cũng là một khoản thu nhập quan trọng trong kinh tế gia đình của chúng tôi, giờ đây chúng đã ẩn nấp vào hang cả rồi và những con nhái mồi câu của tôi không còn nhử chúng ra được nữa.

Chúng tôi bị đói và cuối cùng mẹ quyết định đưa tôi và em gái về quê.

Tôi không còn nhớ rõ lắm chuyến đi này chính vì cái tật cứ đớ người ra như tôi mới nói ở trên. Hồi bé tôi thường hay ngắm nghía, nghe ngóng và rất nhiều cái chẳng hiểu gì cả. Có những điều đơn giản nhất cũng làm tôi ngạc nhiên. Tôi cứ há hốc mồm ra mà tìm hiểu cái thế giới dần dần mở ra trước mắt tôi...

Giờ đây tôi đang chăm chú nhìn thằng bé đi soát vé ở trên tàu thủy. Cách đây hai tuần lễ người ta còn gọi nó là Min-ca và nó vẫn chơi khăng với thằng Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp trong sân khu nhà chúng tôi. Đương nhiên là nó không nhận ra tôi. Nó mặc chiếc áo xanh có bộ cúc áo lính thủy, trên mũ lưỡi trai của nó có thêu chữ "Nép-tuyn" - tên chiếc tàu thủy - nó đứng trên thang tàu, nhìn hành khách một cách dửng dưng. Thế là không còn cái gì khác làm tôi quan tâm nữa. Ngay cả vị thuyền trưởng thần bí – cũng là người lái con tàu, có thể nhìn thấy khuôn mặt đầy râu quai nón của ông ta ở gian buồng lái, – ngay cả tiếng máy nổ ầm ầm cũng chẳng làm cho tôi chú ý. Thằng Min-ca đã thu hút tôi. Suốt dọc đường tôi không rời mắt khỏi hắn. "Nép-tuyn" là chiếc tàu thủy nổi tiếng mà tôi vẫn hằng ao ước đi một chuyến. Biết bao lần chúng tôi chờ đợi nó trong khi tắm trên sông để lao người vào những đợt sóng. Giờ đây mọi chuyện đó chấm hết cả rồi. Tôi cứ mê mẩn nhìn thằng Min-ca cho đến xẩm tối, khi người thuyền trưởng râu quai nón kiêm lái tàu ra lệnh qua ống loa giọng khàn khàn: "Dừng lại, chạy lùi?" Phía dưới đuôi tàu nước sông nổi sóng cuồn cuộn, một thủy thủ khéo léo bắt lấy sợi dây chão ném tới.

Tôi chưa bao giờ sống ở nông thôn, nhưng tôi biết rằng cha tôi có nhà riêng ở làng và cạnh nhà có một khu vườn! Nhưng khi tôi biết đó chỉ là một cái vườn bỏ hoang rậm cỏ ở giữa có mấy cây táo già cỗi thì tôi thất vọng.

Khi cha tôi thừa kế tài sản này, ông mới có mười tám tuổi. Nhưng cha tôi không sống ở làng nên từ đó nhà bỏ hoang. Tóm lại ngôi nhà là của cha tôi nên tôi cứ tưởng nó cũng phải giống như ông, nghĩa là cũng phải rộng và chắc đậm như cha tôi. Tôi đã lầm to!

Đây là một ngôi nhà bé tí tẹo đã bị xiêu vẹo từ bao giờ và cho đến nay cứ ở tình trạng chênh vênh như thế. Nóc ngôi nhà bị võng xuống, cửa sổ vỡ toang, khung cửa bị gãy. Cái lò kiểu Nga trông bề ngoài khi chưa đốt lửa thì có vẻ tốt. Mấy chiếc ghế dài ám khói đen xì nằm dọc tường. Trong một góc nhà có treo tượng thánh và trên những mảnh gỗ tạc mình thánh bị ám knói lờ mờ khuôn mặt nào đó.

Dù sao thì đây cũng là ngôi nhà của chúng tôi. Thế là chúng tôi mở các khăn gói ra, nhồi rơm làm đệm giường, lắp lại kính cửa và bắt đầu sống ở đây.

Nhưng mẹ chỉ ở với chúng tôi độ ba tuần rồi lại về thành phố. Người thay mẹ trông nom chúng tôi là bà Pê-trốp-na – cô bố tôi và là "bà trẻ" chúng tôi. Bà rất tốt bụng mặc dù bà có râu ria bạc trắng khó mà quen mắt được. Có điều là chính bà lại cần có người trông nom. Thật vậy, suốt cả mùa đông tôi và em gái tôi đã trông nom bà, xách nước, đốt lò cho bà. Cũng may là căn nhà gỗ nhỏ của bà – tốt hơn ngôi nhà chúng tôi chút ít – ở ngay gần đấy.

Mùa đông này tôi và em gái rất gắn bó với nhau. Nó chưa đầy tám tuổi. Cả nhà tôi đều có tóc đen và nước da ngăm đen, nhưng em gái tôi lại rất trắng, có mái tóc quen tết thành đuôi sam và cặp mắt xanh biếc. Cả nhà tôi đều ít nói, nhất là mẹ tôi, song em gái tôi thì lại nói rất nhiều, nó cứ mở mắt là mở mồm. Tôi chưa bao giờ nom thấy em tôi khóc, song làm cho nó cười thì rất dễ. Cũng như tôi, tên tắt của nó là Xa-nhi-a, tôi là A-lếch-xan-đrơ, còn nó là A-lếch-xan-đra. Trước đây dì Đa-sa đã dạy nó học hát, thế là tối nào nó cũng hát những bài hát rất dài, giọng the thé nhưng rất nghiêm chỉnh nên nghe nó hát không tài nào nín cười được.

Mới hơn bảy tuổi mà em tôi rất đảm đang việc nhà. Kể ra thì công việc trong nhà chúng tôi cũng rất giản đơn: trên gác xép thì góc bên này là khoai tây, góc kia để củ cải, cải bắp, hành và muối. Còn bánh mì thì lấy ở nhà bếp Pê-trốp-na.

Hai đứa trẻ chúng tôi sống như vậy trong một ngôi nhà gỗ nhỏ bé trống trải ở một làng quê hẻo lánh ngập tuyết. Sáng sáng chúng tôi dẫm lên tuyết làm thành một con đường nhỏ đến nhà bà Pê-trốp-na. Chỉ buổi tối là đáng sợ: sao mà im lặng thế, tưởng chừng như có thể nghe thấy cả tiếng tuyết rơi rất nhẹ, và trong cảnh tĩnh mịch ấy bỗng có tiếng rít lên trong ống khói.

Chương 5

Ông bác sĩ I-van I-va-nứt. Tôi học nói

Một hôm chúng tôi vừa đi nằm và em tôi cũng vừa mới im mồm - bao giờ nó cũng ngủ đi ngay sau khi vừa nói dứt lời - thì cái tĩnh mịch thê lương lại ập đến, kế đó có tiếng gió rít trong ống khói rồi tôi bỗng nghe tiếng có ai gõ vào cửa sổ.

Đó là một người thân hình cao lớn, râu ria xồm xoàm, mình mặc chiếc áo bơ-lu-dông da, đầu đội mũ bịt tai. Ông ta bị rét cóng đến nỗi khi tôi châm đèn và mở cửa cho ông vào thì ông không còn đủ sức để đóng cửa lại nữa. Tôi lấy tay che ánh đèn và nhìn thấy mũi ông bị cóng trắng bệch ra. Ông cúi lưng định tháo ba-lô ra nhưng bỗng ngồi thụp xuống sàn.

Lần đầu tiên người này xuất hiện trước mặt tôi là như vậy, giờ đây tôi có thể ngồi viết cuốn truyện này cũng là nhờ ơn người đó. Ông bị rét cóng đến gần chết, hầu như đã phải bò lê đến nhà tôi. Ông ngồi trên sàn, thở phì phò và cố nhét những ngón tay run rẩy vào mồm. Tôi bèn nhấc áo ông ra. Ông nói lắp bắp mấy câu gì rồi ngã nghiêng ra bất tỉnh nhân sự.

Có lần tôi đã thấy mẹ tôi bị ngất và dì Đa-sa thổi vào mồm

mẹ tôi. Thế là lần này tôi cũng làm y như vậy. Vị khách của tôi nằm bên cạnh chiếc lò ấm và không rõ rốt cuộc cái gì đã trợ lực cho ông, mặc dù tôi ra sức hà hơi đến nỗi hoa cả mắt lên. Nhưng dù sao thì ông đã tỉnh lại, ngồi dậy và áp vào lò mà sưởi lửa. Mũi ông trở lại bình thường. Khi tôi rót cho ông một cốc nước nóng, ông đã cố nhếch mép cười.

- Chỉ có hai anh em ở đây với nhau thôi à?

Xa-nhi-a vừa nói xong câu "chỉ có hai chúng cháu" thì ông ấy đã ngủ mất rồi. Ông ta ngủ nhanh như vậy làm cho tôi không khỏi kinh hãi: hay là chết rồi? Nhưng hình như để trả lời điều thắc mắc của tôi, ông bắt đầu ngáy.

Đến hôm sau thì ông thật sự tỉnh táo. Lúc tôi thức dậy, ông đã ngồi trên bệ lò sưởi bên cạnh em gái và hai người đang nói chuyện với nhau. Em tôi đã biết tên ông là I-van I-va-nứt, biết rằng ông bị lạc đường và không được nói chuyện về ông với bất cứ ai, nếu không thì ông ấy sẽ bị người ta bắt đi "xu-gun-đe". Thật thà mà nói, cho đến nay cũng chưa biết ý nghĩa rõ ràng của câu nói này. Song tôi nhớ kỹ, hai anh em tôi hiểu ngay rằng vị khách của chúng tôi đang có nguy hiểm gì đe dọa. Chúng tôi không bàn với nhau nhưng cùng có quyết định chung là không đời nào nói một lời với bất cứ ai về ông ấy cả. Dĩ nhiên việc tôi không nói dễ hơn đối với bé Xa-nhi-a nhiều.

I-van I-va-nứt thường ngồi trên bệ lò, tay lót xuống dưới đùi lắng nghe bé Xa-nhi-a nói huyên thuyên. Nó đã kể ra tất cả: chuyện cha bị bắt vào tù, chuyện chúng tôi đệ đơn kêu; mẹ đưa chúng tôi về quê rồi mẹ lại ra tỉnh; tôi bị câm; chuyện bà Pê-trốp-na sống ở ngôi nhà thứ hai tính từ cái giếng trở đi, bà cũng có râu, nhưng ít hơn một chút và đã bạc.

- Ô, hai cháu thân yêu của ta, - ông I-van I-va-nứt nói và nhẹ nhàng nhảy xuống khỏi bệ lò.

Ông có đôi mắt sáng, bộ râu đen nhánh và xén phẳng. Lúc đầu tôi lấy làm lạ là sao ông cứ động đậy, tay luôn luôn có những động tác thừa làm cho người ta cảm thấy như ông sắp giơ tay vòng qua đầu để sờ tai mình hay là gãi gan bàn chân. Song chẳng bao lâu tôi cũng quen đi. Trong khi nói chuyện, ông thường bất thình lình nắm trong tay một vật gì đó rồi lại làm trò tung hứng trên tay như là những nhà ảo thuật vậy.

Cũng trong ngày đầu tiên đó, ông đã biểu diễn cho chúng tôi xem nhiều trò thú vị: ông lấy những que diêm, vỏ cây và củ hành làm thành một con vật ngộ nghĩnh giống như con mèo, lấy ruột bánh mì làm thành chú chuột con. Con mèo con kêu meo meo đi bắt chuột giống y như mèo thật. Ông còn biểu diễn trò ảo thuật: ông nuốt cái đồng hồ đeo tay rồi móc nó ra từ trong tay áo. Ông còn dạy chúng tôi xiên khoai tây đem nướng. Tóm lại trong mấy ngày ông ở trong nhà chúng tôi, hai anh em tôi không thấy buồn.

- Các cháu này, ta là bác sĩ đấy, - có một lần ông nói như vậy. - Có cháu nào đau ốm gì không, ta sẽ chữa khỏi ngay.

Chúng tôi đều rất khỏe. Đứa con gái ông trưởng thôn bị ốm, nhưng không hiểu sao ông lại không chịu đến chữa.

- "*Tình thế này ta vừa lo vừa sợ.*

Tu sĩ kia đừng tố pháp đình..."

Ông đọc xong câu ca ấy rồi cười.

Ông là người đầu tiên đọc thơ cho tôi nghe. Ông thường ngồi xếp bằng trước lò sưởi giương đôi lông mày lên mà nói thơ, thậm chí lại ngâm nga hay lẩm bẩm những gì đó.

Thoạt đầu có lẽ ông rất thích là tôi không thể hỏi ông điều gì cả, nhất là ban đêm, mỗi khi có tiếng chân người đi bên ngoài cửa sổ làm ông tỉnh giấc và ông cứ nằm mãi, chống khuỷu tay nghe ngóng. Hoặc là khi ông trốn trên trần nhà ngồi đến lúc trời

tối. Tôi còn nhớ hôm đó là ngày lễ E-go-ri[1] ông ấy đã ngồi như vậy suốt một ngày. Hay như khi ông từ chối không muốn đến làm quen với bà Pê-trốp-na.

Nhưng hai ba ngày trôi qua, ông lại quan tâm đến cái tật câm của tôi.

- Sao cháu không nói? Cháu không thích nói à?

Tôi im lặng nhìn ông.

- Nhưng bác bảo cháu là cháu cần phải nói. Cháu đã nghe được thì cháu phải nói được. Này anh bạn ạ, đây là một "ca" rất ít thấy. Câm nhưng nghe được tất. Hay là vừa câm vừa điếc?

Tôi lắc đầu.

- Đấy, nghĩa là cháu sẽ nói được.

Ông lấy trong ba-lô ra mấy thứ dụng cụ. Hôm đó tuy trời rất đẹp, có ánh nắng, thế mà ông vẫn than vãn là ít ánh sáng quá và khám ống tai tôi.

- Tai bình thường, – ông rất hài lòng nói thế. – Tai rất bình thường.

Ông đi đến một góc nhà và nói khẽ: "Đồ ngốc".

- Nghe thấy không?

Tôi cười.

- Nghe rất rõ, như tai chó vậy. - Ông nháy mắt với bé Xa-nhi-a đang há hốc mồm nhìn ông và tôi. - Nghe tốt lắm. Cháu thân yêu, thế sao cháu không nói?

Ông lấy hai ngón tay cầm lưỡi tôi kéo ra rõ dài làm cho tôi sợ quá thở khò khè.

---

(1) Ngày lễ E-go-ri vào ngày mồng bẩy tháng Năm hàng năm, theo tập quán người Nga hôm đó mọi người đi dong chơi ở ngoài trời gần giống như tết Thanh minh của ta trước đây. – N.D.

- Họng tốt lắm! Hệt như cổ họng của Sa-li-a-pin[1]. Đúng thế!

Ông nhìn tôi một lát.

- Phải học cháu ạ, - ông nói rất nghiêm chỉnh. - Cháu có thể nói trong ý nghĩ của mình được câu gì không, nói trong óc ấy?

Ông gõ vào trán tôi.

- Nghĩa là nói trong đầu ấy, hiểu không?

Tôi ầm ừ, tỏ ra hiểu.

- Nào, thế nói ra tiếng đi? Nói được những gì thì nói ra hết đi. Nào, nói "có".

Hầu như tôi không hiểu nói được gì cả. Nhưng dầu sao cũng cứ nói ra:

- Có.

- Hay lắm! Nói lại lần nữa nào!

Tôi nói lại một lần nữa.

- Bây giờ huýt sáo.

Tôi huýt sáo.

- Bây giờ nói "U".

Tôi nói "U".

- Chẳng qua chỉ là đồ lười thôi! Nào! Nào theo nhé...

Ông không biết rằng xưa nay tôi vẫn nói mọi điều trong óc. Không nghi ngờ gì nữa, chính vì thế tôi mới có thể nhớ được những năm còn bé một cách rõ ràng như vậy. Nhưng từ chỗ nói không thành tiếng đến chỗ phát ra các âm "e", "u", "ư", đến chỗ làm được những động tác không quen thuộc của môi, lưỡi, họng như thế này thì còn rất xa. Thậm chí những tiếng đơn giản nhất cũng tắc nghẽn trong cổ họng tôi. Tôi có thể nhắc lại theo ông một số âm cá biệt, chủ yếu là những mẫu âm. Nhưng còn

(1) Sa-li-a-pin (1873 – 1938) danh ca nổi tiếng của nước Nga. – N.D.

ghép những âm đó lại rồi phát ra một cách trơn tru theo như ông dặn, chứ không phải là "sủa", - đó mới thật là gay go!

Chỉ có ba tiếng "tai", "mẹ", "bếp" là tôi nói được ngay, tựa như có hồi nào đó tôi đã từng nói những tiếng này, bây giờ chỉ cần nhớ lại thôi. Sự thực cũng chính là như vậy. Mẹ thường nói là khi mới hai tuổi tôi đã bắt đầu học nói, nhưng sau bị một trận ốm gì đó, tôi bỗng nhiên không nói nữa.

Ông thầy dạy tôi nằm ngủ trên sàn, mình đắp chiếc áo ngắn, trước khi đi ngủ ông nhét một vật gì bằng sắt sáng loáng xuống dưới đệm rơm. Còn tôi cứ trằn trọc mãi, tôi dậy uống nước rồi ngồi trên giường nhìn ra cửa sổ băng đóng lại loang lổ. Tôi đang nghĩ xem bao giờ về nhà sẽ nói chuyện với mẹ tôi và dì Đa-sa như thế nào. Tôi nhớ lại những giây phút đầu tiên khi tôi hiểu rằng tôi đã bị câm không thể nói năng được: đó là một buổi tối, mẹ tưởng tôi đã ngủ say rồi, bà đứng thẳng người, mặt tái nhợt, hai bím tóc đen vắt trước ngực, cứ nhìn tôi mãi. Lúc đó lần đầu tiên trong đầu tôi nảy ra một ý nghĩ cay đắng luôn luôn day dứt tôi những năm trước đây: "Tôi hèn hơn mọi người và mẹ phải xấu hổ vì tôi".

Tôi cứ nhắc đi nhắc lại những âm "e", "u", "ư" và một cảm giác sung sướng làm cho tôi không sao ngủ được cho đến tận gần sáng. Lúc bé Xa-nhi-a đánh thức tôi dậy thì đã trưa rồi.

- Em đã sang bên bà về rồi mà anh vẫn còn ngủ, - em gái nói rất nhanh. - Con mèo con nhà bà đi mất rồi. Thế bác I-van I-va-nứt đâu?

Chiếc đệm rơm vẫn nằm trên sàn, vẫn còn những vết hằn ở chỗ đầu, vai và chân. Nhưng còn ông I-van I-va-nứt thì không thấy nữa. Chiếc ba-lô ông vẫn kê dưới đầu bây giờ cũng không còn.

- Bác I-van I-va-nứt!

Chúng tôi leo lên trần nhà – chẳng có ai cả.

- Lạ chưa, lúc đi sang bên bà, bác ấy vẫn đang ngủ. Em còn nhìn bác ấy, thấy rõ là bác ấy đang ngủ, em nghĩ thế thì hãy sang bên bà tí đã. Xa-nhi-a, anh xem kìa!

Trên bàn có cái ống màu đen, hai đầu loe ra: một đầu nông, hơi to, đầu kia nhỏ hơn và sâu hơn. Chúng tôi nhớ ra là bác I-van I-van-nứt đã lấy nó trong ba-lô ra cùng với những dụng cụ khác để khám tai cho tôi.

- Bác ở đâu rồi? Bác I-van I-va-nứt?...

Từ đó đã bao nhiêu năm qua. Tôi đã bay qua các biển Bê-rinh và Ba-ren-xê. Tôi đã từng ở Tây-ban-nha. Tôi đã nghiên cứu địa hình lưu vực giữa sông Lê-na và sông Ê-ni-xây. Lúc nào tôi cũng đem theo cái ống màu đen mà ông đã bỏ quên ở nhà chúng tôi hay cũng có thể là ông để lại để làm kỷ niệm. Đó không phải là mê tín mà là để nhớ ơn người đó. Chẳng bao lâu tôi được biết đó là một cái ống nghe, một dụng cụ rất thông thường để người thầy thuốc nghe tim, nghe phổi. Nhưng hồi đó tôi cảm thấy cái ống nghe này đầy vẻ bí hiểm và đáng yêu, cũng như chính *bản thân* ông I-van I-va-nứt, cũng như tất cả những điều ông nói, những việc ông làm.

- Bác I-van I-va-nứt!

Ông đã biến mất tăm, đã ra đi mà chẳng nói với ai!

Tôi buồn bã bước ra sân và đi xung quanh nhà. Dấu chân! Trên dấu chân của ông đã bị lớp tuyết mỏng phủ lên. Những dấu chân này không đi qua đường cái ở phía bên kia nhà mà đi thẳng ra cánh đồng. Dấu chân mỗi lúc càng thưa, đến bên bờ một cái đầm thì mất hút trên lối mòn mà các bà già vẫn đi giặt quần áo ở những hố băng.

Chương 6

Cha tôi chết
Tôi không muốn nói nữa

Tôi học nói suốt cả mùa đông. Sáng sớm vừa tỉnh dậy tôi đã đọc váng lên sáu tiếng mà ông I-van I-va-nứt dặn tôi phải đọc hàng ngày: "gà", "yên", "hòm", "bão", "uống", "A-bram". Thật khó biết bao! Em tôi nó nói những tiếng ấy hay biết chừng nào và khác hẳn tôi nói.

Song tôi có nghị lực. Ngày nào tôi cũng đọc mấy từ ấy hàng nghìn lần như đọc những câu thần chú có thể chữa cho tôi khỏi câm. Trong giấc mơ tôi cũng thấy chúng. Tôi tưởng tượng ra một ông A-bram bí ẩn nào đó đem bỏ con gà mái vào trong hòm, hoặc là đội mũ từ trong nhà đi ra, vai vác cái yên ngựa. Bão tuyết, uống rượu!

Cái lưỡi tôi nó rất bướng bỉnh, đôi môi cũng chỉ hơi động đậy được. Mấy lần tôi định đánh bé Xa-nhi-a vì nó vô tình cười tôi. Đêm đêm tôi thường thức giấc, buồn rầu và cảm thấy tôi sẽ không bao giờ biết nói nữa, vĩnh viễn là một kẻ tàn phế như có lần mẹ đã rủa tôi. Song cũng chính ở giây phút đó, tôi lại thử cố nói cái tiếng "tàn tật" này. Tôi còn nhớ, cuối cùng tôi cũng nói được, thế

là tôi sung sướng ngủ thiếp đi. Ông I-van I-va-nứt dặn tôi là khi tập nói không được ra hiệu bằng tay, như thế mới có thể sửa được cái thói quen của người câm đã ăn nhập vào người tôi. Tôi đút hai tay vào trong túi, đưa mắt nhìn một vật gì đó, như cái cửa sổ, cái lò sưởi, thùng nước – và nói to lên tiếng đó từng âm tiết một. Không hiểu tại sao tôi không đọc được đúng trọng âm, cho đến tận bây giờ tôi cũng vẫn nhấn sai trọng âm.

Có một hôm, sau khi tỉnh giấc, tôi không đọc sáu tiếng thiêng liêng này, đó là một trong những ngày đau khổ nhất của đời tôi.

Hôm đó bà Pê-trốp-na đánh thức chúng tôi dậy sớm. Chỉ một việc đó tôi cũng đã lạ lắm rồi, bởi vì thông thường mọi sáng không phải bà sang gọi chúng tôi mà là chúng tôi sang bên bà đốt lò, đặt ấm nước cho bà. Bà chống gậy lọc cọc bước vào và làm dấu thánh, đoạn gọi bé gái dậy, bảo nó đốt đèn lên...

Nhiều năm sau khi đã trưởng thành, tôi nhìn thấy tranh vẽ mụ yêu tinh trong một cuốn sách nhi đồng, giống hệt như bà Pê-trốp-na: cũng có râu, lưng còng, chống hèo. Song bà Pê-trốp-na nếu có giống thế thì lại là một yêu tinh tốt bụng. Nhưng cái ngày hôm đó... Hôm đó bà ngồi trên ghế đẩu, thở rất khó nhọc, thậm chí tôi còn cảm thấy như những giọt nước mắt đang chảy ròng ròng xuống bộ râu của bà.

- Xuống đi, Xa-nhi-a! - Bà nói. - Đến đây với bà!

Tôi đi đến.

- Cháu lớn rồi, Xa-nhi-a. - Bà Pê-trốp-na xoa đầu tôi. - Hôm qua mẹ có thư đến nói rằng I-van bị ốm.

Bà khóc.

- Bố ốm rất nặng ở trong tù. Đầu và chân bị phù. Mẹ cháu viết rằng không biết hiện nay bố có còn sống không.

Bé gái khóc òa lên.

- Làm sao được, đó là ý của Chúa, - bà Pê-trốp-na nói. - Ý

Chúa, - bà dằn tiếng nhắc lại rồi lại ngước mắt nhìn tượng Chúa.

Bà chỉ nói là bố tôi bị ốm, nhưng buổi chiều khi đến nhà thờ thì tôi hiểu là ông đã chết rồi. Chiều hôm đó bà Pê-trốp-na đưa chúng tôi đến nhà thờ, nói là để chúng tôi đi "cầu phúc".

Kể cũng lạ là tuy tôi đã sống ở làng ba tháng nay, nhưng ngoài mấy đứa trẻ cùng trượt tuyết với tôi ra, tôi hầu như chẳng quen ai cả. Tôi ngại mình bị câm nên chẳng đi đâu cả. Bây giờ đến nhà thờ tôi mới nhìn thấy rất nhiều người trong thôn – một đám đàn bà và cụ già cũng ăn mặc quần áo lam lũ, nét mặt rầu rĩ, chẳng nói chẳng rằng y như chúng tôi vậy. Họ đứng ở trong chỗ tối – chỉ ở phía trên chỗ ông cố đạo đang ê a đọc kinh là có thắp nến. Nhiều người thở dài và làm dấu thánh.

"Lạy Chúa từ bi!" – Ông cố đạo luôn mồm nói câu ấy. Miệng ông phả hơi nóng, tay ông cầm cái đỉnh rung rinh, một làn khói xanh từ trong ấy bốc lên. Tôi cảm thấy tất cả mọi người, cũng như tôi, không cầu khấn mà chỉ nhìn theo làn khói ấy, xem nó bay lên từng vệt, cuộn tròn lại, rồi bốc lên cao, bay ra chỗ cửa sổ màu xanh đã bị đóng băng. Có lẽ lúc đó tôi đã quên không nghĩ đến cha tôi nữa. Bỗng nhiên bà Pê-trốp-na cáu kỉnh dúi vào lưng tôi một cái - cho đến giờ tôi cũng không hiểu vì sao bà lại làm thế - lúc ấy tôi mới nghĩ đến cha và hiểu rằng ông đã chết.

Vì cha tôi đã chết nên mọi người thở dài và làm dấu thánh. Vì cha đã chết nên tôi và em gái mới đứng tại đây, trong chỗ tối om ở nhà thờ này. Vì cha đã chết nên bà Pê-trốp-na cáu kỉnh dúi tôi. Vì cha chết cho nên chúng tôi mới đi "cầu phúc" ở đây.

Bà Pê-trốp-na dắt em gái tôi về nhà bà. Còn tôi trở về nhà tôi một mình và ngồi mãi không thắp đèn. Những con gián đen bà Pê-trốp-na đã cố ý đem đến nhà chúng tôi để lấy "điềm lành" bay vè vè trên chiếc lò sưởi lạnh lẽo. Tôi vừa ngồi ăn khoai tây vừa khóc.

Cha chết rồi, không bao giờ tôi còn được nhìn thấy cha nữa!

Người ta đang khiêng cha từ trong tòa ra, từ căn phòng mà tôi và mẹ đến đưa đơn ấy ra... Khi nhớ tới cái giọng nói lạnh lùng và cái bàn tay có những ngón dài ngoẵng, gày đét đang đung đưa cái kính thì tôi ngừng ăn và nghiến chặt hai hàm răng. Cứ chờ đấy! Tao sẽ tính món nợ này! Thế nào cũng có ngày mày phải cúi rạp xuống chào tao và lúc đó tao cũng sẽ trả lời thế này: "Tòa án sẽ xét xử..." Người ta khiêng chiếc quan tài đi dọc hành lang, những nhân viên tùy phái của tòa án cầm công văn chạy đi chạy lại bên cạnh, không ai nhìn, không ai muốn nhìn xem người ta khiêng cha tôi ra nữa. Chỉ có dì Đa-sa đội chiếc khăn dài đen như một nữ tu sĩ đi ngược lại. Dì vừa đi vừa khóc và làm dấu thánh. Chúng tôi dừng lại, có ai đang đứng ở cạnh cửa, chiếc quan tài lắc lư trên tay mọi người rồi được đặt xuống đất... Mẹ tôi cúi xuống, tôi nhìn từ dưới lên thấy môi mẹ đang run.

Tôi nghe thấy tiếng mình nói và bừng tỉnh dậy. Chắc là tôi bị sốt, bởi vì tôi đã nói những câu lảm nhảm, tôi tự mắng mình và chẳng hiểu sao lại gắt cả mẹ, chuyện trò với ông I-van I-va-nứt mặc dù tôi biết rất rõ là ông đã ra đi từ lâu và thậm chí đến dấu chân của ông cũng chỉ lưu lại trên cánh đồng được có hai ngày, sau đó liền bị tuyết phủ đi.

Nhưng tôi đã nói được - nói rất to và rõ! Tôi đã nói được, giờ đây tôi có thể kể lại sự việc xảy ra trên chiếc cầu phao đêm hôm nào, tôi sẽ chứng minh rằng cái con dao ấy là của tôi. Khi tôi cúi xuống nhìn người bị giết thì con dao ấy rơi ra. Muộn rồi! Tôi để lỡ một việc mà suốt đời không còn làm được nữa. Giờ đây chẳng còn gì có thể giúp ích cho cha tôi!

Hai tay ôm đầu, tôi nằm trong bóng tối. Trong nhà giá lạnh, hai chân tê cóng, nhưng tôi cứ nằm yên như thế cho đến sáng hôm sau. Tôi quyết định là sẽ không nói nữa. Nói để làm gì? Dẫu sao cha tôi cũng đã chết rồi, còn tôi thì không bao giờ được nhìn thấy cha nữa.

Chương 7
Mẹ

Tôi không nhớ rõ lắm cảnh tượng của cuộc Cách mạng tháng Hai. Trước khi trở về thành phố tôi cũng không hiểu cả cái từ này. Nhưng tôi còn nhớ lúc đó tôi đã liên hệ sự xao động bí ẩn và các câu chuyện khó hiểu với người khách đến nhà chúng tôi đêm nọ và đã dạy tôi học nói.

Mỗi buổi tối khi tôi xiên khoai tây để nướng là tôi lại nhớ đến ông và đối với tôi càng ngày ông càng trở nên thần bí, càng thêm hấp dẫn. Tại sao ông lại biến mất đột ngột như vậy? Tại sao ông lại không muốn chữa bệnh cho Man-ca, con gái lão trưởng thôn và thậm chí không sang cả bên bà Pê-trốp-na nữa? Giờ đây ông đang ở đâu? Có quay lại nữa không? Đêm đêm mỗi khi tỉnh dậy là tôi lại chăm chú lắng nghe: có tiếng gõ ngoài cửa sổ không? Có phải ông không? Chẳng có ai gõ cửa, chỉ có tuyết nhẹ nhàng êm ả rơi xuống mái nhà, rồi thình lình có tiếng gió rít lên trong ống khói.

Chẳng ai hỏi chúng tôi về ông ấy. Nhưng không biết tại sao tôi lại tin rằng nếu bây giờ ông ấy về đây thì mọi sự sẽ khác hẳn, không giống như lần trước. Có lẽ ông sẽ không phải trốn lên trần

nhà nữa! Có lẽ ông ấy sẽ không từ chối việc làm quen với bà Pê-trốp-na nữa!

Tôi không để ý thấy mùa xuân đi qua lúc nào, nhưng mùa hè đã bắt đầu bằng một ngày khi mẹ và hai anh em tôi ra bến tàu đợi từ sáng sớm tinh mơ, mãi sau chiếc tàu thủy "Nép tuyn" mới rúc còi oai vệ lùi lại rồi cập bến.

Thằng Min-ca đội chiếc mũ lưỡi trai có hàng chữ vàng, mặc chiếc áo vét màu xanh đã nhàu nát cũng đứng trên bậc thang như lần trước, khinh khỉnh nhìn hành khách. Người thuyền trưởng kiêm bẻ lái râu quai nón nói khàn khàn trong ống loa: "Thôi! Chạy lên!" và "Thôi, lùi lại!" Boong tàu rung rinh một cách bí ẩn. Chúng tôi trở lại thành phố. Mẹ đón chúng tôi về. Mẹ gày đi, nom như trẻ ra trong chiếc áo khoác mới và chiếc khăn hoa mới.

Suốt mùa đông vừa qua tôi vẫn thường nghĩ là mẹ sẽ ngạc nhiên thế nào khi nghe thấy tôi nói. Song mẹ chỉ ôm chặt lấy tôi mà cười. Qua một mùa đông, mẹ đã thay đổi khác hẳn. Lúc nào mẹ cũng suy nghĩ điều gì đó – tôi nhận ra ngay qua nét mặt sinh động của mẹ – khi thì mẹ trầm ngâm bực bội, lúc lại tươi cười. Bà Pê-trốp-na cho rằng mẹ bị ngớ ngẩn. Có một lần bà hỏi mẹ điều đó. Mẹ cười và nói rằng không phải. Có lần chúng tôi vào rừng tước vỏ cây cho bà Pê-trốp-na đan dép đem bán. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh của mẹ tôi trong ngày hôm đó: mái tóc đen, thân hình chắc nịch, răng trắng muốt, quàng chiếc khăn hoa tết chữ thập trước ngực. Mẹ cúi xuống chặt những cây con một cách nhanh nhẹn, tước bỏ các cành con, cắn đầu gốc rồi tước phăng vỏ cây. Mẹ muốn dạy cho tôi cách làm như vậy, nhưng chẳng kết quả gì, tôi chỉ biết làm đứt tay chứ chẳng được tích sự gì.

Sau đó tôi nấp vào bụi cây, ngồi tư lự mãi mà nghe lũ chim

thi nhau hót và ngắm nhìn mẹ tôi đang bước đi mỗi lúc một xa thêm. Bỗng mẹ tôi cất tiếng hát:

Cổng sau một lũ lái buôn
Cần tiền mua phấn em bán luôn ngựa này,
Mua son - bò bán liền tay
Mua thuốc nhuộm tóc - bán ngay chiếc thùng

Ánh nắng chiếu vào bụi cây, mẹ đứng lên, hai má đỏ ửng, mắt long lanh. Đúng là mẹ có chuyện gì thật!

Trước mặt chúng tôi ít khi mẹ nhắc tới cha. Song mỗi lần mẹ chuyện trò âu yếm với tôi là tôi biết rằng mẹ đang nghĩ đến cha. Bao giờ mẹ cũng rất yêu em gái...

Ngồi trên tàu thủy mẹ toàn nghĩ ngợi điều gì - mẹ nhướng mày lên, lắc đầu - có lẽ trong óc mẹ đang cãi cọ gì với ai. Tôi càng suy nghĩ lan man: tôi tưởng tượng mình đang đi dạo ngoài sân và bỗng nhiên nói bừa ra một câu, làm như xưa nay tôi vẫn biết nói vậy. Tôi mê mải nhìn dòng nước nên chợp ngủ đi và trong lúc mơ màng tôi giật thót mình lên: tôi mơ thấy mình lại bị câm.

- Mẹ ơi! - Tôi khẽ gọi.

Mẹ lặng im.

- Mẹ ơi! - Tôi sợ quá hét lên.

Lúc đó mẹ mới quay lại...

Khi trở về, tôi cảm thấy cái sân chung của xóm sao mà hoang tàn, thê thảm thế! Hàng năm nay chưa ai chịu thông cống cả, dưới thềm nhà nào cũng có nước bẩn đọng lại, rác rưởi nổi lềnh bềnh. Sau một mùa đông, những gian nhà xếp chứa đồ càng siêu vẹo hơn. Dãy hàng rào có những chỗ hổng to đến nỗi có thể ngồi trên xe ngựa mà đi qua được. Đằng sau nhà ông Xcô-vô-rốt-ni-

cốp có một đống xương xẩu, chân móng, những mảnh da sống thối hoắc.

Ông già đang nấu hồ. Ông vẫn ngồi trên chiếc ghế da thấp như trước, thắt tạp dề, đeo kính. Cái bếp dầu đặt trên bệ lò, trên bếp có cái thùng sắt, từ chiếc thùng tỏa ra cái mùi thật nồng nặc làm tôi cứ buồn nôn suốt lúc ngồi ở đây.

- Mọi người cứ tưởng đây là thứ hồ thông thường, - ông nói sau khi tôi đã ngồi đấy nửa tiếng đồng hồ và tỏ ý muốn ra ngoài cho thoáng, – nhưng đây là một thứ hồ vạn năng. Cái gì nó cũng có thể dán được, cả sắt thép, cả kính, và nếu như có thằng ngu nào đó muốn dán gạch thì cả gạch cũng dán được. Tao đã phát minh ra đấy. Một loại keo da do Xcô-vô-rốt-ni-cốp đặc chế. Càng thối thì càng dính.

Ông ngước mắt nghi ngờ nhìn tôi qua phía trên gọng kính.

- Keo da do Xcô-vô-rốt-ni-cốp đặc chế, - ông nhắc lại lần nữa rồi thở dài. – Già vay ai được bảy rúp để quảng cáo, thì sẽ có khối khách mua. Nông dân mua hồ dán gỗ ở ngoài chợ bốn mươi cô-pếch một phun[1]. Thế là thế nào? Là ăn cướp. Nào, mày nói chuyện gì đi!

Tôi nói. Ông gật đầu tán thưởng.

- Chà! Thật thương cho ông I-van quá! - Ông nói.

Dì Đa-sa đi vắng, độ hai tuần sau dì mới về. Tôi đã làm cho dì vừa mừng vừa phát hoảng. Tối hôm ấy tôi và dì ngồi trong bếp. Dì hỏi tôi luôn mồm, nào là chúng tôi sống ở làng ra sao, - dì cứ hỏi rồi lại tự trả lời.

- Các cháu sống thế nào, tội nghiệp. Quanh ra quanh vào vẫn

(1) Đơn vị đo lường cũ của Nga bằng 409 gram. – N.D.

chỉ có hai đứa. Chắc buồn lắm đấy nhỉ. Ai nấu cơm cho các cháu ăn? Bà Pê-trốp-na hả? Đúng là bà Pê-trốp-na.

- Không, không phải bà Pê-trốp-na đâu, - tôi đột nhiên nói, - chúng cháu nấu lấy.

Không bao giờ tôi quên được nét mặt dì Đa-sa khi tôi nói những lời này. Dì há hốc mồm, lắc đầu lia lịa và nấc lên.

- Cũng chẳng buồn đâu, - tôi cười hô hô nói tiếp. - Chỉ có nhớ dì thôi, dì Đa-sa ạ. Thế sao dì không về thăm chúng cháu?

Dì ôm tôi vào lòng.

- Cháu yêu quí của dì, thế này là thế nào? Nói được rồi ư? Cháu yêu quý, cháu biết nói rồi! Thế mà cứ im mãi để giả vờ nữa chứ, hừ, cái thằng này! Nào, nói đi!

Thế là tôi kể cho dì nghe về người thầy thuốc bị rét cóng đến gõ cửa nhà tôi, chuyện chúng tôi đã giấu ông ấy ba ngày ba đêm trên trần nhà như thế nào, chuyện ông ấy dạy tôi phát âm mấy tiếng "e", "u", "ư" và bắt tôi phải nói chữ "cái tai" như thế nào.

- Xa-nhi-a, cháu phải cầu nguyện cho ông ấy, – dì Đa-sa trịnh trọng nói. – Ông ấy tên là gì?

- I-van I-va-nứt.

- Phải cầu nguyện cho ông ấy. Tối nào cũng phải cầu nguyện cho ông ấy.

Chương 8

Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp

Dì Đa-sa nói rằng từ sau khi biết nói, tôi thay đổi nhiều. Chính tự tôi cũng cảm thấy như vậy. Mùa hè năm ngoái tôi cứ tránh bạn bè, cảm giác nặng nề về sự tàn tật của mình làm tôi bị gò bó. Tôi rất rụt rè, suốt ngày cau có, rầu rĩ. Giờ đây có lẽ chẳng thể nào tin được là tôi đã như vậy nữa.

Sau hai ba tháng tôi đã đuổi kịp các bạn cùng lứa tuổi. Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp mười hai tuổi, rất thân với tôi. Đó là một thằng cao lêu nghêu, tóc vàng, đã nói là làm.

Những cuốn sách đầu tiên tôi nhìn thấy trong đời là ở nhà thằng Pê-chi-a. Đó là "Tập truyện về hành động của những người đi săn trong chiến tranh cổ đại", "I-u-ri Mi-lô-xláp-xki" và "Sách dạy viết thư". Ngoài bìa cuốn "Viết thư" có vẽ một chàng trai ria rậm mặc áo sơ-mi đỏ, tay cầm bút lông ngỗng, trên đầu có vẽ một cô gái trong khung hình bầu dục màu xanh.

Chúng tôi đã thân nhau khi cùng đọc cuốn "Viết thư" này. Trong những câu mở đầu thư: "Bạn thân yêu" hay "Ngài A.Ph. kính mến" có một vẻ gì thần bí. Tôi lại nhớ đến bức thư của người

hoa tiêu tàu biển viễn hành. Và đó là lần đầu tiên tôi đọc ra bức thư ấy thành tiếng.

Chúng tôi ngồi trong vườn Nhà thờ. Từ đây có thể nom thấy những ngôi nhà và cái sân xóm chúng tôi ở bên kia sông, trông bé tí tẹo, bé hơn thực tế nhiều. Kia là dì Đa-sa nhỏ nhắn đang bước xuống thềm và ngồi đánh vẩy cá. Tôi cảm thấy như nom thấy cả những cái vẩy cá trắng bạc rơi xuống chân dì lấp lánh. Kia là Ca-rơ-lu-sa, một kẻ điên lang thang trong thành phố, lúc thì cau mày, lúc lại cười cợt đi ở bên kia bờ và dừng lại chỗ cổng nhà chúng tôi– chắc là hỏi chuyện dì Đa-sa.

Trong khi đọc lại bức thư, tôi cứ nhìn họ. Pê-chi-a chăm chú lắng nghe.

- Tuyệt! – hắn nói. - Trước kia mình cũng biết chuyện này nhưng quên đi mất. Thế sau ra sao?

- Chỉ có thế thôi.

- Thú vị thật, không biết sau đó, chiếc tàu buồm ra sao? Có khi đã kịp cứu ứng rồi. Cậu đọc truyện Ni-ca Các-te chưa?

- Chưa.

- Trong truyện cũng có một trường hợp như thế. Một tay triệu phú bị ném vào bể chứa nước. Hắn đã nghĩ ra và đóng vòi nước lại. Lúc người làm vườn đi tưới nước nghĩ bụng: tại sao nước không chảy? Thế là đến phút cuối cùng người ta kịp thời đến cứu. Nếu không thì hắn đã bị chết trong đó. Cậu thuộc làu ghê quá nhỉ. Học có lâu không?

- Mình không biết.

- Bây giờ mình đọc một đoạn gì đó, cậu nhắc lại được không?

Nó đọc:

Thư trả lời cự tuyệt.

Thưa X.N. tiên sinh.

Sự biểu lộ tình cảm của Ngài làm tôi vô cùng cảm kích. Song tôi không thể chấp nhận được vì nhiều nguyên nhân không tiện nói ở đây vì chúng cũng không có liên quan đến Ngài.

Xin chúc đại an.

Chú thích: Thư trả lời cự tuyệt bao giờ cũng viết bằng những lời khái quát, đơn giản, không nên viết ý gì khác, ngoài sự lễ độ.

*

* *

Tôi nhắc lại đúng nguyên văn bức thư trên cùng với câu chú thích. Pê-chi-a khịt mũi có vẻ không tin.

- Khá đấy, nó nói. - Thế còn đoạn này?

Nó lại đọc luôn một mạch:

"*Thư gửi chàng hoặc gửi nàng.*

Xin mở đầu thư này bằng lời của người xưa đã viết: "Em muốn quên hết những chuyện đã qua, song còn luyến tiếc quá khứ: trong đó là cả nguồn hạnh phúc đã từng hé ra trong giây lát, cả niềm vui và sầu muộn của em". Anh biết câu ấy không? Em đã thấy ở anh những gì em yêu quí nhất (nên nói ra nó là cái gì). Không thể có ai tốt hơn, đáng yêu hơn, đáng quí hơn anh, anh thân thiết với em, như (viết tiếp là như cái gì). Em nhớ lại những giọt nước mắt đầu tiên và cái hôn đầu tiên của anh trên tay em. Đã hai ngày nay em sống thiếu anh (nên nói rõ là vui, buồn, bình yên hay nói về công việc gia đình).

Từ biệt.

Hôn anh.

*

* *

Tôi nhắc lại cả bức thư này chỉ hơi ngắc ngứ một chút.

- Giỏi! - Pê-chi-a nói vẻ thán phục. - Trí nhớ cậu tuyệt lắm!

Có điều đáng tiếc là chúng tôi ít khi được chơi với nhau như thế này. Pê-chi-a rất bận, nó "bán thuốc lá thuê cho người Trung Quốc". Trong thành phố chúng tôi người ta gọi cái nghề vất vả này như vậy. Hồi đó những người Trung Quốc sống ở thôn Pô-crốp-xki chuyên cuộn thuốc lá rồi thuê trẻ con đem bán. Ngay lúc này đây tôi còn nhớ rất rõ là một trong những người Trung Quốc đó tên là Lý. Ông là một người bé nhỏ, nước da vàng sẫm trên mặt có nhiều nếp nhăn, nhưng lại rất tốt. Mọi người đều cho rằng tiền "chào mời" ông Lý này trả có hậu hơn những người Trung Quốc khác. Tiền "chào mời" - chính là tiền công của chúng tôi (sau này cả tôi cũng đi bán thuốc lá) bởi vì đúng là chúng tôi đi chào mời mọi người: "Xin mời Ngài hút thuốc!" Có điều là kẻ nào khờ khạo nhận thuốc mời thì cứ đếm tiền ra mà trả. Đó là tiền của chúng tôi. Mỗi hộp thuốc lá có hai trăm năm *mươi điếu,* các loại thuốc lá mang nhãn hiệu "Ca-tức", "A-lếch-xăng đệ tam". Chúng tôi đem thuốc lá ra bán ở ga, trên xe lửa hoặc trên các đại lộ.

Đã sắp đến mùa thu năm 1917. Song nếu tôi nói rằng, tôi đã nhận biết, cảm thấy hoặc là hiểu được chút ít những ý nghĩa sâu xa của thời kỳ này đối với tôi, đối với cả nước, thậm chí đối với toàn thế giới nữa thì đó chỉ là nói khoác. Tôi chẳng nhìn thấy gì và chẳng hiểu gì cả. Thậm chí tôi còn quên cả những cảm xúc mơ hồ mà tôi thể nghiệm thấy ở nông thôn hồi mùa xuân. Tôi cứ sống hết ngày này qua ngày khác bán thuốc lá, bắt tôm hùm các loại tôm vàng, tôm xanh, tôm xám, chỉ có loại tôm biếc là chẳng vớ được lần nào.

Song cuộc sống tự do của tôi sắp kết thúc rồi.

Chương 9

Một gạch, một gạch, gạch nữa, gạch thứ năm, thứ hai mươi, thứ một trăm.

Có lẽ ngay từ khi chúng tôi chưa trở về thành phố, hắn đã thường đến nhà tôi rồi. Mọi người trong xóm đều biết hắn. Ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp và dì Đa-sa đã tỏ ra một thái độ mập mờ có phần giễu cợt đối với hắn. Nhưng bây giờ hầu như ngày nào hắn cũng đến, đôi khi hắn mang thứ gì đó đến, song thật thà mà nói, tôi không hề ăn của hắn một quả mận, một cái kẹo sữa nào.

Tóc hắn quăn, ria vểnh, mặt phị, khổ người khá cân đối. Cái giọng âm âm của hắn theo tôi chỉ làm cho người ta phát ngán. Hắn đang chữa những nốt trứng cá nổi rõ trên nước da đen của hắn. Nhưng dẫu hắn có những nốt trứng cá, mớ tóc quăn và giọng nói âm âm khó chịu ấy, rất tiếc là mẹ tôi đã thích hắn, nếu không thì hầu như ngày nào hắn cũng đến nhà tôi để làm gì? Thật vậy, mẹ tôi đã thích hắn. Trước mặt hắn, mẹ tôi đổi khác hẳn, cười đùa và cũng nói dài dòng văn tự như hắn. Có một lần

tôi nhìn thấy mẹ ngồi cười tủm tỉm một mình. Qua nét mặt tôi đoán ngay là mẹ đang nghĩ đến hắn. Một lần khác trong khi nói chuyện với dì Đa-sa về một người nào đó, mẹ nói: "Hết sức bất bình thường". Đó là câu hắn thường nói.

Họ của hắn là Ti-mô-skin, nhưng không hiểu sao, hắn lại bảo gọi hắn là Gai-e[1] Cu-li, – cho đến bây giờ tôi cũng không hiểu dụng ý của hắn. Tôi chỉ nhớ hắn rất thích nói với mẹ rằng: "Trong cuộc sống hắn là một vai hề đáng thương" và "Cuộc sống quăng quật hắn như củi rác".

Lúc nói những câu này, hắn làm ra bộ mặt quan trọng, nhìn mẹ ra vẻ ưu tư một cách đần độn.

Và thế là lão Gai-e này chiều nào cũng đến nhà tôi. Thường tối nào cũng diễn ra như thế này:

Chiếc đèn nhà bếp treo ở trên tường, bóng mái tóc rối bù trên đầu tôi che lấp cả quyển vở làm bài, lọ mực và cái bàn tay đang bất lực đưa đi trên mặt giấy, ngòi bút kêu soàn soạt.

Tôi ngồi ở bàn phồng mồm ra mà cố vẽ những nét gạch – một gạch, một gạch nữa, ba gạch, một trăm gạch, một nghìn gạch! Tôi đã viết không dưới một triệu nét gạch, bởi vì ông thầy của tôi đã quả quyết rằng, nếu nét bút chưa "thẳng cứng"[2] thì nhất định không thể học tiếp được. Hắn ngồi cạnh tôi và dạy tôi, đôi lúc hắn dạy tôi viết mà hắn còn dạy tôi cách sống nữa. Hắn tuôn ra hàng tràng luận điệu ngu xuẩn làm cho đầu óc tôi quay cuồng lên, thế là những nét chữ của tôi cứ lòng khòng lèo khoèo đủ các kiểu, chỉ tội là không thẳng, không được "thẳng cứng".

---

(1) Gai-e tức là vai hề trong kịch. – N. D.

(2) Đáng lẽ nói nét bút "thẳng đứng" thì Gai-e lại nói nhầm là "thẳng cứng". – N. D.

- Mỗi người đều muốn kiếm được miếng béo bở, - hắn nói, - theo bản năng ai cũng phải nhằm mục đích ấy. Nhưng có thể gọi miếng béo bở như thế là một hiện tượng đảm bảo hay không thì lại là vấn đề khác.

Một gạch, một gạch, một gạch, năm gạch, hai mươi gạch, một trăm gạch...

- Ví dụ như tao đây chẳng hạn, ngay từ nhỏ tao đã lâm vào tình cảnh khó khăn và tao không hề được dựa dẫm tí nào vào sức lao động của mẹ tao. Trái lại, khi gia đình bị sa sút và bố tao bị bỏ tù vì tội ăn cắp ngựa thì chính tao là kẻ phải đi kiếm cơm chứ không phải ai khác.

Từng nét, từng nét, nét đậm, nét nhạt, xiên xẹo, cong queo, năm nét, hai mươi nét, một trăm nét...

- Đáng buồn là khi ở tù ra bố tao bắt đầu nghiện rượu. Uống càng nhiều thì tài sản càng sa sút. Rồi ông ấy chết, đương nhiên là chết rất nhanh, chẳng qua chỉ là lột da một con ngựa đã chết.

Tôi biết rất rõ tình hình xảy ra sau khi bố ông thầy của tôi chết đi: cái xác trương to gấp ba lần lúc còn sống, cho nên cỗ quan tài vừa mới bắt đầu đóng liền phải vội vàng đóng lại. Có một lần tôi còn nằm mê thấy cái chết ghê tởm ấy...

Một gạch, một gạch, một gạch... tiếng ngòi bút kêu sột soạt, một gạch, một vết mực...

- Ngôi nhà tao trở nên hoang vắng. Hồi đó tao mới mười một tuổi, nhưng không hề bi quan thất vọng, và cũng không ăn bám vào mẹ.

Ông thầy nhìn tôi. Hồi đó tôi mới lên mười nhưng tôi cũng không thể ngồi yên trên chiếc ghế đẩu được nữa.

- Tao đi ở cho một hiệu ăn, làm bồi bàn, nhưng không ăn bám vào tiền mẹ kiếm ra nữa.

Không nghi ngờ gì cả, chính vì cái kiểu ăn nói lạ lùng này của hắn đã gây cho mẹ tôi một ấn tượng mạnh mẽ. Nếu lão Gai-e chỉ nói đơn giản thì mẹ đã đoán ra ngay chẳng qua hắn cũng chỉ là một kẻ bình thường, ngu ngốc, lười biếng và phũ phàng. Tuy vậy về cái tính phũ phàng của hắn thì chẳng bao lâu tự mẹ cũng đã biết.

Mẹ tôi cũng ngồi bên cạnh cái bàn ấy và say sưa nghe hắn. Mẹ đang vá áo sơ-mi – chiếc áo sơ-mi của cha tôi – và tôi hiểu rằng mẹ vá chiếc áo này cho ai mặc. Tôi linh cảm thấy một tai họa sẽ xảy ra nên ngước mắt nhìn khuôn mặt tái nhợt của mẹ, mái tóc đen nhánh có đường ngôi ở giữa, hai bàn tay mảnh khảnh của mẹ. Tôi lại quay về với những nét gạch của mình. Tôi rất muốn thêm vào dù chỉ một đường thật dài lên trên những dãy nét gạch này thì nó sẽ thành cái hàng rào tuyệt diệu. – Nhưng không được! Nét gạch cứ phải "thẳng cứng".

– Song mẹ tao, – Gai-e tiếp tục nói, – rõ ràng là thiên về phía của bố thí. Tao phải đối phó thế nào? Tao nhận thức thấy rằng như vậy đối với tiền đồ và sự phát triển của tao quả là bất lợi. Tao bèn nói với ông cậu là Ni-ki-ta Đu-e-vơ mà suốt đời tao không quên để cậu khuyên nhủ mẹ.

Tôi được nghe về người cậu suốt đời không quên này có tới hàng trăm lần. Trong trí tưởng tượng của tôi đó là một lão già béo ụt ịt, mặt cũng đầy trứng cá từ nhà quê đi xe trượt tuyết ra, lão bỏ chiếc áo khoác ngoài màu vàng, bước vào phòng, rũ tuyết bám trên người, làm dấu thánh trước tượng Chúa. Lão đánh cho mẹ Gai-e một trận, còn thằng bé Gai-e Cu-li đứng bên cạnh thản nhiên nhìn mẹ hắn bị đánh.

Một gạch, lại một gạch... cái hàng rào đã được vẽ xong từ lâu và tuy tôi biết rất rõ là sẽ bị tai vạ đến nơi, song tôi vẫn vẽ rất nhanh lên phía trên cái hàng rào một ông mặt trời, mấy con chim và đám mây. Gai-e vừa tiếp tục nói vừa liếc nhìn tôi, tôi vội vàng lấy ống tay áo che lấp ông mặt trời và những con chim đi. Song không kịp nữa rồi! Hắn cầm lấy quyển vở của tôi. Hắn trợn mắt. Tôi đứng dậy.

- Bà Ác-si-ni-a Phê-đô-rốp-a, bây giờ xin bà hãy nhìn xem, cậu con giai quí của bà đang làm gì đây này.

Khi cha tôi còn sống, mẹ tôi không bao giờ đánh trẻ con, thế mà lần này mẹ lại túm lấy tai tôi mà đập đầu xuống bàn.

Rồi lại những buổi tối khác, vì bố dượng tương lai của tôi cũng có lúc đọc thơ, song thật khác lần tôi và Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp đọc với nhau trong vườn Nhà thờ. Lần nào Gai-e cũng chỉ đọc mỗi một quyển sách: "Trích nhật ký của một người hào kiệt". Ngoài bìa cuốn sách có in một đoạn thơ như thế này:

Nay đại trượng phu xả thân không tiếc

Phò Sa hoàng gìn giữ non sông

Đòn đau hai bận, mình năm vết thương

Nhưng đã trị cho lũ giặc kinh hoàng.

Hắn đọc quyển sách này với vẻ mặt nạt nộ hung hãn, làm như mọi sự bất hạnh của vị hào kiệt anh dũng này đều tại tôi cả.

Việc học hành bị chấm dứt từ cái hôm Gai-e Cu-li dọn đến nhà tôi ở. Lễ cưới đã tổ chức tối hôm trước. Dì Đa-sa cáo ốm không đến dự. Tôi còn nhớ hôm cưới ấy mẹ tôi ăn mặc rất diêm dúa. Mẹ mặc chiếc áo măng-tô bằng nhung trắng - đó là quà tặng của chú rể, tóc chải y như một thiếu nữ, tết đuôi sam quấn trên đầu. Mẹ cũng chuyện trò, uống rượu, cười đùa, song thỉnh

thoảng lại đưa tay xoa trán một cách lạ lùng. Gai-e Cu-li đứng lên phát biểu, hắn kể ra những công lao đối với cái gia đình khốn khó này "thế nào cũng đi đến chỗ tan vỡ vì người chủ gia đình trước đây đã để lại một cơ đồ tàn tạ". Hắn còn nói cả đến việc đã mở mang cho tôi được "giáo dục phổ thông". Rõ ràng là sự hiểu biết của hắn về cái danh từ này không ngoài những nét chữ "thẳng cứng".

Vị tất mẹ tôi đã nghe thấy những lời hắn nói. Mẹ ngồi bên cạnh người chồng mới, mắt nhìn xuống đất, bỗng mẹ cau mày ngơ ngác nhìn về phía trước.

Ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp sau khi đã uống say đi đến bên cạnh mẹ, vỗ vào vai và nói:

- Chà, Ác-si-ni-a, bà đã đổi lấy cái thằng...

Mẹ tôi vội gượng cười.

Sau khi cưới độ hai tháng lão bố dượng của tôi làm việc ở văn phòng bến tàu. Và mặc dù rất đau lòng khi nhìn thấy hắn ta đi về ngồi vào chỗ mà cha tôi trước kia vẫn ngồi, dùng cái thìa, cái dĩa, cái đĩa trước kia cha tôi vẫn ăn cơm, tôi vẫn có thể sống được bằng cách lẩn tránh lão ta, giả câm giả điếc, hoặc là chờ lão ta đi ngủ rồi mới về. Nhưng chẳng bao lâu lão ta bị đuổi ra khỏi văn phòng bến tàu vì những việc ám muội nào đó và cuộc sống liền trở nên căng thẳng gay gắt. Trong cái đầu mít đặc của lão ta bỗng sinh ra một ý nghĩ bất hạnh là phải ra sức giáo dục chúng tôi – tôi và em gái. Từ đó trở đi tôi không còn lấy một phút tự do.

Giờ đây tôi đoán rằng chắc hồi còn trẻ lão đã từng đi làm đầy tớ cho người ta nên thấy những cái trò lạ lùng và nực cười mà nay lão ta bắt tôi và em gái phải làm.

Trước hết lão ta bắt chúng tôi cứ sáng sớm dậy là phải đến chào lão, mặc dù chúng tôi ngủ ngay dưới đất, cách giường lão có hai bước chân. Và chúng tôi đành phải đến. Song chẳng sức mạnh nào có thể ép tôi nói câu "Chào bố buổi sáng tốt lành" được. Buổi sáng chẳng tốt lành gì, mà bố cũng không phải là bố. Chúng tôi không được phép ngồi vào bàn ăn trước lão, và khi chưa được phép của lão thì không được đứng dậy. Ăn xong chúng tôi phải cám ơn lão mặc dù mẹ tôi vẫn phải đến giặt thuê cho nhà thương như trước, bữa cơm do tiền của mẹ tôi và của tôi kiếm ra lại do em gái tôi thổi nấu. Tôi còn nhớ tôi đã điên tiết lên lúc em Xa-nhi-a tội nghiệp theo lời dạy của lão, lần đầu tiên đứng lên khỏi bàn ăn phải gò gập người xuống chào và nói "Xin cám ơn ba".Lúc đó tôi chỉ muốn ném ngay cả đĩa cháo đang ăn dở vào cái mặt béo phị của lão. Tôi đã không làm việc đó nên đến tận bây giờ vẫn còn ân hận...

Tôi căm thù lão biết nhường nào! Tôi căm ghét cả đến cái dáng đi, tiếng ngáy, bộ tóc, thậm chí đến cả đôi ủng của lão mà sáng nào lão cũng hì hục đánh bóng lộn. Ban đêm mỗi khi tỉnh dậy là tôi lại căm thù nhìn mãi cái mặt béo phị đang ngủ say tít ấy... Lão không thể ngờ rằng lão đang ở vào tình cảnh nguy hiểm biết bao. Nếu như không có dì Đa-sa thì chắc tôi đã giết chết lão ta.

Chương 10

Dì Đa-sa

Nếu như không có cái hình tượng vô cùng đáng yêu của dì Đa-sa hiện lên trước mắt thì có lẽ tôi cũng chẳng buồn nhớ lại quãng thời gian này làm gì. Dì Đa-sa là người đầu tiên tôi tôn trọng và kính yêu một cách có ý thức.

Tôi thường đến chơi nhà dì và cứ nín thinh chẳng nói lời nào mà dì cũng hiểu cả. Để an ủi tôi, dì hay kể cho tôi nghe chuyện cuộc đời dì. Tôi rất ngạc nhiên khi biết dì còn chưa đầy bốn chục tuổi! Thế mà tôi cứ tưởng dì đã đáng được gọi là bà nội rồi, nhất là buổi tối, khi dì đeo kính vào để đọc những bức thư của thiên hạ mà nước lũ đã trôi dạt vào sân nhà chúng tôi (đến lúc này dì vẫn cứ mang ra đọc). Dì góa chồng từ năm hai mươi lăm tuổi. Chồng dì hy sinh ngay từ những năm đầu của cuộc chiến tranh Nga – Nhật. Trên chiếc tủ phủ khăn đăng-ten có tấm ảnh của chồng dì đặt giữa hai lọ hoa bằng thủy tinh cuốn màu xanh. Đằng sau tấm ảnh có một bức thư mà tôi cũng đã thuộc lòng. Văn phòng dã chiến Trung đoàn bộ binh số hai mươi sáu thuộc miền Đông Xi-bê-ri gửi giấy cho dì Đa-sa báo tin rằng chồng dì, binh nhì Phê-đo A-lếch-xan-đrô-vích Phê-đô-rốp được thưởng

Huân chương Nhà binh hạng ba và hạng tư về những chiến công xuất sắc đã hy sinh một cách anh hùng trong cuộc chiến đấu với bọn Nhật. Anh hùng! Mãi về sau này hễ mỗi lần nhắc đến hai tiếng đó là tôi lại hình dung thấy một người đàn ông tóc cắt ngắn, râu ria dài rậm ngồi trong chiếc ghế mây trên nền những ngọn núi phủ tuyết.

Mỗi buổi tối dì Đa-sa đọc một bức thư. Đối với dì việc đó hình như đã thành thói quen. Thoạt đầu dì căn cứ vào phong bì và địa chỉ của bức thư mà đoán xem nội dung như thế nào. Song phần lớn các địa chỉ đề trên bì thư đã bị nước làm nhòe mất.

Sau đó dì đọc thư, đúng ra là "bình" lên từng cái thư, dì đọc chậm rãi, thở dài, gặp chỗ nào mờ quá không đọc nổi thì dì lại ậm ừ bực tức. Dì vui niềm vui của người trong thư, đau buồn nỗi cảm thương của họ, cũng có kẻ bị dì trách móc và cũng có người được dì khen. Tóm lại dì làm như những bức thư đó đều gửi cho mình. Dì đọc sách cũng y như vậy. Trong tập sách nhỏ phụ bản của tờ tạp chí "Tổ quốc" có đăng những chuyện về các vương công quí tộc. Đối với những chuyện riêng về gia đình hoặc việc yêu đương của những người này dì đều điểm ra y như đó là người hàng xóm láng giềng của mình vậy.

- Còn cái lão Nam tước! - Dì nói sôi nổi, - tôi biết thừa là lão ta sẽ bỏ phu nhân Đơ Xan-xu. Hễ mở mồm là "Mình thân yêu, thân yêu". Thế mà cuối cùng thì thế đấy! Người đã tốt chưa!

Nhiều tối tôi lẩn tránh Gai-e Cu-li đến nhà dì chơi thì dì đã đọc gần xong tập thư, thường chỉ còn lại không đầy mười lăm chiếc. Trong đó có một bức thư tôi muốn dẫn ra đây. Dì Đa-sa không hiểu nội dung của bức thư này... Nhưng ngay hồi ấy tôi đã cảm thấy bức thư này có vẻ liên quan đến bức thư của viên hoa tiêu viễn dương.

Sau đây là bức thư đó (mấy dòng đầu dì Đa-sa không đọc ra được):

"*... Anh chỉ tha thiết xin em một điều: đừng có tin ở con người ấy! Có thể mạnh dạn mà nói rằng tất cả mọi thất bại của bọn anh đều do hắn ta gây ra cả. Chỉ cần nói một việc như sau cũng đủ rõ: trong số sáu mươi con chó mà hắn mang đến Ác-khan-ghen-xcơ bán cho bọn anh, phần lớn đã phải bắn chết ngay từ vùng "Đất mở" rồi. Bọn anh đã phải trả một giá quá đắt cho sự giúp đỡ thân tình của hắn như thế đấy. Không phải chỉ mình anh mà cả đội thám hiểm đều nguyền rủa hắn. Bọn anh biết rằng đi vào nơi nguy hiểm thì nhất định gặp hiểm nguy, song không ai ngờ lại bị một vố đau như vậy. Giờ đây chỉ còn mỗi một cách là gắng hết sức mình. Anh có thể kể cho em nghe rất nhiều về chuyến đi thám hiểm của bọn anh. Những chuyện ấy đủ để kể cho Ca-chiu-sca nghe suốt cả mùa đông. Nhưng lạy chúa, việc này đã phải trả một giá quá đắt! Anh không muốn khiến em nghĩ rằng hoàn cảnh bọn anh đã tuyệt vọng. Nhưng dù sao ở nhà cũng đừng nên mong ngóng quá...*"

Dì Đa-sa đọc ngắc ngứ, thỉnh thoảng liếc nhìn tôi qua cặp kính ra vẻ răn bảo. Tôi nghe dì đọc. Lúc đó tôi không ngờ rằng sau này ít năm tôi sẽ phải đau khổ mà nhớ lại từng chữ trong thư.

Bức thư rất dài, có tới bảy tám trang, kể lại tỉ mỉ số phận của con tàu sau khi bị băng tuyết vây kín từ từ di chuyển lên phía bắc như thế nào. Điều làm cho tôi rất ngạc nhiên là ngay trong khoang tàu cũng bị đóng băng nên cứ sáng ra là họ phải lấy rìu ra đập.

Tôi có thể dùng lời lẽ của mình để kể lại câu chuyện anh thủy thủ Xcát-scốp đi săn gấu ngã xuống vực bị chết, hay chuyện mọi người đã phải khổ công chăm sóc anh thợ máy Ti-xa bị ốm ra sao. Nhưng thuộc lòng từng chữ thì tôi chỉ có thể nhớ được khoảng mươi dòng nói trên.

Dì Đa-sa vẫn đang đọc, vừa đọc vừa thở dài. Hình như có một bức tranh mờ ảo hiện lên trước mắt tôi: những căn lều trắng đựng trên mặt tuyết trắng xóa, một đàn chó thở hồng hộc kéo chiếc xe tuyết nặng nề. Một người to lớn đi đôi ủng lông, đầu đội mũ lông, y như ông cố đạo mặc áo lễ bằng da lông đang tiến lại phía chiếc xe tuyết.

Một hôm tôi đến nhà dì Đa-sa thì thấy dì đang khóc. Dì ngồi khóc trước cái tủ có tấm ảnh chồng dì - người anh hùng trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật. Nhìn thấy tôi, dì giật chiếc khăn ở trên đầu xuống.

- Đấy, người ta dám đối xử với tôi như thế đấy, quân khát máu, cái giống chỉ biết đi chửi người ta. - Vẻ giận dữ trong giọng nói của dì làm tôi kinh ngạc. - Lăng nhục đến như thế đấy! Cứ tưởng người ta là cô nhi quả phụ thì không có ai che chở cho nữa hay sao? Rồi sẽ có!

- Dì Đa-sa!

- Rồi sẽ có! - Dì nói lần nữa rồi lại khóc. - Tôi không thể chịu được nữa đâu. Tôi sẽ bỏ đi, thế là hết chuyện. Đừng hòng thấy mặt nữa!

Dì ngồi lên giường, tháo giày ra và ném xuống đất.

- Quỉ tha ma bắt mày đi! - Dì trịnh trọng nói - Mà chính mày cũng là đồ ma quỉ, biết không! Xứng đôi vừa lứa thế nào được. Không đời nào có chuyện ấy!

Tôi hiểu ra là dì Đa-sa đang nhiếc móc ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nên hỏi dì xem ông ta đã làm gì. Song dì chỉ khoát tay chẳng buồn nói.

Ngay từ lúc đó tôi đã cảm thấy rằng, chính bản thân dì cũng chưa thật rõ là ông ta có làm nhục dì hay không. Dẫu sao thì ông ta cũng đã nói với dì điều gì rất đặc biệt nên buổi tối dì Đa-sa đã đội lên đầu chiếc khăn đen viền ren và đi đến nhà mụ thầy bói di-gan ở khu nhà bên cạnh.

Lúc trở về dì có vẻ trầm tư, lặng lẽ và không nhiếc móc ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nữa. Trái lại, tự nhiên dì bỗng lẩm bẩm: "Mà cũng không ham mê rượu chè!"

Thái độ kỳ lạ ấy kéo dài sang cả ngày hôm sau. Dì Đa-sa ngồi đan ở ngoài sân. Lúc đó ở ngoài ngõ xuất hiện một người lạ, mặt đỏ gay, mình mặc chiếc áo bành tô bằng vải thô bẩn thỉu, chân đi đôi ủng da dày. Anh ta ngó qua một lượt rồi tiến đến chỗ ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đang đun xoong hồ vạn năng của ông ở trên thềm.

- Có phải ông muốn bán nhà không?

Ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nhìn anh ta, rồi nhìn sang dì Đa-sa.

- Vâng, – ông trả lời, – tôi muốn bán ngôi nhà này cùng với tất cả đồ đạc để đi nơi khác.

Dì Đa-sa xúc động lẩm bẩm gì trong miệng một lúc rồi đứng phắt dậy làm đổ cả cái ghế và cũng như hôm qua, dì giật cái khăn trên đầu xuống.

- Có cả đất chứ?

- Có cả đất, trong phạm vi cái hàng rào kia.

Tiếng lẩm bẩm của dì Đa-sa mỗi lúc càng to.

- Không bán! - Dì bỗng quát lên. - Cái nhà này không bán. Xin ông đi đi!

Ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp láu lỉnh nheo một mắt lại.

– Ông là chủ ngôi nhà này? – Người mặc chiếc áo vải thô bỗng hỏi ngay.

– Vâng!

– Thế thì ông có bán hay không?

– Đấy người ta nói là không bán mà, – ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đắc chí nói và cười ha hả.

Pê-chi-a cũng có mặt ở đấy. Nó đứng ở cửa bếp và cười khẩy. Tôi chẳng hiểu tí gì cả. Nhưng chẳng bao lâu mọi sự đã rõ ràng.

Chương 11

Cuộc nói chuyện với Pê-chi-a

Từ hồi còn ngồi vẽ những nét gạch "thẳng cứng" tôi đã có ý định chuồn. Không phải bỗng dưng mà tôi vẽ lên bên trên cái hàng rào ông mặt trời, mấy con chim và những đám mây! Sau đó tôi lại quên bẵng mất ý nghĩ này. Nhưng càng ngày mỗi khi trở về nhà tôi càng cảm thấy nặng nề hơn.

Tôi hầu như không gặp mẹ tôi lúc nào nữa. Buổi sáng mẹ tôi đi lúc tôi còn đang ngủ. Đôi khi ban đêm tỉnh dậy tôi nhìn thấy mẹ ngồi cạnh bàn. Vì quá mệt mỏi, sắc mặt mẹ tôi trắng bệch ra. Mẹ thong thả ăn bữa cơm tối. Ngay đến Gai-e khi nhìn thấy đôi mắt thâm quầng của mẹ cũng phải nhụt bớt đi.

Tôi rất yêu em gái tôi. Nhưng thà tôi đừng thương em lại đỡ khổ tâm hơn. Tôi nhớ có lần tên Gai-e khốn kiếp đã đánh em một trận chí chết chỉ vì nó đánh đổ một ly dầu ăn. Hắn đuổi em ra khỏi bàn ăn nhưng tôi đã lén đem cho em một ít khoai tây. Nó vừa ăn vừa khóc, bỗng nó sực nhớ ra không hiểu lúc bị đòn, những mảnh thủy tinh màu có bị rơi mất không. Khi thấy những mảnh thủy tinh thì nó cười và ăn nốt chỗ khoai tây rồi lại khóc.

Dạo ấy đã sắp đến mùa thu, tôi và Pê-chi-a dạo chơi trong

vườn Nhà thờ, chân đi đất hất tung những đám lá rơi. Pê-chi-a nói khoác rằng dưới cái quả đồi mà chúng tôi đang ngồi có một con đường ngầm từ ngày xưa chạy từ vườn bên này xuyên qua đáy sông sang bờ bên kia và chính nó cũng đã có lần đi được một nửa đường ngầm rồi.

- Tớ đi suốt cả đêm, - Pê-chi-a nói bừa, - bước đến đâu cũng dẫm phải xương người.

Từ quả đồi đất nhỏ này có thể nhìn thấy nhà thờ Pô-crốp-xki quét vôi trắng lừng lững, trên bờ sông cao. Những bức tường thấp vây kín chung quanh. Đằng sau tường là bãi cỏ. Một làn gió nhẹ lướt qua làm cho bãi cỏ luôn thay đổi màu sắc lúc thì xanh nhạt, lúc lại vàng hoe y như mặt biển đổi màu.

Nhưng lúc đó tôi và Pê-chi-a rất ít chú ý đến cảnh đẹp thiên nhiên. Chúng tôi nằm trên đỉnh đồi và mút cái thứ cỏ gì đắng ngắt mà Pê-chi-a vẫn bảo là cỏ ngọt.

Tôi còn nhớ câu chuyện hôm ấy bắt đầu từ những con chuột: trong đường ngầm có chuột hay không? Pê-chi-a nói là có. Chính mắt nó đã nom thấy và cũng như ong, có một con chuột chúa.

- Hễ cứ đến năm nhuận là chúng chết sạch, - nó nói thêm, - rồi con chuột chúa lại đẻ ra rất nhiều con. Con chuột chúa to bằng con thỏ cái ấy.

- Mày chỉ nói láo!

- Thề đấy! - Pê-chi-a nói giọng phớt tỉnh.

Giữa chúng tôi như có một ước lệ với nhau là việc gì thì có thể nói láo, việc gì không được nói láo. Hồi đó tuy còn là trẻ con, song chúng tôi cũng đã biết tôn trọng nhau.

- Ở Tuyếc-két-xtan không có chuột như ở đây, - Pê-chi-a tư lự nói thêm. - Ở đó chỉ có chuột nhảy, trên thảo nguyên thì có chuột đồng. Những giống chuột ấy khác hẳn, bởi vì chúng chỉ ăn cỏ non thôi.

Nó thường nói đến Tuyếc-két-xtan, theo lời nó, thì đây là một thành phố. Trong thành phố này lê, táo, cam mọc ngay trên đường phố. Mọi người có thể tùy ý muốn hái bao nhiêu thì hái chẳng bị ai đuổi theo chửi bới như những lão gác các vườn quả ở đây. Người ta có thể trải thảm ngủ ngay trên bãi cỏ ngoài trời, bởi vì ở đó không có mùa đông, quanh năm chỉ mặc một chiếc áo choàng thôi cũng đủ, chẳng cần gì ủng da với áo bành tô.

- Những người Thổ-nhĩ-kỳ sống ở đó. Người nào cũng đều có vũ khí. Những thanh kiếm cong mạ bạc, lưng giắt dao găm, trước ngực thì đeo dây đạn. Chúng mình đi đến đấy nhé!

Tôi cho rằng nó nói đùa. Song nó không đùa. Mặt nó hơi tái. Nó bỗng quay đi rồi đứng dậy hồi hộp nhìn sang phía bờ xa xa. Bên ấy ông lão đánh cá quen thuộc đang ngủ bên những chiếc cần câu cắm xuống khe đá sát ngay mặt nước. Chúng tôi im lặng.

- Thế còn bố cậu? Ông ấy có cho đi không?

- Tớ lại đi hỏi ông ấy à! Bây giờ ông ấy còn đầu óc nào nghĩ đến tớ nữa.

- Sao vậy?

- Vì ông ấy lấy vợ, - Pê-chi-a khinh khỉnh nói

Tôi rất đỗi ngạc nhiên.

- Lấy ai thế?

- Dì Đa-sa.

- Nói láo!

- Ông ấy bảo dì Đa-sa là nếu dì không bằng lòng thì ông ấy sẽ bán nhà rồi đi các làng hàn nồi rong. Lúc đầu dì Đa-sa làm ầm lên nhưng sau lại bằng lòng. Chắc là cũng thương yêu ông ấy rồi. - Pê-chi-a lại khinh khỉnh nói và nhổ toẹt.

Tôi vẫn chưa tin. Dì Đa-sa! Lấy chồng! Dì lấy ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp ư? Lấy người mà dì đã nhiếc móc như thế?

- Thế thì việc gì đến cậu?

- Chẳng việc gì cả, - Pê-chi-a nói vậy.

Nó nhăn mặt và nói sang chuyện khác. Mẹ nó chết cách đây hai năm, nó khóc thảm thiết rồi cứ thế bước ra khỏi nhà đi chẳng biết giời đất gì nữa. Sau đó người ta phải đi tìm mãi mới thấy. Tôi còn nhớ bọn trẻ con đã chế nó về cái chuyện ấy.

Chúng tôi chuyện trò thêm một lúc nữa rồi nằm ngửa người, dang tay ra nhìn lên trời. Pê-chi-a quả quyết rằng nếu cứ nằm như vậy khoảng hai mươi phút mà không chớp mắt thì có thể nhìn thấy những ngôi sao và mặt trăng ngay giữa ban ngày. Thế là chúng tôi cứ nằm nhìn. Trời xanh trong vắt mênh mông. Đâu đó tít trên cao những đám mây trắng xô đuổi nhau. Mắt tôi đã căng mọng đầy nước, song tôi vẫn cố gượng không chớp mắt. Mãi cũng chẳng thấy mặt trăng đâu cả, còn những vì sao thì tôi đã hiểu ngay là thằng Pê-chi-a nói láo.

Đâu đó vang lên tiếng động cơ. Lúc đầu tôi cứ tưởng đó là chiếc xe tải nhà binh chở hàng trên bến cảng (bến cảng ở ngay phía dưới chân tường pháo đài). Song tiếng động cơ càng ngày càng gần.

- Máy bay! - Pê-chi-a nói.

Chiếc máy bay màu xám lấp lánh dưới ánh mặt trời y như một con cá tuyệt đẹp có cánh. Nó bay ngược chiều gió lao tới những đám mây đang trôi theo gió. Lần đầu tiên tôi phải kinh ngạc khi thấy chiếc máy bay nhẹ nhàng vượt qua những đám mây. Kìa nó đã bay qua nhà thờ Pô-cốp-xki rồi. Cái bóng hình chữ thập cứ chạy theo nó mãi trên đồng cỏ bên kia sông. Chiếc máy bay đã biến mất từ lâu, song tôi có cảm giác như vẫn nhìn thấy hai chiếc cánh xám nhỏ xíu ở xa tít.

Chương 12

Gai-e Cu-li trong tiểu đoàn cảm tử

Pê-chi-a có một người chú ruột sống ở Mát-xcơ-va, do đó mọi kế hoạch của chúng tôi đều trông cậy ở ông ấy. Ông chú làm việc ở Ngành đường sắt. Pê-chi-a quả quyết rằng ông chú làm lái tàu, nhưng tôi nghĩ, chắc là thợ đốt lò. Bởi vì trước đây Pê-chi-a vẫn bảo chú làm thợ đốt lò. Chú lái tàu kiêm đốt lò này cách đây năm năm làm việc trên tàu chạy đường Mát-xcơ-va - Ta-sken. Tôi nói một cách chính xác là năm năm bởi vì đã năm năm nay không có thư từ gì của ông ấy cả. Nhưng Pê-chi-a lại nói rằng điều đó chẳng đáng ngại gì bởi vì xưa nay chú ấy rất ít viết thư. Hiện nay chú vẫn làm việc trên tàu chạy tuyến đường ấy và bức thư cuối cùng của chú gửi từ Xa-ma-ra. Chúng tôi cùng đi xem bản đồ, quả nhiên Xa-ma-ra nằm giữa Mát-xcơ-va và Ta-sken thật.

Tóm lại là chỉ cần tìm được ông chú này thôi. Pê-chi-a biết địa chỉ của chú, – mà nếu không biết địa chỉ thì cũng vẫn theo tên họ tìm được ra người. Còn như họ của ông chú là gì thì khỏi phải nghi ngờ gì nữa, tất nhiên cũng là họ Xcô-vô-rốt-ni-cốp, đúng như họ của Pê-chi-a.

Chúng tôi hình dung phần thứ hai của cuộc hành trình như sau: chỉ cần ông chú cho chúng tôi lên toa đầu máy đi từ Mát-xcơ-va đến Ta-sken là được. Song làm cách nào mà đến được Mát-xcơ-va?

Pê-chi-a chẳng cần thuyết phục tôi. Nó chỉ lạnh lùng nghe tôi rụt rè phản đối, chẳng buồn trả lời tôi – đối với nó thì mọi sự đều đã rõ ràng. Còn tôi thì chỉ rõ có một điều: nếu không vì lão Gai-e thì tôi chẳng đi đâu cả. Thế rồi bỗng nhiên hóa ra là lão ta lại đi ra, còn tôi thì ở lại.

Đó là một ngày đáng ghi nhớ. Lão ta mặc quần áo nhà binh, chân đi đôi ủng da mới, bóng nhoáng, mỗi bước đi lại kêu cọt kẹt, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai lệch sang một bên, mớ tóc quăn lượn sóng thò ra ngoài mũ. Lão ta về nhà, đặt lên mặt bàn hai trăm rúp.

Vào thời kỳ đó thì đây là một khoản tiền ít ai có, và mẹ tôi bất giác dùng hai bàn tay đậy kín đống tiền lại như sợ bị người ta lấy mất.

Song điều làm cho tôi và Pê-chi-a cũng như tất cả bọn trẻ con trong xóm ngạc nhiên lại không phải là món tiền ấy, mà là một cái khác. Đó là trên ống tay áo quân phục của lão ta có thêu một chiếc đầu lâu và hai cái xương bắt chéo. Lão bố dượng của tôi đã gia nhập tiểu đoàn cảm tử.

Hồi đó ở bất kỳ nơi nào có người hội họp hay chơi bời, nghĩa là hễ cứ có đám đông là bỗng nhiên xuất hiện một người đeo trống. Hắn ta đánh trống, thế là mọi người im bặt. Lúc đó có một người nữa, thông thường là một sĩ quan cũng ăn mặc giống như lão bố dượng tôi, trên tay áo cũng thêu chiếc đầu lâu với hai cái xương, đứng ra nói chuyện. Nhân danh chính phủ lâm thời kêu gọi mọi người gia nhập tiểu đoàn cảm tử. Song mặc dù họ hứa hẹn rằng

ai ghi tên gia nhập thì được lĩnh sáu mươi rúp mỗi tháng, chưa kể quân trang sĩ quan và phụ cấp, song chẳng có ai muốn chết cho chính phủ lâm thời cả. Chỉ có những tên vô lại như lão bố dượng tôi mới ghi tên gia nhập tiểu đoàn cảm tử ấy mà thôi.

Nhưng hôm đó, cái hôm mà lão ta mặc bộ quân phục mới với bộ mặt trang nghiêm đem hai trăm rúp về nhà thì chẳng còn ai cảm thấy lão là một tên vô lại nữa. Thậm chí đến dì Đa-sa xưa nay vẫn ghét cay ghét đắng lão thì hôm nay cũng chạy sang và gượng gạo cúi chào.

Buổi tối lão ta mời khách đến rồi phát biểu ý kiến:

– Tất cả những quy trình mà cấp trên hằng qui định, – lão ta nói, – đều là để hạn chế bọn dân nghèo tự do làm cách mạng, bởi vì trong đám dân nghèo này tuyệt đại bộ phận là bọn Do-thái. Bọn chúng cùng với bọn Bôn-sê-vích đang tiến hành những hoạt động phiêu lưu đê tiện và đương nhiên sẽ rất tai hại đối với mọi thành quả của chế độ hiện thời. Đối với chúng tôi, những người bảo vệ tự do, tấn thảm cảnh này được giải quyết rất giản đơn. Chúng tôi cầm lấy vũ khí và kẻ nào vì danh vị cá nhân làm tổn hại đến cách mạng và tự do thì kẻ đó sẽ khốn! Tự do vô cùng quí giá! Chúng ta quyết không bán rẻ tự do. Tình hình thời cuộc trước mắt nói chung là như thế đó!

Tối hôm đó mẹ tôi rất vui. Mẹ mặc chiếc áo nhung trắng cộc tay rất hợp với mẹ, tay cầm chai rượu nho đi rót cho các vị khách, cứ sau mỗi lần nâng cốc là mẹ lại rót thêm. Bạn của bố dượng tôi, một gã béo lùn, ăn nói có vẻ lịch thiệp và cũng là người trong tiểu đoàn cảm tử đứng dậy kính cẩn đề nghị mọi người cạn chén chúc sức khỏe mẹ tôi. Lúc nghe bố dượng tôi phát biểu thì gã cười bò ra, nhưng bây giờ lại có vẻ nghiêm túc. Gã giơ cao cái cốc đầy rượu, chạm cốc với mẹ tôi rồi nói một câu cụt lủn: "U-ra!"

Mọi người hô theo "U-ra!" Mẹ tôi ngượng nghịu đỏ mặt lên, bước ra giữa phòng cúi rạp người xuống chào mọi người theo lối cũ.

- Thật là một giai nhân!... - Gã béo lùn nói.

Tiếp theo đó, ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đọc đáp từ. Ông đã uống say nên cứ dừng lại từng quãng khá lâu, nhưng lúc ấy mọi người vẫn im lặng lắng nghe.

- Mỗi người đều phải hiểu ý nghĩa của cái chết, - ông nói giọng nặng nề. - Nhất là những kẻ chỉ biết ăn hại. Đối với họ chỉ có một con đường là gia nhập tiểu đoàn của các ông thôi. Nhưng những người như tôi thì đừng có hòng đem mồi ra mà nhử. Tại sao? Bởi vì tôi không muốn chết vì cái tự do của các ông. Tự do của các ông là món hàng buôn bán. Cái tiểu đoàn của các ông cũng là món hàng buôn bán. Bán trước tính mạng của mình lấy hai trăm rúp. Xin phép các vị, thế nhỡ tôi không chết thì có phải trả tiền không?

Ông còn nói gì về những ngài bộ trưởng tư sản nữa rồi ngồi xuống. Lão bố dượng tôi nắm chặt hai quả đấm đi lại gần ông. Suýt nữa thì tối vui này kết thúc không được hay lắm... Nhưng gã béo lùn (trong lúc nghe lời đáp từ, gã cũng cười bò ra như lúc nãy) vội vàng đứng dậy chạy ra đứng giữa hai người. Trong lúc lão khuyên giải lão bố dượng tôi thì ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đi ra, chân cố ý nện mạnh gót ủng.

Song dù sao thì buổi liên hoan cũng đã kết thúc chẳng hay gì.

Chương 13

Buổi đưa đám mẹ

Chắc lúc ấy đã phải đến ba giờ sáng, tôi đã đi ngủ từ lâu, bỗng nhiên có tiếng kêu làm tôi tỉnh giấc. Khói thuốc lá vẫn đọng lại lơ lửng phía trên mặt bàn. Mọi người đã ra về cả từ lâu. Lão bố dượng tôi nằm trên sàn, dạng hai chân hai tay ra. Lại có tiếng kêu. Tôi nhận ra là tiếng dì Đa-sa nên bước lại bên cửa sổ. Có một người phụ nữ nằm ở ngoài sân và dì Đa-sa đang thổi phù phù vào mồm bà ta.

- Dì Đa-sa!

Hình như dì không nghe thấy tiếng tôi gọi nên dì lại đứng bật dậy, không hiểu sao lại chạy chung quanh ngôi nhà chúng tôi rồi gõ vào cửa sổ.

- Mang nước ra đây, anh Pi-ốt I-va-nứt! Chị Ác-si-ni-a nằm ngoài sân đây này!

Tôi vội vàng mở cửa ra, dì bước vào nhà và lay gọi bố dượng tôi.

- Anh Pi-ốt I-va-nứt! Trời ơi, cái anh này!

Bố dượng tôi chỉ ậm ừ vài tiếng.

- Xa-nhi-a, phải mang mẹ cháu vào đây. Có lẽ mẹ cháu vấp ngã bị thương ở ngoài sân đấy. Anh Pi-ốt I-va-nứt đâu rồi!

Lão bố dượng tôi ngồi dậy, mắt vẫn nhắm, nhưng rồi lại nằm xuống. Và thế là chúng tôi đành chịu không gọi lão ta dậy được.

Tôi và dì Đa-sa loay hoay chăm sóc mẹ tôi suốt đêm, mãi đến gần sáng mẹ mới tỉnh lại. Tuy đây chỉ là một cơn ngất bình thường nhưng lúc ngã đầu mẹ bị đập vào đá và rủi thay là mãi đến chiều hôm sau chúng tôi mới được bác sĩ cho biết điều đó. Bác sĩ dặn phải chườm nước đá. Nhưng mọi người đều cảm thấy rằng bỏ tiền ra đi mua nước đá là một điều kỳ lạ, nên dì Đa-sa quyết định lấy khăn mặt ướt đắp lên thay nước đá.

Tôi còn nhớ lúc đó bé Xa-nhi-a vừa khóc vừa chạy ra sân nhúng khăn mặt vào thùng nước rồi quay vào, tay gạt nước mắt. Mẹ nằm im không nhúc nhích, mặt tái nhợt như mọi khi. Mẹ không hề hỏi đến lão bố dượng tôi một lần nào - ngay hôm sau lão ta đã về tiểu đoàn cảm tử của lão, nhưng mẹ lại không cho chúng tôi - tôi và em gái - rời khỏi mẹ một bước! Mẹ tôi buồn nôn luôn và cứ hay nheo mắt lại như đang cố ngắm nhìn một vật gì đó. Không hiểu sao dì Đa-sa lại rất lo lắng về cử chỉ đó của mẹ. Mẹ ốm mất ba tuần rồi tưởng đã bắt đầu bình phục, nhưng không ngờ bỗng nhiên bệnh lại "ám".

Có lần tôi tỉnh giấc lúc sắp sáng và thấy mẹ đang ngồi trên giường, chân để trần buông xuống đất.

- Mẹ!

Mẹ lại nheo mắt nhìn tôi, nhưng tôi bỗng hiểu rằng mẹ không trông thấy tôi nữa.

- Mẹ ơi! Mẹ!

Tôi muốn đặt mẹ nằm xuống, nhưng mẹ vẫn giữ cái vẻ trang nghiêm chăm chú mà gạt tay tôi ra...

Bắt đầu từ hôm đó, mẹ không ăn uống gì cả. Bác sĩ dặn phải bắt mẹ ăn trứng và bơ. Ý kiến đó của bác sĩ tất nhiên là rất tốt. Song chúng tôi không có tiền, vả lại trong phố chẳng có trứng mà cũng chẳng làm gì có bơ.

Dì Đa-sa vừa gắt mẹ vừa khóc. Còn mẹ thì cứ nằm đấy, hai cái bím tóc đen nhánh vắt chéo trước ngực, nét mặt ngơ ngác buồn rầu chẳng nói một lời nào. Chỉ có một lần khi dì Đa-sa bực quá bảo rằng dì biết tại sao mẹ lại không ăn, vì mẹ không muốn sống nữa nên mẹ mới không ăn. Lúc đó mẹ mới lẩm bẩm mấy tiếng gì ấy, cau mày lại rồi quay người đi.

Từ ngày bị ốm, mẹ rất thương yêu tôi, có lẽ không kém gì thương yêu em Xa-nhi-a. Mẹ thường nhìn tôi rất lâu, rất chăm chú, hình như có vẻ ngỡ ngàng. Trước khi ốm không bao giờ mẹ khóc, thế mà giờ đây mẹ lại khóc suốt ngày và tôi hiểu tại sao mẹ lại khóc. Mẹ rất hối hận vì trước đây mẹ không thương yêu tôi, vì mẹ đã quên mất cha tôi, và cũng có thể mẹ muốn chúng tôi tha lỗi cho mẹ đã lấy lão Gai-e, tha lỗi cho mẹ về tất cả những điều mà lão ta đã hành hạ chúng tôi. Song tôi thì cũng cứ như người mất hồn, tay chân đờ đẫn, chẳng làm gì và cũng chẳng nghĩ gì. Cuộc nói chuyện cuối cùng của tôi và mẹ tôi là thế này: cả tôi và mẹ chẳng ai nói lấy một lời, mẹ gọi tôi đến bên cạnh, nắm lấy tay tôi rồi lắc đầu và cố gắng sức mím đôi môi đang run... Tôi hiểu rằng mẹ muốn vĩnh biệt tôi, nhưng tôi thì lại cứ cúi đầu xuống đứng ngây ra như khúc gỗ, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

Ngày hôm sau thì mẹ mất...

Lão bố dượng tôi mặc quân phục dã chiến, vai đeo súng trường,

thắt lưng gài lựu đạn, đứng ở ngoài cửa mà khóc, nhưng chẳng hiểu tại sao mọi người chẳng ai để ý đến lão.

Tôi và em gái ngồi ngoài sân, bất cứ ai đến nhà tôi cũng dừng lại bên chúng tôi và đều nói những câu như nhau là "các cháu thương mẹ lắm phải không?" hoặc "Thế là còn hai đứa mồ côi không cha không mẹ". Lúc ấy người ta đang làm một cái nghi thức đáng sợ nào đó, kể cả việc các bà cụ hay đến nhà Xcô-vô-rốt-ni-cốp chơi bài - đang đóng chặt cửa làm gì trong nhà tôi, lát sau họ xách những thùng nước ra, váy vén lên và tay áo xắn cao như mới cọ nhà xong, cả việc dì Đa-sa chạy đi lấy cái "cành phan!" Tôi cho rằng chúng tôi phải ngồi ngoài sân chờ cái nghi thức ấy kết thúc. Thế là chúng tôi cứ ngồi chờ.

Rất nhiều năm sau khi tôi đọc câu sau đây của Ban-dắc "Đau thương có thể làm cho năng lực quan sát nhạy bén hơn", tôi liền hồi tưởng lại những ngày họ thay quần áo, làm lễ chiêu hồn và đưa đám mẹ tôi. Bất kỳ một câu nói, một cử chỉ của tôi hay của người khác tôi cũng đều ghi lại sâu sắc trong trí nhớ của tôi. Tôi hiểu tại sao ngày đầu tiên khi mẹ nằm ở trên bàn, hai tay bắt chéo ôm tượng thánh thì mọi người đều chỉ nói thì thào, rồi sau đó càng ngày tiếng càng to hơn và cuối cùng thì cứ nói như thường. Họ đã quen đi, cả ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp, cả lão bố dượng tôi và cả dì Đa-sa đều đã quen đi với cái chết của mẹ. Tôi rất kinh ngạc khi thấy ngay bản thân tôi bỗng nhiên cũng đã nghĩ sang chuyện khác.

Chẳng lẽ tôi cũng đã quen đi rồi hay sao, chẳng lẽ tôi lại đang nghĩ đến hòn cái đáo có gắn chì mà thằng Pê-chia-a cho tôi từ lâu lắm, nhưng vì mẹ chết nên tôi chưa định đem thử hòn cái đáo ấy! Thế là tôi liền hối hận ngay lập tức và buộc mình phải nghĩ đến mẹ.

Cả hôm đưa ma cũng vậy.

Bé Xa-nhi-a bị nhức đầu nên người ta để nó ở nhà. Bố dượng tôi bị gọi về doanh trại từ sáng sớm nên không kịp về đưa đám. Chúng tôi chờ lão ta suốt hai tiếng đồng hồ vẫn không thấy mới đưa linh cữu đi. Chỉ có ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp, dì Đa-sa và tôi.

Hai người đi bộ sau xe, dì Đa-sa nắm lấy một cái móc ở xe để khỏi bị tụt lại, còn tôi thì được ngồi lên xe.

Thật xấu hổ khi nhớ lại rằng tôi đã cảm thấy vinh hạnh khi những đứa trẻ con quen tôi dừng lại đưa mắt nhìn theo đám ma đi qua hoặc là có người đi nối vào theo chúng tôi mấy phút để hỏi xem ai chết. Song tôi đã tự trách mình ngay. Chúng tôi cứ đi xa mãi. Người xà ích với thái độ dửng dưng của người ngoài cuộc, đầu đội mũ kê-pi mình mặc chiếc áo dài bẩn thỉu, giọng ngái ngủ thúc con ngựa gày nhom. Lúc đó thật có trời biết được ý nghĩ của tôi lại bay đi tận đâu đâu rất xa cái quan tài có tấm vải trắng rách phủ chưa kín ấy.

Chân tường thành kia rồi. Những lỗ hổng trên tường thành đều được bịt kín bằng gỗ để những người không có vé không vào chơi trong vườn Mùa Hè được. Ngoài tôi và Pê-chi-a ra không ai biết rằng chỉ cần xê dịch tấm ván sát tấm cuối cùng ra là chui vào vườn hoa được. Muốn nghe ca nhạc thì nghe, nếu muốn thì cũng có thể đến khu trồng hoa ngắt trộm hoa thập tự, chờ diễn kịch xong có thể bán cho khán giả năm cô-pếch một chùm.

Đã đến khu nhà của trường sĩ quan, có nhiều xe chở những tấm đệm giường đỗ trong sân, rất nhiều người không biết là sĩ quan hay học viên mặc áo ca-pốt màu sáng đang vội vàng khiêng những tấm đệm lên bịt kín cửa sổ tầng gác thứ hai. Kia là đồi A-phô-nin mà trong thành phố người ta truyền tụng rằng đó là một cái nhà thờ bị lấp đi và cứ đến đêm lễ Phục sinh, vẫn văng vẳng

có tiếng hát từ dưới đất vọng lên. Có người đi lại trên đỉnh đồi A-phô-nin. Tôi chăm chú nhìn và thấy đó cũng là những người mặc áo ca-pốt màu sáng đang ẩn hiện giữa những đống cành cây.

Và bỗng nhiên tôi tỉnh hẳn. Tôi nhớ ra vừa rồi lúc đi qua quảng trường Chợ nom thấy một người lính gác ở cửa Viện Tư pháp, trong vườn hoa phía sau hàng rào sắt có một số người mặc quần áo thường dân đang hấp tấp chạy đi chạy lại, một người đang kéo khẩu súng máy. Các hiệu buôn đều đóng cửa, phố xá vắng ngắt, đi hết cả dãy phố Xéc-ghi-ép-xcai-a chúng tôi cũng không gặp một người nào. Chuyện gì xảy ra vậy?

Người xà ích trong bộ quần áo bẩn thỉu luôn tay quất roi vào con ngựa để chạy cho mau. Dì Đa-sa và ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp cố gắng lắm mới theo kịp xe. Chúng tôi đi ra bãi đất hoang Pô-xát-xcai-a, đó là tên gọi khoảng đất trống bẩn thỉu nằm giữa thành phố và khu chợ Pô-xát, ở đấy có một cái dốc chạy xuống bờ sông và cái cầu Men-nít-si... Có tiếng gì vang lên ngắn gọn ở phía xa. Người xà ích hốt hoảng ngó quanh rồi do dự giơ cái roi ngựa lên. Dì Đa-sa đuổi kịp chúng tôi và gắt ầm lên:

- Bác này điên đấy à? Có phải là chở củi đâu mà đánh xe như thế!

- Họ bắn đấy! - Người xà ích sầm mặt nói.

Cái dốc bờ sông chạy xuống giữa hai vách đất cao nên chúng tôi đi trên con đường đó mấy phút mà chẳng nhìn thấy gì ở hai bên. Có tiếng súng nổ ở đâu đó, nhưng mỗi lúc một thưa. Đã nhìn thấy cái cầu Men-nít-si mà tôi đã từng câu cá ở đấy nhiều lần. Bỗng người xà ích nhổm hẳn lên vung cái roi ngựa... Con ngựa co chân vùng chạy, và xe chúng tôi phóng dọc theo bờ sông, bỏ lại ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp và dì Đa-sa tụt xa ở phía sau.

Chắc là có những viên đạn bắn trúng xe, bởi vì những mảnh

gỗ ở bánh xe bay ra tụng tóe, một mảnh bắn trúng vào mặt tôi. Tay tôi nắm chặt một cái cột trạm trổ trên xe, nó xiêu đi, kêu răng rắc, chúng tôi bị lắc mạnh và rơi tuột xuống đường. Tôi nghe thấy tiếng ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đang la hét và tiếng dì Đa-sa kêu khóc chửi rủa ở phía sau.

Người xà ích kéo sụp mũ xuống hoa ngọn roi trên đầu, thúc ngựa chạy thẳng lên cầu, tựa như không nhìn thấy đầu cầu đã bị những đống xà ván gỗ, gạch ngói chắn ngang. Con ngựa bị tắc nghẽn quay sang phải, lách sang trái rồi đứng lại.

Một đám người từ đằng sau vật chướng ngại chạy ra, trong đó tôi nhận ra ông thợ sắp chữ mùa hè năm ngoái đã thuê một phòng của bà đoán số ở cạnh nhà chúng tôi. Tay ông cầm súng trường, một khẩu súng sáu giắt trên chiếc thắt lưng da nom rất lạ thắt ngoài chiếc áo bành tô thường dân. Người nào cũng có vũ khí. Có người còn đeo cả kiếm.

Người xà ích xuống xe, phanh áo ra, nhét cái roi ngựa vào trong ủng rồi gắt ầm lên:

- Các người không nom thấy đây là đám ma à? Tí nữa thì bắn chết cả ngựa của người ta!

- Chúng tôi không bắn đâu, đó là anh bị bọn sĩ quan bắn đấy, - người thợ sắp chữ bác lại. - Thế anh không nhìn thấy những cái chướng ngại vật à, anh chàng ngốc?

- Tên anh là gì? - Người xà ích hỏi. - Anh sẽ chịu trách nhiệm! Ai sẽ trả tiền sửa chữa cái này? - Bác ta đi vòng quanh xe, lấy tay sờ những chỗ bị bắn gãy. - Các anh bắn gãy mất cả nan hoa bánh xe rồi!

- Đồ ngốc! - người thợ sắp chữ lại nói. - Tôi đã nói với anh rằng không phải chúng tôi bắn. Chúng tôi bắn vào quan tài để làm gì? Đồ ngốc!

- Đám ma ai thế? Chú bé? - Một người đàn ông đứng tuổi đầu đội mũ da lông. trên mũ có sợi băng đỏ thay cho phù hiệu hỏi nhỏ tôi.

- Mẹ cháu. - tôi trả lời khó nhọc.

Ông này bỏ mũ xuống.

- Các đồng chí, khẽ chứ! - ông nói. - Đây là đám tang. Cháu bé này đang đưa ma mẹ. Dẫu sao thì thế này cũng không tốt.

Mọi người nhìn tôi. Chắc lúc ấy nom tôi cũng chẳng ra hồn người, bởi vì khi mọi việc đâu vào đấy và dì Đa-sa vừa gào vừa khóc đuổi kịp chúng tôi; chúng tôi chui qua cái cối xay đi lên cầu thì tôi phát hiện thấy trong túi áo có hai viên đường và một khoanh bánh khô bằng mì trắng.

Sau khi chôn cất xong, chúng tôi mệt mỏi lại đi dọc theo bờ sông Pét-trin-ca về nhà.

Bầu trời trên thành phố rực hồng - trại lính của trung đoàn Cơ-rát-xnô-i-a-xki bị cháy. Đến cầu phao, ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp gọi người lính gác ông quen lại và nói chuyện rất lâu. Họ nói những gì tôi không hiểu: một con đường nào đó bị ai phá hoại, binh đoàn kỵ binh tiến vào Pê-trô-grát, tiểu đoàn cảm tử chiếm nhà ga. Cái tên "Kê-ren-xki" được nhắc đến nhiều lần. Tôi đứng không vững nữa, còn dì Đa-sa thì vừa kêu lên ngạc nhiên vừa thở dài.

Lúc về đến nhà thì em tôi đã ngủ. Tôi chẳng cởi áo, ngồi lên giường ngay bên cạnh nó. Không hiểu tại sao đêm đó, cái đêm đầu tiên chúng tôi còn lại một mình ấy, dì Đa-sa lại không đến ngủ với chúng tôi. Dì mang cháo đến nhưng tôi không muốn ăn nên dì đặt cái đĩa lên cửa sổ. Để trên cửa sổ chứ không phải để trên cái bàn mà sáng nay mẹ tôi đã nằm. Đó là lúc sáng, còn bây

giờ là nửa đêm. Xa-nhi-a ngủ trên giường của mẹ, chính cái giường mà mẹ đã nằm trên đầu có vòng hoa nhỏ và tay cầm cành phan. Lúc đó tôi không biết cái giấy cuộn tròn thành hình ống ấy lại gọi là cành phan.

Tôi đứng dậy và đi đến cửa sổ. Ngoài sân trời đã tối, nhưng phía trên sông ánh lửa rực hồng, những luồng khói đen kèm theo lửa đỏ bay lên rồi tắt ngấm.

Trại lính vẫn còn đang cháy, nhưng ở tận phía bên kia đường sắt cách chỗ chúng tôi rất xa. Tôi nhớ lại mẹ tôi đã nắm tay tôi, mẹ lắc đầu và cố không khóc. Tại sao tôi lại không nói với mẹ câu nào? Lúc đó mẹ rất mong đợi ở tôi dù chỉ là một lời thôi.

Hình như bên ngoài trời nổi gió, cát sỏi dưới sông cứ dội lên bờ ào ào, trời đổ mưa. Tôi ngồi rất lâu chẳng nghĩ ngợi gì mà chỉ nhìn những giọt nước mưa nặng hạt chảy theo cửa kính, lúc đầu còn từ từ, sau cứ chảy nhanh dần lên.

Tôi mơ màng thấy có ai đó đẩy cửa đi vào buồng cởi chiếc áo ca-pốt ướt ra ném xuống sàn. Tôi không nhận ra ngay rằng đó chẳng phải là trong giấc mơ. Lão bố dượng tôi đang cuống cuồng chạy khắp nhà, cởi chiếc áo lính ra. Lão ta nghiến răng, lôi chiếc áo qua đầu, song cái áo cứ vướng mãi ở lưng. Lão cởi trần chạy đến chiếc hòm đồ đạc của lão và lấy cái ba-lô ra.

- Chú Pi-ốt I-va-nứt!

Lão tiếc nhanh nhìn tôi và chẳng trả lời gì. Người lão đầm đìa mồ hôi, mình đầy lông lá, lão hối hả lấy quần áo trong hòm ra nhét vào ba-lô. Lão cuộn cái chăn lại, lấy đầu gối đè lên rồi cột vào dây da. Hai môi lão động đậy nom rất thâm thiểm, lộ rõ hai hàm răng nghiến chặt vừa dài vừa to đúng như răng chó sói.

Lão mặc vào người ba cái áo, còn cái thứ tư nhét vào ba-lô.

Chắc hẳn lão đã quên rằng tôi không ngủ, nếu không thì lúc lão ta giật cái áo nhung cộc tay của mẹ tôi treo trên cái đinh xuống bỏ vào ba-lô, lão cũng thấy nhục chứ!

- Chú Pi-ốt I-va-nứt.

- Câm đi! - Lão ngẩng đầu lên quát. - Quỉ tha ma bắt cả đi!

Lão ta thay giày xong, mặc áo ca-pốt vào, bỗng lão nhìn thấy trên tay áo có cái phù hiệu đầu lâu và hai cái xương. Lão chửi một tiếng lại cởi áo rồi dùng răng xé cái phù hiệu đầu lâu và hai ống xương ra. Lão khoác ba-lô lên vai rồi ra đi suốt mười năm trời tôi không gặp lại con người ấy nữa. Lão ta chỉ còn để lại trên sàn nhà những dấu chân nhơ nhớp và một cái hộp thuốc lá bằng sắt nhãn hiệu "Ca-tức" lão vẫn đựng cúc gài tay áo và kim găm đủ màu.

Đến hôm sau thì mọi việc đã rõ ràng. Ủy ban quân sự cách mạng tuyên bố thành lập chính quyền Xô Viết trong thành phố. Tiểu đoàn cảm tử và những kẻ tự nguyện gia nhập nó chống cự lại chính quyền Xô Viết đã bị đánh tan.

Chương 14

Bỏ trốn, tôi không ngủ. Tôi chỉ giả vờ ngủ

Không biết thằng Pê-chi-a nghe ở đâu cái tin nói rằng hiện nay trên mọi tuyến đường sắt đi tàu đều không mất tiền. Chắc là cái tin đồn đi tàu điện không mất tiền truyền đến tai nó, được phóng đại lên như vậy.

- Người lớn thì phải có giấy thông hành, - nó nói dứt khoát như thế. - Còn chúng mình thì chẳng cần gì.

Nó không lầm lì nữa. Nó dỗ dành, nói khích tôi, trách tôi là nhát gan, khinh thị cười tôi. Bất kỳ trên trời đất xảy ra những sự kiện gì cũng chỉ làm cho nó càng thêm tin tưởng rằng chúng tôi không được trù trừ gì nữa, phải lập tức tẩu đến Tuyếc-két-xtan. Xcô-vô-rốt-ni-cốp công khai tuyên bố rằng ông là Bôn-sê-vích và bắt dì Đa-sa phải bỏ bức tượng thánh đi. Pê-chi-a liền giải thích cái sự kiện ấy có lợi cho nó và chứng minh rằng dẫu sao thì bây giờ trong xóm này cũng không ai còn có thể yên ổn mà sống được nữa.

- Các bà trong xóm sẽ xé xác ông ấy ra, - nó buồn bã nói. - Từ nay tao không chịu trách nhiệm về ông ấy nữa.

Ủy ban quân sự cách mạng ra lệnh phá những cái hầm chứa rượu, và đổ hết rượu xuống sông Pét-trin-ca. Xem ra sự kiện đó cũng có lợi cho kế hoạch của chúng tôi.

- Cá sẽ chết hết, - thằng Pê-chi-a nói như người lớn. - Thế nào rồi người ta cũng sẽ nấu rượu lậu. Không được! Phải đi thôi!

Tôi không biết rằng rút cục liệu Pê-chi-a có thuyết phục được tôi hay không nếu trong cuộc họp gia đình dì Đa-sa và ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp không đưa ra quyết định cho tôi và em gái Xa-nhi-a vào trại trẻ mồ côi. Dì Đa-sa là người khéo tay, dì may áo sơ-mi, làm chụp đèn, việc gì cũng thành thạo. Nhưng bây giờ thì ai cần đến những cái chụp đèn ấy của dì. Có lẽ khi dì Đa-sa lấy ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã hy vọng rằng sẽ cải thiện được hoàn cảnh kinh tế khó khăn của mình. Nhưng hiện nay ông ấy lại say mê hoạt động chính trị, vứt bỏ cả thứ hồ dán vạn năng của ông, do đó chẳng còn lấy gì mà sống được nữa.

Dì vừa khóc vừa tuyên bố rằng dì sẽ đến trại thăm chúng tôi hàng ngày, rằng chỉ gửi chúng tôi vào đó hết mùa đông, đến mùa hè nhất định chúng tôi lại được về. Đến trại, chúng tôi sẽ được ăn, mặc, học hành. Chúng tôi sẽ được phát mỗi đứa một đôi giày da mới, hai chiếc áo sơ-mi, một cái áo bành tô có liền cả mũ, bít tất và quần lót. Tôi còn nhớ lúc đó tôi đã hỏi dì:

- Quần lót là cái gì ạ?

Chúng tôi có biết bọn trẻ trong trại mồ côi. Mặt đứa nào cũng xanh bủng, mặc áo chẽn màu xám và cái quần nhàu nát cũng màu xám. Chúng nó bắn chim bằng súng cao su rất cừ, sau đó đem nướng chim ngay ở trong vườn của trại rồi chia nhau ăn. Đấy người ta nuôi chúng nó ở trong trại như thế đấy. Tóm lại chúng nó đều là những tên "tiểu phạm nhân", chúng tôi đã đánh nhau với chúng và thế là giờ đây chúng tôi cũng trở thành những tên tội phạm.

Ngay hôm đó tôi đến bảo thằng Pê-chi-a là tôi đồng ý. Tiền thì chúng tôi không có nhiều - chỉ có mười rúp. Chúng tôi bán đôi giày da của mẹ tôi ở chợ giời được mười rúp nữa. Tổng cộng là hai mươi rúp. Chúng tôi hết sức thận trọng lấy cắp cái chăn ở nhà mang đi, và cũng lại phải rất thận trọng mang cái chăn ấy về như thế, bởi vì mặc dù chúng tôi đòi giá rất rẻ, chỉ có bốn rúp rưỡi, mà cũng chẳng ai thèm mua chăn cả. Trong khi chúng tôi tha cái chăn đi khắp chợ thì đã ăn quà mất đúng bốn rúp rưỡi. Như vậy tổng cộng số tiền còn mười lăm rúp rưỡi.

Thằng Pê-chi-a còn định bán sổ sách cũ của nó đi nữa. Rất may là chẳng có ai mua. Sở dĩ tôi nói "rất may" là vì hiện nay những quyển sách này đều để ở chỗ trang trọng nhất trong tủ sách của tôi. Song có một cuốn hình như là cuốn "I-u-ri Mi-lô-xláp-xki" đã bán được. Do đó tổng cộng có mười sáu rúp.

Chúng tôi cho rằng với số tiền này có thể đủ để đi đến chỗ ông chú. Ở đó sẽ mở đầu cuộc sống đầy hấp dẫn tuyệt vời trên đầu máy xe lửa. Tôi còn nhớ lúc ấy vấn đề làm cho chúng tôi quan tâm nhất và tranh cãi nhiều nhất, đó là vấn đề vũ khí. Thằng Pê-chi-a có con dao Phần-lan. Nó gọi con dao đó là con dao găm. Chúng tôi khâu cho nó cái bao da cắt từ chiếc ủng cũ ra. Song lên đường mà chỉ có một thứ vũ khí lạnh như vậy thôi thì cũng chẳng thú vị gì. Kiếm đâu được khẩu súng lục bây giờ?

Có một hồi chúng tôi hy vọng rằng Ủy ban quân sự cách mạng sẽ phân phát cho mỗi người một khẩu súng lục. Sau đó chúng tôi cho rằng người ta sẽ chẳng phát đâu nên rủ nhau ra chợ giời xem có anh chàng lính đào ngũ nào đó bán súng đi chăng.

Sau khi tìm kiếm rất lâu, chúng tôi đã vớ được cái thứ mà chúng tôi đang cần.

Đó là một khẩu súng ngắn năm nòng rất lớn có tay cầm bằng

gỗ trạm trổ. Đúng là năm nòng đạn, tôi không nói sai. Năm nòng có thể cùng nạp đạn một lúc nhưng cứ bắn xong một phát thì phải dùng tay xoay đi một nấc. Thật chẳng còn nghi ngờ gì nữa, đây là một trong những khẩu súng ngắn nguyên thủy nhất trên trái đất này. Sau này tôi cũng nhìn thấy những khẩu súng như thế ở trong Viện Bảo tàng. Thế nhưng chúng tôi lại rất thích khẩu súng này. Chính là năm cái nòng đã chinh phục chúng tôi. Bắn từ cái súng này ra thì phải biết!... Người bán khẩu súng này không phải là một anh lính đào ngũ mà lại là một mụ già vợ tướng, điều đó càng làm cho chúng tôi kiêng nể. Tóm lại một câu là nếu trong khi chúng tôi đi lấy tiền mà mụ vợ tướng cùng với khẩu súng ngắn không biến đi đâu mất thì số tiền mười sáu rúp của chúng tôi chẳng còn được quá ba rúp rưỡi.

Giờ đây tôi mới thấy rằng dù sao thì khi ấy chúng tôi cũng còn gặp may. Nếu như chúng tôi mua vũ khí đó thật và lại mang nó ra mà bắn thử (chúng tôi cũng đã chuẩn bị thuốc súng) thì có lẽ cuộc hành trình của chúng tôi không phải là En-xcơ- Mát-xcơ-va - Ta-sken nữa mà là cuộc hành trình từ nhà đi thẳng ra nghĩa địa Xpa-xcôe rồi.

Thế là chúng tôi quyết định chỉ dùng tạm vũ khí lạnh.

Mọi việc còn lại chúng tôi đều chuẩn bị chu đáo: giày da còn bền, áo bành tô lành lặn, áo của thằng Pê-chi-a còn có cả cổ lông nữa, mỗi đứa hai cái quần.

Ngày hôm đó tôi vô cùng buồn bã, dì Đa-sa cứ an ủi tôi mấy lần. Dì Đa-sa tội nghiệp! Nếu dì biết rằng sở dĩ chúng tôi hoãn thời gian lên đường chẳng qua chỉ vì còn tính toán chờ bánh của dì đấy thôi! Ngày mai dì sẽ đưa tôi và bé Xa-nhi-a vào trại mồ côi, do đó mà dì ngồi nướng bánh suốt một ngày và cứ luôn tay nhấc kính ra và hỉ mũi.

Dì bắt tôi phải trịnh trọng hứa rằng sẽ không ăn cắp, không hút thuốc lá, không nói tục, không lười biếng, không rượu chè, không chửi nhau, đánh nhau, nghĩa là nhiều điều khuyên răn hơn cả trong kinh thánh. Em tôi cũng rất buồn, dì tặng cho nó một cái dải buộc tóc rất cổ tuyệt đẹp.

Thật ra thì chúng tôi có thể cứ từ nhà ra khỏi cửa mà đi có trời tìm! Song Pê-chi-a lại cho rằng như vậy không thú nên có bày ra một kế hoạch phức tạp rất ly kỳ làm tôi phải bái phục.

Thứ nhất là chúng tôi phải "thề máu" với nhau. Lời thề đó như sau:

"Nếu kẻ nào phản bội lời thề thiêng liêng này thì kẻ ấy sẽ không được tha thứ cho đến khi đếm được dưới biển có bao nhiêu hạt cát, rừng có bao nhiêu lá cây và trên trời có bao nhiêu hạt mưa rơi xuống. Muốn tiến lên thì lùi lại. Muốn sang trái thì sang phải. Kẻ nào phá bỏ lời thề thiêng liêng này thì sẽ bị sét đánh như tôi ném cái mũ của tội xuống đất. Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng".

Chúng tôi lần lượt đọc xong lời thề rồi bắt tay nhau, sau đó thì cầm cái mũ ném xuống đất. Chúng tôi đã tổ chức buổi lễ ăn thề đó tại vườn Nhà thờ trước ngày ra đi. Tôi đọc thuộc lòng những lời thề, còn thằng Pê-chi-a phải cầm giấy đọc. Sau đó nó lấy kim băng đâm vào ngón tay rồi lấy máu viết lên giấy hai chữ "P.X" tức là Pi-ốt[1] Xcô-vô-rốt-ni-cốp. Còn tôi phải khó nhọc lắm mới bôi lem nhem được hai chữ "A.G" tức là A-lếc-xan-đrơ Gri-gô-ri-ép.

---

(1) Ở Nga, một tên có rất nhiều cách gọi tùy theo quan hệ và tình cảm người nói. Ví dụ: Pi-ốt - Pê-chi-a - Pét-ca - Pê-ten-ca - Pê-tơ-ru-sa, vân vân. Hoặc như: A-lếch-xan-đrơ - Xa-sa - Xa-nhi-a- Su-ru - Xa-sen-ca - Su-rô-sca - Su-rích - Xan-ca - A-lếch-xa-sa vân vân - N.D.

Thứ hai là đến mười giờ tối tôi phải đi nằm và giả vờ ngủ. Thực ra thì chẳng ai chú ý gì cái việc tôi ngủ thật hay ngủ vờ. Đến ba giờ sáng thằng Pê-chi-a phải đến chỗ cửa sổ huýt ba tiếng sáo. Đó là mật hiệu quy định mọi việc đều ổn, đường đi không trở ngại gì, có thể trốn đi được.

Cái trò ấy thật ra nguy hiểm hơn là trốn đi ban ngày, bởi vì ban ngày mọi việc mới thật yêu ổn, đường đi mới thật dễ dàng và chẳng ai phát hiện ra là chúng tôi đi trốn cả. Đi ban đêm chúng tôi rất có thể bị đội tuần tra bắt giữ vì thành phố đang có lệnh giới nghiêm và ban đêm suốt dọc bờ sông người ta thả chó ra. Nhưng thằng Pê-chi-a đã ra lệnh như vậy và tôi phải tuân theo. Cái đêm ấy đã đến. Đó là đêm cuối cùng tôi được ở trong ngôi nhà thân yêu của mình.

Dì Đa-sa ngồi cạnh bàn vá cho tôi chiếc áo sơ-mi. Tuy trại mồ côi cũng có phát quần áo, nhưng cứ mang thêm đi một cái để đề phòng. Trước mặt dì có một ngọn đèn dầu bên trên che chiếc chao đèn màu xanh lam, đó là tặng phẩm của dì Đa-sa tặng trước khi mẹ tôi đi lấy chồng. Giờ đây ngay đến cả cái chao đèn này cũng lộ rõ cái vẻ bất an, hình như nó cũng cảm thấy khó chịu trong căn nhà trống trải của chúng tôi. Phía góc nhà tối om. Cái siêu nước treo trên bếp lò, thế nhưng cái bóng in lên tường lại không giống cái siêu mà lại giống như một cái mũ khổng lồ đặt ngược của ai đó. Một luồng không khí mát lạnh lọt qua kẽ hở dưới cửa sổ vào trong nhà thoảng mùi nước sông. Dì Đa-sa vừa khâu vừa nói chuyện. Dì thò tay lên bàn lấy một vật gì và cái vòng ánh sáng trên trần nhà bắt đầu lay động. Mười giờ đêm. Tôi giả vờ ngủ.

- Xa-nhi-a! Mọi việc cháu phải nghe lời anh nhé, - dì Đa-sa nói với em gái tôi. - Cháu là con gái thì phải dựa vào anh. Từ xưa

đến nay phụ nữ đều dựa vào sức mạnh của đàn ông. Anh cháu không bao giờ để cháu bị bắt nạt đâu.

Tôi rất đau lòng, song tôi cố gắng không nghĩ đến Xa-nhi-a nữa. Tôi nghĩ đến khi chúng tôi tới Mát-xcơ-va! Chú thằng Pê-chi-a ra đón chúng tôi ở ga. Trông chú rất giống ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nhưng trẻ hơn và vui tính hơn. Chiếc đầu tàu đỗ trên một đoạn đường rất xa. Một người đen thui thủi đang xúc than đổ vào lò, những chấm lửa phụt lên qua ống khói rồi tắt ngấm. Chúng tôi chạy vùn vụt lên phía trước, cây cối lấp loáng bên cạnh, những sợi dây điện thoại nhấp nhô. Giờ đây tôi và Pê-chi-a lại đang xúc than đổ vào lò, nóng bừng bừng, khoái vô cùng, ngó ra ngoài thì gió thổi vù bên tai.

- Còn cháu, Xa-nhi-a ạ, - dì Đa-sa bảo tôi và tôi nhìn thấy nước mắt dì chảy sau mắt kính và rơi xuống chiếc áo sơ-mi của tôi, - phải trông nom em đấy nhé. Các cháu sẽ ở các đội khác nhau nhưng dì sẽ đề nghị người ta cho cháu mỗi ngày đến thăm em một lần.

- Thôi được rồi, dì Đa-sa ạ.

- Trời, lạy Chúa tôi, nếu như chị Ác-si-ni-a còn sống...

Dì vặn bấc đèn, sâu chỉ vào kim rồi thở dài và lại khâu.

Mười giờ ba mươi phút. Tôi vẫn chưa ngủ, tôi giả vờ đang ngủ. Tôi thấy những hàng cây đầy hoa trắng và dưới bóng cây, bên dưới những cành hoa ấy là những tấm thảm màu lam, màu xanh và màu da trời. Chúng tôi đã đến Tuyếc-két-xtan. Những cây cam mọc ngay ngoài đường phố. Chúng tôi thò tay hái quả, lúc đầu rụt rè sau cứ mạnh dạn dần. Không còn chỗ nào mà nhét được nữa. Thằng Pê-chi-a lôi cái quần dự trữ ở trong ba-lô ra. Nó buộc túm hai ống quần lại rồi vứt cam vào ống quần. Một cụ già râu dài dẫn chúng tôi đến một ngôi nhà trắng nhỏ. Vũ khí treo đầy tường: nào dao găm, nào súng ngắn năm nòng, nào những

thanh kiếm mạ bạc. "Tốt không!" Ông cụ hỏi chúng tôi rồi đề nghị mỗi đứa chúng tôi chọn một con dao găm, một khẩu súng ngắn và một thanh kiếm.

- Họ sẽ dạy các cháu học đọc, học viết, - tôi đang mơ màng thì nghe thấy tiếng dì Đa-sa nói, tôi nghĩ: Tại sao dì Đa-sa có thể ở đây được? - Chưa biết chừng rồi cháu sẽ làm nên nghiệp lớn. Lúc ấy cháu sẽ phải cám ơn dì.

Tôi không ngủ. Tôi chỉ giả vờ ngủ. Mười một giờ rưỡi, rồi mười hai giờ. Dì Đa-sa đứng dậy. Đây là lần cuối cùng, lần chót cùng tôi được nhìn nét mặt hiền từ của dì sáng ánh đèn chiếu từ dưới lên. Dì lấy tay che cái chao đèn rồi thổi tắt đèn và trong nhà tối sầm lại. Trong bóng tối dày đặc, dì làm dấu thánh cầu nguyện cho chúng tôi rồi nằm xuống. Đêm nay dì Đa-sa ngủ ở nhà chúng tôi.

Chỉ lúc nào không buồn ngủ thì mới giả vờ ngủ được. Tôi cố mở mắt ra. Mấy giờ rồi nhỉ? Còn lâu mới đến ba giờ. Từ dưới sông vẳng lên tiếng hát say lè nhè. Sỏi đá dưới sông không ngừng xô lên bờ. Vẫn chưa hề nghe thấy ám hiệu gì cả, mà chỉ có tiếng tích tắc đều đều của cái đồng hồ quả lắc cùng tiếng thở dài và tiếng trằn trọc giở mình của dì Đa-sa.

Tôi ngồi dậy để khỏi ngủ đi mất, đầu gục xuống gối chân. Tôi giả vờ ngủ nhưng khi nghe thấy tiếng huýt sáo thì tôi không tài nào tỉnh dậy được nữa.

Về sau thằng Pê-chi-a bảo tôi rằng nó đã phải huýt sáo đến khàn đặc cổ như giọng người hát rong thì tôi mới nghe thấy. Nhưng trong lúc tôi đi giày, mặc áo bành tô và nhét những chiếc bánh vào túi, nó vẫn cứ huýt sáo liên hồi. Nó rất cáu kỉnh, tự nhiên bắt tôi phải dựng cổ áo bành tô lên, thế là chúng tôi đi trốn.

Mọi việc trôi qua đều rất tuyệt, chẳng ai quấy rầy chúng tôi

cả. Chúng tôi chẳng gặp chó mà cũng chẳng gặp người. Có điều là để đề phòng sự bất trắc xảy ra, chúng tôi đã phải đi vòng dọc theo tường thành xa thêm mất ba Véc-xtơ[1]. Trên đường đi tôi hỏi dò thằng Pê-chi-a xem nó có biết chắc rằng hiện nay tất cả các tuyến đường sắt đều cho đi tàu không mất tiền hay không. Nó trả lời là nó nắm rất vững, vạn nhất không được thì chúng tôi sẽ trốn ở dưới gậm ghế cho đến tận Mát-xcơ-va. Ngồi hai đêm là đã đến Mát-xcơ-va, tàu tốc hành bắt đầu chạy từ đây lúc năm giờ bốn mươi phút.

Chúng tôi đi vòng qua trạm gác, đến cách ga chừng nửa véc-tơ thì nhảy qua hàng rào, nhưng chẳng có chuyến tàu nào vào lúc năm giờ bốn mươi phút cả. Những thanh ray đen ướt đẫm ánh lên ảm đạm. Ánh đèn vàng nhạt trên cột bẻ ghi cũng le lói buồn bã. Làm sao bây giờ? Chờ ở ga này cho đến sáng? Không được. Các đội tuần tra sẽ tóm cổ. Trở về nhà ư?

Giữa lúc đó một bác công nhân nối toa tàu râu ria xồm xoàm khắp người đầy dầu mỡ, chui từ dưới gầm một đoàn tàu chở hàng ra đi trên những thanh tà vẹt về phía chúng tôi.

- Chào bác, - thằng Pê-chi-a mạnh dạn hỏi, - đi về Mát-xcơ-va phía nào hả bác, bên phải hay bên trái?

Người công nhân nối toa xe nhìn nó từ đầu đến chân rồi quay sang nhìn tôi. Tôi sợ lạnh toát người, nghĩ bụng: "Thật xúi quẩy, bây giờ ông ấy sẽ đưa chúng mình đến sở chỉ huy mất".

- Các ông nhóc ơi, từ đây đến Mát-xcơ-va năm trăm véc-xtơ.

- Bác ơi, bác chỉ cần cho biết đi về phía bên phải hay bên trái?

Người công nhân nối toa xe cười, nói:

- Bên trái.

- Xin cám ơn bác. Xan-ca đi về phía bên trái!

---

(1) Mỗi véc-xtơ dài bằng 1,067km - N.D.

Chương 15

Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng

Tất cả những cuộc lữ hành của các nhà du lịch tí hon mười một, mười hai tuổi đã từng trải qua, dù cho chúng có ngồi dưới gầm ghế trong toa xe lửa hàng tháng trời không rửa mặt chăng nữa thì nói chung cũng giống nhau cả. Bạn chỉ cần xem một vài quyển sách tả cuộc sống của những đứa trẻ lưu lạc thì bạn sẽ tin ngay điều đó. Vì thế tôi sẽ không tả lại tình hình chuyến đi của chúng tôi từ En-xcơ đến Mát-xcơ-va.

Chẳng bao lâu bảy điều khuyên răn của dì Đa-sa đã bị quên bẵng đi mất. Chúng tôi cãi nhau, đánh nhau, hút thuốc lá - đôi khi hít cả khói phân khô đốt cho ấm người. Chúng tôi còn bịa đặt ra những chuyện như là cô chúng tôi đi Ô-ren-bua mua muối, dọc đường để lạc chúng tôi. Có lúc chúng tôi lại nói là đi tản cư, lên Mát-xcơ-va ở với bà. Chúng tôi giả vờ là hai anh em ruột, điều này làm cho mọi người mủi lòng. Chúng tôi không biết hát nhưng trên nhiều chuyến xe lửa tôi đã đọc bức thư của viên hoa tiêu tàu viễn dương. Tôi nhớ có một lần đến ga Vu-sni Vô-lô-trốc có một người lính thủy tóc đã bạc, nhưng khuôn mặt lại rất trẻ bắt tôi phải đọc lại bức thư đó hai lần.

- Thật lạ lùng, - ông ta nhìn tôi với đôi mắt màu xám nghiêm nghị và nói. - Đội thám hiểm của trung úy Xê-đốp à? Thật lạ lùng!

Nhưng dẫu sao chúng tôi cũng không phải như bọn trẻ lang thang. Chúng tôi không ngừng tiến lên y như thuyền trưởng Gát-te-rát (thằng Pê-chi-a kể cho tôi nghe câu chuyện về thuyền trưởng Gát-te-rát tỉ mỉ mà chính Giuyn Vét-nơ[1] cũng không ngờ đến). Chúng tôi tiến lên không phải chỉ vì ở Tuyếc-két-xtan có bánh mì mà ở đây không có. Chúng tôi tiến lên để phát hiện ra một nước mới- những thành phố đầy ánh nắng mặt trời, những vườn cây bao la. Chúng tôi đã thề với nhau như vậy.

Lời thề đó đã có tác dụng lớn biết bao đối với chúng tôi!

Một lần sắp đến thành phố Rút-xơ cổ thì chúng tôi đi nhầm đường và lạc trong rừng. Tôi lăn ra tuyết và nhắm mắt lại. Thằng Pê-chi-a đem chuyện chó sói ra dọa tôi, mắng tôi, thậm chí còn đánh tôi nữa, song cũng chẳng ăn thua gì. Tôi không bước nổi một bước. Nó bèn giật mũ ra và ném xuống tuyết.

- Mày đã thề rồi cơ mà, Xa-ca, - nó nói, - đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng. Thế nghĩa là giờ đây mày cam tâm làm một kẻ phản bội lời thề chứ gì? Chính mày đã nói rằng kẻ phản bội lời thề sẽ không bao giờ được dung thứ cơ mà.

Tôi khóc, nhưng đứng lên. Đến tận nửa đêm chúng tôi mới đến một làng cựu giáo, nhưng rồi cũng có một bà cụ cho chúng tôi vào ở nhờ, cho ăn cơm, thậm chí còn cho chúng tôi tắm rửa nữa.

Cứ thế, từ làng nọ sang làng kia, hết ga này đến ga khác và cuối cùng chúng tôi cũng đến được Mát-xcơ-va.

---

(1)Giuyn Véc-nơ (1828 - 1905) nhà văn Pháp nổi tiếng chuyên viết truyện phiêu lưu và viễn tưởng. Gát-te-rát là nhân vật chính trong cuốn "Cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Gát-te-rát" của ông. - N. D.

Trên đường đi chúng tôi hầu như bán hết, đổi hết và ăn hết tất cả những gì mang theo từ En-xcơ đi. Thậm chí đến cả cái bao dao găm mà thằng Pê-chi-a khâu bằng da chiếc ủng cũ cũng đổi nốt, tôi còn nhớ là chỉ đổi được có hai miếng thịt đông.

Chỉ còn có tờ giấy viết lời thề mà bên dưới ký bằng máu những chữ "P.X" và "A.G" và cái địa chỉ của ông chú thằng Pê-chi-a là không bị bán đi mà thôi.

Chú! Tôi và thằng Pê-chi-a chuyện trò về ông chú ấy rất nhiều! Cuối cùng trong trí tưởng tượng của chúng tôi, ông ấy trở thành một vị thần lái xe: bộ râu bay phất phơ theo gió, luồng khói đặc phụt qua ống khói, hơi nước phì ra từ nồi hơi.

Và thế là cuối cùng đã đến Mát-xcơ-va! Vào một đêm tháng Hai băng giá, chúng tôi ngồi trong chuồng xí của toa xe để chờ qua một chặng ga cuối cùng rồi trèo qua cửa sổ chuồng xí chui ra ngoài, nhảy xuống đường ray. Trời tối đen như mực, chẳng nhìn thấy Mát-xcơ-va đâu cả, vả lại chúng tôi cũng chả thiết gì đến nó, vì đây chỉ là thành phố Mát-xcơ-va, còn ông chú thì ở xưởng sửa chữa toa xe thuộc đề-pô số bảy ở ga hàng hóa Mát-xcơ-va cơ. Chúng tôi lạc loanh quanh trên những thanh tà vẹt mất hai tiếng đồng hồ. Những đường ray lúc thì rẽ ra lúc thì nhập vào. Khi trời gần sáng chúng tôi mới thấy đề-pô số bảy. Đó là một tòa nhà ảm đạm có những cửa sổ hình bầu dục tối om, cửa ra vào rất cao cũng hình bầu dục, bên ngoài có mắc cái khóa. Ông chú không có nhà. Thậm chí cũng không có người nào để mà hỏi thăm nữa. Buổi sáng chúng tôi hỏi thăm ban phụ trách đề-pô thì được biết ông chú đã ra mặt trận rồi.

Thế là hết! Chúng tôi đi ra và ngồi trên đống than.

Xin vĩnh biệt những phố xá mọc đầy cam quít. Vĩnh biệt những đêm ngủ ngoài trời! Vĩnh biệt con dao găm bên sườn và thanh kiếm cong mạ bạc.

Để vớt vát, thằng Pê-chi-a quay lại chỗ ban phụ trách đề-pô số bảy hỏi xem có phải chú nó đã cưới vợ chưa? Không! Chú nó vẫn độc thân. Ông ấy vẫn sống trên cái toa xe mà sau này đi luôn trên toa xe ấy ra tiền tuyến.

Trời đã sáng hẳn. Giờ đây có thể nhìn thấy rất rõ thành phố Mat-xcơ-va: toàn nhà là nhà (tôi cứ tưởng những toa nhà ấy đều là các ga). Những đống tuyết khổng lồ, chỉ lác đác vài ba chiếc tàu điện. Lại nhà và nhà.

Làm gì bây giờ?

Những ngày đen tối nhất bắt đầu. Trong thời gian đó còn thiếu việc gì mà chúng tôi không làm! Chúng tôi đi xếp hàng thuê. Lúc đó nhà nước có ban bố sắc lệnh "cưỡng bức lao động" cho nên những nhà tư sản thuê chúng tôi quét tuyết trên vỉ hè trước cửa nhà của họ. Chúng tôi đi dọn phân trong chuồng ngựa của rạp xiếc. Chúng tôi đã ngủ ở thềm cửa nhà người ta, ngoài nghĩa địa, trên trần nhà.

Bỗng nhiên tất cả đều đảo lộn hết.

Tôi còn nhớ lần đó chúng tôi đang đi trên phố Nhà thờ, trong óc chỉ mơ tưởng có một điều: tìm thấy ở đâu đó một đám lửa, lúc đó ngay cả ở trên cầu Cu-dơ-nét người ta cũng hay đốt lửa lên. Nhưng chẳng thấy gì cả! Tuyết, bóng đêm và yên lặng! Một đêm lạnh lẽo. Nhìn khắp bốn phương nhà nào nhà ấy cửa đóng then cài. Chúng tôi lặng lẽ bước đi rét run cầm cập. Tôi chỉ sợ thằng Pê-chi-a lại giật cái mũ ở trên đầu ra và ném xuống đất, nhưng đúng lúc đó có những tiếng lè nhè say rượu vọng ra từ cái khe bên dưới cánh cổng mà chúng tôi vừa đi qua. Thằng Pê-chi-a vào trong sân, tôi ngồi lên cái bệ xây cạnh cổng. Rét quá, hai hàm răng đập vào nhau cầm cập. Tôi đút những ngón tay lạnh cóng vào mồm hả hơi cho ấm. Thằng Pê-chi-a quay lại.

- Vào đây! - Nó mừng rỡ nói. - Người ta cho vào rồi!

Chương 16

Chuyến bay đầu tiên

Thú vị biết bao khi ngủ dưới một mái nhà! Hạnh phúc biết bao khi trời lạnh hai mươi độ dưới số không mà được ngồi bên cạnh lò sưởi, chẻ củi chất thêm lửa cho đến khi ống khói réo lên vù vù! Song thật tuyệt hơn cả là khi ngồi cân muối hoặc bột mì mà nghĩ rằng chúng tôi được người ta hứa là để trả công họ sẽ cho đi đến Tuyếc-két-xtan. Lần này chúng tôi sa vào một ổ đầu cơ gồm toàn những kẻ thương tật. Trùm ổ là một người Ba-lan thọt chân, mặt đầy sẹo. Hắn nhận lời cho chúng tôi theo hắn đi Tuyếc-két-xtan. Thì ra đó không phải là một thành phố mà là một nước, thủ đô là Ta-sken, chính cái thủ đô Ta-sken mà bọn đầu cơ này cứ hai ba tuần lễ lại đi một lần.

Chúng tôi bị bọn lưu manh này thuê về làm công việc đóng gói thực phẩm. Không có tiền công, chỉ được ăn ở. Nhưng chỉ thế thôi chúng tôi cũng đã mừng rồi.

Nếu không có mụ vợ lão trùm thọt chân thì cuộc sống của chúng tôi cũng không đến nỗi tồi! Mụ ấy làm chúng tôi chán ngấy.

Mụ to béo, hai mắt lồi ra, cái bụng béo bước đi cứ núng nính. Mụ thường chạy vào căn nhà xép chỗ chúng tôi đóng gói thực phẩm để xem mọi thứ có nguyên vẹn không.

- Ái chà chà! Sao chúng mày dám làm thế này!

Bất kể dám hay không dám, nhưng thật quả làm những việc này cũng không đơn giản. Ví dụ như khi cân mỡ lợn mà lại không cấu ra một miếng. Còn đường miếng thì cứ tự nó chui vào ống tay áo và túi áo... Nhưng chúng tôi cố nhịn. Chà, giá chúng tôi sớm biết rằng đằng nào thì chúng tôi cũng không hòng nhìn thấy Tuyếc-két-xtan, giống như người ta không thể nhìn thấy đôi tai của mình, tôi chắc mụ phù thủy già kia đã phải thấy thiếu khối thứ.

Có một lần (chúng tôi làm ở cái ổ lưu manh này đã hơn hai tháng) mụ ta chạy vào phòng chúng tôi mà chỉ mặc mỗi chiếc váy lót. Tay mụ cầm cái khóa mọi khi vẫn dùng để khóa nhà kho ban đêm. Mụ trợn mắt lên và dừng lại ngoài cửa ngó quanh, mặt tái nhợt.

- Không được đập, không được gõ cửa, - mụ thì thào và lấy tay ôm đầu. - Không được kêu! Phải im!

Chúng tôi chưa kịp trấn tĩnh lại đã thấy mụ hổn hển, kéo chốt, khóa cửa lại rồi bỏ đi.

Việc đó thật là bất ngờ cho nên lúc đầu chúng tôi chẳng nói năng gì được. Sau đó Pê-chi-a chửi đổng rồi nằm xuống sàn. Tôi cũng nằm xuống và nhìn ra ngoài qua một cái khe hẹp bên dưới cánh cửa. Lúc đầu mọi vật đều im lặng, ngoài sân trống không, trên mặt tuyết đã chớm tan có những vết chân vàng vàng đọng nước. Sau đó thì xuất hiện rất nhiều những ống chân lạ đi ủng đen: một đôi, hai đôi, ba đôi. Những cái chân đi qua sân về phía

chái nhà. Hai đôi chân biến đi đâu mất, đôi chân thứ ba dừng lại trên thềm nhà. Bên cạnh chân là cái báng súng.

- Họ vây bắt! - Pê-chi-a thì thào và nhỏm dậy.

Trong bóng tối, hắn va vào đầu tôi một cái làm tôi cắn phải lưỡi. Nhưng lúc này còn nghĩ gì đến cái lưỡi nữa.

- Phải chuồn thôi!...

Nếu lúc bấy giờ chúng tôi giắt theo người mấy sợi dây thì chưa biết chừng cuộc đời tôi đã hoàn toàn diễn biến theo con đường khác rồi. Trong kho có bao nhiêu dây. Nhưng sau khi chúng tôi trèo lên trần nhà kho rồi mới nhớ ra chuyện ấy. Nhà kho xây bằng đá, bên trên có trần gác, nóc chỉ có một mái, phía tường sau có một cái lỗ hổng tròn thông ra sân nhà bên cạnh.

Pê-chi-a thò đầu ra ngoài lỗ hổng ngó chung quanh, Nó đã bị xước một bên má trong khi chúng tôi mò mẫm trong bóng tối để cậy tấm ván trên trần nhà và bây giờ nó cứ phải đưa mu bàn tay lên chùi máu luôn.

- Nhảy xuống chứ?

Nhưng nhảy từ trên cao năm sáu thước qua cái lỗ hổng không to lắm trên bức tường nhẵn thín không phải là chuyện dễ, họa chăng chỉ có cách lao đầu ra trước y như khi nhảy xuống nước. Bây giờ phải thò hai chân ra trước, ngồi gập người lại rồi toài cả người ra mà rơi xuống. Pê-chi-a đã làm như thế. Trong khi tôi còn đang nghĩ xem có nên trở lại lấy dây thừng không thì Pê-chi-a đã ngồi trên cái lỗ hổng rồi. Nó không quay người lại được nữa mà chỉ nói:

- Không sao đâu Xa-nhi-a ạ, mạnh dạn lên nào!

Thế là nó mất hút. Tôi rụng rời nhìn theo nó. Chẳng làm sao

cả, chiếc hàng rào ở chỗ này gần sát ngay nhà kho, nó rất may là rơi ngay xuống một đống tuyết mềm ở bên kia hàng rào.

- Nhảy đi!

Tôi bò lên cái lỗ hổng và ngồi co đầu gối lên. Bây giờ nom rõ cả cái sân nhà hàng xóm - một em bé gái đang chơi chiếc xe trượt tuyết kiểu Phần -lan dọc theo ngôi nhà cổ kính có xây cột, một con quạ ngồi trên ống thoát nước. Cô bé dừng lại nhìn chúng tôi vẻ tò mò. Con quạ cũng nhìn chúng tôi, song nó lại quay đi chẳng thèm để ý, đoạn rúc đầu vào cánh.

- Nhảy đi!

Ngoài cô bé và con quạ ra, ở trong sân còn có một người mặc áo bành tô da nữa. Ông ta đứng ở chỗ cạnh đầu hồi giữa nhà chúng tôi với cái sân nhà hàng xóm. Tôi nhìn thấy ông ta hút hết điếu thuốc lá, vứt đầu mẩu đi và thư thả đi về phía chúng tôi.

- Nhảy xuống đi! - Pê-chi-a sốt ruột kêu lên.

Tôi đưa hai tay ra phía sau khe khẽ tụt xuống, thế là mọi vật xung quanh vụt chuyển động. Con quạ khoang vỗ cánh bay lên, cô bé sợ hãi lùi lại đằng sau mấy bước. Pê-chi-a cắm đầu chạy ra cổng, người đàn ông mặc áo bành tô da đuổi theo nó. Trong giây lát đó tôi đã hiểu cả. Nhưng muộn rồi, tôi rơi xuống như bay.

Đó chính là chuyến bay đầu tiên của tôi - rơi thẳng từ trên cao năm thước xuống mà không có dù. Tôi không thể nói rằng chuyến bay này đã thành công. Ngực tôi đập vào hàng rào, vừa nhổm dậy thì lại ngã. Cái quang cảnh cuối cùng mà tôi nom thấy là thằng Pê-chi-a đã nhảy ra phố và nó sập cánh cổng lại ngay trước mũi cái người mặc áo bành tô da.

Chương 17

Những con giống

Tất nhiên việc chúng tôi bỏ chạy trong khi chẳng có tội tình gì thì thật là ngu xuẩn. Bản thân chúng tôi chẳng đầu cơ trục lợi mà chỉ làm cho bọn đầu cơ thôi. Người ta sẽ chẳng làm gì chúng tôi cả, mà chỉ hỏi mấy câu rồi sẽ thả ra. Song giờ đây hối hận thì đã muộn. Người mặc áo bành tô da nắm chặt tay tôi đưa đi, chắc là vào nhà giam. Tôi bị tóm, còn Pê-chi-a đã chuồn được. Giờ đây tôi trơ trọi một mình. Trời đã về chiều, mặt trời xế bóng, đàn quạ đang đủng đỉnh bay trên những hàng cây dọc theo đại lộ Xtơ-ra-xnưi. Tuy tôi không khóc nhưng nét mặt chắc là thảm hại lắm nên cái người mặc áo bành tô da ngắm tôi một hồi rồi nới tay tôi ra: ông ta biết rằng tôi sẽ không chạy trốn được.

Ông ta dẫn tôi đến một gian nhà rộng rãi, sáng sủa trên tầng thứ sáu của một tòa nhà đồ sộ ở cổng Ni-kít-xki. Đây là phòng thu nhận của Bộ Giáo dục nhân dân. Tôi đã ở đây ba ngày đáng ghi nhớ... Tim tôi se lại khi nhìn thấy ở trong gian phòng này những cái mặt đỏ quạch. Một bọn đang ngồi xổm sát phạt nhau trong ván bài quanh cái bếp lò bằng đất, bọn khác đang rút gỗ

riềm trên những cái cửa sổ rất cao, rút được thanh nào là ném ngay vào lò thanh ấy, một số nữa nằm ngủ còn nhóm thứ tư thì đang lấy những cái khung cũ và những tấm tranh xếp bừa lại làm "nhà" ở một góc. Ban đêm trong phòng thu nhận này lạnh hơn ở ngoài đường, bọn chủ những ngôi "nhà" này liền đốt một cái bếp đèn dầu hỏa rồi thu nhập những kẻ muốn vào ngủ trong "nhà" - đứa thì trả vài điếu thuốc lá, đứa thì trả một mẩu bánh mì... Và giữa cái cảnh điêu tàn hoang dại này có những pho tượng thần Hi-lạp bằng thạch cao như A-pô-lôn, Đi-a-na, Héc-quyn đặt trên các bệ cao lãnh đạm nhìn xuống bằng những con mắt trắng dại.

Chỉ có những khuôn mặt của những vị thần này là còn có vẻ mặt người. Lúc tang tảng sáng, tôi tỉnh dậy vì trời lạnh quá, hai hàm răng đánh nhau cầm cập, tôi rụt rè nhìn lên những vị thần. Có lẽ các vị ấy đang nghĩ: "Đồ ngu, mày là thằng ngu! Sao mày lại bỏ nhà mà đi? Mày cứ tưởng phải đến trại mồ côi là ghê lắm à? Đến mùa xuân thì có thể trở về, có thể giúp đỡ hai ông bà già và sẽ tìm được công việc! Còn bây giờ mày chỉ có một mình, mày có chết cũng chẳng ai nhớ đến. Chỉ có thằng Pê-chi-a chạy khắp thành phố Mát-xcơ-va đi tìm mày và có dì Đa-sa thở dài não nuột mà thôi! Cậu em ạ, hay là xin lấy một bộ quần áo rồi chuồn mau về nhà!" Lúc đó ở trong Bộ Giáo dục nhân dân đang đổi quần áo, họ đốt hết quần áo cũ và phát quần dài, áo sơ-mi. Có rất nhiều đứa lêu lổng cố tình cho người ta bắt vào để nhân cơ hội này đổi bộ quần áo rách bươm của chúng lấy quần áo mới.

Suốt ba ngày trời tôi không nói một câu. Việc này đối với một đứa trẻ vừa mới học nói chưa được bao lâu thì chẳng có gì là khó cả. Vả lại nói với ai mới được chứ? Cứ mỗi lần người ta đưa thêm bọn trẻ lêu lổng vào trại là tôi lại bất giác nhìn xem trong đó có

thằng Pê-chi-a của tôi không. Không có. Không có càng tốt! Tôi cứ ngồi một bên và chẳng nói câu nào.

Vì đói, rét và buồn quá, tôi bèn nặn chơi. Trong cái xưởng hội họa và điêu khắc cũ này có rất nhiều đất sét để nặn tượng. Có lần tôi vào véo một cục đất sét dúng vào nước sôi rồi lấy tay nặn nghịch, tự nhiên lại thành một con cóc. Tôi khoét cho nó hai cái lỗ mũi to tướng và hai con mắt lồi ra. Sau đó tôi nặn thử một con thỏ. Tất nhiên là còn rất xấu. Nhưng đã có một cái gì thức tỉnh trong tâm hồn tôi khi tôi bất chợt nhìn thấy dáng cái đầu tách đôi trong một cục đất sét chẳng ra hình thù gì. Tôi cứ nhớ mãi cái giây phút ấy: lúc đó chẳng có ai nhìn thấy tôi nặn đất, một tên bợm già không biết run rủi làm sao lại rơi vào cái phòng thu nhận trẻ lêu lổng này đang kể chuyện bọn chúng đã "hoạt động từng cặp" ở ngoài ga thế nào. Tôi đứng riêng ra một chỗ bên cạnh cửa sổ và nín thở nhìn cục đất sét nhỏ có hai cái tai thỏ nhỏ lên. Không hiểu tại sao tôi lại xúc động đến thế...

Sau đó tôi nặn một con ngựa có bờm to chải mượt. "Những con giống!" Con ngựa của ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp cũng giống hệt như thế này! Đây cũng là những con giống, có điều là không phải đẽo bằng gỗ mà nặn bằng đất sét.

Tôi không biết tại sao, nhưng sự khám phá này làm tôi mừng rỡ. Tôi vui sướng ngủ thiếp đi. Tựa như tôi đang hy vọng rằng những "con giống" ấy sẽ cứu tôi. Chúng sẽ giúp tôi rời khỏi nơi này giúp tôi tìm thấy Pê-chi-a, giúp tôi về được đến nhà, còn Pê-chi-a thì đến được Tuyếc-két-xtan. Chúng sẽ giúp em gái tôi đang ở trại mồ côi, giúp đỡ ông chú của Pê-chi-a ở ngoài mặt trận, giúp đỡ tất cả những kẻ lang thang ban đêm trên những con đường trong thành phố Mát-xcơ-va đói và lạnh này. Tôi đã cầu nguyện như vậy, nhưng không phải là cầu Chúa! Tôi cầu xin con cóc, con

ngựa và con thỏ đang phơi ở trên cửa sổ che bằng một mảnh giấy báo.

Nếu là một đứa trẻ con khác, không phải là kẻ vô thần như tôi có lẽ nó sẽ trở thành người sùng bái thần tượng và mãi mãi tin vào con cóc, con ngựa và con thỏ. Bởi vì chúng đã giúp đỡ tôi thật!

Ngày hôm sau có một tổ công tác của Bộ Giáo dục nhân dân đến phòng thu nhận, thế là từ đó trở đi cái phòng thu nhận này giải tán vĩnh viễn.

Những tên ăn cắp được đưa vào nhà giam, bọn lêu lổng được đưa vào các trại, còn những kẻ đi ăn xin thì đuổi về nhà. Trong gian phòng điêu khắc hội họa rộng thênh thang này chỉ còn lại những tượng thần Hi-lạp A-pô-lôn, Héc-quyn và Đi-a-na.

- Còn cái gì đây? - Một ủy viên trong tổ công tác hỏi. Đó là một thanh niên đầu óc bù xù, râu không cạo. Mọi người chỉ gọi anh là Su-ra. - Bác I-van An-đrê-ê-vích xem này, nặn tuyệt chưa!

I-van An-đrê-ê-vích cũng đầu bù, râu không cạo, nhưng già rồi. Ông đeo cái kính kẹp mũi lên và bắt đầu nghiên cứu những con giống.

- Những thứ đồ chơi Nga điển hình của thị trấn Xe-rơ-ghi-ép-xki, - ông nói. - Thú vị thật. Ai làm đấy? Chú này à?

- Tôi đấy!

- Tên là gì?

- Gri-gô-ri-ép A-lếch-xan-đrơ.

- Có muốn học không?

Tôi nhìn ông và im lặng. Cuộc sống đói rét đầu đường xó chợ mấy tháng qua đã giày vò tôi cho nên lúc này mặt tôi bỗng méo xệch đi, nước mắt nước mũi chảy ra giàn giụa.

- Nó muốn đấy, - vị ủy viên tên là Su-ra nói. - Chúng ta gửi nó đi đâu bây giờ, bác I-van An-đrê-ê-vích?

- Theo tôi thì nên gửi nó cho Ni-cô-lai An-tô-nứt, - người kia trả lời và thận trọng đặt con thỏ của tôi lên bệ cửa sổ.

- Đúng đấy! Ni-cô-lai An-tô-nứt vốn có khuynh hướng nghệ thuật. Thế nào, Gri-gô-ri-ép A-lếch-xan-đrơ, có muốn đến với bác Ni-cô-lai An-tô-nứt không?

- Cậu Su-ra, nó có biết ông ấy là ai đâu. Tốt nhất là hãy ghi lại, Gri-gô-ri-ép A-lếch-xan-đrơ... Em bao nhiêu tuổi?

- Mười một.

Tôi tăng lên nửa năm.

- Mười một tuổi. Viết xong chưa? Gửi đến Ta-ta-ri-nốp, cho vào Trường Công xã số Bốn.

Chương 18

Ni-cô-lai An-tô-nứt

Chị con gái đẫy đà ở Bộ Giáo dục nhân dân nom có phần giống dì Đa-sa để tôi đứng một mình trong căn phòng dài vốn là hành lang tranh tối tranh sáng rồi bỏ đi, dặn sẽ quay lại ngay. Đây là phòng treo mũ và áo ngoài. Những cái mắc áo trống không, trông giống như những anh chàng gày gò có sừng mọc ở trên đầu, đặt trong những chiếc tủ để ngỏ. Dọc tường toàn cửa. Trong đó có một cái là cửa kính. Kể từ khi rời khỏi En-xcơ, đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy mình. Hình dáng như thế đấy! Một thằng bé mặt trắng bệch, cái đầu tròn cắt tóc ngắn, đang buồn bã nhìn tôi. Trông nó nhỏ bé quá, gày còm hơn là tôi tưởng tượng rất nhiều. Cái mũi nhọn, mồm mím chặt. Người ta đã cọ mình tôi bằng đá kỳ ở nhà tắm của Bộ Giáo dục thế mà trên người tôi vẫn còn những chỗ cáu ghét. Chiếc áo đồng phục dài rộng thùng thình có thể quấn thêm một vòng nữa quanh người tôi, hai ống quần dài trùm ra ngoài ủng da.

Chị con gái béo đã trở lại, thế là chúng tôi đến gặp Ni-cô-lai An-tô-nứt. Ông là một người đẫy đà nhưng nét mặt hơi xanh. Một ít tóc lơ thơ trên cái đầu hói chải lật về phía sau. Trong mồm

có một chiếc răng vàng lấp lánh. Còn tôi, do cái thói quen ngu xuẩn, khi vừa nhìn thấy chiếc răng vàng này là tôi cứ nhìn chằm chằm vào đấy.

Chúng tôi phải chờ khá lâu: Ni-cô-lai An-tô-nứt đang bận. Ông đang nói chuyện với đám trẻ khoảng mười sáu tuổi vây quanh ông, tranh nhau nói những chuyện gì ấy. Ông nghe chúng nói và rung rung những ngón tay mẫm mạp, trông giống như những con sâu róm. Ông có vẻ khoan thai, từ tốn và trang trọng.

- Trật tự, các em, đừng nói nhao nhao cả lên như vậy, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói. - Nào, I-gô, em nói trước đi.

Ông đứng dậy ôm lấy vai cậu bé đeo kính da ngăm đen, tóc quăn, hai má hồng hồng, trên má và dưới mũi cậu ta có những sợi lông tơ đen.

- Thưa thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt! - I-gô trịnh trọng nói, mặt đỏ lên. - Chúng tôi phản đối Trường trung học thực hành Li-a-đốp. Chúng tôi quyết định tham gia Liên hợp xã thứ mười ba, đồng thời cũng tỏ lời phản đối nếu tiêu chuẩn thực phẩm không thay đổi mà thành viên cứ tăng lên thì còn gọi là công xã làm sao được? Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói rằng đó là một cuộc đấu tranh vì bát cháo... Còn chúng tôi thì cho rằng đây là vấn đề nguyên tắc. Nếu chúng tôi là công xã, thế thì chúng tôi phải tự quyết định xem có kết nạp xã viên mới nữa hay không? Chúng tôi không kết nạp Trường trung học thực hành Li-a-đốp. Nếu cùng lắm thì chúng tôi sẽ kết nạp Trường nữ trung học Brơ-giô-đốp-xcai-a.

Cậu ta nói rất hăng, và chỉ khi mọi người cười ầm lên mới chịu ngừng lại trong giây lát.

- Tóm lại chúng tôi kiên quyết phản đối sự xúc phạm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp và yêu cầu nêu vấn đề này ra trước Hội đồng nhà trường.

- Và sẽ chỉ là thiểu số thôi. - Ni-cô-lai An-tô-nứt bác lại và gật đầu với chúng tôi.

Chúng tôi tiến lại.

- Trẻ lêu lổng à?

- Không phải.

- Ở Bộ Giáo dục nhân dân gửi sang, - chị con gái béo giải thích rồi đặt giấy giới thiệu lên bàn.

- Em ở đâu đến, Gri-gô-ri-ép? - Ni-cô-lai An-tô-nứt đọc giấy giới thiệu và dõng dạc hỏi tôi.

- Từ En-xcơ.

- Thế làm sao lại đến đây, đến Mát-xcơ-va?

- Trên đường đi qua, - tôi đáp.

- Ra thế đấy, chú bé thân yêu! Vậy thì chú em định đi đâu?

Tôi hít một hơi đầy lồng ngực và chẳng nói năng gì nữa. Người ta đã từng hỏi tôi hàng trăm câu như thế này rồi. Em là ai? Em đi đâu?

- Thôi được, sau này chúng ta sẽ nói chuyện tiếp, - Ni-cô-lai An-tô-nứt viết mấy chữ vào đằng sau tờ giấy giới thiệu của Bộ Giáo dục nhân dân. - Chú em không chạy trốn chứ?

Tôi tin rằng tôi sẽ trốn. Nhưng tôi cũng cứ nói:

- Không.

Chúng tôi đi ra. Ra đến cửa tôi quay lại nhìn. I-go với vẻ mặt sốt ruột và khinh miệt chờ cho cuộc nói chuyện của chúng tôi kết thúc rồi liến thoắng nói ngay câu gì đó, nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt không nghe mà chỉ trầm ngâm nhìn theo tôi. Ông ấy đang nghĩ gì vậy? Chắc hẳn là ông ấy không thể ngờ rằng chính ngày hôm ấy số mệnh đã đến với ông trong hình ảnh một chú bé còi cọc, đầu có những mảng cáu ghét, chân lê đôi ủng to tướng, cái cổ khẳng khiu thò ra ngoài chiếc áo đồng phục.

Phần thứ hai

CÓ NHỮNG ĐIỀU ĐỂ SUY NGHĨ

Chương 1

Tôi nghe kể chuyện hoang đường

Tôi chỉ có mỗi một ý nghĩ là "chờ đến ngày đầu tiên trời ấm thì chuồn". Khi mùa đông giá lạnh qua đi là tôi sẽ cao chạy xa bay, trại trẻ đừng hòng nhìn thấy bóng dáng tôi ở đây nữa. Nhưng cụ thể xảy ra khác hẳn. Tôi chẳng chuồn đi đâu. Việc học hành đã giữ chân tôi lại...

Hàng ngày cứ sáng ra là chúng tôi đến lò để lấy bánh mì rồi về học tập. Trong chúng tôi tuy có những cậu tính tuổi ra thì phải học lớp sáu rồi, nhưng chúng tôi vẫn được gọi là lớp một.

Một bà giáo già tên là Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na dạy chúng tôi. Mỗi lần đến lớp bà đều đeo cái túi du lịch ở trên vai. Thật thà mà nói, khó lòng nói được là bà ta dạy chúng tôi những gì nữa

Tôi còn nhớ có một bài giảng về con vịt, bà ấy gộp luôn ba môn vào đó: địa lý, vạn vật học và tiếng Nga. Ở bài vạn vật thì con vịt được đem ra nghiên cứu như một con vịt: cánh nó thế nào, bàn chân nó ra sao, nó bơi thế nào, vân vân... Đến bài địa lý thì con vịt được coi là một loài sinh vật trên trái đất để nghiên cứu; phải chỉ trên bản đồ xem nơi nào có vịt, nơi nào không. Sang

bài Nga văn thì bà Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na dạy chúng tôi viết chữ "V-ị-t" và đọc tác phẩm nào đó viết về con vịt của Brêm. Nhân tiện bà còn nói cho chúng tôi biết chữ con vịt tiếng Đức nói thế nào, tiếp Pháp nói thế nào. Hình như kiểu này hồi đó được gọi là "phương pháp giáo dục tổng hợp". Tóm lại tất cả đều là "nhân tiện". Rất có thể bà Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na đã lẫn lộn gì đó trong phương pháp này. Bà đã già, thường lấy kim băng cài ở ngực một cái đồng hồ nhỏ vỏ bằng xà cừ, vì thế khi chúng tôi trả lời câu hỏi là lại xem xem mấy giờ rồi.

Nhưng buổi tối nào bà cũng đọc truyện cho chúng tôi nghe. Nhờ có bà mà lần đầu tiên tôi được nghe câu chuyện cổ tích về anh em I-van và A-lê-na.

Mặt trời mọc cao
Giếng nước thì xa
Cái nóng rầy rà
Mồ hôi nhễ nhại.
Nơi móng chân dê
Có đầy nước mát.

Câu chuyện "A-li Ba-ba và bốn mươi tên cướp" đã làm tôi mê mẩn. "Xê đam, mở cửa ra!" Sau đó nhiều năm tôi đọc bản dịch lại cuốn "Một nghìn một đêm lẻ" tôi rất buồn khi thấy không phải là Xê-dam, mà phải đọc là "Xim Xim" và đó là một loại thực vật, hình như là cây gai thì phải. "Xê-dạm" là một lời thần chú tuyệt vời. Khi tôi được biết đó chỉ là một loại cây gai thì tôi vô cùng thất vọng.

Có thể không nói ngoa rằng những câu chuyện hoang đường này đã làm cho tôi hết sức xúc động. Lúc đó tôi không còn muốn gì hơn là đọc được như bà Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na:

Nói tóm lại là tôi rất thích ở trại trẻ. Ở đây rất ấm áp, không bị gió dập mưa vùi, được ăn uống lại được học hành. Không buồn tẻ hay ít nhất cũng không buồn tẻ lắm. Các bạn đối xử với tôi rất tốt, - có lẽ vì tôi là người bé nhất.

Ngay những ngày đầu tiên mới đến đây tôi đã kết bạn với hai cậu nhỏ cho nên chúng tôi không bao giờ để thì giờ trôi qua một cách vô ích.

Một trong những người bạn mới của tôi tên là Rô-ma-sca. Nó là một đứa trẻ gày còm, đầu to, bộ tóc vàng như lông con mèo rừng, rối bù như mớ bòng bong. Mũi nó tẹt gí, đôi mắt nó tròn lạ thường, cằm vuông bè bè, quả là một khuôn mặt đáng sợ và chả có cảm tình chút nào. Tôi với nó thân nhau vì cùng chơi đoán ô chữ: tôi đoán ô chữ rất giỏi, nó phục tôi ở điểm này.

Một bạn khác tên là Van-ca Giu-cốp. Nó là một thằng lười nhưng lại lắm dự định. Lúc thì nó muốn đến vườn bách thú học nghề dạy sư tử, lúc lại muốn làm lính cứu hỏa. Đến lò bánh mì thì nó muốn làm thợ nướng bánh, lúc đi xem hát về nó lại nhất quyết làm diễn viên. Nói chung là nó luôn có những ý nghĩ táo bạo.

- Nếu như... - Nó đăm chiêu nói.

- ... khoan thủng trái đất ra, và chui ra phía bên kia. - Rô-ma-sốp nói xỏ xiên.

- Thế, nếu như...

- ... nuốt chửng một con chuột sống...

Van-ca rất thích chó. Tất cả lũ chó ở dọc đường Xa-đô-vô Tri-um-phan-nai-a đều có vẻ kính nể nó.

Nhưng Van-ca rút cục vẫn chỉ là Van-ca, còn Rô-ma-sca là Rô-ma-sca, so với Pê-chi-a thì cả hai thằng đều kém xa.

Phải xa Pê-chi-a tôi buồn chán không sao nói ra cho hết.

Tôi đi tìm khắp những nơi mà trước kia tôi đã dạo qua, hỏi thăm những đứa lưu lạc xem có gặp nó không, thường xuyên đứng chực ở các trạm thu nhận và các trại trẻ. Nhưng chẳng tìm thấy nó đâu cả. Liệu nó có nấp vào trong một cái hòm nào đó của một toa xe lửa quốc tế để trốn đến Tuyếc-két-xtan hay không? Hay nó đã rời khỏi cái thành phố Mát-xcơ-va đói rét đi bộ về nhà? Nào ai biết được!

Đến tận bây giờ, qua những buổi lang thang đi tìm thằng Pê-chi-a tôi biết rõ và thấy thích thành phố Mát-xcơ-va, một thành phố bí ẩn, rộng lớn, tuyết phủ dày đặc đã diễn ra nạn đói và chiến tranh. Trên các quảng trường có treo những tấm bản đồ, ở chỗ giữa Cuốc-xcơ và Khác-cốp gần Mát-xcơ-va có một đường chỉ đỏ cắm những lá cờ con. Ngoài chợ còn những dãy nhà ghép bằng gỗ thấp lè tè sơn lòe loẹt. Các họa sĩ phái vị lai vẽ lên tường những bức tranh kỳ quặc - những con người mặt xanh màu lá cây, các nhà thờ sập nóc. Trên bức tường rào cao ở phố Tve-rơ-xcai-a cũng có những bức tranh tương tự như vậy. Trên kính cửa sổ các hiệu buôn có treo những tấm biểu ngữ của Thông tấn xã Nga:

Chúng mày ăn dứa
Chúng mày nhai chim
Đến ngày tận số
Bọn tư sản kia!

Đây là những vần thơ đầu tiên mà tôi đọc được.

Chương 2

Trường học

Ở đoạn trên hình như tôi đã nói là theo ý kiến của Bộ Giáo dục nhân dân thì nhà trẻ của chúng tôi được coi như một nơi ươm những mầm non có năng khiếu. Bộ Giáo dục nhân dân cho rằng chúng tôi có năng khiếu về âm nhạc, mỹ thuật và văn học... Do đó sau buổi học chúng tôi được tự do muốn làm gì thì làm. Người ta cho rằng như vậy là chúng tôi được tự do phát triển năng khiếu. Mà chúng tôi cũng đang phát triển thiên tài của mình thật. Có đứa chạy ra sông Mát-xcơ-va giúp lính cứu hỏa bắt cá trong những hố băng. Đứa thì ra chen lấn ngoài chợ Xu-kha-rép-ca[1] để xem có cái gì để hớ hênh không?

Còn tôi thì ngày càng hay ở lại nhà. Chúng tôi ở tầng bên dưới các lớp học. Do đó tất cả những diễn biến trong sinh hoạt nhà trường đều bày ra trước mắt tôi. Đó là một cuộc sống khó hiểu, bí ẩn và phức tạp. Tôi chen chúc trong đám học sinh lớn tuổi nghe họ nói chuyện. Tôi được tiếp xúc với những quan hệ

(1) Hồi đó Xu-kha-rép là nơi họp chợ giời ở Mát-xcơ-va. - N. D.

mới, những tư tưởng mới và những con người mới. Tất cả những cái đó không giống với Mát-xcơ-va. Trong một thời gian rất dài tôi chẳng hiểu một tí gì cả, chỉ biết ngạc nhiên với tất cả mọi sự. Đến nay thì tôi đã nắm được về cái Trường trung học lao động số Bốn như sau:

Cách ít lâu Trường trung học Pê-xtốp vẫn ở tòa nhà lầu lớn màu đỏ ở đường Xa-đô-vô Tri-um-phan-nai-a. Có một nhà nuôi trẻ nhỏ trực thuộc trường này. Đó chính là trại trẻ của chúng tôi. Mùa đông năm 1919 Trường trung học Pê-xtốp sát nhập với Trường trung học thực hành Li-a-đốp và đến mùa xuân thì lại hợp nhất với trường nữ trung học Brơ-giô-đốp-xcai-a.

Rất nhiều bạn đọc của tôi không đi học các trường trung học hồi trước cách mạng, do đó chắc các bạn đã quên mất tình trạng khinh rẻ lẫn nhau giữa học sinh các trường trung học và trường thực hành. Tôi không rõ căn nguyên sự thù hằn này từ đâu, nhưng hồi còn ở En-xcơ tôi có được nghe những lời đồn đại thú vị về những trận đánh nhau kịch liệt trên sân băng, học sinh trung học là những dũng sĩ cao quí và học sinh trường thực hành đê tiện dùng cả "nắm đấm chì" - một thứ trái với nguyên tắc về danh dự - để đánh nhau. Ngày nay ở Mát-xcơ-va tôi được chính mắt nhìn thấy tất cả những việc này.

Học sinh Trường trung học Pê-xtốp là những đứa phá phách quá quắt nhất Mát-xcơ-va, - chả trách những đứa học sinh bị các trường trung học khác đuổi ra thì được nhận vào trường này không cần phải thi. Trái lại học sinh Trường thực hành Li-a-đốp, chủ yếu là những đứa con khuôn phép của các vị quan cao cấp, các kỹ sư, các nhà sư phạm. Do đó sự thù hằn ấy không những có tính chất nghề nghiệp mà còn có tính chất xã hội nữa. Sau khi Bộ Giáo dục nhân dân ra quyết định đặt Trường nữ trung học

Brơ-giô-đốp-xcai-a vào giữa hai địch thủ kế truyền này thì sự thù hằn ấy lại càng tăng lên.

Có biết bao nhiêu cớ cãi nhau, để bày mưu lập kế và dèm pha. Có biết bao nhiêu lời phát biểu ở các hội nghị, bao nhiêu thư thanh minh, bao nhiêu xung đột ngấm ngầm và công khai. Nhà trẻ chúng tôi đứng ngoài cuộc: chẳng ai chú ý đến chúng tôi cả. Nhưng có thể dễ dàng đoán được xem ai là kẻ chúng tôi hâm mộ. Đó chính là những học sinh Trường trung học Pê-xtốp! Thậm chí đến việc đội mũ chúng tôi cũng cố bắt chước đội như họ - hơi lệch về phía bên phải.

Trường công xã số Bốn đã đào tạo ra rất nhiều người sau này trở nên những nhân vật nổi tiếng, được mọi người kính nể. Bản thân tôi cũng phải cám ơn cái công xã này rất nhiều. Nhưng khi đó vào cái năm một ngàn chín trăm hai mươi ấy thì mọi sự nát bét như cháo! Nhân chữ này tôi thấy phải nói thêm rằng món cháo ăn - có khi là cháo ngô, khi là cháo kê, ở một mức độ đáng kể, là quyền lợi thiết thân của cả học sinh Trường Li-a-đốp và Trường Pê-xtốp. Cháo được đựng vào một cái nồi to, ủ rất kỹ trông như một bà cụ già, đặt lên xe trượt tuyết chở đến, và họ cứ thế khiêng luôn cả cái xe trượt tuyết ấy lên giảng đường lớn. Đại diện ban kinh tế của trường là "cô Va-ri-a" - mọi người đều gọi cô gái mập mạp, má đỏ hồng tóc tết dày như vậy - tay cầm một cái muỗng to đi đi lại lại đằng sau cái quầy. Mọi người xếp thành hàng và không phân biệt là mặc đồng phục của trường nào, lớn hay bé và thành phần ra sao, mỗi người được một môi cháo ngon tuyệt trần còn nóng hổi.

Hàng ngày phát cháo vào giờ giải lao dài nhất. Song vì muốn lên lớp hay không cũng được cho nên có thể coi cả một ngày học là một cuộc giải lao dài.

Có lần tôi tình cờ lọt vào một cuộc họp của học sinh lớp năm. Họ đang thảo luận vấn đề có nên lên lớp hay không? Một học sinh trường Pê-xtốp đầu tóc rối bù đang phát biểu. Mọi người nhao nhao lên "Hoan hô, Cô-vư-sca!" Cậu ta đang lý luận rằng bất kể trong trường hợp nào cũng không đi học. Đi học là phải tự nguyện, còn điểm thì sẽ lấy theo biểu quyết của đa số.

- Hoan hô Cô-vư-sca!

- Đúng lắm!

- Và tóm lại là, các bạn ạ, vấn đề là ở chỗ các giáo viên. Đối với các giáo viên mà chỉ có một số rất ít đến học thôi thì làm thế nào? Tôi đề nghị ấn định mức là năm người. Nếu số học sinh lên lớp dưới năm người thì không phát khẩu phần ăn cho giáo viên ngày hôm ấy.

- Đúng!

- Đồ ngu!

- Đả đảo!

- Hoan hô!

Lời phát biểu đó chắc hẳn không phải nói về tất cả các giáo viên, mà chỉ nhằm có một người, bởi vì lúc đó mọi người đều nhìn ngang ngửa, thì thào bàn tán và hích tay nhau: ở ngoài cửa sổ có một người dong dỏng cao, tuổi chưa già lắm, bộ ria rậm, đang khoanh tay đứng nghe diễn giả vừa phát biểu.

- Ai thế? - Tôi hỏi cô Va-ri-a. Cô đang cầm cái môi ở tay đi lại ngoài hành lang chờ người ta đem cháo đến.

- Lão Ria đấy chú em ạ! - cô Va-ri-a đáp.

- Tại sao lại gọi là lão Ria?

- Chao, chú mày không biết à?

Chẳng bao lâu tôi đã biết ở trong Trường số Bốn này người ta gọi ai là "lão Ria".

Đó là giáo viên địa lý Cô-ra-bơ-li-ốp mà cả trường ai cũng ghét. Bởi vì thứ nhất người ta không rõ ông ta là người ở đâu, không phải là giáo viên của trường Li-a-đốp, không phải của trường Brơ-giô-dốp-xcai-a, cũng không phải là giáo viên của trường Pê-xtốp. Thứ hai theo ý kiến mọi người thì ông ta là một tay đại ngốc, chẳng hiểu cái gì cả... Thứ ba, ngày nào ông ta cũng lên lớp và ngồi cho đến hết giờ, mặc dù trong lớp chỉ có ba người. Rõ ràng đó là nguyên nhân có tính chất quyết định khiến mọi người phẫn nộ...

- Thưa các bạn, bây giờ như thế này, - Cô-vư-sca nói tiếp, hắn đang nói rất hăng và đang định làm điệu bộ của một nhà hùng biện, lấy tay cài cúc áo, song trên áo bành tô của hắn chẳng có chiếc cúc nào. - Trong hội đồng nhà trường, đại biểu cho lớp Năm chỉ có một mình tôi. Như vậy là không đúng. Một mình tôi rất khó có thể đấu tranh cho quyền lợi của cả lớp Năm này được. Người ta coi chúng ta là học sinh lớp dưới. Nhưng các bạn hãy thử xem, chủ tịch Hội học sinh trường số Một trăm bốn mươi bốn là ai? Là Mu-khô-ve-rốp. Cậu ấy là người của lớp nào? Lớp Năm! Tóm lại, như tình hình hiện nay thì ta yêu cầu mọi người hãy cứ thử chứng minh xem chúng ta có phải là những học sinh lớp dưới không rồi sẽ nói chuyện. Là một lớp trên, chúng ta phải có hai đại biểu. Một là tôi, ngoài ra tôi đề nghị bạn Phi-rơ-cô-vích nữa.

- Đề nghị bạn Gla-din-si-cốp!

- Bạn Nê-đô-đa-ép!

- Ga-lai.

Tôi nhìn ông Cô-ra-bơ-li-ốp. Có lẽ vì mắt tôi trợn lên to quá, cho nên bỗng dưng ông cũng nhại lại cái điệu bộ ấy của tôi, chỉ thoáng qua thôi. Tôi cảm thấy hình như ông mỉm cười sau bộ ria. Nhưng Cô-vư-sca lại nói, thế là ông Cô-ra-bơ-li-ốp với cặp mắt tinh nghịch nhìn đi chỗ khác và đặc biệt chú ý lắng nghe.

Chương 3

Bà cụ người ở En-xcơ

Tôi còn nhớ rõ ngày hôm ấy - trời hửng nắng, chốc chốc lại có một trận mưa xuân. Đó là hôm tôi gặp một bà già gày nhom ở quảng trường Cu-đrin. Bà mặc cái áo măng-tô nhung kiểu cũ màu xanh lá cây. Bà xách một cái tay nải đựng đủ thứ: khoai tây, chua me, hành, tay kia bà cầm một cái dù to tướng. Rõ ràng là cái tay nải ấy đối với bà rất nặng, song bà vẫn cố rảo bước, nét mặt đăm chiêu luôn mồm lẩm bẩm. Tôi nghe thấy bà nói nửa phun nấm - năm trăm rúp; lơ bột - một trăm rưởi; củ cải đường - một trăm rưởi; một cốc sữa - một trăm rưởi; tiền đóng lễ cầu phúc - bảy trăm sáu mươi rúp; ba quả trứng - ba trăm rúp; tiền lễ xưng tội - năm trăm rúp. Đồng tiền lúc bấy giờ là như thế.

Cuối cùng bà cụ khẽ thở dài, rồi đặt cái tay nải xuống một phiến đá khô để nghỉ.

- Bà ơi, bà đưa cháu mang giúp cho, - tôi nói với bà cụ.

- Cút đi đồ ăn hại! Tao biết chúng mày rồi! Tao bị mất ba lần ba quả chanh rồi đấy!

Bà cụ giơ tay dọa tôi rồi cầm lấy tay nải.

Tôi bỏ đi. Nhưng vì cùng đi về một hướng cho nên chỉ vài phút sau tôi và bà cụ lại đi cạnh nhau. Hẳn là bà cụ muốn tránh xa tôi nhưng vì xách cái tay nải nặng như thế nên bà có muốn làm việc ấy cũng khó.

- Bà ơi, nếu bà cứ nghĩ rằng cháu muốn ăn cắp của bà thì tùy bà, - tôi nói, - nhưng cháu chỉ muốn giúp bà mà không tính công xá gì đâu, cháu xin thề như vậy. Cháu thấy bà vất vả mà thương.

Bà cụ nổi cáu lên. Một tay cụ ôm chặt cái tay nải, tay kia vung cái dù lên xua tôi như xua ong.

- Chính vì tao tin người, cho nên chúng nó mới lấy mất của tao quả chanh thứ ba rồi đấy. Tao biết bọn chúng mày rồi!

- Cái đó thì tùy bà. Bà bị tên lưu manh nó ăn cắp đấy, còn cháu ở trại trẻ cơ mà.

- Chính những đứa ở trại trẻ là những đứa ăn cắp.

Bà cụ nhìn tôi, và tôi cũng nhìn bà cụ. Cái mũi bà cụ hơi hếch lên trông có vẻ cương nghị lắm và cả con người bà cụ cũng có vẻ hiền từ nhưng kiên quyết. Có lẽ trông tôi cũng không đến nỗi đáng ghét, cho nên bà cụ bỗng thôi không xua dù nữa mà nghiêm nghị hỏi tôi.

- Mày là con nhà ai?

- Chẳng phải con nhà ai cả.

- Thế mày ở đâu đến? Mày là người Mát-xcơ-va à?

Tôi liền hiểu ngay rằng, nếu tôi trả lời tôi là người Mát-xcơ-va thì bà sẽ đuổi tôi đi ngay. Có lẽ bà cho rằng người Mát-xcơ-va đã lấy cắp chanh của bà.

- Không, cháu là người En-xcơ.

Thì ra bà cụ cũng ở En-xcơ đến. Cặp mắt bà cụ bỗng sáng lên, khuôn mặt càng trở lên hiền từ hơn.

- Mày nói dối, cái thằng lừa lọc, - bà cụ nói cáu kỉnh. - Có một đứa cũng bảo với tao rằng nó không phải là người Mát-xcơ-va. Nhưng đến lúc tao nhìn lại thì đã mất quả chanh rồi. Nếu mày đúng là người En-xcơ, vậy thì mày ở chỗ nào?

- Cháu ở ven sông Pét-trin-ca, đằng sau quảng trường chợ.

- Hoàn toàn nói láo.

Bà cụ đã thấy là tôi không nói dối.

- Cái sông Pét-trin-ca thì có ít đâu. Rất có thể ở chỗ khác cũng có một con sông như thế. Tao không nhớ ra mày.

- Có lẽ bà ra đi từ lâu rồi, lúc đó cháu hãy còn bé tí.

- Không, không lâu đâu, tao mới ra đi gần đây thôi. Nào, mày xách với tao một bên quai túi, còn quai kia tao cầm. Không được giật đấy.

Chúng tôi xách cái tay nải vừa đi vừa nói chuyện. Tôi kể cho bà nghe chuyện tôi và thằng Pê-chi-a định trốn đến Tuyếc-két-xtan, nhưng sau mắc kẹt lại Mát-xcơ-va. Bà cụ nghe rất thú vị.

- Thế đấy! Khôn khéo nhỉ! Đi bộ cơ à? Đi giỏi nhỉ! Khéo nghĩ thật!

Đến phố Tri-um-phan-nai-a, tôi chỉ trường học của tôi cho bà cụ xem.

- Đúng là đồng hương, - bà cụ nói khó hiểu.

Bà cụ ở trong ngôi nhà gạch xinh xắn ở phố Tve-rơ I-am số Hai. Căn nhà này tôi rất quen thuộc.

- Thầy hiệu trưởng của cháu ở đây đấy, - tôi nói. - Có lẽ bà cũng biết, thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt.

- Ra thế đấy! - Bà cụ trả lời. - Thế nào, thầy ấy có tốt không?

- Thầy ra thầy!

Tôi không hiểu tại sao bà cụ lại cười. Chúng tôi lên gác hai,

và đừng lại trước một cái cửa sạch sẽ có bọc vải sơn. Trên cửa có một tấm biển con, trên tấm biển đó có viết họ tên nhà này bằng thứ chữ cầu kỳ nhưng tôi không kịp đọc hết.

Bà cụ lẩm bẩm câu gì, rồi rút ở trong túi áo ra chiếc chìa khóa. Tôi định đi về thì bà cụ giữ lại.

- Bà ơi, cháu mang giúp thôi, không lấy công đâu.

- Thì mày ngồi xuống đây một tí đã, tao cũng không tính tiền đâu.

Không biết tại sao bà cụ lại kiễng chân lên đi vào cái phòng nhỏ bên ngoài và cũng chẳng bật đèn, bà cụ cởi áo măng-tô ra. Bà cụ cởi áo măng-tô, tháo cái khăn quàng có tua, chiếc áo ấm cộc tay, rồi lại một cái khăn san nữa nhỏ hơn, rồi khăn vuông vân vân. Sau đó bà mở cái tủ ra rồi biến mất. Ngay lúc đó có một cô gái mở cửa nhà bếp và hiện ra trên ngưỡng cửa. Tôi đã sẵn sàng tin rằng bà cụ vừa biến thành cô gái này. Nhưng đúng lúc đó thì bà cụ cũng lại hiện ra. Thì ra bà cụ đứng vào trong tủ để treo khăn và cái áo cộc tay.

- Đây là Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na, - bà cụ nói.

Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na khoảng độ mười hai tuổi chứ không hơn tôi. Nhưng tôi sánh thế nào được! Tôi cũng muốn làm được như cô ta, đầu hơi ngửa ra sau một cách kiêu hãnh, đôi mắt đen sinh động nhìn thẳng vào mặt người khác. Cô tết tóc đuôi sam thành hai vòng, trước trán cũng cặp vòng lại, má đỏ hồng nhưng cô có vẻ rất nghiêm nghị, mũi cũng hếch lên bướng bỉnh như bà cô vậy. Nói tóm lại cô nom cũng xinh nhưng cũng hết sức kiêu kỳ, mới thoạt nhìn đã thấy ngay.

- Xin chúc mừng cháu, Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na ạ, - bà cụ vẫn tiếp tục cởi bớt áo và nói. - Chúng nó lại ăn cắp mất chanh rồi.

- Cháu đã bảo là phải để vào trong túi áo măng-tô cơ mà, - Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na nói vẻ trách móc.

- Ờ, chính vì để trong túi áo măng-tô nên chúng nó mới xoáy mất.

- Chắc bà lại vừa đi vừa tính toán chứ gì?

- Tao chẳng tính gì cả... Mày xem, đây có cậu bạn nhỏ đi cùng với tao về đây.

Cô gái nhìn tôi, làm như từ nãy đến giờ cô ta chưa trông thấy tôi.

- Cậu ấy mang hộ tao cái tay nải này đấy. Mẹ cháu thế nào?

- Cháu lấy nhiệt độ bây giờ, - cô gái nói và bình thản ngắm tôi.

- Chà, mày thế thì giỏi thật! - bà cụ tíu tít lên. - Sao lại muộn thế? Bác sĩ dặn là phải lấy nhiệt độ lúc mười hai giờ cơ mà.

Bà cụ vội vàng đi ra, chỉ còn lại có tôi và cô gái. Chúng tôi im lặng khoảng vài ba phút. Sau đó cô chau mày lại, nghiêm nghị hỏi tôi:

- Cậu đã đọc "Ê-lê-na Rô-bin-sơn" chưa?

- Chưa.

- Thế còn "Rô-bin-sơn phiêu lưu ký"?

- Cũng chưa.

- Tại sao?

Tí nữa thì tôi buột miệng nói ra rằng tôi vừa mới biết đọc được nửa năm nay, nhưng may sao tôi lại kìm lại kịp.

- Tôi không có những cuốn sách ấy.

- Cậu học lớp mấy?

- Chẳng học lớp nào cả.

- Cậu ấy đi du lịch đấy, - bà cụ đã trở lại và nói. - Ba mươi bảy

độ hai. Cậu ấy đi bộ đến Tuyếc-két-xtan. Mày đừng có làm cho cậu ấy giận, Ca-chi-a ạ[1].

- Đi bộ thế nào?

- Vung chân vung tay lên mà đi chứ còn thế nào nữa.

Ở phòng ngoài có cái bàn con bên dưới cái gương. Ca-chi-a kéo ghế lại cạnh bàn, ngồi xuống, chống tay lên cằm rồi nói:

- Nào, cậu kể đi!

Tôi không muốn kể cho cô ta nghe, cô bé ra vẻ kiêu kỳ quá. Nếu chúng tôi đã đến Tuyếc-két-xtan thật, thì đó lại là chuyện khác. Vì thế tôi lấy giọng lễ độ nói:

- Có gì đâu, tôi không thích kể. Để khi khác.

Bà cụ đem miếng bánh mì phết mứt hoa quả ra bắt tôi ăn, nhưng tôi từ chối:

- Đã bảo không lấy công là không lấy mà.

Chính tôi cũng không biết tại sao mà tôi đâm ra bực mình. Tôi còn thấy khoái chí vì Ca-chi-a đỏ mặt lên khi thấy tôi không kể chuyện mà lại bước ra cửa.

- Thôi được, cháu đừng cáu nữa, - bà cụ tiễn tôi ra cửa nói. - Cháu tên là gì?

- Gri-gô-ri-ép A-lếch-xan-đrơ.

- Cháu về nhé, A-lếch-xan-đrơ Gri-gô-ri-ép Cám ơn cháu.

Tôi đứng lại rất lâu trên hành lang, cố đọc mãi cái tên họ trên tấm biển treo trước cửa. Ca-da-ri-nốp à, không phải là Ca-da-ri-nốp...

- N. A. Ta-ta-ri-nốp, - bỗng nhiên tôi đọc được.

Thật là trớ trêu! Ta-ta-ri-nốp Ni-cô-lai An-tô-nứt. Thầy giáo hiệu trưởng của chúng tôi. Đây là nhà của thầy.

---

(1) Ca-tê-ri-na, Ê-ca-tê-ri-na, Ca-ten-ca, Ca-tê-ri-nốt-sca, Ca-chiu-sa, Ca-chi-a, vẫn là một. - N. D.

Chương 4

Có những chuyện xảy ra làm tôi phải suy nghĩ

Mùa hè chúng tôi sống ở Rừng thông bạc, trong một ngôi nhà cổ kính bỏ không có những cầu thang hẹp. Trần nhà bằng gỗ trạm trổ. Những đoạn hành lang bị cắt ngang đột ngột giữa chừng. Trong nhà này chỗ nào cũng phát ra tiếng kêu cót két: cửa lớn ken két một kiểu, cửa sổ cọt kẹt kiểu khác. Có một căn buồng lớn bị đóng ván chặn cửa rất chặt. Nhưng ngay trong căn phòng này cũng luôn luôn có tiếng sột soạt, cọt kẹt có khi bỗng nhiên lại có tiếng rè rè nhịp nhàng như có chiếc búa con bằng đồng hồ gõ trượt qua cái chuông trong chiếc đồng hồ quả lắc. Trên gác xép đã mọc nấm lên ngổn ngang những cuốn sách nước ngoài mất bìa, nhiều trang rách tung.

Hồi trước cách mạng, ngôi nhà này thuộc về một bá tước phu nhân đã già người di-gan. Bá tước phu nhân lại là người di-gal! Thật là ly kỳ! Nghe đồn rằng trước khi chết bà ta đã chôn giấu của. Thằng Rô-ma-sca đi tìm kho của này suốt cả mùa hè. Thân hình nó ốm yếu, cái đầu to kếch sù. Nó cầm cái gậy đi khắp các

phòng vừa gõ vừa nghe. Ban đêm nó cũng đi gõ cho đến khi có ai trong bọn học sinh lớn đến nện cho nó một cái mới thôi. Mới mười ba tuổi nó đã quyết chí làm giàu. Cứ mỗi lần nói đến chuyện tiền tài là cái tai xám ngoét của nó lại đỏ bừng lên. Thật đúng là mọt kẻ đi tìm của bẩm sinh, vừa tham lam vừa mê tín.

Chung quanh ngôi nhà hóng mát đã bị sụp đổ mọc chi chít những bụi đinh hương tím. Có những bức tượng đặt dọc những con đường cây xanh. Những bức tượng này không giống các tượng thần Hy-lạp. Những tượng thần Hy-lạp nom lạnh lùng với những cặp mắt trắng dại. Còn tượng ở đây giống như những con người bình thường.

Có một bức tượng mặt để ria mép giống như thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, còn một tượng khác là một cô gái bình thường trạc mười tuổi. Cô ta mặc chiếc áo ngủ dài đến gót chân đang vươn vai và lấy cùi tay dụi mắt như vừa ngủ dậy.

Tôi cũng bắt chước nặn cô ta, song chẳng ra cái gì cả. Chỉ được hai vòng tóc tết và những vòng tóc trước trán như mớ tóc của Ca-tê-ri-na I-va-nốp-na, cô gái có cái mũi hếch lên kiêu kỳ. Có lẽ cái mũi cũng rất giống mũi cô ta. Nhưng dù sao thì nặn người cũng không dễ như nặn cóc và nặn thỏ.

Chỉ có lúc đầu hè khi chúng tôi vừa mới đến rừng thông bạc là cuộc sống được tốt đẹp như thế. Sau đó thì kém đi, hầu như chúng tôi không được cung cấp lương thực nữa. Tất cả trại trẻ chuyển sang "tự cấp tự túc". Chúng tôi mò tôm, bắt cá, khi nào có cuộc vui thì ra sân vận động bán hoa đinh hương, vớ được cái gì thì tha cái ấy về ăn. Tối đến chúng tôi thường đốt lửa ở ngoài vườn hoa rồi đem nướng những thứ ban ngày kiếm được.

Đại khái một buổi tối như thế này; mà tối nào thì cũng như tối nào cả.

Chúng tôi ngồi quanh đống lửa, đứa nào cũng mệt mỏi và cáu kỉnh. Cái cà mèn, các trạc gỗ để treo cà mèn cũng như chân tay mặt mũi chúng tôi đều đen nhẻm vì khói. Như những người da đỏ đang sắp ăn thịt viên thuyền trưởng Cúc[1], chúng tôi lặng lẽ nhìn vào ngọn lửa. Những mẩu than hồng bỗng bùng lên rồi vụn ra, một đám khói đỏ sẫm như một cái mũ xoay tròn úp lên đống lửa.

Chúng tôi là một "công xã". Tất cả trại trẻ chia ra làm mấy "công xã". Đơn thương độc mã thì khó lòng mà "tự cấp". Mỗi "công xã" có một chủ tịch của mình, một đống lửa riêng và lương thực dự trữ riêng - những thứ vì một lý do nào đó hôm nay chưa ăn thì để lại hôm sau.

Chủ tịch của chúng tôi là Xtép-ca I-va-nốp mười lăm tuổi, mặt mày nhẵn nhụi, một thằng tham lam đểu cáng mà ai cũng sợ...

- Chơi đáo không? - Xtê-pa nể oải nói.

Mọi người im lặng. Chẳng ai muốn đánh đáo cả. Thằng Xtê-pa no nê rồi nên mới muốn chơi.

- Thôi được, Xtê-pa. Nhưng tối rồi còn gì nữa, - thằng Rô-ma-sca nói.

- Mày biết ở đâu tối nào? Đứng lên!

Chủ tịch "công xã" của chúng tôi thích chơi đáo nhất trên đời. Ai cũng biết là nó đánh đáo bịp.

Nhưng trừ tôi và Van-ca ra còn tất cả, đặc biệt là thằng Rô-ma-sca, đều nịnh nó. Thằng Rô-ma-sca còn cố tình thua nó để cho nó khỏi giận.

---

(1) Cúc (1728 - 1779) nhà hàng hải người Anh đã hoàn thành ba chuyến đi vòng quanh trái đất bằng đường biển. - N.D.

Không nên nghĩ rằng chúng tôi nướng những con chim ngon lành gì trên đống lửa của chúng tôi đâu. Trong cái cà mèn mà phải nện nhau mới giành được ở nhà bếp ra, chỉ có một ít xúp. Đây là thứ xúp nấu với "những que xúc xích" chính cống y như trong câu chuyện cổ tích hồi mùa đông bà Xê-ra-phi-ma Pê-tróp-na đã đọc cho chúng tôi nghe. Có khác chăng là ở chỗ món xúp ở trong truyện thì nấu bằng đuôi chuột, xúp của chúng tôi thì vớ được cái gì nấu cái ấy - nhiều khi có cả đùi nhái.

Thế rồi bỗng cánh cửa nhà chúng tôi mở ra một người béo lùn, đội mũ rộng vành bước ra ngoài hiên.

- Bác Pê-chi-a, vào đây với chúng cháu!

- Vào đây, bác Pê-chi-a!

Đó là bác nấu bếp của chúng tôi. Bác tên là Pi-ốt An-đrê-ê-vích Lô-pu-khốp. Bác bước đi lảo đảo - không phải vì uống nước lã - ư ử giọng mũi một đoạn trích trong nhạc kịch, bác đi một lượt qua các "công xã". Đến cái nồi nào bác cũng nếm thử rồi nhổ toẹt và nói với vẻ ghê tởm:

- A, bả độc đây.

Bác là người yêu âm nhạc và ca hát, thuộc lòng tất cả mọi vở nhạc kịch. Đối với bác thì không có gì khoái hơn là bắt chước diễn lại một cảnh trong vở "Ép-ghi-nê Ô-nê-ghin" hay là vở "Con đầm Pich" còn đối với chúng tôi thì không có gì khoái hơn là nghe bác hát và tỏ lòng khâm phục bác.

- Tuyệt! Chẳng kém gì Sa-li-a-pin cả! Bác Pê-chi-a sao bác không đi làm diễn viên?

- Tao sợ.

- Sợ cái gì hả bác Pê-chi-a?

- Sợ sa chân.

Bác dừng lại bên đống lửa của chúng tôi, nếm thử, nhổ toẹt rồi kể chuyện thao thao bất tuyệt. Bác kể rằng ngày xửa ngày xưa cách đây khoảng một trăm năm, thậm chí đến hai trăm năm trước loài người ăn uống thế nào. Bác không những chỉ mê âm nhạc, mà bác còn là một nhà sử học, là một người sành sỏi các món ăn cổ, những món sốt thỏ và thịt thăn hươu.

- Món trứng ngự, - bác thì thào nói. - Lấy lòng đỏ mười tám quả trứng, trộn với bánh bích qui rồi thêm vào hạnh nhân cay, kem sữa, đường trắng rồi lấy dầu rán lên. Đã được ăn chưa?

Chúng tôi đồng thanh đáp:

- Chưa ăn đâu!

- Ố ồ! Thế món táo đường nướng? Lấy quả táo đem gọt vỏ đi, moi hạt ra, nhét nho khô vào, đắp lên một lượt váng sữa, đặt lên bếp lò nướng rồi sau đó tẩm mật ong. Đã được ăn chưa?

- Chưa ạ!

- Ố ồ!

Nhưng trong tất cả các món thì bản thân ông bếp của chúng tôi lại chỉ thích nhất có một món gọi là "uống vốt-ca". Bác là người phụ trách duy nhất của chúng tôi trong mùa hè 1921. Bà Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na bị rối trí và cũng chẳng có ai chú ý đến bà ta cả. Trong trại trẻ cũng còn một vài cô trông trẻ nữa. Các cô này rất xung khắc với bác bếp, không hiểu tại sao bác bếp phát lương khô cho chúng tôi lại không có lợi cho các cô ấy. Nói tóm lại là nếu không có bác bếp này thì chúng tôi đã bỏ đi mỗi đứa một nơi rồi.

Thế là bác đứng bên đống lửa của chúng tôi và kể chuyện người thời xưa ăn uống thế nào. Đôi khi bác tự cắt ngay câu chuyện để chen vào vài lời giải thích về mặt y tế.

- Không phải là ai ăn cá măng cũng bổ cả đâu. Nó làm dạ dày khó tiêu.

Hay là:

- Cá chép làm máu đặc lại. Loại cá này khỏe.

Bác đã nhấc cái cà mèn của chúng tôi ra rồi ngửi cái hơi bốc lên. Có khi ngửi xong bác không nói "bả độc"mà lại nói là "mả người chết" rồi hắt nồi xúp của chúng tôi vào bụi cây. Lần này bác sẽ nói gì? Bác ngửi rồi ngước mắt nhìn lên trời, im lặng...

- Bả độc!

Bảy cái đầu cùng cúi xuống cái cà mèn. Bảy cái thìa lần lượt sục vào cà mèn xúp. Chúng tôi ăn.

Với kiểu ăn uống như vậy thì sang đến mùa thu làm sao mà chúng tôi khỏe ra được. Trừ thằng Xtê-pa I-va-nốp giống như con đà điểu, ăn bất cứ cái gì cũng có thể tiêu hóa được, tất cả chúng tôi đều gày đi, đau ốm và cảm thấy người rất yếu.

Dù sao thì đó cũng là một mùa hè tốt đẹp. Suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên được, hoàn toàn không phải vì người ta cho chúng tôi ăn uống tồi quá. Tôi đã quá quen với chuyện đó rồi, cho đến lúc ấy tôi đã được ăn ngon bao giờ đâu. Không phải, tôi nhớ mãi mùa hè ấy vì một nguyên nhân khác. Đó là lần đầu tiên tôi thấy mình đáng được tôn trọng.

Sự kiện đó xảy ra vào cuối tháng tám, chỉ ít lâu trước khi chúng tôi trở về thành phố, cũng đúng vào lúc chúng tôi nấu bữa ăn chiều bên đống lửa. Bỗng nhiên Xtê-pa tuyên bố một cách ăn mới. Trước đó chúng tôi ăn theo thứ tự mỗi người múc một thìa. Xtê-pa là chủ tịch cho nên bắt đầu từ hắn rồi đến Rô-ma-sca vân vân. Nhưng bây giờ tất cả cùng xô vào ăn ngay từ lúc xúp còn nóng, mạnh đứa nào đứa ấy ăn.

Chẳng ai thích cái trật tự mới này cả. Còn phải nói! Chơi với

cái vị chủ tịch này thì chỉ có chết đói. Nó chỉ cần húp ba lần là hết sạch cà mèn xúp.

- Thế không được! - Van-ca kiên quyết nói.

Chúng tôi nhao nhao lên tán thành. Xtê-pa chậm rãi đứng dậy, phủi đầu gối rồi đấm thẳng vào mặt Van-ca. Nó đấm mạnh đến nỗi máu chẩy ra đầy mặt và chắc là bắn cả vào mắt nên Van-ca quờ quạng hai tay như người mù.

- Nào, - Xtê-pa uể oải nói, - thằng nào muốn ăn đòn nữa!

Tôi là người bé nhất trong "công xã", và tất nhiên là nó chỉ dùng một tay cũng đánh gục được tôi, nhưng thế mà tôi đã đánh thằng Xtê-pa. Xtê-pa bỗng lảo đảo và ngã ngồi xuống. Tôi không biết đã đánh trúng vào chỗ nào, chỉ thấy nó cứ đờ mặt ra, ngồi thừ người trên mặt đất. Tất nhiên là nó tỉnh táo lại ngay và nhào vào người tôi, nhưng lúc này các bạn đã không để cho tôi bị bắt nạt. Xtê-pa bị nện nhừ tử. Trong lúc nó còn nằm rống lên bên đống lửa, chúng tôi vội bầu ngay một chủ tịch mới. Đó là tôi. Đương nhiên là thằng Xtê-pa không bầu. Nhưng có tham gia vào thì nó cũng chỉ là thiểu số, bởi vì mọi người đều nhất trí bầu tôi.

Tôi có thể nói trước ở đây rằng, tôi là một chủ tịch không tồi. Lúc đã qua thời kỳ đói khát, sang mùa đông chúng tôi được gia nhập Đội Thiếu niên Tiền phong, cái "công xã" của chúng tôi trở thành một phân đội khá nhất toàn trường. Phân đội "Sa-pa-ép" dũng cảm đầu tiên.

Kỳ lạ biết bao. Cuộc đấm nhau ấy lại trở thành hoạt động xã hội đầu tiên của tôi. Tôi nghe thấy các bạn bàn tán về tôi: "Yếu nhưng dũng cảm!" A ha, tôi là người dũng cảm! Mà nói chung, tôi là một người như thế nào? Thế là có những chuyện để suy nghĩ.

Chương 5

Trong tuyết có muối không?

Năm ấy trường chúng tôi chẳng có gì thay đổi cả. Học sinh cũ của trường Li-a-đốp và trường Pe-xtốp vẫn cãi nhau như trước. Nồi cháo vẫn được ủ kín như một bà già ở trên cái xe trượt tuyết để chở đến như trước. Hàng ngày cứ đến mười giờ sáng là thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lại có mặt ở trường như mọi khi.

Ông ta vẫn mặc chiếc áo bành tô mùa thu rất dài, đầu đội cái mũ rộng vành, vào đến trường ông còn đứng trước tấm gương ung dung chải bộ ria rồi mới đi vào lớp.

Ông ấy chẳng hỏi một ai, cũng chẳng cho bài về nhà làm. Ông chỉ kể chuyện hoặc đọc bài giảng. Thì ra ông là một nhà du lịch đã từng đi khắp thế giới. Ở Ấn-độ ông đã được thấy những pháp sư có ảo thuật. Người ta chôn họ xuống dưới đất đúng một năm trời, thế mà sau đó chui ra vẫn sống như thường. Ở Trung-quốc ông ấy được ăn một món ăn rất tuyệt là món trứng muối. Ở Ba-tư chính mắt ông đã được xem ngày lễ sáp huyết của đạo Hồi giáo.

Mấy năm sau tôi mới được biết là ông ấy chưa đi đâu ra ngoài nước Nga cả. Mọi chuyện đều do ông bịa ra, song cũng rất thú vị.

Mặc dù có nhiều người hiện nay vẫn cho rằng ông ngốc nghếch, nhưng không thể nói rằng ông không biết tí gì...

Thầy hiệu trưởng Ni-cô-lai An-tô-nứt của chúng tôi vẫn là nhân vật số Một của Trường số Bốn như trước. Ông giải quyết mọi việc, can thiệp vào mọi thứ và tham dự tất cả những cuộc họp của chúng tôi. Những học sinh lớp trên thường hay đến nhà thầy để "xác minh quan hệ". Chỉ cần mười phút là thầy có thể giải quyết được những vụ cãi cọ nhau giữa học sinh trường Li-a-đốp với trường Pê-xtốp, ngay những kẻ ngang bướng nhất cũng răm rắp nghe lời không dám phản đối. Bất cứ học sinh nào từ lớp Một cho đến lớp cao nhất đều có thể đến nhà thầy chơi để trình bày công việc của mình. Trong trường chúng tôi thường được nghe những câu như thế này: "Tao sẽ mách thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt", "Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt dặn tao như thế!" "Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt bảo tớ đến..." vân vân.

Cuối cùng cả tôi cũng đã có dịp nói những câu như vậy.

Từ ngày hôm trước tôi đã trở thành một học sinh, trại trẻ của chúng tôi "trải qua thực nghiệm đã bị phế bỏ". Tôi được chuyển sang học lớp Ba. Tôi đang nghĩ xem nên làm gì trước sự kiện lớn này, - có nên ra bờ sông Mát-xcơ-va hay lên núi Vô-rô-bi-ô-va chơi không, - và cứ đi lang thang trong giảng đường lớn thì cửa phòng của các giáo viên hé mở và thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt dùng một ngón tay vẫy tôi lại.

- Gri-gô-ri-ép, - thầy hơi nghĩ một tí rồi gọi tôi. (- Thầy được mọi người ca tụng vì nhớ tên học sinh cả trường-). - Em có biết chỗ ở của thầy không?

Tôi trả lời là có biết.

- Thế em có biết cái nhũ kế là cái gì không?

Tôi nói là tôi không biết.

- Đây là một dụng cụ dùng để đo xem trong sữa có nhiều nước lã không. Mọi người đều biết rằng, - thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt giơ một ngón tay lên, - những người bán sữa thường hay pha thêm nước lã vào, đặt cái máy này vào trong sữa có pha nước lã là có thể biết được ngay bao nhiêu phần sữa, bao nhiêu phần nước. Em hiểu không?

- Em hiểu ạ.

- Thế thì em đi lấy nó về đây.

Thầy viết một mảnh giấy.

- Nhưng em phải cẩn thận kẻo vỡ. Nó bằng thủy tinh đấy.

- Em không đánh vỡ đâu, - tôi hăng hái đáp.

- Thầy dặn tôi đưa lá thư cho cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na.

Tôi không ngờ đó lại chính là bà cụ người ở En-xcơ. Nhưng người ra mở cửa cho tôi không phải là bà cụ ấy mà là một thiếu phụ mà tôi chưa hề gặp, người mảnh dẻ, mặc chiếc áo váy màu đen.

- Em cần gì?

- Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt bảo cháu đến.

Thiếu phụ này hẳn là mẹ Ca-chi-a và là con gái bà cụ ấy. Cả ba người cùng có cái mũi nom bướng bỉnh như nhau và những đôi mắt đen sinh động giống nhau. Có điều là đứa cháu và bà cụ trông tươi tỉnh hơn, còn bà mẹ Ca-chi-a thì có vẻ ủ ê, phiền muộn.

- Nhũ kế à? - Bà đọc mảnh giấy và ngỡ ngàng hỏi. - À, phải rồi!

Bà đi vào trong bếp rồi đem cái nhũ kế ra. Tôi hết sức thất vọng. Chẳng qua nó chỉ giống như cái nhiệt kế, to hơn một chút.

- Em không đánh vỡ chứ?

- Bác nói gì cơ? - Tôi nói có vẻ coi thường, - cháu mà lại đánh vỡ...

Tôi còn nhớ rõ là sau khi người mà tôi cho là mẹ Ca-chi-a quay vào đóng cửa được độ hai phút thì trong óc tôi liền nảy ra ý nghĩ táo bạo muốn thí nghiệm xem trong tuyết có muối không.

Tôi vừa xuống khỏi cầu thang thì đứng lại, tay nắm chặt cái nhũ kế ở trong túi. Khi trước thằng Pê-chi-a vẫn nói rằng ở trong tuyết có muối. Cái nhũ kế có thể sẽ chỉ ra số muối đó, hoặc là thằng Pê-chi-a nói khoác. Đó là một vấn đề phải kiểm tra.

Tôi chọn một chỗ cạnh hố nước rác đằng sau căn nhà xép. Trên đám tuyết người qua lại đã giẫm nhẵn có một cái nhà bé tí xếp bằng gạch, một sợi dây đen đen buộc trên những chiếc cọc gỗ nhỏ chạy từ trong nhà ấy ra phía sau nhà xép. Chắc là bọn trẻ con chơi trò bắc đường dây điện thoại. Tự nhiên tôi hà hơi vào cái nhũ kế, tim đập thình thình, tôi cắm nó xuống tuyết cạnh cái nhà bé tí. Các bạn có thể hình dung đầu óc tôi ra sao khi rút lên chẳng thấy nó có gì thay đổi, tôi lại cắm xuống, lần này cắm ngược đầu lại.

Có ai gần đó kêu lên một tiếng. Tôi quay lại.

- Chạy đi, nổ chết giờ! - Trong căn nhà xép có tiếng quát.

Việc đó xảy ra trong hai giây đồng hồ. Một cô gái mặc áo măng-tô phanh cúc hốt hoảng chạy bổ từ trong nhà xép ra chỗ tôi. "Ca-chi-a", - tôi nghĩ. Và để đề phòng bất trắc tôi thò tay định rút cái đo sữa lên. Nhưng Ca-chi-a đã cầm tay tôi kéo đi. Tôi đẩy cô bé ra, vùng người lại, thế là cả hai đứa cùng ngã lăn ra tuyết. Oàng! Những mảnh gạch vỡ hất tung lên trời, phía sau tuyết bốc lên mù mịt trắng xóa, bụi tuyết rơi xuống đầy người chúng tôi.

Hồi đưa ma mẹ tôi, tôi đã ở giữa chỗ họ bắn nhau. Nhưng lần này còn sợ hơn nhiều. Bên cạnh hố nước rác vẫn có cái gì cứ nổ rền mãi. Mỗi lần tôi ngẩng đầu lên Ca-chi-a lại hỏi: "Ghê quá! Hả?"

Cuối cùng tôi chồm dậy.

- Cái nhũ kế! - Tôi gào lên rồi chạy vụt đến bên hố nước bẩn. - Nó đâu rồi?

Chỗ tôi cắm cái nhũ kế xuống đã biến thành một cái hố sâu hoắm.

- Nổ vỡ rồi!

Ca-chi-a vẫn ngồi trên tuyết, mặt tái đi, mắt long lanh.

- Ngốc ạ, đấy là hơi nổ, - cô ta khinh khỉnh nói. - Còn bây giờ thì tốt nhất là cậu nên đi thôi kẻo công an sẽ đến ngay bây giờ. Đã có lần họ đến rồi đấy. Họ có thể tóm cậu. Còn mình thì dẫu thế nào mình cũng chuồn được.

- Còn nhũ kế! - Tôi thất vọng nhắc lại, cảm thấy hai môi cứng ra và bắp thịt trên mặt cũng giần giật. - Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt bảo tôi đi lấy. Tôi cắm nó xuống tuyết. Nó đâu rồi?

Ca-chi-a đứng lên. Ngoài sân trời lạnh buốt, cô không đội mũ, mái tóc đen rẽ ngôi giữa, cô ngậm một đầu đuôi sam trong mồm. Lúc đó tôi không để ý đến điều này mà sau này mới nhớ ra.

- Mình đã cứu cậu đấy, - cô ta nói, cái mũ phập phồng. - Nếu không thì cậu đã chết rồi thủng lưng ra. Cậu phải chịu ơn mình cứu sống. Cậu làm gì ở cạnh chỗ có hơi nổ của mình thế?

Tôi chẳng buồn trả lời, cổ họng tắc lại vì bực tức.

- Cậu phải biết rằng, - Ca-chi-a trịnh trọng tiếp, - vừa rồi dù chỉ là chú mèo con ngồi vào chỗ ấy thì mình cũng cứu. Người hay vật cũng vậy thôi.

Tôi lẳng lặng bước ra khỏi sân. Nhưng đi đâu bây giờ? Về trường thì rõ là không được rồi.

Ca-chi-a đuổi theo tôi đến cổng.

- Này, Ni-cô-lai An-tô-nứt à? - Cô ta hét lên.

- Cậu đi đâu? Đi mách đấy à?

Tôi quay người lại. Chà, tôi đã giáng cho cô ta một cái thật sướng tay! Vì tất cả mọi tội - vì bị mất cái nhũ kế, vì cái mũi hếch, vì tôi không thể về trường được, vì cô ta đã cứu tôi, dẫu chẳng có ai yêu cầu...

Cô bé cũng chẳng vừa. Cô ta lùi lại một bước rồi đấm thẳng vào ức tôi. Tôi phải nắm lấy bím tóc ấn đầu cô ta xuống tuyết. Cô ta lại vùng lên.

- Cậu ngáng chân thế không đúng. Nếu cậu không ngáng chân thì vừa rồi mình đã cho cậu một trận. Ở lớp, mình đánh tuốt cả bọn con trai. Cậu học lớp mấy? Hôm nọ cậu mang giúp bà mình cái túi đấy phải không? Lớp Ba à?

Tôi rầu rĩ đáp:

- Lớp Ba:

Cô ta nhìn tôi.

- Vỡ cái nhũ kế thì có nghĩa lý gì!- Cô ta nói vẻ khinh thường. - Nếu cậu muốn mình sẽ nói là mình đánh vỡ. Mình sẽ chẳng làm sao đâu. Chờ một tí nhé. Cô ta chạy đi, mấy phút sau quay lại, đầu đội mũ, nom dáng dấp trang trọng khác hẳn, hai bím tóc thắt nơ.

- Mình bảo bà cụ là cậu đến. Bà đang ngủ. Bà bảo sao cậu không vào trong nhà, cái nhũ kế vỡ càng tốt. Nếu không thì còn khổ vì lần nào cũng nhúng vào sữa. Đằng nào thì nó cũng chẳng đo đúng, chỉ là cái trò ông Ni-cô-lai An-tô-nứt bày vẽ ra thôi. Còn bà thì chỉ cần ngửi qua cũng biết ngay là sữa tốt hay sữa xấu.

Càng đến gần trường Ca-chi-a càng ra vẻ quan trọng. Cô ta ngẩng cao đầu bước lên bậc thang, mắt nhíu lại như người lớn.

Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt đang ở trong phòng giáo viên, chỗ lúc nãy thầy nói chuyện với tôi.

Tôi khẽ bảo Ca-chi-a:

- Cậu đừng nói gì, để mình nói.

Cô ta khinh khỉnh hừ một tiếng, một bên bím tóc thò ra ngoài mũ gấp cong lại.

Những điều bí ẩn mà tôi sẽ nói đến ở chương sau chính là bắt đầu từ cuộc nói chuyện này.

Câu chuyện như thế này:

Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt mà xưa nay chúng tôi vẫn coi là người có quyền vô hạn ở Trường học số Bốn, thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn nghiêm nghị và độ lượng nay đã biến đi đằng nào mất khi Ca-chi-a vừa bước vào cửa phòng. Một thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt khác hẳn đang gượng gạo mỉm cười nói chuyện với cô ta. Thầy nhổm người qua bàn, mắt mở to như thể Ca-chi-a đang kể những chuyện gì ghê gớm lắm. Thầy lại sợ Ca-chi-a hay sao nhỉ?

- Bác Ni-cô-lai An-tô-nứt, bác sai cậu này đi lấy cái nhũ kế phải không? - Ca-chi-a đưa mắt về phía tôi và hỏi.

- Ta sai đấy Ca-chi-a ạ.

- Thế à. Nhưng Ca-chi-a đánh vỡ rồi.

Nét mặt thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt trở nên nghiêm khắc.

- Cô ấy nói dối đấy, - tôi buồn bã nói - Bị nổ, vỡ rồi.

- Ta chẳng hiểu gì cả. Gri-gô-ri-ép, em hãy im! Ca-chi-a. Kể lại xem đầu đuôi thế nào.

- Chẳng thế nào cả, - Ca-chi-a kiêu hãnh ngửa đầu lên đáp. - Ca-chi-a đánh vỡ cái nhũ kế, có thế thôi.

- Ờ, ờ, ờ. Nhưng hình như ta sai em này đi lấy cơ mà?

- Nhưng cậu ấy không mang đến được. Vì Ca-chi-a đánh vỡ rồi.

- Nói dối, - tôi lại nói.

Ca-chi-a lườm tôi.

- Thôi được, Ca-chi-a, cứ cho là như vậy, - thầy Ni-cô-lai An-

tô-nứt ôn tồn nói. - Nhưng người ta đã mang sữa đến trường mà ta thì giữ lại chưa cho ăn sáng. Ta định kiểm tra chất lượng sữa rồi căn cứ vào chất lượng ấy mà quyết định xem có tiếp tục mua ở những chỗ cũ nữa không. Nhưng thành ra ta đã uổng công chờ. Điều quan trọng nữa là một dụng cụ quí như thế bị vỡ, mà lại chẳng hiểu đầu đuôi ra sao. Gri-gô-ri-ép, em giải thích xem đầu đuôi thế nào.

- Buồn quá nhỉ! Ca-chi-a về đây bác Ni-cô-lai An-tô-nứt ạ! - Ca-chi-a nói.

Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt nhìn cô ta. Tôi không hiểu tại sao, nhưng lúc đó tôi cảm thấy như thầy rất ghét Ca-chi-a.

- Thôi được, Ca-chi-a về đi, - thầy âu yếm nói. - Để ta sẽ nói chuyện với em này.

- Nếu thế thì Ca-chi-a ngồi đợi đã.

Cô ta ngồi xuống và sốt ruột nhấm cái đuôi sam suốt trong lúc chúng tôi nói chuyện. Nếu cô ta về thật thì chắc câu chuyện của chúng tôi đã không kết thúc một cách êm đềm như vậy. Cái tội đánh vỡ nhũ kế được tha bổng. Thậm chí thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt còn nhắc đến chuyện tôi được gửi vào học ở trường của thầy như một nhà điêu khắc tương lai: Ca-chi-a ngồi nghe lấy làm thú vị.

Từ hôm đó trở đi tôi chơi thân với cô ta. Cô thích tôi vì lúc đó tôi đã không để cô nhận là lỗi của cô, vì khi kể lại sự việc tôi đã tránh không nhắc gì đến cái hơi nổ của cô.

- Cậu sợ mình sẽ bị phạt phải không? - Cô hỏi khi chúng tôi bước ra khỏi trường.

- Ờ.

- Đời nào! Cậu đến nhà mình chơi nhé, bà vẫn bảo gọi cậu đấy.

Chương 6

Đến chơi nhà Ca-chi-a

Sáng sớm vừa tỉnh dậy tôi đã nghĩ nên đi hay không đi. Có hai điều làm tôi băn khoăn: cái quần và vấn đề thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt. Cái quần thật quả chẳng ra gì, không ra ngắn mà cũng chẳng ra dài. Hai đầu gối bị vá. Còn Ni-cô-lai An-tô-nứt thì đã rõ là thầy hiệu trưởng của chúng tôi, nghĩa là một nhân vật rất đáng ngại. Nhỡ thầy hỏi tôi tại sao lại đến, đến để làm gì thì tôi ăn nói thế nào? Nhưng dù sao thì sau buổi học tôi cũng đánh giầy và nhúng ướt tóc, chải rẽ đường ngôi cẩn thận. Tôi đến chơi nhà Ca-chi-a cơ mà!

Sao tôi cảm thấy mình lúng túng, ngượng ngập đến thế! Những sợi tóc quỉ quái cứ dựng ngược, phải vuốt nước bọt đè nó xuống. Bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đang kể chuyện gì cho tôi và Ca-chi-a nghe bỗng nghiêm giọng bảo tôi:

- Ngậm cái mồm lại!

Thì ra tôi mải nhìn bà, mồm cứ há hốc ra.

Ca-chi-a chỉ cho tôi xem mọi thứ trong nhà. Một phòng của cô và bà mẹ, một phòng của thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt. Còn phòng

thứ ba là phòng ăn. Trong phòng của thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt có bộ đồ văn phòng đặt trên bàn làm việc. Ca-chi-a giải thích cho tôi, đó là theo đề tài "Cuộc đời dũng sĩ I-li-a Mu-rô-mét"[1]. Thật vậy, lọ mực là hình một cái mặt người có râu ria, đầu đội mũ sắt nhọn. Gạt tàn thuốc lá là hình hai cái bao tay kiểu cổ Nga bắt chéo nhau. Ngoài ra còn nhiều thứ khác nữa. Bên dưới cái mũ sắt nhọn là bình mực. Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt muốn chấm mực thì phải chọc ngòi bút vào giữa sọ dũng sĩ. Tôi thấy lạ lùng.

Ở giữa hai cửa sổ có kê một tủ sách. Tôi chưa bao giờ trông thấy chỗ nào có nhiều sách đến thế. Phía trên tủ sách treo tấm ảnh bán thân một người lính thủy trán rộng, cằm thon và đôi mắt xám sinh động.

Tôi nhận ra ở phòng ăn cũng có một tấm ảnh như thế, chỉ nhỏ hơn một chút... Và ở trong buồng Ca-chi-a, ở ngay trên đầu chiếc giường con cũng có một tấm ảnh như vậy và lại nhỏ hơn nữa.

Ca-chi-a ngước mắt nhìn tôi giải thích:

- Ba mình đấy!

Thế mà tôi cứ tưởng Ni-cô-lai An-tô-nứt là bố cô ta. Kể ra thì cũng chẳng có ai gọi bố đẻ bằng tên và họ như cô vẫn xưng hô với Ni-cô-lai An-tô-nứt "Bố dượng", tôi nghĩ vậy nhưng lại thấy ngay là không phải. Bản thân tôi đã từng hiểu thế nào là bố dượng rồi. Không, đây không có vẻ là bố dượng!

Sau đó Ca-chi-a lại lấy cho tôi xem cái địa bàn hàng hải, một thứ rất hay. Đó là một cái giá đai bằng đồng giữ lấy cái hộp có thể chao đi chao lại được. Trong hộp có chiếc kim bên dưới mặt

---

(1) I-la-a Mu-rô-mét là một anh hùng trong truyền thuyết Nga, tượng trưng cho những phẩm chất ưu tú - lòng dũng cảm, chí cương nghị, tính chất phác của nhân dân Nga. - N.D.

kính. Dù quay cái vòng tròn về phía nào hay lật ngược lên nữa thì cái kim có mỏ neo ở đầu vẫn lúc lắc được và cứ chỉ về hướng bắc.

- Cái địa bàn như thế này thì dông bão thế nào cũng chẳng mùi gì.

- Cậu lấy ở đâu ra thế?

- Ba mình cho.

- Ông ấy ở đâu?

Ca-chi-a nhíu mày.

- Mình không biết.

"Li dị và bỏ bà mẹ cô ta rồi", tôi khẳng định ngay. Những chuyện như thế tôi chẳng lạ gì.

Tôi nhận thấy ở trong nhà này treo rất nhiều tranh và theo con mắt của tôi thì đều là những bức tranh rất đẹp. Có một bức thật tuyệt, vẽ một con đường thênh thang chạy thẳng tắp trong vườn cây và những ngọn thông sáng nắng.

Ca-chi-a nói như người lớn:

- Lê-vi-tan[1] đấy.

Lúc đó tôi chưa biết Lê-vi-tan là tên một họa sĩ nên cho rằng đó là tên địa phương vẽ trong tranh. Sau đó bà cụ gọi chúng tôi vào uống nước chè với đường hóa học. Bà nói:

- Gri-gô-ri-ép, ra cháu như thế đấy, đánh vỡ mất cái nhũ kế rồi.

Bà hỏi tôi mọi chuyện ở En-xcơ. Thậm chí hỏi cả đến cái nhà bưu điện.

- Thế còn cái nhà bưu điện?

---

(1) Lê-vi-tan (1861 - 1900) họa sĩ nổi tiếng của nước Nga. N -D.

Bà rất bực là tôi không biết gia đình Bu-ben-tri-cốp nào đó.

- Cái vườn bên cạnh nhà thờ Do-thái ấy mà lại chưa nghe nói đến bao giờ? Nhưng chắc là cháu đã ăn trộm táo ở đấy hàng trăm lượt rồi!

Bà thở dài.

- Nhà này đi khỏi đấy từ lâu lắm rồi. Bà chẳng muốn chuyển nhà đi tí nào. Mọi sự chỉ vì ông Ni-cô-lai An-tô-nứt. Ông ấy về và bảo, giờ đây có chờ đợi nữa hay không thì cũng thế thôi. Chỉ cần để lại địa chỉ, có ai cần tìm chúng ta thì sẽ tìm được ngay. Thế là bán hết đồ đạc đi, chỉ còn lại có thế này và dọn lên Mát-xcơ-va.

- Bà, - Ca-chi-a nói giật giọng.

- Bà cái gì?

- Bà lại kể lể ra đấy à?

- Thôi, bà không nói nữa! Kể ra ở đây cũng tốt.

Tôi chẳng hiểu gì cả. Họ chờ đợi ai và tại sao giờ đây chờ hay không lại cũng thế thôi. Nhưng tất nhiên là tôi không thể hỏi thêm được và bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-ca cũng nói sang chuyện khác.

Tôi đã đến chơi nhà thầy hiệu trưởng ở phố Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a số Hai như vậy.

Lúc chia tay tôi được Ca-chi-a cho mượn cuốn "Ê-lê-na Rô-bin-sơn" và phải hứa là sẽ không làm gãy bìa, không làm bẩn sách.

Chương 7

Gia đình Ta-ta-ri-nốp

Gia đình Ta-ta-ri-nốp không thuê người giúp việc nên bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na rất vất vả, nhất là ở tuổi của bà. Tôi thường giúp bà nhóm lò, chẻ củi và rửa bát đĩa. Mối là kẻ thù đáng ghê sợ của bà. Nhiều khi tự dưng bà mang tất cả đồ đạc ra sân phơi, mà công việc đó không có tôi không xong. Tôi tha một ít gạch ở bãi đất trống gần nhà về chữa cái lò bị hở khói trong buồng ăn. Nói tóm lại thì tôi đã chẳng ăn không mấy bữa cá và kê mà bà cụ thết tôi. Thực ra tôi cũng chẳng cần đến những bữa ăn ấy. Tôi đến đây chơi rất thích. Tôi cảm thấy ngôi nhà này giống như cái hang thần của A-li Ba-ba có nhiều châu báu, nhiều nguy hiểm và đầy bí ẩn. Đối với tôi thì bà cụ là của báu, bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na là điều bí ẩn và thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt là những nguy hiểm và phiền phức.

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na là một quả phụ. Cũng có thể lại không phải là quả phụ, vì có một lần tôi nghe thấy bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói về bà một cách ngao ngán: "chẳng ra góa chồng mà cũng chẳng ra có chồng". Lạ lùng hơn nữa là bà rất

đau khổ nhớ chồng. Lúc nào bà cũng mặc chiếc áo váy dài đen như một nữ tu sĩ. Bà học ở Trường đại học Y khoa. Lúc đó tôi cảm thấy việc này cũng lạ, bởi vì theo sự hiểu biết của tôi thì đàn bà đã có con không ai đi học nữa. Có khi bỗng dưng bà không nói năng gì với ai nữa, không đi đâu cả, chẳng đi học mà cũng chẳng đi làm - bà cũng đang đi làm - chỉ co chân lên ngồi trên chiếc ghế xô-pha mà hút thuốc. Những lúc ấy Ca-chi-a bảo: "Mẹ đang buồn" thế là mọi người trong nhà lại gắt gỏng lẫn nhau, mặt ai cũng rầu rĩ.

Chẳng bao lâu tôi được biết thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt không phải là chồng bà, mà ông ấy cũng chưa có vợ, mặc dầu đã bốn mươi lăm tuổi.

Có lần tôi hỏi Ca-chi-a:

- Ông ấy với cậu là thế nào?

- Chẳng thế nào cả.

Tất nhiên là cô ta nói dối bởi vì cô ta, mẹ cô ta và thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt cùng có họ giống nhau. Ông ấy là bác Ca-chi-a, có điều không phải bác ruột mà chỉ là bác họ.

Dẫu sao thì cũng là bác họ thế mà mọi người đối xử với ông không được tốt lắm. Càng ngạc nhiên hơn nữa vì trái lại ông đối xử với tất cả mọi người rất chu đáo, có phần hơi quá đáng nữa.

Bà cụ rất thích xem chiếu bóng, chưa bao giờ bà bỏ sót một phim nào. Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt thường dẫn cụ đi, thậm chí còn mua vé trước. Lúc ăn cơm chiều bà cụ say sưa kể lại nội dung cuốn phim (những lúc này bà giống hệt Ca-chi-a). Còn Ni-cô-lai An-tô-nứt tuy cũng vừa đi xem phim với bà cụ về nhưng vẫn kiên nhẫn ngồi nghe.

Tuy vậy xem ra bà cụ cũng thương hại ông ta. Có lần tôi thấy

ông bói bài xong cúi gục đầu xuống, ngón tay gõ xuống bàn tư lự suy nghĩ. Bà cụ nhìn ông thương hại.

Người đối xử với ông ta lạnh nhạt nhất là bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Ni-cô-lai An-tô-nứt chăm sóc bà đủ thứ. Ông thường đưa vé cho bà đi xem hát, còn mình ở lại nhà. Ông cũng mua hoa tặng bà luôn. Tôi đã được nghe ông tha thiết đề nghị bà giữ gìn thân thể, và thôi đừng đi làm nữa. Ông cũng quan tâm đến khách khứa của bà hết sức chu đáo. Hễ cứ có ai đến thăm bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na là ông ra tiếp ngay lập tức. Ông có thể ngồi nói chuyện với khách hàng tiếng đồng hồ rất vui vẻ, thoải mái, còn bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na thì ủ rũ chau mày ngồi trên ghế xô-pha hút thuốc.

Mỗi khi thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến, ông lại càng tỏ ra đặc biệt ân cần. Không nghi ngờ gì nữa, ông cho rằng "bộ ria" chính là khách của ông, vì thế ông kéo ngay ông ta vào buồng mình hoặc đi sang phòng ăn và không cho nói đến công tác. Tóm lại khi nào thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến là cả nhà liền vui vẻ lên ngay, đặc biệt bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Bà mặc chiếc áo váy mới, cổ trắng, tự tay bày bàn ăn, cứ tíu tít lên và trông bà càng đẹp ra. Thậm chí có lúc bà còn vui cười khi thấy ông Cô-ra-bơ-li-ốp soi gương chải ria xong vào pha trò với bà cụ. Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng cười nhưng sắc mặt trắng bệch ra. Ông ta có đặc điểm lạ lùng là hễ cứ cười thì mặt trắng bệch ra.

Ông ta không thích tôi, thế mà mãi tôi không đoán ra điều này. Lúc đầu ông chỉ tỏ ra ngạc nhiên khi gặp tôi ở nhà, sau đó ông cau mặt và cứ khịt mũi một cách khó chịu rồi bắt đầu lên lớp cho tôi:

- Vừa rồi em nói câu "Cám ơn" thế nào? - Có một lần ông nghe thấy tôi cám ơn bà cụ về một việc gì đó. - Em có biết thế nào gọi

là "Cám ơn" không? Em phải nhớ rằng tùy theo việc, em có biết điều đó hay không, có hiểu rõ điều đó hay không để mà toàn bộ cuộc đời em sẽ đi theo hướng này hay hướng khác. Chúng ta sống trong xã hội loài người một trong những động lực thúc đẩy xã hội này tiến lên là lòng biết ơn. Chắc em biết rằng trước đây tôi cũng có một người anh em. Trong suốt cuộc đời của nó, tôi đã giúp đỡ nhiều lần cả về mặt tinh thần lẫn vật chất, thế mà nó là kẻ vong ơn bội nghĩa. Kết quả thế nào? Số phận nó đã gặp phải tai họa thảm khốc.

Nghe ông ta nói những điều này tôi bắt đầu cảm thấy rõ ràng những miếng vá trên đầu gối chiếc quần đang mặc. Đúng, chân tôi đang đi một đôi giày rất tồi, người tôi vừa nhỏ vừa bẩn thỉu, mặt lại tái xanh. Tôi là loại khác. Còn gia đình Ta-ta-ri-nốp là loại khác. Họ giàu có. Còn tôi thì nghèo khổ. Họ là những người thông minh, có học thức... Còn tôi là một thằng ngốc.

Lại có những điều để suy nghĩ.

Nhân tiện xin nói thêm là không phải Ni-cô-lai An-tô-nứt chỉ nói chuyện với tôi về người anh em họ mà thôi. Đó là chuyện mà ông ta rất thích nói: ông nhấn mạnh rằng ông đã quan tâm đến người em từ khi người đó còn nhỏ sống ở bên bờ biển A-dốp ở Ghê-ni-tre-xcơ. Người em họ là con một gia đình dân chài nghèo. Nếu không có Ni-cô-lai An-tô-nứt thì anh ta vẫn chỉ là một anh dân chài nghèo xác xơ như bố, như ông, như cụ, như ông tổ tám đời nhà anh ta thôi. Ni-cô-lai An-tô-nứt "phát hiện thấy anh ta là một đứa trẻ thông minh và ham học" nên mang anh ta từ Ghê-ni-tre-xcơ đến Rô-xtốp trên sông Đông. Và đã chạy chọt để anh ta được nhận vào học nghề hàng hải. Mùa đông ông gửi cho anh ta "tiền trợ cấp". Còn mùa hè thì ông giới thiệu cho anh ta làm thủy thủ trên các tàu chạy giữa Ba-tum và Nô-vô-rơ-xi-xơ-cơ.

Nhờ có ông can thiệp nên người em được vào hải quân và thi được chức cai. Sau đó Ni-cô-lai An-tô-nứt lại tốn khá nhiều công sức giúp anh ta được học trường hải quân. Khi người em tốt nghiệp trường hải quân cần đặt may bộ quân phục mới, ông cũng lại cho tiền. Tóm lại là ông đã giúp đỡ người em họ rất nhiều nên ông thích kể lại những chuyện này, đó cũng là điều dễ hiểu. Ông nói rất thong thả, rất cặn kẽ, hai người đàn bà kính cẩn ngồi nghe.

Không hiểu sao lúc đó tôi cho rằng họ phải ngồi nghe và cảm thấy họ nợ ông chưa trả được, nợ tất cả những gì ông giúp đỡ người em mà đúng là không trả lại được. Bởi vì người em họ mà Ni-cô-lai An-tô-nứt khi thì gọi là "quá cố" lúc lại gọi là "biệt tăm" ấy chính là chồng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, và do đó cũng chính là bố của Ca-chi-a vậy. Tất cả đồ đạc trong ngôi nhà này trước kia là của ông ấy, giờ đây thuộc về bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na và Ca-chi-a. Cả những bức tranh mà theo lời bà cụ thì Viện bảo tàng "Tơ-rê-chi-a-cốp[1] trả rất nhiều tiền", cả cái "tờ bảo hiểm" có thể lĩnh được tám nghìn rúp ở ngân hàng Pa-ri.

Những công việc và những quan hệ phức tạp của người lớn này ít làm Ca-chi-a để ý đến nhất. Cô có những việc của mình quan trọng hơn. Cô bé trao đổi thư từ với hai người bạn gái ở En-xcơ. Thư từ của cô vương vãi khắp nơi, ai muốn đọc thì đọc, cả khách đến chơi cũng đọc được. Thư cô ta gửi cho các bạn giống hệt thư các bạn viết cho cô. Ví dụ thư của một bạn gái kể chuyện nằm mơ thấy đánh mất cái túi xách tay, bỗng nhiên thấy Mi-sca Cúp-xốp (bạn có nhớ cậu ta không, mình đã có lần viết cho bạn về cậu ta rồi) đi ngược lại, trong tay cầm chính cái túi ấy. Thế

(1) Viện bảo tàng nghệ thuật tạo hình lớn nhất của Liên Xô ở Mát-xcơ-va do Tơ-rê-chi-a-cốp (1823 - 1898) lập ra - N.D.

là Ca-chi-a viết thư cho bạn kể chuyện nằm mơ thấy cô cũng đánh mất cái gì đấy nhưng không phải cái túi xách tay mà là chiếc quản bút hay sợi nơ chẳng hạn và Suốc-ca Ga-lu-ben-xép (bạn có nhớ không, mình đã kể cho bạn rồi) nhặt được và đem trả. Cô bạn viết là mới đi xem chiếu bóng Ca-chi-a cũng viết trả lời là mới đi xem phim, mặc dù cô chỉ ở nhà chẳng đi đâu cả. Sau này tôi đoán ra là các bạn của cô lớn tuổi hơn và cô bắt chước họ.

Song đối với các bạn cùng lớp thì cô rất đáo để. Cô đặc biệt điều khiển một cô bé tên là Ki-ren - gia đình nhà Ta-ta-ri-nốp ai cũng gọi cô này như vậy. Ca-chi-a cáu kỉnh vì Ki-ren không thích đọc sách.

- Ki-ren, cậu đã đọc "Đu-brốp-xki" chưa?[1]

- Đọc rồi.

- Cậu nói dối!

- Mình mà nói dối thì cậu nhổ vào mặt mình.

- Vậy thì cậu hãy trả lời, tại sao Ma-sa không lấy Đu-brốp-xki?

- Có lấy đấy chứ.

- Xin đủ cậu!

- Thế mà mình đọc thấy có lấy đấy.

Khi tôi đem trả cuốn "E-lê-na Rô-bin-sơn", cô ta cũng truy tôi như vậy. Nhưng với tôi thì đâu phải như thế! Tôi có thể đọc thuộc lòng bất cứ từ đoạn nào. Cô ta vốn không ưa tỏ ra ngạc nhiên điều gì cả nên chỉ nói:

- Cậu học gạo như con vẹt ấy.

Có thể cho rằng cô ta tự coi mình là không kém gì E-lê-na Rô-bin-sơn và tin rằng nếu gặp phải hoàn cảnh tuyệt vọng tương

(1) Tên cuốn tiểu thuyết của Pu-skin. - N.D.

tự thì cô cũng sẽ dũng cảm như vậy. Nhưng theo tôi thì một người nếu chuẩn bị lao vào cái số phận phi thường như vậy không thể cứ hay ngắm nghía trước gương mãi, nhất là ngoài hoang đảo vốn không có gương.

Trong mùa đông mà tôi bắt đầu đến nhà Ta-ta-ri-nốp, Ca-chi-a đang say sưa với cái trò chơi chất nổ. Những ngón tay cô lúc nào cũng đen nhẻm và bị bỏng. Trên người cô cũng như Pê-chi-a trước đây có một thời kỳ như thế, lúc nào cũng ám mùi thuốc súng và mũi vỏ đạn. Trong nếp gấp của những cuốn sách cô cho tôi mượn cũng đầy bột diêm vàng. Sau này đột nhiên Ca-chi-a không chơi chất nổ nữa. Cô ta vùi đầu đọc cuốn "Những phát hiện mới của thế kỷ".

Đó là một cuốn sách rất tuyệt, truyện ký về các nhà hàng hải và những nhà chinh phục tự nhiên nổi tiếng của thế kỷ thứ 15 và thế kỷ thứ 16 như Crit-xtốp Cô-lông[1], Phéc-đi-năng Coóc-tét[2] v.v...

Cuốn sách này được viết với lòng chân thành thán phục những con người vĩ đại. Hình như giờ đây tôi vẫn còn trông thấy những chân dung hình bầu dục trên nền những chiếc tàu buồm ở xa xa.

Trong tấm hình A-mê-ri-gô Vét-pút-tri[3] đang đứng trước quả địa cầu, tên ông đã được đặt cho châu Mỹ - A-mê-ri-ca. Ông cầm chiếc com-pa đặt trên một quyển sách đang mở, râu rậm, vẻ tươi vui linh lợi. Va-xcô Nu-nhi-ốt Ban-boa[4] thì mặc áo giáp, đầu

(1) Crít-xtốp Cô-lông (1451 - 1506) nhà hàng hải người Ý, phát hiện châu Mỹ năm 1492, - N.D.

(2) Phéc-đi-năng Coóc-tét (1485 - 1547) người Tây-ban-nha đã từng chinh phục Nam Mỹ, chiếm lĩnh Mê-hi-cô. - N.D.

(3) A-mê-ri-gô Vét-pút-tri (1451 - 1512) nhà hàng hải người Ý. - N.D.

(4) Va-xcô Nu-nhi-ốt Ban-boa (1475 - 1517) nhà hàng hải người Tây-ban-nha. - N.D.

đội mũ trụ, có cắm một cái lông ngỗng, đứng dưới nước ngập đến đầu gối. Tôi có cảm tưởng như đó là một thằng bé Vát-xca người Nga nào đó đã chuồn đến được Thái - bình - dương. Tôi cũng rất mê quyển sách ấy. Nhưng Ca-chi-a thì không phải chỉ có thế. Cô bị quyển sách ấy ám ảnh suốt ngày. Lúc nào cô cũng mơ màng, hình như có đôi lúc sực tỉnh chỉ là để kể lại cho mọi người rằng "Coóc-tét lên đường với lời chúc tốt lành của dân Tơ-lắc-xca-lan và chỉ sau ít ngày là ông ta tới thủ đô đông đúc của những kẻ đạo hạnh".

Sau khi đọc cuốn "Những phát hiện mới của thế kỷ" Ca-chi-a đổi tên con mèo Va-xe-na thành Ip-tắc-tru-oa-ten là tên một dãy núi ở Mê-hi-cô.

Cô còn định lấy tên một ngọn núi khác là Pê-pô-ca-tê-pê-ten để đặt tên cho bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nhưng không thành. Ngoài tiếng "bà" ra, gọi thế nào bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na cũng không thưa.

Tóm lại là nếu như Ca-chi-a thật sự luyến tiếc điều gì đương nhiên chỉ có thể là tiếc rằng cô không phải là người đã chiếm lĩnh Mê-hi-cô, không phải là người đã phát hiện và chinh phục Pê-ru. Song mọi việc vẫn còn đang ở phía trước. Tôi biết cô đang theo đuổi cái gì: cô muốn làm thuyền trưởng.

Chương 8

Đội kịch nhà trường

Tưởng chừng như trong mối quan hệ quen biết này tôi sẽ chỉ toàn gặp những điều tốt lành thôi. Thế mà chưa đầy nửa năm qua, tôi đã bị người ta đuổi ra...

Câu chuyện xảy ra bắt đầu từ cái đội kịch của trường học mà chuyện về đội kịch lại bắt đầu từ cái hôm thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lên lớp tuyên·bố rằng mấy hôm nữa ở giảng đường lớn sẽ có diễn kịch.

Cái thời kỳ mà Cô-vư-sca đề nghị tẩy chay lão "Ria-xồm" đáng ghét ở trong cuộc họp của lớp Năm đã qua từ lâu. Đôi chân dài của thầy địa lý, tính cẩn thận của ông và cả cái tính hay "chõ mũi vào việc của người khác" của ông cũng không làm cho ai bực mình nữa. Người ta bỏ qua cho ông bởi vì: một, ông đã nhìn thấy Phật sống ở Ấn-độ; hai, ông đã ăn trứng muối ở Trung-quốc. Giờ đây ông lại nghĩ ra một trò mới là đội kịch nhà trường.

Muốn có một đội kịch thì phải có đạo diễn, diễn viên, thiết kế mỹ thuật, đạo cụ, phục trang... Giờ đây bỗng phát hiện ra là tất cả các ngành này đều có người đang học tập ở trường chúng tôi.

Thậm chí còn có cả nhà thơ kiêm soạn kịch là Na-xti-a Se-ca-tre-va nữa.

Rất đáng tiếc là tôi không rõ tình tiết vở kịch "Thời gian đã đến" mở đầu cho đợt biểu diễn của đội kịch. Đại ý hình như có một nam tước phu nhân không có con nhận một đứa bé về nuôi, không biết nó là người Do-thái. Song người vú nuôi xấu bụng thì lại biết việc đó, muốn lợi dụng chuyện này để xoay tiền nên mụ ta dọa nếu không cho tiền thì mụ ta sẽ nói toáng lên cho mọi người đều biết cái chuyện nhục nhã này. Lúc ấy, người con nuôi đã lớn và đang định lấy vợ. Cái bi kịch bắt đầu từ đây.

Chỉ hơi lạ là I-van Pa-vơ-lứt (người ta gọi thầy Cô-ra-bơ-li-ốp như vậy) lại phân công cho những học sinh mà mọi người đều cho là hư đốn không giáo dục được nữa đóng tất cả những vai tốt trong vở kịch. Người con nuôi trong vở "Thời gian đã đến" là một vai lương thiện, một nhân vật chính diện thì do Gri-sca Pa-be đóng. Trước kia hắn là một kẻ đáng lo ngại đối với các giáo viên, một kẻ đầu têu tất cả những trò lưu manh. Hắn đóng rất khá, chỉ phải cái mồm cứ gào lên to quá. Khán giả vỗ tay rất lâu, hắn phải ra chào đến mười một lần. Hắn đứng sau cánh gà quần áo ướt đẫm mồ hôi y như chuột lột, sung sướng đến phát run lên, không dám tin ở tai mình nữa. Nhưng khán giả cứ gọi hắn ra để hoan hô hết lần này đến lần khác. Thế là hắn nổi tiếng. Sau này diễn viên nổi danh ấy bắt đầu tỏ vẻ quan trọng, nhưng không dở trò lưu manh nữa.

Tóm lại đội kịch đã có một ảnh hưởng không ngờ ở trong trường số Bốn. Như thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã nói, bọn trẻ xưa nay đến trường "để ăn thì đúng hơn là để học" không ngờ giờ đây đã có "quan hệ lao động".

Nhân tiện tôi cũng xin nói thêm mà không phải khoác lác

lắm rằng đó là một đội kịch xuất sắc. Thậm chí chúng tôi còn lần lượt đi các trường khác để diễn nữa.

Ngày nào chúng tôi cũng đến nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp để xem các diễn viên của chúng tôi tập. Buổi tập nào mà có Gri-sca Pha-be tham gia thì đứng ngoài sân cũng đã nghe thấy, không cần phải vào trong nhà. Nói chung là rất thú. Lúc đầu tôi chỉ đi dán quảng cáo trong đó có một cái tranh tôi vẽ một con vẹt xanh rất đạt, đến nỗi thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã giữ lại làm kỷ niệm.

Ở Mát-xcơ-va người ta bắt đầu nói đến Trường học số Bốn. Còn trong trường thì nói đến thầy giáo Cô-ra-bơ-li-ốp. Ông ta vừa là tổng đạo diễn, đồng thời lại là tổng hóa trang, lại phụ trách đạo cụ kiêm dàn cảnh. Giờ đây những nữ sinh ở các lớp trên lại thấy là thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đẹp trai. Không phải đẹp mà là có duyên! Vậy thì sao? Quả thật là ông có duyên, đặc biệt là khi ông mặc bộ quần áo vét mới màu tro, dáng hơi gày nhưng cân đối, miệng ngậm chiếc bót thuốc lá khá dài, lấy ngón tay vuốt ria và mỉm cười.

Tôi không biết các giáo viên khác có thích đội kịch của chúng tôi không. Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt thường ngồi trên hàng ghế đầu tiên mỗi khi trình diễn lần đầu và thầy cũng là người vỗ tay to nhất. Như thế là thầy cũng thích. Nhưng hình như thầy không hài lòng lắm khi thấy bây giờ trong trường cứ toàn nhắc đến tên Cô-ra-bơ-li-ốp: "Tôi sẽ báo cáo thầy I-van Pa-vơ-lứt", "Thầy I-van Pa-vơ-lứt bảo tôi đến" vân vân. Kể ra lúc nào cũng kể chuyện thầy Cô-ra-bơ-li-ốp với Ni-cô-lai An-tô-nứt và bảo ông rằng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chính ra là một người tốt là một điều chẳng nên.

Ni-cô-lai An-tô-nứt chăm chú lắng nghe, vừa cười vừa bật bật các ngón tay, mặt ông trắng bệch ra.

Thế rồi bỗng xảy ra một thảm kịch.

Chương 9

Thầy giáo Cô-ra-bơ-li-ốp cầu hôn
Trách nhiệm của nhà giáo

Đó là một ngày chủ nhật. Nhà Ta-ta-ri-nốp sắp có khách đến ăn cơm trưa. Ca-chi-a đang vẽ lại bức tranh "Cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa người Tây-ban-nha và dân da đỏ" ở trong cuốn "Những phát hiện mới của thế kỷ". Còn tôi thì bị cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na trưng dụng xuống làm bếp. Bà cụ có vẻ hồi hộp, luôn luôn lắng tai nghe và bảo tôi:

- Xuỵt, có tiếng chuông gọi cửa.

- Đó là ở ngoài phố đấy bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na!

Nhưng bà cụ vẫn chăm chú lắng nghe.

Cuối cùng bà cụ lên phòng ăn và thế là đến lúc có chuông lại không được nghe thấy. Tôi ra mở cửa. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bước vào. Ông mặc chiếc áo bành-tô mỏng màu sáng, đầu đội mũ phớt cùng màu. Lần đầu tiên tôi trông thấy ông ăn mặc chỉnh tề như vậy.

Khi ông hỏi bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na có nhà không, giọng ông hơi run run. Tôi đáp: "Có". Nhưng ông vẫn đứng mấy giây

đồng hồ không cởi áo ngoài ra ngay. Sau đó ông vào gặp bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Tôi thấy bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na rón rén đi từ phòng ăn ra. Tại sao bà cụ lại phải rón rén, sao bà cụ lại hồi hộp và có vẻ bí ẩn như vậy?

Bắt đầu từ giờ phút đó chúng tôi không làm việc gì ra hồn được nữa. Bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ngồi gọt khoai tây thì con dao cứ như tuột khỏi tay. Bà cụ chạy lên phòng ăn như để lấy một cái gì đó, nhưng lúc bà cụ quay lại thì hai tay vẫn chẳng cầm gì cả. Cứ mỗi lần xuống bếp, bà cụ lại nhặt một củ khoai tây để gọt, do đó giờ đây trong rổ có rất nhiều củ mới chỉ gọt một bên. Tôi không còn hiểu ra sao nữa. Có khi bà cụ nhặt một củ khoai gọt dở, cắt nhỏ ra, rồi đăm chiêu ném cả vào nồi xúp. Đúng là bà cụ đang bận tâm điều gì. Nhưng cái gì mới được chứ? Nhưng rồi tôi cũng biết ngay vì bà cụ không phải là người biết giữ bí mật.

Lúc đầu bà cụ lên nhà rồi quay lại chẳng nói chẳng rằng, chỉ lấy tay phác những cử chỉ khó hiểu đại khái có thể đoán thế này: "Lạy Chúa tôi, chuyện gì sẽ xảy ra đây?"

Về sau bà cứ lẩm bẩm một mình. Sau nữa bà thở dài và bắt đầu nói chuyện. Cái tin thật lạ lùng. Thì ra thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến để cầu hôn với bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. "Cầu hôn" là thế nào thì tất nhiên tôi đã biết. Ông muốn lấy bà này và đến để hỏi xem bà có đồng ý không?

Vậy rốt cuộc bà có đồng ý không? Giá không có tôi ở dưới nhà bếp chắc hẳn bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na cũng đem chuyện này ra thảo luận với những cái nồi, cái xoong của cụ. Bà cụ không thể nào im lặng được.

- Ông ta nói, anh sẽ trao tất cả, cả cuộc đời anh cho em, - không rõ lúc bà cụ ở phòng ăn xuống bếp lần thứ ba hay lần thứ tư đã nói lại như vậy. - Anh không hề tiếc một tí gì hết.

Tôi thận trọng nói:

- Thật thế à?

- Anh không tiếc gì hết, - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na trịnh trọng nhắc lại. - Anh biết rõ cuộc sống của em, cuộc sống của em thật đau khổ, thấy em mà đau lòng.

Bà cụ vừa định nhặt củ khoai lên thì lại chạy ra ngoài. Lúc cụ trở vào thì nước mắt đầm đìa.

- Ông ta bảo từ trước đến nay vẫn muốn có gia đình, - bà cụ thuật lại. - Anh là một kẻ cô độc. Ngoài em ra anh chẳng cần đến ai nữa. Đã từ lâu anh cùng chia đau khổ với em. Đại loại cứ như thế.

"Đại loại cứ như thế" là câu cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na tự thêm vào. Khoảng mười phút sau bà cụ lại đi ra, lúc quay lại trông cụ rất băn khoăn.

- Anh đến mệt về những người đó, - bà cụ nhắc lại mắt chớp chớp. - Họ quấy rầy, ngăn cản anh làm việc. Em biết là anh nói đến ai đấy. Hãy tin anh, đó là một con người đáng sợ.

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na thở dài rồi ngồi xuống.

- Không, bà ấy không thể nhận lời lấy ông ta. Bà ấy thì rầu rĩ mà ông ta thì cũng luống tuổi rồi.

Tôi chả biết nên trả lời bà cụ ra sao nên chỉ thận trọng nói:

- Thế hả bà?

- Hãy tin anh, đó là một con người đáng sợ. - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đăm chiêu nhắc lại. - Rất có thể! Lạy Chúa phù hộ cho! Rất có thể!

Tôi ngồi nghiêm chỉnh. Bữa cơm trưa bị bỏ đấy, những giọt nước trăng trắng lăn trên mặt bếp: nồi nước luộc khoai tây cứ sôi sùng sục mãi...

Bà cụ lại đi ra và lần này ở lại trên phòng ăn đến mười lăm phút. Lúc quay lại bà cụ lim dim đôi mắt, phủi tay nói:

- Không lấy, từ chối rồi. Lạy Chúa! Một người đàn ông tốt như thế!

Xem ra thì chính bà cụ cũng không biết nên vui hay nên buồn về việc bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na từ chối không lấy thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

Tôi nói:

- Tiếc thật!

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ngạc nhiên nhìn tôi:

- Chứ sao, cũng có thể đi bước nữa, - tôi nói thêm. - Bà ấy còn trẻ.

- Đừng nói bậy... - Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na gắt lên.

Bỗng bà cụ làm ra vẻ trang trọng đủng đỉnh đứng lên nhẹ nhàng ra khỏi bếp và gặp thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ở phòng treo áo. Mặt ông tái đi, bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đứng bên cửa lặng lẽ nhìn ông mặc áo. Nhìn mắt bà thì biết là bà vừa mới khóc.

- Tội nghiệp, thật tội nghiệp! - Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na lẩm bẩm như nói một mình.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hôn tay bà cụ, còn bà cụ thì hôn lên trán ông. Do đó mà bà cụ phải kiễng chân lên còn ông thì phải cúi xuống.

- Ông I-van Pa-vơ-lô-vích, ông là bạn của tôi cũng là bạn của chúng tôi, - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na trịnh trọng nói. - Ông cần biết rằng bao giờ ông đến đây cũng đều như về nhà mình vậy. Ông là người bạn tốt nhất của Ma-sa, tôi biết và Ma-sa cũng biết như thế!

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lặng lẽ cúi đầu chào. Tôi rất thương hại ông. Tôi vẫn không hiểu được, tại sao bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na

lại từ chối không lấy ông. Theo con mắt tôi thì hai ông bà rất xứng đôi.

Chắc hẳn bà cụ chờ bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na sẽ gọi cụ và kể lại xem ông Cô-ra-bơ-li-ốp ngỏ lời ra sao và bà ấy đã từ chối thế nào. Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lại không gọi. Trái lại bà khóa trái cửa buồng và có thể nghe thấy tiếng chân bà đi đi lại lại.

Ca-chi-a vẽ xong bức tranh "Cuộc gặp gỡ đầu tiên của người Tây-ban-nha và dân tộc da đỏ" muốn khoe với mẹ nhưng bà chỉ ở trong phòng nói vọng ra: "Chờ lát nữa con ạ!"

Nói tóm lại là từ lúc ông Cô-ra-bơ-li-ốp ra về, trong nhà buồn hẳn đi và sau đó càng buồn hơn khi Ni-cô-lai An-tô-nứt vui vẻ trở về báo rằng không phải có ba người khách như ông đã dự đoán mà có những sáu người sẽ đến thăm và ăn cơm trưa.

Dù muốn hay không lúc này bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na cũng phải làm cho cẩn thận. Đến cả Ca-chi-a cũng được mời xuống bếp cùng làm. Cô lấy miệng cốc xắn những miếng bột nhào thành những cái bánh tròn. Cô làm rất say sưa, mặt đỏ bừng lên, khắp người đều dính bột, cả trên mũi, cả trên tóc. Nhưng chẳng bao lâu cô đã chán, thế là cô quyết định không dùng cốc nữa mà đi lấy lọ mực cũ ra để xắn, cho thành hình ngôi sao chứ không phải những khoanh tròn nữa.

- Để cho đẹp, bà ạ, - cô ta khẩn khoản nói với cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na.

Sau đó cô lại ném những miếng hình ngôi sao vào một đống và nói là sẽ làm bánh nướng một mình. Tóm lại là cô chả giúp được gì mấy.

Sáu vị khách! Những ai vậy? Tôi ở trong bếp nhìn ra và đếm.

Người đầu tiên bước vào là ông trưởng phòng giáo vụ Ru-giư-tréc, có biệt hiệu là ông "Pha-đây cao thượng". Tôi không biết cái

biệt hiệu ấy ở đâu mà ra, ai cũng biết ông ta cao thượng thế nào! Theo sau ông này là giáo viên Li-khô, người béo lùn, trán hói, có cái đầu dài nom rất buồn cười. Sau đó là một người nữa cũng là giáo viên. Rồi đến bà người Đức bước vào, bà cũng là người Pháp bởi vì bà dạy cả tiếng Đức và tiếng Pháp. Bà giáo Xê-ra-phi-ma của chúng tôi cũng đến. Bà vẫn đeo chiếc đồng hồ ở trước ngực. Người cuối cùng bước vào không ngờ lại là Vô-dơ-tri-cốp, học sinh lớp tám của chúng tôi. Vô-dơ-tri-cốp là học sinh điển hình của trường "Li-a-đốp". Hắn ăn mặc rất chỉnh tề, thậm chí còn thắt cả chiếc thắt lưng da khóa sắt, trên khóa có mấy chữ "TTHLM". Những chữ này có nghĩa là Trường thực hành Li-a-đốp Mát-xcơ-va. Hắn là đại biểu của học sinh các lớp trên trong hội đồng nhà trường.

Tóm lại là hầu như toàn thể hội đồng nhà trường có mặt ở đây cả. Mời gần hết Hội đồng nhà trường đến ăn cơm trưa thì thật là một điều kỳ quặc.

Tôi ngồi ở trong bếp nghe xem họ bàn tán những gì. Cửa để ngỏ. Đầu tiên Li-khô nói về vấn đề "thực phẩm". Ông ta nói rằng sắp phát hành loại giấy bạc mới. Hôm nay một cân bơ giá mười bốn triệu rúp chứ ngày mai thì chỉ còn có hai mươi cô-pếch y như hồi trước chiến tranh vậy. Hôm nay phải trả người gác cửa mười triệu rúp chứ ngày mai thì chỉ mười cô-pếch. "Mà lão còn cúi đầu cám ơn rối rít nữa là khác".

- Hừ, tôi thật dại, vừa đem bán mất cái khăn bàn được hai trăm ba mươi triệu rúp, - bà Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-na thở dài nói.

Sau đó họ đàm luận về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Chà chà! Thì ra ông ta là một người bợ đỡ chính quyền Xô Viết. Ông ta cố sức làm việc để "mưu toan địa vị". Bộ ria cũng đem nhuộm. Ông ta tổ chức ra cái đội kịch rất tai hại ấy chẳng qua cũng chỉ là để "gây thanh thế" mà thôi. Trước kia ông ta có vợ rồi nhưng đã làm cho

vợ phải chết. Trong các cuộc họp ông ta nhỏ những "giọt nước mắt cá sấu".

Tôi không hiểu "nước mắt cá sấu" là cái gì, nhưng khi nghe nói những câu này, trong đầu tôi bỗng hiện ra hình ảnh thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lúc ở trong phòng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đi ra: sắc mặt ông tái đi, bộ ria cụp xuống y như ria dán. Thế là tôi hiểu cả chuyện đội kịch, cả chuyện lấy vợ, cả chuyện "nước mắt cá sấu" (bất kể câu này nghĩa là thế nào) tất cả những chuyện họ nói đều là giả dối hết. Họ là kẻ thù của ông ấy. Đó chính là những người mà hôm nay ông vừa nói với bà Ma-ri-a Va-vi-li-ép-na "Anh đến mệt vì những người này, họ quấy rầy, ngăn cản anh làm việc".

Cho đến câu "nước mắt cá sấu" thì đó mới chỉ là chuyện phiếm thôi. Nhưng tôi nghe thấy tiếng Ni-cô-lai An-tô-nứt nói và hiểu rằng đó không phải là chuyện phiếm mà là một âm mưu. Họ muốn đuổi thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ra khỏi trường.

Ni-cô-lai An-tô-nứt bắt đầu từ xa xôi:

- Công tác sư phạm, trong số các nhân tố giáo dục ngoại cảnh, bao giờ cũng có để ra nghệ thuật.

Sau đó ông ta xoay câu chuyện sang giáo viên Cô-ra-bơ-li-ốp và trước hết "phải nhìn nhận tài năng của ông ta". Nguyên nhân cái chuyết của vợ ông chẳng quan hệ gì đến chúng ta cả. Chúng ta chỉ quan tâm đến "biện pháp và tác động của nó đối với trẻ em". Điều làm cho chúng ta lo lắng là I-van Pa-vơ-lứt đưa trường học theo một phương hướng có hại. Do đó chúng ta phải hành động theo "bổn phận thiêng liêng của nhà giáo dục, theo bổn phận của những người công dân Xô Viết bình thường".

Lúc đó bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na thu dọn những cái đĩa không lạch cạch làm tôi nghe không rõ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói nghĩa vụ thiêng liêng của nhà giáo dục vạch ra cho ông ta làm gì. Sau khi cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na bưng món thứ hai lên

phòng ăn, tôi nghe câu chuyện chung mới hiểu họ định làm gì.

Thứ nhất, trong cuộc họp hội đồng nhà trường sắp tới phải đề nghị giáo viên Cô-ra-bơ-li-ốp "khi giảng bài địa lý chỉ hạn chế trong phạm vi chương trình". Thứ hai, hoạt động của ông ta sẽ bị coi là "sự tha hóa các tư tưởng giáo dục lao động". Thứ ba, giải tán đội kịch nhà trường. Còn điều thứ tư, thứ năm vân vân nữa. Như vậy nhất định Cô-ra-bơ-li-ốp sẽ bực mình mà ra đi. Như lão Pha-đây "cao thượng" đã nói "trải chiếu ra mời đi".

Đây đích thị là một kế hoạch bỉ ổi. Tôi rất lấy làm lạ là bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na lại chịu nhịn được, không tham gia một câu nào. Nhưng chỉ một lúc sau thì tôi hiểu đầu đuôi. Bắt đầu từ khi mang món thứ hai lên là bà cụ bắt đầu thấy tiếc về việc bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã từ chối không lấy thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Bà cụ chẳng nghĩ chuyện gì khác nữa, và cũng chẳng nghe thấy gì nữa. Bà cụ cứ lẩm bẩm gì đó rồi nhún vai, thậm chí có lần cụ còn nói toáng lên:

- Thế đấy! Bây giờ thì mẹ cũng có nghĩa lý gì!

Đúng là cụ đang giận bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không hỏi ý kiến cụ trước khi cự tuyệt ông Cô-ra-bơ-li-ốp.

Khách khứa ra về hết rồi mà tôi vẫn không biết nên làm gì nữa.

Thật là một điều quá xúi quẩy bởi vì thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lại đến xin cầu hôn vào đúng cái ngày này. Giá ông ta cứ ngồi nhà thì lại hóa hay. Nếu thế thì tôi có thể kể lại toàn bộ câu chuyện đã nghe được cho bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na biết. Nhưng bây giờ thì không tiện, thậm chí còn không thể nói được nữa: bà ấy không ra ăn cơm trưa, cứ ở trong buồng khóa trái cửa lại và không cho ai vào. Ca-chi-a ngồi làm bài. Bỗng nhiên cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói rằng cụ rã rời cả chân tay, chỉ muốn ngủ, nói đoạn cụ liền đi nằm và ngủ ngay. Tôi thở dài chào tạm biệt và ra về.

Chương 10

Thư trả lời cự tuyệt

Người trực ban của trại trẻ tên là I-a-phết chân bị thọt đã đến hai lần để kiểm tra xem chúng tôi đang ngủ say hay là đang cãi nhau, xem mọi người đã đi nằm cả chưa.

Ngoài hành lang có thắp một ngọn đèn đêm. Lúc ngủ, mi mắt của Va-li-a Giu-cốp cứ rung rung như mắt chó, - không biết có phải nó nằm mơ thấy những con chó của nó không? Rô-ma-sca ngáy khò khò. Chỉ có tôi là chưa ngủ, nằm nghĩ ngợi miên man.

Những ý nghĩ cứ nối tiếp nhau, ý nghĩ sau càng mạnh dạn hơn ý nghĩ trước. Tôi thấy như mình đang phát biểu trong một cuộc họp toàn thể của trường, tôi phản đối Ni-cô-lai An-tô-nứt và vạch trần trước toàn thể hội nghị cái kế hoạch đê tiện của họ định đuổi thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ra khỏi trường. Lúc lại thấy tôi đang viết thư cho thầy Cô-ra-bơ-li-ốp... Tôi bắt đầu thảo bức thư và ngủ đi mất...

Rất kỳ lạ là tôi vừa mới tỉnh dậy (sớm hơn mọi người) đã lại tiếp tục thảo tiếp bức thư từ chỗ mà tối qua tôi đã bỏ dở. Lúc này mà có cuốn "Sách dạy viết thư" của thằng Pê-chi-a thì rất được

việc. Tôi bèn nhớ lại những mẫu thư mà chúng tôi đã đọc. "Thư trả lời cự tuyệt": "Sự biểu lộ tình cảm của ngài làm tôi vô cùng cảm kích..." Không thích hợp! "Thư cảm ơn thịnh tình tiếp đãi" và "Thư đòi nợ" cũng không thích hợp. "Thư của người góa vợ gửi một thiếu nữ" tôi lại quên mất. Vả lại bức thư này cũng không thích hợp vì tôi không phải là người góa vợ mà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng chẳng phải là thiếu nữ.

Cuối cùng tôi cũng quyết định được.

Hãy còn sớm lắm, mới hơn bảy giờ, ngoài trời tối om như ban đêm. Tất nhiên là điều đó cũng chẳng cản trở được tôi. Anh thọt I-a-phết muốn giữ tôi lại, song tôi ngoắt ra được và chuồn bằng cửa sau.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp sống trong một căn nhà một tầng làm bằng gỗ có cửa sổ và hàng hiên ở ngõ Va-rốt-ních, giống như một cái đa-sa[1]. Không hiểu sao lúc ấy tôi lại chắc rằng ông ta không ngủ. Tất nhiên là một người vừa mới nhận "Sự trả lời cự tuyệt" của bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na hôm qua thì làm sao mà ngủ được. Quả nhiên là ông không ngủ thật. Trong phòng vẫn còn sáng ánh đèn, ông đứng ở cửa sổ chăm chú nhìn ra sân như thể ngoài sân đang xảy ra những chuyện gì phi thường. Ông mải nhìn đến nỗi tôi đứng ngay dưới cửa sổ giơ tay ra hiệu mãi ông cũng vẫn không biết.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt!

Nhưng thầy I-van Pa-vơ-lứt lại nheo đôi mắt, lắc đầu và đi vào.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, thầy mở cửa ra, em đây!

---

(1) Thường là những căn nhà ở ngoại thành chỉ để ở tạm vào những ngày nghỉ - N.D.

Sau mấy phút ông quay lại, mình khoác chiếc áo bành - tô và đi ra hiên.

- Em đây mà, Gri-gô-ri-ép đây, - tôi sợ ông quên tôi nên nhắc lại. Ông nhìn tôi có vẻ lạ lùng. - Em đến tìm thầy để nói thầy nghe một câu chuyện. Người ta định giải tán đội kịch, còn thầy thì... - Hình như tôi chưa nói chữ "đuổi ra". Mà cũng có thể tôi đã nói ra rồi, bởi vì lúc đó thấy ông bỗng tỉnh hẳn người ra.

- Vào đây! - Ông nói cụt ngủn.

Trong nhà ông lúc nào cũng sạch sẽ, sách vở xếp gọn gàng trên giá sách, khăn rải giường trắng tinh, gối có khăn phủ. Mọi thứ đều ngăn nắp. Hôm nay có lẽ chỉ riêng bản thân ông chủ của những vật này là không được ổn định lắm thôi. Lúc thì ông nheo mắt lại, lúc thì ông mở to mắt ra như mọi vật ở trước mắt ông đang trôi đi các phía. Không còn nghi ngờ gì nữa, đêm qua ông không ngủ. Trước đây chưa bao giờ tôi thấy ông mệt mỏi như vậy.

- A, Xa-nhi-a, - ông ngờ ngợ nói. - Có việc gì đấy?

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt! Em đã định viết thư cho thầy, - tôi sôi nổi đáp. - Tóm lại vấn đề là ở chỗ cái đội kịch nhà trường. Người ta nói rằng thầy đã có vợ và cô ấy đã bị thầy giày vò cho đến chết.

- Thong thả, - ông cười. - Ai nói rằng tôi đã hành hạ vợ tôi?

- Tất cả mọi người đều nói thế! "Nguyên nhân cái chết của vợ ông ta chẳng quan hệ gì đến chúng ta cả. Điều làm cho chúng ta công phẫn là "sự tha hóa về tư tưởng"...".

- Tôi chẳng hiểu gì cả, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói nghiêm túc.

- Đúng, tha hóa, - tôi khẳng định lại một lần nữa.

Ngay từ hôm qua tôi đã nhẩm đi nhẩm lại mãi mấy chữ "tha hóa" "gây thanh thế" và "bổn phận bình thường" nữa.

- "trong các hội nghị ông ta đã nhỏ những giọt "nước mắt cá sấu", - tôi vội vàng nói tiếp. - "Ông ta đưa ra những cái trò nguy hại ấy, chẳng qua chỉ là để "gây thanh thế". Đúng "gây thanh thế". "Ông ta bợ đỡ chính quyền Xô Viết", "chúng ta phải làm tròn "bổn phận bình thường" của chúng ta".

Có thể là tôi đã lẫn lộn một số từ. Nhưng đối với tôi thì cứ nhắc lại những câu tôi đã thuộc lòng sau khi nghe được ngày hôm qua còn dễ hơn là kể lại bằng lời lẽ của mình. Dù sao thì thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng hiểu được những ý tôi muốn nói. Ông hiểu rất rõ. Con mắt ông bỗng vụt tắt ngay những nét mờ ảo vừa rồi, hai má bỗng đỏ lên, ông đi đi lại lại rất nhanh trong phòng.

- Vui nhỉ, - ông khẽ lẩm bẩm, mặc dù trông ông chẳng có vẻ gì là vui cả. - Nghĩa là các em không muốn giải tán đội kịch có phải không?

- Rất rõ ràng là mọi người đều không muốn.

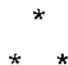
- Và em đến đây cũng là vì đội kịch chứ gì?

Tôi im lặng một lát. Cũng có thể là vì đội kịch. Cũng có thể là vì nếu không có thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ở trường thì trường sẽ tẻ ngắt. Cũng có thể là vì tôi không thích việc họ đã cấu kết một cách đê tiện như vậy để đuổi ông này ra khỏi trường...

- Ồ, thật là những kẻ ngu ngốc chán nhất thế giới! - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói một câu bất ngờ.

Ông bắt tay tôi thật chặt, sau đó lại trầm ngâm đi đi lại lại trong phòng. Ông cứ đi lại mãi rồi bước luôn ra ngoài, có lẽ là vào bếp xách ấm nước sôi ra pha trà rồi lấy ở tủ bên trong tường ra bộ cốc.

- Tôi đã định đi khỏi trường, nhưng giờ thì tôi quyết định ở lại, - ông tuyên bố. - Chúng ta sẽ đấu tranh. Đúng không, Xa-nhi-a? Còn bây giờ thì uống cốc nước trà đã.



Tôi không biết cuối cùng hội đồng nhà trường có họp không, cuộc họp mà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp sẽ bị nghiêm khắc phê phán vì đã "tha hóa các tư tưởng giáo dục lao động". Xem ra thì không có cuộc họp này vì ông ấy vẫn không sao cả. Mỗi buổi sáng ông "Ria" vẫn đứng trước gương chải chuốt bộ ria rồi đi lên lớp như thường...

Mấy ngày sau đội kịch tuyên bố diễn một vở kịch mới: "Nhà thông thái nào cũng thừa đất dụng võ". Gri-sca Pha-be lại đóng vai nhà thông thái. Theo vai thì người đó hai mươi lăm tuổi, nhưng nó lại thích đóng thành một người đứng tuổi hói trán, có răng vàng. Lúc nào nó cũng gõ gõ ngón tay lên mặt bàn y như Ni-cô-lai An-tô-nứt, nói chung nếu nó đừng gào thét to quá thì có thể nói rằng vai nó đóng rất đạt.

Có hai anh tóc quăn và đen ở Khu Đoàn thanh niên cộng sản đến đề nghị tổ chức một Chi đoàn thanh niên cộng sản ở trường chúng tôi. Va-li-a liền đứng tại chỗ hỏi ngay là các học sinh ở trại trẻ có thể xin gia nhập được không. Họ trả lời là được, nhưng phải từ mười bốn tuổi trở lên. Chính tôi cũng không biết là tôi bao nhiêu tuổi. Theo tôi tính thì gần tròn mười ba tuổi rồi. Nhưng dù sao tôi cũng cứ nói là tôi mười bốn tuổi. Song chẳng có ai tin tôi cả. Có lẽ lúc đó người tôi nhỏ bé quá.

Trong các giáo viên chỉ có thầy Cô-ra-bơ-li-ốp và Ni-cô-lai An-tô-nứt tham gia cuộc họp này. Thầy Cô-ra-bơ-li-ôp phát biểu khá trịnh trọng, thoạt đầu thầy nói qua mấy lời chúc mừng chi đoàn chúng tôi thành lập, sau đó thầy lên lớp chúng tôi một hồi về tội chúng tôi không chăm chỉ học hành và có nhiều hiện tượng học lưu manh. Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng phát biểu ý kiến. Ông

nói rất hay. Thoạt đầu ông hoan nghênh các đại biểu của Khu Đoàn thanh niên cộng sản, một lớp người trẻ tuổi, cuối cùng ông ngâm một bài thơ của Nê-cra-xốp, bài "Rừng xanh xào xạc". Chỉ có một điều rất lạ là lúc nói chuyện bỗng dưng ông bẻ tay kêu răng rắc, cứ như là định vặn gãy những ngón tay ấy đi. Lúc đó nét mặt ông trông rất vui, thậm chí ông còn mỉm cười.

Cuộc họp tan, tôi gặp ông ngoài hành lang, tôi nói: "Chào thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt!" Nhưng không hiểu sao ông ấy không trả lời tôi.

Tóm lại là mọi việc đều tốt đẹp cả. Tôi không biết tại sao tôi đã chuẩn bị đến nhà Ta-ta-ri-nốp rồi bỗng nhiên lại quyết định thôi không đi nữa. Tốt nhất là chờ đến mai gặp Ca-chi-a ở ngoài phố và sẽ đưa cho Ca-chi-a chiếc roi ngựa và ít đất sét là những thứ cô hỏi xin tôi. Nhưng chưa đầy nửa giờ sau thì tôi đã thay đổi ý định.

Bà cụ ra mở cửa cho tôi. Tôi vừa định bước vào nhà thì không hiểu tại sao bà cụ lại giữ dây xích khóa cửa, hình như bà cụ còn suy nghĩ xem có nên cho tôi vào không. Sau đó bà cụ buông cách cửa ra rồi thì thào rất nhanh: "đi vào bếp nhé", đoạn bà khẽ đẩy vào lưng tôi.

Tôi do dự một lát vì ngạc nhiên. Vừa đúng lúc đó thì Ni-cô-lai An-tô-nứt đi ra phòng treo áo và nhìn thấy tôi. Ông ta bật đèn.

- A - a! - ông nói giọng mũi. - Đã đến đấy à? Ông nắm chặt vai tôi làm tôi đau điếng.

- Đồ vô ơn hớt lẻo, đồ khốn nạn, đồ mật thám! Từ nay về sau đừng có bén mảng đến đây nữa! Có nghe thấy không?

Ông ta căm tức nhệch cái môi ra, tôi nhìn thấy chiếc răng vàng lấp lánh trong mồm ông ta. Đó là vật cuối cùng tôi nom thấy ở gia đình Ta-ta-ri-nốp. Ni-cô-lai An-tô-nứt một tay mở cửa, một tay ném tôi ra ngoài cầu thang như quăng con mèo con vậy.

Chương 11

Tôi ra đi

Trại trẻ trống rỗng. Trường học cũng vắng tanh. Hôm nay là chủ nhật, mọi người tản mát đi đâu hết. Chỉ có mình Rô-ma-sca đang đi đi lại lại trong các gian phòng trống không và cứ tính toán gì đó, chắc là tính các tài sản tương lai của nó và người cấp dưỡng vừa chuẩn bị bữa ăn trưa vừa hát ở dưới bếp. Tôi kiếm một chỗ ấm áp đằng sau bếp lò ngồi suy nghĩ.

Đây đúng là do ông Cô-ra-bơ-li-ốp gây nên. Tôi muốn giúp ông ta, thế mà ông ta lại "đền ơn" tôi một cách đê tiện như vậy. Ông ta đã đến nhà Ni-cô-lai An-tô-nứt và bán rẻ tôi.

Hóa ra họ nói rất đúng. Cả Ni-cô-lai An-tô-nứt, cả cô gái tiếng Đức và tiếng Pháp, cả Li-khô người đã nói rằng trong các hội nghị Cô-ra-bơ-li-ốp nhỏ những "giọt nước mắt cá sấu" đều là đúng cả. Ông ta là một kẻ đê tiện. Thế mà tôi lại còn thương hại ông ta vì thấy ông ta bị bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na cự tuyệt.

- Bác Pê-chi-a, thế nào là "nước mắt cá sấu"?

Bác Pê-chi-a vớt một miếng cải.bắp nóng hổi trong nồi ra.

- Có lẽ là một loại nước chấm...

Không, không, đây không phải là nước chấm... Tôi đang định

nói, đây không phải là nước chấm. Nhưng tôi thấy bác Pê-chi-a đang cầm miếng cải bắp đã cắn thử để xem món canh đã chín chưa bỗng từ từ lượn tròn quanh người tôi. Mắt tôi hoa lên, tôi thở dài rồi đi về phòng ngủ.

Rô-ma-sca đang ngồi bên cạnh cửa sổ trong buồng ngủ, mồm lẩm bẩm tính toán.

- Mười vạn bây giờ chỉ bằng một cô-pếch sau này thôi, - nó nói với tôi. - Nếu thu thập những đồng tiền cũ người ta đổi ra rồi đi đến nơi nào chưa biết việc đổi tiền, mua tất cả hàng hóa đem về bán lấy tiền mới. Mình đã tính rồi, một đồng rúp vàng có thể kiếm được bốn vạn lần hơn.

- Từ biệt Rô-ma-sca nhé. Mình đi đây. - Tôi trả lời hắn.

- Đi đâu?

- Đi Tuyếc-két-xtan, - tôi nói, mặc dù trước đây một phút tôi chưa hề nghĩ đến Tuyếc-két-xtan.

- Nói láo!

Tôi lặng lẽ lột áo gối ra và nhét vào đấy tất cả các thứ tôi có. Chiếc áo sơ-mi, cái quần, tấm tranh áp-phích "Học sinh trường số Bốn diễn vở "Ma-rát"[1] và cái ống nghe màu đen mà ông bác sĩ I-van I-va-nứt đã để lại. Tất cả những con cóc, con thỏ tôi đều đập tan ra rồi ném vào thùng rác. Ngay đến cả bức tượng cô thiếu nữ có vòng tóc trước trán, có phần giống Ca-chi-a cũng bị tôi ném vào đấy nốt.

Rô-ma-sca nhìn tôi có vẻ thích thú. Nó vẫn lẩm bẩm tính toán nhưng không say sưa như lúc vừa rồi nữa.

- Nếu một rúp mà kiếm được bốn vạn, vậy thì một trăm rúp...

---

(1) J.P. Ma-rát (1743 - 1793) một nhà cách mạng thuộc giai cấp tư sản nổi tiếng của nước Pháp ở thế kỷ thứ 18; một trong những lãnh tụ của Đảng Gia-cô-banh. - N.D.

Xin vĩnh biệt trường học! Mình sẽ không bao giờ đi học nữa. Học để làm gì? Mình đã biết viết, biết đọc, biết tính toán. Thế là đủ rồi, như vậy cũng đã tốt chán. Sau khi mình ra đi cũng chẳng có ai thấy buồn đâu. Họa chăng chỉ có Va-li-a nhớ đến một lần rồi cũng quên đi.

- Vậy thì một trăm rúp có thể kiếm được bốn mươi vạn, - Rô-ma-sca lẩm bẩm nói. - Một trăm rúp là được bốn mươi vạn.

Nhưng tôi sẽ còn quay trở lại. Lúc đó tôi sẽ còn phải đến nhà bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ném tiền ra và nói: "Đây xin cụ cầm lấy tiền trả những bữa mà tôi đã ăn ở nhà cụ". Còn Cô-ra-bơ-li-ốp nữa, người ta sẽ tống cổ ông ta ra khỏi trường, ông ta chạy đến kêu ca với tôi và khẩn khoản xin tôi tha thứ cho. Đừng hòng!

Tôi bỗng nhớ đến cảnh ông đứng bên cửa sổ khi tôi đến nhà ông. Ông đứng nhìn chằm chằm ra sân buồn rũ và có vẻ hơi say. Thôi, đã chắc là ông nói ra đâu. Ông viện tôi ra để làm gì cơ chứ. Trái lại, chắc là ông không tỏ vẻ gì, giả vờ như không biết tí gì về cuộc bàn bạc bí mật ấy hết. Tôi đã rủa oan, không phải là ông đã nói ra. Vậy thì ai?

- À, Va-li-a! Tôi bỗng tự nhủ. - Chả là sau khi ở nhà Ta-ta-ri-nốp về, tôi đã đem mọi chuyện ra nói với nó. Đúng là Va-li-a rồi.

Song tôi nhớ lại thì lúc đó Va-li-a chưa nghe hết đầu đuôi câu chuyện đã ngáy khò khò. Vả lại Va-li-a quyết không thể làm những điều như thế được.

Có thể là Rô-ma-sca chăng? Tôi nhìn nó. Mặt nó trắng bệch, hai tai đỏ gay, nó ngồi bên bậu cửa sổ lẩm bẩm nhấn lên nhấn xuống mãi không thôi. Tôi cảm thấy nó vẫn theo dõi tôi bằng con mắt tròn dẹt như mắt chim. Nhưng nó có biết gì đâu...

Giờ đây khi tôi đã khẳng định việc này không phải do thầy Cô-ra-bơ-li-ốp gây ra thì hình như có thể lưu lại được. Nhưng

đầu tôi nhức như búa bổ, tai váng lên, vả lại không biết tại sao tôi thấy một khi đã bảo Rô-ma-sca là mình đi thì không thể ở lại được nữa. Trong lòng buồn bã, tôi ngoái nhìn lại khắp phòng lần cuối. Kia là cái bóng đèn màu trắng, mà mỗi khi tắt đèn rồi tôi vẫn thường nhìn vào rất lâu trong đêm tối. Kia là bức tường có những ô để quần áo. Kia là ô quần áo của tôi, bên cạnh là ô của Va-li-a và những dãy giường...

Tôi thở dài, vớ lấy cái bọc gật đầu với Rô-ma-sca rồi ra đi. Có lẽ lúc đó tôi đang sốt rất nóng nên khi ra đường tôi mới cảm thấy bên ngoài lạnh một cách lạ lùng. Vả lại lúc ra vòm cửa tôi đã cởi áo đồng phục ra mà mặc ngay áo bành tô ra ngoài áo sơ-mi. Tôi quyết định đem bán cái áo đồng phục đi. Theo tôi tính toán thì chiếc áo ấy có thể bán được khoảng mười lăm triệu rúp.

Có lẽ vì tôi nhức đầu chóng mặt, người nóng hầm hập cho nên tôi không nhớ rõ là tôi đã làm những gì ở chợ giời, mặc dù tôi lang thang ở đó suốt một ngày. Tôi chỉ nhớ là tôi đứng bên một quầy hàng ngào ngạt mùi hành phi, tay cầm chiếc áo đồng phục, miệng khẽ nói:

- Ai mua đây...

Tôi còn nhớ là tôi rất ngạc nhiên không hiểu sao giọng nói của tôi lại yếu ớt đến như vậy. Tôi cũng nhớ đã để ý thấy trong đám người mua bán có một người đàn ông vóc to lớn mặc hai chiếc áo bành tô bằng lông, một chiếc mặc hẳn vào người còn chiếc định bán thì choàng trên vai. Có điều rất lạ là tôi cứ mang chiếc áo của tôi đi đâu cũng đều chạm trán ông ta. Ông ta đứng đực ra đó, người cao lớn, râu ria xồm xoàm, mặc hai chiếc áo bành-tô mặc cho mọi người ta sờ soạng, ngắm vuốt, nắn cổ áo, chẳng buồn nhìn ai, chỉ cau có nói giá tiền.

Tôi nhớ là sau khi lang thang ở chợ suốt ngày, cuối cùng tôi

đã đổi cái áo sơ-mi lấy một chiếc bánh rán bột mì với cà rốt, nhưng tôi vừa cắn một miếng đã thấy chán.

Tôi kiếm một chỗ để sưởi cho ấm. Mặc dù người cũng không cảm thấy rét lắm nhưng những đầu ngón tay bị lạnh tím bầm lại. Tôi nhét chiếc bánh rán vào trong áo gối. Tôi nhớ lúc đó tôi cứ luôn nhìn xem chiếc bánh có bị vụn ra không. Có lẽ tôi cảm thấy mình ốm thật. Tôi rất thèm uống nước. Có tới mấy lần tôi quyết định là nếu qua nửa tiếng đồng hồ nữa mà không bán được chiếc áo đồng phục thì sẽ vào quán trà đổi lấy một cốc trà nóng. Nhưng ngay lúc đó tôi lại sợ bây giờ mới có người đến mua nên tôi lại quyết định đứng thêm nửa giờ nữa.

Tôi nhớ lúc đó tôi tự an ủi rằng người đàn ông cao lớn kia cũng không sao bán được cái áo bành tô...

Nếu bốc một nắm tuyết mà ăn có lẽ lại hay, nhưng tuyết ở quãng chợ này bẩn quá, mà đi ra ngoài đường cái thì lại xa. Tuy vậy cuối cùng tôi vẫn cứ đi ra và đã ăn tuyết. Rất lạ là tôi thấy tuyết ấm. Hình như tôi bị nôn. Nhưng cũng có thể là không phải. Tôi chỉ nhớ tôi ngồi trên tuyết, có người nắm lấy vai tôi bởi vì tôi bị ngã. Cuối cùng họ buông tôi ra, tôi nằm xuống khoan khoái duỗi thẳng hai chân. Có tiếng người đang nói cạnh chỗ tôi nằm, nghe như là: "động kinh, bị động kinh..." Sau đó họ định lấy cái túi áo gối của tôi đi, tôi nghe thấy họ dỗ tôi: "Lạ chưa, đây là để đầu cho mày đấy chứ!" nhưng tôi cứ túm chặt lấy cái áo gối, nhất định không buông. Người đàn ông khoác hai chiếc áo bành tô lững thững đi qua rồi đột nhiên ném một chiếc áo lên người tôi. Lúc đó là tôi đã mê sảng rồi. Tôi biết rất rõ là tôi đã mê sảng... Có người vẫn kéo cái túi áo gối của tôi. Tôi nghe thấy tiếng phụ nữ nói:

- Nó không buông cái túi ra đâu.

Tiếp đó là giọng đàn ông:

- Đặt cả cái túi lên cũng được.

Sau đó lại có tiếng một người đàn ông nữa:

- Đúng là bệnh cúm ác tính rồi[1]

Và mọi sự chìm hẳn đi...

*

* *

Ngay đến bây giờ dù chỉ hơi sốt một tí thôi tôi cũng đã mê sảng rồi. Sốt đến ba mươi tám độ là tôi nói huyên thuyên, làm cho bạn bè và những người thân thuộc phát hoảng. Nhưng chưa bao giờ tôi lại mê sảng thú vị như lần tôi bị cúm ác tính này. Kìa tôi đang ở trong căn phòng rộng rãi sáng sủa và vẽ phong cảnh một thác nước. Dòng nước từ vách đá cheo leo đổ xuống lòng chảo đá hẹp. Hay quá! Dòng nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, những tảng đá xanh tuyệt diệu.

Kìa tôi lại đang ngồi trên một cái xe tuyết đi đâu, mình khoác áo lông cừu. Trời tối dần song tôi vẫn trông thấy tuyết vun vút chạy lùa giữa hai thành ván trượt rộng bản, y như là chúng tôi đang ngồi một chỗ mà tuyết thì lao đi vun vút. Khi nhìn tấm da đắp chân thõng xuống bên xe vạch thành đường chạy dài trên tuyết thì mới thấy rõ là mình đang đi. Tôi cảm thấy thú quá, ấm quá, hình như chẳng còn thiết gì hơn nữa, chỉ cần cứ ngồi trên chiếc xe tuyết mà đi suốt đời.

Không hiểu sao tôi lại có ái ảo giác tuyệt vời như thế! Lúc đó tôi đã gần cái chết lắm rồi. Đã hai lần tôi bị coi là hết đường cứu chữa rồi nên họ cách ly với các bệnh khác bằng một tấm bình phong. Hiện tượng bầm da tím ngắt vốn là triệu chứng ở những kẻ sắp chết. Triệu chứng đó đã xuất hiện ở người tôi rõ ràng đến nỗi hầu như tất cả các bác sĩ, trừ một người thôi, đều lắc đầu thất vọng, và chỉ sáng sáng lại ngạc nhiên hỏi:

(1) Bệnh cúm lan truyền từ Tây-ban-nha sang. - N.D.

- Thế nào vẫn còn sống à?

Tất cả những chuyện đó tôi được biết sau khi đã tỉnh...

Dù sao thì tôi cũng không chết. Trái lại tôi đã bình phục. Có một lần tôi mở mắt ra vẫn cứ tưởng là mình đang ở trại trẻ và định nhào từ trên giường xuống... Có một bàn tay giữ tôi lại. Một khuôn mặt ai đó tôi quên mất rồi nhưng rất quen thuộc cúi xuống người tôi. Không biết các bạn có tin hay không chứ đó chính là ông bác sĩ I-van I-va-nứt.

- Bác sĩ, - tôi nói với ông và bật khóc vì sung sướng, vì yếu đuối. - Bác sĩ, bão tuyết đấy!

Ông nhìn thẳng vào mắt tôi, có lẽ ông cho rằng tôi vẫn còn đang mê sảng.

- Yên ngựa, cái hòm, bão tuyết, uống rượu, A-bram, - tôi nói một mạch và cảm thấy nước mắt chảy xuống mồm.- Tôi đây bác sĩ ạ. Tôi là Xa-nhi-a đây. Bác có nhớ không, bác có nhớ tôi ở một cái làng. Chúng tôi đã cho bác trốn. Bác đã dạy tôi học.

Ông lại nhìn thẳng vào mắt tôi lần nữa, rồi phồng mồm lên thổi ra phù phù.

- A ha! - ông nói và cười vang lên. - Sao lại không nhớ? Thế em gái chú đâu? Sao lại nói được như thế này? Hồi đó chú chỉ biết nói có mỗi tiếng "tai" thôi cơ mà, và nói như sủa ấy. Học nói được rồi hả? Và lại còn trốn lên tận Mát-xcơ-va nữa? Rồi lại còn định chết nữa?

Tôi muốn nói rằng thực ra tôi không định chết tí nào, trái lại, nhưng bỗng ông lấy tay bịt mồm tôi lại, còn tay kia vội vàng rút mùi xoa lau mặt lau mũi cho tôi.

- Này chú em, nằm im nhé, - ông nói. - Chú chưa được nói năng gì hết. Hãy câm đi, chịu khó câm đi hai ngày. Có trời biết được chú đã chết đi sống lại mấy lần rồi. Giờ đây ra sao cũng chưa biết được đâu. Có khi chỉ nói quá vài câu là đi đứt đấy.

Chương 12

Một cuộc nói chuyện nghiêm túc

Có lẽ các bạn cho rằng tôi đã có lúc tỉnh lại thì tôi sẽ bắt đầu bình phục? Hoàn toàn không phải như vậy. Bệnh cúm Tây-ban-nha vừa khỏi thì tôi lại mắc bệnh viêm màng não. Lần này bác sĩ I-van I-va-nứt cũng lại không đồng ý với ý kiến cho rằng tính mệnh tôi đã đi đứt.

Ông thường ngồi hàng tiếng đồng hồ bên giường bệnh của tôi để nghiên cứu những động tác kỳ quặc của đôi mắt và hai bàn tay tôi. Cuối cùng tôi lại hồi tỉnh. Mặc dù tôi còn nằm trợn ngược mắt lên mãi khá lâu, nhưng đã thoát chết.

"Thoát chết nhưng có thể bị ngớ ngẩn suốt đời".

Tôi đã gặp vận may, không bị ngớ ngẩn. Ngược lại sau khi khỏi bệnh tôi còn cảm thấy mình thông minh hơn trước đây là khác. Đúng là có như thế thật, song chẳng dính dáng gì đến căn bệnh đã mắc cả.

Dù sao thì tôi cũng phải nằm ở nhà thương đến nửa năm trời. Trong thời gian này tôi được gặp I-van I-va-nứt luôn, gần như cứ cách một ngày tôi lại được gặp ông một lần. Khi tôi bắt đầu bình

phục thì hầu như ông không đến nhà thương nữa. Chẳng bao lâu sau ông đi khỏi thành phố Mát-xcơ-va. Ông đi đâu, làm gì, xin các bạn xem hồi sau sẽ rõ.

Có điều rất đáng ngạc nhiên là suốt từng ấy năm trời ông thay đổi rất ít. Ông ấy vẫn thích ngâm thơ như trước. Có lần sau khi nghe bệnh cho tôi xong, ông làu bàu đọc một đoạn thơ:

Nam tước Phôn Grin-van-đút
Vị anh hùng hào kiệt
Vẫn ngồi trên bệ đá
Với tư thế thuở xưa.

Có những sinh viên thường đến gian buồng bệnh của tôi. Lúc đó ông nhìn sinh viên bằng đôi mắt trong sáng, sinh động, rồi ông nắm tay áo một người, giảng giải, rồi bỏ tay ra. Sau khi nắm tay áo người ấy. Tôi và ông ấy cùng nhớ lại cái "thuở xa xưa". Ông hết sức ngạc nhiên khi thấy tôi vẫn nhớ rằng ông đã lấy ruột bánh mì và những thứ khác nặn thành con mèo và con chuột, con mèo bắt chuột kêu meo meo y như mèo thật.

- Bác I-van I-va-nứt, - tôi nói, - sau khi bác đi rồi, tôi và em gái vẫn xiên khoai nướng suốt cả mùa đông.

Ông cười vang lên rồi trầm ngâm suy nghĩ.

- Chú em ạ, đó là hồi ta bị đi đày, đã học được đấy.

Thì ra trước kia ông đã bị đi đày. Năm 1914 ông bị phát vãng vì là đảng viên Bôn-sê-vích, sau khi bị án đày chung thân. Tôi không biết ông bị phát vãng ở chỗ nào, còn nơi đi đày của ông thì xa lắm, tận gần biển Ba-ren-xép.

- Từ chỗ ấy, - ông cười nói, - ta chạy một mạch đến cái thôn nhà em đó. Trên đường đi tí nữa thì chết cóng.

Thì ra bây giờ tôi mới rõ tại sao hồi ấy đêm đêm ông không

ngủ. Cái ống đen đen - ống nghe bệnh - thì ra ông để lại cho hai anh em tôi để làm kỷ niệm. Hết chuyện nọ sang chuyện kia, cuối cùng tôi đành phải kể lại đầu đuôi câu chuyện tại sao tôi lại trốn khỏi trại trẻ.

Ông rất chú ý nghe tôi nói và không hiểu sao ông cứ nhìn vào mồm tôi.

- Hay thật, - ông trầm ngâm nói. - Thật là chuyện hiếm có.

Tôi cứ tưởng ông nghĩ rằng bỏ trại trẻ ra đi là chuyện hiếm có. Tôi đang định thanh minh rằng chuyện này chẳng có gì là hiếm thì ông lại nói:

- Không phải vừa câm vừa điếc mà là câm nhưng không điếc. Stummheit ohne Taubheit[1]. Lúc bấy giờ đến gọi "mẹ" cũng không xong, thế mà bây giờ, xem kìa, rõ là một nhà hùng biện!

Ông đem chuyện tôi ra kể lại cho các bác sĩ khác nghe.

Tôi đã hơi thất vọng vì bác sĩ chẳng nói gì đến sự tình đã khiến tôi phải trốn khỏi trại trẻ mà thậm chí còn có vẻ như ông đã bỏ ngoài tai. Nhưng tôi đã nghĩ lầm, bởi vì sau này có một hôm trời rất đẹp, cửa gian buồng bệnh của chúng tôi mở toang, một chị y tá bước vào nói:

- Gri-gô-ri-ép có khách.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ôp bước vào.

- Chào em, Xa-nhi-a!

- Chào thầy I-van Pa-vơ-lứt!

Cả phòng đều tò mò nhìn chúng tôi. Có lẽ cũng vì nguyên nhân ấy nên lúc đầu ông ấy chỉ toàn nói về sức khỏe của tôi. Nhưng khi mọi người trong phòng trở lại với công việc của họ thì

(1) Tiếng Đức, tức là người câm không điếc. - N.D.

ông bắt đầu mắng tôi. Ôi, ông mắng tôi một trận nên thân! Ông nói tuột ra tất cả những điều tôi đã nghĩ về ông trước đây và bảo, nếu tôi cho ông ấy là một kẻ đê tiện thì lúc đó tôi phải đến gặp ông ấy mà nói thẳng ra: "I-van Pa-vơ-lứt, ông là một kẻ đê tiện!" Tôi đã không làm như vậy, bởi vì tôi là một người cá nhân chủ nghĩa điển hình. Sau đó ông dịu giọng hơn khi tôi tiu nghỉu. Tôi hỏi ông:

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, cá nhân chủ nghĩa là thế nào ạ?

Tóm lại ông đã mắng tôi cho đến khi hết giờ đến thăm. Tuy vậy lúc chia tay, ông bắt tay tôi rõ chặt và bảo ông sẽ còn đến nữa.

- Bao giờ ạ?

- Mấy hôm nữa. Ta có câu chuyện rất nghiêm túc muốn nói với em. Còn giờ thì em suy nghĩ trước đi.

Rất tiếc là ông không bảo tôi phải suy nghĩ vấn đề gì nên tôi đành cứ nghĩ ngợi lung tung. Tôi nhớ lại En-xcơ, ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp, dì Đa-sa và quyết định là khi nào khỏe hẳn sẽ viết thư về En-xcơ ngay. Pê-chi-a đã trở về chưa? Tôi nghĩ đến Pê-chi-a luôn. Cửa sổ gian phòng bệnh của chúng tôi trông ra vườn hoa, do đó có thể nom thấy những ngọn cây bị gió thổi lắc lư. Ban đêm khi xào xạc, mường tượng thấy như Pê-chi-a cũng đang nằm trên một chiếc giường bệnh sơn trắng ở một nơi nào đó như tôi đây, vừa suy nghĩ vừa lắng nghe tiếng lá cây xào xạc. Giờ đây nó ở đâu? Có thể là nó đã chán Tuyếc-két-xtan và nó lại tẩu sang một nơi nào đó ở Pê-ru rồi? Nhỡ thằng Pê-chi-a ở Pê-ru thật thì sao nhỉ? Nó đang đứng hiên ngang trên bãi biển Thái-bình-dương, mình mặc áo giáp, tay cầm kiếm y như Va-xcô Nu-nhi-ốt Ban-boa. Chả chắc gì. Có điều là trong thời gian tôi ở trong trại trẻ thì ai biết được nó đã đi những đâu?

Đến buổi được tiếp khách lần sau thì Va-li-a Giu-cốp vào thăm tôi và kể chuyện con nhím của nó. Không biết nó bắt ở đâu được một con nhím và đã làm cho nó cả một cái nhà dưới gầm giường.

Mùa đông loài nhím đều ngủ, nhưng không hiểu sao con nhím này lại không ngủ. Tóm lại, đây là con nhím đặc biệt. Ngay đến việc nó gãi cũng làm cho cậu ta thích thú.

- Y như chó gãi ấy! - Va-li-a vui sướng khoe.

- Cái chân nó cũng gõ gõ xuống đất y như con chó ấy.

Tóm lại là suốt cả hai tiếng đồng hồ thằng Va-li-a chỉ nói chuyện con nhím của nó và mãi đến lúc chia tay cậu ta mới sực nhớ ra là thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hỏi thăm tôi, nay mai thầy sẽ vào thăm.

Tôi liền hiểu ngay đó sẽ là một cuộc nói chuyện nghiêm chỉnh. Hay lắm! Tôi tin rằng thế nào tôi cũng bị thầy dồn cho một trận nữa. Quả nhiên tôi đoán không sai.

Câu chuyện bắt đầu từ lúc thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hỏi tôi sau này sẽ làm gì.

- Em không biết, - tôi trả lời. - Có lẽ em sẽ làm một họa sĩ.

Ông nhướn lông mà và phản đối:

- Không được đâu!

Thật tình mà nói thì tôi chưa hề suy nghĩ xem sau này tôi sẽ làm gì. Trong thâm tâm tôi muốn làm một nhân vật giống như Va-xcô Nu-nhi-ốt Ban-boa cơ. Nhưng vì thấy I-van Pa-vơ-lứt lại khẳng định là tôi không làm nổi họa sĩ, nên tôi cũng thấy bực.

- Tại sao?

- Vì rất nhiều lẽ, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói quả quyết. - Trước hết là vì ý chí em mềm yếu lắm.

Tôi giật mình. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng ý chí mình mềm yếu.

- Đâu có thế, - tôi buồn rầu phản đối. - Ý chí em rất mạnh.

- Không đúng, rất mềm yếu. Một người không biết mình sau một giờ nữa sẽ làm gì thì ý chí ra sao? Nếu em có ý chí kiên cường thì em đã học giỏi. Nhưng em thì lại học kém.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi hốt hoảng nói, - em chỉ có một điểm "kém" thôi mà.

- Phải, em học kém. Thực ra em có thể đạt mức giỏi cơ.

Ông chờ một lát xem tôi có nói gì không. Nhưng tôi nín lặng.

- Em chỉ giỏi tưởng tượng hơn là biết suy nghĩ.

Ông lại chờ một lát.

- Nói chung thì đã đến lúc em phải nghĩ xem mình là một người như thế nào và sống ở trên đời này để làm gì. Vừa rồi em nói em muốn làm một họa sĩ. Chú em ạ, muốn đạt mục đích ấy thì phải trở thành một con người khác cơ.

Chương 13

Tôi suy nghĩ

Nói mồm thì rất dễ: anh cần trở thành một con người khác hẳn. Nhưng phải làm như thế nào đây? Tôi không đồng ý rằng tôi học quá tồi. Chỉ có một điểm "kém" mà lại là môn toán, lại vì có một lần tôi đang đánh giày thì thầy Ru-giư-tréc gọi tôi lên bảo:

- Em bôi giày bằng cái gì thế? Gri-gô-ri-ép? Trứng thối với dầu hỏa à?

Tôi giở giọng láo xược, thế là từ đó trở đi ông không bao giờ cho tôi điểm "kém" nữa. Nhưng dẫu sao tôi cũng thấy thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói là đúng và tôi phải trở thành một con người khác hẳn.

Nếu quả là ý chí tôi mềm yếu thật thì sao? Phải kiểm tra xem sao. Cần quyết định làm một việc và nhất định làm bằng được. Để khởi đầu, tôi quyết định đọc thật kỹ cuốn "Bút ký của người đi săn", năm ngoái tôi đã đọc quyển này và bỏ dở vì thấy chán quá.

Thật lạ lùng! Lần này tôi vừa mượn ở thư viện của nhà thương

cuốn "Bút ký của người đi săn" đem về đọc được bốn năm trang đã thấy chán gấp ba năm ngoái. Lúc đó điều mong muốn cao nhất của tôi ở trên đời này là giá đừng có cái quyết định ấy thì hay biết bao nhiêu. Song tôi đã tự hứa với mình, thậm chí đã đọc thầm lời hứa ấy ở trong chăn, phải giữ trọn lời chứ.

Tôi đọc hết cuốn "Bút ký của người đi săn" thì quả quyết được rằng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói sai rồi. Ý chí của tôi rất kiên cường.

Tôi nghĩ, hay là kiểm nghiệm mình một lần nữa. Giả dụ như mỗi buổi sáng sau khi tập thể dục xong sẽ ra vòi tắm nước lạnh, hoặc là điểm tổng kết cả năm về môn toán phải được "năm". Nhưng tất cả những cái đó tôi đều gác lại đến khi trở lại trường, còn giờ đây chỉ có việc cứ suy nghĩ.

"Em chỉ giỏi tưởng tượng hơn là biết suy nghĩ". Tại sao ông ấy lại nói thế? Có lẽ vì tôi đã quá khoác lác về tài nặn tượng của mình? Như vậy thì bực mình thật. Ca-chi-a mới là kẻ hay tưởng tượng thì nó. Hay là thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã hiểu từ này với nghĩa khác? Tôi quyết định sẽ hỏi lại nếu ông còn đến nữa... Nhưng ông không đến và mãi sau một vài năm tôi mới biết từ đó không phải chỉ có nghĩa là tưởng mình là ghê lắm.

"Anh là người thế nào và sống ở trên đời này để làm gì?" Tôi vừa đọc báo vừa suy nghĩ về vấn đề này. Sau khi vào nằm nhà thương tôi bắt đầu xem báo. Thật là thú vị. Giá đừng có nhiều từ ngoại quốc thì có phải hay bao nhiêu không. Trong những từ ấy tôi cũng đọc thấy từ "tha hóa" và "nước mắt cá sấu".

Cuối cùng bác sĩ I-van I-va-nứt khám bệnh cho tôi lần chót rồi ra viện. Đó là một ngày tuyệt đẹp. Chúng tôi chia tay nhau. Ông ghi cho tôi địa chỉ của ông và dặn tôi đến chơi.

- Nhớ là đừng đến sau ngày hai mươi đấy nhé, - ông vui vẻ nói - Nếu không thì, chú em ạ, chú sẽ không gặp ta đâu...

Tôi xách cái bọc con đi ra khỏi nhà thương. Vừa đi khỏi được một phố tôi đã phải ngồi xuống nghỉ trên một bệ đá ven đường - người còn yếu thật. Nhưng trước mặt tôi, mọi vật đều rất đẹp. Thành phố Mát-xcơ-va lớn quá! Tôi đã quen mất nó rồi. Phố xá sao mà náo nhiệt. Tôi cảm thấy váng đầu chóng mặt, nhưng tôi biết là giờ đây tôi không thể ngã xuống được nữa. Tôi đã khỏe rồi, nhất định phải sống. Tôi đã khỏi bệnh. Vĩnh biệt nhà thương nhé! Chào cái trường học của ta!

Thật tình mà nói thì tôi hơi buồn khi thấy mọi người trong trường đón gặp tôi với vẻ thờ ơ. Chỉ có mỗi mình Rô-ma-sca hỏi tôi:

- Khỏe rồi à?

Nó hỏi với thái độ hơi tiếc là tôi đã không chết.

Va-li-a thì mừng rỡ, song lúc đó nó không còn bụng dạ nào nghĩ đến tôi, vì nó bị mất con nhím. Nó nghi cho Ni-cô-lai An-tô-nứt đã xui bác bếp ném con nhím xuống hố nước bẩn.

- Biết thế mình bán quách nó đi, - Va-li-a rầu rĩ nói. - Có người trả mình hai mươi nhăm cô-pếch. Không bán thì ngốc thật.

Trong thời gian tôi nằm ở nhà thương đã phát hành tiền mới, tiền bằng vàng và bằng bạc.

Ở trại trẻ mọi việc vẫn như cũ, chỉ có cô giáo Xê-ra-phi-ma Pê-trốp-ma lên dạy ở lớp trên, thế chân cô có một thầy giáo tên là Xút-kin. Va-li-a nói rằng ông ta là một người xu nịnh. Ông ta nịnh nọt Ni-cô-lai An-tô-nứt, nịnh nọt cô giáo tiếng Đức, bợ đỡ Ru-giư-tréc và lấy lòng cả học sinh.

Ngược lại trong thời gian nửa năm trời này trong trường đã có nhiều biến đổi lớn. Thứ nhất là trường thu hẹp lại còn được nửa: một số học sinh lớp trên đã chuyển sang trường khác. Thứ

hai là trường được quét vôi và sơn lại rất sáng sủa, không còn nhận ra được những căn phòng bẩn thỉu với những cửa sổ tối tăm và trần nhà đen kịt trước kia nữa. Thứ ba là mọi người đều chỉ nói đến Chi đoàn thanh niên cộng sản. Hiện nay cô Va-ri-a làm bí thư Chi đoàn. Chính cô là người của Ban kinh tế mà năm 1920 thường cầm cái môi to tướng trong tay đi đi lại lại ngoài hành lang. Chắc hẳn cô là một bí thư Chi đoàn rất tốt bởi vì khi tôi trở lại trường tôi thấy cái căn phòng nhỏ của Chi đoàn thanh niên đã trở thành một nơi sôi nổi nhất trong trường chúng tôi.

Tôi chưa phải là đoàn viên thanh niên cộng sản nhưng đến ngày thứ ba sau khi tôi ở nhà thương về đã được cô Va-ri-a giao cho nhiệm vụ vẽ bức tranh cổ động có một chiếc máy bay đang xuyên trong mây và bên dưới đề:

"Các bạn thanh niên, hãy gia nhập Hội những người bạn Không quân!".

Lúc đó những ngón tay tôi vẫn còn run, nhưng tôi cũng hăng hái bắt tay vào làm

Nói tóm lại trong trường lúc này đã hấp dẫn gấp ngàn lần trước kia và tôi cũng lập tức tham gia ngay một lúc vào tất cả các tổ hoạt động và say mê với việc đọc báo tập thể, quên bẵng mất ông bác sĩ I-van I-va-nứt, quên mất cả lời ông dặn là đến chơi nhà ông trước ngày hai mươi tháng Năm.

Chương 14

Đồng năm mươi cô-pếch bằng bạc

Đúng vào hôm mà cuối cùng tôi quyết định đến nhà ông bác sĩ thì ở trường chúng tôi ngay từ tờ mờ sáng đã xôn xao náo động ầm lên. Đã tìm thấy con nhím của Va-li-a. Thì ra nó bò lên trần nhà, và không biết làm sao lại rơi vào cái thùng đựng cải bắp cũ.

Có lẽ nó nhớ ra rằng suốt cả mùa đông nó đã không ngủ, cũng có thể là vì nằm trong thùng suốt hai tuần lễ nên nó yếu đi, trông hình thù nó chả ra sao cả. Dù sao thì cũng phải cố bán nó ngay đi, vì chắc là nó sắp ngoẻo rồi. Khi người ta động vào mũi nó, nó cũng không giấu cái mõm nó đi, không cuộn tròn lại và xù lông ra nữa. Những sợi râu hung hung quanh mồm nó xệ xuống. Tóm lại con nhím này nguy kịch lắm rồi, chỉ còn cách đưa nó đến trường đại học mà thôi. Ở trường đại học có một phòng thí nghiệm thường hay mua nhím. Va-li-a lấy một cái quần cũ gói con nhím mang đi. Một giờ sau nó quay về rầu rĩ ngồi xuống giường.

- Họ sẽ mổ nó, - Va-li-a bảo tôi rồi mím môi mếu sệch để khỏi bật ra tiếng khóc.

- Mổ thế nào?

- Rất đơn giản. Nghĩa là rạch bụng nó rồi moi tất cả các thứ ở trong đó ra. Thương thật.

Chúng tôi cãi nhau một lúc về chuyện có phải ruột gan con nhím nào cũng ở cùng một chỗ như nhau không.

- Thôi đủ rồi, mặc xác nó. Cậu sẽ mua một con khác. Họ trả cậu bao nhiêu?

Va-li-a im lặng mở nắm tay ra. Vì con nhím đã gần tắt thở rồi nên người ta chỉ trả có hai mươi cô-pếch.

- Mình có ba mươi cô-pếch, - tôi nói. - Chúng ta góp nhau lại mua một cái cần câu rút đi.

Tôi cố ý nói đến cái cần câu rút để an ủi cậu ta. Cần câu rút là một loại cần câu có thể xếp ngắn lại được, dây câu cuộn vào một vòng bánh xe con, do đó có thể ném lưỡi câu có mồi ra cách bờ đến bốn mươi thước. Tôi trông thấy thứ này từ hồi còn ở En-xcơ. Lão cảnh sát trưởng ở En-xcơ đã câu cá bằng loại cần câu này.

Chúng tôi góp tiền lại, thậm chí còn đem những đồng tiền mười cô-pếch và năm cô-pếch ra đổi lấy một đồng năm mươi cô-pếch bằng bạc mới toanh. Tôi chưa hề trông thấy đồng năm mươi cô-pếch bằng bạc bao giờ, không hiểu sao loại tiền này rất ít khi thấy.

Câu chuyện con nhím của thằng Va-li-a làm tôi mất bao nhiêu thì giờ. Khi tôi dứt ra để đến thăm ông bác sĩ thì trời đã xẩm tối. Nhà ông ấy ở phố Du-bốp-xki, cách chỗ chúng tôi rất xa. Mà đi tàu điện bây giờ phải mua vé chứ không như hồi năm 1920 nữa. Thế nhưng tôi đi đến tận nơi mà không mất tiền.

Trong căn nhà gác quét vôi trắng có hàng cột sâu tít trong khu vườn ở phố Du-bốp-xki, chỉ còn một cửa sổ còn sáng ánh đèn. Tôi cho rằng đó là ánh đèn ở phòng ông bác sĩ. Nhưng tôi đã

lầm. Thì ra ông bác sĩ ở trên gác ba mà ánh đèn thì lại ở gác hai. Chỗ ông ở là phòng số tám. Đây rồi. Bên dưới số phòng có hàng chữ to viết bằng phấn trắng:

"*Đây là nhà Pa-vơ-lốp chứ không phải nhà Lê-ven-xơn*"

Pa-vơ-lốp - đó chính là bác sĩ I-van I-va-nứt.

Một người đàn bà tay bế con ra mở cửa cho tôi. Bà ấy cứ suỵt luôn mồm chỉ sợ tôi nói to tiếng. Bà hỏi tôi cần gì. Tôi nói. Bà ấy vẫn suỵt suỵt và bảo bác sĩ có nhà nhưng hình như đang ngủ.

- Hay là em cứ gõ cửa xem sao, - bà ấy thì thào. - Có khi chưa ngủ cũng nên.

- Tôi chưa ngủ! - Không biết ông bác sĩ từ đâu nói vọng ra - Ai đấy?

- Có chú bé nào đây này.

- Cho chú ấy vào.

Lần đầu tiên tôi đến nhà ông bác sĩ và rất ngạc nhiên thấy nhà ông bề bộn ngổn ngang. Trên sàn nhà giữa những gói chè và thuốc lá lăn lóc mấy chiếc găng tay da và ủng lông rất đẹp và rất lạ. Khắp phòng toàn những va-li da và ba-lô để ngỏ. Và bác sĩ I-van I-va-nứt đang đứng giữa đống đồ đạc ngổn ngang ấy, tay cầm cái chân máy ảnh.

- A, Xa-nhi-a! - Ông vui vẻ nói. - Em đến đấy à? Thế nào, công việc ra sao? Vẫn sống chứ?

- Vẫn sống ạ.

- Tuyệt! Có ho không?

- Không ạ.

- Giỏi lắm! Chú em này, ta đã viết một bài báo nói về chú đấy.

Tôi cho là ông nói đùa.

- Một hiện tượng câm hiếm, - bác sĩ nói. - Em có thể tìm đọc tờ

"Báo Y học" số mười bảy. Bệnh nhân G. chính là em đấy. Cứ coi như em đã nổi danh rồi. Tất nhiên mới chỉ nổi danh nghĩa một bệnh nhân mà thôi. Nhưng mọi sự còn ở phía trước kia mà.

Ông hát: "Tất cả còn ở phía trước! Tất cả còn đang ở phía trước!" Rồi bỗng nhiên ông chồm tới cái va-li to nhất sập nắp va-li xuống rồi ngồi lên trên để ấn cái nắp xuống cho chặt.

Có lẽ bác sẽ chuẩn bị đi đâu khỏi Mát-xcơ-va. Tôi định hỏi xem ông đi đâu, nhưng tôi lại nghĩ trước hết phải tìm hiểu xem tại sao ngoài cửa ông ấy lại viết đây là nhà ông chứ không phải nhà Lê-ven-xơn.

- Bác I-van I-va-nứt, sao ngoài cửa nhà bác lại viết đây là nhà bác chứ không phải là nhà Lê-ven-xơn?

Ông bác sĩ cười.

- Bởi vì ta sống ở đây, - ông trả lời. - Còn Lê-ven-xơn ở ngôi nhà bên cạnh. Buồng nhà ông ấy số tám, buồng này cũng số tám. Nhưng lại vào chung một cổng. Chú có hiểu không?

- Hiểu ạ.

Hôm ấy bác sĩ nói chuyện rất nhiều. Tôi chưa bao giờ thấy ông vui vẻ như hôm đó. Bỗng ông nảy ra quyết định là phải tặng tôi một vật gì để làm kỷ niệm nên đưa cho tôi đôi găng tay bằng da tuy đã cũ nhưng còn tốt lắm, có nẹp gài ở cổ tay. Tôi toan từ chối, nhưng ông ấy chẳng nói dài dòng, cứ nhét đôi găng tay cho tôi rồi nói:

- Cầm lấy và im đi.

Đáng lẽ tôi phải cám ơn ông đã cho tôi đôi găng tay nhưng thay cho lời cám ơn tôi hỏi ông:

- Bác chuẩn bị đi đâu thế? Đi khỏi nơi đây à?

- Ta sắp đi, bác sĩ trả lời. - Lên Cực bắc, ra ngoài vòng Bắc cực. Em đã nghe nói đến bao giờ chưa?

Tôi lờ mờ nhớ lại bức thư của người hoa tiêu tàu biển viễn dương.

- Em có nghe nói.

- Hay lắm. Chú em ạ. Ta có người vợ chưa cưới ở trên đó. Em có biết thế là thế nào không?

- Em biết.

- Nói khoác. Em biết nhưng chưa hiểu hết đâu.

Tôi bắt đầu quan sát những vật lạ mắt mà ông chuẩn bị mang theo. Những chiếc quần lông có vá đũng bằng da, những cái đế giày bằng sắt có dây da, vân vân. Bác sĩ vừa xếp sắp đồ đạc vừa nói chuyện luôn mồm. Có một chiếc va-li làm thế nào cũng không đóng lại được. Ông cầm lấy cái nắp trên rồi đổ tất cả đồ đạc ra giường. Một tấm ảnh to rơi xuống chân tôi. Đó là một tấm ảnh cũ đã ngả màu vàng và đã bị gấp mấy chỗ. Đằng sau tấm ảnh có dòng chữ nét tròn và to: "Toàn đội thủy thủ tàu "Xanh Ma-ri". Tôi ngắm kỹ tấm ảnh và rất ngạc nhiên thấy có cả bố Ca-chi-a cũng ở đấy. Đúng là ông ấy! Ông ngồi chính giữa, hai tay khoanh trước ngực, hệt như tấm ảnh treo ở phòng ăn gia đình nhà Ta-ta-ri-nốp. Nhưng trên tấm ảnh này tôi không tìm thấy ông bác sĩ đâu cả, tôi bèn hỏi sao trong ảnh không có ông ấy.

- Chú em ạ, bởi vì tôi không cùng đi trên chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri", - bác sĩ thở phì phò, siết dây đai va-li và nói.

Ông cầm tấm ảnh ở tay rồi nghĩ xem nên cất vào đâu.

- Có một người cho làm kỷ niệm.

Tôi định hỏi xem người đó là ai, có phải là bố Ca-chi-a không,

nhưng ông đã nhét tấm ảnh vào trong quyển sách và bỏ quyển sách vào ba-lô.

- Thôi nhé, Xa-nhi-a, - ông nói, - ta phải đi đây! Sau này em viết thư cho ta kể chuyện em làm được những việc gì, bản thân ra sao... Chú em ạ, phải nhớ rằng chú là một trường hợp rất thú vị đấy!

Tôi ghi lại địa chỉ của ông rồi chúng tôi chia tay.

Tôi cuốc bộ về nhà. Dọc đường tôi đi vòng đến phố Tve-rơ-xcai-a để nghe truyền thanh. Đây là chiếc loa truyền thanh đầu tiên của Mát-xcơ-va. Nó thật là hay. Chỉ tội cái tiếng to quá,làm tôi nhớ đến Gri-sca Pha-be trong vở bi kịch "Thời gian đã đến".

Tôi về đến trại trẻ thì đã gần mười một giờ. Tôi hơi lo, sợ trại đóng cửa. Nhưng không. Cửa vẫn mở. Tất cả các cửa sổ đều sáng ánh đèn, có việc gì xảy ra vậy?

Tôi chạy vụt vào phòng ngủ như tên bắn. Phòng rỗng không! Giường nào cũng đều trải đệm cả, chắc mọi người đã chuẩn bị ngủ rồi!

- Bác Pê-chi-a! - Tôi nhìn thấy bác bếp liền gọi ngay. Bác mặc bộ quần áo mới, tay cầm cái mũ dạ, đi từ trong bếp ra. - Có chuyện gì xảy ra thế?

- Người ta mời họp. - Bác bếp thì thào ra vẻ bí mật.

- Họp gì? Ở đâu?

- Họp đại hội toàn thể giáo viên, công nhân viên chức và học sinh, - bác bếp vẫn nói vẻ bí mật như lúc nãy.

Có lẽ bác ấy đã ngồi ngủ gật một lúc rồi nên nói mỗi câu lại díp mắt lại. Bác ấy toan giải thích cho tôi rằng một khi bác được mời đi họp thì cũng phải ăn mặc ra hồn nhưng tôi đã chạy lên trường.

Trong giảng đường lớn chậtních, giá có quả táo rơi cũng không

có chỗ lọt, mà còn nhiều học sinh đứng ngoài cửa ra vào, ở dọc hành lang. Nhưng tôi vẫn luồn vào được và ngồi ngay hàng đầu. Song không phải là ngồi trên ghế mà ngồi bệt xuống đất.

Đó là một cuộc họp long trọng do cô Va-ri-a làm chủ tọa. Má cô đỏ hồng, cô ngồi trên bàn chủ tịch đoàn, tay cầm bút chì, cô luôn luôn hất mớ tóc xõa trước mặt ra đằng sau. Đây là lần đầu tiên cô làm chủ tịch một cuộc họp lớn nên cũng dễ hiểu tại sao cô lại xúc động đến thế. Những học sinh khác trong Chi đoàn thanh niên cộng sản ngồi hai bên cạnh cô, đang chăm chú ghi chép gì đó. Trên đầu họ, phía bên trên bàn chủ tịch đoàn, phía trên cả phòng họp có treo một bức tranh cổ động của tôi. Tôi vui sướng đến nghẹn ngào. Đây là bức tranh cổ động của tôi - một chiếc máy bay đang lượn trong mây và bên dưới có hàng chữ:

"Các bạn thanh niên, hãy gia nhập Hội những người bạn của Không quân!".

Nhưng đem treo bức tranh cổ động của tôi ở đây có tác dụng gì thì mãi tôi vẫn không hiểu nổi, vì những người lên phát biểu ý kiến chỉ toàn nói đến cái tối hậu thư nào đó. Nhưng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã lên phát biểu ý kiến và mọi sự trở nên rõ ràng.

- Các đồng chí! - Tiếng thầy không to nhưng rất rành rọt. - Chính phủ Xô Viết nhận được một tối hậu thư. Nói chung mọi người đều đã đánh giá rất đúng ý nghĩa của cái văn kiện này. Theo quan điểm của các bạn thì tác giả của những văn kiện ấy chính là những tên đế quốc điển hình. Điều đó hoàn toàn đúng. Song nếu cho rằng bản thân chúng không biết điều này hoặc giả cho rằng lần đầu tiên chúng được nghe những điều này ở các bạn thì là hoàn toàn sai. Không, chúng ta phải dùng những biện pháp khác để trả lời cho cái tối hậu thư ấy! Chúng ta phải tổ chức ở trong trường phân hội những người bạn của Không quân!

Mọi người vỗ tay nhiệt liệt, sau đó thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cứ nói

xong một câu là mọi người lại vỗ tay. Cuối cùng ông còn chỉ lên bức tranh cổ động của tôi. Tôi kiêu hãnh cảm thấy toàn trường đều nhìn lên bức tranh chiếc máy bay đang bay lượn trong mây do tôi vẽ và đều đọc hàng chữ: “Các bạn thanh niên, hãy gia nhập Hội những người bạn của Không quân!”

Kế đó Ni-cô-lai An-tô-nứt lên phát biểu và ông nói cũng rất hay. Sau đó cô Va-ri-a tuyên bố tất cả Chi đoàn thanh niên cộng sản đều gia nhập “Hội những người bạn của Không quân”. Những ai muốn gia nhập Hội thì ngày mai từ mười giờ sáng đến mười giờ tối đến chỗ cô để ghi tên. Còn bây giờ cô đề nghị mở một cuộc lạc quyên ủng hộ Không quân Xô Viết. Số tiền thu được sẽ gửi cho tòa soạn báo “Sự thật”.

Chắc lúc đó tôi rất xúc động nên Va-li-a nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi móc túi lấy đồng năm mươi cô-pếch bằng bạc giơ cho nó xem. Nó hiểu. Nó đang định nói gì đó, chắc là chuyện cái cần câu rút. Nhưng nó lại ghìm được và chỉ gật đầu.

Tôi chạy lên sân khấu đưa đồng năm mươi cô-pếch cho cô Va-ri-a.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi nói với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp khi thầy đứng ngoài hành lang hút thuốc bằng cái bót dài. - Thầy cho em biết bao nhiêu tuổi mới được tuyển làm phi công ạ?

Ông nghiêm nghị nhìn tôi.

- Tôi không biết, Xa-nhi-a ạ. Như em thì chắc người ta không nhận đâu...

Không nhận? Tôi nhớ đến lời thề mà tôi và Pê-chi-a đã nguyện với nhau ở vườn Nhà thờ: “Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng!” Nhưng tôi chẳng nói ra. Có nói thì thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng chẳng hiểu được lời thề ấy.

Phần thứ ba

NHỮNG LÁ THƯ CŨ

Chương 1

Bốn năm

Tôi như đang xem một bộ phim câm cũ kỹ, trong óc tôi tưởng tượng ra một cái đồng hồ khổng lồ, có điều chiếc kim dài của cái đồng hồ này chỉ năm. Nó quay trọn một vòng thì tôi thấy mình đang ngồi học giờ giảng của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, cùng ngồi một bàn với Rô-ma-sca. Tôi đánh cuộc với Rô-ma-sca, để cho hắn lấy con dao con cứa ngón tay tôi, tôi quyết không kêu đau, cũng không rụt tay lại. Đây là cuộc thử thách ý chí. Căn cứ vào "Các nguyên tắc phát triển ý chí" thì tôi phải luyện tập để "không bộc lộ tình cảm của mình". Tối nào tôi cũng phải ôn lại các nguyên tắc ấy. Cuối cùng có một cơ hội tốt thế này, tôi kiểm nghiệm lại mình.

Mặc dù bài học hôm nay rất thú vị nói về phong tục tập quán của người Trúc-tri. Song cả lớp chả có ai nghe thầy Cô-ra-bơ-li-ốp giảng bài, mọi người đều chăm chú nhìn chúng tôi.

- Cứa đi, - tôi nói với Rô-ma-sca.

Cái thằng khốn kiếp ấy cầm con dao lạnh lùng cứa vào ngón tay tôi một cái. Tôi không kêu nhưng bất giác rụt tay lại. Thế là tôi thua cuộc.

Có người bật kêu lên, thế là tiếng thì thào lan từ bàn này

sang bàn khác. Máu tươi chảy ra. Tôi cố tình cười thật to, tỏ ra mình không đau tí nào cả. Bỗng nhiên thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đuổi tôi ra khỏi lớp. Tôi bước ra tay đút vào túi quần.

- Em có thể ra hẳn không cần quay lại nữa.

Nhưng tôi vẫn quay lại. Bài học ấy thật là thú vị, tôi ngồi bệt xuống sàn bên cạnh cửa để nghe bài giảng...

Nguyên tắc phát biểu ý chí! Tôi đã vật lộn với những nguyên tắc ấy mất một năm. Tôi không những đã thí nghiệm việc "giấu kín tình cảm của mình" mà còn "không thèm để ý đến những ý kiến của những kẻ mà mình khinh thường". Tôi không nhớ rõ trong hai điều này thì điều nào khó hơn. Có lẽ điều thứ nhất, bởi vì lúc đó tôi còn tình cảm hoặc ý nghĩ gì là lộ ngay ra trên mặt.

"Phải cố gắng ngủ ít đi bởi vì khi ngủ không có ý chí", - đối với một người như tôi thì điều này cũng chẳng phải là vấn đề khó khăn. Tôi đã rèn luyện được "phải xác định kế hoạch hàng ngày ngay từ sáng sớm". Suốt cả đời tôi đã tuân theo quy tắc này.

Còn về cái nguyên tắc chủ yếu "nhớ kỹ mục đích cuộc sống của mình" thì tôi chẳng cần phải thường xuyên ôn tập bởi vì ngay từ những năm ấy mục đích sống của tôi đã rõ ràng rồi...

Chiếc kim dài lại quay đúng một vòng nữa. Đó là một buổi sớm tinh mơ vào một ngày mùa đông năm một nghìn chín trăm hai mươi lăm. Tôi thức giấc sớm hơn mọi người, nhưng vẫn còn nằm trên giường mơ màng không biết còn ngủ hay đã dậy thật rồi. Như đang trong giấc mộng, trước mắt tôi hiện lên quê hương En-xcơ, bức tường thành pháo đài, chiếc cầu phao, những ngôi nhà trên bờ sông thoai thoải, Gai-e Cu-li, ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp dì Đa-sa hay đọc những bức thư của người khác với một vẻ sành sỏi và tôi - vừa lùn vừa bé, đầu cắt tóc ngắn, mặc chiếc quần rộng thùng thình. Thôi đi, tôi mà lại thế à?

Tôi nằm và suy nghĩ nửa tỉnh nửa mê. En-xcơ cùng với những

bức thư người lạ. Gai-e, dì Đa-sa dần dần mờ đi. Tôi nghĩ đến những người trong gia đình Ta-ta-ri-nốp. Đã hai năm tôi không đến nhà này. Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn còn căm tức tôi. Tên họ tôi làm gì có âm rít thế mà mỗi lần ông ta gọi đều rít lên. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na vẫn quý tôi. Mới đây cụ nhờ thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chuyển lời "chào và thăm hỏi" tôi. Không biết bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na ra sao? Chắc vẫn ngồi trên đi-văng hút thuốc lá? Còn Ca-chi-a nữa?

Tôi nhìn lên đồng hồ. Đã sắp bảy giờ. Phải dậy thôi, tôi đã tự hứa với mình là phải ra khỏi giường trước khi kẻng dậy. Tôi rón rén chạy sang phòng rửa mặt, đứng tập thể dục trước cửa sổ mở toang. Trời rất lạnh. Những bông tuyết nhỏ bay vào trong cửa sổ, xoáy tròn rồi rơi trên vai tôi và tan đi. Tôi rửa nửa người trên rồi đi đọc sách. Tôi đang đọc cuốn sách tuyệt vời nói về Nam cực của A-mun-xen[1]. Tôi đọc lần này đã là lần thứ tư.

Khi Nan-xen[2] hoàn thành chuyến đi biển nổi tiếng thì A-mun-xen mới có mười bảy tuổi, tác giả kể lại tâm tình của mình khi đón Nan-xen trở về; suốt ngày hôm đó ông đi giữa đám người đi đón hò hét "u-ra", qua các phố có cắm cờ. Những mạch máu hai bên thái dương đập mạnh, những mơ ước của tuổi thanh niên dậy lên như một con bão lốc trong tâm hồn ông.

Cơn giá lạnh thấm vào vai tôi, vào lưng, vào chân và thậm chí đến da bụng cũng nổi gai lên. Tôi tiếp tục đọc, chỉ sợ bỏ sót mất chữ nào. Từ trong bếp đã vọng ra tiếng xôn xao, các cô gái vừa nói chuyện vừa đi vào nhà ăn, tay cầm bát đĩa, nhưng tôi vẫn cứ đọc. Mặt tôi nóng bừng lên, mạch máu hai bên thái dương đập mạnh, nhưng tôi vẫn tiếp tục đọc với niềm xúc động và phấn chấn. Tôi biết rằng tôi sẽ nhớ mãi phút này...

(1) D. A-mun-xen (1872 - 1928) nhà du lịch và thám hiểm Na-uy. - N.D.

(2) F. Nam-xen (1861 - 1930) nhà hải dương học, nhà thám hiểm Bắc cực người Na-uy - N.D.

Chiếc kim dài của cái đồng hồ lớn lại quay thêm một vòng nữa. Tôi thấy mình ở trong một căn phòng nhỏ rất quen thuộc. Suốt ba năm qua hầu như chiều nào tôi cũng có mặt ở đây. Theo sự phân công của Chi đoàn thanh niên cộng sản, lần đầu tiên tôi hướng dẫn tổ đọc báo tập thể. Lần đầu tiên thật là đáng sợ. Tôi biết "tình hình trước mắt", "chính sách dân tộc", "các vấn đề quốc tế". Nhưng tôi còn biết rõ hơn những kỷ lục thế giới về bay cao, bay lâu và bay xa. Nhỡ có ai hỏi tôi về việc giảm giá thì sao? Tuy nhiên mọi việc rồi cũng xong. Có ai trong bọn con gái yêu cầu tôi kể cuộc đời của Lê-nin. Gì chứ, tiểu sử Lê-nin thì tôi biết rõ lắm.

Trong căn phòng của Chi đoàn thanh niên cộng sản mỗi lúc càng chật thêm. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đứng ở ngoài cửa chăm chú nghe tôi nói. Ông đưa mấy ngón tay vuốt bộ ria, hay quá, thế nghĩa là ông ấy rất hài lòng. Cảm giác vui sướng và tự hào ấy xâm chiếm lòng tôi. Tôi vừa nói vừa ngạc nhiên nghĩ: "Ồ, mình nói hay quá!"

Nếu không kể cái lần lật đổ sự lãnh đạo của Sti-ô-pa I-va-nốp ở bên đống lửa thì đây là lần đầu tiên tôi có một hoạt động trước mặt mọi người. Xem ra tôi đã thành công. Ngày hôm sau giáo viên chính trị gọi tôi lên, đề nghị tôi nhắc lại tiểu sử Lê-nin và nói: "Nếu tôi có bị ốm thì Xa-nhi-a Gri-gô-ri-ép sẽ thay tôi".

Chiếc kim đồng hồ lại quay một vòng nữa. Và tôi đã mười bảy tuổi.

Toàn trường tập trung ở giảng đường lớn. Các thẩm phán của tòa án ngồi sau chiếc bàn đỏ to. Bên tay trái là ghế của trạng sư, bên phải là ghế của công tố uỷ viên, trước vành móng ngựa là một bị cáo.

- Bị cáo, tên anh là gì? - Chánh án hỏi.

- Ép-ghê-ni.

- Họ gì?

- Ô-nê-ghin.

Đó là một ngày đáng ghi nhớ.

Chương 2

Phiên tòa xử Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin

Lúc đầu ở trong trường chẳng ai nghĩ đến cái trò này cả. Nhưng khi một diễn viên trong đội kịch của chúng tôi đề nghị dựng vở "Phiên tòa xử Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin" thành kịch nói rồi hóa trang lên diễn thì cả trường lại chỉ nói đến nó.

Gri-sca Pha-be được mời đóng vai chính. Cậu ta đã đi học ở trường nghiệp vụ sân khấu được một năm. Nhưng vì các kỷ niệm cũ nên thỉnh thoảng cậu ta vẫn về trường xem những vở kịch chúng tôi diễn lần đầu. Các nhân chứng do diễn viên của chúng tôi tự đóng. Không tìm đâu ra bộ quần áo cho chị vú nuôi của gia đình La-ri-nốp, cho nên phải thuyết minh rằng quần áo của người vú nuôi ở thời đại Pu-skin cũng giống như thời bây giờ. Vai trạng sư do Va-li-a đóng. Vai công tố ủy viên do thầy giáo Xút-kin của chúng tôi đóng. Chánh án là tôi...

Phạm nhân đeo tóc giả, mặc chiếc áo dài xanh, đi giày có nơ, bít tất cao đến tận đầu gối, ngồi trên ghế bị cáo, tay cầm cây bút chì gẫy điềm nhiên cạy móng tay. Đôi khi hắn vênh váo đồng thời cũng có vẻ thẫn thờ nhìn khán giả và các quan tòa. Chắc

hắn cho rằng nếu ở vào tình trạng này thì Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin cũng sẽ làm như thế.

Cụ La-ri-na cùng với mấy người con gái và chị vú nuôi ngồi ở trong phòng nhân chứng (phòng nghỉ cũ của các giáo viên). Trái lại những người này lại rất hồi hộp, đặc biệt là chị vú nuôi, so với lứa tuổi của mình thì rõ ràng là trẻ quá và đẹp quá. Người trạng sư cũng rất xúc động không hiểu tại sao lúc nào ông ta cũng ôm kè kè cặp hồ sơ dày cộm. Vật chứng là hai khẩu súng lục kiểu cổ đặt trên mặt bàn trước mặt tôi. Ở sau lưng, tôi nghe rõ tiếng các đạo diễn thì thào nhắc hối hả...

- Ngươi có thừa nhận là người phạm tội không? - tôi hỏi Gri-sca.

- Tội gì?

- Dùng hình thức đấu súng để giết người. - Người đạo diễn khẽ nhắc.

- Dùng hình thức đấu súng để giết người, - tôi nói xong thì nhìn vào lời luận tội và nói tiếp. - Giết Vla-đi-mia Len-xki, một nhà thơ mười tám tuổi.

- Không bao giờ! - Gri-sca vênh váo trả lời. - Các ngài nên phân biệt đấu súng khác với giết người.

- Đã vậy thì chúng ta bắt đầu thẩm vấn các nhân chứng, - tôi tuyên bố. - Nữ công dân La-ri-na, bà có thể chỉ dẫn được gì trong việc này?

Khi diễn tập thì đoạn này rất sinh động, nhưng đến bây giờ thì mọi người bất giác cảm thấy diễn không đạt. Chỉ có Gri-sca là như cá gặp nước, lúc thì hắn rút cái lược ra chải hai bên râu má, lúc lại chăm chăm nhìn các quan tòa với vẻ trách móc, lúc thì hắn ngửa mặt lên mỉm cười miệt thị. Khi nhân chứng là cụ La-ri-na nói rằng Ô-nê-ghin ở nhà cụ được coi như người thân

thích thì Gri-sca lấy một tay che mắt, một tay đặt lên ngực để tỏ ra rằng hắn rất đau khổ. Hắn đóng vai này rất cừ. Tôi thấy các nhân chứng là đàn bà, đặc biệt là Ta-chi-a-na và On-ga cứ dán mắt nhìn hắn. Về Ta-chi-a-na còn khả dĩ, bởi vì theo truyện thì Ta-chi-a-na có yêu hắn. Nhưng On-ga thì hoàn toàn lạc mất vai của cô ta. Khán giả cũng chỉ toàn nhìn vào Gri-sca, chẳng ai chú ý đến chúng tôi cả.

Tôi bảo nữ nhân chứng La-ri-na ngồi xuống và gọi đến tên Ta-chi-a-na. Trời ơi, cô ta tuôn ra luôn một tràng! Cô ta chẳng giống nhân vật Ta-chi-a-na của Pu-skin tý nào, họa chăng chỉ được cái trùng tên là Ta-chi-a-na và những món tóc quăn rủ xuống vai là còn tàm tạm. Khi tôi hỏi cô ta có cho rằng Ô-nê-ghin phạm tội giết người không thì cô ta trả lời quanh co rằng Ô-nê-ghin là một tên ích kỷ.

Tôi để cho viên trạng sư nói. Bắt đầu từ phút này trở đi tất cả đều đảo lộn tùng phèo lên hết. Thứ nhất là viên trạng sư nói lăng nhăng chẳng đâu vào đâu cả. Thứ hai là tôi nom thấy Ca-chi-a.

Tất nhiên bốn năm qua cô đã thay đổi quá nhiều. Nhưng cái đuôi sam vắt đằng trước ngực thì vẫn cuộn lại và trên trán cũng vẫn những vòng tóc như trước. Cô ta vẫn nheo mắt ra vẻ người lớn như trước và cái mũi vẫn hếch lên. Có lẽ đến một trăm năm sau nữa tôi vẫn có thể nhận được ra cô bằng cái mũi này.

Cô chăm chú lắng nghe Va-li-a cãi. Giao cho Va-li-a đóng vai trạng sư thật là một sai lầm lớn, bởi vì trên trái đất này nó chỉ thích có môn động vật mà thôi. Nó mở đầu bằng lời khẳng định kỳ quặc rằng: trong thế giới động vật cũng có đấu tay đôi luôn, nhưng có ai bảo rằng chúng mưu sát nhau đâu. Rồi nó lại nói đến những con vật thuộc loài gặm nhấm và say sưa phát triển để

tài này đến nỗi không thể tưởng tượng được nó làm thế nào để trở lại vấn đề biện hộ cho Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin. Nhưng Ca-chi-a nghe nó một cách thích thú. Theo kinh nghiệm mấy năm trước thì tôi biết rằng khi nào cô cắn tóc ở đầu đuôi sam là cô đang thích thú. Trong bọn con gái chỉ có mình cô là không hề chú ý gì đến Gri-sca.

Va-li-a đột ngột kết thúc bài cãi và đến lượt công tố viên nói. Lúc này mới thật là tẻ ngắt. Viên công tố nói đúng một tiếng đồng hồ, chứng minh rằng Len-xki tay bị xã hội địa chủ quan liêu của nửa đầu thế kỷ thứ mười chín giết chết, nhưng Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin vẫn phải chịu toàn bộ trách nhiệm về vụ giết người này, "bởi vì bất cứ cuộc quyết đấu nào cũng đều là giết người cả, chẳng qua chỉ là có âm mưu trước mà thôi".

Tóm lại viên công tố cho rằng cần xử phạt Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin mười năm tù và tịch thu toàn bộ tài sản.

Thật không ai ngờ lại có lời kết tội đến như vậy nên cả hội trường cười rộ lên. Gri-sca kiêu hãnh đứng bật dậy... Tôi cho phép hắn nói.

Người ta cho rằng diễn viên có thể cảm thấy được tâm trạng của khán giả. Chắc rằng lúc đó Gri-sca đã cảm thấy được, nên ngay câu đầu tiên hắn đã bắt đầu gào lên. Về sau hắn giải thích rằng làm như thế là để "cổ vũ hộ trường". Song hắn đã không "cổ vũ được hội trường". Trong lời lẽ của hắn có một nhược điểm: không sao hiểu được là hắn đang nhân danh mình hay nhân danh Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin mà nói. Chẳng lẽ Ô-nê-ghin lại có thể nói được câu "Len-xki có khuyết điểm tự cao tự đại" hay là "ngay như bây giờ nếu cần đâm trúng tim Vla-đi-mia Len-xki cũng không run tay".

Tóm lại, khi hắn hoàn toàn tự mãn ngồi xuống lấy khăn tay lau trán thì mọi người thở phào nhẹ nhõm.

- Tòa ngừng xử để vào hội thẩm.

- Nhanh lên một tí, các cậu!

- Chán ngắt!

- Kéo dài quá đấy!

Những điều ấy đều rất đúng. Chẳng ai bảo ai, tất cả chúng tôi cùng quyết định kết thúc chớp nhoáng cuộc hội thẩm. Điều làm tôi kinh ngạc là đại đa số quan tòa đều đồng ý với viên công tố xử mười năm tù và tịch thu toàn bộ tài sản. Rất rõ ràng là cái án này chẳng có liên quan gì đến Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin cả. Mười năm tù là người ta muốn xử Gri-sca bởi vì ngoài hai nữ nhân chứng là Ta-chi-a-na và On-ga ra, tất cả đều đã chán hắn rồi. Nhưng tôi nói như vậy là không công bằng: dù sao thì Gri-sca cũng diễn rất khá, không có cậu ta thì vở kịch sẽ chán ngắt. Cuối cùng mọi người đều tán thành xử hắn năm năm tù.

- Nghiêm! Tòa ra xử!

Mọi người đứng dậy. Tôi đọc bản án.

- Không đúng!

- Phải tuyên bố vô tội!

- Đả đảo!

- Thôi được, các bạn, - tôi tiu nghỉu nói. - Tôi cũng cho rằng không đúng. Tôi cho rằng nên tuyên bố cho Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin vô tội và phải tỏ lời cám ơn bạn Gri-sca. Ai tán thành.

Mọi người cười vang và giơ tay tán thành.

- Nhất trí thông qua. Phiên tòa bế mạc.

Tôi hết sức bực mình. Đi nhận lấy cái việc này làm gì. Đáng

lẽ phải biến đoạn kịch xử án này thành một trò cười. Nhưng làm thế nào? Tôi chắc mọi người đều thấy tôi vụng về và đần độn.

Với tâm trạng buồn bã đó tôi đi ra phòng gửi áo ngoài thì lại gặp Ca-chi-a. Cô ấy vừa lấy áo măng-tô và đang chen ra chỗ thưa người ở gần lối ra.

- Chào bạn! - Cô nói và cười. - Cầm giúp mình cái áo khoác này một tí. Thế cũng gọi là tòa án!

Cô ta nói câu này với giọng tự nhiên cứ như mới tối hôm qua chúng tôi vẫn còn gặp nhau ấy.

- Chào cậu! - Tôi buồn rầu đáp.

Cô nhìn tôi ra vẻ rất thú vị.

- Xem bạn đã thay đổi thế nào rồi!

- Thế sao?

- Kiêu hãnh tợn. Này, lấy áo bành-tô rồi cùng đi.

- Đi đâu?

- Trời, lại còn hỏi đi đâu nữa! Đến đầu đường này thôi cũng được. Cậu chẳng lịch sự lắm nhỉ?

Tôi cứ thế không mặc áo choàng, cùng cô ta đi ra. Nhưng đến đầu cầu thang thì cô bắt tôi quay lại:

- Trời lạnh mà, gió cũng rất to...

Tôi chạy theo đến góc phố Tve-rơ-xcai-a và vườn hoa Tri-um-phan-nai-a thì đuổi kịp cô ta. Tôi đã nhớ mãi hình ảnh cô lúc này.

Cô đội cái mũ bịt tai màu tro nhưng không buộc dây xuống cằm. Trong lúc tôi về trường rồi quay lại thì những vòng tóc trên trán cô đã có một lớp sương. Gió thổi tung tà áo khoác của cô, cô đứng hơi nghiêng mình, tay đè lên giữ vạt áo. Người cô tầm thước

rất cân đối, có lẽ cũng rất đẹp nữa. Sở dĩ tôi nói "có lẽ" là vì lúc đó tôi không nghĩ đến điều này. Tất nhiên ở trong trường chúng tôi không có một đứa con gái nào lại dám ra lệnh cho tôi: "Lấy áo bành-tô rồi cùng đi!"

Nhưng đó lại chính là cô bé Ca-chi-a mà tôi đã nắm lấy đuôi sam và gí mũi xuống tuyết. Dù sao đó cũng là Ca-chi-a!

Ca-chi-a ở chỗ chúng tôi có hai tiếng đồng hồ mà biết được mọi việc trong trường tôi. Cô rất thương tiếc Brôi-man, người giáo viên dạy vẽ mà ai cũng mến đã qua đời. Ca-chi-a biết mọi người đều cười cô giáo tiếng Đức, già rồi mới cắt tóc ngắn và đánh môi son. Cô ấy nói với tôi về nội dung số báo tường mà chúng tôi sắp ra. Thì ra đây là số báo đặc biệt về phiên tòa xử Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin. Có một bức biếm họa đã được truyền tay nhau. Bức tranh vẽ cậu Va-li-a đứng dưới hàng chữ "Trong giới động vật cũng có những trận quyết đấu" và đang can hai con chó cắn nhau. Gri-sca Pha-be thì tay cầm cái lược, đắm đuối nhìn hai nữ nhân chứng Ta-chi-a-na và On-ga.

- Này, tại sao mọi người gọi cậu là thuyền trưởng? Cậu muốn vào học trường Hàng hải phải không?

- Mình cũng chưa biết, - tôi nói, mặc dù cách đây rất lâu tôi đã biết là mình sẽ xin vào học trường Hàng không chứ không phải trường Hàng hải.

Tôi tiễn cô đến tận cổng ngôi nhà mà tôi rất quen thuộc. Cô mời vào.

- Không tiện.

- Tại sao? Việc cậu và Ni-cô-lai An-tô-nứt có quan hệ không tốt với nhau thì liên quan gì đến mình đâu. Bà mình nhắc đến cậu luôn. Đi vào nhé?

- Không, không tiện.

Ca-chi-a lạnh lùng nhún vai.

- Thôi được, tùy cậu?

Tôi đuổi theo cô đến sân.

- Ca-chi-a, cậu ngốc lắm, - tôi nói với cô. - Mình đã bảo là không tiện. Tốt nhất là chúng mình sẽ cùng đi chơi đâu, được không? Đến sân băng nhé?

Ca-chi-a nhìn tôi, bỗng cô ta vênh mặt lên như hồi còn nhỏ cô thường làm.

- Để mình nghĩ xem sao, - cô nói vẻ quan trọng. - Khoảng bốn giờ chiều mai gọi dây nói cho mình. Phù, sao mà lạnh thế, đến răng cũng tê cứng lại.

Chương 3

Trên sân trượt băng

Từ những năm say sưa đọc A-mun-xen, trong óc tôi nảy ra một ý nghĩ hết sức đơn giản như thế này: nếu đáp máy bay thì A-mun-xen đến được Nam cực nhanh hơn rất nhiều. Hết ngày này qua ngày khác, ông ta chật vật nhích dần từng tí giữa vùng mênh mông tuyết trắng. Suốt hai tháng ròng, ông đi theo những con chó và cuối cùng những con chó ấy cũng ăn thịt nhau hết. Nếu ông đáp máy bay thì chỉ một ngày đêm là có thể đến được Nam cực. Ông ấy sẽ không có đủ bạn bè và những người thân thích để đặt tên cho những ngọn núi, những dải băng, những cao nguyên mà ông có thể phát hiện ra trong chuyến bay này.

Ngày nào tôi cũng ghi chép lại rất nhiều tài liệu trích từ các cuộc thám hiểm Bắc cực và Nam cực. Tôi cắt ở báo ra những đoạn tin nói về các chuyến bay đầu tiên lên Bắc cực trước đây rồi dán vào một quyển sổ kế toán cũ. Trên trang đầu của cuốn sổ này có viết tên chiếc tàu buồm của A-mun-xen "Tiến lên". Chiếc tàu buồm "Tiến lên" - ông nói - quả thật là cứ lao tới phía trước "Nan-xen viết về A-mun-xen". Do đó "Tiến lên" đã trở thành

phương châm của tôi hồi đó. Tôi tưởng rằng mình ngồi trên máy bay đi theo Xcốt, Séc-tôn, Rô-béc Pi-ri, tham gia tất cả mọi hành trình. Mà một khi trong tay tôi đã có máy bay thì cũng phải xem xét cấu tạo của nó.

Chiểu theo điều thứ ba trong bản qui tắc của tôi, - "đã quyết là làm", - tôi đọc hết cuốn "Nguyên lý chế tạo máy bay". Chà, thật là một cực hình! Những chỗ nào không hiểu thì tôi học thuộc lòng để làm vốn.

Ngày nào tôi cũng tháo lắp cái máy bay tưởng tượng của tôi. Tôi nghiên cứu cái động cơ máy nổ và cánh quạt của nó. Tôi trang bị cho nó những nghi khí tối tân nhất. Tôi thuộc lòng nó như năm đầu ngón tay của mình. Chỉ còn một điều chưa biết là làm thế nào để lái nó bay đi. Song chính vì vậy mà tôi muốn học cho được.

Tôi giữ bí mật quyết tâm này của tôi với tất cả mọi người. Ngay cả thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng không biết. Trong trường ai cũng cho rằng tôi hay thích nhiều thứ, còn tôi thì không muốn người ta nói đến ngành Hàng không của tôi là một "hứng thú mới". Đây không phải là hứng thú. Tôi cho rằng tôi đã quyết định làm phi công từ hồi còn ở En-xcơ, từ hôm tôi và thằng Pê-chi-a nằm ở vườn Nhà thờ, dang rộng hai tay ra và cố nhìn thấy trăng sao giữa ban ngày. Lúc đó có một chiếc máy bay màu xám giống hệt như con cá có cánh nhẹ nhàng lướt qua đám mây và biến mất ở phía bên kia sông Pét-trin-ca. Tất nhiên đó chỉ là tôi tưởng thế thôi. Dù sao thì cũng không phải vô cớ mà tôi đã ghi nhớ mãi chiếc máy bay ấy. Chắc hẳn lúc đó đúng là tôi đã bắt đầu suy nghĩ đến những chuyện mà bây giờ đang choán hết đầu óc tôi.

Thế là tôi giữ bí mật điều này với tất cả mọi người. Thế rồi bỗng nhiên có lần tôi đã tiết lộ ra. Tiết lộ với ai. Với Ca-chi-a.

Hôm đó từ sáng sớm, chúng tôi đã hẹn nhau đi trượt băng. Nhưng có nhiều việc cứ làm cản trở chúng tôi. Lúc thì Ca-chi-a hoãn lại, lúc thì tôi lại có việc. Cuối cùng chúng tôi cũng gặp nhau và cùng đi. Song cuộc trượt băng lúc đầu cũng chuệch choạc. Thứ nhất là vì sân băng đã bị tuyết phủ đầy người ta đang quét dọn sân băng, cho nên đành phải ngồi chờ nửa tiếng đồng hồ ngoài trời băng giá. Thứ hai là vì chúng tôi vừa trượt được vòng đầu tiên thì gót giày trượt băng của Ca-chi-a bật ra, đành phải dùng sợi dây da tôi mang theo dự phòng để buộc con dao băng lại mà trượt. Song điều súi quẩy không phải chỉ có thế mà thôi. Cái quai giầy của tôi cứ tuột ra. Đành phải trở vào phòng gửi quần áo, đưa cái dây quai da cho ông thợ sửa chữa cáu kỉnh, mặt đỏ bừng đang mài con dao băng lên hòn đá quay cáu bẩn rít lên ken két. Ông ta vừa chữa xong cái khuy cài thì lại đứt mất dây quai. Đây là cái quai da lợn, các bạn cứ thử đứng ngoài băng giá mà cài cái quai bằng da lợn xem! Cuối cùng mọi việc rồi cũng đâu vào đấy. Tuyết lại rơi. Chúng tôi nắm tay nhau trượt rất lâu thành những hình bán nguyệt rộng, lúc sang phải rồi lại sang trái. Trượt như thế gọi là những bước đi kiểu Hà-lan.

Mưa tuyết gây trở ngại cho những nhà trượt băng giỏi, nhưng kể cũng thú khi bỗng dưng trên sân băng lại có tuyết rơi. Những bông tuyết không bao giờ rơi đều xuống ngay mặt băng. Chúng còn quay tít, vì mọi người lượn tròn trên sân băng gây ra những luồng gió xoáy, những bông tuyết cứ lơ lửng mãi lúc cao lúc thấp, trước khi rơi xuống mặt băng óng ánh. Nom cảnh đó rất đẹp và tôi cảm thấy rằng trên trái đất này cái gì cũng đều hay. Tôi biết rằng cả Ca-chi-a cũng cảm thấy thế, mặc dù đã bị cái quai da lợn

cứng như thép cứa đứt chân. Cô cũng đang vui thích vì có tuyết rơi, vì tôi và cô đang trượt đi những đường rộng theo kiểu Hà-lan.

Sau đó tôi đứng bên cạnh sợi dây chão chăng riêng khu vực trượt băng tạo hình xem Ca-chi-a đi những hình thành hai con số tám. Lúc đầu cô không tài nào trượt được. Cô ta phát cáu và đổ cho cái đế giày hỏng. Nhưng sau bỗng nhiên cô đi được, trượt được những hình rất đẹp, làm cho một ông béo phục phịch đang cố lái thành những đường tròn ở bên cạnh cũng phải reo lên và khen cô:

- Hay quá!

Tôi nghe thấy cô phàn nàn với người kia về cái đế giày bị long ra.

Quả là hay thật. Tôi bị rét cóng như một con chó bị nhúng nước. Tôi bèn vẫy tay gọi Ca-chi-a và trượt hai vòng rộng để cho người ấm lại. Sau đó chúng tôi lại trượt những hình kiểu Hà-lan, cuối cùng chúng tôi ngồi xuống ngay cạnh dàn nhạc, Ca-chi-a bỗng ngồi sát lại bên tôi, khuôn mặt đỏ bừng, nóng hổi với đôi mắt đen láy sinh động. Tôi tưởng cô muốn nói thầm gì bên tai tôi nên hỏi to:

- Cái gì?

Cô cười khanh khánh.

- Chẳng có gì cả, chỉ thế thôi. Nóng quá.

- Ca-chi-a, - tôi nói. - Cậu có biết không?... Nhưng cậu không nói với ai chứ?

- Không nói với ai cả.

- Mình sẽ xin vào học trường hàng không.

Cô chớp chớp đôi mắt rồi lặng lẽ nhìn tôi.

- Cậu quyết định rồi à?

- Rồi.

- Dứt khoát chứ?

Tôi gật đầu.

Dàn nhạc bỗng lại nổi lên. Ca-chi-a rũ tuyết trên chiếc áo ấm cộc tay, trên váy và nói gì tôi nghe không rõ.

- Mình chưa nghe thấy.

Cô kéo tay tôi, chúng tôi chạy sang mé bên kia sân băng, đến chỗ trượt băng của trẻ em. Ở đây tối và vắng lặng, trên sân băng đầy tuyết. Dọc theo cái dốc để trượt có hai hàng cây thông, chung quanh sân băng cũng có những cây thông con, tựa như chúng tôi đang ở trong rừng tại một nơi nào ngoài thành phố.

- Liệu người ta có nhận không?

- Vào Trường Hàng không ấy à?

- Ừ!

Đó là một câu hỏi tôi vẫn sợ. Sáng nào tôi cũng tập thể dục theo phương pháp A-nô-khin và chà sát nước lạnh theo phương pháp Muyn-le. Tôi thường nắn những bắp thịt của mình và nghĩ: "Nhỡ người ta không nhận thì sao?" Tôi đã đi khám tai, mắt, tim, phổi. Bác sĩ của trường nói rằng tôi rất khỏe. Song nói là khỏe cũng có nhiều loại, mà ông ấy có biết tôi đang định vào học Trường Hàng không đâu. Nhỡ tôi lại yếu thần kinh thì sao? Hay chẳng may còn có vấn đề gì khác? Còn chiều cao nữa? Cái chiều cao chết tiệt! Trong suốt một năm vừa qua tôi chỉ cao thêm vẻn vẹn có một xăng-ti-mét rưỡi.

- Nhất định họ sẽ nhận, - tôi trả lời quả quyết.

Hình như Ca-chi-a nhìn tôi tỏ vẻ thán phục...

Chúng tôi rời khỏi sân băng lúc đã tắt đèn rồi. Người coi sân

băng đi đôi ủng dạ ở trên sân băng này nom rất lạ mắt, dáng đi trông cũng rất lề mề, mặc dầu vẫn bước bình thường. Ông ta thổi còi inh lên và cầm cái chổi đi về phía chúng tôi.

Chúng tôi tháo giày trượt băng trong phòng gửi áo ngoài lúc này đã vắng ngắt. Quầy hàng ăn đã đóng cửa. Nhưng Ca-chi-a chạy đến chỗ bà bán hàng gọi "Cô ơi" thế là bà ta mủi lòng bán cho chúng tôi mỗi đứa một cái bánh mì và một cốc nước chè nguội. Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện.

- Cậu thật hạnh phúc, đã quyết định sẽ làm gì rồi! - Ca-chi-a khẽ thở dài nói. - Còn mình vẫn chưa biết tương lai sẽ ra sao.

Sau khi tôi nói sẽ vào học trường hàng không, chúng tôi chỉ toàn bàn những chuyện nghiêm túc, chủ yếu là về văn học. Cô ấy rất thích cuốn "Xi-măng" của Glát-cốp và cô đã cho tôi một trận vì tôi chưa đọc cuốn sách này. Nói chung Ca-chi-a đọc sách nhiều hơn tôi, nhất là sách văn nghệ.

Sau đó chúng tôi nói đến tình yêu và nhất trí cho rằng yêu đương là chuyện vớ vẩn. Thoạt đầu tôi cũng chưa tin như vậy. Nhưng Ca-chi-a cả quyết nói "Rõ ràng là chuyện vớ vẩn", - và nêu ra một dẫn chứng trong cuốn sách của Glát-cốp. Thế là tôi cũng đồng ý. Chúng tôi đi theo những ngõ nhỏ tối om về nhà, những đường phố đầy vẻ bí ẩn và lặng lẽ tựa như đây không phải là ngõ Xca-che-rơ-nưi và ngõ Nô-giô-vôi nữa mà là những đường phố khác thường của thế giới huyền bí trên mặt trăng.

Chương 4

Những thay đổi

Tôi và Ca-chi-a không nói đến việc trong gia đình cô ấy. Tôi chỉ hỏi thăm bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na có khỏe không. Cô đáp:

- Cám ơn, vẫn bình thường.

- Còn cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na?

- Cám ơn, vẫn bình thường.

Cũng có thể là "bình thường" thật, nhưng tôi lại nghĩ là chẳng ra gì. Nếu không thì Ca-chi-a đã chả phải nghĩ đến chuyện nếu để tiền lấy vé vào sân trượt băng thì thôi đi xe điện hay ngược lại. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ tiền tài mà thôi. Tôi nhớ rõ lắm, hồi còn ở En-xcơ, khi Cu-li Gai-e trở thành người chủ có toàn quyền trong nhà tôi và tôi cùng em gái tôi phải gọi ông ta bằng "bố" thì tôi thường chẳng muốn về nhà. Theo tôi thì Ca-chi-a hiện nay cũng đang có tâm trạng đại loại như vậy. Đến lúc phải về nhà thì mặt cô ỉu xìu. Trong gia đình cũng chẳng êm thấm lắm. Chẳng bao lâu, tôi gặp bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na và lại càng thấy nhận xét của tôi là đúng.

Tôi gặp bà trong rạp hát, hôm xem vở kịch "Công chúa Tu-

ran-đốt". Ca-chi-a mua được ba vé, một vé cho cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na. Nhưng không hiểu sao cụ Ni-na không đi nên chiếc vé thứ ba ấy để cho tôi.

Tôi vẫn thường đi xem kịch ở rạp hát. Nhưng đi xem với tập thể nhà trường là một chuyện, còn đi xem với bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na và Ca-chi-a lại là chuyện khác. Tôi mượn thằng Va-li-a chiếc áo sơ mi cổ bẻ và mượn thằng Rô-man-sca chiếc cà-vạt. Thằng cha bần tiện ấy đòi cược tiền.

- Nhỡ cậu đánh mất thì sao?

Tôi đành cược một rúp.

Chúng tôi từng người cứ đến thẳng rạp hát. Ca-chi-a suýt bị trễ. Khi bà soát vé đang đóng cửa cô mới chạy bổ tới.

- Mẹ đâu?

Bà mẹ đang ngồi trong rạp rồi. Khi chúng tôi mò mẫm trong bóng tối để tìm chỗ của mình và vấp phải chân ai đó thì bà gọi chúng tôi...

Trong trường tôi mọi người đã bàn tán nhiều về "Công chúa Tu-ran-đốt" và còn định dựng vở này nữa. Gri-sca Pha-be quả quyết rằng tất cả những vai nam trong kịch này đều như cố ý viết riêng cho hắn đóng, vì thế nên trong màn thứ nhất tôi không có thì giờ để nhìn kỹ bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Tôi chỉ nhận thấy bà vẫn rất đẹp như xưa hoặc là còn đẹp hơn so với hồi trước nữa. Bà đã thay đổi kiểu tóc nên lộ rõ vầng trán cao và trắng. Bà ngồi ngay ngắn, nhìn lên sân khấu không chớp mắt.

Nhưng đến giờ nghỉ, tôi ngắm kỹ bà và thấy buồn lòng. Bà ấy gày đi và già đi. Đôi mắt bà trở nên to hơn và rất u buồn. Tôi nghĩ, nếu ai nhìn thấy bà lần đầu tiên sẽ phải phát sợ lên vì cái nhìn u buồn của bà.

Chúng tôi nói chuyện về vở "Công chúa Tu-ran-đốt". Ca-chi-a tuyên bố rằng cô không thích vở kịch này lắm. Tôi không biết là tôi có thích hay không nên cũng đồng ý với ý kiến của Ca-chi-a. Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na thì lại nói vở kịch này thật tuyệt.

- Cháu và Ca-chi-a hãy còn trẻ nên chưa hiểu.

Bà hỏi thăm tôi về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, ông ấy sống ra sao, và tôi cảm thấy như bà hơi đỏ mắt khi tôi nói:

- Hình như rất tốt.

Thực ra cuộc sống của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không lấy gì làm tốt lắm. Hồi mới sang đông thầy ốm một trận kịch liệt. Tôi cho rằng dù cho thầy Cô-ra-bơ-li-ốp có ốm nặng chắc thầy cũng sẽ trả lời bà là "rất tốt" như vậy. Tất nhiên thầy không quên rằng bà này đã từ chối không lấy thầy.

Rất có thể là giờ đây bà hơi hối hận về chuyện ấy, nếu không bà ấy đã chẳng hỏi cặn kẽ về ông như thế. Bà còn hỏi ông ấy dạy những lớp nào và thái độ mọi người trong trường đối với ông ấy ra sao.

Tôi trả lời gióng một.

- Hừ, Xa-nhi-a, không thể nào nghe cháu nói được lấy hai chữ. Chỉ toàn những "vâng" và "không", cứ như bị rụt mất lưỡi ấy, - bà ấy cáu kỉnh nói.

Bỗng tự nhiên bà ấy nói ngay đến Ni-cô-lai An-tô-nứt mà chẳng cần lời nào để lái câu chuyện. Thật kỳ lạ. Bà nói rằng bà coi Ni-cô-lai An-tô-nứt là người rất tốt. Tôi chẳng nói một lời.

Hết giờ nghỉ. Chúng tôi vào xem màn hai. Nhưng đến giờ nghỉ lần thứ hai, bà lại nói chuyện về Ni-cô-lai An-tô-nứt. Tôi

thấy Ca-chi-a cau mày lại. Môi cô run lên, cô muốn nói câu gì nhưng kìm lại được.

Chúng tôi đi một vòng quanh phòng nghỉ. Bà Ma-ri-a Va-xi-l-ép-na vẫn nói chuyện về Ni-cô-lai An-tô-nứt. Thật quá mức chịu đựng rồi. Nhưng việc này còn làm tôi kinh ngạc vì tôi vẫn còn nhớ thái độ của bà đối với ông ta trước đây.

Bây giờ thật khác hẳn! Thì ra ông ta là một người nhân đức và cao thượng hiếm có. Ông ta suốt đời quan tâm đến người em họ (lần đầu tiên tôi nghe thấy bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na gọi người chồng quá cố của mình là Va-ni-a) trong lúc chính bản thân ông ta cũng đang có những khó khăn. Ông ta đã hy sinh toàn bộ tài sản của mình để trang bị cho người em tiến hành cuộc thám hiểm bất hạnh cuối cùng.

- Ni-cô-lai An-tô-nứt rất tin tưởng ở người em, - bà nói rất say sưa.

Tất cả những chuyện này tôi đều đã nghe chính mồm Ni-cô-lai An-tô-nứt nói ra rồi, và cũng bằng những lời lẽ y như thế. Trước kia bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không lắp lại những lời ông ấy nói như thế. Ở đây đúng là có vấn đề. Hơn nữa, dẫu bà kể lại những chuyện này là tự nguyện, thậm chí còn rất nhiệt tình, song tôi vẫn cảm thấy hình như chính bà cũng muốn củng cố lòng tin rằng sự việc đúng là như thế. Ni-cô-lai An-tô-nứt là một con người phi thường và người chồng quá cố của bà phải mang ơn ông ta tất cả mọi việc.

Suốt cả màn ba tôi suy nghĩ về điểm này. Tôi quyết định thế nào cũng phải hỏi Ca-chi-a về cha cô. Trong óc tôi bỗng hiện lên hình ảnh một nhà hàng hải có vầng trán rộng, quai cằm hơi nhọn và đôi mắt sáng linh lợi. Cuộc thám hiểm mà ông đã ra đi rồi không trở về được là cuộc thám hiểm như thế nào?

Sau khi tan kịch, chúng tôi đứng lại trong rạp tranh tối tranh sáng để chờ cho chỗ gửi áo vắng bớt rồi mới ra.

- Xa-nhi-a, sao cháu chẳng đến chơi bao giờ cả? - Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na hỏi.

Tôi ấp úng gì đó.

- Tôi nghĩ Ni-cô-lai An-tô-nứt đã quên cái chuyện vớ vẩn ấy từ lâu rồi, - bà Ma-ri-a tiếp tục nói giọng nghiêm nghị. - Nếu cháu muốn, tôi sẽ nói với ông ấy.

Tôi hoàn toàn không muốn bà phải đi xin Ni-cô-lai An-tô-nứt cho phép tôi được đến nhà bà, chỉ suýt nữa là tôi nói với bà: "Xin cảm ơn, không cần thiết".

Nhưng ngay lúc đó Ca-chi-a đã nói rằng việc này không liên quan gì đến Ni-cô-lai An-tô-nứt, bởi vì tôi sẽ đến chơi với cô ấy chứ không phải là đến với ông ta.

- Không, không! - Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na sợ hãi nói. - Sao lại như thế? Đến thăm cả mẹ, cả bà nữa.

Chương 5

Người cha của Ca-chi-a

Đó là cuộc thám hiểm thế nào? Bố của Ca-chi-a là người thế nào? Tôi chỉ biết có một điều, ông ấy là một nhà hàng hải và đã hy sinh. Ông có chết thật không? Từ trước đến giờ chưa khi nào Ca-chi-a nói ba cô "đã mất". Nói tóm lại, trừ Ni-cô-lai An-tô-nứt rất thích dùng cái từ này ra, những người trong gia đình Ta-ta-ri-nốp thường rất ít khi nhắc đến ông. Gian phòng nào cũng treo ảnh ông, nhưng mọi người lại không hay nói về ông ấy.

Cuối cùng tôi phán đoán mãi cũng phát chán, hơn nữa có thể hỏi thẳng ngay Ca-chi-a xem cha cô ở đâu, còn sống hay đã chết. Thế là tôi hỏi.

Và đây là những điều cô đã kể cho tôi nghe.

Hồi đó cô mới lên ba tuổi, nhưng cô nhớ rất rõ ngày hôm ba cô ra đi. Ba người rất cao lớn, mặc chiếc áo cổ đứng màu xanh lam, hai bàn tay rất to. Sáng sớm khi cô còn đang mơ màng trong giấc mộng, ba đi vào phòng, đến cạnh giường cô rồi cúi xuống, khẽ vuốt tóc cô, nói mấy câu gì đó, hình như là "Ma-sa này, con xanh quá. Em hãy hứa là sẽ cho con ra ngoài trời chơi nhiều hơn, em

nhé!" Ca-chi-a hơi hé mắt ra và nhìn thấy mẹ đang khóc. Nhưng cô không đánh tiếng cho biết là mình đã dậy, cô thấy giả vờ ngủ rất thích. Sau đó cả nhà ngồi sau chiếc bàn dài ở trong gian phòng lớn sáng sủa, trên mặt bàn có những trái núi con con trắng toát. Đó là những cái khăn ăn xếp lại thế cho đẹp. Ca-chi-a mải nhìn những cái khăn ăn nên không để ý là mẹ đã bỏ đi chỗ khác, còn bây giờ bà đang ngồi vào chỗ của mẹ. Bà cứ thở dài luôn mồm, thỉnh thoảng lại nói "Lạy Chúa". Mẹ mặc chiếc váy dài có hai quả bông ở vai rất lạ chưa hề thấy mẹ mặc bao giờ, mẹ đang ngồi bên cạnh ba và nháy mắt từ xa với Ca-chi-a.

Chung quanh bàn ăn thật vui vẻ. Rất đông người. Ai nấy nói cười rất to. Nhưng kìa ba đứng lên với cốc rượu vang trong tay, tức thì mọi người đều im lặng. Ca-chi-a không hiểu ba nói những gì, nhưng cô nhớ là sau khi ba nói xong, mọi người đều vỗ tay hét vang "u-ra!", riêng bà lại lẩm bẩm "Lạy Chúa" và thở dài. Mọi người từ biệt ba và những thủy thủ khác. Lúc chia tay, ba bế Ca-chi-a tung bổng lên cao rồi đỡ cô bằng đôi bàn tay to mộc mạc.

- Thôi nhé Ma-sen-ca[1], - ba nói với mẹ. Đoạn hai người hôn chặt môi nhau...

Đó là bữa cơm từ biệt và buổi tiễn đưa thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp ở nhà ga xe lửa En-xcơ. Tháng Năm năm 1912 ba về En-xcơ từ biệt gia đình. Đến trung tuần tháng Sáu năm đó, ba từ Pê-téc-bua[2] khởi hành đi Vla-đi-vô-xtốc trên chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri".

Thời gian đầu mọi việc đều như cũ. Chỉ có trong cuộc sống

(1) Ma-sa, M-sen-ca, Ma-nhi-a, Ma-ru-xi-a, Ma-ru-xen-ca. Ma-nét-sca, cũng là Ma-ri-a - N.D.

(2) Ngày nay là thành phố Lê-nin-grát. - N.D.

xuất hiện một sự kiện hết sức mới mẻ. Đó là thư của ba gửi về. "Sắp có thư của ba đấy". Quả nhiên thư đến thật. Có khi một hai tuần lễ không có thư, song rốt cuộc rồi cũng có. Lá thư cuối cùng gửi từ Lu-gô Sa-rơ đến. Đúng đó là bức thư cuối cùng, nhưng mẹ vẫn không tỏ ra lo lắng, mẹ còn nói rằng như thế cũng phải thôi, bởi vì chiếc tàu "Xanh Ma-ri" sẽ đi qua những nơi không có bưu cục, thậm chí ngoài băng và tuyết ra sẽ chẳng còn gì nữa cả.

Như thế cũng phải thôi. Chính ba cũng viết rằng sẽ không có thư nữa. Nhưng dù sao thì đó cũng là chuyện rất buồn, và mẹ càng ngày càng trở nên lặng lẽ và buồn rầu.

"Thư của ba" - đó là một thứ hay tuyệt. Ví dụ như cứ hôm nào có thư của ba là bà lại nướng bánh. Còn bây giờ thay thế cho cái thứ tuyệt diệu vẫn mang niềm vui đến cho cả nhà xuất hiện những lời dài và chán ngắt: "như thế cũng phải thôi" hoặc giả "cũng chưa thể có chuyện gì được".

Những câu nói đó được lặp đi lặp lại hàng ngày, nhất là vào những buổi tối. Khi Ca-chi-a đã đi nằm, mẹ và bà cứ nói chuyện mãi. Ca-chi-a nằm nghe. Cô định nói ngay từ lâu rằng: "Chắc là chó sói ăn thịt ba rồi". Song cô biết rằng nói thế mẹ sẽ phát cáu lên, nên cô không nói nữa.

Ba đang "trú đông". Ở En-xcơ đã sang hè từ lâu rồi, thế mà ba vẫn còn "trú đông". Lạ lùng quá. Nhưng Ca-chi-a cũng chẳng nói gì cả. Có lần cô nghe thấy bà nói chuyện với người hàng xóm: "Cứ nói là đang trú đông, nhưng liệu còn sống không thì có trời biết được".

Về sau mẹ viết vội một lá "đơn xin Hoàng thượng". Lúc đó Ca-chi-a đã lớn cho nên cô nhớ rất rõ nội dung lá đơn.

Vợ của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp thỉnh cầu trang bị một đội cứu sinh để đi cứu viện người chồng bất hạnh của bà. Bà nêu

ra rằng "động cơ chủ yếu của việc thám hiểm thì không còn nghi ngờ gì nữa, chỉ vì niềm kiêu hãnh của toàn dân và vinh quang của Tổ quốc". Bà hy vọng rằng "bệ hạ tối nhân từ" sẽ không để cho một nhà thám hiểm can trường luôn sẵn sàng xả thân vì "vinh quang dân tộc"... phải lâm vào cảnh tuyệt vọng, cô lập không được viện trợ...

Lúc đó Ca-chi-a cứ tưởng "bệ hạ" là một cái gì giống như một đám rước thánh giá rất đông người, đi trước là giáo chủ đội mũ màu hồng tím. Hóa ra đó là Sa-hoàng. Sa-hoàng mãi vẫn không trả lời nên tối nào bà cũng rủa cho. Cuối cùng văn phòng nhà vua gửi đến một bức thư. Với lời lẽ lịch thiệp, văn phòng nhà vua khuyên mẹ nên xin Bộ trưởng Hàng hải. Nhưng cũng chẳng cần cầu xin Bộ trưởng hàng hải nữa. Ông ta đã được báo cáo về việc này rồi và nói: "Đáng tiếc là thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp không trở về. Nếu về thì ta sẽ đưa ra tòa ngay lập tức về tội đã coi thường tài sản quốc gia".

Sau đó Ni-cô-lai An-tô-nứt đến En-xcơ và trong nhà xuất hiện câu nói mới "không còn hy vọng gì nữa". Ông ta nói thầm câu này với bà. Nhưng không hiểu sao mọi người đều biết. Cả gia đình Bun-ben-tri-cốp có họ với bà, cả các bạn gái của Ca-chi-a đều biết. Nghĩa là trừ mẹ ra còn mọi người đều biết hết.

Chẳng còn hy vọng gì nữa. Ba sẽ không bao giờ trở về, cũng không bao giờ còn nói những câu vui đùa, không bao giờ còn tranh cãi với bà rằng "trước khi ăn cơm uống một cốc vốt-ca rất có ích, mà dù không có ích thì cũng vô hại, nếu đã vô hại thì uống là thích". Bà sẽ không bao giờ còn cười mẹ vì mẹ sửa soạn ăn mặc quá lâu khi cùng đi xem hát được nữa. Sáng ra sẽ không còn ai được nghe tiếng hát "Đời là gì? Chỉ là một trò chơi!" của ba khi ba mặc quần áo nữa.

Chẳng còn hy vọng gì! Ba đã ở lại một nơi xa tít tận miền Bắc cực, giữa băng tuyết, chẳng có một ai trong đội trở về.

Ni-cô-lai An-tô-nứt nói rằng đó là sai lầm của ba. Bởi vì đội thám hiểm được trang bị rất đầy đủ. Riêng cái khoản bột mì thôi cũng đã đem đi năm tấn, thịt hộp nước Áo có một nghìn sáu trăm tám mươi tám ki-lô-gam, giăm bông - hai mươi chiếc, viên canh Xcô-ri-cốp[1] bảy mươi ki-lô-gam. Lại còn bao nhiêu bánh khô, mì ống, cà phê! Cả một khoang lớn được ngăn đôi để đầy bánh khô nửa khoang. Thậm chí còn mang cả bốn mươi ki-lô-gam măng tây. Mứt, lạc. Tất cả những thứ đó đều mua bằng tiền của Ni-cô-lai An-tô-nứt. Ngoài ra còn chọn được sáu mươi con chó tinh khôn để phòng khi gặp nguy hiểm, chúng nó sẽ kéo xe tuyết trở về.

Tóm lại nếu ba có hy sinh thì không nghi ngờ gì nữa, chính là do sai lầm của ba thôi. Rất dễ dàng hình dung ra được cảnh như thế này, ví dụ như ở chỗ đáng lẽ phải chờ đợi thì ba lại hấp tấp ra đi. Theo ý kiến của Ni-cô-lai An-tô-nứt thì lúc nào ba cũng hấp tấp. Nhưng dẫu sao thì ba cũng đã ở lại Bắc cực, chẳng ai biết được ba có còn sống hay đã chết. Bởi vì trong số ba mươi người của đội thám hiểm chẳng có một người nào trở về. Nhưng ở trong gia đình này ba vẫn cứ được coi như người còn sống. Chưa biết chừng bất thình lình cánh cửa sẽ mở ra và ba đi vào nhà cũng nên. Trông ba vẫn giống như hôm cuối cùng ở ga xe lửa ở En-xcơ: mặc chiếc áo màu xanh lam có cái cổ cồn trắng toát không đóng cúc, kiểu cổ áo ấy giờ đây không ai dùng nữa. Ba vẫn vui tươi, hai bàn tay vẫn to rộng như trước.

---

(1) Xcô-ri-cốp là tên một ông vua bếp ở nước Nga - N.D.

Trong nhà có rất nhiều thứ gắn bó với ba. Mẹ hút thuốc, mọi người đều biết rằng chỉ sau khi không có tin tức gì của ba nữa, mẹ mới bắt đầu hút thuốc. Bà đuổi Ca-chi-a ra phố chơi cũng chính vì lời dặn của ba là phải cho Ca-chi-a chơi nhiều ở ngoài trời. Trong chiếc tủ kính hẹp có rất nhiều sách mang những cái tên kỳ dị mà không ai được đụng đến cũng là của ba.

Về sau họ chuyển lên Mát-xcơ-va ở nhà Ni-cô-lai An-tô-nứt thì mọi cái đều thay đổi hết. Giờ đây không còn ai hy vọng rằng cánh cửa bỗng xịch mở và ba bước vào một cách bất ngờ. Bởi vì đây là nhà của người khác mà chưa bao giờ ba đến đây.

Chương 6

Thay đổi càng nhiều

Nếu Ca-chi-a không hứa cho tôi xem sách và bản đồ của người thuyền trưởng thì có lẽ tôi cũng không đến nhà Ta-ta-ri-nốp. Tôi đã xem tuyến hành trình, thì ra đây chính là "luồng đông bắc" nổi tiếng mà người ta đã mò mẫm hơn ba trăm năm. Cuối cùng vào năm 1878 đội thám hiểm Noóc-đen-sen-đơ[1] của Thụy-điển đã vượt qua luồng này. Đương nhiên cuộc hành trình đó không đơn giản bởi vì mãi hai mươi lăm năm sau mới có một nhà thám hiểm khác tên là Vin-kít-xki đi lại luồng này, có điều khác nhau là ông ta đi ngược chiều lại. Tóm lại tất cả những điều này thật vô cùng thú vị, nên tôi cũng quyết định sẽ đi...

Trong nhà Ta-ta-ri-nốp không còn có gì thay đổi, chỉ có đồ đạc giảm đi khá nhiều.

Bức tranh nổi tiếng của Lê-vi-tan mà tôi đã có lúc thấy thích, vẽ con đường rộng thẳng tắp trong vườn và những cây thông

(1) Noóc-đen-sen-đơ (1832-1901) người Thụy-điển, nhà thám hiểm Bắc cực, là người đầu tiên đi từ Đại-tây-dương sang Thái-Bình-dương qua luồng Đông-bắc vào năm 1878.-N.D.

sáng nắng nay không còn nữa. Tôi hỏi Ca-chi-a bức tranh đó đâu rồi.

- Đem tặng rồi, - Ca-chi-a trả lời gọn lỏn.

Tôi im lặng.

- Tặng Ni-cô-lai An-tô-nứt đấy! - bỗng Ca-chi-a nói thêm, giọng cay độc. - Ông ấy sùng bái Lê-vi-tan mà.

Chắc là Ni-cô-lai An-tô-nứt không phải chỉ được tặng bức tranh của Lê-vi-tan không thôi, bởi vì trong phòng ăn thấy trống trải thế nào ấy. Riêng cái địa bàn hàng hải thì vẫn đặt nguyên chỗ cũ và mũi kim vẫn chỉ về phương Bắc như xưa.

Trong nhà không có ai, cả bà Ma-ri-a va-xi-li-ép-na và cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đều không có nhà.

Sau đó cụ về. Tôi nghe thấy cụ cởi áo ở phòng treo áo và phàn nàn với Ca-chi-a rằng cái gì cũng lại đắt quá: bắp cải - mười sáu cô-pếch, thịt bò non - ba mươi cô-pếch, góp lễ - bốn mươi cô-pếch, trứng gà - một rúp hai mươi cô-pếch.

Tôi cười và đi ra phòng ngoài.

- Bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na, thế còn chanh?

Cụ ngỡ ngàng quay lại.

- Bọn nhóc con không ăn cắp mất chanh à?

- Xa-nhi-a! - Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói và đập hai bàn tay vào nhau rồi xòe ra.

Cụ kéo tôi lại cửa sổ, ngắm nghía khắp phía và tỏ vẻ không hài lòng.

- Thấp quá, - cụ buồn rầu nói. - Không lớn lên được.

Cụ chạy vào bếp, đặt bình sữa lên bếp đèn cồn và sau mấy phút thì quay ra.

- Cháu vẫn nhớ đến chuyện mất chanh à, - cụ nói rồi cười. - Mà sao? Vẫn bị mất cắp đấy!

Bà cụ già quá rồi, lưng còng hơn và người càng gầy đi. Cái áo trấn thủ bằng nhung xanh mà tôi hằng quen thuộc thõng trên người cụ, đôi vai gầy gò nhô lên. Trông cụ vẫn có vẻ hoạt bát và luôn lo nghĩ đến mọi sự như trước, nay lại còn vui vẻ hơn nữa. Cụ thấy tôi thì mừng rỡ hơn là tôi tưởng nhiều.

- Người ta nói rằng nên ăn lúa mạch đen sống, - cụ nói chắc như vậy, - thì sẽ lớn nhanh. Ngày trước ở En-xcơ có một cha cố chỉ cao có thế này cũng ăn lúa mạch đen sống đấy.

- Thế có cao lên không? - Ca-chi-a hỏi nghiêm túc.

- Không cao lên, nhưng giọng nói quyện hơn. Trước đó lão nói cứ the thé.

Cụ cười to và sực nhớ đến sữa.

- Thôi chết, sữa trào ra rồi!

Và chính cụ chạy ra bếp.

Tôi và Ca-chi-a xem sách và bản đồ của người thuyền trưởng rất lâu. Ở đây có cuốn sách của Na-xen "Trên đất nước băng tuyết và đêm tối", cuốn "Hải đồ biển Ca-ra" và những quyển khác. Tóm lại tuy sách không nhiều nhưng quyển nào cũng rất hay. Tôi rất muốn hỏi mượn về đọc, nhưng tôi hiểu rất rõ là không tiện. Chính vì vậy mà tôi rất ngạc nhiên khi Ca-chi-a bỗng nói:

- Cậu có muốn lấy mấy cuốn mà đọc không?

- Cầm về được à?

- Được, - Ca-chi-a trả lời mắt không nhìn tôi.

Tôi chẳng mất thì giờ suy nghĩ xem tại sao chỉ có mình là được tín nhiệm như vậy, liền lập tức chọn sách. Tôi rất muốn cầm tất cả, nhưng làm thế sao được, nên tôi chỉ chọn độ năm quyển. Trong đó cũng có một cuốn sách nhỏ do chính thuyền trưởng viết: "Nguyên nhân thất bại của đội thám hiểm Gri-li".

Tôi cố tình tránh mặt Ni-cô-lai An-tô-nứt, vì thế hôm nay tôi đến nhà Ta-ta-ri-nốp vào lúc ông ta đang họp hội đồng sư phạm thường kỳ ở trường. Nhưng có lẽ cuộc họp lần này bị hoãn nên ông ấy lại về. Tôi và Ca-chi-a mải chuyện trò nên không nghe thấy tiếng chuông, chợt có tiếng chân người và tiếng đằng hắng ở phòng bên. Ca-chi-a chau mày đóng sập cửa lại.

Hầu như ngay phút đó cánh cửa lại mở ra. Ni-cô-lai An-tô-nứt xuất hiện trong khung cửa.

- Ca-chiu-sa, bác đã nói hàng nghìn lần là không được sập cửa ầm lên thế, - ông ta nói. - Đã đến lúc phải bỏ các thói quen ấy đi rồi đấy.

Tất nhiên là ông ấy trông thấy tôi ngay lập tức. Song ông ấy không nói năng gì, chỉ hơi nheo mắt và gật đầu. Tôi cũng gật đầu.

- Chúng ta sống trong xã hội loài người, - Ni-cô-lai An-tô-nứt tiếp tục nói dịu dọng. - Và một trong những cái động lực thúc đẩy cái xã hội này tiến lên đó là tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Chính cháu cũng biết đấy Ca-chiu-sa ạ, bác không thể chịu được tiếng sập cửa mạnh. Bác chỉ có thể cho rằng cháu đã cố tình làm như vậy. Có điều bác không muốn nghĩ như thế. Thật vậy, bác không muốn... vân vân và vân vân...

Tôi hiểu ngay rằng ông ta đọc một bài tràng giang đại hải như thế chỉ cốt để chọc tức Ca-chi-a. Nhưng tôi còn nhớ là trước đây ông ta không dám nói với cô như vậy.

Cuối cùng ông ta đi ra, nhưng chúng tôi cũng không còn hứng thú gì để xem sách của thuyền trưởng nữa. Vả lại lúc Ni-cô-lai An-tô-nứt nói, Ca-chi-a vẫn đứng quay lưng vào bàn có những quyển sách ở trên. Ông ta không nhìn thấy gì cả. Tuy vậy tôi cũng hiểu rằng việc đó là thế nào: không nên để ông ta biết là cô đã đồng ý cho tôi mượn những quyển sách này.

Tóm lại tâm trạng vui vẻ của chúng tôi đã bị phá vỡ nên tôi bèn chuẩn bị ra về. Đáng tiếc là tôi lại không về ngay. Tôi đã chậm chân khi chia tay với Ca-chi-a và Ni-cô-lai An-tô-nứt lại quay sang.

- Ca-chiu-sa, có thể là cháu giận, - ông ta lại lên tiếng. - Như vậy là vô lý! Không còn nghi ngờ gì cả, cháu biết rõ là dù ở cương vị một người bình thường hoặc ở cương vị một nhà giáo dục bác đều mong muốn cho cháu điều tốt.

Ông ta liếc tôi một cái, cau mặt lại rồi nhăn mũi hít vào đến là khó chịu.

- Giả sử quan hệ giữa bác và cháu hoàn toàn chỉ là người dưng nước lã thì lại là chuyện khác. Nhưng cháu là con gái của người em thân mến đã quá cố của bác. Cháu là con gái của người mà bác đã hy sinh tất cả cho người ấy, không phải chỉ là hy sinh toàn bộ gia tài, mà có thể nói là bác đã hy sinh cả đời mình cho người ấy.

Tôi nghĩ, Ni-cô-lai An-tô-nứt cứ mỗi năm lại hy sinh của cải cho người em họ đã quá cố ngày càng nhiều hơn. Trước kia ông ta chỉ nói đã giúp đỡ về "tinh thần và vật chất" thế mà giờ đây hóa ra là ông ta đã hy sinh cả cuộc đời mình cho người em.

- Cho nên, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói tiếp, - Ca-chiu-sa, bác sẵn sàng nhắc lại với cháu hàng nghìn lần một điều. Sau một ngày lao động mệt nhọc, đáng lẽ bác có quyền được nghỉ ngơi, nhưng cháu thấy không, giờ đây vẫn phải nói chuyện với cháu, cố gắng nhắc cho cháu hiểu điều mà đứng về lứa tuổi cũng như trình độ phát triển thì cháu đã phải tự hiểu lấy từ lâu.

Ca-chi-a lặng thinh.

Tôi thấy cô khó chịu lắm rồi. Song cô vốn có ý chí vững.

Ông ta chưa nói xong thì tôi chưa thể đi ra được. Hơn nữa đi

như vậy thì đành bỏ sách lại. Cho nên tôi ngồi xuống. Tôi hoàn toàn không nghĩ đến chuyện chọc tức ông ta mà chỉ vì tôi đứng lâu đã mỏi. Nhưng ông ta lại nổi khủng lên.

- Ca-chiu-sa, bác nhắc lại cho cháu nghe, - ông ta lại tiếp tục nói giọng đều đều và nhẹ nhàng, - một câu tục ngữ La-mã nhiều người biết "Hãy nói cho tôi biết, bạn của bạn là ai, tôi sẽ nói bạn là người thế nào". Nếu cháu cho rằng có thể kết bạn với loại người mà trong óc không bao giờ nghĩ ra rằng khi mình muốn ngồi thì phải mời thầy giáo của mình ngồi trước đã, thế thì...

Ni-cô-lai An-tô-nứt xòe hai tay ra vẻ bất lực.

Tôi hơi bối rối, chính vì tôi đã làm như vậy nhưng hoàn toàn không nghĩ rằng làm thế để chọc tức ông ta. Nhưng lúc này thì Ca-chi-a không nhịn được nữa.

- Tôi thích chơi với ai, đó là việc của tôi! - Ca-chi-a trả lời nhanh và đỏ mặt lên.

Hẳn là cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đã ở đâu gần đấy, rất có thể là cụ dã đứng ngay sau cánh cửa. Bởi vì Ca-chi-a vừa nói xong câu này cụ liền vào ngay và tất tưởi nói chuyện nọ kia: sữa sôi rồi, Ni-cô-lai An-tô-nứt có muốn dùng cà-phê chăng, chứ không thì cụ vừa mới đi chợ về, còn lâu mới đến giờ ăn trưa. Xem ra đây không phải là lần đầu tiên cụ phải vào để chấm dứt những cuộc tranh cãi như thế này. Ca-chi-a lầm lì cúi đầu xuống nghe. Ni-cô-lai An-tô-nứt thì nghe cụ ra vẻ lịch thiệp nhưng cũng có vẻ hạ cố...

Tôi chờ bà cụ cùng ông ta đi ra và chia tay với Ca-chi-a. Tôi ra về lòng nặng trĩu. Tôi rất thương họ, cả bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, cả bà cụ và Ca-chi-a. Những sự thay đổi trong nhà Ta-ta-ri-nốp làm tôi rất băn khoăn.

Chương 7

Các nhận xét bên lề sách. Những con chuột của Va-li-a người quen cũ

Đó là năm cuối cùng ở trong trường học. Thực thà mà nói thì phải ngồi học, chứ không phải là đi trượt băng hay đến nhà người ta mà chơi. Được mấy môn như toán và địa lý tôi học khá. Nhưng cũng còn một số môn học khá dở như văn chẳng hạn.

Thầy giáo dạy văn của chúng tôi là Li-khô, một người đần độn mà cả trường đều gọi là Li-khô lừa. Lúc nào ông cũng đội cái mũ kiểu vùng Cu-ban. Thế là tôi liền vẽ lên bảng đen một cái mũ như thế này, bên trên có hình hai cái tai lừa. Li-khô không thích tôi vì những lẽ sau đây. Thứ nhất, có một lần ông ta đọc gì đó và nói "trừu tượng" thành ra "chìu tượng". Tôi đứng lên sửa lại. Chúng tôi cãi nhau, tôi đề nghị đi hỏi Viện hàn lâm khoa học. Ông ta giận lắm.

Lẽ thứ hai là đa số học sinh khi làm luận thường hay chép ở sách và các bài báo hoặc đọc các bài bình luận rồi chép vào... Nhưng tôi không thích làm như thế. Tôi làm bài trước rồi mới đọc bài bình luận sau. Và như thế thì Li-khô lại không thích.

Ông ấy phê thế này: "Muốn tỏ ra độc đoán. Nhưng yếu lắm!" Hẳn ý ông ta muốn nói "độc đáo" chứ ai lại muốn độc đoán là cái gì? Tóm lại tôi sợ môn văn học năm nay sẽ bị điểm "kém".

Để làm bài luận "tốt nghiệp" cuối cùng, Li-khô ra cho chúng tôi mấy đầu đề, trong đó có một đề tôi thích là "Nông dân trong nền văn học sau cách mạng tháng Mười". Tôi hăm hở bắt tay vào viết theo đề này, nhưng chẳng mấy chốc đã chán, có lẽ nguyên do vì những cuốn sách Ca-chi-a cho tôi mượn. Sau khi đọc những cuốn sách này tôi cảm thấy bài văn của tôi tẻ ngắt.

Nếu chỉ nói đó là những cuốn sách hay thì chưa đủ. Đó là sách của bố Ca-chi-a, sách của một thuyền trưởng đi thám hiểm Bắc cực đã bị mất tích giữa vùng băng tuyết như Phơ-ran-cơ-lin, Ăng-đrê và nhiều người khác đã từng mất tích.

Xưa nay chưa bao giờ tôi xem sách chậm rãi như thế. Hầu như trang sách nào cũng có những ghi chú, nhiều dòng được gạch dưới, rất nhiều dấu hỏi và chấm than ở lề sách. Có chỗ thuyền trưởng "hoàn toàn đồng ý", có chỗ lại "hoàn toàn không tán thành". Ông tranh luận với Nan-xen, điều đó làm tôi kinh ngạc. Ông chỉ trích Nan-xen rằng chỉ còn có bốn trăm cây số nữa thì đến tột cùng Bắc cực thế mà lại quay về đất liền. Trên tấm bản đồ kèm trong sách của Nan-xen, điểm cực Bắc trong cuộc hành trình của Nan-xen có khoanh bằng chì đỏ. Rõ ràng là người thuyền trưởng rất quan tâm đến vấn đề này nên trong những cuốn sách khác ông đã nêu ra rất nhiều lần về cái điểm cực Bắc này trên các lề trắng. Có chỗ ông ghi dọc trang sách "bản thân lớp băng sẽ giải quyết vấn đề này". Tôi lật trang khác thì bỗng thấy một tờ giấy đã úa vàng rơi ra khỏi sách. Trên tờ giấy này cũng viết chi chít cùng nét chữ ấy. Dưới đây là đoạn ghi trên trang giấy đó:

"... Loài người đã hết sức để tâm đến vấn đề này, mặc dù trước đây đại đa số các nhà thám hiểm chỉ còn thấy nơi đó là một nấm mồ tàn khốc, song việc giải quyết vấn đề này đã trở thành cuộc đua tranh hoàn toàn có tính chất dân tộc. Trong cuộc chạy đua ấy hầu như tất cả các nước văn minh đều có người tham gia, duy chỉ có người Nga là chưa thấy. Mà thực ra thì ngay từ thời kỳ Lô-mô-nô-xốp, người Nga đã rất nhiệt tình với vấn đề thám hiểm Bắc cực và đến nay nhiệt tình ấy vẫn chưa nguôi. A-mun-xen vẫn hy vọng rằng bất kỳ như thế nào cũng phải để lại niềm vinh dự mở đường lên Bắc cực về cho người Na-uy. Nhưng năm nay chúng ta cũng sẽ đi và chứng minh cho toàn thế giới biết rằng cả người Nga cũng có thể lập nên công trạng đó".

Hẳn đây là một đoạn trích trong bản báo cáo nào đó, bởi vì ở mặt sau có đề gửi "Tổng Cục Địa lý thủy văn" và ngày tháng ghi "Ngày mười bảy tháng Tư năm 1911".

Thì ra ước vọng của bố Ca-chi-a muốn đi sâu là như thế! Cũng như Nan-xen, ông muốn đi theo những tảng băng trôi lên miền Bắc càng xa càng tốt, rồi dùng xe tuyết do chó kéo để đi đến Bắc cực. Theo thói quen tôi liền làm ngay một con tính xem nếu ông ta đáp máy bay lên Bắc cực thì nhanh hơn được bao nhiêu lần.

Chỉ có một điều chưa rõ là: mùa hè năm 1912 chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" từ Pê-téc-bua đi Vla-đi-vô-xtốc. Sao ở đây lại nói đến Bắc cực?

Ngày hôm sau, trước bữa ăn sáng tôi chạy đến phòng thường trực gọi dây nói cho Ca-chi-a:

- Ca-chi-a, chẳng lẽ ba cậu đi Bắc cực à?

Hẳn cô không ngờ tới câu hỏi như vậy nên tôi chỉ nghe thấy tiếng cô ậm ừ ngái ngủ và ngạc nhiên. Sau đó cô mới nói:

- Không, không phải, vậy sao cơ?

- Chẳng sao cả, ông cụ định từ điểm cực Bắc của Nan-xen đã đi qua, dùng xe tuyết do chó kéo để đến Bắc cực. Chà! Cô ơi!

- Sao lại "Chà, cô ơi"?

- Những việc như thế của bố mình mà lại không biết. Hôm nay cậu có rỗi không?

- Mình đến vườn bách thú cùng với Ki-rơ-ca.

Hừ, đi chơi vườn bách thú! Đã lâu Van-ca cứ rủ tôi đến vườn bách thú xem những loài gặm nhấm của nó. Cho đến nay tôi vẫn chưa định xem thì cũng tệ thật!

Tôi hẹn sẽ gặp Ca-chi-a ở lối vào.

Ki-rơ-ca chính là cô Ki-ren mà trước đây đã đọc "Đu-brốp-xki" và cố cãi rằng "Ma-sa đã lấy Đu-brốp-xki". Bây giờ cô ta đã trở thành một cô gái lớn có mái tóc tết đuôi sam vàng óng. Cô ta vẫn đứng ngây ra nhìn vào miệng Ca-chi-a và lắng nghe từng câu từng chữ của Ca-chi-a như trước. Chỉ có cái khác là thay cho lời cãi lại cô chỉ cười ha há, rất đột ngột, rất to làm cho mọi người phải giật mình. Còn Ca-chi-a thì dùng cái động tác nhẫn nại quen thuộc của cô ta là bịt chặt lấy hai tai.

Tôi đã dặn Van-ca đón tôi ở cổng, nhưng không hiểu tại sao nó lại không có ở đấy. Nó đã khoe rằng có thể đưa chúng tôi vào xem không phải mua vé, nếu bây giờ lại đi mua vé thì thật ngốc.

Cuối cùng nó cũng đến. Nó đỏ mặt lên khi tôi giới thiệu với hai cô gái và ấp úng rằng chỉ sợ "các bạn không thích xem các loại gặm nhấm". Ca-chi-a lịch sự bác lại rằng, trái lại cô rất thích, nếu xét về loại gặm nhấm theo như bài cậu ta đã cãi để bênh vực cho Ép-ghê-ni Ô-nê-ghin. Thế là chúng tôi trịnh trọng đi qua trước mặt người gác cổng mà Van-ca đã nói đến ba lần

rằng nó là nhân viên làm việc ở trong phòng thực nghiệm động vật, còn những người này đến "gặp nó".

Vườn bách thú hồi đó không giống như ngày nay. Nhiều gian đóng cửa, nhiều gian khác chỉ là những khoảng đất lộ thiên phủ đầy tuyết. Van-ca nói rằng ở những khoảng đất này nuôi những con chồn, chúng ở trong hang vân vân... Nhưng chúng tôi chẳng nhìn thấy con chồn nào cả và nói chung là chẳng có gì hết ngoài tuyết nên đành phải tin ở lời cậu ta vậy.

Nó chỉ sốt ruột muốn cho chúng tôi xem loài gặm nhấm của nó nên không để chúng tôi xem hổ, xem voi và những con vật thú vị khác mà lôi thẳng chúng tôi đi hết vườn bách thú đến một căn nhà bẩn thỉu. Loài gặm nhấm của thằng Van-ca nuôi ở trong căn nhà này. Tôi không biết mỗi đứa chúng tôi đã hiểu cái từ này như thế nào, nhưng sau khi xem xong thì ai nấy đều làm ra vẻ mình vẫn biết từ lâu rằng loài gặm nhấm chỉ là những con chuột bình thường.

Lũ chuột nhiều lắm, và như Van-ca hãnh diện tuyên bố thì con nào cũng mang bệnh truyền nhiễm. Nó nói trong số loài gặm nhấm do nó trông coi còn có cả dơi và nó vẫn dùng tay cho dơi ăn sâu bọ. Nói chung là cũng khá hay tuy căn nhà rất hôi thối, còn Van-ca thì cứ thao thao bất tuyệt.

Chúng tôi nghe hắn kể mà rất phục, nhất là Ki-ren. Sau đó cô ta bỗng rùng mình một cái và nói rằng cô rất ghét loài chuột.

- Đồ ngốc, - Ca-chi-a khẽ nói với cô ta.

Ki-ren cười vang lên.

- Không, thật đấy, đến khiếp, - cô ta nói.

Van-ca cũng cười. Tôi thấy nó bực thay cho những con chuột của nó. Chúng tôi cám ơn nó rồi đi xem tiếp.

- Thật chán chết! Đi xem khỉ còn hơn. - Ki-ren đề nghị.

- Và chúng tôi đi xem khỉ.

Ở đây mới thật là hôi hám! Ngay đến cái gian loài gặm nhất của thằng Van-ca cũng không đến nỗi như thế. Ki-ren nói rằng cô ta sẽ nhịn thở.

- Này, thế người trông nom ở đây thì người ta làm thế nào? - Ca-chi-a hỏi.

Tất cả chúng tôi đều nhìn sang người coi chuồng thú đang đứng ngây ra bên cạnh cái buồng sắt nhưng có vẻ quan trọng lắm.

Đó chính là Gai-e Cu-li! Lúc đầu tôi còn nghi ngờ. Đã hơn mười năm nay tôi không gặp lão ta rồi còn gì. Nhưng lão ta bước lên và nói với cái giọng khê nồng đáng ghét:

- Con khỉ ma-ca-ca.

Đúng lão ta rồi!

Tôi nhìn lão chằm chằm, nhưng lão không nhận ra tôi. Lão già rồi, cái mũi nom như mỏ vịt. Bộ tóc quăn cũng không như trước mà nay lưa thưa, bẩn thỉu, bạc đi rồi. Từ hình ảnh lão Gai-e Cu-li hùng dũng xưa kia, nay chỉ còn lại lão già có bộ ria vểnh và những nốt trứng cá.

- Ở ngực và ở bụng loài động vật này, - Gai-e tiếp tục nói bằng giọng đe dọa, dạy đời mà tôi vốn quen thuộc, - các bạn có thể nhìn những cái đầu vú của chúng chính là bộ phận để phát triển bằng sữa của con chúng.

Đúng lão, đúng là lão ta! Tôi thấy buồn cười. Ca-chi-a hỏi tôi cười cái gì. Tôi ghé sát vào tai cô thì thầm:

- Nhìn lão ta mà xem.

Ca-chi-a nhìn.

- Cậu có biết ai đấy không?

- Ai cơ?

- Bố dượng mình đấy?

- Chỉ bậy!

- Thật đấy!

Cô nhướn mày lên tỏ vẻ nghi ngờ rồi lại chớp chớp mắt và tiếp tục nghe.

- Đến chuồng sau, các bạn sẽ trông thấy loài khỉ thuộc họ vượn trông rất giống người. Loài khỉ vượn này thường có những cơn buồn. Lúc đó nó lồng lộn lên ở trong chuồng như phát điên.

Con khỉ vượn tội nghiệp! Tôi sực nhớ hồi xưa đã bị những "cơn buồn" mỗi khi tên đê tiện này mở đầu những câu chuyện vô tận của hắn.

Tôi liếc nhìn Ca-chi-a và Ki-ren. Nhất định các cô này sẽ cho tôi là bị bệnh thần kinh đây! Nhưng nếu tôi bỏ lỡ cơ hội ngày hôm nay thì chính tôi cũng sẽ không tự trọng mình được nữa.

- Nét gạch phải thẳng, - tôi khẽ nói.

Lão đưa mắt nhìn tôi, nhưng tôi giả bộ đang chăm chú nhìn con khỉ vượn.

- Đến chuồng sau, - Gai-e tiếp tục giảng giải, - các bạn sẽ thấy con vượn không đuôi của vùng Ghi-bơ-ran-ta-rơ. Nó y như trẻ con. Trong mồm nó có một cái túi thịt thường dùng để dự trữ những thứ ngon trong thức ăn.

- Thôi, rõ rồi, - tôi nói. - Người nào cũng muốn kiếm được một miếng béo bở. Nhưng có thể gọi miếng béo bở đó là một hiện tượng đảm bảo hay không thì lại là vấn đề khác.

Chính tôi cũng không ngờ là tôi còn thuộc lòng cái câu lăng nhăng ấy như vậy. Ki-ren cười rú lên. Gai-e không nói nữa và nhìn tôi một cách đần độn nhưng có vẻ nghi ngờ. Có lẽ một kỷ ức mờ mịt nào đó đã thoáng hiện lên trong cái đầu ngu độn của lão... Nhưng lão ta vẫn không nhận ra tôi. Nhận ra thế nào được!

- Chúng tôi cho chúng ăn no, - lão ta đã đổi sang cái giọng đều đều buồn bã và nói tiếp. - Ngày nào chúng cũng cứ ra công mà nhai. Con người không thể ăn nhiều như giống vật này được.

Lão cảm thấy lại nói miên man vội dừng lại.

- Các bạn hãy xem mông đít chúng kia, - lão nói tiếp, - các bạn sẽ thấy bộ phận đó của chúng đỏ lạ thường. Đó không phải là do thịt, mà là lớp vỏ cứng, giống như lớp da chai lại.

- Xin ông cho biết, - tôi hỏi rất nghiêm túc. - Có những loài khỉ biết nói không?

Ki-ren cười.

- Không thấy nói đến loài ấy, - Gai-e ngập ngừng nói. Lão không biết là tôi nhạo báng hay nói thật.

- Tôi có nghe nói đến một con khỉ, lúc đầu nó làm ở bến tàu, - tôi nói tiếp, - về sau người ta đuổi nó đi, và con khỉ này bèn dạy trẻ con.

Gai-e cười miễn cưỡng.

- Trẻ con nào?

- Con người khác. Nó lấy giá để giày đánh trẻ con, - tôi nói tiếp và cảm thấy tim đập rất mạnh vì những ký ức này, - đặc biệt là đánh đứa con gái, vì thằng con trai biết đâu có thể đánh lại nó.

Tôi càng nói càng to tiếng. Gai-e há hốc miệng ra nghe. Bỗng lão ta sợ hãi ngậm mồm lại, chớp mắt lia lịa.

- Bọn trẻ con ăn bữa trưa xong là phải cám ơn con khỉ này... - Tôi lấy khuỷu tay hẩy Ki-ren đang sợ hãi nắm tay tôi. - Mặc dù con khỉ đê tiện ấy chẳng làm lụng gì cả mà chỉ sống dựa vào người khác và từ sáng đến tối chỉ ra công đánh đôi giày da chết tiệt của nó. Sau đó nó gia nhập tiểu đoàn cảm tử, do đó mà được lĩnh hai trăm rúp và bộ đồ lính mới. Con khỉ ấy lại còn đọc cả diễn văn nữa! - Hình như lúc đó tôi đã nghiến răng ken két. -

Sau khi tiểu đoàn cảm tử này bị đánh tan thì con khỉ ấy chuồn khỏi thành phố và mang theo toàn bộ của cải trong nhà.

Chắc lúc đó tôi hét lên ghê quá nên Ca-chi-a bỗng nhiên đứng chen vào giữa tôi và Gai-e.

Gai-e ấp úng gì đó rồi dựa lưng vào chuồng khỉ. Lão ta đã nhận ra tôi. Môi lão méo xệch đi.

- Xa-nhi-a! - Ca-chi-a nói như ra lệnh.

- Gượm đi! - Tôi gạt cô ra. - Thật là may mắn cho con khỉ đó vì nó đã chuồn mất. Nếu không thì tôi đã cho nó...

- Xa-nhi-a!

Tôi còn nhớ điều làm cho tôi ngạc nhiên là bỗng nhiên lão ta kêu lên một tiếng rồi lấy hai tay ôm đầu. Tôi trấn tĩnh lại, cười gượng và nhìn sang Ca-chi-a. Tôi thấy xấu hổ vì mình đã hét to quá.

- Đi thôi! - Cô nói cụt lủn.

Chúng tôi lẳng lặng đi trong vườn bách thú. Tôi thấy Ki-ren sợ hãi chớp mắt lia lịa và đi xa ra. Ca-chi-a đang nói thầm gì bên tai cô.

- Thằng đê tiện! - Tôi nói lúng búng.

Mãi tôi không trấn tĩnh được.

- Hôm nay mình sẽ nhờ Van-ca đưa giấy báo cho ban phụ trách vườn bách thú. Tại sao họ lại thu nhận một con người đê tiện như thế? Hắn là một tên bạch vệ.

- Thú thực là giờ đây mình sợ cậu đấy, - Ca-chi-a nói. - Hóa ra cậu có máu điên. Kìa môi cậu cũng trắng bệch ra kia kìa.

- Bởi vì mình muốn giết lão ta, - tôi nói. - Thôi được, mặc xác nó! Chúng mình nói sang chuyện khác đi. Các cậu có thích lũ vượn không?

Chương 8

Dạ hội

Trong trường tôi có một xưởng mộc. Mỗi buổi tối tôi đều đến đó làm việc. Đúng hồi đó chúng tôi nhận được một đơn hàng lớn đặt làm những dụng cụ học tập cho các trường nông thôn, nên có thể kiếm được kha khá.

"Nông dân trong nền văn học sau cách mạng tháng Mười" đã được viết xong. Tôi cáu tiết viết xong trong một đêm. Song tôi còn những món nợ khác, ví dụ như môn Đức văn mà tôi không thích. Tóm lại là thời gian cuối học kỳ tôi và Ca-chi-a chỉ ra sân băng có một lần mà cũng không trượt băng. Sân băng bị rách nát. Từ sáng có những đội khúc côn cầu tập ở đây. Chúng tôi chỉ uống nước trà ở quầy giải khát.

Ca-chi-a hỏi tôi là đã viết giấy báo về lão bố dượng tôi chưa.

- Chưa, mình chưa viết. Nhưng Van-ca nói rằng dù sao thì lão ta cũng không còn ở đấy nữa.

- Thế thì lão ta đâu?

- Có ma quỉ biết được. Chuồn rồi!

Tôi thấy hình như Ca-chi-a muốn hỏi tại sao tôi lại căm thù

lão ta như vậy, nhưng tôi rất không muốn nhớ tới tên đê tiện ấy nữa nên lặng thinh. Cuối cùng cô ta cũng hỏi. Tôi đành phải kể lại rất vắn tắt về cuộc sống của chúng tôi ở En-xcơ, về cái chết của cha tôi ở trong tù và việc mẹ tôi đã lấy Gai-e như thế nào. Ca-chi-a rất ngạc nhiên là tôi còn có em gái.

- Tên em cậu là gì?

- Cũng là Xa-nhi-a.

Cô ta càng ngạc nhiên hơn khi biết là từ khi rời khỏi En-xcơ đến nay, tôi không hề viết cho em gái một lá thư nào.

- Cô ấy bao nhiêu tuổi?

- Mười sáu.

Ca-chi-a căm phẫn nhìn tôi.

- Đồ con lợn!

Việc đó quả là tệ thật. Tôi đã thề là nhất định sẽ viết thư về En-xcơ.

- Chờ tốt nghiệp rồi sẽ viết. Còn bây giờ biết viết cái gì. Mình cũng đã thử viết mấy lần. Chỉ toàn là anh còn sống, vẫn khỏe. Chẳng ra làm sao cả.

Đó là lần gặp mặt cuối cùng của chúng tôi trước kỳ nghỉ đông. Sau đó lại là bài học và bài học, lại đọc và đọc. Tôi dậy từ sáu giờ sáng rồi nghe đọc "Nguyên lý chế tạo máy bay". Còn buổi tối thì làm ở xưởng mộc, có khi làm một mạch đến khuya.

Rốt cuộc, rồi cũng hết nửa năm học. Mười một ngày nghỉ! Việc đầu tiên tôi làm là gọi dây nói cho Ca-chi-a và mời cô ta đến trường dự cuộc khiêu vũ hóa trang.

Trên tờ quảng cáo có viết rằng tính chất cuộc khiêu vũ này là bài trừ mê tín. Nhưng các học sinh chẳng ai chú ý đến cái ý định ấy. Chỉ có hai ba bộ quần áo hóa trang phù hợp với chủ đề bài trừ

mê tín. Như Su-ra Cốt-trơ-nhép mà mọi người đã có câu hát về cậu ta như sau:

Cứ mười hai giờ đêm đúng
Cô-tran từ phòng ngủ đi ra.

Hôm nay cậu ta cải trang thành một thầy dòng Ba-lan, trông rất đạt. Áo dài đen và chiếc mũ rộng vành rất hợp với khổ người cao lêu nghêu của cậu ta. Cậu ta đi đi lại lại điệu bộ hung ác, nhưng thấy cái gì cũng lại sợ hãi. Cậu ta đóng khéo nên rất buồn cười. Những cậu kia thì chỉ kéo lê chiếc áo lễ dài trên sàn cười hô hố.

Ca-chi-a đến rất muộn, tôi đang định chạy đi gọi dây nói cho cô ta. Cô bị lạnh cóng mặt ửng lên như một củ cải đỏ. Vừa bước vào phòng gửi áo, trong lúc tôi gửi hộ cô áo khoác và đôi ủng, cô chạy vội đến bên lò sưởi.

- Lạnh khiếp thật! - Cô nói và ghé má vào bên lò sưởi, - đến hăm nhăm độ âm!

Cô mặc chiếc áo váy dài bằng nhung xanh cổ viền, ở đuôi sam có thắt cái nơ to màu xanh.

Cái nơ cùng chiếc áo váy màu xanh, cổ lại đeo chuỗi hạt san hô mảnh dẻ hợp với cô lạ lùng. Cô rất khỏe, chắc, đồng thời lại rất thanh tú và cân đối. Trong phòng lớn đã bắt đầu cuộc khiêu vũ, tôi cùng Ca-chi-a vừa bước vào phòng thì lập tức những tay nhảy cừ nhất của trường tôi liền bỏ ngay bạn gái của mình chạy ùa đến với cô ta. Lần đầu tiên trong đời tôi đã hối hận vì mình không biết nhảy. Nhưng còn biết làm sao được. Tôi ra vẻ bất cần và đi vào phòng hóa trang ở hậu trường để xem các diễn viên. Trong đó họ đang chuẩn bị ra biểu diễn và bọn con gái đuổi tôi ra. Tôi trở lại phòng lớn. Vừa may lúc đó cũng vừa kết thúc một bài van-xơ. Tôi gọi Ca-chi-a. Chúng tôi ngồi xuống tán chuyện.

- Ai đấy? - Bỗng dưng cô hốt hoảng hỏi tôi.

Tôi nhìn lên.

- Đâu?

- Kia kìa, tóc hung ấy.

Chẳ có gì lạ cả, đó chỉ là Rô-ma-sca. Cậu ta ăn vận rất diện, cổ thắt chiếc ca-vát mà tôi đã từng phải cược tiền để mượn. Theo con mắt của tôi thì hôm nay trông cậu ta không đến nỗi nào, thế mà Ca-chi-a cứ nhìn cậu ta với vẻ ghê sợ.

- Tại sao cậu không cảm thấy nhỉ? Hắn ta thật đáng sợ, - cô nói thế. - Cậu quen rồi nên không để ý thấy nữa. Trông hắn ta giống hệt như U-ri-a Ghíp[1].

- Giống ai cơ?

- Giống U-ri-a Ghíp.

Tôi làm ra vẻ mình cũng biết là U-ri-a Ghíp nên nói lấp lửng:

- À, à...

Nhưng Ca-chi-a đâu phải là người dễ bị lừa.

- Ồ cái cậu này, đến Đích-ken cũng không đọc mà cứ được vơ là uyên bác đấy! - Cô ta nói.

- Ai bảo mình là uyên bác?

- Mọi người. Mình có nói chuyện với một cô ở trường cậu. Cô ta bảo: "Gri-gô-ri-ép là một nhân tài rạng rỡ". Hừ, nhân tài như thế đấy! Không đọc Đích-ken!

Tôi giải thích cho cô rằng tôi đã đọc tác phẩm của Đích-ken rồi, duy chỉ có chưa đọc truyện nào về U-ri-a Ghíp thôi. Nhưng lúc đó dàn nhạc lại nổi lên và thầy giáo thể thao của chúng tôi mà mọi người đều chỉ gọi là thầy Gô-sa đến mời Ca-chi-a nhảy. Tôi lại ngồi một mình. Lần này người ta để cho tôi vào phòng

---

(1) U-ri-a Ghíp là nhân vật tiêu cực trong tác phẩm "Đa-vít Cốp-pơ-phin" của văn hào Anh Đích-ken. - N.D.

diễn viên và lại còn giao việc cho tôi làm: hóa trang cho một nữ sinh làm cố đạo Do-thái. Đó là một nhiệm vụ không dễ dàng. Tôi loay hoay giúp cô ta đúng nửa tiếng đồng hồ, khi tôi trở lại phòng lớn Ca-chi-a vẫn còn đang nhảy, lần này cô nhảy với Van-ca.

Thật là một cảnh tượng khá nực cười. Mắt thằng Van-ca không rời khỏi chân nó, làm như đôi chân nó là cái gì hay lắm, có giời biết được. Còn Ca-chi-a thì đẩy nó đi, cô bực mình vừa nhảy vừa phải dạy nó. Không hiểu sao tôi lại cảm thấy buồn.

Có người móc lên cúc áo tôi một con số làm trò chơi truyền tin. Tôi như một tội phạm ngồi đó buồn thiu với con số đeo trước ngực. Bỗng có ngay hai bức thư đưa đến, một bức thư viết: "Vờ vịt thế đủ rồi. Hãy nói thực xem cậu thích ai nhất? Thư trả lời giao cho số 140". Chữ "thực" lại đi viết là "thục". Còn bức thư thứ hai chả có đầu đuôi gì cả: "Gri-gô-ri-ép - một nhân tài rạng rỡ mà lại chưa đọc Đích-ken". Tôi ngầm dọa Ca-chi-a. Cô ta cười, thôi không nhảy với Van-ca nữa, đến ngồi bên cạnh tôi.

- Các cậu ở đây vui thật đấy, - cô nói, - chỉ phải cái nóng quá thôi. Thế nào bây giờ cậu sẽ học nhảy không?

Tôi nói là sẽ không học, cùng Ca-chi-a đi vào lớp học của tôi. Ở đây bày biện như là một cái phòng nghỉ trong nhà hát: ở bốn góc tường xếp những ghế bành dùng diễn vở bi kịch "Thời gian đã đến" - những bóng đèn bọc giấy xanh đỏ. Chúng tôi ngồi lên cái bàn học của tôi. Chiếc bàn cuối cùng ở dãy bên phải. Tôi không nhớ là lúc đó chúng tôi nói những chuyện gì, nhưng là những chuyện rất nghiêm túc, - hình như nói về phim ảnh có tiếng nói thì phải. Ca-chi-a tỏ vẻ chưa tin có thể làm được như vậy, còn tôi thì nêu ra để chứng minh cho cô bằng những số liệu về tốc độ so sánh giữa âm thanh và ánh sáng.

Trên đầu chúng tôi có một ngọn đèn xanh chiếu xuống nên người cô toàn màu xanh. Có lẽ chính vì thế mà tôi đã dám tỏ ra

mạnh dạn. Đã từ lâu tôi rất muốn hôn cô một cái, ngay từ lúc cô mới đến, người lạnh cóng, hai má đỏ ửng lên phải ghé lại gần lò sưởi. Nhưng lúc đó không thể làm như thế được. Còn giờ đây, khi mà cô là một màu xanh thì điều đó có thể được. Tôi nói được nửa câu thì im bặt, nhắm mắt lại và hôn lên má cô.

Chao ôi, cô nổi cáu ghê quá!

- Thế là nghĩa làm sao? - Cô nghiêm giọng hỏi.

Tôi nín lặng. Tim tôi đập thình thình. Tôi lo rằng cô sẽ nói "Chúng ta không quen nhau" hoặc là những câu tương tự như vậy.

- Thật là tệ mạt! - Cô phẫn nộ nói.

- Không, không tệ mạt đâu, - tôi lúng túng chống chế.

Chúng tôi ngồi lặng im một lát rồi Ca-chi-a đề nghị lấy cho cô cốc nước. Khi tôi đem nước đến thì cô lên lớp cho tôi cả một bài. Cô chứng minh như hai với hai thành bốn rằng tôi không yêu cô mà "chẳng qua chỉ tưởng là thế", và nếu vừa rồi không phải Ca-chi-a mà là một cô gái khác thì tôi cũng đã hôn cô ấy.

- Cậu chẳng qua chỉ cố ép mình phải tin vào điều đó, - cô khẳng định, - còn trên thực tế thì chả có gì giống như thế!

Cô cũng cho rằng tôi không muốn làm cô giận - mà đúng là có như thế thật. Song dẫu sao tôi cũng không nên hành động như vậy, bởi vì tôi chỉ lừa dối mình chứ thực ra tôi chẳng có tình cảm gì...

- Chả có chút tình cảm yêu đương nào cả, - cô im lặng một lúc rồi nói tiếp. Tôi cảm thấy cô đỏ mặt lên.

Tôi nắm lấy tay cô để thay cho câu trả lời, đưa tay cô xoa lên má, lên mắt tôi. Cô không rụt tay lại và chúng tôi cứ ngồi như thế mấy phút lặng lẽ trên cái bàn học của tôi trong lớp học tranh tối tranh sáng. Chính ở cái lớp học này các thầy giáo đã từng truy bài tôi và tôi đã phải "bơi" trong những giờ học đó. Tôi đã từng đứng trước cái bảng đen kia để chứng minh các định lý. Và

trong cái ngăn bàn này vẫn còn những mẩu giấy vò nhàu mà khi thì Van-ca mang vào để xem trộm. Thật lạ lùng, song cũng thích biết bao! Tôi thật không thể diễn đạt nổi trong giây phút ấy lòng tôi sảng khoái biết nhường nào!...

Sau đó tôi cảm thấy ở góc tường có ai đang thở dốc. Tôi quay lại và trông thấy Rô-ma-sca. Không hiểu sao nó lại thở hồng hộc lên thế, nhưng dáng điệu nó thì thật quá đê tiện. Tất nhiên nó hiểu ngay là chúng tôi đã trông thấy. Nó lắp bắp gì đó rồi gượng cười và đi đến chỗ chúng tôi.

- Gri-gô-ri-ép, tại sao cậu không giới thiệu mình?

Tôi đứng dậy. Chắc là thái độ tôi lúc đó chẳng khách khí gì cho nên nó sợ hãi chớp mắt rồi lủi mất. Thật nực cười là nó đã hoảng ngay như vậy. Cả hai chúng tôi cùng cười phá lên. Ca-chi-a nói nó không những chỉ giống U-ri-a Ghíp mà còn giống một con cú mèo, tóc hung, mũi khoằm và mắt tròn xoe. Cô đã đoán đúng: trong lớp thỉnh thoảng tôi cũng trêu Rô-ma-sca, gọi nó là "cú mèo". Chúng tôi lại ra phòng lớn.

Su-ra Cốt-trơ-nhép gặp chúng tôi ở cửa và ra vẻ hoảng hốt một cách hài hước. Tôi giới thiệu cậu ta với Ca-chi-a. Cậu ta bèn ban phước cho Ca-chi-a làm như một vị cha cố thực thụ, thậm chí còn đưa bàn tay run run đặt lên môi cô nữa.

Cuộc khiêu vũ đã kết thúc. Tiếp theo là phần trình diễn các tiết mục văn nghệ. Đội kịch của chúng tôi diễn các đoạn trích trong vở "Quan thanh tra".

Tôi và Ca-chi-a ngồi ở hàng ghế thứ ba, nhưng chẳng nghe thấy gì cả. Ít nhất thì cũng là riêng tôi. Tôi cho là cả Ca-chi-a cũng vậy.

Tôi ghé vào tai Ca-chi-a nói thầm:

- Chúng mình sẽ nói chuyện tiếp. Đồng ý không?

Cô nghiêm nghị nhìn tôi và gật đầu.

Chương 9

Cuộc hẹn hò đầu tiên - đêm không ngủ

Đối với tôi đây không phải là lần đầu tiên khi cuộc sống đang tiến lên theo một con đường có thể nói là thẳng tắp, bỗng dưng có một bước ngoặt lớn và rồi bắt đầu những đường bay lắt léo "Bốt-ki" và "Im-men-man"[1].

Đó là khi tôi mới là một thằng bé lên tám tuổi đánh rơi con dao nhíp bên cạnh người lính gác bị giết trên cầu phao. Đó là khi tôi ở phòng tiếp nhận trẻ của Bộ Giáo dục nhân dân do buồn quá ngồi nặn ra những con giống. Đó là khi tôi tình cờ chứng kiến cái "âm mưu" định làm hại thầy Cô-ra-bơ-li-ốp và sau đó bị đuổi ra khỏi nhà Ta-ta-ri-nốp. Và lần này cũng vậy, khi tôi lại bị đuổi ra mà là đuổi vĩnh viễn.

Bước ngoặt lần này bắt đầu như sau. Tôi và Ca-chi-a hẹn gặp nhau ở trước cửa một hiệu thợ thiếc ở ngõ Ô-ru-giây-nưi, nhưng cô không đến.

---

(1) Tên gọi những kiểu đường bay của thuật lái máy bay cao cấp. - Chú thích của tác giả.

Vào cái ngày buồn phiền đó chẳng có việc gì trôi chảy cả. Tôi chuồn bỏ tiết học thứ sáu. Việc làm này thật ngu xuẩn, bởi vì thầy giáo Li-khô đã hẹn là sau giờ học sẽ trả bài tập làm văn ở nhà. Tôi muốn suy nghĩ kỹ câu chuyện sẽ nói với Ca-chi-a.

Song đứng đó thì làm sao mà suy nghĩ được. Chỉ một lát thôi tôi đã rét cóng như con chó, chỉ ra công mà giậm chân và xoa tai, xoa mũi.

Thế mà lại rất thú vị! Bắt đầu từ ngày hôm qua mọi sự đều thay đổi lạ thường! Ví dụ như hôm qua tôi còn có thể nói: Ca-chi-a là đồ ngốc! Nhưng hôm nay thì không được. Hôm qua tôi có thể mắng cô đến chậm, còn hôm nay thì không được. Nhưng cứ nghĩ rằng đó chính là cô bé Ca-chi-a đã hỏi tôi đọc "Ê-lê-na Rô-bin-sơn" chưa, chính cô bé Ca-chi-a đã bị tôi bạt tai và đánh vỡ cái nhũ kế thì lại càng thấy thú vị. Có phải là cô thật không?

"Chính cô ta!" Tôi vui sướng nghĩ.

Song giờ đây cô không còn là cô như trước, mà tôi cũng không phải là tôi trước kia nữa.

Một tiếng đồng hồ trôi qua. Trong ngõ rất tĩnh mịch, chỉ có người thợ thiếc bé nhỏ, mũi to từ trong cửa hàng đi ra mấy lượt, nhìn tôi với vẻ sợ sệt, nghi ngờ. Tôi quay lưng về phía ông ta, nhưng việc đó chỉ càng làm cho ông ta nghi ngờ thêm. Tôi đi sang mé bên kia đường, song ông ta vẫn đứng ở giữa đám hơi nước mù mịt ở ngưỡng cửa y như hình tượng Chúa trên trần nhà thờ ở En-xcơ ấy! Tôi đành xuống dốc đường đi về phố Tve-rơ-xcai-a...

Khi tôi trở về đến trường thì mọi người đã ăn cơm trưa xong. Tôi đến nhà bếp để sưởi liền được bác bếp mắng cho một trận kèm theo một đĩa khoai tây nóng. Tôi lặng lẽ ăn hết đĩa khoai rồi

đi tìm Van-ca. Nhưng Van-ca lại ở ngoài vườn bách thú. Lão Li-khô đã đưa bài luận của tôi cho Rô-ma-sca.

Tôi đang rối cả ruột nên không để ý thấy Rô-ma-sca hết sức hồi hộp khi gặp tôi. Khi tôi bước vào thư viện mà tôi và nó vẫn quen chuẩn bị bài ở đó thì nó cứ lăng xăng đứng ngồi không yên. Mấy lần nó cười lên vô cớ và vội vã đem trả tôi bài tập làm văn.

- Con lừa Li-khô đúng là con lừa Li-khô, - hắn nói ấp úng. - Nếu mình như cậu thì mình phải kiện lại.

Tôi mở quyển tập làm văn ra xem, trang nào cũng thấy một gạch đỏ dài suốt trang giấy, và dưới cùng ghi: "Duy tâm. Kém quá!"

Tôi thản nhiên thốt ra: "Đồ ngu", gấp mạnh vở lại rồi đi ra. Rô-ma-sca chạy theo tôi. Lạ thật không hiểu sao hôm nay nó lại cứ lăng xăng như vậy: cứ chạy lên trước và nhòm vào mặt tôi. Chắc nó thấy khoái vì bài tập làm văn của tôi bị phê là kém. Lúc đó trong óc tôi không thể nghĩ ra nguyên nhân chính xui nên hành vi này của nó.

- Cái con lừa Li-khô ấy, - nó cứ lải nhải mãi. - Su-ra Cốt-trơ-nhép đã nói về ông ta rất đạt như thế này: "đầu ông như cái sọ dừa, bên ngoài rất cứng nhưng bên trong thì lỏng toẹt".

Nó cười khả ố rồi lại chạy vượt lên trước.

- Cút cha mày đi! - Tôi nghiến răng lại nói.

Cuối cùng nó phải đứng lại...

Các bạn đi xem văn nghệ tập thể vẫn chưa về mà tôi đã lên giường ngủ. Song có lẽ tôi không nên đi nằm sớm như thế. Tôi vừa mới nhắm mắt lại, trở mình một cái thế là cơn buồn ngủ đã biến đi đâu mất.

Đây là lần đầu tiên tôi mất ngủ. Tôi nằm yên và suy nghĩ. Nghĩ gì? Hình như tôi đã nghĩ đến tất cả mọi sự trên đời.

Tôi nghĩ đến thầy Cô-ra-bơ-li-ốp - ngày mai tôi sẽ mang bài tập làm văn của tôi đến để nghị thầy xem cho. Tôi nghĩ đến người thợ thiếc đã tưởng tôi là một thằng ăn cắp. Tôi nghĩ về cuốn sách của bố Ca-chi-a, cuốn "Những nguyên nhân thất bại của đội thám hiểm Gri-li".

Nhưng bất kỳ nghĩ cái gì rồi cuối cùng tôi cũng nghĩ đến Ca-chi-a! Tôi bắt đầu ngủ chập chờn rồi bỗng nhiên tôi lại nghĩ đến cô ta một cách âu yếm đến nỗi người ngây ngất và tim bắt đầu đập chậm đi, nhịp đập vang to hơn. Tôi hình dung thấy cô còn rõ hơn cả khi cô ngồi ngay bên cạnh tôi. Tôi cảm thấy bàn tay đặt trên mắt tôi.

"Thôi được, yêu thì yêu chứ sao. Giờ thì hãy đi ngủ đã, anh bạn ạ", - tôi thầm nhủ.

Giờ đây tuy tôi có hơi buồn ngủ, nhưng trong lòng đang lâng lâng, ngủ đi thì thật là tiếc. Mãi đến rạng sáng, khi bác Pê-chi-a càu nhàu mắng con mèo Ma-hơ-mét của chúng tôi ở dưới bếp, tôi mới chợp mắt được.

Chương 10

Những chuyện không hay

Cuộc hẹn hè thứ nhất và đêm mất ngủ đầu tiên - dù sao đó cũng thuộc về cuộc sống tốt đẹp trước kia. Nhưng đến ngày hôm sau thì bắt đầu có những chuyện không hay.

Ăn sáng xong, tôi gọi dây nói cho Ca-chi-a. Thật đen đủi, người nhận dây nói lại là Ni-cô-lai An-tô-nứt.

- Ai hỏi Ca-chi-a đấy?

- Người quen.

- Là ai mới được chứ?

Tôi im lặng.

- Thế nào?

Tôi đặt ống nói xuống...

Lúc mười một giờ tôi ngồi trong quán hàng rau. Từ đây có thể nhìn thấy toàn bộ phố Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a. Lần này chẳng ai tưởng tôi là thằng ăn cắp cả. Tôi giả vờ gọi dây nói, mua mứt táo, thản nhiên đứng bên cạnh cửa. Tôi đang chờ bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na. Theo kinh nghiệm mấy năm trước, tôi biết giờ nào

thì bà cụ ở chợ về. Cuối cùng bà cụ cũng tới: người gày nhom, lưng còng. Bà cụ vẫn mặc chiếc áo măng-tô kiểu cũ bằng nhung xanh. Mặc dù trời giá rét bà cụ vẫn cầm cái dù. Bà cụ vẫn xách cái túi con mà không lúc nào bà rời nó ra.

- Chào bà Ni-ni Ca-pi-tô-nốp-na!

Bà cụ nghiêm nghị nhìn tôi, chẳng nói chẳng rằng cứ bước đi tiếp. Tôi hết sức ngạc nhiên.

- Bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na!

Bà cụ đặt cái túi xuống đất, đứng thẳng người lên, căm tức nhìn tôi.

- Thế này nhé, chú mày ạ, - bà cụ nghiêm khắc nói.- Do có tình thân cũ nên tao không giận mày. Nhưng đừng để tao nhìn thấy mày, nghe thấy mày nữa nhé.

Đầu cụ hơi rung lên.

- Mày đi đường mày, chúng tao đi đường chúng tao. Đừng có viết thư, đừng có gọi dây nói đến nữa! Đấy tao có thể nói rằng tao thật không ngờ! Rõ ràng là tao đã lầm!

Bà cụ xách cái túi lên rồi - sầm!- cánh cửa sập vào ngay trước mũi tôi.

Tôi há hốc mồm đứng nhìn theo bà cụ. Trong chúng tôi ai đã hóa điên? Tôi hay bà cụ?...

Đó là cuộc nói chuyện không hay đầu tiên. Sau đó còn cuộc thứ hai và sau cuộc thứ hai còn cuộc thứ ba nữa.

Khi tôi trở về thì gặp lão Li-khô ở cổng. Đó thật không phải là lúc để tôi nói chuyện với ông ta về bài tập làm văn của tôi.

Tôi và ông ta cùng đi lên cầu thang. Vẫn như mọi khi, ông ta ngẩng cao đầu, cái mũi đưa đi đưa lại một cách đần độn. Lúc đó tôi rất muốn đá cho ông ta một cái.

- Đồng chí Li-khô, tôi đã nhận được bài tập làm văn, - bỗng tự nhiên tôi nói. - Đồng chí có phê là "Duy tâm". Đó không phải là lời phê, mà là một lời buộc tội, mà muốn buộc tội thì phải luận ra cái tội ấy đã chứ.

- Chúng ta sẽ nói chuyện sau.

- Không, phải bàn ngay bây giờ, - tôi chống lại. - Tôi là đoàn viên thanh niên cộng sản, thế mà đồng chí buộc tội tôi là duy tâm. Đồng chí chẳng hiểu cái gì cả.

- Cái gì? Thế là thế nào? - Ông ta hỏi và cau mày lại.

- Đồng chí không hiểu thế nào là chủ nghĩa duy tâm, - tôi nói tiếp, tôi rất vui sướng nhận thấy sau mỗi lời tôi nói, mặt ông ta lại càng thuỗn ra... - Chẳng qua là vì đồng chí không biết chụp cho tôi cái mũ gì cho nên viết mấy chữ "Duy tâm" vào đây. Chả trách mọi người bảo đồng chí là...

Tôi ngừng lại giây lát, cảm thấy mình sắp nói ra những điều thô bạo. Sau đó tôi cũng nói ra thật:

- Người ta nói rằng đầu ông như cái sọ dừa, bề ngoài thì cứng, bên trong thì lỏng toẹt.

Câu chuyện xảy ra thật bất ngờ, cả hai chúng tôi đều ngây người ra. Sau đó ông ta phồng mũi lên, hăm dọa một câu cộc lốc:

- Thế hử?

Rồi ông ta bước nhanh đi.

Đúng một tiếng đồng hồ sau cuộc nói chuyện này, tôi bị gọi đến chỗ thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Đó là một dấu hiệu chẳng lành: thầy Cô-ra-bơ-li-ốp rất ít khi gọi ai đến chỗ thầy.

Đã lâu lắm tôi không thấy thầy giận dữ như vậy. Thầy đi đi lại lại trong phòng đầu cúi xuống và khi tôi bước vào, thầy lánh sang một bên tỏ vẻ ghê tởm.

- Hừ! - cặp ria trên mép thầy bỗng rung lên một cách nghiêm khắc. - Có những tai tiếng hay ho về em! Nghe rất thú vị!

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, em xin trình bày tất cả với thầy ngay bây giờ, - tôi chống chế, cố gắng nói thật bình tĩnh. - Em không thích chép lại bài của các nhà phê bình văn học, đó là sự thực. Song đó chẳng có gì là duy tâm cả! Các bạn khác chỉ sao chép lại lời của các nhà phê bình thì ông ta thích. Trước hết ông ta hãy chứng minh em là kẻ duy tâm đã. Ông ta phải biết rằng đối với em đó là một điều sỉ nhục.

Tôi đưa quyển vở cho thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, nhưng thầy không thèm ngó tới.

- Em phải ra hội đồng giáo viên để trình bày về hành vi của mình.

- Xin vâng!... Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - bỗng nhiên tôi nói, - đã lâu thầy không đến nhà Ta-ta-ri-nốp chơi à?

- Mà sao?

- Cũng không sao cả.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nhìn thẳng vào mắt tôi.

- Này chú em, - thầy nói rất bình tĩnh. - Tôi thấy không phải bỗng nhiên mà em nói láo xược với thầy Li-khô. Ngồi xuống và nói đi. Chỉ cốt đừng nói dối.

Dù với mẹ đẻ của tôi, tôi cũng không nói là tôi yêu Ca-chi-a và nghĩ đến cô suốt cả một đêm. Không thể kể được. Song đã từ lâu tôi muốn nói với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp về những thay đổi trong nhà Ta-ta-ri-nốp, những thay đổi làm tôi rất băn khoăn.

Ông vừa nghe tôi nói, vừa đi đi lại lại từ góc phòng này sang góc phòng kia. Thỉnh thoảng ông lại dừng lại, nhìn xung quanh

vẻ mặt buồn bã. Nói chung là câu chuyện của tôi hình như đã làm cho ông nghĩ ngợi. Có một lần thậm chí ông đưa tay lên ôm đầu nhưng rồi ông lại kịp nghĩ ra và giả vờ lấy tay xoa trán.

- Được, - ông nói khi tôi yêu cầu ông gọi dây nói đến nhà Ta-ta-ri-nốp tìm hiểu xem có việc gì. - Tôi nhất định sẽ làm việc đó. Một giờ nữa em lại đây.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, sau nửa giờ nữa em quay lại nhé!

Ông mỉm cười buồn bã và hiền hậu...

Tôi đi lăng quăng trong hội trường lớn nửa tiếng đồng hồ. Sàn gỗ trong hội trường lớn ghép bằng ván gỗ thông. Khi tôi đi từ cửa sổ đến cái cửa ra vào, những mảnh ván màu xẫm hình như sáng hẳn lên, còn những mảnh màu nhạt thì lại tối đi. Ánh nắng mặt trời chiếu sáng khắp phòng, những hạt bụi li ti thong thả cuộn tròn bên chiếc cửa sổ lớn. Tất cả đẹp đẽ biết bao mà cũng lại chẳng đẹp tí nào!

Khi tôi quay lại thì thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ngồi trên ghế đi - văng hút thuốc. Ông khoác trên vai chiếc áo da xanh cổ đứng ông thường mặc khi người thấy khó chịu và chiếc sơ mi cổ mềm không cài cúc.

- Này, chú em, chú yêu cầu tôi gọi dây nói thật là dại, - ông nói. - Giờ đây tôi biết hết mọi điều bí mật của chú rồi.

- Bí mật gì ạ?

Ông nhìn tôi cứ như lần đầu tiên thấy tôi ấy.

- Có bí mật thì phải biết cách giữ, - ông nói tiếp. - Nhưng chú lại không biết giữ. Ví dụ như hôm nay chú theo đuổi một cô gái, thì ngày mai toàn trường đã biết cả rồi. Hơn nữa nếu chỉ có cả trường biết thôi thì cũng còn khá.

Hình như lúc đó trông tôi thộn lắm, nên thầy Cô-ra-bơ-li-ốp mới mỉm cười, nhưng cũng chỉ hơi thấy thôi. Lúc đó ít nhất cũng có hai chục ý nghĩ thoáng hiện lên trong óc tôi: "Ai làm việc đó? Rô-ma-sca! Tôi sẽ nện cho nó! Chính vì thế mà bà cụ đuổi tôi đi!

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, em yêu cô ấy, - tôi nói dứt khoát.

Ông chỉ xòe hai tay.

- Cứ cho cả trường bàn tán đến chuyện này em cũng chẳng sợ.

- Ừ, cả trường thì chú không sợ, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na và cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói thì chú không thể mặc kệ được, đúng không?

- Không, cũng thế thôi! - Tôi nóng nẩy phản đối.

- Thôi được, nhưng hình như chú bị người ta đuổi ra khỏi nhà phải không?

- Ra khỏi nhà ai? Đấy không phải là nhà cô ấy. Cô ấy chỉ mong chóng tốt nghiệp để đi khỏi cái nhà ấy.

- Thôi được, thôi được... Như vậy nghĩa là gì? Chú định cưới vợ?

Tôi đã hơi trấn tĩnh lại.

- Việc đó không có liên quan đến ai cả!

- Tất nhiên rồi, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp vội nói. - Nhưng chú có hiểu không, tôi sợ rằng không đơn giản như chú nghĩ đâu! Còn phải hỏi Ca-chi-a đã chứ. Rất có thể cô chưa hề có ý muốn lấy chồng thì sao. Và dù sao thì cũng phải chờ cô ở En-xcơ về đã.

- À, - tôi rất bình tĩnh nói. - Người ta đưa cô ấy về En-xcơ? Hay lắm!

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lại nhìn tôi, lần này ông không giấu vẻ hiếu kỳ.

- Ca-chi-a có bà cô bị ốm, cô ta đi thăm bà ấy, - ông nói. - Cô ấy đi vài hôm, khi nào khai trường lại về. Do đó mà không nên lo lắm về việc ấy.

- Em chẳng lo lắm đâu thầy I-van Pa-vơ-lứt ạ. Còn chuyện có liên quan đến Li-khô thì nếu thầy muốn em sẽ đến xin lỗi ông ta. Chỉ cốt ông ta cải chính lời phê rằng em là kẻ duy tâm.

Hình như chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Hình như Ca-chi-a không bị đưa về En-xcơ. Hình như tôi không định đập thằng Rô-ma-sca, - chúng tôi bình tĩnh, ôn hòa nói chuyện về bài tập làm văn của tôi có đến mười lăm phút. Sau đó tôi từ giã ra về và nói nếu có thể được thì ngày mai tôi sẽ lại đến.

Chương 11

Tôi về En-xcơ

Đập cho thằng Rô-ma-sca một trận! Tôi không một chút nghi ngờ gì nữa: chính nó đã gây ra. Không nó thì còn ai? Nó ngồi ở trong phòng nghỉ và đã trông thấy tôi hôn Ca-chi-a.

Tôi căm thù nhìn cái giường và cái bàn đêm của nó. Tôi chờ nó nửa tiếng đồng hồ ở phòng ngủ rồi viết cho nó một mảnh giấy yêu cầu nó phải giải thích và tôi dọa nó rằng nếu không làm như vậy tôi sẽ gọi nó là thằng đểu trước mặt học sinh toàn trường. Rồi tôi lại xé bỏ tờ giấy đoạn đi ra vườn bách thú tìm Van-ca. Tất nhiên là nó ở chỗ loài gặm nhấm của nó. Nó mặc chiếc áo choàng bẩn thỉu, chiếc bút chì giắt trên tai, nách cặp cuốn sổ tay lớn, đứng bên cạnh một cái lồng và đang cho dơi ăn. Nó cho dơi ăn sâu và có vẻ rất khoái chí.

Tôi gọi nó. Nó ngỡ ngàng quay đầu lại, cáu kỉnh hất tay một cái rồi nói:

- Chờ một tí!

- Va-li-a! Ra đây một phút thôi!

- Thong thả, cậu làm mình đếm nhầm rồi. Tám, chín, mười... Nó đang đếm những con sâu.

- Thật là những đứa háu ăn! Mười bảy, mười tám, hai mươi...

- Va-li-a! - Tôi khẩn khoản gọi.

- Mình đuổi cậu ra bây giờ! - Va-li-a nói nhanh.

Tôi căm tức nhìn lũ dơi. Chúng treo mình, đầu lộn xuống dưới đôi tai rất to, và những cái mặt rất lạ lùng giống hệt mặt người. Thật gớm ghiếc!

Chẳng còn cách nào khác, tôi đành phải chờ cho chúng ăn no.

Hết! Nhưng Va-li-a vừa lấy ngón tay bẩn thỉu sờ lên mũi vừa ghi chép gì đó vào quyển sổ hàng nửa tiếng đồng hồ. Bây giờ mới thật là hết tội!

- Đồ khỉ gió! - Tôi nói với nó. - Cậu để hết tâm tư vào những con vật. Cậu có tiền không?

- Có hai mươi bảy rúp. - Va-li-a hãnh diện trả lời.

- Đưa tất cả đây.

Điều đó thực là tàn nhẫn. Tôi biết Va-li-a dành dụm tiền để mua những con rắn nào đó. Nhưng biết làm thế nào được? Tôi chỉ có mười bảy rúp mà giá vé thì lại đúng gấp đôi.

Va-li-a hơi chớp mắt rồi sau nhìn tôi một cách nghiêm khắc và rút tiền ra.

- Mình phải đi đây.

- Đi đâu?

- Về En-xcơ.

- Làm gì?

- Chờ mình về sẽ nói. Còn bây giờ thì tạm cho cậu biết thằng Rô-ma-sca là một thằng đểu. Cậu chơi với nó vì cậu không biết

nó là một thằng đểu đến mức nào. Mà nếu cậu đã biết điều này từ trước rồi thì chính cậu cũng là một thằng đểu. Chỉ có thế thôi. Chào cậu.

Tôi đã bước một chân ra khỏi cửa thì Va-li-a gọi tôi. Giọng nó thật lạ lùng làm cho tôi phải quay lại ngay tức khắc.

- Xa-nhi-a, - nó nói lùng bùng. - Mình không chơi thân với nó nói chung...

Nó im lặng một rồi lại lấy tay day mũi.

- Đó là sai lầm của mình, - nó tuyên bố dứt khoát. - Đáng lẽ mình phải nói với cậu từ lâu. Cậu có nhớ câu chuyện với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không?

- Chuyện ấy mà lại không nhớ thế nào được!

- Đấy chính là tại nó đấy!

- Nó làm sao?

- Nó đến gặp Ni-cô-lai An-tô-nứt và nói với ông ta tất cả.

- Nói láo!

Tôi vụt nhớ lại ngay buổi tối hôm ấy, khi ở nhà Ta-ta-ri-nốp về, tôi đã kể lại cho Va-li-a nghe về âm mưu họ định làm hại thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

- Nhưng mình nói với cậu cơ mà.

- Đúng thế, nhưng thằng Rô-ma-sca đã nghe trộm.

- Thế sao cậu lại im?

Va-li-a cúi đầu xuống.

- Nó bắt mình thề, - Va-li-a lúng búng. - Ngoài ra nó còn dọa là đến đêm nó sẽ đến nhìn thẳng vào mắt mình. Cậu có biết không, mình không thể chịu nổi khi ban đêm có người nhìn vào mặt. Bây giờ thì mình hiểu, đó chỉ là chuyện vớ vẩn. Việc này bắt đầu từ lần mình sực tỉnh dậy thấy nó đang nhìn mình.

- Cậu là một thằng ngốc, có thế thôi.

- Nó ghi vào sổ rồi đi tâu với Ni-cô-lai An-tô-nứt, - Va-li-a buồn rầu nói tiếp. - Nó cố tình hành hạ mình. Sau khi tâu xong nó về nói lại với mình. Mình đã bịt tai rồi mà nó vẫn cứ nói.

Cách đây khoảng ba năm, trong trường vẫn bàn tán rằng thằng Rô-ma-sca ngủ không nhắm mắt. Điều đó có thật. Có một lần chính tôi đã trông thấy nó ngủ, giữa hai vành mi lộ rõ một vạch tròng mắt đục lờ lờ đến sợ... Cái kiểu ngủ mà không ra ngủ như thế nom rất khó chịu. Rô-ma-sca nói rằng nó không hề ngủ bao giờ cả. Rõ ràng là nó nói khoác - chỉ là mi mắt nó ngắn quá mà thôi. Thế mà cũng có nhiều đứa tin nó. Chúng nó tôn kính nó vì nó có thể "không ngủ" và cũng hơi sợ. Chắc hẳn cái bệnh sợ sệt của thằng Va-li-a cũng là từ đấy mà ra. Va-li-a đã nằm ngủ năm năm trời trên chiếc giường ngay cạnh giường thằng Rô-ma-sca.

Tất cả những điều đó lờ mờ hiện lên trong đầu óc tôi. "Thằng đần, - tôi nghĩ. - Thế mà cũng đòi là một nhà khoa học tự nhiên!".

- Này, cái đồ giẻ rách! - Tôi nói. - Bây giờ mình không có thì giờ nói chuyện nhiều, nhưng theo mình thì cậu phải viết một bản báo cáo cho Chi đoàn thanh niên cộng sản về cái quyển sổ kia. Thực tình mà nói mình không ngờ là cậu lại để nó cưỡi cổ đến như thế. Cậu đã từng thề với nó bao nhiêu bận rồi?

- Mình chẳng biết nữa, - Va-li-a ấp úng.

- Thử tính xem.

Nó buồn bã nhìn tôi...

Ở vườn bách thú ra, tôi đi vào ga để mua vé xe lửa, rồi từ ga trở về trường. Tôi có một hộp com-pa và bút vẽ kỹ thuật rất tốt, tôi quyết định mang theo để phòng khi bấn quá thì bán.

Và thế là lại thêm một việc nữa cộng vào các hành động ngu xuẩn của tôi mà sau đo tôi đã phải trả giá rất đắt.

Khi tôi bước vào phòng ngủ thì trong phòng đã có độ mươi người, trong đó có Ta-nhi-a Ve-lích-cô một nữ sinh cùng lớp.

Mọi người đều bận rộn, người thì đọc sách, kẻ nói chuyện.

Su-ra Cốt-nhép đang bắt chước thầy giáo dạy toán mới của chúng tôi. Nó giơ hai tay lao lên cái bảng đen tưởng tượng rồi thong thả ngồi xuống đàng hoàng. Mọi người chung quanh cười vang lên. Tóm lại là chẳng có ai chú ý đến thằng Rô-ma-sca đang quỳ bên chiếc giường của tôi và lục lọi cái hòm của tôi.

Hành vi đê tiện đó làm cho tôi sửng sốt. Tôi đã điên tiết nhưng vẫn bước đều chân đến chỗ nó và bình tĩnh hỏi nó:

- Tìm gì đấy Rô-ma-sca?

Nó sợ hãi ngước mắt lên nhìn tôi. Tuy tôi đã rất cáu nhưng tôi vẫn nhận thấy lúc đó nó giống hệt một con cú mèo. Mặt nó trắng bệch ra. Hai tai to bè và đỏ lựng.

- Tìm thư của Ca-chi-a phải không? - Tôi hỏi tiếp. - Muốn nộp những bức thư ấy cho Ni-cô-lai An-tô-nứt chứ gì? Đây này, cầm lấy.

Và tôi thuận chân đá luôn vào mặt nó.

Câu vừa rồi tôi nói rất khẽ nên không ai ngờ là tôi lại đá nó. Hình như tôi còn đá nó hai ba cái nữa. Nếu Ta-ni-a Ve-lích-cô không có mặt ở đấy, có lẽ tôi đã đá nó vỡ mặt ra rồi. Lúc đó bọn con trai cứ đứng há hốc mồm ra mà nhìn. Chỉ có mình cô ta làm dám xông vào giữa hai chúng tôi, túm chặt lấy tôi và đẩy mạnh ra, làm tôi phải ngồi bệt xuống giường.

- Cậu điên à?

Tôi nhìn mặt cô ta như nhìn qua một lớp sương mù và thấy cô đang nhìn tôi đầy vẻ ghê tởm. Tôi bỗng tỉnh người ra.

- Các bạn, tôi sẽ giải thích mọi chuyện cho các bạn nghe, - tôi rụt rè nói.

Nhưng tất cả đều im lặng. Rô-ma-sca nằm trên sàn, đầu nó vật ra và cũng không nói năng gì. Trên má nó có một vệt tím bầm. Tôi xách chiếc hòm con đi ra...

Với tâm hồn nặng trĩu, tôi lang thang ở ngoài ga ba tiếng đồng hồ. Tôi đọc báo, xem bảng giờ tàu chạy, uống nước chè ở quầy điểm tâm của vé hạng ba mà lòng buồn rười rượi. Tôi muốn ăn một tí gì, nhưng uống nước chè chẳng ngon lành gì, miếng bánh mì cặp thịt cứ tắc nghẹn lại nuốt không trôi. Tôi thấy ghê trong miệng cứ như mình đã nuốt những con sâu như lũ dơi của thằng Van-ca. Sau tấn kịch này tôi cảm thấy mình thật là kinh tởm. Chà! Biết thế đừng trở lại trường làm gì! Cái hộp đồ vẽ kỹ thuật này, mình cần nó đến thế à? Chả lẽ mình lại không xin dì Đa-sa được ít tiền để mua vé trở về hay sao?

Chương 12

Ngôi nhà thân thuộc

Chuyến đi qua những nơi mà thuở trước tôi cùng Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã từng lang thang trộm cắp, ăn xin để sống qua ngày đã để lại cho tôi một ấn tượng vô cùng phóng khoáng.

Lần đầu tiên trong đời tôi đi tàu hỏa có vé trong tay. Tôi có thể ngồi ở chỗ cạnh cửa sổ, có thể nói chuyện với người ngồi bên cạnh, nếu tôi biết hút thuốc thì tôi cũng có thể hút thuốc. Khi có người soát vé đến tôi không còn phải chui xuống gầm ghế nữa, mà có thể tiếp tục câu chuyện một cách đàng hoàng, lấy tấm vé ra đưa cho họ. Cảm giác đó thật là đặc biệt, rất thoải mái, mặc dù trong toa chật như nêm. Cảm giác đó đã lôi cuốn tôi, và giờ đây tôi nghĩ đến En-xcơ, nghĩ đến đứa em gái, đến dì Đa-sa, đến việc tôi sẽ về đột ngột như tuyết ập xuống đầu họ, và họ sẽ không nhận ra tôi.

Tôi thiếp đi với ý nghĩ đó và ngủ rất lâu khiến cho những người ngồi bên cạnh phát hoảng - không biết tôi còn sống hay đã chết? Nhưng các bạn biết đấy, tôi nào có chết.

Được trở lại thành phố quê hương sau tám năm xa cách thật thú vị biết bao! Cái gì cũng quen thuộc mà cái gì cũng xa lạ.

Chẳng lẽ đây là tòa thị chính cũ đó sao? Xưa kia tôi có cảm tưởng nó cao to ghê lắm. Chẳng lẽ đây lại là bức tường thành? Chẳng lẽ nó vẫn nhỏ bé và cong queo như vậy? Chẳng lẽ đây lại là đại lộ râm mát mang tên Lô-pu-khin? Có điều cái đại lộ này cũng an ủi tôi đôi chút, đó là đằng sau hàng cây bồ đề, dọc con đường chính đã mọc lên những ngôi nhà mới đẹp đẽ. Những cây bồ đề đen đen như được vẽ trên cái phông trắng. Bóng cây bồ đề ngả xuống mặt tuyết trắng trông thật là đẹp mắt.

Tôi bước nhanh và cứ mỗi bước đi tôi lại nhận ra được cảnh vật cũ hoặc là ngạc nhiên với những đổi mới. Đây là trại trẻ mà dì Đa-sa định gửi tôi và em gái tôi vào đấy. Tòa nhà đã được sơn lại màu xanh lục, trên tường có một tấm bảng lớn bằng đá hoa khắc chữ vàng. Tôi đọc xong những hàng chữ ấy mà không dám tin ở mắt mình: *"Năm 1824 A-léch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin đã tạm trú ở đây"*. Khỉ thật! Pu-skin đã từng ở trong ngôi nhà này! Bọn trẻ ở trại hồi đó mà biết việc này thì thế nào cũng lại vênh mặt lên.

Đây là "tòa án". Tôi và mẹ tôi đã đưa đơn đến đây. Bây giờ ở đây không còn có vẻ gì là tòa án nữa! Người ta đã lấy ra khỏi cửa sổ những cái chấn song sắt thấp và cổ kính. Cạnh cổng có treo tấm bảng đề: *"Nhà văn hóa"*.

Còn đây là bức tường pháo đài. Tim tôi đập rộn lên. Bờ sông lát đá hoa cương hiện ra trước mắt tôi. Tôi khó mà nhận ra nó chính là cái bờ sông dốc thoai thoải đáng thương ngày trước. Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa vì nơi mà chúng tôi ở ngày trước, nay đã thành một cái vườn hoa nhỏ. Mấy bà giữ trẻ tay ôm những đứa bé quấn kín ngồi trên ghế đá trông như những pho tượng. Tôi thật không ngờ như vậy. Tôi đứng mãi trên bức tường thành nhìn xuống cái vườn hoa nhỏ, nhìn xuống bờ sông lát đá hoa

cương và con đường râm mát chúng tôi thường chơi đánh khăng ở đó mà thầm sửng sốt. Trên mảnh đất trống ở sau những dãy nhà bán tạp hóa trước kia, nay bỗng mọc lên một tòa nhà nhiều tầng màu xám. Ngoài cổng có một người gác mặc áo to xù đi đi lại lại. Tôi đi lại chỗ ông ta, trỏ vào ngôi nhà hỏi xem đó là cơ quan gì.

- Đây là nhà máy điện En-xcơ, - ông ta trả lời trịnh trọng.

- Ông có biết gia đình ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp ở đâu không?

- Chánh án à?

- Không.

- Thế thì tôi không biết. Chúng tôi ở đây chỉ có một ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp làm chánh án thôi.

Tôi bước đi. Hay ông lão Xcô-vô-rốt-ni-cốp giờ đây đã làm chánh án? Tôi quay lại. Tôi lại nhìn tòa nhà cao, đẹp được xây dựng trên chỗ những ngôi nhà tồi tàn của chúng tôi xưa kia. Và tôi quả quyết rằng có thể như thế được lắm.

- Thế ông chánh án ấy người như thế nào? Người cao lớn có phải không?

- Rất cao lớn.

- Có để ria không?

- Không, không để ria, - hình như người gác nhà máy bực mình thay cho ông Xcô-vô-rốt-ni-cốp nên bác lại.

Hừ... không để ria. Thế thì ít có hy vọng.

- Ông chánh án ấy ở đâu hả ông?

- Ở phố Gô-gôn, nhà Mác-cút cũ.

Tôi biết đó là một trong những ngôi nhà tốt nhất ở thành phố này. Hai bên cửa có hai cái đầu sư tử đá. Tôi lại thấy bí. Nhưng chẳng còn cách nào khác, tôi đành phải đi lên phố Gô-gôn, song

cũng rất ít hy vọng là ông già Xcô-vô-rốt-ni-cốp đã cạo ria đi, trở thành chánh án và dọn đến ở ngôi nhà sang trọng như thế.

Nửa giờ sau tôi đã ở phố Gô-gôn, trước cửa nhà Mác-cút. Qua tám năm hai cái đầu sư tử đá cũng già đi, nhưng vẫn có vẻ gầm gừ hùng dũng như xưa. Tôi lưỡng lự đứng trước lối vào cửa rất rộng đang đóng kín. Có nên bấm chuông không? Hay đi hỏi công an xem phòng chỉ dẫn địa chỉ ở đâu.

Trên các cửa sổ có những tấm màn che bằng the mà dì Đa-sa xưa kia rất thích. Tôi bỗng quyết định ấn chuông.

Một cô gái khoảng mười sáu tuổi ra mở cửa cho tôi, cô mặc chiếc áo váy bằng len mịn màu xanh lam, tóc rẽ đầu ngôi giữa chải rất mượt, nước da ngăm ngăm đen. Chính cái nước da ấy làm tôi đâm bối rối.

- Có phải gia đình Xcô-vô-rốt-ni-cốp ở đây không?

- Phải.

- Vậy... bà Đa-ri-a Ga-vri-lốp-na có nhà không?

- Bà ấy sắp về, - Cô gái trả lời, mỉm cười và tò mò nhìn tôi. Cô ta cười giống hệt như Xa-nhi-a. Nhưng Xa-nhi-a trắng trẻo hơn nhiều, có hai cái đuôi sam tóc quăn, mắt xanh biếc cơ. Không phải, không phải là Xa-nhi-a.

- Tôi chờ được không?

- Xin mời.

Tôi cởi áo bành -tô ở buồng treo áo. Cô ta dẫn tôi vào một căn phòng lớn sáng sủa, bày biện sạch sẽ và có thể nói là sang trọng nữa. Mới vào phòng đã trông thấy ngay một cái đàn Pi-a-nô - cái này thật không giống nhà dì Đa-sa. Nhưng tấm ảnh ở giữa hai cái lọ hoa thủy tinh màu xanh, tấm ảnh của người anh hùng khi xưa ngồi trên chiếc ghế đan trên nền dãy núi tuyết thì lại rõ ràng như chính dì Đa-sa vậy.

Có thể nói lúc đó tôi ngắm nghía mọi thứ vừa vui thích vừa có vẻ ngớ ngẩn nên cô gái cứ tròn mắt nhìn tôi. Bỗng cô hơi cúi đầu xuống và nhướn cao lông mày lên, giống hệt như mẹ thuở trước. Tôi hiểu, đây vẫn đúng là Xa-nhi-a.

- Xa-nhi-a?- Tôi rụt rè thốt lên.

Cô ta giật mình.

- Vâng.

- Hượm đã, trước kia em rất trắng cơ mà, - tôi nói tiếp giọng run run. - Tại sao thế? Khi chúng mình về nông thôn em rất trắng. Thế mà bây giờ sao lại đen đi thế này.

Cô ta sửng sốt há hốc mồm ra.

- Ở nông thôn nào?

- Khi bố chết, - tôi nói và bật cười. - Ồ em quên rồi! Quên hết cả rồi! Đến anh đây em cũng không nhớ nữa.

Có lẽ vì vui sướng quá nên tôi hơi líu lưỡi. Tôi rất yêu em gái, đã mười năm xa cách rồi, mà nó lại giống mẹ tôi vô cùng.

- Xa-nhi-a? - Cuối cùng cô ta cũng nói. - Trời ơi! Thế mà ở nhà cứ nghĩ rằng anh đã chết từ lâu.

Nó ôm ghì lấy tôi.

- Xa-nhi-a, Xa-nhi-a! Anh thật đấy ư? Thế mà dì Đa-sa không có nhà. Anh ngồi xuống đi, sao cứ đứng mãi. Anh từ đâu đến? Về bao giờ?

Chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau, nhưng nó lại đứng dậy ngay và chạy ra phòng treo áo đem cái hòm con của tôi vào.

- Chờ tí đã nào! Em chạy đi đâu thế? Hãy nói cho anh nghe em sống thế nào, dì Đa-sa ra sao?

- Thế anh thế nào? Sao chẳng viết một lá thư nào cả? Cả nhà đi tìm kiếm anh. Lại nhắn tin cả trên các báo nữa.

- Anh không đọc báo, - tôi ân hận nói.

Đến tận bây giờ tôi mới nhận thức được đầy đủ hành vi đốn nạt của mình: tôi đã quên rằng mình còn một đứa em gái như vậy. Lại còn dì Đa-sa tốt không thể tả được nữa. Như Xa-nhi-a vừa mới nói, thậm chí không thể báo ngay cho dì biết là tôi đã về, nếu không dì sẽ chết mất vì mừng quá.

- Cả Pê-chi-a cũng đi tìm anh, - em tôi nói tiếp. - Mới đây anh ấy còn viết thư về Ta-sken nữa. Anh ấy vẫn tưởng anh ở Ta-sken.

- Pê-chi-a?

- Vâng.

- Xcô-vô-rốt-ni-cốp?

- Thì còn ai nữa?

- Nó ở đâu?

- Ở Mát-xcơ-va, - Xa-nhi-a nói.

Tôi sửng sốt.

- Lâu chưa?

- Thì từ khi các anh rủ nhau đi ấy.

Pê-chi-a ở Mát-xcơ-va! Tôi kinh ngạc đờ người ra.

- Xa-nhi-a, thì chính anh cũng sống ở Mát-xcơ-va đây.

- Thật à?

- Thật. Nó thế nào? Làm việc gì?

- Chẳng thế nào cả. Rất tốt. Năm nay anh ấy tốt nghiệp trường phổ thông.

- Hừ, khỉ thật! Chính anh cũng thế. Em có cái ảnh nào của nó không?

Tôi cảm thấy cô em hơi bối rối khi tôi hỏi đến ảnh của Pê-chi-a. Nó nói "Để em đi lấy", đi ra rồi trở lại rất nhanh, cứ như nó vừa rút tấm ảnh Pê-chi-a ở ngay trong túi áo ra vậy.

- Này, trông cậu ta đẹp trai đấy chứ, - tôi nói và cười vang lên. - Vẫn tóc nâu à?

- Tóc nâu.

- Hừ, khỉ thật, hay quá! Thế còn ông cụ? Ông cụ ra sao? Chẳng lẽ lại thật à?

- Thật cái gì?

- Ông cụ làm chánh án à?

- Trời ơi! Ông ấy làm chánh án đã năm năm nay rồi.

Chúng tôi cứ hỏi nhau mọi chuyện, cắt lời nhau, rồi lại hỏi. Sau đó Xa-nhi-a chạy xuống bếp, tôi cũng đi theo nó và nói không có nó tôi rất buồn. Điều đó quả là thật. Vắng nó tôi cảm thấy trống trải ngay lập tức.

Chúng tôi đem ấm xa-mô-va ra và dóm bếp lò. Sau đó có tiếng chuông rè rè ở ngoài phòng treo áo.

- Dì Đa-sa!

- Anh ở lại trong này, - Xa-nhi-a nói thầm, - để em chuẩn bị tư tưởng cho dì ấy. Thật đấy, dì đang đau tim...

Em tôi chạy ra và tôi nghe thấy tiếng nói chuyện ở phòng bên.

- Dì Đa-sa ạ, xin dì đừng xúc động nhé. Cháu có một tin rất vui cho nên dì không được xúc động mà trái lại dì phải thật bình tĩnh cơ.

- Ừ, nói đi nào!

- Dì Đa-sa này, hôm nay dì định không nướng bánh nữa, nhưng bây giờ thì phải nướng thôi.

- Pê-chi-a về phải không?

- Nói là Pê-chi-a thì cũng được, nhưng chưa thật đúng. Dì Đa-sa à, dì không vui sướng mừng quá chứ?

- Không.

- Dì hứa nhé?

- Ừ thì hứa! Cái con bé này!

- Dì xem hôm nay ai đến nhà ta nào? - Và Xa-nhi-a mở cánh cửa bếp.

Thật là tuyệt vời. Dì Đa-sa thoạt nhìn đã nhận ra tôi ngay.

- Xa-nhi-a, - dì khẽ nói.

Dì ôm ghì lấy tôi. Sau đó ngồi xuống, nhắm nghiền đôi mắt. Tôi nắm lấy tay dì.

- Cháu yêu quí! Có đúng là cháu đây không?

- Cháu đây dì Đa-sa ạ!

- Dì không nằm mơ đấy chứ?

- Không phải đâu, dì Đa-sạ ạ!

Nhưng hình như dì Đa-sa vẫn không tin ở tôi, bởi vì dì lại nhắm mắt lại, như đang ngủ thật.

- Cháu yêu quý! Cháu còn sống ư? Cháu đi những đâu? Cả nhà đã tìm cháu khắp thế gian này.

- Cháu biết, dì Đa-sa ạ. Đấy là lỗi tại cháu.

- Lỗi ư! Lạy Chúa! Người về rồi mà còn nói là lỗi lầm. Cháu yêu quí! Cháu lớn lắm rồi. Trông bảnh trai lắm rồi...

Đối với dì Đa-sa, tôi bao giờ cũng là một đứa trẻ xinh xắn...

Còn nhớ gì hơn, còn nói gì hơn về cuộc gặp gỡ không thể nào quên được này? Dì Đa-sa đang nói nửa chừng bỗng đứng lên, vẻ sợ hãi ghé vào tai Xa-nhi-a nói thầm: "chưa cho ăn gì à?" Tôi nom thấy trên bàn ăn bầy la liệt đủ loại thức ăn, nhưng hai dì cháu lại nói đó chỉ là "nhấm nháp trước khi ăn trưa" làm tôi cười bò ra.

Từ giờ phút đó trở đi, có lẽ tôi chỉ toàn là ăn. Tôi vừa nói chuyện vừa ăn. Về sau dì Đa-sa nói rằng người tôi bẩn quá cho nên tôi đành phải vào bồn nước mà tắm. Thế là hết một ngày.

Chiều tối, tôi đã tắm rửa sạch sẽ, ăn uống no nê và đang ngồi ở trong phòng ăn. Dì Đa-sa và em Xa-nhi-a ngồi hai bên nhìn tôi đầy thương yêu khiến cho tôi thấy hổ thẹn. Thực tình là như vậy. Sau đó ông chánh án về.

Người gác nhà máy nọ đã không nói dối. Ông già quả đã cạo ria nhẵn nhụi. Trông ông trẻ ra đến chục tuổi, giờ đây khó mà có thể tưởng tượng được rằng ông đã nấu keo dán bán và đã gửi gấm ở loại keo ấy những hy vọng to lớn.

Ông đã biết tôi về - Xa-nhi-a đã gọi dây nói báo cho ông biết.

- Này, anh chàng lêu lổng, - nói đoạn ông ta ôm lấy tôi. - Thế không sợ ta vặn cổ đi à? Chà, cái thằng hư!

Tôi còn biết dùng lời lẽ gì để biện hộ cho mình được? Tôi chỉ biết ậm ừ hối hận.

Đêm khuya. Trong phòng chỉ còn lại mình tôi và ông. Ông già muốn biết, sau khi rời khỏi En-xcơ tôi đã làm những gì, sống ra sao. Đúng như một ông chánh án, ông nghiêm nghị hỏi tôi về mọi chuyện ở trường học cũng như việc riêng.

Tôi nói rằng tôi muốn trở thành phi công. Ông trầm ngâm hồi lâu, đôi mắt có hàng lông mày vừa dài vừa rậm nhìn tôi chằm chằm.

- Lái máy bay quân sự à?

- Lái máy bay đi Bắc cực. Nếu cần thì lái máy bay chiến đấu cũng được.

Ông lại im lặng hồi lâu.

- Một công việc nguy hiểm nhưng rất hay, rất thú vị, - ông nói.

Chỉ có một việc tôi không nói với ông. Tôi không cho ông biết là mình về En-xcơ vì theo đuổi Ca-nhi-a. Dù sao tôi cũng không thể nói được ra lời với ông là nếu không vì Ca-chi-a thì có lẽ còn lâu nữa tôi mới trở về thành phố quê hương, trở về ngôi nhà với những người thân của mình.

Chương 13

Những bức thư cũ

Có người hé mở cánh cửa vào phòng ăn và nói khẽ: "Hãy còn ngủ". Lúc đó tôi liền tỉnh dậy. Bên kia tường tiếng cùi dìa chạm vào cốc nhè nhẹ. Tôi hiểu là Xa-nhi-a sợ tôi tỉnh dậy nên đã ăn sáng ở trong bếp. Tôi quyết định dậy ngay lập tức và hình như cũng đã dậy rồi. Thế mà không hiểu sao sau bao lâu nữa tôi vẫn chưa dậy, vẫn ngủ và chỉ tự trách mình trong giấc mơ là tại sao vẫn chưa dậy.

Tóm lại là tôi ngủ một mạch đến tận mười một giờ. Xa-nhi-a đã đi từ lâu rồi. Ông già cũng đã đi làm việc. Còn dì Đa-sa thì như dì nói với tôi là đã kịp "đặt lên bếp bữa trưa".

Lúc uống trà, dì thấy tôi chẳng ăn tí gì thì cuống quít lên.

- Họ nuôi các cháu như thế à, - dì Đa-sa phẫn uất nói. - Dân di-gan cho ngựa của họ ăn còn khá hơn, thế mà vẫn có con chết.

- Dì Đa-sa ạ, hôm qua cháu ăn no quá! Cháu nói thật đấy, đến bây giờ bụng vẫn còn anh ách. Dì Đa-sa à, hôm qua cháu lại đến tìm dì ở chỗ cũ. Nhà cửa dỡ đi cả rồi phải không?

- Dỡ đi rồi, - dì Đa-sa nói và thở dài.

Chúng tôi lại nói chuyện về hàng xóm láng giềng. Thì ra cái cậu Min-ca trước kia hay khêu gợi cho tôi nhiều ảo tưởng nhất, hiện nay đã trở thành thuyền trưởng tàu "Tuốc-ghê-nép" tức là tàu "Nép-tuyn" cũ... Bác Mi-sa, tổ trưởng tập đoàn công nhân vận tải đã chết hồi năm ngoái, còn con trai bác ấy giờ làm chủ tịch Ủy ban Xô Viết thành phố. Tôi kể cho dì Đa-sa nghe chuyện Gai-e Cu-li. Dì cứ kêu chà chà và sợ hãi.

- Dì Đa-sa, dì có biết gia đình Bu-ben-tri-cốp không?

Bu-ben-tri-cốp là họ hàng nhà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na cho nên tôi tin chắc là Ca-chi-a đã về nhà ấy.

- Cái nhà bị đuổi ra khỏi đạo chứ gì? Ai mà chả biết!

- Tại sao lại đuổi ra khỏi đạo?

- Cha cố đã đuổi họ ra, - dì Đa-sa nói. - Họ đuổi cha cố ra khỏi nhà, thế là cha cố đuổi họ ra khỏi đạo. Chuyện đó xảy ra lâu rồi, từ hồi trước cách mạng cơ. Hồi đó cháu còn bé lắm. Thế cháu hỏi để làm gì?

- Ở Mát-xcơ-va có người nhờ cháu chuyển lời hỏi thăm, - tôi nói dối.

Dì Đa-sa lắc đầu ngờ vực.

- Nếu chỉ hỏi thăm thì...

Tôi đã biết địa chỉ: một tòa nhà riêng ở bên cạnh nhà thờ Do-thái. Ngôi nhà thờ giờ đây không còn nữa, và nói chung trong thành phố cái gì cũng thay đổi nên đi tìm gia đình Bu-ben-tri-cốp cũng khá phức tạp. Cuối cùng tôi dừng lại trước một bức rào cao, cổng đóng kín mít. Trên tường treo một tấm biển nhỏ đề "NHÀ M.G - L.G. VÀ O.G. BU-BEN-TRI-CỐP. SỐ 8 LA-PU-TIN".

Cổng có gài chốt nhưng tôi mở ra dễ dàng và bước vào một cái

vườn rộng. Phía sau trong vườn có một ngôi nhà nhỏ kiểu cổ có cột gỗ và mặt trước đắp hình trang trí. Từ ngoài cổng vào đến nhà chỉ có một con đường nhỏ bình thường còn vết chân mới giẫm lên. Có một con dê đang đi lại trên đó. Tôi thậm chí đi theo con đường ấy vào nhà, lòng đầy khoan khoái.

Tất cả là như vậy và cũng chỉ đơn giản như vậy mà thôi. Tôi còn nhớ khi tôi bước chân vào vườn, tôi rất ngạc nhiên tại sao cái vườn lại đẹp như thế, tuyết phủ khắp vườn, ánh nắng chan hòa rực rỡ. Tôi bước vào đi theo con đường nhỏ đến chỗ con dê. Dê kêu be be. Bỗng mọi vật đều biến mất như trong chuyện thần thoại. Cánh cửa ở đâu đó đóng lại đánh sầm một cái. Có tiếng người và tôi nhìn thấy một bà già tay cầm chiếc gậy từ trong nhà chạy ra. Hình như đó không phải là chiếc gậy mà là cái que thông lò.

- Ma-sen-ca! Ma-sen-ca! - Bà cụ kêu lên. - Người quen đây mà! Người nhà đấy!

Tôi rất phấn khởi khi nghe thấy người khác bảo mình là người nhà. Song vui mừng như vậy còn sớm quá. Ở trong nhà một bà già thứ hai đi ra và chạy đến chỗ tôi. Bà cụ cầm cái bàn chải có cán để chải thảm. Rõ ràng bà cụ định lấy bàn chải này đánh tôi.

- Ma-sen-ca! - Bà cụ thứ nhất gọi. - Người nhà đây này!

Nhưng có lẽ con dê không tin lời bà cụ, cho nên càng ngày nó càng kêu to hơn. Tôi định tự giới thiệu với cụ Bu-ben-tri-cô-va và tôi đã chuẩn bị được câu đầu. Nhưng trong tình huống hiện nay tôi thấy không thể làm như thế được. Tôi đứng lại giây lát và để khỏi mất thể diện, tôi thong thả quay lại và đi ra phía cổng.

Bà cụ mặt sát khí đằng đằng lẩm bẩm cái gì đó, hầm hầm đi theo tôi mấy bước rồi mới quay về.

Thật lá xúi quẩy! Ra đến đường cái, tôi thấy buồn cười quá, và có lẽ họ cũng nghe tiếng tôi.cười. Kể cũng rất lạ, họ chẳng thèm hỏi xem tôi là ai và tôi cần gì. Có lẽ họ cho rằng tôi đi lạc vào vườn nhà họ. Một điều nữa cũng rất lạ là trong khi om sòm lên như thế, Ca-chi-a cũng không ló mặt ra khỏi nhà. Tóm lại, thực đến kỳ quặc!

Dì Đa-sa rất ngạc nhiên, tại sao tôi lại quay về nhanh thế.

- Dì Đa-sa! Xa-nhi-a đã về chưa ạ?

- Ba giờ nó mới về. Hôm nay nó học những sáu tiết.

Tôi xin dì Đa-sa tờ giấy và chiếc phong bì rồi ngồi vào bàn viết một bức thư. "Mình sẽ viết một bức thư cho Ca-chi-a để cho Xa-nhi-a mang đến. Có lẽ họ sẽ không đối xử với con bé thô bạo như vậy".

Tôi viết được chữ "Ca-chi-a" rồi ngồi suy nghĩ. Thông thường cứ những lúc như thế này là tôi lại nhớ đến quyển những bức thư mẫu của Pê-chi-a: "*Nay tìm thấy ở nương tử dịu hiền tất cả những đức hạnh bấy lâu tôi vẫn hằng khao khát, tôi thấy mình có nhiệm vụ phải làm vị hôn phu của nương tử để cho các con tôi có một bà mẹ hiền*".

Tôi bỗng cười rộ lên làm gì Đa-sa phải giật mình.

"*Ca-chi-a, - tôi viết, - mình định đến tìm cậu. Nhưng vì gặp phải con dê và hai bà cụ, mình không sao vượt qua được trở ngại ấy nên đành phải quay về. Như cậu biết, hiện nay mình ở En-xcơ và rất muốn gặp cậu. Cậu nhớ đến chỗ vườn Nhà thờ vào khoảng bốn giờ. Cậu thử đoán xem ai chuyển thư này cho cậu? - Em gái mình đấy.*

A.Gri-gô-ri-ép".

- Dì Đa-sa ơi, trước kia Pê-chi-a có nhiều sách hay lắm, bây giờ ở đâu cả rồi? Sách báo nhà dì đâu cả rồi?

Sách của Pê-chi-a nằm trên giá sách ở trong buồng Xa-nhi-a. Xem ra của này không được coi trọng cho lắm nên mới xếp ở ngăn dưới cùng và để ở trong một đống bát nháo. Tôi rất buồn khi cầm trong tay cuốn "Một đêm khủng khiếp hay là Những cuộc phiêu lưu kỳ thú của chàng Cô-dắc sông Đông trên núi đồi Cáp-ca-dơ". Có ma quỉ biết tại sao lúc đó tôi lại là một đứa trẻ nhỏ bé và bất hạnh như thế nào.

Tôi đang ra sức lục lọi đống sách, cố tìm cho bằng được quyển thư mẫu, thì có một bọc gói bằng giấy báo cũ đã ngả màu vàng rơi xuống sàn. Đó chính là những bức thư đã cũ! Tôi nhận ra nó ngay lập tức. Đó chính là những bức thư ở trong một cái túi thư của bưu điện mà ngày trước, khi nước lũ dâng lên đã trôi vào sân nhà chúng tôi. Tôi nhớ lại những đêm đông dài đằng đẵng dì Đa-sa đã đọc những bức thư này. Đêm khuya ngồi đọc thư như thế thực là thú tuyệt!

Những bức thư của những người không quen biết! Ai mà biết được những người viết những bức thư này hiện nay ở đâu? Cứ lấy ngay cái thư ở trong cái phong bì dày cộp đã vàng khè này mà nói, có lẽ vẫn còn có người nào đó trằn trọc thâu đêm, mong nóng bức thư này.

Tôi vô tình mở phong bì ra và đọc mấy dòng: "*Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na kính mến*!

Trước hết xin báo tin để bà rõ là ông I-van Li-vô-ních hãy còn sống và khỏe mạnh. Cách đây bốn tháng, theo lệnh của ông, tôi đã rời khỏi chiếc tàu buồm cùng mười ba người nữa trong đội thủy thủ..."

Tôi đọc mà không dám tin ở mắt mình. Đấy chính là bức thư của viên hoa tiêu biển viễn hành. Tôi đã từng thuộc lòng bức thư này và đã đọc nó trên những chuyến xe lửa từ En-xcơ đến Mát-xcơ-va! Thế nhưng một điều khác hẳn làm cho tôi sửng sốt.

"Chiếc tàu" "Xanh Ma-ri", - tôi đọc tiếp, - *bị nghẽn băng ở ngoài biển Ca-ra và từ tháng Mười năm 1912 nó không ngừng di chuyển lên phía bắc cùng với những tảng băng Bắc cực"*. Chiếc tàu "Xanh Ma-ri"! Chiếc tàu của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp cũng mang tên như thế... Tôi lật lại lá thư và đọc lại từ đầu:

"Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na kính mến!" - Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na! - *"Trước hết tôi xin báo tin để bà rõ là ông I-van Li-vô-vích..."* - Ông I-van Li-vô-vích! Ca-chi-a cũng tên là Ca-tê-ri-na I-van-nốp-na!

Dì Đa-sa cho rằng tôi mất trí, bởi vì bỗng dưng tôi hét lện một tiếng rồi hối hả lục lấy lục để cái chồng thư cũ.

Nhưng tôi thì hiểu rất rõ tôi đang làm gì; hồi ấy dì Đa-sa còn đọc cho tôi nghe một bức thư khác, trong đó kể về cuộc sống của họ trên băng, kể chuyện một thủy thủ bị ngã chết, kể chuyện họ đã chặt những tảng băng ở trong khoang tàu như thế nào?

- Dì Đa-sa ơi, tất cả thư từ đều ở đây cả chứ?

- Trời ơi, có chuyện gì thế?

- Chẳng có chuyện gì cả, dì Đa-sa ạ! Trong số này phải có một bức thư như thế này nữa cơ mà.

Tôi không nghe thấy tôi nói gì nữa. Bức thư ấy đây rồi:

"Ma-sen-ca yêu quí, thân thiết, yêu thương!

Kể từ ngày anh gửi cho em bức thư qua đoàn thám hiểm bưu điện Iu-go Sa-rơ đến nay, thấm thoắt đã gần hai năm rồi. Hai năm qua có biết bao nhiêu thay đổi nhưng anh không tài nào kể

hết cho em nghe được. Bọn anh đã bắt đầu đi được một cách thuận lợi theo đúng tuyến đường đã dự định trước. Nhưng từ tháng Mười năm 1912 bọn anh lại từ từ trôi theo tảng băng của Bắc cực lên phía Bắc. Như vậy thì dù muốn hay không, bọn anh cũng đành phải từ bỏ cái ý định ban đầu là đi dọc theo bờ biển Xi-bê-ri để đến Vla-đi-vô-xtốc. Nhưng trong cái rủi nào mà chả có điều may! Hiện nay anh lại nảy ra một ý nghĩ khác hẳn. Mong rằng em sẽ không như một số bạn đồng hành của anh, xem ý nghĩ này của anh là "trẻ con" hay là "nông nổi"...

Tờ đầu tiên đến đây kết thúc. Tôi lật tiếp sang trang bên, nhưng mặt sau không tài nào đọc được ngoài mấy chữ chẳng có liên quan gì với nhau.

Tờ thứ hai bắt đầu từ chuyện miêu tả con tàu:

"... tiến vào một vùng khá sâu. Chiếc tàu "Xanh Ma-ri" của bọn anh dừng lại giữa một biển băng bao la, tuyết càng ngày càng chất đầy hai bên mạn tàu. Những tràng hoa tuyết bám trên dây thừng chốc chốc lại rơi xuống kêu rào rào. Ma-sen-ca, em thấy không, vì khổ sở anh đã trở thành thi sĩ đấy. Tuy vậy ở chỗ anh cũng có một thi sĩ chính cống, đó là bác đầu bếp Côn-pa-cốp. Bác quả là một người không bao giờ biết nản chí! Suốt ngày bác ngâm nga bản trường ca của mình. Xin chép tặng em bốn câu để làm kỷ niệm:

Cờ Nga phất phới tung bay,
Con thuyền tuyệt mỹ hôm nay lên đường,
Cùng thuyền trưởng vượt trùng dương,
Bờ Xi-bê-ri đó là đường ta đi.

Anh viết và đọc đi đọc lại bức thư dài vô tận này của mình rồi lại viết và nhận thấy anh đang tán gẫu với em, nhưng còn bao

nhiêu điều quan trọng cần phải nói. Anh gửi Cơ-li-mốp mang về cho ông Cục trưởng Cục địa lý thủy văn một gói niêm phong. Đây là tài liệu anh ghi chép những quan sát của anh, những giấy tờ công văn và báo cáo. Trong báo cáo có nói rõ lịch sử chuyến đi của bọn anh. Để đề phòng bất trắc, anh cũng viết cho em biết những phát hiện mới nhất của bọn anh: ở phía bắc bán đảo Ti-mua, trên bản đồ không có dấu hiệu nào nói là có đất đai gì. Thế mà ở vĩ độ 79°35' giữa kinh tuyết 86 và 87 về phía đông Gờ-rin-vích bọn anh đã phát hiện thấy một dải đất màu trắng bạc khá lớn nhô ra khỏi chân trời. Ngày mồng ba tháng Tư, cái dải đất dài ấy đổi sang màu trắng ngà mờ mờ. Sang ngày hôm sau bọn anh thấy một vài đám mây có hình dáng rất kỳ dị, y như những đám sương mù bao phủ những ngọn núi xa xa. Anh tin chắc đó chính là đất liền. Thật đáng tiếc, anh không thể dừng tàu trong hoàn cảnh cực kỳ gay go này để nghiên cứu nó. Nhưng tất cả còn đang ở phía trước. Tạm thời anh đã lấy tên em để đặt tên cho nó. Như vậy là trên bất cứ bản đồ địa lý nào em cũng có thể thấy một lời chào thân yêu nhất của... anh".

Đến đây kết thúc mặt sau của tờ thứ hai. Tôi đặt tờ thứ hai xuống và lấy lên tờ thứ ba. Mấy dòng đầu bị nước làm mờ hết không đọc được. Sau đó là:

"Anh đau xót nghĩ rằng lẽ ra mọi việc có thể khác hẳn. Anh biết hắn sẽ biện bạch bào chữa, hắn biết làm cho em tin rằng mọi tội lỗi đều do anh gây ra. Anh chỉ tha thiết yêu cầu em một điều là đừng có tin con người ấy. Anh có thể mạnh dạn nói rằng mọi thất bại của bọn anh đều do hắn ta gây ra cả. Chỉ một việc sau đây cũng đủ để chứng minh: Ở Ac-khan-ghen-xcơ hắn bán cho bọn anh sáu mươi con chó thì phần lớn đã phải bắn chết ngay từ vùng đất mới. Đấy sự giúp đỡ thân tình của hắn phải trả giá đắt

như thế đấy! Không phải chỉ có mình anh, mà tất cả đội thám hiểm đều chửi rủa hắn. Kỳ này bọn anh phải đương đầu với hiểm nguy, bọn anh biết nhất định sẽ gặp nguy hiểm. Song thật không ngờ lại bị một vố đau đến như vậy. Hiện nay chỉ còn cách làm tất cả những điều có thể làm được. Anh có thể kể cho em nghe rất nhiều về chuyến đi thám hiểm của bọn anh. Những chuyện ấy đủ kể cho Ca-chiu-sa nghe suốt cả mùa đông. Nhưng lạy Chúa tôi, việc này đã phải trả một giá quá đắt! Anh không muốn khiến em nghĩ rằng tình cảnh của bọn anh là tuyệt vọng. Nhưng dù sao em cũng đừng chờ đợi cho lắm..."

Như một tia chớp bỗng lóe sáng một góc khu rừng rậm, làm cho cảnh vật tối om bỗng thay đổi hẳn, thậm chí khiến người ta nhìn thấy cả những cành lá trên cây mà một phút trước đây dù có trông thấy cũng không biết đó là dã thú hay là người khổng lồ, khi tôi đọc những dòng này cũng vậy, tôi đã hiểu rõ tất cả. Thậm chí tôi nhớ cả những tình tiết nhỏ nhặt nhất tưởng như vĩnh viễn bị quên đi.

Giờ đây tôi hiểu rõ những lời đạo đức giả về "cậu em đã quá cố" của lão Ni-cô-lai An-tô-nứt. Tôi hiểu rõ bộ mặt giả dối đầy ý nghĩa của lão ta: mỗi khi nói về cậu em họ của lão, bao giờ lão cũng cau mày nghiêm nghị, tưởng chừng như trong những việc xảy ra các anh cũng có một phần lỗi. Tôi hiểu rõ tất cả mức độ hèn hạ tệ hại của cái gã giả vờ làm như hắn kiêu hãnh về tinh thần cao thượng của mình. Tuy trong thư không chỉ rõ tên hắn ra, song nhất định là hắn. Tôi không mảy may nghi ngờ gì điều ấy!

Tôi xúc động quá đến khô cả cổ, tôi tự nói với mình nhưng lại nói rất to làm cho dì Đa-sa phải giật mình.

- Xa-nhi-a, cháu làm sao thế?

- Không sao cả, dì ạ. Dì ơi, còn những thư cũ nữa của dì đâu?

- Tất cả ở đấy đấy!

- Không có lẽ! Dì có nhớ hồi nào dì đã đọc cho cháu nghe bức thư thế này không? Bức thư đó rất dài, tất cả những tám trang cơ.

- Dì không nhớ, cháu ạ!

Ngoài ra tôi không tìm thấy gì trong cái gói ấy nữa. Chỉ có ba trang trong số tám trang. Nhưng thế này cũng tốt rồi.

Trong mảnh giấy viết gửi cho Ca-chi-a, tôi chữa chữ "đến vào lúc bốn giờ" thành chữ "đến vào lúc ba giờ". Sau đó tôi lại chữa thành chữ "đến vào lúc hai giờ". Nhưng chính lúc đó đã hai giờ rồi, cho nên tôi lại chữa lại là "ba giờ".

Chương 14

Gặp nhau ở vườn nhà thờ. Đừng có tin ở con người ấy

Hồi còn nhỏ tôi đã đến vườn Nhà thờ hàng ngàn lần. Nhưng hồi đó tôi chưa bao giờ nghĩ rằng vườn Nhà thờ lại đẹp đến thế! Nó nằm trên ngọn đồi cao, giữa hai nhánh sông Pét-trin-ca và Chi-khai-a hợp lại, xung quanh có bức tường bao bọc. Bức tường thành được gìn giữ rất tốt, nhưng ngọn tháp đã bé đi nhiều so với lần cuối cùng tôi và Pê-chi-a đến đây để "Trích máu ăn thề tình bạn".

Tuyết dày đặc, nhưng tôi vẫn trèo lên tầng cao nhất của cái tháp cổ Mác-tưn: phải ngắm xem cánh đồng cỏ I-ri-nốp-xki, trường Ni-cô-lai, xưởng thuộc da đã biến đổi như thế nào. Tất cả dường như ở đâu vẫn đấy, chỉ có tuyết là bạt ngàn, tuyết chạy dài đến tận chân trời...

Cuối cùng Ca-chi-a và Xa-nhi-a đã đến. Tôi thấy Xa-nhi-a khoác cái áo da lông màu vàng, trông như một bà cụ già, nó chỉ tay nói: "Đây, vườn Nhà thờ", đoạn nó gật đầu với vẻ rất thần bí rồi quay về ngay lập tức. Tôi gọi to.

- Ca-chi-a!

Ca-chi-a giật mình, nhìn thấy tôi và cười...

Chúng tôi cứ trách nhau hàng tiếng đồng hồ: tôi trách cô ta tại sao không báo tin cho tôi biết là cô đi, còn cô thì trách tôi tại sao không chờ thư của cô mà đã đến. Sau đó chúng tôi sực nhớ ra là chưa báo cho nhau cái tin quan trọng nhất. Thì ra Ni-cô-lai An-tô-nứt đã nói chuyện với Ca-chi-a. Nhân danh "người em đã quá cố" ông ta cấm chỉ không cho Ca-chi-a được gặp tôi. Ông ta nói tràng giang đại hải và đã khóc.

- Xa-nhi-a, có lẽ cậu không tin mình, - Ca-chi-a nghiêm nghị nói, - nhưng mình thề với cậu, chính mắt mình đã nhìn thấy ông ta khóc!

- Thế à, - tôi nói và đặt bàn tay lên ngực.

Bức thư của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp tôi xin của dì Đa-sa được gói trong tờ giấy dầu đang nằm trong túi áo ngực của tôi. Tôi nói dứt khoát:

- Ca-chi-a, nghe mình nói nhé, mình muốn kể cho cậu nghe một câu chuyện. Đại khái là như thế này: cậu cứ tưởng tượng rằng cậu đang sống bên bờ sông và vào một ngày nào đó có một túi thư bưu điện trôi dạt vào bờ. Tất nhiên nó không phải từ trên trời rơi xuống mà do nước lũ trôi về. Anh nhân viên bưu điện chết đuối! Túi thư này rơi vào tay một người đàn bà rất thích đọc thư. Bên cạnh nhà người đàn bà ấy có một thằng bé lên tám rất thích nghe kể chuyện. Có một lần bà ta đã đọc cho thằng bé nghe một bức thư như sau: "*Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na kính mến!...*"

Ca-chi-a giật nảy mình và nhìn tôi sửng sốt.

"*... Trước hết xin báo tin để bà rõ là ông I-van Li-vô-vích hãy*

còn sống và khỏe mạnh, -tôi tiếp tục đọc nhanh. - *Cách đây bốn tháng, theo lệnh của ông...*"

Tôi đọc thuộc lòng một lèo hết bức thư của người hoa tiêu. Mặc dù có mấy lần Ca-chi-a kinh hãi, níu tay áo tôi, tôi cũng không ngừng.

- Cậu thấy bức thư đó à? - Cô hỏi, mặt tái đi. - Bức thư viết về ba? - Cô lại hỏi tôi, hình như ở đấy còn có thể có cái gì đó đáng ngờ.

- Ừ! Nhưng như thế chưa phải đã hết!

Tôi đã kể cho cô ta nghe có một lần dì Đa-sa còn tìm thấy một bức thư khác, trong thư kể chuyện sinh hoạt trên tàu khi tàu bị nghẽn trong lớp băng và trôi dần lên phía Bắc.

- *Ma-sen-ca yêu quí, thân thiết, yêu thương...!*" - Tôi lại đọc thuộc lòng và lại ngừng.

Trên lưng tôi như có kiến bò, cổ tôi tắc lại. Chẳng khác gì trong giấc mộng, trước mắt tôi bỗng hiện lên khuôn mặt u sầu, già sọm với đôi mắt buồn bã nhìn trộm của bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Khi ông ấy viết cho bà thư này thì bà cũng giống như Ca-chi-a hiện nay, còn Ca-chi-a hồi đó là một cô gái bé tí tẹo, ngày nào cũng chờ "thư của ba" gửi về. Cuối cùng chờ mãi cũng vô ích!

- Tất cả đây này! - Tôi nói xong liền rút trong túi áo ngực ra bức thư gói trong giấy dầu. - Ngồi đây mà đọc đi. Mình đi đây, khi nào cậu đọc xong mình sẽ quay lại.

Tất nhiên là tôi chẳng đi đâu cả. Tôi đứng ở dưới chân cái tháp cổ Mác-tưn và nhìn Ca-chi-a trong suốt thời gian cô ta đọc thư. Tôi rất thông cảm với Ca-chi-a, khi tôi nghĩ đến cô, lòng tôi thấy ấm lên rạo rực. Nhưng khi nghĩ đến việc cô ta sẽ kinh hãi như thế nào khi đọc những bức thư này lòng tôi lại tê tái. Tôi đã

nhìn thấy những động tác tự nhiên khi cô gạt những sợi tóc làm ảnh hưởng đến việc đọc và có lúc cô đã đứng lên hình như làm như vậy thì sẽ lần ra được một chữ khó. Trước đây tôi không biết rằng nhận được một bức thư như thế người ta sẽ đau khổ hay vui sướng. Nhưng giờ đây nhìn Ca-chi-a tôi liền hiểu ngay rằng đó là một diều cực kỳ đau khổ. Tôi hiểu rằng chưa bao giờ cô hết hy vọng! Mười ba năm trước, ba cô bị biệt tăm trên biển băng Bắc cực. Ở Bắc cực không có gì dễ chết hơn là đói và rét. Nhưng đối với cô thì chỉ đến bây giờ ba cô mới chết!

Khi tôi quay trở lại thấy mắt Ca-chi-a đỏ ngầu lên, cô ngồi trên ghế đá, tay nắm lá thư đặt trên đầu gối. Tôi hỏi:

- Lạnh cóng rồi phải không? - Tôi không biết nên bắt đầu câu chuyện như thế nào.

- Có mấy chữ mình đọc chẳng ra... Đây chữ này: "Cầu xin em..."

- À, mấy chữ ấy à! Ở đây viết: "*Cầu xin em, đừng có tin con người ấy...*"

Tối hôm đó Ca-chi-a đến chơi nhà tôi, nhưng chúng tôi không đả động gì đến chuyện những bức thư cũ, - chúng tôi đã giao hẹn trước với nhau như vậy. Chỉ có dì Đa-sa vô tình kể lại chuyện anh nhân viên bưu điện bị chết đuối. Thì ra không phải anh chết đuối ngẫu nhiên - dì Đa-sa giải thích như vậy, - anh nhảy xuống nước tự tử vì "thất tình". Anh có yêu một cô gái, nhưng cô gái này lại đi lấy người khác. Dì Đa-sa nói tiếp vẻ hờn giận:

- Giá anh ta phân phát hết những bức thư này trước đã thì hơn!

Tối hôm đó Ca-chi-a rất buồn. Mọi người đều chăm sóc cô, đặc biệt là Xa-nhi-a quyến luyến cô ngay lập tức. Chỉ có các cô

gái mới có thể làm như thế. Sau đó tôi và Xa-nhi-a tiễn cô về đến tận chỗ con dê. Con dê vẫn đứng trên con đường nhỏ, nhưng lần này nó không kêu be be lên nữa mà chỉ cáu kỉnh lúc lắc bộ râu.

Chúng tôi về đến nhà, người lớn vẫn chưa ngủ. Ông chánh án chỉ hơi trách dì Đa-sa tại sao không gửi tiếp những bức thư này đi "mặc dù những bức thư đó phải lần mò mới ra địa chỉ", còn đối với dì chỉ có một lời biện hộ, tưởng đây là chuyện cũ cách đây đã mười năm. Dì Đa-sa nói về Ca-chi-a. Theo ý kiến dì thì số phận tôi đã được quyết định rồi.

- Khá nắm! Mê ly! - Dì thở dài nói. - Rất xinh, nét mặt hơi buồn một tí. Khỏe mạnh!

Tôi xin Xa-nhi-a một tấm bản đồ Bắc cực và chỉ ra con đường mà thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp phải đi từ Lê-nin-grát đến Vla-đi-vô-xtốc. Mãi đến lúc này tôi mới nhớ đến phát hiện mới của ông. Phía bắc bán đảo Ti-mua có đất đai gì nhỉ?

- Hượm đã, - Xa-nhi-a nói. - Đó chẳng phải là Bắc địa đó sao! Khỉ thật! Đó là Bắc địa do trung úy Vin-kít-xki phát hiện năm 1913. Chiều rộng của nó ở vĩ độ 79°35 giữa kinh tuyến tám mươi sáu và tám mươi bảy. Kỳ lạ thật!

- Sai rồi, các bạn ơi! - Tôi nói và hình như lúc đó mặt tôi hơi tái đi nên dì Đa-sa sợ hãi nhìn tôi - Tôi hiểu hết rồi! Lúc đầu đây là một cái dải dài màu trắng bạc, nhô ra từ phía chân trời. Ngày mồng ba tháng Tư cái dải dài ấy biến thành một miếng đất mờ mờ. Ngày mồng ba tháng Tư.

- Xa-nhi-a... - dì Đa-sa lo lắng định nói.

- Không đúng, các vị ạ! Ngày mồng ba tháng Tư! Còn cái Bắc địa mà Vin-kít-xki phát hiện ra là vào mùa thu, tôi không nhớ rõ là vào ngày tháng nào, nhưng đúng là vào mùa thu khoảng tháng

Chín hay tháng Mười gì đó. Vào mùa thu như vậy là sau những nửa năm! Vào mùa thu, nhu vậy có nghĩa là anh ta chẳng phát hiện được cái gì cả, bởi vì cái đó đã được phát hiện rồi.

- Xa-nhi-a! - ông chánh án cũng nói.

- Mảnh đất đã được phát hiện và đã được đặt tên là Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, - tôi nói tiếp, gí chặt ngón tay lên chỗ Bắc địa, hình như sợ có ai nói điều gì sai lầm nữa về nó. - Để kỷ niệm Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, lục địa này đã được đặt tên là Châu Ma-ri-a hoặc đảo Ma-ri-a gì đó đại loại như thế. Còn bây giờ xin mời các vị ngồi xuống, tôi xin giải thích cho các vị nghe!

Trải qua một ngày như vậy làm sao có thể ngủ ngon được! Tôi cứ uống nước luôn và lật đi lật lại tấm bản đồ. Trong phòng ăn có treo một số tranh phong cảnh En-xcơ, tôi cứ ngắm những bức tranh ấy mãi, lúc đó tôi chưa biết những bức tranh này là do Xa-nhi-a vẽ. Tôi không biết là cô ấy đang học hội họa và đang ao ước được vào Viện Hàn lâm Mỹ thuật. Tôi lại nghiên cứu tấm bản đồ. Tôi nhớ ra là những hòn đảo ở miền Bắc này mãi gần đây mới được đặt tên là Bắc địa. Còn trước kia Vin-kít-xki gọi những hòn đảo ấy là "Châu Ni-cô-lai đệ nhị".

Ba của Ca-chi-à thật tội nghiệp! Ông ấy quả là bất hạnh! Chẳng có một quyển sách địa lý nào nhắc đến tên ông, trên thế giới này chẳng một ai biết đến những việc ông đã làm.

Tôi bắt đầu cảm thấy lạnh vì thông cảm và phấn khởi. Lúc đó đã là sáu giờ sáng, ngoài đường phố đã có tiếng chổi quét đường kêu soàn soạt, tôi bèn đi nằm. Song tôi không tài nào ngủ được. Từng đoạn trong bức thư của viên thuyền trưởng cứ giày vò tôi. Hình như tôi nghe thấy tiếng dì Đa-sa đọc thư. Hình như tôi nom thấy dì đeo kính vừa thở dài, vừa lắp bắp đọc thư. Trong trí tưởng tượng của tôi đã hiện lên một bức tranh như thế này, những

chiếc lều trắng ở trên tuyết, một đàn chó kéo xe trượt tuyết, một người khổng lồ đi ủng da lông rất cao, đầu đội mũ lông cao. Tôi rất muốn rằng tôi gặp tất cả những cái đó, để tôi được ở trên chiếc tàu đó, trôi dần theo núi băng, từ từ tiến lên xông pha nguy hiểm, tôi chính là người thuyền trưởng đã viết bức thư vĩnh biệt vợ, - viết nhưng không thể viết xong. "*Anh lấy tên em đặt cho hòn đảo này, như vậy trên bất cứ bản đồ địa lý nào em cũng sẽ tìm thấy lời chào thân yêu nhất của... anh*".

Câu này xem ra kết thúc như thế nào nhỉ?... Bỗng có một cái gì đó từ từ thoáng qua trong đầu óc tôi, rất chậm rãi, tựa hồ như miễn cưỡng và tôi ngồi phắt dậy trên giường, không dám tin ở mình và cảm thấy bây giờ hình như mình sắp hóa điên- sắp hóa điên bởi vì tôi đã nhớ ra:

"*... lời chào hỏi thân thiết nhất của anh Môn-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt của em, như đã có lần em gọi anh như vậy. Lạy Chúa! Đó là chuyện đã lâu lắm rồi! Nhưng anh không than phiền... Nhưng anh không phan phiền*", - tôi tiếp tục nhớ lại, mồm lắp bắp, cứ sợ nhớ ra một chữ, một chữ nữa, rồi sau đó thì quên tiệt, không sao nhớ ra được nữa. "*Anh không than phiền. Chúng ta nhất định sẽ lại gặp nhau, và mọi việc đều sẽ êm đẹp cả. Nhưng có một ý nghĩ, một ý nghĩ làm cho anh vô cùng khổ tâm!*"

Tôi bỗng nhảy ra khỏi giường, châm đèn và chạy vội đến bên cái bàn có tấm bản đồ và bút chì.

"*Thật là đau khổ*, - Lúc đó tôi viết lên tấm bản đồ, - *khi nhận thấy rằng lẽ ra mọi việc có thể sẽ khác hẳn. Bọn anh liên tiếp gặp phải những điều rủi ro mà điều rủi ro đầu tiên đó là anh đã giao việc chuẩn bị vật chất của đội thám hiểm cho Ni-cô-lai. Đó là cái sai lầm mà bọn anh phải trả giá từng giờ từng phút.*

Ni-cô-lai ư? Đúng không? Đúng, chính Ni-cô-lai rồi!

Tôi ngừng lại bởi vì tôi đã vấp phải một chỗ quên. Nhưng sau đó, - những sự việc sau đó thì tôi lại nhớ rất rõ - đó là đoạn kể về anh thủy thủ Xcat-scốp bị rơi xuống vực chết. Nhưng đó lại là chuyện khác hẳn. Đó là nội dung của bức thư chứ không phải là nguyên văn, trừ vài chữ rời rạc ra, còn nguyên văn bức thư như thế nào tôi chịu không sao nhớ ra được nữa.

Thế là tôi không ngủ. Ông chánh án dậy vào lúc tám giờ sáng và giật mình khi thấy tôi chỉ mặc có một chiếc áo may-ô ngồi trước những tấm bản đồ Bắc cực. Trên tấm bản đồ này tôi đã có thể đọc được hết tất cả những chi tiết về vụ chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" bị đắm - chi ly đến mức nếu thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp có trở về cũng phải ngạc nhiên...

Tối hôm trước chúng tôi đã hẹn với nhau là sẽ đi thăm Viện bảo tàng thành phố. Xa-nhi-a muốn dẫn chúng tôi đi xem Viện bảo tàng này vì đó là niềm rất tự hào của thành phố En-xcơ. Viện bảo tàng đặt trong cung điện Pa-gan-kin, tòa nhà của tên chủ hiệu buôn hồi trước. Pê-chi-a Xcô-vô-rốt-ni-cốp trước đây nói rằng tòa nhà này có đầy ắp những vàng, tên chủ hiệu Pa-gan-kin ở dưới hầm của cái nhà này và hễ ai vào đến nhà hầm là nó bóp cổ chết. Quả thật, cửa vào nhà hầm đóng kín, trên cánh cửa treo một ống khóa rất to, có lẽ khóa của thế kỷ thứ mười hai. Nhưng cửa sổ thì lại mở. Những người đánh xe ngựa thường ném củi vào trong nhà hầm qua cửa sổ này.

Trên tầng ba là phòng triển lãm tranh của họa sĩ Túp, thầy giáo hội họa của Xa-nhi-a và cô muốn dẫn chúng tôi đến xem những bức tranh này trước. Trong số những bức tranh này có bức chân dung của tác giả: người nhỏ bé, khoác chiếc áo nhung ngắn kiểu Tôn-xtôi, niềm nở, tóc đen rất rậm, thỉnh thoảng điểm

vài ba sợi tóc trắng lóng lánh. Tranh của ông kể cũng không tồi, nhưng hơi đơn điệu, chỉ toàn là cảnh En-xcơ, đêm và ngày, cảnh dưới ánh trăng và dưới ánh nắng mặt trời, thành phố En-xcơ cũ và mới. Song chúng tôi vẫn cứ tán dương những tác phẩm ấy bởi vì ông họa sĩ Túp này thật ra cũng rất đáng yêu và vẻ mặt Xa-nhi-a khi nhìn ông ta trông thật là tôn kính!

Hình như cô đoán được là tôi và Ca-chi-a muốn nói chuyện riêng với nhau nên cô đã tìm một cái cớ vớ vẩn để đi và để chúng tôi ở lại một mình ở phòng triển lãm. Còn chúng tôi thì xuống tầng dưới, vào một gian phòng rất lớn, trong phòng có rất nhiều tượng các hiệp sĩ, hiệp sĩ nào cũng mặc áo giáp sắt trước ngực lại có tấm thép chắn y như người ta mặc áo gi-lê ra ngoài áo sơ-mi vậy.

Rất dễ hiểu là lúc này tôi đang muốn kể cho Ca-chi-a nghe những phá hiện của tôi hồi đêm. Nhưng bắt đầu câu chuyện như thế nào? Chính cô ta lại phải khơi mào trước.

- Xa-nhi-a, - cô nói khi chúng tôi dừng lại trước bức tượng người chiến sĩ thời Xtê-phan Ba-tô-ri, làm người ta nhớ đến thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, - mình nghĩ ra rồi, ông cụ viết "Đừng tin ở con người ấy" là nói về ai rồi.

- Nói đi!

- Mình khẳng định rằng đó không phải nói về Ni-cô-lai An-tô-nứt.

Chúng tôi im lặng. Cô vẫn không rời mắt khỏi bức tượng người chiến sĩ.

- Không, về ông ta đấy, - tôi bác lại. - Hơn nữa chính ba cậu đã phát hiện ra Bắc địa. Chính là ba cậu chứ không phải là Vin-kít-xki. Mình đã xác minh được điều đó.

Nhưng cái tin đã làm trấn động các nhà địa lý học trên toàn thế giới trong nhiều năm giờ đây lại chẳng gây ảnh hưởng gì đặc biệt đối với Ca-chi-a cả.

- Thế tại sao cậu lại nghĩ rằng, - cô nói tiếp có vẻ khó học, - đó chính là ông ta... là Ni-cô-lai An-tô-nứt? Trong thư chẳng có chỗ nào nói rõ như thế cả?

- Có khối chỗ nói rõ, - tôi cảm thấy mình đã bắt đầu nóng tiết. - Thứ nhất là về chỗ những con chó. Ai thường hay khoe khoang hàng nghìn lần là đã mua cho đội thám hiểm những con chó tốt nhất? Thứ hai...

Xa-nhi-a đến, chúng tôi lại im lặng. Chúng tôi xem "Cuộc sống của giới quý tộc cổ Nga" xem "Những cái nhà như chuồng gà của nông dân tỉnh En-xcơ dưới chế độ tư bản" mà chẳng hiểu gì cả, Xa-nhi-a giải thích cho chúng tôi điều gì đó nhưng tôi không nghe thấy hay ít nhất thì Ca-chi-a cũng không nghe được. Cô cứ nhìn tôi suốt, hình như muốn hỏi tôi: "Cậu tin thế chứ?". Còn tôi thì trả lời nhưng không nói ra lời: "Mình tin chắc như vậy".

Sau đó Xa-nhi-a lại từ giã chúng tôi để về. Chúng tôi còn đi mãi trong gian phòng lớn thiếu ánh sáng của Viện bảo tàng thành phố En-xcơ.

- Còn điều thứ hai?

- Điều thứ hai là đêm qua mình nhớ ra một đoạn nữa của bức thư. Đó là...,

Và tôi đã đọc cái đoạn đó, bắt đầu từ chữ: "Mô-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưu Cô-gốt'. Tôi đọc rất đĩnh đạc, hùng dũng như ngâm thơ, còn Ca-chi-a thì trợn tròn mắt nghe tôi, nghiêm trang như một pho tượng. Bỗng mắt cô thoáng hiện vẻ lãnh đạm và tôi cảm thấy rằng cô không tin tôi.

- Cậu có tin mình không?

Mặt cô biến sắc, cô khe khẽ đáp:

- Tin.

Chúng tôi không nói gì thêm về chuyện ấy nữa. Tôi chỉ hỏi cô có một câu là có nhớ câu "Môn-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưu Cô-gốt" từ đâu ra không? Cô nói là cô không nhớ, hình như từ trong cuốn sách của Guýt-xtáp E-ma-rơ[1] thì phải. Sau đó cô nói: "Mình không biết cái tin này đối với mẹ sẽ đáng sợ như thế nào"

- Mọi cái đều kinh khủng hơn điều cậu tưởng rất nhiều, - cô nhận xét , buồn bã và hệt một người lớn tuổi. - Hiện nay mẹ sống đã khổ lắm rồi, những nỗi khổ sở phải chịu đựng thì không cần phải nói. Nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt...

Ca-chi-a bỗng im bặt. Nhưng sau đó cô cũng giải thích cho tôi vì sao. Đây cũng là một phát hiện mới có lẽ còn bất ngờ hơn cả việc thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp phát hiện ra Bắc địa. Thì ra Ni-cô-lai An-tô-nứt đã yêu bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na từ nhiều năm nay. Năm ngoái khi bà ốm, ông túc trực mấy ngày đêm liền không cởi quần áo, thậm chí còn mời riêng cả một chị y tá đến, mặc dù chẳng phải làm như vậy. Sau khi khỏi bệnh, ông trực tiếp đưa bà đến thành phố Xô-tri. Đáng lẽ đưa vào nhà ăn dưỡng thì rẻ hơn nhiều, nhưng ông lại để bà nằm ở khách sạn "Ri-via-ra". Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói "thật là rồ!" Mùa xuân ông đi Lê-nin-grát và mua cho bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na một áo khoác da có tay kiểu cánh bay rất đắt tiền. Không bao giờ ông đi ngủ trước nếu bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không có nhà. Ông khuyên bà nên thôi

(1) Guýt-xtáp E-ma-rơ (1818 - 1883) nhà văn Pháp đã từng đến Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Phi châu và Cáp-ca-dơ vân vân; đã từng viết nhiều tiểu thuyết du ký và truyện người da đỏ chống lại sự xâm lược của người da trắng. - N.D.

học đại học bởi vì bà khó lòng vừa công tác lại vừa học. Nhưng câu chuyện đáng ngạc nhiên nhất lại xảy ra vào mùa đông năm nay: bỗng nhiên bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na tuyên bố rằng bà không muốn gặp ông ta nữa. Và thế là ông mất tích. Ông mặc quần áo rồi đi biệt hơn mười ngày liền không thấy về. Chẳng ai biết ông ở đâu cả. Có lẽ ông ở khách sạn. Lúc đó bà cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đến can thiệp. Bà cụ nói rằng đó là "một thứ hình phạt kiểu giáo hội" và bà cụ thân dẫn ông ta về. Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na vẫn không nói chuyện với ông suốt một tháng...

Nói rằng ông Ni-cô-lai An-tô-nứt phát điên vì tình, đó là một việc không thể có được! Ni-cô-lai An-tô-nứt với những ngón tay mập mạp, với cái răng vàng, lại già như thế! Nhưng nghe Ca-chi-a kể, tôi hình dung những quan hệ phức tạp và đau lòng. Tôi tưởng tượng xem bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã sống những năm trời đằng đẵng ấy như thế nào. Bà xinh đẹp mà mới hai mươi tuổi đầu đã phải sống cô độc. "Không phải quả phụ mà cũng không phải là gái có chồng!" Bà bắt mình sống bằng cách kính trọng kỷ niệm của chồng. Tôi tưởng tượng xem bao năm trời nay Ni-cô-lai An-tô-nứt đã ve vãn chiều chuộng bà, lường gạt bà, ngọt ngào, kiên tâm, nhẫn nại như thế nào. Ông đã biết thuyết phục bà - và không phải chỉ có một mình bà - tin rằng chỉ có mình ông là hiểu rõ và yêu quí chồng bà mà thôi. Ca-chi-a đã nói đúng. Đối với bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, bức thư này là một cái đòn đáng sợ. Hay cứ để cho bức thư này nằm trên cái giá sách con ở trong buồng của Xa-nhi-a, giữa hai cuốn sách "Vua Chuông" và "Những cuộc phiêu lưu của chàng Cô-dắc sông Đông trên núi đồi Cáp-ca-dơ" là hơn?

Chương 15

Chúng tôi đi dạo - Tảo mộ - gia đình Bu-ben-tri-cốp - Ngày biệt ly

Một tuần lễ ở En-xcơ trôi qua chẳng lấy gì làm thú vị lắm, thậm chí còn rất buồn nữa là khác. Nhưng tuần lễ đó đã để lại trong suốt đời tôi biết bao nhiêu ký ức kỳ diệu!

Hàng ngày tôi cùng Ca-chi-a đi dạo, tôi đã chỉ cho cô xem những nơi mà xưa kia tôi hằng yêu thích và kể cho cô nghe về những ngày thơ ấu của tôi. Còn nhớ tôi đã đọc được ở một cuốn sách nào đó nói rằng những nhà khảo cổ học có thể khôi phục được lịch sử và phong tục tập quán của cả một dân tộc qua một tấm bia còn giữ lại được. Tôi cũng vậy - từ một ngóc ngách nào đó còn lại của thành phố En-xcơ cũ, tôi có thể hồi tưởng lại và kể cho Ca-chi-a nghe về cuộc sống trước đây của chúng tôi.

Nhưng giờ đây chính bản thân tôi cũng phải đánh giá lại cái thành phố xinh đẹp này. Hồi còn nhỏ tôi không nhận thấy tất cả vẻ đẹp của những vườn trên đồi, của những con đường dốc, của hai bờ sông cao ngất bắt đầu tách ra từ chỗ "Lan can sắt" (hiện nay người ta vẫn dùng danh từ này để gọi chỗ hai con sông Pét-trin-ca và Chi-khai-a gặp nhau)...

Chỉ có một ngày tôi không gặp Ca-chi-a. Hôm đó tôi đi đến nghĩa địa. Không hiểu tại sao tôi cảm thấy sau những năm qua ngôi mộ của mẹ tôi không còn vết tích gì nữa. Nhưng cuối cùng tôi cũng tìm thấy. Xung quanh mộ có những cành cây cắm thành hàng rào và trên cây chữ thập đã đổ nghiêng vẫn có thể đọc được hàng chữ "Cầu chúa đừng quên linh hồn kẻ nô lệ của Người". Bấy giờ là mùa đông, tất nhiên tất cả các ngôi mộ khác cũng bị tuyết phủ kín như nhau, nhưng dù sao cũng vẫn có thể thấy ngôi mộ này hoang vu, không người chăm sóc.

Tôi đâm buồn, thơ thẩn mãi trên con đường nhỏ và hồi tưởng lại về mẹ tôi. Giờ đây không biết mẹ tôi đã bao nhiêu tuổi? Bốn mươi. Mẹ tôi còn trẻ lắm. Lẽ ra giờ đây mẹ tôi cũng có thể sống hạnh phúc như dì Đa-sa, nghĩ đến đó lòng tôi đau thắt lại. Tôi nhớ lại đôi mắt mệt mỏi đờ đẫn của Người, nhớ lại hai bàn tay nứt nẻ vì đi giặt thuê, nhớ lại cái cảnh mẹ tôi mệt mỏi quá ngồi ăn cơm chiều mà không ăn được, mệt chẳng khác gì chết... Kể ra mẹ tôi rất thông minh! Chính cái tên khốn kiếp Gai-e Cu-li đã làm cho mẹ tôi mê hoặc và đã giết chết mẹ tôi!

Tôi quay lại chỗ phần mộ dường như để xin lỗi mẹ. Sau đó tôi đi tìm người canh nghĩa địa. Ông ta đang bổ củi ầm ầm ở trong cái nhà cạnh xiêu vẹo. Tôi nói với ông:

- Bác ơi, ở đây có ngôi mộ của bà Ác-si-ni-a Gri-gô-ri-e-va. Ngôi mộ ấy ở trên con đường nhỏ này, ngôi mộ thứ hai ở chỗ rẽ kia.

Ông ta làm ra vẻ như đã biết rõ ngôi mộ tôi nói là ngôi mộ nào.

- Bác có thể đắp lại giúp được không? Tôi xin trả tiền.

Người canh mộ đi đến con đường nhỏ xem rồi quay lại. Ông ta nói:

- Ngôi mộ này có người trông nom đấy. Hiện nay là mùa đông nên nhìn không thấy. Những ngôi mộ khác mới không có người trông nom cho nên nếu cây chữ thập không bị nhổ thì cũng hỏng cái nọ, cái kia. Còn ngôi mộ này thì có người chăm sóc.

Tôi đưa cho ông ta ba rúp rồi đi ra.

Trên đường về nhà, tôi nghĩ đến Gai-e Cu-li, đến mẹ tôi. Không hiểu sao mẹ tôi lại có thể yêu một con người như thế? Bất giác tôi lại nghĩ đến bà Ma-ri-a va-xi-li-ép-na và tôi quả quyết rằng cả đời tôi sẽ không bao giờ hiểu được tâm lý phụ nữ...

Ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau, nhưng mãi cho đến khi trước hôm ra đi tôi mới có dịp hỏi Ca-chi-a về mấy bà già trong gia đình Bu-ben-tri-cốp: có phải họ bị đuổi ra khỏi đạo không? Ca-chi-a hết sức ngạc nhiên. Cô nói:

- Thật à? Mình cũng không biết. Nhưng rất có thể như thế, bởi vì các bà ấy đều là những người vô thần và theo chủ nghĩa hư vô. Cậu đã đọc “Cha và con” chưa?

- Đọc rồi.

- Thế cậu có nhớ trong đó có một anh hư vô chủ nghĩa Ba-da-rốp không?

- Nhớ.

- Đấy, các bà ấy cũng là những người hư vô chủ nghĩa như hắn đấy.

- Thôi được, thôi đủ rồi! Thế chuyện đó xảy ra vào hồi nào?

- Có gì đâu! Các bà ấy già cả rồi. Còn con dê thì cáu kỉnh. Họ uống sữa dê, họ cũng khuyên mình uống nhưng mình đã từ chối. Khi con dê đã cáu kỉnh thì sữa của nó cũng không tốt.

- Cậu chỉ lừa mình thôi, - tôi trầm ngâm một lát rồi nói.

- Không, mình nói thật đấy, - Ca-chi-a vội chống chế.

Một con dê cáu kỉnh, ba người hư vô chủ nghĩa chăm sóc nó. Có trời biết chuyện oái oăm đó! Dù sao cũng là chuyện vớ vẩn.

Và thế là ngày cuối cùng chia tay đã đến! Từ sáu giờ sáng dì Đa-sa đã rán bánh ngọt. Tôi vừa tỉnh dậy đã ngửi thấy mùi nghệ tây thơm nức và mùi bột nhào vừa thơm vừa ngọt lự. Sau đó dì đi vào nhà ăn nơi tôi đang ngủ, trông dì rất buồn, mắt đeo kính, người dính đầy bột, tay cầm góc lá thư Pê-chi-a gửi về.

- Phải gọi Xa-nhi-a dậy thôi, - dì nghiêm nghị nói. - Có thư của Pê-chi-a đây này.

Đúng là thư của Pê-chi-a thật và cũng đúng như ông chánh án nói, thư ngắn nhưng rất "đâu vào đấy". Trước hết nó giải thích tại sao lại không về nhà nghỉ đông, là bởi vì nó đi Lê-nin-grát tham quan. Thứ hai, nó rất ngạc nhiên về sự có mặt của tôi ở En-xcơ và do đó nó xin tỏ nỗi vui mừng thành thật. Thứ ba, nó mắng tôi một trận nên thân về tội đã không viết thư lại không đi tìm nó, tóm lại "tôi đã hành động như một kẻ vô tình". Thứ tư, trong phong bì lại còn một bức thư nữa gửi cho Xa-nhi-a làm cho cô ta cười ngượng nghịu và nói: "Thật là anh chàng ngốc, viết chung vào một thể không được hay sao. Nhưng rõ ràng là nó không thể gộp hai thư vào làm một được bởi vì Xa-nhi-a cầm lấy thư rồi chạy biến vào buồng mình đọc suốt ba tiếng đồng hồ, mãi cho đến khi tôi vào buồng, cô mới thôi. Tôi bảo Xa-nhi-a phải xuống ngay bếp ngăn dì Đa-sa lại, vì dì đang định làm cho tôi cái bánh rán dài rộng hàng thước để mang đi ăn đường.

Có lẽ ở trong ngôi nhà số Tám ngõ La-pu-tin cũng xảy ra cái cảnh tượng như thế, bởi vì Ca-chi-a cũng không thể ra khỏi nhà vào ngày hôm đó được. Cứ như Ca-chi-a sắp đi Bắc cực không bằng, không những người ta nhét cho cô bao nhiêu thức ăn, mà người ta còn trang bị cho cô rất nhiều quần áo: nào quần áo cưới

kiểu cũ chưa dùng đến của ba vị hư vô chủ nghĩa, nào đăng ten Thổ-nhĩ-kỳ, nào áo khoác len vai bồng, nào áo váy có lót nặng trình trịch.

Tuyệt nhất là chuyện Xa-nhi-a rẽ vào nhà Bu-ben-tri-cốp một tí, lúc về bị lỡ bữa cơm trưa. Cô về có vẻ lúng túng và nói rằng ở đó rất thú vị. Cả ba bà già cùng ra sức may, may được một chiếc áo váy rất đẹp. Ca-chi-a mặc rất vừa, còn cô mặc trông chả ra cái gì cả. Nhưng cái mũ thì cô đội rất hợp cho nên nhất định cô sẽ phải may một chiếc như thế.

- Tóm lại là cái gì chúng em cũng đều đã thử cả, - Xa-nhi-a nói và bật cười. - Thậm chí đến chóng cả mặt.

Ông chánh án đi làm về ngồi ăn với tôi bữa cơm cuối cùng. Ông mang về một chai rượu nho, chúng tôi uống hết sạch, sau đó ông nói chuyện. Đó là một bài nói chuyện rất hay, so với bài nói chuyện trước đây trong bữa tiệc tiễn Gai-e Cu-li tham gia tiểu đoàn cảm thử thì hay hơn nhiều. Ông ví tôi và Pê-chi-a như những con chim ưng và tỏ hy vọng rằng chúng tôi nên luôn luôn trở về tổ cũ. Ông cũng rất muốn khoe khoang một chút vì mình đã đào tạo được những đứa trẻ như vậy, nhưng không thể nói thế được bởi vì chính đất nước đã đào tạo chúng tôi nên người, không để cho chúng tôi bị sa đọa. Ông nói như vậy. Dì Đa-sa nghe nói đến đây cảm động quá đến rơi lệ, hình như dì muốn nhắc lại chuyện cũ rằng dì vui lòng gánh vác trách nhiệm giáo dục chúng tôi, chứ không muốn ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác... Tôi đứng lên đáp lời ông chánh án. Tôi không nhớ là tôi đã nói những gì, nhưng cũng rất hay. Đại thể là tôi nói hiện nay chúng tôi cũng chưa làm được cái gì đáng để khoe khoang.

Bữa cơm hôm đó kéo rất dài, tí nữa thì chúng tôi bị nhỡ tàu. Chúng tôi thuê xe ngựa đi ra ga. Lần đầu tiên trong đời, tôi được

đi một chuyến sang trọng như vậy: được ngồi xe ngựa, dưới chân lại có cái làn. Nếu ngày hôm đó dì Đa-sa không nhét bánh rán vào làn ngay trước mặt tôi thì tôi dám nói rằng bản thân tôi cũng không biết cái làn này ở đâu ra.

Khi chúng tôi ra đến ga thì Ca-chi-a đã đứng trên bậc toa tàu và các bà cụ nhà Bu-ben-tri-cốp tranh nhau dặn dò cô ta: nào là đừng có bị cảm ở dọc đường, nào là đừng có để đồ đạc bị mất cắp, nào là đến các ga đừng có xuống tàu đi lại lang thang, nào là về đến nhà thì phải đánh điện ngay, nào là cho họ gửi lời hỏi thăm và phải viết thư luôn...

Tôi không biết các bà này cổ là những người theo chủ nghĩa hư vô hay không. Theo tôi, họ chẳng qua chỉ là mấy bà lão mặc áo khoác da chật lại có dây buộc, ở tay có bao tay vừa to buồn cười, thế thôi.

Chỗ ngồi của tôi lại ở một toa khác vì thế chúng tôi chỉ có thể chào Ca-chi-a và các bà cụ Bu-ben-tri-cốp từ đằng xa. Ca-chi-a vẫy chúng tôi, còn các bà cụ thì chỉ gật đầu, có vẻ kiểu cách.

Đã rung chuông lần thứ hai! Tôi ôm hôn em Xa-nhi-a và dì Đa-sa. Ông chánh án đề nghị tôi đến thăm Pê-chi-a và tôi đã hứa là sẽ đến chỗ Pê-chi-a ngay ngày đầu tiên sau khi tới nơi. Tôi có mời Xa-nhi-a lên Mát-xcơ-va chơi, cô ta hứa là đến kỳ nghỉ mùa xuân sẽ lên - thì ra cô ta đã hẹn hò trước với Pê-chi-a rồi.

Hồi chuông thứ ba! Tôi lên tàu. Xa-nhi-a viết mấy chữ gì đó trong không khí, tôi viết trả lời loằng ngoằng chữ "Được rồi!". Dì Đa-sa bắt đầu khóc thút thít và cuối cùng tôi nhìn thấy Xa-nhi-a rút khăn mùi xoa ở trong tay dì ra, cười, lau nước mắt cho dì... Tàu từ từ chuyển bánh. Ga En-xcơ thân yêu lùi dần về phía sau. Tàu chạy mỗi lúc một nhanh! Mấy cụ già theo chủ nghĩa hư vô

lướt qua bên người tôi! Một phút sau, sân ga mất hút. Xin tạm biết nhé, En-xcơ!

Khi đoàn tàu đến ga thứ hai thì tôi đổi chỗ cho một ông già đáng kính. Ông ta đến chỗ ghế tầng dưới của tôi, còn tôi thì chuyển sang toa có Ca-chi-a ngồi. Thứ nhất là ở đây sáng sủa hơn và thứ hai là ở đây có Ca-chi-a.

Cô ở đây đã sắp xếp xong đâu đấy cả rồi: trên mặt chiếc bàn con có trải khăn bàn sạch sẽ, cửa sổ có rèm cứ như cô ta sống ở cái toa này hàng trăm năm không bằng.

Cả hai chúng tôi đều vừa mới ăn xong, nhưng cũng muốn xem các cụ ấy nhét vào làn của chúng tôi những thứ gì.

Nói chung thì trong làn của Ca-chi-a phong phú hơn làn của tôi nhiều. Trong đó có táo - thứ táo mùa đông tuyệt vời của vườn nhà! Chúng tôi mỗi đứa ăn một quả và mời ông bạn đồng hành, người nhỏ nhắn, râu không cạo, nước da tai tái và đeo kính xơi một quả. Anh ta cứ phỏng đoán mãi mối quan hệ giữa chúng tôi: anh em ư - không phải! Hay là vợ chồng - hơi sớm!

Đã hơn hai giờ, anh bạn không cạo râu ngủ ngáy suốt đêm, tay nắm chặt để dưới mũi. Tôi và Ca-chi-a vẫn còn đứng nói chuyện ở ngoài hành lang. Chúng tôi lấy ngón tay viết lên mặt kính bị đóng băng - chữ đầu tiên là chữ đầu của họ, sau đó là những cái đầu.

- Y như trong cuốn "An-na Ca-rê-ni-na" đã tả ấy.

Nhưng theo tôi thì ở đây chẳng có chút nào giống trong "An-na Ca-rê-ni-na", và nói chung thì chẳng giống cái gì cả.

Ca-chi-a đứng sát bên tôi và hình như cô đã trở thành một con người mới. Cô rẽ đầu ngôi giữa y như người lớn và dưới mái tóc đen đáng yêu ấy lộ ra hai cái tai "mới". Khi cô cười thì những

hàm răng cũng mới. Từ ngày tôi và cô quen biết nhau, chưa bao giờ thấy cô thoải mái và quay đầu kiêu hãnh như hôm nay, đúng là một cô gái đẹp thật sự. Cô đã trở thành một con người mới, một con người khác hẳn. Tôi cảm thấy tôi đang yêu cô say đắm, yêu hơn tất cả mọi thứ trên đời!

Bỗng những cột dây điện nhấp nhô bên ngoài cửa sổ hiện rõ và những cánh đồng đen kịt phủ đầy tuyết cũng dần dần hiện ra. Tôi không biết là tàu chạy theo tốc độ nào, có lẽ cũng không ngoài bốn mươi cây số một giờ, nhưng tôi cảm thấy chúng tôi đang lao rất nhanh như trong một truyện thần thoại nào đó, tất cả còn đang ở phía trước! Tôi không biết cái gì đang chờ tôi trong tương lai. Nhưng tôi biết chắc chắn một điều, mối tình của chúng tôi là vĩnh viễn. Ca-chi-a sẽ mãi mãi là của tôi và tôi sẽ là của Ca-chi-a suốt đời!

Chương 16

Cái gì đang chờ tôi ở Mát-xcơ-va

Các bạn hãy thử hình dung xem bạn cảm thấy gì khi bạn trở về ngôi nhà thân thuộc của mình mà bạn đã sống ở đó gần nửa đời người, bỗng dưng mọi người lại nhìn nhau với vẻ kinh ngạc, hình như bạn đã vào nhầm nhà. Sau khi tôi từ En-xcơ trở lại trường học, tôi đã được thể nghiệm cảm giác đó.

Người đầu tiên mà tôi gặp từ ngoài phòng treo áo là Rô-ma-sca.

Sau khi nhìn thấy tôi, nó vểnh mặt lên rồi cười. Nó reo lên:

- Xin chào bạn đã về! Hắt xì! Chúc bạn sức khỏe!

Cái tên đểu cáng ấy có vẻ đắc chí.

Hôm đó là ngày cuối cùng trước khi khai giảng nên học sinh chẳng có ai ở nhà. Tôi đi xuống nhà bếp để chào bác bếp Pê-chi-a. Thái độ của bác Pê-chi-a đối với tôi cũng rất lạ.

- Có gì đâu, chú em ạ, chuyện như thế vẫn thường xảy ra, - bác bếp nói nhỏ.

- Bác Pê-chi-a, có chuyện gì xảy ra thế?

Hình như không nghe thấy tôi hỏi, bác Pê-chi-a ném một dúm muối vào nồi rồi đứng im đó. Bác đang ngửi cái hơi từ nồi bốc ra.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp thoáng qua ngoài hành lang, tôi chạy theo.

- Chào thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- A, anh đấy à? - ông trả lời nghiêm nghị. - Anh đến chỗ tôi nhé. Tôi cần nói chuyện với anh.

Trên bàn làm việc của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp có bức chân dung một người phụ nữ trẻ, thoạt đầu tôi không nhận ra đó là Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na - một người tuyệt đẹp! Tôi đến gần và nhìn kỹ; trên cổ bà cũng đeo chuỗi hạt trân châu, đó chính là cái chuỗi hạt mà hôm Ca-chi-a đến trường tôi tham gia vũ hội đã đeo. Tôi nhìn thấy chuỗi hạt mà phấn khởi, dường như Ca-chi-a đang chào tôi...

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến và chúng tôi nói chuyện.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, có chuyện gì vậy?

- Có chuyện như thế này, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chậm rãi trả lời, - người ta định đuổi anh ra khỏi trường.

- Vì sao?

- Anh chưa biết à?

- Thưa thầy chưa ạ.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nghiêm nghị nhìn tôi.

- Tôi không thích như vậy.

- Thưa thầy em nói thực đấy!

- Vì anh đã tự động bỏ trường mười ngày, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp vừa nói vừa đếm ngón tay. - Vì làm nhục thầy Li-khô. Vì đánh nhau.

- À, thì ra thế! Tuyệt thật! - tôi rất bình tĩnh phản đối. - Nhưng trước khi đuổi, xin thầy hãy nghe em giải thích đã.

- Nói đi!

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi bắt đầu trang nghiêm. - Thầy có muốn biết tại sao em đá vào mõm Rô-ma-sca không?

- Không nên nói "mõm", - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói.

- Thế thì không nói "mõm". Em đá vào cái mặt chó của nó là bởi vì nó đểu. Thứ nhất, nó đã thóc mách chuyện em và Ca-chi-a với gia đình Ta-ta-ri-nốp. Thứ hai, nó đã nghe trộm những chuyện học sinh nói về Ni-cô-lai An-tô-nứt rồi bí mật báo cáo lại với ông ấy. Thứ ba, nó lục hòm của em mà không được em cho phép. Đó chẳng khác gì là một sự khám xét. Các bạn đã nhìn thấy em bắt được quả tang như vậy. Và đúng là em đã nện nó một trận. Em thừa nhận như thế là không đúng, đặc biệt là dùng chân đá. Nhưng em cũng là người, chứ có phải là đá đâu. Trái tim em không chịu đựng nổi. Bất kỳ người nào cũng đều làm như thế cả.

- Được. Sao chứ?

- Còn về việc thầy Li-khô thì thầy đã biết đấy. - Trước hết xin thầy ấy chứng minh em là kẻ duy tâm. Thầy đã đọc bài luận của em chưa?

- Đọc rồi. Tồi lắm.

- Hừ, ừ thì cho là tồi, nhưng trong đó không ẩn náu cái gì là chủ nghĩa duy tâm cả, về điều này thì em xin bảo đảm.

- Ừ thì cho là như thế. Rồi sao nữa?

- Sau đó còn có gì nữa đâu? Thế là hết.

- Không, chưa hết. Anh có biết chúng tôi phải nhờ cảnh sát tìm hiểu công việc của anh không?

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt! Đó là sự thực. Kể ra em đã nói với bạn

Van-ca. Thôi được, cho đi là việc này không đáng kể đến. Nhưng em rời khỏi trường trong thời kỳ nghỉ, còn đi đâu? Em về quê, nơi đã tám năm nay em chưa về, chẳng lẽ vì một việc như thế mà đuổi em ra khỏi trường?

Ngay từ lúc thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói đến cảnh sát, tôi đã biết phen này không nổi trận "lôi đình" thì không trôi đâu. Quả nhiên tôi đã không lầm.

Hồi còn học lớp bốn, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã có lần quát tôi một trận. Hồi đó là vì I-xi-ca Gru-man đi tắm vấp phải đá bị toạc chân, tôi liền chữa cho hắn bằng phương pháp tắm nắng, kết quả là hai ngón chân phải cưa đi. Trận "lôi đình" đó thật đáng sợ. Giờ đây ông ấy lại lặp lại. Ông ấy trợn mắt lên gọi tôi, nhưng tôi chỉ dịu dàng nói:

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- Câm mồm đi!

Chính ông cũng lặng đi một lát, nhưng đó chỉ là để lấy hơi.

Như vậy tôi dần dần hiểu ra quả thật tôi có khuyết điểm. Nhưng chẳng lẽ đuổi tôi thật hay sao? Nếu vậy thì xin vĩnh biệt tất cả ở trên đời này. Vĩnh biệt Trường Hàng không! Vĩnh biệt cuộc sống!

Cuối cùng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp im lặng.

- Quả thật là xấu! - Ông nói.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi cảm thấy hơi hun, hay nói cho đúng hơn thì giọng nói có run run, - em không muốn bác lại lời thầy, mặc dù về nhiều điểm thầy nói không đúng. Thôi thế nào cũng được. Nhưng thầy cũng không muốn để họ đuổi em ra khỏi trường chứ gì?

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp im lặng.

- Thì cứ cho là như vậy.

- Nếu thế thì xin thầy cho biết em phải làm gì?

- Anh phải đến xin lỗi thầy Li-khô.

- Cũng được. Nhưng trước hết...

- Tôi đã nói với thầy ấy rồi! - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bực mình nói. - Thầy ấy đã gạch chữ "chủ nghĩa Duy tâm" đi rồi. Nhưng còn điểm thì vẫn như cũ.

- Thì cứ cho là điểm số vẫn như cũ. Nhưng nhận xét bài luận của em là "quá kém" thì không đúng. Nói chung không có số điểm như vậy. Đã kém mà lại còn trừ nữa thì gọi là gì?

- Thứ hai, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói tiếp, - anh phải đến xin lỗi Rô-ma-sca.

- Không bao giờ!

- Nhưng chính anh đã nói: "Tôi thừa nhận như vậy là không đúng" cơ mà.

- Vâng, em có nói. Các thầy có thể đuổi em ra khỏi trường. Em không bao giờ phải xin lỗi nó.

- Hãy nghe tôi nói, anh Xa-nhi-a, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nghiêm nghị nói, - tôi phải vất vả lắm mới xin các thầy đồng ý cho anh đến dự hội nghị Hội đồng nhà trường. Nhưng bây giờ thì tôi lại tiếc rằng tôi dã uổng công vô ích. Nếu anh ra hội nghị mà lại nói "Không bao giờ! Các thầy có thể đuổi tôi đi!" - có lẽ người ta sẽ đuổi anh mất, anh hoàn toàn có thể tin ở điều đó.

Ông nói những lời này với thái độ rất đặc biệt khiến cho tôi hiểu ngay rằng ông muốn ám chỉ ai. Ni-cô-lai An-tô-nứt, con người lịch thiệp, chín chắn mặt béo phị bỗng thoáng hiện trong óc tôi. Thì ra chính lão ta đã tìm mọi cách để đuổi tôi ra khỏi trường!

- Tôi nghĩ rằng anh không có quyền vì lòng tự ái nhỏ nhặt mà để cho tương lai của mình bị nguy hại.

- Đây không phải là lòng tự ái nhỏ nhặt mà đây là danh dự, thầy ạ! - Tôi nóng nảy nói tiếp. - Thầy muốn gì? Thầy muốn em xoa dịu câu chuyện với Rô-ma-sca, bởi vì câu chuyện đó có liên quan đến Ni-cô-lai An-tô-nứt, liên quan đến con người quyết định việc đuổi em ra khỏi trường hay không chứ gì? Thầy muốn em sẽ làm một việc đê tiện ấy như thế ư? Không bao giờ! Giờ đây em hiểu rằng tại sao ông ta lại kiên quyết đòi đuổi em. Ông ta muốn tống em đi để em đi đến một nơi nào đó và không còn được gặp Ca-chi-a nữa. Vấn đề chẳng phải như thế có sao? Em phải nói Rô-ma-sca là một thằng đểu và chỉ có thằng đểu thì mới đi xin lỗi nó.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp tư lự. Ông nói:

- Khoan đã. Anh vừa nói, Rô-ma-sca nghe trộm những chuyện học sinh nói về Ni-cô-lai An-tô-nứt, rồi sau đó đi báo cáo bí mật với ông ta. Nhưng em lấy gì chứng minh điều đó?

- Em có nhân chứng - thằng Van-ca.

- Van-ca nào?

- Giu-cốp. Nó nói với em rành rọt rằng "Thằng Rô-ma-sca ghi vào sổ tay, rồi sau đó mật báo cho Ni-cô-lai An-tô-nứt biết họ đã nói gì về ông ta. Mình đã bịt tai lại, nhưng nó vẫn cứ kể". Em xin nói lại với thầy đúng nguyên văn như thế.

- Hừ... Hay đấy, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp sôi nổi nói. - Nhưng tại sao Van-ca lại im lặng? Hình như cậu ta là bạn của em?

- Thưa thầy, Rô-ma-sca dọa nó. Thằng Van-ca rất sợ nó nhìn vào mặt lúc ban đêm. Về sau nó bắt Van-ca phải lấy danh dự thề rằng không đi nói chuyện lại với người khác. Tất nhiên Van-ca là

một thằng ngốc nên nó lấy danh dự mà thề thật. Nhưng dù có lấy danh dự mà thề đi nữa nó cũng không thể im lặng mãi được. Có phải thế không ạ?

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đứng lên. Thầy đi đi lại lại, rút cái lược con ra chải râu rồi chải lông mày, chải lông mày xong lại chải râu. Thầy đang suy nghĩ. Tim tôi đập thình thịch, nhưng tôi không nói thêm một lời. Cứ để cho ông suy nghĩ! Thậm chí tôi còn phải thở rất khẽ - chỉ sợ thở mạnh sẽ làm trở ngại cho ông.

- Thôi được, hay như thế này vậy Xa-nhi-a nhé, dù sao thì em cũng không biết lừa dối, - cuối cùng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Thế thì ở Hội đồng nhà trường, em hãy nói lại tất cả những điều như em đã nói với tôi hôm nay. Nhưng với một điều kiện là...

- Điều kiện gì, thưa thầy?

- Đừng có xúc động. Ví dụ như em vừa mới nói, Ni-cô-lai An-tô-nứt muốn đuổi em vì em có quan hệ với Ca-chi-a. Về chuyện này không nên nói ở Hội đồng.

- Thưa thầy, chả lẽ em lại không hiểu điều đó hay sao?

- Em hiểu, nhưng em rất dễ bị xúc động... Như thế nhé, Xa-nhi-a. Chúng ta thỏa thuận với nhau như thế này. Nếu tôi đặt tay ở trên bàn như thế này, lòng bàn tay úp xuống thì em cứ yên tâm mà nói nhưng cũng phải luôn luôn nhìn vào tay tôi. Còn nếu tôi khe khẽ gõ tay xuống bàn có nghĩa là em đang xúc động đấy. Còn nếu không thì tức là không.

- Được ạ. Xin cám ơn thầy. Thế khi nào họp?

- Ba giờ chiều nay. Nhưng em sẽ được gọi chậm hơn.

Thầy nhờ tôi gọi Van-ca đến chỗ thầy. Chúng tôi chia tay.

Chương 17

Van-ca

Tôi cố gắng để khỏi bị xúc động và tôi cũng chuẩn bị đồ đạc sẵn sàng để phòng vạn nhất có bị đuổi, tôi có thể ra đi ngay lập tức. Sau đó tôi đọc tờ báo tường - không có bài nào nói về tôi, như vậy có nghĩa là vấn đề này chưa đến tai Ban thường vụ Đoàn thanh niên cộng sản của trường. Hay là trong thời gian nghỉ Đoàn không họp một buổi nào?

Một ý nghĩ làm cho tôi hoảng sợ nhất: không những tôi bị đuổi ra khỏi trường mà còn bị khai trừ ra khỏi Đoàn nữa. Có thể như thế thật không? Về chuyện này các cậu ấy biết gì đâu? Tại sao tôi vào phòng ngủ, đánh cho thằng Rô-ma-sca một trận rồi chẳng nói gì với ai hết đã đi En-xcơ? Tất nhiên như thế là tôi bôi nhọ danh hiệu đoàn viên của mình. Đáng lẽ lúc đó tôi phải giải thích về hành vi của mình. Ôi, muộn mất rồi!

Suốt ngày tôi cứ buồn rầu suy nghĩ về việc đó. Văn phòng đoàn thanh niên cộng sản đóng cửa. Chỉ có mình chị Ni-na Sê-ne-man ở trong ban thường vụ có nhà thôi. Tôi không thích chị mà tôi cũng không muốn nói chuyện với chị về những chuyện như thế này. Theo tôi thì chị ấy là người hơi đần.

Tôi đang chờ Van-ca. Nhưng thời gian qua rồi mà cậu ta vẫn không thấy đến... Tất nhiên cậu ta đang ở vườn bách thú! Tôi để lại cho cậu ta một mảnh giấy trách móc - đề phòng chúng tôi đi đường không gặp nhau, tôi đáp xe đến phố Pre-xni-a.

Lần này tôi không tìm được cậu ta ngay.

- Van-ca đang ở chỗ nhà giáo sư, - một chú bé tuổi trạc mười lăm nói với tôi. Trông chú hơi giống Van-ca, cũng hiền lành và khuôn mặt cũng hơi ngớ ngẩn.

- Thế giáo sư ở đâu?

- Trên đường đi khám bệnh.

Tôi hỏi lại:

- Ở trong vườn, trên đường đi khám bệnh!

Trước đây tôi cho rằng chỉ có ở trong bệnh viện các giáo sư mới đi khám cho bệnh nhân. Nhưng chú bé kiên nhẫn giải thích cho tôi rằng không phải chỉ ở trong nhà thương mà cả ở trong vườn bách thú và trong trường hợp này thì giáo sư không đi thăm người bệnh mà đi khám bệnh cho súc vật.

- Tất nhiên là các loài động vật cũng có khi bị ốm, - chú ta nghĩ rồi nói thêm. - Tuy là có ít hơn người.

Đó là giáo sư R. nổi tiếng mà Van-ca nói với tôi suốt ngày. Tôi hiểu ngay là chính ông ấy, bởi vì ông ấy cũng giống Van-ca, có điều là giống Van-ca bố: cũng cái mũi bè, cặp kính to, mặc áo bành-tô da rất dài và đội chiếc mũ dạ rất cao.

Giáo sư đứng bên chuồng khỉ và xung quanh ông có rất nhiều người khoác áo choàng trắng ở ngoài áo bành-tô. Tất cả những người đó, ai cũng muốn được đứng gần giáo sư, ai cũng muốn được nói với giáo sư một câu gì. Nhưng ông chỉ nghe có một mình Van-ca, chính thằng Van-ca, thậm chí ông ta còn vạch đôi tai

nhăn nheo to tướng ra khỏi cái mũ da để nghe nó nói nữa.

Tôi đứng lại cách khá xa. Tôi nhìn thấy rõ Van-ca rất phấn khởi mắt chớp chớp. "Thằng cha cừ thật!", - tôi thầm nghĩ nhưng chẳng biết tại sao.

Van-ca nói rất lâu thế mà ông giáo sư cũng nghe tất cả và cũng chớp mắt và chăm chú hít thở bằng mũi. Có một lần ông mở mồm và muốn, hình như muốn bác lại điều gì, nhưng Van-ca kiên quyết, hầm hầm bước đến cạnh giáo sư, thế là giáo sư lại nghe theo và ngậm mồm lại.

Cuối cùng Van-ca nói xong, giáo sư lại ấn tai vào trong mũ và suy nghĩ. Bỗng dưng vì sự vui mừng gì đó, ông vỗ vai Van-ca nói, tiếng ông rất giống tiếng ngựa hí. Mọi người sôi nổi bàn tán rồi đi tiếp. Chỉ còn lại có mình Van-ca đứng trơ ra ngơ ngẩn, phấn khởi ra mặt. Lúc đó tôi mới gọi nó:

- Va-li-a!

- A, cậu đấy à!

Chưa bao giờ tôi nhìn thấy nó hồi hộp đến thế. Thậm chí trong mắt nó còn đang có giọt nước mắt. Nó cười lúng túng.

- Cậu sao thế?

- Cái gì?

- Cậu khóc?

- Chỉ bậy! - Van-ca đáp.

Nó lấy cùi tay lau mắt và sung sướng thở một hơi dài.

- Van-ca, có chuyện gì xảy ra thế?

- Chẳng có gì đặc biệt. Thời gian gần đây mình nghiên cứu loài rắn. Mình đã chứng minh thành công một việc rất thú vị.

- Việc gì?

- Máu của loài rắn độc thay đổi theo lứa tuổi của nó.

Tôi nhìn Van-ca mà hết sức ngạc nhiên. Khóc vì sung sướng,

vì phát hiện ra là máu của hắn độc thay đổi tùy theo lứa tuổi. Điều đó tôi không tài nào hiểu nổi.

- Xin chúc mừng, - tôi nói. - Mình có chuyện cần nói với cậu. Thế nào, có được không?

- Được.

Chúng tôi đi đến chỗ những con chuột.

- Cậu có biết người ta định đuổi mình ra khỏi trường không?

Hình như Van-ca có biết chuyện này, nhưng nó hoàn toàn quên mất bởi vì lúc đầu nó trợn tròn mắt lên, nhưng sau đó lại lấy tay vỗ trán và nói:

- A, ừ, mình biết!

- Việc này có bàn trong Ban thường vụ Đoàn không?

Lúc đó tôi hơi bị khản tiếng. Van-ca gật đầu.

- Quyết nghị là hãy chờ khi nào cậu về đã.

Tôi hơi yên tâm.

- Cậu đã viết báo cáo cho chi đoàn về thằng Rô-ma-sca chưa?

Van-ca nhìn tránh đi chỗ khác.

- Cậu thấy đấy, - nó lắp bắp, - mình chưa viết mà chỉ nói với nó là nếu nó còn dính vào nữa thì lúc đó mình sẽ viết. Nó hứa là sẽ không làm như thế nữa.

- Thì ra như thế đấy! Như vậy có nghĩa là cậu không thèm đếm sỉa gì đến chuyện mình sẽ bị đuổi ra khỏi trường?

- Tại sao? - Van-ca sợ hãi hỏi.

- Tại vì chỉ có cậu là có thể chứng minh được rằng mình đánh nó không phải vì nguyên do cá nhân. Nhưng cậu là thằng nhát gan, mà hành vi hèn nhát ấy có thể trở thành hành vi đê tiện. Cậu sợ phải nói nói những điều để bênh vực mình!

Đối với Va-li-a, nói như vậy thật là tàn nhẫn. Nhưng tôi rất

giận nó. Tôi cho rằng thằng Rô-ma-sca là điển hình độc hại của xã hội, ai cũng phải đấu tranh với những con người như vậy.

- Tối nay mình sẽ đưa, - Van-ca nói thấp giọng.

- Được, - tôi lạnh lùng đáp. - Có điều là cậu phải thấy, đây không phải mình yêu cầu cậu làm. Mình chỉ cho rằng là một đoàn viên thanh niên cộng sản, cậu phải làm đúng nghĩa vụ của mình. Còn bây giờ thì thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bảo cậu đến chỗ thầy ấy đấy.

- Khi nào?

- Ngay bây giờ.

Nó khẩn khoản đề nghị tôi chờ một lát, dù chỉ mười lăm phút thôi cũng được để nó cho con cóc hoa gì đó của nó ăn. Tôi không nghe, choàng áo bành-tô vào cho nó rồi kéo nó đi luôn đến chỗ thầy Cô-ra-bơ-li-ốp...

Sau nửa tiếng đồng hồ, nó quay lại vẻ rất bực tức, nó lấy ngón tay day mũi, hít hít mãi. Thì ra thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hỏi nó có phải nó không thích người nhìn nó ban đêm thật không. Điều đó làm cho nó rất ngạc nhiên.

- Mình không hiểu vì sao mà thầy lại biết được! Cậu nói với thầy điều này phải không, đồ súc sinh?

- Không, không phải mình, - tôi nói dối.

- Cái chủ yếu là thầy hỏi mình: "Ngộ nhỡ người ta nhìn anh với một tình cảm yêu mến thì sao?"

- Thì sao?

- Mình nói rằng "Lúc đó thì em không biết..."

Lúc năm giờ rưỡi, người tùy phái của trường đến tìm tôi.

- Anh Gri-gô-ri-ép, mời anh đến họp Hội đồng nhà trường, - bác ta nói rất lịch sự.

Chương 18

Một chết một sống[1]

Đó là một cuộc hội nghị rất bình thường ở trong phòng giáo viên chật hẹp. Trên bàn có trải chiếc khăn nhung xanh đã cũ rách. Tôi cảm thấy mọi người đều nhìn tới với vẻ bí ẩn, quan trọng thế nào ấy. Hôm nay bà giáo Xê-ra-phi-ma lại đi giày làm cho tôi mơ hồ tưởng như đây lại là một câu đố. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cười khi thấy tôi bước vào, và tôi nghĩ đó là sự "cố ý".

- Này, Gri-gô-ri-ép, - Ni-cô-lai An-tô-nứt bắt đầu nói nhẹ nhàng, - tất nhiên là anh đã biết, tại sao chúng tôi gọi anh đến Hội đồng nhà trường này rồi. Anh đã làm cho chúng tôi rất đau lòng. Mà không phải chỉ có chúng tôi, có thể nói là toàn trường đau lòng nữa. Điều anh làm cho chúng tôi đau lòng, đó là hành vi man rợ của anh không xứng đáng với xã hội loài người. Chúng

---

(1) Nguyên văn là "Tôi đốt con tàu". Theo Nga Hoa đại từ điển giải thích câu này như sau: Ngày xưa Hạng Vũ đem quân đi đánh nhau với quân Tần, sau khi qua sông liền đem hết cả nồi ra đập và đánh đắm hết cả thuyền để khích lệ binh sĩ không thắng trận không quay về. Ý nói phải quyết tâm, phải làm đến cùng bất chấp mọi khó khăn, trở ngại. - N.D.

ta sống trong xã hội này thì phải đem hết sức lực và khả năng của mình ra để mà thúc đẩy nó tiến lên.

Tôi nói:

- Có vấn đề gì xin cứ nói thẳng ra.

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, xin cho phép tôi nói trước đôi lời, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp sôi nổi nói. - Gri-gô-ri-ép, anh hãy nói xem, anh đã ở đâu chín ngày vừa qua kể từ sau ngày anh trốn khỏi trường học.

- Em không trốn mà là về En-xcơ, - tôi trả lời lạnh lùng. - Ở đó có em gái em mà đã gần mười năm trời em chưa gặp mặt. Điều này ông chánh án Xcô-vô-rốt-ni-cốp ở thành phố En-xcơ có thể xác nhận cho em vì em ở nhà ông, - số nhà 30 phố Gô-gôn, nhà này trước là của Mác-cút.

Nếu tôi nói thẳng là chín ngày qua tôi đã sống cùng với Ca-chi-a Ta-ta-ri-nô-va, cô ta bị đưa về En-xcơ vì có người xấu bụng không muốn cho chúng tôi gặp nhau hay ít nhất thì cũng không được gặp nhau trong suốt kỳ nghỉ đông, - lúc đó có lẽ lời của tôi cũng không gây ảnh hưởng lớn đối với Ni-cô-lai An-tô-nứt đến thế. Ông ta tái mặt đi, mắt chớp liên hồi, ngả đầu về một bên rất dịu dàng.

- Tại sao anh không nói trước với người nào về chuyến đi của mình? - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hỏi.

Tôi trả lời rằng tôi thừa nhận mình có phạm sai lầm, vì phạm kỷ luật và hứa từ nay trở đi sẽ không tái phạm nữa.

- Tốt lắm, Gri-gô-ri-ép, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói. - Đó là câu trả lời rất tốt. Chỉ mong rằng anh sẽ giải thích những hành vi khác của anh sao cho mọi người cũng được thỏa mãn như thế.

Ông nhìn tôi âu yếm. Ông có sức tự chủ đến kinh ngạc.

- Bây giờ anh hãy nói xem giữa anh và giáo sư I-van Vi-ta-li-e-vích Li-khô đã xảy ra chuyện gì?

Cho đến bây giờ tôi cũng không thể hiểu được tại sao trong khi kể lại câu chuyện về quan hệ giữa tôi với ông Li-khô, tôi không nói một lời nào về "chủ nghĩa duy tâm" cả. Đại khái tôi cho rằng ông Li-khô đã rút lời phê bình ấy đi rồi thì chẳng còn gì đáng nói nữa. Đó là một sai lầm rất lớn. Đồng thời cũng không nên nhắc đến chuyện bài luận của tôi không cần sự "phê bình". Điều đó khiến cho mọi người đều không thích. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chau mày và đặt tay lên bàn.

- Như thế có nghĩa là anh không thích phê bình? - Ni-cô-lai An-tô-nứt hỏi dịu dàng. - Anh đã nói với thầy I-van Vi-ta-li-e-vích những gì? Anh hãy nhắc lại xem.

Nhắc lại những lời tôi đã nói với ông Li-khô trước mặt Hội đồng nhà trường? Không thể được! Nếu ông Li-khô không phải là một người ngu thì chính ông ta cũng sẽ lái câu chuyện sang vấn đề khác. Thế mà ông ấy chỉ nhìn tôi với vẻ nghiêm trang.

- Nói tiếp đi! - Ni-cô-lai An-tô-nứt tuyên bố.

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, xin cho tôi nói một câu, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không đồng ý. - Những điều anh ta nói với thầy I-van Vi-ta-li-e-vích chúng ta đều biết cả rồi. Giờ đây chúng ta chỉ muốn biết Gri-gô-ri-ép giải thích như thế nào về hành vi của mình.

- Xin lỗi, xin lỗi, - Li-khô nói. - Tôi yêu cầu để cho anh ta nhắc lại một lượt. Ngay như ở trường Đốt-xtô-ép-xki, bọn học sinh ở đấy chưa được giáo dục đầy đủ tôi cũng không nghe những lời bẩn thỉu như thế bao giờ.

Tôi im lặng. Nếu như tôi đoán được ý nghĩ của người khác thì

lúc đó qua đôi mắt của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp tôi có thể đoán ra; "Xa-nhi-a, anh hãy nói rằng anh rất bất bình về cái chữ "Duy tâm chủ nghĩa". Nhưng tôi đã không biết.

- Thế nào! - Ni-cô-lai An-tô-nứt nhắc lại một cách khoan dung.

- Tôi không nhớ, - tôi lắp bắp.

Trả lời như thế thật là ngu xuẩn, bởi vì mọi người đều hiểu ngay rằng tôi nói dối, Li-khô khịt mũi một cái rồi nói:

- Hôm nay anh ấy có thể làm nhục tôi vì bị điểm kém thì ngày mai anh ấy có thể hại tôi. Thật là hành vi lưu manh.

Cũng như lần trước ở cầu thang, lúc này tôi muốn đá cho ông ta một cái, nhưng lúc này tôi lại kìm mình được. Tôi cắn chặt răng, đứng im và nhìn vào tay thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Bàn tay nhấc lên, khe khẽ gõ xuống bàn rồi lại lặng lẽ, nhẹ nhàng đặt xuống chỗ cũ.

- Tất nhiên bài luận kém, - tôi nói, cố gắng giữ cho mình khỏi xúc động quá và căm phẫn suy nghĩ xem làm thế nào để có thể dứt ra khỏi cái tình trạng ngu xuẩn này. - Nhưng cũng không đến nỗi "quá kém", bởi vì về căn bản làm gì có điểm nào như vậy. Nhưng em thừa nhận cái đó không quan trọng. Tóm lại nếu Hội đồng nhà trường quyết định là em phải xin lỗi thì em xin lỗi.

Rõ ràng là câu nói đó cũng ngu xuẩn nốt làm cho cả hội nghị nhốn nháo lên hình như tôi nói câu gì lạ lùng lắm và thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nhìn tôi bực mình ra mặt.

- Thôi được, anh Gri-gô-ri-ép, - Ni-cô-lai An-tô-nứt gượng cười nói. - Như vậy là anh định nếu Hội đồng nhà trường căn cứ vào sự kiện này ra quyết nghị thì anh mới xin lỗi thầy giáo I-van Vi-ta-li-e-vích. Nói một cách khác thì anh vẫn không thừa nhận là

mình phạm sai lầm. Thế thì có cách gì được! Chúng ta để lại việc này để tham khảo, còn bây giờ chúng ta sang vấn đề khác.

"... Vì lòng tự ái nhỏ bé mà làm cho tương lai của mình bị nguy hại", tôi lại nhớ đến câu nói ấy.

- Xin thầy thứ lỗi cho em, - tôi quay sang Li-khô và nói một cách ngượng nghịu.

Nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt đã bắt đầu nói và Li-khô làm ra vẻ như không nghe thấy gì.

- Hãy kể lại xem, anh Gri-gô-ri-ép, tại sao anh lại đánh Rô-ma-sca một cách dã man như vậy, dùng chân đá vào mặt anh ấy, làm cho anh ấy bị trọng thương, rõ ràng là ảnh hưởng đến sức khỏe của người bạn Rô-ma-sốp của anh. Anh giải thích như thế nào về một hành vi xưa nay trong trường chúng ta chưa bao giờ thấy?

Tôi cảm thấy lúc đó tôi căm thù lão ta nhất vì lão ta nói quanh co, dài giòng. Nhưng bàn tay thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã lại nhấc lên khỏi bàn và tôi ngăn được sự xúc động.

- Thứ nhất, tôi cho rằng Rô-ma-sốp không phải là đồng chí của tôi. Đồng chí như vậy, đối với tôi chỉ là một sự xỉ nhục! Thứ hai, tôi chỉ đá hắn có một cái. Và thứ ba, tạm thời không thấy có dấu hiệu gì chứng tỏ sức khỏe của hắn bị tổn hại.

Mọi người căm phẫn huyên náo hẳn lên. Chỉ có thầy Cô-ra-bơ-li-ốp là hơi gật đầu.

- Hành vi của tôi có thể giải thích như sau, - tôi nói tiếp bình tĩnh hơn. - Tôi cho rằng Rô-ma-sốp là một tên đểu cáng. Bất cứ lúc nào tôi cũng có thể chứng minh được điều này. Đáng lẽ lúc đó không nên đánh hắn mà nên tổ chức tòa án và nên mời toàn trường tham dự.

Ni-cô-lai An-tô-nứt định ngăn tôi lại, nhưng tôi không để ý đến ông ta.

- Rô-ma-sốp là một tên đầu cơ điển hình. Hắn cứ mở mồm ra là nói đến tiền và trong đầu óc hắn cũng chỉ nghĩ có một việc: làm thế nào để có thể phát tài. Ai lúc nào cũng đi kiếm tiền bằng cách đặt cọc? Rô-ma-sốp. Ai đi mua son, phấn về bán cho con gái? Rô-ma-sốp. Hắn đi mua cả một hộp phấn rồi về bán lại từng lọ con để kiếm tiền. Đó là điển hình xấu xa của xã hội, nó làm ô uế danh dự của toàn trường chúng ta.

Tiếp đó tôi toàn nói cái kiểu như vậy, cứ như tôi chính là công tố viên phát biểu trước tòa án. Thỉnh thoảng lời nói của tôi hơi giống bài nói của Gai-e Cu-li. Nhưng lúc đó tôi cũng chẳng có thì giờ để nghĩ xem giống nhau ở chỗ nào.

- Nhưng không phải chỉ có thế mà thôi! Tôi khẳng định rằng về mặt tâm lý Rô-ma-sốp đã ảnh hưởng đến một số học sinh yếu đuối từ đó mà nắm lấy số anh em này. Nếu cần lấy ví dụ thì đây - Va-li-a Giu-cốp là một trong số đó. Rô-ma-sốp lợi dụng Va-li-a bị suy nhược thần kinh đã nói nhảm nói nhí để dọa anh ta. Hắn đã làm gì với Va-li-a? Trước hết hắn bắt anh ta phải thề rồi sau đó kể cho anh ta nghe những chuyện bí mật bỉ ổi của hắn. Tôi vô cùng kinh ngạc khi được biết việc này. Một đoàn viên thanh niên cộng sản lại đi thề rằng sẽ không kể lại với bất cứ ai. Kể lại chuyện gì? Về chuyện mà chính bản thân anh ta chưa nghe thấy! Cái đó gọi là gì? Nhưng như thế cũng vẫn chưa phải đã hết!

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã gõ tay lên bàn từ lâu. Nhưng tôi không nghĩ đến chuyện mình có xúc động hay không nữa. tôi cảm thấy mình chẳng xúc động tí nào cả.

- Như thế chưa phải là hết! Tôi xin hỏi các đồng chí, - tôi nói

to và quay về phía Ni-cô-lai An-tô-nứt, - nếu Rô-ma-sốp không có chỗ dựa thì liệu cái loại như hắn có thể tồn tại ở trong trường chúng ta được không? Không thể được! Và hắn có chỗ dựa! Chính, theo tôi biết thì hắn cũng có một chỗ, đó là ông Ni-cô-lai An-tô-nứt!

Câu nói đó quả có lợi hại! Chính tôi cũng không ngờ là mình lại có thể nói dũng cảm đến như vậy! Mọi người lặng thinh, cả cái Hội đồng nhà trường lặng ngắt và chờ đợi một cái gì đó sẽ xảy ra. Ni-cô-lai An-tô-nứt gượng cười, tái mặt đi. Nói chung mặt ông ta bao giờ cũng tái mỗi khi cười.

- Làm thế nào để chứng minh điều đó. Rất đơn giản. Xưa nay ông Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn thường "quan tâm" đến những dư luận trong trường ta nói về ông ấy. Tôi không hiểu ông ấy cần cái đó để làm gì! Có điều vì mục đích đó mà ông đã thuê Rô-ma-sốp thì đó là sự thực. Tôi nói: chính là thuê, bởi vì đối với Rô-ma-sốp không có cái gì là không phải trả tiền. Ông ấy đã thuê hắn, và Rô-ma-sốp đã phục tùng. Vì thế mà hắn đi nghe trộm những chuyện ở trong trường người ta nói về ông Ni-cô-lai An-tô-nứt rồi bí mật báo cáo với ông ấy. Sau này hắn bắt Giu-cốp phải thề và đã kể lại cho anh ta nghe những chuyện hắn đã bí mật báo cáo. Các vị có thể hỏi tôi: thế tại sao anh cũng câm như hến? Tôi chỉ biết việc này trước hôm tôi ra đi và lúc đó Giu-cốp đã hứa với tôi là sẽ viết giấy báo cáo cho Chi đoàn thanh niên cộng sản biết về việc này. Nhưng cho mãi đến hôm nay anh ta mới làm việc ấy.

Tôi im bặt. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nhấc tay khỏi bàn, quay sang nhìn Ni-cô-lai An-tô-nứt một cách khoái trá. Có điều là chỉ có mình ông là có vẻ thoải mái như thế mà thôi. Còn các vị giáo sư khác thì có vẻ lúng túng thế nào ấy.

- Anh đã giải thích xong chưa, Gri-gô-ri-ép? - Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn bình thản nói, cứ như chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

- Vâng, hết rồi.

- Có lẽ còn vấn đề gì nữa chăng?

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói rất khách sáo, - tôi đề nghị, chúng ta có thể để cho Gri-gô-ri-ép về được rồi đấy. Có lẽ giờ đây chúng ta nên gọi Giu-cốp hay Rô-ma-sốp đến?

Ni-cô-lai An-tô-nứt cởi cúc trên ở áo gi-lê ra và đặt bàn tay lên ngực. Mặt ông ta càng tái hơn. Mớ tóc chải hất ngược ra sau gáy bỗng xõa ra và rơi xuống trán. Ông ta ngửa người tựa lưng vào thành ghế và nhắm mắt lại. Mọi người chạy vội đến chỗ ông ta. Cuộc họp kết thúc như vậy.

Chương 19

Bạn cũ

Trong trường chỉ toàn bàn đến lời phát biểu của tôi ở cuộc họp Hội đồng nhà trường, do đó tôi đâm ra rất bận. Nếu nói tôi cảm thấy mình trở thành anh hùng sẽ là phóng đại. Nhưng dù sao thì các bạn gái ở mấy lớp lân cận cũng chạy đến xem mặt tôi và bình luận ầm ĩ về cái bề ngoài của tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi được người ta thể tất cho cái vóc người nhỏ

Thậm chí tôi cảm thấy hình như tôi hơi giống Sác-li Sa-plin[1]. Ta-ni-a Ve-lích-cô, người rất được tôn trọng ở trường đến và nói rằng trong kỳ nghỉ đông cô luôn luôn phát biểu công kích tôi, nhưng bây giờ cô cũng cho rằng tôi đá vào mõm thằng Rô-ma-sốp là đúng.

- Nhưng trước đấy lẽ ra cậu phải chứng minh hắn là một điển hình xấu xa về xã hội, - cô nói rất có lý.

Tóm lại, tôi hết sức bất bình và kinh ngạc, khi tôi đang có tiếng tăm nhất trong trường thì Chi đoàn thanh niên cộng sản

(1) Tài tử điện ảnh nổi tiếng, còn gọi là Sác-lô. - N.D.

lại thi hành kỷ luật cảnh cáo tôi nghiêm khắc. Cuộc họp Hội đồng nhà trường không tiếp tục được vì Ni-cô-lai An-tô-nứt ốm, nhưng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bảo tôi rằng tôi có thể bị đổi sang trường khác.

Đó là một việc không thú vị gì và điều chủ yếu là phần nào không công bằng! Tôi đồng ý với nghị quyết của Chi đoàn thanh niên cộng sản. Nhưng còn chuyện chuyển tôi sang trường khác! Vì sao? Vì rằng tôi đã chứng minh Rô-ma-sốp là thằng đểu ư? Vì tôi đã vạch trần Ni-cô-lai An-tô-nứt đã bao che cho hắn ư? Tôi ngồi trong thư viện lòng buồn rười rượi. Lúc đó ngoài cửa có người nào đó hỏi thầm nhưng vẫn cứ oang oang:

- Người nào?

Tôi nhìn thấy một người thanh niên cao lớn tóc nâu, nhìn tôi bằng con mắt dò hỏi.

Những người tóc nâu thường thích để tóc dài, nhưng bộ tóc của người thanh niên này lại bướng bỉnh thế nào đó giống như tóc của người nguyên thủy vẽ trong sách giáo khoa địa lý. Một điều thú vị là lúc đầu tôi chỉ nghĩ đến bộ tóc của anh ta và mãi về sau mới nhận ra đó là Pê-chi-a - Pê-chi-a Xcô-vô-rô-ni-cốp bằng xương bằng thịt đang đứng cạnh cửa thư viện của chúng tôi và nhìn tôi có vẻ sửng sốt. Tôi đứng lên và chạy bổ đến chỗ cậu ta, làm đổ cả ghế.

- Pê-chi-a!

Chúng tôi bắt tay nhau, sau đó nghĩ thế nào rồi mới ôm hôn nhau.

- Pê-chi-a! Thế nào? Còn sống à, có khỏe không? Tại sao chúng mình chẳng gặp nhau lần nào cả?

- Cậu thật đáng trách, rõ ngốc! - Pê-chi-a đáp. - Mình tìm cậu trên khắp cả thế gian. Vậy cậu chui vào đâu thế?

Nó rất giống trong bức ảnh mà tôi trông thấy của Xa-nhi-a, chỉ khác là trong ảnh nó rẽ đầu ngôi tử tế. Tôi sung sướng quá! Đúng như được gặp lại người anh em ruột thịt của mình, tôi cảm thấy chẳng lúng túng gì nào cả.

- Pê-chi-a! Khỉ thật, cậu cừ lắm, cậu đã tìm đến! Mình có thư của cậu đây! Đây này!

Tôi đưa thư cho nó.

- Cậu làm thế nào mà tìm được mình? Nhận được thư từ En-xcơ phải không!

- Ừ! Mình chờ cậu đã lâu rồi. Mình nghĩ: tên khốn kiếp này chẳng đến đâu. Thế nào, ở nhà các cụ ra sao?

- Các cụ đều khỏe cả, - tôi trả lời.

Nó cười.

- Mình cứ tưởng cậu sống ở Tuyếc-két-xtan. Cậu làm thế nào? Rốt cuộc không đến được chứ gì?

- Thế còn cậu?

- Mình đến rồi, - Pê-chi-a nói. - Nhưng mình không thích. Cậu biết không, ở đó nóng kinh khủng, lúc nào cũng chỉ thèm uống nước, mình đã bị giam trong nhà tù, mình buồn quá và chuồn về. Nếu là cậu có lẽ toi mạng ở đấy rồi.

Tôi dẫn nó đến phòng ngủ, các bạn học sinh vây chặt lấy chúng tôi và cứ nhìn thẳng vào miệng chúng tôi, - do đó chúng tôi bỗng cảm thấy, ở trong trường của chúng tôi đến một chỗ để nói chuyện cũng không có.

- Hãy đi ra ngoài đường vậy, - Pê-chi-a đề nghị. - Thời tiết rất

đẹp, tại sao không đi dạo một lát? Nếu không thì đi đến đằng mình vậy?

- Cậu ở một mình à?

Nó lấy ngón tay ra hiệu: một đôi.

- Lấy vợ rồi à?

Nó giơ nắm đấm như chuẩn bị định đánh tôi.

- Ở với bạn.

Chúng tôi mỗi đứa vớ một cái bánh rán to tướng tôi mang từ Ên-xcơ lên, vừa ăn vừa mặc áo rồi chạy xuống cầu thang, miệng đầy bánh vẫn nói chuyện. Đúng vào lúc đó thì xảy ra một sự gặp gỡ kỳ lạ.

Có một người phụ nữ mặc áo măng-tô da cổ trắng đang đứng trên thềm tầng một, cạnh phòng địa lý. Bà đứng cạnh lan can đang nhìn xuống dưới qua chấn song tay vịn cầu thang. Thoạt đầu cứ tưởng bà định nhảy qua cầu thang, - bà nhắm nghiền mắt, người lảo đảo bên cạnh lan can. Có lẽ chúng tôi đã làm cho bà giật mình, và bà lưỡng lự đi ra cửa. Đó chính là bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Tôi nhận ra bà ngay, mặc dù bề ngoài trông bà rất lạ. Nếu lúc đó chỉ có một mình tôi thì rất có thể bà đã nói chuyện với tôi. Nhưng tôi đi cùng với Pê-chi-a, vả lại lúc đó chúng tôi đang ăn bánh nên bà chỉ lặng lẽ gật đầu.trả lời câu chào hỏi ngượng nghịu của tôi rồi bà quay đi...

So với lần gặp trước thì bà gày đi rất nhiều, sắc mặt âm thầm lặng lẽ... Vừa nghĩ tôi vừa đi ra phố. Tôi đi dạo với Pê-chi-a, lại hai đứa, lại mùa đông, ở Mát-xcơ-va, sau một thời gian dài xa cách.

Lạ lùng sao, cuộc đời của Pê-chi-a giống tôi như hệt! Tôi nghe nó kể chuyện lòng đầy thương cảm, dường như nhớ lại một quyển

sách cũ đã đọc từ thời thơ ấu và đã trải qua những đau khổ, lo âu. Nhưng lạ thay, hình như tôi cảm thấy hồi đó chúng tôi có kinh nghiệm hơn, già dặn hơn... Hình như chúng tôi đã là những ông cụ non vậy.

Ở Ta-sken, Pê-chi-a nổi danh là diêm vương của loài vịt - tất nhiên không phải vịt trời mà là vịt nhà. Nó đuổi đàn vịt lên bờ rồi sau đó vặn cổ chúng và đem về quay trên đống lửa ở trong vườn của trại nhi đồng. Cuối cùng nó vì thế mà bị bắt và bị bỏ tù, ở đó nó suốt ngày được ăn mơ, bất kể bữa sáng, bữa trưa hoặc bữa tối. Cho nên sau đợt đó nó ghét mơ suốt đời. Về sau nó được thả ra, khi trở về Mát-xcơ-va nó lại bị vây bắt ở nhà ga Ca-dan. Nó vào trường chậm hơn tôi một năm và cho mãi đến năm ngoái nó mới đuổi kịp tôi vì nó học nhảy được một lớp.

- Thế cậu có nhớ: "P-phe! P-phe! Tại sao các cậu dám làm như thế" không?

- Đúng! Cậu có nhớ: "Nếu ai phản lại lời thề, người đó sẽ không bao giờ được tha thứ, trừ phi họ đếm được trong rừng có bao nhiêu cây, trên trời rơi xuống bao nhiêu..."

Tôi đọc lại lời thề một mạch từ đầu đến cuối.

- Hay lắm! - Pê-chi-a phấn khởi nói. - Những lời thề rất hay! - Đấu tranh và tìm tòi, quyết đạt mục đích chứ không đầu hàng. Cậu còn nhớ không?

- Thế cậu có nhớ chúng mình đã đi tìm ông chú cậu thế nào? - tôi ngắt lời nó. - Vậy thì bây giờ ông ấy ở đâu? Cậu đã tìm thấy ông ấy chưa?

Thì ra ông chú đã bị bệnh thương hàn phát ban chết ở ngoài mặt trận rồi.

- Cậu có nhớ...

Chúng tôi cứ luôn luôn hỏi nhau "Cậu có nhớ..." như vậy. Không biết tại sao chúng tôi lại đi rất nhanh. Tuyết rơi quay tròn trên không trung, trên đại lộ có rất nhiều trẻ con chơi. Có một cô bảo mẫu nhìn chúng tôi và không nhịn được cười.

- Đứng lại! Việc gì chúng mình phải chạy như thế? - Pê-chi-a hỏi, thế là chúng tôi đi chậm lại.

- Pê-chi-a, mình có một đề nghị, - khi chúng tôi đã đi mỏi, và ngồi trong một quán hàng cà - phê ở phố Tve-rơ-xcai-a, tôi nói.

- Nói đi!

- Bây giờ mình đi gọi dây nói, cậu ngồi đây uống cà-phê và im lặng nhé.

Nó cười.

- Rõ buồn cười! - Nó nói.

Tôi nhận thấy Pê-chi-a rất thích nói câu "Rõ buồn cười" và "ngốc như quỷ".

Máy nói rất xa bàn chúng tôi ngồi, ở tận ngoài cửa ra vào do đó tôi cố ý nói thật to.

- Ca-chi-a, mình rất muốn giới thiệu với cậu. Đến đây nhé! Cậu đang làm gì đấy? Mình rất cần nói chuyện với cậu.

- Mình cũng thế. Nhưng nhà mình ốm hết cả rồi. Nếu không thì mình đã đến.

Cô nói giọng buồn buồn, và tôi bỗng muốn gặp cô ta ngay lập tức.

- Sao lại ốm hết cả được? Mình vừa mới gặp mẹ cậu cơ mà.

- Ở đâu?

- Bà đến chỗ thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

- À, - à... - Ca-chi-a nói giọng rất lạ lùng. - Không, bà mình ốm.

- Thế bà làm sao?

- Ngã từ trên ghế đẩu xuống, - Ca-chi-a bực bội nói. - Không biết bà trèo lên giá sách để làm gì, rồi ngã đánh huych một cái. Hiện giờ lưng vẫn còn đau. Bà cụ thật xúi quẩy. Nhưng không chịu nằm lấy một phút... Xa-nhi-a, mình đã đưa những bức thư ấy cho mẹ tôi, - bỗng Ca-chi-a nói thì thào, làm cho tôi phải áp thật chặt ống nghe vào tai. - Mình nói rằng cậu đã về En-xcơ với mình, rồi sau đó đưa thư.

- Kết quả thế nào? - tôi cũng hỏi nhỏ.

- Sự tình rất xấu. Sau này mình sẽ nói với cậu. Rất xấu.

Cô im bặt và tôi nghe trong máy thấy tiếng thở dài của cô ta.

Sau khi nói xong tiếng tạm biệt, tôi quay về bàn với cảm giác rất có lỗi đối với cô. Trong lòng tôi rất buồn và hơi bồn chồn không yên. Hình như Pê-chi-a nhìn thấy tôi là hiểu ra ngay. Nó cố ý nói sang chuyện khác; nó hỏi:

- Này, cậu đã hỏi ý kiến ông cụ mình về chuyện xin vào Trường Hàng không chưa?

- Trao đổi rồi.

- Thái độ ông cụ ra sao?

- Tán thành.

Pê-chi-a im lặng. Nó ngồi duỗi đôi chân dài ngoẵng ra và tư lự lấy ngón tay xoa cằm mà theo lứa tuổi đáng lẽ nó phải mọc râu rồi.

- Mình cũng cần phải nói chuyện với ông cụ, - nó nghẹn ngào nói. - Cậu có biết không, năm ngoái mình đã định thi vào Học viện Mỹ thuật.

- Có thật không?

- Nhưng năm nay lại không muốn nữa.

- Tại sao?

- Nếu không có tài thì sao?

Tôi cười. Nhưng rất nghiêm, vẻ tư lự.

- Tóm lại, nếu thật như thế, nghĩa là nếu cậu vào Học Viện mỹ thuật thật thì mới là điều kỳ quặc. Mình bao giờ cũng cảm thấy cậu phải trở thành một nhà thám hiểm hay một viên thuyền trưởng!

- Tất nhiên việc đó rất thú vị, - Pê-chi-a do dự nói. - Nhưng nếu mình có tài thì sao?

- Thế cậu đã cho ai xem những tác phẩm của mình chưa?

- Đã cho... xem rồi.

Nó kể tên một họa sĩ nổi tiếng.

- Ông ấy nói thế nào?

- Ông ấy bảo cũng được.

- Thế thì tốt! Nên học đi! Này ông bạn ơi nếu ông có tài năng về mặt này mà còn đi xin vào cái trường Hàng không nào đó thì thật là đồ ngốc! Chưa biết chừng cậu giết chết ở mình một Rê-pin[1] tương lai cũng nên.

- Làm gì có, không được.

- Nếu bỗng nhiên?

- Đồ ngốc như quỉ, cậu đang đùa mình đấy à, - Pê-chi-a cáu sườn nói. - Đây là vấn đề nghiêm chỉnh đấy.

Chúng tôi trả tiền rồi đi ra. Chúng tôi lang thang trên đường phố Tve-rơ-xcai-a hơn nửa tiếng đồng hồ, nói chuyện về đủ thứ, - hết chuyện về En-xcơ sang chuyện Thượng-hải, rồi từ chuyện Thượng-hải sang chuyện Mát-xcơ-va, sang chuyện trường tôi và

---

(1) Rê-pin (1844 - 1930) nhà danh họa Nga. - N.D.

từ chuyện trường tôi sang chuyện trường Pê-chi-a. Chúng tôi cố gắng chứng minh cho nhau biết rằng chúng tôi đang sống ở trên thế giới này không phải là bình thường mà là có mục tiêu nhất định.

Tại rạp chiếu bóng "Ác-xơ" đang chiếu bộ phim "Sự sụp đổ của triều đình Rô-ma-nốp" Chúng tôi dừng lại xem ảnh. Tất cả những vai võ quan trông đều rất giống Sa-hoàng. Sa-hoàng ngồi trên chiếc xe ô-tô cất mui to đến tức cười, hắn mỉm cười nhã nhặn.

- Hừ khỉ thật, - Pê-chi-a vừa thở dài vừa nói, - tình hình xấu quá!

- Nào để mình nói thẳng cho cậu biết, xem cậu có tài hay không nào.

- Cậu hiểu được nhiều không?

- Tất nhiên là mình hiểu!

Thế là chúng tôi đi đến nhà nó.

Từ năm ngoái trở về trước Phê-chi-a cũng như tôi sống ở trong trại trẻ. Về sau nó gặp vận may: nó kết bạn với một tay học sinh của Trường Chuyên khoa công nông, tay này có một gian nhà ở quảng trường Xa-ba-sây và thế là hai đứa dọn đến ở với nhau. Tên họ của tay học sinh trường công nông này là Hây-phết. Khi chúng tôi đến nhà này thì cậu ta đang ngủ.

- Xem đi, - Pê-chi-a nói và nhấc cái đèn treo ở đầu giường xuống soi cho tôi xem một trong những bức tranh. Trên bốn bức tường bẩn ơi là bẩn treo đầy những tranh. Thoạt đầu tôi xem bằng mắt thường, về sau tôi phải lim dim mắt lại nhìn qua lỗ nắm tay.

Đây là bức tranh chân dung - tôi liền đoán ra ngay đó là ai: ông bạn Hây-phết của Pê-chi-a. Vì bị chói ánh đèn nên đúng vào

lúc đó thì cậu ta mở mắt ra thở dài lấy tay che mặt rồi lại ngủ ngay lập tức. Đó là một bức tranh chân dung tuyệt vời: đôi mắt ngây thơ đăm chiêu, dưới cái trán bướng bỉnh có hàng lông mày thẳng tắp, nhỏ như sợi chỉ.

- Vẽ mực tàu à?

- Ừ, mực loãng gần như nước lã! - Pê-chi-a buồn bã trả lời.

Bức chân dung vẽ bằng mực loãng, nhưng đen trắng rất rõ ràng làm cho người ta cảm thấy rất tự nhiên.

- Khá lắm! - Bất giác tôi tỏ ra khâm phục. - Nhưng còn cái gì nữa cho xem một thể nào!

Tất cả những bức còn lại toàn là vẽ em gái Xa-nhi-a của tôi. Xa-nhi-a ngồi thuyền, Xa-nhi-a ở dưới bếp, Xa-nhi-a mặc quần áo kiểu U-cren và Xa-nhi-a mặc cái áo măng-tô da màu vàng trông như bà cụ.

Bất giác tôi nhớ lại lúc tôi hỏi cô ta có cái ảnh nào của Pê-chi-a không thì cô ta có vẻ thẹn thò và lấy ở đâu ra cái ảnh rất nhanh - đúng là cô ta ra cửa và rút tấm ảnh ở trong túi áo ra. Vậy thì đã sao! Đúng như ông chánh án đã nói: chúng nó rất đẹp đôi. Chả trách Xa-nhi-a cũng chuẩn bị xin vào Học viện Mỹ thuật!

Phải đánh giá Pê-chi-a cho công bằng - nó không cố tình vẽ Xa-nhi-a đẹp hơn là Xa-nhi-a thật. Nhưng nó lại vẽ khuôn mặt cô ta có những nét giống người Mông-cổ: đôi mắt lá răm, hai gò má rộng và cái nhìn kiểu phương Đông của người Tác-ta. Có thể đó là nguyên nhân mà trong một số bức tranh trông Xa-nhi-a rất giống mẹ.

Có một số bức vẽ Xa-nhi-a xấu hơn Hây-phết. Nhưng bức vẽ "Xa-nhi-a bên bếp lò" thì thật tuyệt. Đặc biệt là cái bếp lò: hình như có cái gì đang sôi sùng sục trong nồi trên bếp lò, có những viên nhỏ trăng trắng đang nổi lên chìm xuống sùng sục.

- Này, ông bạn, thật chịu đấy!

- Cái gì?

- Có tài!

Pê-chi-a thở dài.

- Họa sĩ gì! - Nó nói. - Xin thú thật với cậu là mình cũng chẳng thích vẽ. Trước kia thì thích, nhưng bây giờ thì hoàn toàn không.

- Đồ ngốc, đó là một việc kỳ quặc!

- Sao lại kỳ quặc? Pê-chi-a bực tức phản đối. - Cậu muốn trở thành phi công là vì cậu có hứng thú. Còn mình cảm thấy hội hoạ chẳng hứng thú gì cả.

- Khẽ chứ, cậu làm hắn tỉnh dậy bây giờ.

- Ừ, đánh thức nó dậy, - Pê-chi-a nói và cáu kỉnh nhìn sang chàng học sinh trường công nông.

- Cậu đã trao đổi qua với hắn chưa?

- Hắn nói rằng mình là một thằng ốm.

Tôi cười vang lên.

- Mà cũng có một việc như thế này thật, - Pê-chi-a nói. - Ví dụ như Trê-khốp. Ông ta vừa là bác sĩ lại là nhà văn.

- Có thì có đấy. Nếu mình ở vào hoàn cảnh của cậu, cậu đoán xem mình làm gì?

- Sao?

- Sẽ đi làm phi công, bay độ vài chục năm, rồi sau đó chuyển sang hội họa.

- Lúc đó thì đừng hòng, quên tiệt rồi còn đâu!

Tôi ngồi ở nhà Pê-chi-a đến khuya, thế mà Hây-phết cũng không hề thức giấc. Chúng tôi định đánh thức nó, nhưng nó chỉ cười trong cơn mê y như một đứa trẻ, rồi lại trở mình quay sang phía khác.

Chương 20

Lẽ ra mọi việc có thể khác hẳn

Thời kỳ xa xưa ấy đã qua rồi. Hồi đó nếu chúng tôi trở về trường sau mười giờ đêm là rất lo, nên phải đi vòng sau lưng lão I-a-phết nghiêm khắc mặc chiếc bành-tô da to sù ngồi trên chiếc ghế đẩu ngay trước cửa ra vào và ngủ - nếu lão ngủ thật thì còn khá. Giờ đây tôi đã là học sinh tốt nghiệp và chúng tôi muốn đi về lúc nào tùy ý.

Nhưng hôm nay tôi về chưa phải là muộn - chưa đến mười hai giờ. Học sinh vẫn còn nói chuyện rậm ran. Va-li-a đang viết gì đó, nó ngồi xếp bằng tròn ở trên giường. Nhưng thấy tôi nó gọi:

- Xa-nhi-a, thầy I-van Pa-vơ-lứt bảo nếu cậu về trước mười hai giờ thì đến chỗ thầy đấy. Bây giờ mấy giờ rồi?

- Mười một giờ rưỡi.

- Đi nhanh lên!

Tôi khoác áo bành-tô chạy đến gặp thầy.

Đó là một cuộc nói chuyện không bình thường mà suốt đời tôi không bao giờ quên được, - tôi phải thật bình tĩnh viết lại nội

dung cuộc nói chuyện này. Tôi không được xúc động, đặc biệt là lúc này, khi mà nhiều năm đã trôi qua. Rõ ràng là mọi việc lẽ ra có thể khác. Mọi việc lẽ ra có thể khác hẳn, giá tôi hiểu rõ, đối với bà, mỗi lời nói của tôi có ý nghĩa to lớn như thế nào, giá tôi có thể dự đoán được trước việc gì sẽ xảy ra sau cuộc nói chuyện của chúng tôi... Nhưng những chữ "giá" ấy thật khôn cùng... Tôi cũng chẳng cần phải biện bạch, nhận lỗi làm gì. Và đây, tình hình cuộc nói chuyện ấy như thế này.

Khi tôi đến nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp thì bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã ở đấy. Bà đã ở đây suốt cả buổi tối. Nhưng không phải bà đến tìm ông mà là đến tìm tôi, chính là đến gặp tôi và ngay câu đầu tiên bà đã nói với tôi như vậy.

Bà ngồi rất thẳng, khuôn mặt lặng lẽ, chốc chốc lại đưa bàn tay xương xẩu lên vuốt tóc. Trên bàn có rượu vang và bánh bích qui. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp luôn tay rót rượu cho bà và cho mình. Nhưng bà chỉ hơi nhấp nháp nên cốc rượu từ đầu đến cuối vẫn không uống hết: Bà hút thuốc lá liên tục, tàn thuốc vung vãi khắp nơi, ngay trên đùi bà cũng có. Bà đeo chuỗi hạt trân châu quen thuộc ở cổ và mấy lần bà khẽ nhấc chuỗi hạt lên dường như chuỗi hạt làm bà nghẹn cổ. Đấy tình hình là như vậy.

- Người hoa tiêu viết rằng ông không dám mạo hiểm gửi bức thư này qua bưu điện, - bà nói. - Thế nhưng cả hai bức thư này lại nằm trong cùng một túi thư của bưu điện. Em giải thích vấn đề này như thế nào?

Tôi trả lời là tôi không biết và nếu người hoa tiêu còn sống thì nên đi hỏi chính ông ấy.

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lắc đầu.

- Nếu ông ấy còn sống thì còn nói gì!

- Có lẽ những người thân của ông ấy biết chăng, - bỗng nhiên tôi lại hứng lên. - Ngoài ra, thưa bà, người hoa tiêu đã được đội thám hiểm của trung úy Sê-đốp cứu thoát. Thế thì nhất định ông này biết. Tôi tin rằng thế nào người hoa tiêu cũng kể lại mọi chuyện cho ông này nghe.

- Ừ, có thể như thế, - bà Ma-ri-a Va-xi-li-ep-na trả lời.

- Hơn nữa cái gói này là gửi cho Cục trưởng Cục Địa lý thủy văn. Nếu người hoa tiêu đã gửi thư bằng bưu điện thì gói ấy chắc cũng gửi bằng bưu điện. Vậy cần phải tìm hiểu xem.

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lại nói:

- Ừ nhỉ!

Tôi im lặng. Chỉ có mình tôi nói, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chưa lên tiếng một câu nào. Tôi không thể hiểu ông nhìn bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na với thái độ thế nào. Bỗng ông đứng dậy, khoanh hay tay trước ngực khẽ rón rén đi đi lại lại trong phòng. Tối hôm đó trông ông rất lạ lùng, cứ như người mọc thêm cánh trông phơi phới. Người ta cảm thấy hình như bộ ria của ông bay tung trước gió. Tôi không thích thế. Nhưng tôi hiểu ông: ông rất phấn khởi vì Ni-cô-lai An-tô-nứt đã tỏ ra là một kẻ đê tiện như vậy, ông tự hào vì đã sớm dự đoán được điều đó, ông hơi sợ bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đồng thời ông cũng đau khổ bởi vì bà đau khổ. Nhưng chủ yếu là ông phấn khởi, và không hiểu tại sao lại không thích thế.

- Em ở En-xcơ làm những gì? - bỗng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na hỏi tôi. - Em có người thân ở đó à?

Tôi trả lời là có người thân. Cô em gái.

- Tôi rất yêu thành phố En-xcơ, - bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na nói với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. - Ở đó tuyệt lắm. Vườn hoa rất đẹp! Từ sau ngày rời khỏi En-xcơ đến giờ tôi chưa đi chơi vườn hoa.

Bỗng bà kể về thành phố En-xcơ. Không biết vì sao bà kể bà có ba bà dì đang sống ở đó, cả ba người đều không tin là có Chúa và lấy làm kiêu hãnh về việc đó, và có một bà đã tốt nghiệp khoa Triết trường đại học Hây-đen-béc. Trước đây bà có bao giờ nói nhiều thế đâu. Sắc mặt bà xanh nhợt nhưng rất đẹp, mắt sáng long lanh, bà ngồi hút thuốc liên miên.

- Ca-chi-a nói rằng em còn nhớ một câu gì đó ở trong bức thư này, - bà nói và quên bẵng ngay các bà dì và thành phố En-xcơ - Song tôi không tài nào moi được ở nó xem câu đó là câu gì.

- Vâng, có nhớ được một số.

Tôi chờ xem bà có yêu cầu tôi nói ra những câu đó không, nhưng bà lặng thinh, hình như bà rất sợ phải nghe tôi nói những câu đó ra.

- Nào, Xa-nhi-a, nói đi, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp làm ra vẻ sảng khoái nói.

Tôi bèn nói:

- Bức thư đó kết thúc bằng câu: "Lời chào của... của em". Có phải không ạ?

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na gật đầu.

- Và tiếp theo là như thế này: "... Mô-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô gốt..."

- Môn-gô-ti-mô? - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ngạc nhiên hỏi lại.

- Vâng, Môn-gô-ti-mô, - tôi nhắc lại dứt khoát.

- Môn-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt, - bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na chữa lại và lần đầu tiên giọng bà run run. - Hồi đó tôi có gọi anh ấy như thế.

Bà gọi thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp " Môn-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt", bây giờ nghĩ lại có lẽ hơi buồn cười. Đặc biệt là tôi

cảm thấy buồn cười bởi vì giờ đây tôi biết về công việc của ông nhiều hơn tất cả những người khác trên trái đất. Nhưng lúc đó thì lại chẳng cảm thấy buồn cười tí nào cả - bởi vì bà bao giờ cũng giữ giọng nói bình tĩnh nay bỗng nhiên lại run run.

Chính ra cái tên đó không phải là ở trong cuốn sách Guýt-stáp E-ma-rơ như tôi và Ca-chi-a nghĩ, mà ở trong tác phẩm của Trê-khốp. Trê-khốp có một truyện ngắn trong đó có một chú bé tóc nâu lúc nào cũng cứ tự gọi mình là Môn-gô-ti-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt.

- Đúng là Môn-gô-ti-mô, - tôi nói. - Nhưng tôi lại nhớ... Môn-gô-ti-mô... "em trước đây gọi anh như vậy. Lạy Chúa! Đó là chuyện đã lâu lắm rồi! Nhưng anh không than phiền. Chúng ta nhất định sẽ lại gặp nhau, và lúc đó mọi việc sẽ êm đẹp cả. Nhưng có một ý nghĩ, một ý nghĩ làm cho anh vô cùng khỏe tâm. Chữ "Một ý nghĩ" nhắc đi nhắc lại hai lần, đây không phải là tôi nhắc lại mà trong thư đúng như thế - nhắc lại hai lần.

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lại gật đầu".

- "Thật là đau khổ, - tôi tiếp tục đọc, - khi nhận thấy rằng lẽ ra mọi việc có thể khác hẳn. Bọn anh liên tiếp gặp phải những điều rủi ro - mà điều rủi ro đầu tiên đó là anh đã giao việc chuẩn bị vật chất của đội thám hiểm cho Ni-cô-lai. Đó là cái sai lầm mà bọn anh phải trả từng giờ từng phút".

Có lẽ tôi không nên quá nhấn mạnh vào câu giao việc cho Ni-cô-lai. Bởi vì sắc mặt bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na vốn đã tái nhợt lúc này càng tái nhợt đi. Có thể nói không phải là tái nhợt nữa mà là trắng bệch ra. Bà ngồi trước mặt chúng tôi và cứ hút thuốc liên hồi. Sau đó bà nói những câu thật là kỳ quặc, và đột nhiên lần đầu tiên tôi nghĩ rằng bà hơi lẩm cẩm. Nhưng tôi không chú ý lắm tới việc này vì tôi cảm thấy tối nay thầy Cô-ra-bơ-li-ốp

cũng hơi điên đấy. Lẽ ra ông ta và chính ông ta phải hiểu bà gặp phải việc gì. Nhưng lúc này ông đã hoàn toàn mất hết lý trí. Có lẽ ông tưởng chừng như ngày mai bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na sẽ lấy ông.

- Sau hội nghị này, Ni-cô-lai An-tô-nứt ốm, - bà nói với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. - Tôi đề nghị gọi bác sĩ, nhưng ông ấy không muốn. Tôi không nói với ông ấy về những bức thư này. Ông lại càng buồn phiền. Tạm thời không nên nêu ra, có đúng không?

Bà đã bị gục, bị nỗi đau khổ hành hạ đến tuyệt vọng, nhưng tôi vẫn chẳng hiểu gì hết.

- Ồ, tại sao lại không nên, - tôi phản đối. - Thôi được. Vậy tôi sẽ tự làm. Tôi sẽ gửi bức thư sao lại. Hắn phải đọc chứ.

- Xa-nhi-a! - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bỗng tỉnh ra và kêu lên.

- Không, thưa thầy, tôi sẽ nói, - tôi nói tiếp. - Bởi vì tất cả những cái đó làm cho tôi công phẫn. Vì ông ấy mà đội thám hiểm đã phải chết, sự thực là thế. Đây là sự thực lịch sử. Mọi người phải lên án cái tội ác rất nghiêm trọng này. Tôi cho rằng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, với tư cách vợ của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, chính bà phải đi tố cáo ông ấy.

Nhưng giờ đây bà không là vợ mà là bà quả phụ của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Bà đã trở thành vợ của Ni-cô-lai An-tô-nứt rồi. Như vậy là bà sẽ phải đi tố cáo chính chồng mình. Nhưng nào tôi có hiểu được điều đó.

- Xa-nhi-a! - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lại quát tôi.

Nhưng tôi đã thôi không nói nữa. Tôi chẳng còn có điều gì để nói thêm. Cuộc nói chuyện của chúng tôi vẫn tiếp tục, nhưng không nói thêm về việc đó nữa. Tôi chỉ nói rằng dải đất trong thư nhắc đến chính là Bắc địa và như thế đáng lẽ phải nói Bắc địa là

do thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp phát hiện ra. Song ở nơi đây, trong căn phòng này, vào giờ phút này mà đi nói "kinh độ" bao nhiêu, "vĩ độ" bao nhiêu thì những cái danh từ địa lý ấy chỉ tổ làm cho người ta chối tai. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp vẫn đi đi lại lại trong phòng, còn bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na cứ hút thuốc suốt. Những mẩu thuốc lá đã chất thành đống trong cái gạt tàn ở trước mặt bà. Mẩu nào cũng bị nhuốm đỏ vì son ở môi bà thấm ra. Bà ngồi trầm tĩnh, bất động thỉnh thoảng lại nâng chuỗi hạt trân châu ở cổ lên tựa hồ như chuỗi hạt ấy nó làm cho bà khó thở. Giờ đây từ bà đến xứ Bắc địa, dải đất nằm giữa những kinh tuyến nào đấy sao mà xa lắc xa lơ như vậy!

Đấy toàn bộ cuộc nói chuyện là như vậy. Lúc chào từ biệt ra về tôi còn định lẩm bẩm câu gì đó nhưng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cau mày lại tiến thẳng đến chỗ tôi, thành ra bất giác tôi đã bước khỏi cửa.

Chương 21

Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na

Tôi ngạc nhiên nhất là bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không hề đả động đến Ca-chi-a một tiếng nào. Tôi và Ca-chi-a cùng ở En-xcơ chín ngày. Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không nói một câu nào về chuyện đó.

Đó là một sự im lặng đáng ngờ, làm cho tôi ban đêm trước khi ngủ, buổi sáng lúc đi tập thể dục, rồi giờ lên lớp môn xã hội học, đặc biệt là giờ văn học, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện ấy.

Ở giờ văn học, đáng lẽ tôi phải tập trung suy nghĩ về Gô-gôn và bộ sử thi "Những linh hồn chết" bất hủ của ông - lúc đó chúng tôi đang học tác phẩm này, mới đúng. Đáng lẽ tôi phải cảnh giác đặc biệt là vì sau cuộc họp Hội đồng nhà trường, ông Li-khô đang tìm mọi cách chứng minh cho toàn trường biết rằng nếu tôi không phải là kẻ duy tâm thì những điều tôi hiểu biết bất kỳ như thế nào cũng không thể vượt được cái điểm "quá kém".

Nhưng lần này không hiểu tại sao tôi không chờ đợi rằng ông sẽ gọi đến tôi. Khi ông cất cao giọng gọi tên tôi, thậm chí tôi còn giật mình.

- Chúng ta nghe nói có một số nhà hùng biện dám cho phép mình xúc phạm đến những người có công, - ông nói. - Chúng ta hãy thử bàn xem họ có cái quyền đó hay không.

Và ông hỏi tôi đã đọc tác phẩm "Chiếc áo khoác" của Gô-gôn chưa, tựa hồ như bằng cách đó có thể giải quyết được vấn đề vừa rồi.

Mặc dù chúng tôi đã đọc "Chiếc áo khoác" ngay từ hồi còn ở cấp I, ở đây cũng chẳng có gì đặc biệt. Nhưng đi hỏi "Chiếc áo khoác" trong khi giảng về "Những linh hồn chết" thì thật là một sự thô bạo. Song tôi cũng bình tĩnh trả lời ông ta:

- Em đọc rồi.

- Thế thì tốt! Thế anh hiểu như thế nào về câu danh ngôn sau đây của Đô-xtô-ép-xki: "Tất cả chúng ta đều từ "Chiếc áo khoác" của Gô-gôn mà ra"?

Tôi giải thích rằng tuy Đô-xtô-ép-xki nói như vậy, nhưng trong thực tế "Chiếc áo khoác" không xuất hiện cái gì hết. Nhưng sau đó trong văn học và trong xã hội đã xuất hiện một phái khác hẳn. "Chiếc áo khoác" là sự thỏa hiệp đối với hiện thực, còn văn học - ví dụ như Lép Tôn-xtôi lại là đấu tranh với hiện thực.

- Anh muốn tranh luận với Đô-xtô-ép-xki à? - Li-khô cười khinh bỉ, hỏi tôi.

Tôi trả lời "vâng ạ", tôi tranh luận, nhưng tranh luận với Đô-xtô-ép-xki không có nghĩa là duy tâm.

Cả lớp cười ầm lên, mặt Li-khô đỏ gay. Xem ra thì ông ta muốn cho tôi ngay một "điểm xấu". Ông ta cáu đến nỗi hai tay run lên, nhưng làm như vậy thì không tiện. Để giữ thể diện ông lại hỏi một câu khác:

- Anh hãy nói xem trong các nhân vật của Gô-gôn, nhân vật nào được coi là điển hình "chỉ nói mà không làm"?

Tôi trả lời rằng tất cả các nhân vật của Gô-gôn đều chỉ nói mà không làm, trừ nhân vật Ta-rát Bun-ba là có thể làm được một số việc theo lý tưởng của mình. Nhưng cũng không nên kết tội Gô-gôn bởi vì cuộc sống lúc đó là như vậy.

Li-khô lau mồ hôi và cho tôi một "điểm xấu".

- Thưa thầy I-van Vi-ta-li-e-vích, tôi sẽ yêu cầu để Viện hàn lâm khoa học hỏi tôi, - tôi vừa ngồi xuống vừa nói. - Quan điểm văn học của thầy và tôi có khác nhau.

Ông ta vừa lẩm bẩm định nói gì thì có tiếng chuông.

Bọn trẻ đều cho rằng trong trường hợp này tôi hoàn toàn đúng và ông Li-khô không có quyền cho tôi "điểm xấu" vì tôi không đồng ý với Đô-xtô-ép-xki, hay vì tôi cho rằng tất cả những nhân vật trong tác phẩm của Gô-gôn đều là những điển hình chỉ nói mà không làm. Va-li-a còn nhận xét rằng ở Gô-gôn còn có một nhân vật điển hình chính diện nữa - tên địa chủ Cô-xtan-giô-glô trong quyển hai của tác phẩm "Những linh hồn chết" mà Gô-gôn đã đốt đi. Nhưng tôi phản đối bảo rằng một khi Gô-gôn đã tự đốt tác phẩm của mình thì kết quả là ở đây chẳng có gì để nói. Vả lại địa chủ không thể là nhân vật chính diện được. Đúng lúc đó thì tôi trông thấy Pê-chi-a đến.

Thật là chuyện không ngờ - Pê-chi-a lại đến trường tôi vào đúng giờ ra chơi!

- Pê-chi-a, cậu làm gì đấy?

- Mình có tí việc, - Pê-chi-a cười nói.

- Việc gì?

- Lắm việc lắm. Mình đang muốn nói chuyện với cậu.

- Về việc gì?

- Về việc Rê-pin. Hôm qua cậu toàn nói chuyện vớ vẩn. Rê-pin không thể không vẽ, còn nếu cậu đề nghị hắn xin vào Trường Hàng không, thì cậu có biết hắn sẽ đưa cậu đi đâu không?

Tôi trợn tròn mắt nhìn nó:

- Đấy, cậu như thế à!

- Như thế nào?

- Đúng là ốm rồi.

Mặt Pê-chi-a sa sầm.

- Không, - nó cáu kỉnh nói. - Mình hỏi cậu nghiêm túc đấy.

- Mình cũng xin hỏi cậu nghiêm túc, tại sao cậu không ở trường.

- Hôm nay mình đi dạo ngoài phố, - Pê-chi-a nói rất nhanh. - Mình cần suy nghĩ kỹ về việc này, mà ở trường thì không thể nào suy nghĩ gì được cả. Chúng nó quấy rầy.

Giờ ra chơi đã hết, nhưng nó bảo nó sẽ chờ tôi ở góc đỏ[1]. Hôm đó chúng tôi chỉ có bốn tiết học.

Và nó không đi đâu thật. Nó ngửa đầu ra thành ghế, đút hai tay vào túi và nhắm mắt.

- Cậu nói là sẽ trở thành phi công, - nó bảo. Sau một tiếng đồng hồ, khi tôi quay trở lại thì thấy nó vẫn ngồi ở tư thế ấy và vẫn ở chỗ ấy. - Nhưng có lẽ cậu chẳng có tí chút cơ sở nào để làm phi công cả thì sao? Cậu thử nhớ xem trong cả đời cậu có một hành động nào có thể chứng minh được rằng cậu có thể trở thành phi công được không?

Tôi nhớ đến lần tôi đã quyết định một cách chớp nhoáng và kiên quyết về En-xcơ để tìm Ca-chi-a.

---

(1) Như một cái câu lạc bộ nhỏ. - N.D.

- Có.

- Ví dụ?

- Thì mình sẽ kể cho cậu nghe!

- Ừ thì cho là có. Nhưng sự lựa chọn của cậu có hợp lô-gích không hay là theo bản năng?

- Rõ ràng là rất lô-gích.

- Xuất phát từ lý trí hay từ ý thích? - Pê-chi-a nói và mặt hơi đỏ.

- Không, từ ý thích.

- Nói dối. Ví dụ những đứa trẻ khác muốn trở thành phi công thì suốt ngày làm những mô hình máy bay, tàu lượn.

- Thì mình cũng thế. Mình còn biết cả lý thuyết nữa.

Đáng lẽ ra tôi còn có thể bác lại nó và nói rằng năm nào tôi cũng cố gắng tổ chức ở trường tôi một tiểu tổ tàu lượn. Nhưng những tổ này đã bị vỡ vì các bạn thích thú môn diễn kịch hơn. Ngoài tôi và Va-li-a ra, mọi người đều muốn làm diễn viên. Và cũng có nhiều người đã trở thành diễn viên thật, ví dụ như Gri-sca Pha-be chẳng hạn.

- Nhưng mình cho rằng, - sau một lúc im lặng, Pê-chi-a nói, - cậu phải biết cái nghề gì mình đã chọn? Nên chọn cái nghề mà mình cảm thấy có thể phát huy được toàn bộ sức lực của mình. Câu này trong sách đã nói rồi, nhưng điều đó rất đúng. Mình không tin rằng làm họa sĩ mình có thể phát huy được toàn bộ tinh thần và sức lực của mình. Còn cậu, thế nghĩa là cậu tin?

- Mình tin.

- Thế thì đó là hạnh phúc của cậu.

Đã đến giờ ăn cơm trưa, nhưng cuộc nói chuyện này rất thú vị nên tôi quyết định tiễn Pê-chi-a về tận nhà nó.

- Cậu phải biết, theo mình thì cậu cũng không thể không vẽ được, - tôi nói lúc ra khỏi trường, chúng tôi đứng lại ở góc ngõ Vô-rốt-ni-cốp-xki. - Không tin cậu cứ thử một, hai năm xem, nhất định cậu sẽ lưu luyến và sẽ muốn ở đó mãi. Tóm lại, theo mình cậu nghĩ rằng cậu chẳng làm nên trò trống gì, nghĩ như thế lại tốt.

- Tại sao?

- Tại vì đó là một kiểu "hoài nghi".

- "Hoài nghi" thế nào?

- Rất đơn giản. Những nhà nghệ thuật chân chính nhất định phải có sự hoài nghi. Hoặc là họ chưa thỏa mãn về điều này, hoặc là chưa hài lòng về điểm khác. Cậu đang hoài nghi thế là tốt, - tôi nói sôi nổi. - Không Pê-chi-a, vấn đề rất rõ: cậu phải xin vào Viện nghệ thuật.

Nó thở dài và lắc đầu. Nhưng hình như nó rất thú vị về cái ý nghĩ "hoài nghi" của tôi.

Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện ở ngõ Vô-rốt-ni-cốp-xki như vậy. Còn nhớ chúng tôi đã dừng lại trước cái chòi dán áp-phích, tôi vừa nghe Pê-chi-a nói vừa đọc tờ quảng cáo tên một vở kịch, lúc đó có một cô gái từ trong góc ngõ chạy ra, vượt nhanh qua đường.

Cô ta không có mũ và mặc áo ngắn tay - mà trời thì lạnh như thế! Có lẽ cũng vì thế mà tôi không nhận ra cô ngay.

- Ca-chi-a?

Cô quay lại nhưng không dừng lại mà chỉ vẫy tay. Tôi đuổi theo.

- Ca-chi-a, tại sao cậu không mặc áo măng-tô? Có chuyện gì xảy ra vậy?

Cô định nói nhưng hai hàm răng cứ lập cập, cô phải ngậm miệng lại rồi sau đó mới nói được.

- Xa-nhi-a, mình chạy đi tìm bác sĩ. Mẹ nguy lắm.

- Mẹ làm sao?

- Không biết. Hình như mẹ uống thuốc độc...

Thường có những phút cuộc sống bỗng thay đổi đột ngột về tốc độ - mọi cái đều bắt đầu bay bay mãi, thay đổi rất nhanh, làm cho người ta không kịp quan sát nữa.

Từ lúc tôi nghe thấy câu "Hình như mẹ uống thuốc độc" thì mọi cái đều thay đổi nhanh chóng đến nỗi không kịp quan sát, vì thế câu đó cứ luôn luôn lặp đi lặp lại một cách đáng sợ ở đâu dưới đáy tim.

Pê-chi-a chẳng hiểu gì nhưng cũng chẳng hỏi gì cùng chúng tôi chạy đi mời bác sĩ ở ngõ Pi-men-nốp-xki, nhưng sau lại sang nhà bác sĩ khác ở trên gác hai của cái rạp chiếu bóng cũ Han-giôn-cốp. Cả ba chúng tôi cùng vào một căn nhà rất yên tĩnh, sắp xếp rất gọn gàng, tất cả đồ đạc trong nhà đều có vải phủ và cả bà già đáng ghét hình như cũng phủ trong một tấm vải xanh.

Sau khi nghe chúng tôi trình bày, bà cụ lắc đầu nguây nguẩy rồi đi vào. Bà cụ còn thuận tay cất luôn cả những vật trên bàn sợ bị chúng tôi ăn cắp mất.

Sau mấy phút ông bác sĩ ra - ông ta lùn, mặt hồng hào, tóc đã điểm hoa râm, mồm ngậm điếu xì gà.

- Có việc gì đấy, các bạn trẻ?

Trong khi ông mặc áo, chúng tôi đứng ở phòng ngoài không dám nhúc nhích. Bà cụ trong vải bọc cũng đứng ở đó và cứ nhìn chúng tôi chằm chằm, mặc dù ở phòng treo áo này chẳng có gì có thể lấy đi được cả. Sau đó bà cụ đem cái giẻ lau ra và lau những

vết chân của chúng tôi mặc dù chẳng có dấu vết chân nào mà chỉ có đôi giày cao su của thằng Pê-chi-a rỏ ra vài giọt nước mà thôi. Ca-chi-a tỏ ra rất sốt ruột khiến cho tôi mấy lần định nói chuyện với cô ta mà không dám nói, bác sĩ vẫn cứ lề mà lề mề. Về sau chúng tôi phải để Pê-chi-a ở lại thúc bác sĩ mặc quần áo nhanh lên, còn tôi và Ca-chi-a về trước.

Ra ngoài đường, tôi chẳng nói chẳng rằng choàng chiếc áo bành-tô của tôi cho Ca-chi-a. Tóc cô rối tung lên, cô vừa đi vừa phải cài tóc. Nhưng một bên đuôi sam lại tung ra, cô ta cáu sườn nhét luôn vào trong áo bành tô.

Xe cấp cứu đỗ ngay trước cửa nhà. Chúng tôi sợ hãi đứng dừng cả lại. Các y tá khiêng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na trên cáng đi từ cầu thang ra.

Bà nằm trên cáng, mặt để hở, sắc mặt vẫn trắng bệch như tối hôm qua ở nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, nhưng giờ đây trông giống hệt như mặt người tạc bằng ngà voi.

Tôi đứng nép vào thành cầu thang để nhường lối cho cáng đi, còn Ca-chi-a bật lên một tiếng kêu thê thảm "Mẹ!" rồi đi theo bên cạnh cáng. Nhưng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na không mở mắt ra, cũng không động đậy và tôi hiểu rằng bà nhất định sẽ chết.

Tôi vô cùng đau đớn đứng ở ngoài sân, nhìn theo cái cáng được đẩy vào trong xe cấp cứu. Bà cụ tay run run đắp mảnh vải phủ cho kín chân bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Các y tá cũng như mọi người miệng thở ra hơi, không biết họ lấy ở đâu ra một quyển sách và yêu cầu ông Ni-cô-lai An-tô-nứt ký tên. Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt như người đang ốm, nhìn qua dưới cặp kính rồi ký tên vào quyển sách.

- Không phải chỗ này, - người y tá nói lỗ mãng và bực bội phẩy tay nhét quyển sách vào cái túi rất to trên áo choàng.

Ca-chi-a chạy về nhà mặc áo măng-lô rồi quay lại, cô bỏ áo bành-tô của tôi ở bếp. Cô cũng ngồi lên xe cấp cứu. Lúc đó cửa xe đóng sập lại, bên trong có bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na mặt trắng bệch, nằm bất động trông rất đáng sợ. Chiếc xe khởi động như một chiếc xe ô-tô vận tải rất bình thường khác phóng như bay đến phòng cấp cứu của bệnh viện.

Trong sân còn lại bà cụ và Ni-cô-lai An-tô-nứt. Họ đứng lặng đi một lát. Sau đó Ni-cô-lai An-tô-nứt quay lại và đi vào nhà trước nhất. Ông ta bước đi như một cái máy, hình như chỉ sợ ngã. Tôi chưa hề trông thấy ông ta như thế bao giờ.

Bà cụ đề nghị tôi ra gặp bác sĩ và nói rằng thôi không cần nữa. Tôi chạy đi và gặp bác sĩ cùng Pê-chi-a ở quảng trường Tri-um-phan-nai-a, chỗ quầy hàng thuốc lá. Bác sĩ mua một bao diêm.

- Chết rồi à? - Ông hỏi tôi.

Tôi trả lời là chưa chết, nhưng xe cấp cứu đã đưa đến bệnh viện và tôi có thể trả ông tiền nếu cần.

- Không cần, không cần, - ông bác sĩ kinh tởm nói.

Bà cụ ngồi trong bếp khóc. Khi chia tay Pê-chi-a, tôi có hứa với nó là ngày mai sẽ đến và sẽ kể lại mọi chuyện. Tôi trở về phố Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a. Ni-cô-lai An-tô-nứt không có nhà. Ông ta đến bệnh viện.

Bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na, - tôi hỏi, - bà có cần gì không?

Bà cụ sụt sùi khóc mãi. Còn tôi cứ đứng bên cạnh chờ. Cuối cùng bà cụ nhờ tôi giúp bà cụ mặc áo rồi chúng tôi đi tàu điện đến phòng cấp cứu.

Chương 22

Đêm

Ban đêm, trời tối đen như mực, mặc dù tôi nằm ngay trên giường của mình nhưng lại cảm thấy hình như tôi đang bay đến một nơi nào đó với tốc độ vùn vụt kêu vù vù bên mang tai. Tôi bỗng hiểu ngay rằng từ tối hôm qua, lúc còn ở nhà ông Cô-ra-bơ-lị-ốp, bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã quyết định tự tử.

Điều đó rõ ràng đã được quyết định, vì thế cho nên bà mới bình tĩnh, mới hút thuốc lá liên miên và mới nói những chuyện lạ lùng như vậy. Tư tưởng bà diễn biến khó hiểu, chúng tôi không hề biết tí gì. Tất cả những điều bà nói ra đều có liên quan đến quyết định mà bà đã chọn. Không phải là bà hỏi tôi mà là bà tự hỏi mình rồi sau đó bà lại tự trả lời.

Có lẽ bà nghĩ rằng tôi đã lầm và trong thư viết về một người nào khác. Có lẽ bà hy vọng rằng những câu tôi nhớ ra và Ca-chi-a đã cố tình không nói lại với bà không đến nỗi kinh khủng như vậy. Có lẽ bà còn đang chờ đợi rằng Ni-cô-lai An-tô-nứt, người đã làm rất nhiều việc cho người chồng quá cố của bà, do đó mà bà chỉ có thể lấy ông ta được thôi và việc này không đến nỗi có tội lớn như thế hoặc là không đến nỗi đê tiện nhục nhã như vậy.

Thế còn tôi? Tôi đã làm gì?

Tôi cảm thấy nóng ran cả người rồi lại thấy lạnh, sau đó lại cảm thấy nóng. Tôi đạp chăn ra, bắt đầu thở rất mạnh để lấy lại bình tĩnh và suy nghĩ kỹ càng một cách lạnh lùng. Tôi lục lại trong ký ức buổi nói chuyện hôm ấy để phân tích thêm. Giờ đây tôi mới hiểu được ý nghĩa của cuộc nói chuyện này! Hình như mỗi lời nói lại từ từ diễn ra trước mắt tôi và tôi nhìn thấy nó theo một khía cạnh khác, một cạnh khía bí ẩn.

"Tôi rất yêu thành phố En-xcơ. Ở đó thật là tuyệt vời. Vườn hoa đẹp quá!" Trong giờ phút như vậy bà đã thích hồi tưởng lại một cách ngọt ngào thời thanh xuân của mình. Hình như bà muốn vĩnh biệt thành phố En-xcơ, giờ đây khi mọi cái đã được quyết định rồi.

"Môn-ti-gô-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt, hồi đó tôi đã gọi anh ấy như thế". Giọng bà run run, bởi vì không ai biết bà đã gọi ông ấy như vậy và đó cũng là một chứng cớ không thể bác bỏ được, chứng tỏ là tôi đã nhớ lại đúng những lời ấy.

"Tôi không nói với ông ta về những bức thư này. Ông ta lại càng buồn phiền. Tạm thời không nên nêu ra, có đúng không?" Những câu này hôm qua tôi nghe rất kỳ quặc, nhưng giờ đây ý nghĩa của nó đối với tôi lại rõ quá! Ông ta là chồng bà, - có thể là con người thân nhất trên thế gian này. Bà chẳng qua không muốn làm cho ông ta phải khổ tâm, - bà biết rằng rồi đây nỗi dằn vặt của ông còn lớn hơn nhiều.

Đã lâu lắm tôi quên không thở sâu, tôi cứ để chân trần ngồi trên giường mà suy nghĩ mãi. Bà định vĩnh biệt cả ông Cô-ra-bơ-li-ốp - thì ra thế! Bởi vì ông cũng yêu bà và có lẽ còn yêu hơn bất cứ ai. Bà muốn vĩnh biệt cái cuộc sống, tuy hai người chưa bao

giờ sống nhưng chắc hẳn bà đã hằng mơ tưởng đến. Xưa nay tôi vẫn nghĩ rằng bà luôn luôn mơ tưởng đến ông Cô-ra-bơ-li-ốp.

Đáng lẽ phải đi ngủ từ lâu rồi, bởi vì ngày mai còn có một môn thi rất quan trọng, nhất là nghĩ đến những chuyện xảy ra trong ngày bất hạnh ấy thì chẳng thú vị gì cả.

Hình như tôi đã ngủ, nhưng chỉ được một phút. Bỗng có ai đó nói nhỏ bên cạnh tai tôi: "Bà ấy chết rồi!" Tôi mở mắt nhưng chẳng có ai, đương nhiên là không có ai; có lẽ chính tôi đã nói câu đó nhưng không nói thành tiếng mà là nói trong lòng.

Nhưng trái với ý muốn của tôi, tôi bắt đầu nhớ lại cái cảnh tôi và cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đi đến phòng cấp cứu. Tôi cố gắng tìm cách để ngủ, nhưng tôi thật hết cách rồi cho nên đành phải nhớ lại vậy.

... Chúng tôi ngồi trên một cái ghế dài trắng lớn bên cạnh một cái buồng gì đó, lúc ấy tôi không ngờ là bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lại nằm ngay trên cáng trong buồng bên cạnh, ngay sát nách chúng tôi.

Lúc đó có một chị y tá đi ra và hỏi:

- Các vị đến thăm bà Ta-ta-ri-nô-va à? Có thể vào không cần giấy vào cửa.

Chị vội vàng lấy áo choàng trắng mặc cho bà cụ và cài cúc lại.

Tim tôi lạnh toát, tôi hiểu ngay rằng đã không cần giấy ra vào nữa thì có nghĩa là bà ấy nguy kịch lắm rồi và tim tôi lại càng đập mạnh hơn bởi vì chị y tá đứng tuổi này đi đến chỗ một chị y tá khác trẻ hơn đang ghi tên các bệnh nhân vào sổ. Chị y tá này hỏi chị câu gì đó và chị trả lời:

- Sao, ở đâu! Phải khó nhọc lắm mới khiêng đến đây được đấy.

Sau đó chúng tôi ngồi chờ. Tôi nhìn ra cái cửa trắng và hình như nom thấy tất cả - Ni-cô-lai An-tô-nứt, bà cụ và Ca-chi-a - đang đứng xung quanh cái cáng trên đó bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đang nằm. Sau đó có một người ở trong đi ra, cánh cửa hé mở một lát tôi mới nhìn rõ thì ra hoàn toàn không phải như vậy, chẳng có cáng kiếc gì hết, chỉ có cái gì trăng trắng đầu đen đang nằm trên cái ghế đi-văng thấp và phía trước cái vật trắng đầu đen ấy có một người cũng mặc đồ trắng đang quì. Tôi còn nhìn thấy cả cánh tay trần thõng ra ngoài ghế đi-văng, - sau đó cửa sập lại. Tiếp theo có một tiếng kêu thét khàn khàn và chị y tá đang vào sổ tên những bệnh nhân bỗng dừng lại, im lặng rồi lại tiếp tục vào sổ và giải thích. Tôi không biết là lúc đó tôi hiểu tất cả những việc xảy ra này như thế nào, nhưng tôi hiểu tiếng kêu vừa rồi là của Ni-cô-lai An-tô-nứt. Tiếng ông ấy lại the thé? The thé như tiếng trẻ con?

Chị y tá đứng tuổi đi ra, dáng điệu ra vẻ bận rộn nói chuyện với một người thanh niên đang vo tròn cái mũ trong tay. Chị nhìn tôi - bởi vì tôi cùng đến với cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na, - nhưng rồi lại quay sang chỗ khác ngay. Thế là tôi hiểu rằng bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã chết.

Về sau tôi nghe thấy chị y tá nói với một người: "Thật đáng tiếc, một bà rất đẹp". Nhưng lúc đó tôi đã như người ngủ mê, cứ mơ mơ màng màng, cũng có thể người nói câu đó không phải là chị y tá mà là người khác nói trong lúc Ca-chi-a và bà cụ đi từ trong phòng ra. Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã chết ở trong căn phòng này.

Chương 23

Lại nội qui - không phải ông ấy

Đó là những ngày rất đau buồn, và tôi không muốn ghi lại tỉ mỉ về những ngày ấy, mặc dù tôi nhớ rất rõ từng buổi nói chuyện, từng cuộc gặp gỡ, thậm chí cả từng ý nghĩ. Những ngày đau thương đó như một cái bóng đen khổng lồ trùm lên cuộc sống của tôi.

Ngay sau khi chôn cất bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na xong, tôi liền vùi đầu vào công việc. Tôi cảm thấy khi tôi kiên quyết làm việc và học tập thì sẽ có một sức mạnh tự kìm chế mình, làm cho mình không nghĩ gì khác nữa. Nếu lúc này Pê-chi-a lại hỏi tôi rằng trong cuộc đời tôi có hành vi nào có thể chứng minh là tôi có thể trở thành phi công được thì tôi lại trả lời nó là "có" và lần này thì càng có cơ sở chắc chắn.

Đó là việc không dễ dàng, nhất là khi nghĩ đến chuyện lúc đưa ma bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, tôi đi đến cạnh Ca-chi-a, cô ta đã quay đi không thèm nhìn tôi.

Cho đến tận giờ tôi không thể nhớ đến chuyện này mà không cảm động, - các bạn hãy thử xét đoán xem lúc đó tôi đã cảm thấy những gì, tôi đã xúc động và hồi hộp ra sao.

Việc ấy như sau... Không ngờ lại có nhiều người đến đưa đám bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đến thế. Đó là những người cùng công tác với bà và cả những sinh viên đã cùng học với bà trong trường Đại học Y khoa. Hồi còn sống hình như lúc nào bà cũng đơn độc, thế mà hóa ra có rất nhiều người quen biết bà và yêu mến bà. Giữa đám người lạ này vừa chuyện trò nho nhỏ, vừa nhìn vào cánh cửa lớn nhưng quan tài mãi vẫn không thấy khiêng ra, có thầy Cô-ra-bơ-li-ốp ở đó. Mắt thầy trông thật là đau khổ, râu ria mọc tua tủa trên khuôn mặt gày nhom và già sọm đi.

Trước đây tôi vẫn thấy người thân bao giờ cũng đi ra cùng với quan tài, còn người ngoài thì đứng ở cửa và sau đó làm lễ liệm. Nhưng lần này lại không đúng thế, - có lẽ là bởi vì trong số những người thân không có ai khiêng linh cữu được.

Ni-cô-lai An-tô-nứt cúi đầu đứng bên canh. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nắm lấy tay ông. Hình như bà cụ phải đỡ ông mặc dù ông đứng rất thẳng. Ba bà cụ trong gia đình Bu-ben-tri-cốp cũng có mặt. Giống như những tu sĩ, các cụ mặc áo váy dài đen kiểu cũ, vạt sau rất dài.

Ca-chi-a đứng bên cạnh các cụ và đang đăm đăm nhìn ra cửa. Có lẽ cô tết tóc không chặt cho nên cái mũ thỉnh thoảng lại tụt xuống trán. Khi cô lúng túng sửa lại cái mũ có thể tháy trong lòng cô vô cùng đau khổ. Nhưng dù đau khổ đến thế, mặt cô vẫn đỏ hồng hồng.

Mọi người đã chờ mất nửa tiếng đồng hồ mà quan tài vẫn chưa thấy khiêng ra. Tôi bèn quyết định đi đến chỗ cô.

Tôi không rõ, có thể tôi đến chỗ cô vào giờ phút ấy thì không thích hợp chăng. Nhưng tôi muốn nói chuyện với cô dù chỉ là một tiếng thôi cũng được.

- Ca-chi-a!

Cô nhìn tôi một cái rồi quay đi...

Tôi suốt ngày vùi đầu vào sách vở. Tôi khôi phục lại thời gian biểu cũ của mình tức là dậy lúc sáu giờ, tắm nước lạnh, tập thể dục trước cửa sổ mở rồi làm việc theo thời khắc biểu. Bản "Qui tắc rèn luyện ý chí" tôi đặt ra trước đây, bây giờ lại được dùng đến, đặc biệt là điều "Phải giấu tình cảm của mình, ít nhất cũng không được bộc lộ tình cảm". Mặc dù tình cảm tôi càng ngày càng buồn bã, nhưng tôi không bộc lộc ra ngoài. Cái bóng đen khổng lồ tôi nói trên kia hình như càng ngày càng đến gần tôi. Thoạt đầu tôi còn nhìn thấy nó ở xa xa, sau đó càng ngày càng gần.

Đó là nửa năm học cuối cùng của tôi ở trường. Tôi hy vọng các môn đều có thể đạt được điểm "trung bình". Đó là việc không phải dễ nhất là môn văn.

Có một lần ông Li-khô tuy vẫn lẩm bẩm, trù trừ, nhưng cuối cùng cũng cho tôi một điểm "trung bình". Về bài luận văn tốt nghiệp thì tôi không sợ, - chỉ cần phủi tay một cái là có thể viết xong bài luận văn mà còn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của đồ ngốc ấy. Tôi biết chỉ vì tự ái ông ta sẽ cho tôi điểm cao nhất.

Tôi đứng vào loại nhất lớp và chỉ có Van-ca là ở trên tôi. Nhưng vì nó có tài năng phi thường, hơn nữa nó lại thông minh hơn tôi rất nhiều.

Bóng đen cứ nhích lại gần. Ông Cô-ra-bơ-li-ốp gặp tôi, nhìn tôi có vẻ miễn cưỡng, đúng là ông rất khổ tâm khi nhìn thấy tôi. Ni-cô-lai An-tô-nứt không đến trường. Mặc dù chẳng có ai nhắc đến chuyện xung đột giữa chúng tôi ở cuộc họp Hội đồng nhà trường, nhưng mọi người lúc nào cũng nhìn tôi bằng con mắt

trách móc. Hình như tại cuộc họp Hội đồng nhà trường ông ta cảm thấy người khó chịu [illegible] và cái chết của bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na lần này đã hoàn toàn bao chữa với ông ta.

Mọi người nhìn tôi với vẻ khó chịu. Chưa bao giờ tôi lại cô đơn như thế.

Nhưng tôi vẫn còn chưa biết một vố khác đang chờ tôi.

Có một lần - sau khi bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na chết được hai tuần - tôi đến nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.Tôi muốn mời thầy cùng chúng tôi đi thăm Viện bảo tàng Địa chất (hồi đó tôi là phụ trách đội thiếu niên tiền phòng, các em học sinh của tôi đề nghị tôi dẫn chúng đi tham quan Viện bảo tàng này). Hồi còn học ở cấp I tôi đã được đi với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đến đây một lần, tôi nhớ đó là một chuyến đi rất thú vị.

Thầy rất xúc động khi ra gặp tôi và đề nghị tôi đổi sang ngày khác.

- Khi nào ạ?

- Tôi không biết. Sau sẽ hay.

Ở ngoài phòng áo có treo chiếc bành-tô da và cái mũ da, trên chiếc bàn con có cái khăn quàng len màu nâu. Cái khăn này trước đây bà cụ đã đan trước mặt tôi. Ni-cô-lai An-tô-nứt đang ở trong nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

Tôi đi ra và chán nản cầm quyển sách "Không quân thời quá khứ và tương lai" - tôi còn nhớ hồi đó tôi đã đọc cuốn sách này. Nhưng đọc không vào, không biết tâm thần bay đi đâu hết sạch do đó cứ đến mỗi trang tôi lại phải nhắc mình một điều gì đó trong bản "Qui tắc rèn luyện ý chí". Ni-cô-lai An-tô-nứt đến đây để làm gì? Đã hơn bốn năm nay ông ta có đến nhà ông Cô-ra-bơ-

li-ốp bao giờ đâu? Tại sao ông Cô-ra-bơ-li-ốp lại xúc động như vậy?

Khi tôi quay trở lại nhà ông thì Ni-cộ-lai An-tô-nứt không còn ở đấy nữa. Giờ đây tôi còn nhớ lúc đó trong lò đang cháy, ông Cô-ra-bơ-li-ốp mặc cái áo nhung rất rộng có túi. Chiếc áo này chỉ khi nào ông say rượu hay người khó chịu mới đem ra mặc. Ông ngồi bên lò sưởi nhìn ngọn lửa. Khi tôi bước vào, ông ngẩng đầu lên nói:

- Anh làm gì thế, anh Xa-nhi-a! Trời ơi, anh làm gì thế!

- Thưa thầy gì ạ?

- Trời ơi, anh làm cái gì thế! - Ông Cô-ra-bơ-li-ốp tuyệt vọng nhắc đi nhắc lại. - Không phải là ông ấy, không phải ông ấy! Ông ấy có bằng chứng không thể chối cãi được. Không thể chối cãi được.

- Tôi không hiểu, thưa thầy. Thầy nói về ai thế?

Ông Cô-ra-bơ-li-ốp đứng lên, sau đó ngồi xuống rồi lại đứng lên.

- Ni-cô-lai An-tô-nứt có đến đây. Ông ấy chứng minh với tôi rằng người mà thuyền trưởng viết trong thư không phải là ông ta. Đó là một Ni-cô-tai nào khác đấy, một tên doanh nghiệp Phôn Vư-si-mia-xki nào đó.

Tôi sửng sốt

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt! Đó là sự dối trá, ông ta nói láo hết!

- Không, đó là sự thực, - ông Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Đây là một việc rất lớn, chúng ta chẳng biết gì về việc đó cả. Trong đó đề cập đến rất nhiều người có nhà buôn, có người giao hàng, ngay từ khi mới bắt đầu, thuyền trưởng đã biết tất cả. Ông biết trang bị của

đội thám hiểm rất tồi và ông đã viết thư báo cho Ni-cô-lai An-tô-nứt biết về việc này. Chính mắt tôi đã thấy những bức thư ấy.

Tôi nghe ông nói mà không tin ở tai mình nữa. Không hiểu tại sao trước đây tôi cứ cho rằng bức thư tôi tìm thấy ở En-xcơ là bức thư duy nhất. Do đó khi nghe nói thuyền trưởng còn có một số thư nữa đang được giữ lại làm tôi cảm thấy vô cùng sửng sốt.

- Trong việc này có rất nhiều sự rủi ro, - ông Cô-ra-bơ-li-ốp nói tiếp. - Có một chủ thuyền nào đó đã rút hết tất cả các thuyền viên đi trước khi ra đến biển, phải mất bao nhiêu sức lực mới tìm được một cái máy vô tuyến điện, nhưng lại vì không tìm ra nhân viên điện báo nên buộc lòng phải vứt đi và còn một số việc khác nữa. Tại sao những cái đó lại là lỗi của Ni-cô-lai An-tô-nứt? Tất cả những cái đó đều rất rõ, trời ơi! còn tôi... tôi đã phỏng đoán điều đó... Nhưng tôi...

Ông chưa nói hết thì bỗng tôi thấy ông khóc.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi nói và cố gắng không nhìn vào bức tranh khó tin được ấy - ông Cô-ra-bơ-li-ốp khóc. - Như vậy có nghĩa là ông ta không có lỗi, mà là một lão "phôn" nào đó gây ra. Đã thế thì tại sao Ni-cô-lai An-tô-nứt trước đây cứ khăng khăng nói rằng việc này do ông ta lãnh đạo? Xin thầy hãy hỏi ông ta xem đội thám hiểm đã mang theo bao nhiêu viên canh, bao nhiêu mì ống, bánh mì khô và cà-phê. Tại sao trước đây không bao giờ ông ấy nhắc đến cái ông "Phôn" này.

Ông Cô-ra-bơ-li-ốp dùng khăn mùi soa lau mắt và ria. Ông lấy chai rượu vốt-ca trên ngăn tủ trong tường ra, tay run run rót nửa cốc rồi lại rót vào chai một ít. Ông uống một hớp hết cốc rượu rồi ngồi xuống.

- Thôi được, bây giờ thì thế nào cũng được. - ông phủi tay. - Tôi chỉ là một thằng mù, một thằng mù tịt! - Bỗng dưng ông lại nói một cách tuyệt vọng. - Tôi đã phải thuyết phục bà ấy, phải chứng minh rằng điều đó không thể được, không thể tin được dù cho có thật là Ni-cô-lai An-tô-nứt đi nữa thì cũng không nên kết tội cho một người về những thất bại của một công việc to lớn như vậy. Tôi có thể nói với bà ấy rằng cậu cứ khăng khăng cho là ông ta là vì cậu ghét ông ta.

Tôi im lặng nghe thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. Xưa nay tôi vẫn yêu thầy và vẫn quen tôn kính thầy, cho nên nhìn thấy điệu bộ thầy thảm hại như thế tôi rất buồn. Thầy khóc thút thít, tóc và ria rối tung lên.

- Tôi có thù ghét ông ấy hay không, - tôi bình tĩnh nói, - việc đó chẳng liên quan gì đến bản thân vấn đề cả. Tôi không rõ nói chung thầy nói câu này có ý nghĩa gì. Thầy nói tôi cố ý chứng minh, như vậy có nghĩa là tôi xuất phát từ động cơ cá nhân đê tiện hay sao?

Ông Cô-ra-bơ-li-ốp im lặng.

- Thưa thầy!

Ông vẫn im lặng.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt! - Tôi kêu lên. - Thầy cho rằng tôi cố ý xông vào việc này là để báo thù Ni-cô-lai An-tô-nứt à? Tại sao thầy lại nói dù cho có thật là ông ta chứ không phải là một lão "phôn" nào cả thì cũng không nên kết tội một người về sự thất bại của một công việc to lớn như vậy. Thầy cho rằng đó là lỗi của tôi cả à? Thầy nói đi! Có đúng không? Thầy cho là như thế chứ gì?

Ông Cô-ra-bơ-li-ốp im lặng. Trước mắt tôi bỗng tối đen, tôi nghe thấy tim tôi đập dữ dội và chậm chạp.

Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi nói, giọng run run nhưng cương quyết. - Hiện nay dù cho có phải chết tôi cũng phải chứng thực là tôi đúng. Và tôi sẽ chứng minh điều đó... Hôm nay tôi sẽ đến gặp Ni-cô-lai An-tô-nứt và yêu cầu ông ta cho xem những tài liệu và thư từ đó. Ông ấy đã thuyết phục thầy rằng trong thư không phải viết về ông ấy mà về lão "phôn" nào đó. Vậy thì hãy để cho ông ta thuyết phục tôi.

- Tùy anh muốn làm thế nào thì làm, - ông Cô-ra-bơ-li-ốp chán nản nói.

Tôi đi ra. Ông ấy không rời khỏi chỗ, vẫn ngồi bên cạnh lò sưởi, mệt mỏi và hoàn toàn tuyệt vọng. Cả hai chúng tôi cùng tuyệt vọng nhưng ở tôi ngoài cái cảm giác ấy còn có một sự căm giận lạnh lùng, còn ông ở trạng thái mệt mỏi tuyệt vọng, già nua, hoàn toàn đơn độc trong căn phòng rỗng không, lạnh lẽo.

Chương 24

Lời vu khống

Nói thì rất dễ: tôi đi tìm ông ấy và đề nghị ông ấy cho xem những bức thư này. Nghĩ đến chuyện này mà tôi đau lòng. Trong thực tế ông ấy có thể sẽ nói chuyện với tôi! Ông ấy cũng có thể sẽ đuổi tôi ngay từ cầu thang và thế là hết. Tôi không thể đánh nhau với ông lấy được. Dù sao ông ấy cũng là một người ốm, một người đã có tuổi.

Thực ra tôi không muốn đi. Nhưng có ý nghĩ cứ đeo đuổi tôi.

Tôi rất đau lòng khi nhớ đến bộ mặt lạnh lùng hôm đưa đám, cô ấy nghiêm khắc quay đi không thèm nhìn tôi. Giờ đây tôi mới rõ tại sao cô ấy lại làm như vậy: Ni-cô-lai An-tô-nứt đã làm cho cô ấy tin rằng tất cả mọi lỗi lầm đều là tại tôi.

Tôi hình dung cái cảnh ông ta nói chuyện với cô và tim cứ đập thình thình. Nhất định ông ấy sẽ nói như thế này: "A, trí nhớ của anh bạn của cô thật là tuyệt vời. Tại sao trước khi về En-xcơ hắn chẳng có lần nào nhớ ra những bức thư này?"

Kỳ thực, làm sao tôi có thể quên được những bức thư ấy? Tôi

Đáng lẽ vừa vào đến cửa tôi đã phải chào hỏi mọi người, còn bây giờ thì đã không cần nữa. Nhưng dù sao tôi vẫn cứ cúi đầu chào. Chẳng ai đáp lại tôi, chỉ có cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na hơi khẽ gật đầu.

- Sao?

- Thầy nói với thầy I-van Pa-vơ-lứt rằng thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp có viết cho thầy về một ông "Phôn Vư-si-mia-xki" nào đó. Tôi cần phải biết vấn đề này bởi vì nếu thế thì hóa ra tôi cố tình thuyết phục bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na tin tôi chỉ là để làm hại thầy. Ví dụ như thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã nghĩ như vậy. Và còn những người khác nữa. Nói tóm lại, tôi đề nghị thầy cho tôi xem những bức thư mà thầy đã dùng để chứng minh rằng đội thám hiểm đã chết là do lỗi của ông Phôn Vư-si-mia-xki nào đó, còn cái chết của (tôi nuốt chữ này)... và tất cả những việc khác là lỗi của tôi.

Đó là một đoạn rất dài, nhưng vì tôi đã chuẩn bị trước nên nói rất lưu loát. Tôi chỉ nghẹn lời khi nói đến cái chết của bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na và sau đó đến chữ "và những người khác", bởi vì tôi nghĩ đến Ca-chi-a. Cô vẫn đứng ở ngoài bậc cửa, dướn người lên, nín thở.

Bây giờ, khi nói những câu này tôi mới nhận thấy Ni-cô-lai An-tô-nứt già sọm đi như thế nào. Ông giống như một con chim già có mỏ khoằm hai má sâu hoắm, thậm chí đến cả chiếc răng vàng trước kia đã từng làm rạng rỡ cả khuôn mặt, nay cũng mờ đi.

Ông nghe tôi nói và thở rất to. Hình như ông ta không biết phải trả lời tôi như thế nào. Nhưng đúng vào lúc đó thì bà cụ Bu-ben-tri-cô-va thứ hai hỏi ông ta với vẻ ngạc nhiên:

- Ai đấy?

Ông ta thở tiếp một hơi rồi mới nói.

- Ai đấy à? - ông ta nhắc lại câu hỏi ấy qua kẽ răng. - Nó là thằng đểu, thằng vu khống mà tôi vẫn hằng ngày hằng giờ nói với các bà đấy.

- Thưa thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt, nếu thầy muốn mắng...

- Nó chính là cái thằng đã giết chết bà ấy, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nhắc lại một lần nữa. Mặt ông ta run lên và ông ta bắt đầu bẻ ngón tay. - Nó là thằng đã dùng lối vu khống kinh khủng nhất mà người ta có thể tưởng tượng để phỉ báng tôi. Nhưng tôi vẫn sống!

Chẳng ai nghĩ rằng ông ta đã chết. Tôi đang định nói với ông ta câu ấy thì ông ta lại gầm lên:

- Tôi hãy còn sống!

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nắm tay ông ta. Ông hất tay ra.

- Lẽ ra tôi có thể tố cáo nó trước pháp luật để tòa xử nó về tất cả những điều... Về tất cả những điều nó đã làm để hãm hại đời tôi. Nhưng còn có một luật pháp khác, một tòa án khác và theo pháp luật này nhất định sẽ có một ngày nó sẽ hiểu những việc nó làm. Nó đã giết chết bà ấy, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói đến đây thì nước mắt đầm đìa. - Bà ấy chết vì nó. Hãy để cho nó sống, nếu nó có thể...

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đẩy cái ghế ra và nắm lấy ta ông ta hình như chỉ sợ ông ta ngã xuống ngay lập tức. Ông ta mơ hồ nhìn bà cụ. Trong giây phút ấy tôi đã nghi ngờ sự đúng đắn của mình. Nhưng chỉ có một phút ấy thôi.

- Vì ai cơ? Trời ơi, vì ai? - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói tiếp. - Vì cái thằng ranh con này, nó vô liêm sỉ đến nỗi còn dám vác mặt đến

cái nhà, ở đấy bà ấy đã chết. Vì cái thằng ranh con có dòng máu nhơ bẩn này.

Tôi không biết ông ta nói những câu ấy là có ý gì? Tại sao dòng máu của ông ta lại sạch hơn của tôi? Nhưng cái đó cũng chẳng sao. Tôi im lặng nghe ông ta nói. Ca-chi-a đứng bên cạnh tường vươn thẳng người.

- ... Nó còn vác mặt đến cái nhà mà tôi đã ném nó ra như quẳng con rắn độc. Số phận tôi là thế đấy, trời ơi! Tôi đã hiến dâng cho bà ấy tất cả đời mình, tôi đã làm cho bà ấy tất cả những gì mà sức con người có thể làm được cho người mình yêu. Nhưng bà ấy đã chết vì cái con rắn đê tiện nhục nhã này, vì nó đã nói với bà ấy rằng tôi đã lừa dối bà ấy, rằng tôi đã giết chồng bà ấy, giết người em trai mình. Nhưng thực ra không phải là tôi.

Tôi hết sức ngạc nhiên vì ông ta đã nói được say sưa như vậy, nói đến quên hết cả mình.Tôi cảm thấy mặt tôi tái đi. Nhưng chẳng sao! Tôi biết cách trả lời ông ta.

- Thưa thầy, - tôi nói, cố gắng không xúc động nhưng cũng nhận thấy cái lưỡi không chịu nghe lời tôi. - Tôi sẽ không trả lời thầy những tính từ của thầy, bởi vì tôi biết tâm trạng thầy lúc này như thế nào. Đúng là thầy đã đuổi tôi ra, nhưng tôi lại đến và sẽ còn đến, chừng nào tôi còn chưa chứng minh được rằng chuyện bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na uống thuốc độc hoàn toàn không phải do lỗi của tôi. Nếu có người nào đó có lỗi thì dù sao cũng không phải là tôi mà là một người khác. Sự thực là thầy có giữ một số thư của cố thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, thầy dùng những bức thư này để làm cho thầy Cô-ra-bờ-li-ốp tin, và nói chung làm cho mọi người tin là tôi đã vu khống thầy. Tôi đề nghị thầy cho tôi xem những bức thư đó, để cho mọi người có thể tin rằng tôi đúng là con rắn đê tiện như thầy vừa nói.

Những câu nói này gây nên tiếng ồn ào rất lớn. Ba bà cụ nhà Bu-ben-tri-cốp vẫn không rõ xảy ra chuyện gì, tranh nhau hét lên:

- Nó là ai?

Nhưng chẳng có ai giải thích cho các cụ ấy nghe tôi là ai nên các cụ càng quát to hơn. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na cũng quát tôi để tôi đi ra. Chỉ có Ca-chi-a là không nói một lời. Cô đứng ở cạnh tường, lúc thì nhìn Ni-cô-lai An-tô-nứt, lúc thì nhìn tôi.

Bỗng tự nhiên mọi người đều im bặt... Ni-cô-lai An-tô-nứt đẩy bà cụ ra và đi về phòng mình. Sau một phút ông ta quay lại trong tay cầm một đống thư. Không phải hai ba cái mà là cả một đống, bốn mươi cái. Tôi không cho rằng tất cả đây đều là thư của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Nói cho đúng thì đây là những bức thư khác nhau của những người khác nhau - những thư từ hoặc tài liệu có liên quan đến đội thám hiểm. Ông ta ném những bức thư ấy vào mặt tôi rồi nhổ vào mặt tôi một cái và ngã xuống chiếc ghế bành. Các cụ bà lao về phía ông ta.

Giả sử bãi nước bọt đó mà vào mặt tôi thật thì rất có thể tôi đã đánh ông ta, thậm chí có thể đánh chết ông ta - xưa nay chưa ai dám nhổ vào mặt tôi, tôi có thể bất chấp những qui tắc rèn luyện ý chí của mình. Nhưng ông ta không nhổ trúng, và thư cũng không ném tới.

Dĩ nhiên tôi không bao giờ lại đi nhặt những bức thư ấy, mặc dù có một tích tắc tôi đã toan nhặt một bức thư có gắn xi rất dày và đề chữ "Xanh Ma-ri". Nhưng tôi đã không nhặt chúng. Đây là lần cuối cùng tôi đến nhà này. Ca-chi-a nghiến răng, tay ôm ngực đứng giữa chúng tôi, cạnh chiếc ghế bành ông ta đang nằm. Tôi nhìn cô, - nhìn thẳng vào mắt cô, bởi vì đây là lần cuối cùng tôi nhìn cô.

- Thôi được, - tôi nói. - Tôi sẽ không đọc những bức thư này nữa, những bức thư mà ông đã ném vào mặt tôi. Tôi sẽ làm cách khác. Tôi sẽ đi tìm đội thám hiểm, tôi không tin rằng đội thám hiểm mất tích không còn dấu vết gì, đến lúc đó chúng ta sẽ xem hai chúng ta ai là người đúng.

Tôi còn định chào từ biệt Ca-chi-a và nói cho cô ta biết rằng tôi không bao giờ quên việc cô đã quay mặt đi không thèm nhìn tôi hôm đưa đám mẹ cô. Nhưng lúc đó Ni-cô-lai An-tô-nứt bỗng đứng lên khỏi ghế bành, thế là lại gây nên một cảnh ầm ĩ đáng sợ. Các bà cụ nhà Bu-ben-tri-cốp nhảy bổ vào tôi và cầm cái gì đó đánh vào lưng tôi rất đau. Tôi xua tay và đi ra.

Chương 25

Cuộc hẹn hò cuối cùng

Tôi chưa bao giờ đơn độc như thế. Tôi càng ra sức vùi đầu vào sách vở. Hình như tôi hoàn toàn mất hết sức suy nghĩ. Càng tốt. Chẳng nghĩ ngợi gì càng hay.

Tôi bỗng nghĩ đến chuyện có thể mình không được nhận vào Trường Hàng không vì điều kiện sức khỏe. Thế là tôi lao vào tập thể dục, tập nhảy các kiểu, tập đứng thăng bằng, tập uốn cầu vồng, trồng chuối ngược. Sáng nào tôi cũng xoa bóp bắp thịt, thử lại hàm răng. Điều làm cho tôi lo ngại nhất là cái chiều cao chết tiệt. Tôi cảm thấy hình như do những sự buồn phiền nhiều mà gần đây tôi lại đâm ra lùn đi.

Nhưng đến cuối tháng ba tôi vẫn chuẩn vị đầy đủ hồ sơ gửi cho Hội viện trợ xây dựng Ngành Hóa học hàng không Liên Xô. Kèm theo hồ sơ tôi có gửi một bản yêu cầu cho tôi được vào học Trường Lý luận hàng không ở Lê-nin-grát.

Có lẽ cũng chẳng cần phải giải thích lý do tại sao tôi lại muốn rời khỏi Mát-xcơ-va.

Pê-chi-a cũng chuẩn bị đi Lê-nin-grát. Nó quyết định dứt khoát thi vào Học viện Mỹ thuật. Cô Xa-nhi-a cũng có mục đích như vậy.

Khi tôi nặn những con ngựa của nam tước Cơ-lốt, những khái niệm của tôi về thành phố Lê-nin-grát là gắn liền với những con ngựa kỳ diệu này ở trên cầu. Tôi mường tượng rằng ở Lê-nin-grát cứ mỗi bước đi là có một bức tượng, mỗi bước đi là một tòa nhà bằng đá cẩm thạch. Pê-chi-a khuyên tôi đọc cuốn "Người Kỵ sĩ bằng đồng", thế là tôi lại càng khao khát muốn đến cái thành phố tuyệt vời ấy. Nhưng tất nhiên người ta có thể giữ tôi ở lại Mát-xcơ-va mà cũng có thể đưa tôi về Xê-bát-xtô-pôn.

Trong dịp nghỉ xuân tôi và Pê-chi-a đi về En-xcơ và chúng tôi vẫn lậu vé, bởi vì chúng tôi muốn chuẩn bị một ít tiền để sử dụng "sau khi ra trường".

Nhưng chuyến đi này lại khác hẳn và trong nửa năm qua bản thân tôi cũng đã trở thành một con người khác. Nhìn thấy tôi dì Đa-sa phải kêu lên, ông chánh án thì tuyên bố rằng với cái bộ dạng này thì phải đưa ra tòa và ông còn nói "sẽ dùng mọi biện pháp để điều tra xem nguyên nhân tại sao "bị cáo" lại hoảng loạn về tinh thần như vậy."

Nhưng "bị cáo" chẳng nói gì cho ông biết về nguyên nhân này. Bị cáo rất buồn, đi đi lại lại trong vườn Nhà thờ và trên hành lang có lan can sắt bên bờ sông. Cũng tại nơi này cách đây không lâu "bị cáo" đã chỉ cho "nguyên cáo" - một cô gái tóc tết đuôi sam, đội mũ nỉ nhung màu xám nhưng không buông cái bịt tai xuống, - xem chỗ đó.

Tôi chỉ nói cho mình Pê-chi-a biết, nhưng cũng rất vắn tắt, về cuộc nói chuyện của tôi với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp và việc Ni-cô-lai An-tô-nứt đã tiếp tôi như thế nào. Nhưng Pê-chi-a lại nhìn vấn

để này ở một góc độ thật là không ngờ. Nó nghe tôi kể xong bèn nói với vẻ cổ vũ:

- Hãy nghe mình nói này, ngộ nhỡ bỗng nhiên cậu tìm được thì sao?

- Tìm thấy cái gì?

- Đội thám hiểm.

"Bỗng nhiên tôi tìm được", - tôi nghĩ thầm.

Hình như có những con kiến nhỏ bò trên mặt tôi, tôi cảm thấy vừa vui mừng, vừa sợ hãi. "Bỗng nhiên tôi tìm được". Y như trong thời kỳ thơ ấu xa xôi, một bức tranh mờ ảo lại hiện lên trước mắt tôi: những lều trắng xóa dựng trên tuyết. Một người khổng lồ chân đi ủng da lông đi ngược chiều xe trượt tuyết, và tôi cũng đi ủng da lông, đội chiếc mũ da rất to, mồm ngậm tẩu đứng ở cửa lều.

Cần phải nói cử chỉ của Pê-chi-a ở En-xcơ rất kỳ quặc. Lúc nào nó cũng cảm thấy phấn khởi. Chả trách bữa ăn trưa nào ông chánh án cũng nháy mắt ra hiệu cho tôi rồi lái câu chuyện sang vấn đề cái lợi của việc cưới sớm. Lúc đó Xa-nhi-a thẹn đỏ mặt lên, còn Pê-chi-a thì cứ thẫn thờ nghe nói chuyện và ăn lấy ăn để... Thấy điệu bộ nó như thế, tôi liên hệ, có lẽ những ngày nghỉ đông vừa qua tôi cũng như vậy: ăn rất nhiều và những điều người ta nói về mình thì hiểu ra rất chậm. Nhưng giờ đây tôi cảm thấy việc đó của họ cũng chẳng có gì là không bình thường.

Ở En-xcơ lúc nào tôi cũng nghĩ đến Ca-chi-a. Trong đống sách của Xa-nhi-a tôi tìm thấy cuốn "Ruồi Trâu". Tôi đọc cuốn tiểu thuyết ưu tú ấy phát hiện ra rằng cuộc đời của Ruồi Trâu rất giống với tôi. Cũng như Ruồi Trâu, giờ đây tôi cũng đang bị miệt thị, người yêu của anh ta đã rời bỏ anh ta và người yêu của tôi

cũng đã rời bỏ tôi. Tôi tưởng tượng rằng sau mười bốn năm chúng tôi gặp lại nhau và lúc đó cô không nhận ra tôi nữa. Tôi cũng sẽ làm như Ruồi Trâu, chỉ vào tấm ảnh của mình và hỏi:

- Tôi có thể mạo muội xin hỏi đây là ai được không?

- Đây là tấm ảnh người bạn thời thơ ấu mà tôi đã có lần nói chuyện với anh.

- Người mà chị giết?

Cô ta rùng mình và nhận ra tôi. Thế là tôi ném ra trước mặt cô tất cả những chứng cớ chứng minh rằng tôi đã đúng, rồi cự tuyệt cô. Nhưng cuộc gặp gỡ như vậy ít hy vọng lắm! Trong thâm tâm tôi rất tin là tôi đúng. Nhưng đôi khi trong lòng cũng thấy lành lạnh, nhất là khi nghĩ đến cái ông "Phôn" đáng nguyền rủa nào đó. Trước khi về En-xcơ không lâu, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp có nói với tôi rằng Ni-cô-lai An-tô-nứt đã cho ông xem thư thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp ủy nhiệm cho Ni-cô-lai I-va-nứt Phôn Vư-si-mia-xki giải quyết công việc của đội thám hiểm.

- Anh sai rồi, - ông nói ngắn và tàn nhẫn...

Tôi trở lại Mát-xcơ-va một mình. Pê-chi-a bị cảm nên ở lại En-xcơ thêm vài hôm nữa. Tôi có cảm giác rằng Pê-chi-a đã cố tình bị cảm. Vì dù sao thì nó cũng rất hài lòng về trận ốm này.

Hồi ở En-xcơ tôi rất buồn. Tôi cho rằng hình như cứ về đến Mát-xcơ-va, cầm lấy sách vở là sẽ không còn thì giờ để mà buồn bực nữa. Thế mà vẫn buồn. Bực bội và âm thầm, tôi lang thang suốt ngày trong trường...

Chính trong những ngày này, tôi đã đánh nhau với con bé - Mát-tư-nô-va cùng lớp. Tôi đã đánh cho nó một cái bạt tai về tội ăn cắp. Nó đã lấy của Ta-ni-a Ve-lích-cô cái bút máy, sau đó lại định đổ vấy cho Van-ca, - nhưng phần nào cũng là vì nó là trẻ con.

Ngày hôm sau tôi bị gọi lên văn phòng Chi đoàn Thanh niên Cộng sản và bị hỏi về chuyện xảy ra. Giữa chúng tôi và các học sinh gái có quan hệ đồng chí, thế mà lại đi đánh nhau với họ, nhất là lại ở năm cuối, việc đó dù sao cũng chẳng hay ho gì. Tôi nói Mác-tư-nô-va là đứa đê tiện, còn nó là con gái hay gì chẳng đáng kể. Nếu tôi bạt tai một đứa con trai thì Chi đoàn có gọi tôi lên không?

Các bạn suy nghĩ và đồng ý là sẽ không.

Có một lần, tôi ở đâu đó về nhà, đến cổng trường, tôi thấy trên mặt bàn, chỗ nhân viên bưu điện trường để thư từ của tất cả chúng tôi, có một bức thư mật, gửi: "A. Gri-gô-ri-ép. Lớp Chín".

Tôi bóc thư:

"Xa-nhi-a, mình muốn nói chuyện với cậu. Nếu cậu không bận thì bảy giờ rưỡi hôm nay đến vườn hoa phố Tri-um-phan-nai-a".

Nghĩ lại mà thấy nực cười, tôi vừa xem xong bức thư, hình như mọi vật bỗng thay đổi hết. Khi tôi gặp Li-khô ở cầu thang, tôi chào hỏi tử tế, bữa ăn trưa, tôi cho Van-ca tất cả xuất chè của tôi, thậm chí đến Mác-tư-nô-va cũng không làm tôi thấy nó là đê tiện, không nên bạt tai nó, chưa kể nó lại là con gái.

Đã sáu giờ. Sáu giờ rưỡi. Bảy giờ... Đúng bảy giờ tôi đã có mặt ở vườn hoa. Bảy giờ mười lăm. Bảy giờ rưỡi. Trời tối dần. Nhưng đèn đường chưa bật. Đủ các loại ý nghĩ rất buồn cười cứ quay cuồng trong đầu óc tôi: "Nếu đèn đường không bật, tôi sẽ không nhận ra cô ta... Nếu có đèn sáng mà cô ta không đến... Không có đèn sáng, cô ta cũng không nhận ra tôi..."

Đèn tường bật sáng, trước mắt tôi là vườn hoa quen thuộc. Tôi và Pê-chi-a đã từng dự định đến đây bán thuốc lá. Vào những

ngày xuân tôi đã đến đây có tới hàng nghìn lần để học bài. Một vườn hoa ồn ào, chỉ có thanh niên mười bảy tuổi mới có thể học thuộc bài ở đây. Đây là một vườn hoa cũ kỹ. Tất cả trường chúng tôi và học sinh hai trường 143 và 28 thường đến đây để gặp nhau, - vườn hoa này hình như đang dần dần đổi mới, biến thành một rạp hát. Giờ đây chúng tôi sắp gặp nhau. Kìa cô đã đến!

Chúng tôi chào hỏi nhau rồi im lặng. Hôm đó là ngày mồng hai tháng Tư. Trời rất ấm. Nhưng bất thình lình lại mưa tuyết. Hình như ông trời cố tình để cho tôi suốt đời ghi nhớ lấy cái ngày hôm ấy.

- Ca-chi-a! Mình rất vui vì cậu đã đến. Mình cũng muốn nói chuyện với cậu từ lâu. Hôm đó ở nhà cậu mình không thể nói được câu nào bởi vì Ni-cô-lai An-tô-nứt cứ hét toáng lên chẳng còn giải thích được gì nữa. Tất nhiên, nếu cậu tin ông ta...

Tôi sợ phải nói hết câu này, bởi vì nếu cô tin ở lão ta thật thì tôi phải đi khỏi cái vườn hoa này. Tại đây chúng tôi đang ngồi nghiêm nghị, mặt trắng bệch, chuyện trò với nhau, không ai nhìn ai. Tại đây hình như ngoài hai chúng tôi ra không còn một ai nữa, mặc dù trên mỗi chiếc ghế dài đều có người ngồi và cả người coi vườn bé nhỏ, cáu kỉnh đi đi lại lại trên con đường hẹp.

- Ta đừng nói đến chuyện ấy nữa.

- Ca-chi-a, mình không thể không nói chuyện ấy. Nói tóm lại, nếu cậu tin lão ta thì chúng mình sẽ không có gì để nói nữa.

Cô ta nhìn tôi, buồn bã và hoàn toàn như một người đứng tuổi, trông cô già dặn và thông minh hơn tôi nhiều.

- Lão nói rằng lỗi là do mình cả.

- Do cậu à?

- Lão nói rằng mình là người đầu tiên tin vào cái ý nghĩ trái

tự nhiên này, cho rằng trong thư ba là nói về lão, - như vậy có nghĩa là tất cả là lỗi của mình.

Tôi nhớ có một lần, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói với bà Ma-ri-a Vi-xi-li-ép-na về lão như sau: "Em hãy nghe anh, đó là một con người đáng sợ". Tôi nhớ lại trong thư thuyền trưởng đã viết về lão như sau: "Anh cầu xin em đừng tin ở con người ấy". Và bây giờ con người ấy lại buộc Ca-chi-a phải tin là tất cả mọi cái đều là lỗi tại cô ta, rằng chính cô ta đã giết mẹ, chính cô ta đã tước mất nguồn hạnh phúc duy nhất của lão trên trái đất này. Cho nên cô ta có tội với lão, và lão còn làm cho cô ta tin rằng chỉ có một mình lão biết, sau khi cô ta phạm tội lỗi này cô phải sắp xếp cuộc sống của mình như thế nào... Tôi nghĩ đến những điều đó mà cảm thấy lạnh toát cả người. Tất cả những cái đó đều diễn ra dần dần, ngày này qua ngày khác. Những câu dài dòng, quanh co làm cho người ta nghe thấy mà chóng mặt.

Tôi giãy giụa trong thất vọng và kinh hãi.

- Giờ đây lão còn có thể nói được mười lăm năm nữa, rằng cậu có lỗi, và cậu cuối cùng sẽ tin lão như bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã tin. Chả lẽ cậu không hiểu thế nào là nắm đằng chuôi? Nếu cậu nhận là có lỗi, lão sẽ có toàn quyền đối với cậu và cậu sẽ phải làm tất cả những cái gì mà lão muốn.

- Mình sẽ đi.

- Đi đâu?

- Mình còn chưa biết. Mình quyết định gửi hồ sơ xin vào Đội thăm dò Địa chất. Sau khi tốt nghiệp mình sẽ đi.

- Lúc đó thì cậu chẳng đi đâu được nữa. Bây giờ có lẽ cậu còn có thể đi được, chứ sau bốn năm... Mình bảo đảm với cậu là cậu sẽ chẳng đi đâu được hết... Lão sẽ làm cho cậu chán tai. Bà Ma-

ri-a Va-xi-li-ép-na chả đã tin lão là người từ thiện và cao thượng đó sao? Và điều chủ yếu nhất là bà đã chịu ơn lão về tất cả những sự quan tâm săn sóc. Tại sao lão lại quấn lấy cậu! Lão chẳng đã nói tất cả đều là lỗi tại mình đó sao.

- Lão nói cậu chỉ là một tên giết người.

- Được!

- Lão nói có đem cậu ra bắn chết, lão cũng chẳng làm sao.

- Được. Mọi người đều sai, trừ lão. Còn mình thì nói với cậu rằng lão ta là thằng đểu. Cứ nghĩ đến mà rùng mình, sao trên trái đất này lại có những con người như vậy.

- Thôi đừng nói đến chuyện đó nữa...

- Được. Thế bây giờ cậu nói xem: cậu tin những gì trong cái mớ nhảm nhí ấy?

Ca-chi-a im lặng hồi lâu. Tôi lại ngồi xuống cạnh cô. Tôi rất sợ, nhưng tôi vẫn nắm lấy tay cô, cô không tránh ra, cũng không rụt tay lại.

- Mình tin rằng cậu không cố ý nói đó là Ni-cô-lai An-tô-nứt. Mặc dầu cậu đã nghĩ rằng đó chính là lão ta.

- Và bây giờ mình vẫn nghĩ như vậy.

- Nhưng cậu không nên khuyên mình phải tin, càng không nên khuyên mẹ.

- Nhưng đó là lão...

Ca-chi-a nhích người ra xa một tí, định co tay lại.

- Thôi đừng nói đến chuyện đó nữa.

- Thôi được, không nói nữa. Thế nào cũng có một ngày mình sẽ chứng minh được đó là lão, dù cho vì việc này mình có phải phí cả đời người.

- Không phải lão đâu. Nếu cậu không muốn mình đi khỏi nơi đây, thì chúng ta sẽ không nói đến vấn đề này nữa.

- Thôi được, sẽ không nói nữa...

Và chúng tôi không nói đến chuyện này nữa thật. Cô ta hỏi tôi về những ngày nghỉ xuân, hỏi tôi đã sống ở En-xcơ như thế nào, sức khỏe của Xa-nhi-a và các cụ nhà ra sao. Tôi chuyển tới cô lời thăm hỏi của Xa-nhi-a và các cụ nhà. Nhưng tôi không hề nói tí gì về việc tôi rất buồn vì vắng cô trong những ngày ở En-xcơ, đặc biệt là những lúc tôi đi lủi thủi một mình ở những nơi hai chúng tôi đã cùng đi qua. Tôi không kể cho cô nghe Pê-chi-a ăn rất nhiều và rất là phấn khởi, cũng không nói cho cô biết quan hệ của họ cũng chẳng có gì là phi thường. Tôi không biết giờ đây cô có yêu tôi nữa hay là không mà về điểm này thì không thể hỏi được, mặc dù lúc nào tôi cũng rất muốn hỏi. Hiện nay khi chúng tôi mặt tái đi, ngồi nghiêm túc nói chuyện với nhau, khi Ca-chi-a giống mẹ như đúc thế này thì ngay đến cái chữ ấy cũng không được nói ra. Tôi chỉ hồi tưởng lại lần trước khi chúng tôi từ En-xcơ trở về và lấy ngón tay viết lên kính cửa sổ đóng băng như thế nào, bên ngoài cửa sổ toa xe bỗng hiện ra cánh đồng tối om, phủ đầy tuyết như thế nào. Từ đó đến nay tất cả đều đã thay đổi. Giờ đây chúng tôi không thể đối xử với nhau như trước kia được nữa. Nhưng tôi rất muốn biết hiện nay cô ta có yêu tôi không hay là sẽ không bao giờ yêu tôi nữa.

- Ca-chi-a, - tôi đột nhiên nói. - Cậu còn yêu mình không?

Cô rùng mình và nhìn tôi sửng sốt. Sau đó cô đỏ mặt lên và ôm lấy tôi. Cô ôm lấy tôi và chúng tôi nhắm mắt lại hôn nhau, hay ít nhất cũng là tôi nhắm mắt, nhưng có lẽ cô cũng thế, bởi vì sau đó chúng tôi cùng đồng thời mở mắt ra. Chúng tôi hôn nhau

trong vườn hoa ở phố Tri-um-phan-nai-a ở giữa thành phố Mát-xcơ-va. Cả ba trường - trường tôi, trường số 143 và trường số 28 - đều có thể nhìn thấy chúng tôi ở trong vườn hoa này. Nhưng đó là một cái hôn cay đắng. Đó là một cái hôn vĩnh biệt. Mặc dù lúc chia tay chúng tôi có hẹn nhau một cuộc gặp gỡ mới, nhưng tôi cảm thấy cái hôn này là cái hôn vĩnh biệt.

Đấy tại sao khi Ca-chi-a ra về rồi, tôi ở lại trong vườn và đi đi lại lại mãi trên con đường nhỏ, lòng buồn rười rượi. Tôi ngồi xuống ghế dài này, đứng dậy đi rồi lại quay lại. Tôi bỏ mũ ra, đầu tôi nóng như lửa cháy, tim tôi đau thắt lại. Tôi không nỡ ra đi...

Khi tôi về đến nhà, trên mặt bàn bên cạnh giường tôi có một phong bì to tướng, trên phong bì có con dấu của Hội viện trợ xây dựng Ngành hóa học Hàng không quốc phòng Liên-xô. Trên phong bì cũng có hàng chữ họ, tên và tên đệm của tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi được người ta gọi cả tên cùng tên đệm. Tay run run tôi xé phong bì. Hội viện trợ xây dựng Ngành hóa học Hàng không quốc phòng báo cho tôi biết rằng hồ sơ của tôi hợp lệ và đã được chấp nhận. Đến ngày mồng hai tháng Năm tôi phải có mặt ở ban y tế để dự kiểm tra vào Trường Hàng không.

Phần thứ tư

MIỀN BẮC

Chương 1

Trường Hàng không

Mùa hè năm 1928. Tay cầm cái bọc nhỏ, tôi xuất hiện trên đường phố Lê-nin-grát. Trong bọc có những "khoản trợ cấp ra trường". Học sinh ở trại trẻ sau khi tốt nghiệp đều được lĩnh "khoản trợ cấp ra trường" gồm có: một cái thìa, một cái ca, hai bộ quần áo lót và "những đồ dùng cần thiết cho nơi ngủ đầu tiên". Tôi và Pê-chi-a sống ở nhà Xê-ma Ghin-buốc, một học sinh cũ của trường tôi, hiện đang làm thợ nguội ở nhà máy điện. Bà mẹ Xê-ma rất sợ tay quản lý nhà cửa, do đó mỗi buổi sáng tôi lại xách "tất cả đồ dùng cần thiết cho nơi ngủ đầu tiên" đi, đến tối lại đem về, làm ra vẻ như vừa mới đến. Chúng tôi ăn cơm ở nhà tập thể. Cứ vào ngày chẵn, chúng tôi mua món ăn thứ nhất hết mười lăm cô-pếch, vào ngày lẻ, mua món ăn thứ hai hết hai mươi cô-pếch. Chúng tôi thường đi dạo dọc theo bờ sông Nê-va mênh mông trong cái thành phố rộng lớn bao la. Pê-chi-a cảm thấy ở Lê-nin-grát như ở nhà, nó kể cho tôi nghe truyện "Người kỵ sĩ bằng đồng". Nhưng tâm tư tôi lại nghĩ đến vấn đề: "không biết có thi được vào hay không?"

Phải qua ba ban kiểm tra: ban kiểm tra về thể lực, ban kiểm tra về tư cách, ban kiểm tra về học lực. Tim, phổi, tai, rồi lại tim! Tên tôi là gì? Đẻ ở đâu? Học ở đâu? Tại sao lại muốn trở thành phi công?

Có thật tôi đã mười chín tuổi không? Tôi có khai man, tăng tuổi không, nhìn bề ngoài hình như còn hơi trẻ! Tại sao người ký tên trong giấy giới thiệu của Ủy ban quận cũng là Gri-gô-ri-ép, người đó là ai, là anh hay là người trùng họ?

Cuối cùng, ngày quyết định cũng đã đến! Tôi đứng trước Viện bảo tàng Hàng không: chúng tôi sẽ vào thi ở đây. Đó là một tòa nhà lớn trên đại lộ Rô-sa-li, trước mặt có những con sư tử bằng đá. Pê-chi-a nói rằng trong cuốn "Người kỵ sĩ bằng đồng" có viết về những con sư tử này và hình như Ép-ghê-ni đã cưỡi con sư tử này mà thoát nạn thủy tai, nhưng cho đến giờ tôi cũng chẳng biết chuyện này có thực hay không. Giờ đây tôi cũng chẳng nghĩ đến Pu-skin nữa. Những con sư tử nhìn tôi với điệu bộ như giờ đây chúng cũng đang hỏi: tên tôi là gì, tôi sinh ra ở đâu và tôi có đúng mười chín tuổi không?

Nhưng giờ phút đáng sợ thật sự là lúc tôi bước lên tầng hai, đi tìm trong cái bảng có khung kính lờ mờ danh sách những người được tuyển vào trường hàng không.

Tôi đọc: "Vla-xốp. Vô-rô-nốp. Gô-lôm-bơ, Gríp-cốp, Đê-ni-xi-ắc..." Mắt tôi tối sầm lại: không có tên tôi. Tôi đọc lại một lượt nữa: "Vla-xốp, Vô-rô-nốp, Gô-lôm-bơ, Gríp-cốp, Đê-ni-xi-ắc". Không có tôi! Tôi lấy sức thở một hơi thật dài để có thể bình tĩnh mà đọc cho hết bản danh sách: "Vla-xốp, Vô-rô-nốp, Gô-lôm-bơ, Gríp-cốp, Đê-ni-xi-ắc". Tôi nhìn bản danh sách, trong đó hình như có tất cả mọi tên trên thế giới, chỉ trừ có tên tôi. Bất giác tôi cảm thấy đau khổ như khi người ta không muốn sống nữa.

Tôi trở về nhà dưới trời mưa như trút nước. "Vla-xốp, Vô-rô-nốp, Gô-lôm-bơ..." sướng thật!

Khi tôi nhẩm những tên này thì trước mắt tôi hiện lên một ông Va-xcô Nu-nhi-ốt Ban-boa nào đó, người to lớn, vai rộng, mặt thô. Tất nhiên thôi! Tôi vào làm sao được! Cái chiều cao chết tiệt ấy!

Pê-chi-a ra mở cửa cho tôi. Thấy tôi người ướt đẫm, mặt trắng bệch, nó giật mình:

- Cậu làm sao thế?

Pê-chi-a, mình không có tên trong danh sách.

- Nói láo!

Mẹ Xê-ma chạy như bay xuống bếp và hỏi tôi có gặp ông quản lý không. Tôi im lặng. Tôi ngồi trên chiếc ghế ở trong bếp, còn Pê-chi-a thì cúi đầu, buồn rầu đứng trước mặt tôi.

Sáng sớm hôm sau, hai chúng tôi lại đến Viện bảo tàng Hàng không và đã tìm thấy tên tôi trong danh sách. Thì ra nó ở cột khác, ở cột này cũng còn có mấy tên vần "G" nữa, và ngay họ Gri-gô-ri-ép cũng có hai người, một người là I-van, một người là A-lếch-xan-đrơ. Pê-chi-a cho rằng hôm qua tôi không tìm ra vì hồi hộp quá.

Thời gian trôi như nước chảy và thế là tôi lại xuất hiện trong phòng đọc cũng của cái Viện bảo tàng Hàng không ấy mà tôi đã vào thi. Mười ba người đã qua các ban kiểm tra tư cách và thể lực được chọn ra đứng xếp thành hàng. Vị hiệu trưởng, người cao lớn, tóc nâu, tính tình vui vẻ đi đến và nói:

- Chú ý, các đồng chí học viên phi công!

Các đồng chí học viên phi công. Tôi là học viên phi công! Lưng tôi buồn buồn như có kiến bò, cứ như người bỏ tôi vào nước nóng

rồi sau đó lại nhúng tôi vào nước lạnh. Tôi là học viên phi công! Tôi sẽ bay! Tôi không nghe rõ hiệu trưởng nói những gì nữa...

Thì giờ trôi như bay. Chúng tôi từ nhà máy đến thẳng giảng đường. Xê-ma Ghin-buốc bố trí cho tôi làm phụ thợ nguội ở nhà máy điện.

Hàng ngày chúng tôi nghe giảng về cấu tạo về nguyên lý hàng không, về động cơ. Sau tám giờ làm việc ở nhà máy rất buồn ngủ, chúng tôi phải nghe về cấu tạo, về nguyên lý hàng không rồi sau đó về động cơ, chỉ có chốc chốc Mi-sa Gô-lôm-bơ, người cũng bé nhỏ như tôi, ngồi dựa vào lưng tôi ngủ ngáy khò khò. Càng về sau nó ngáy càng to, thế là tôi phải khẽ ấp đầu nó xuống mặt bàn...

Tuy nói là chúng tôi học ở Trường Hàng không, nhưng Trường Hàng không hồi đó so làm sao được với Trường Hàng không bây giờ! Chúng tôi vừa không có máy nổ, cũng chẳng có máy bay, không có thiết bị, cũng chẳng có tiền. Kể ra ở trong Viện bảo tàng Hàng không cũng có để vài cái máy bay cổ lỗ sĩ, mất mát đủ thứ. Nếu bạn thích thì cứ tưởng tượng mình như một phi công lái chiếc máy bay trinh sát "Ha-vê-lan", hay phi công của máy bay tiêm kích "Niu-pua" đã bay lần cuối cùng trên các mặt trận trong nội chiến cũng được. Nhưng không thể nào học bay trên các "quan tài" rực chiến công này.

Chúng tôi đi nhặt nhạnh những máy phát động. Căn cứ vào một tờ ủy nhiệm đường hoàng của Hội viện trợ xây dựng Ngành Hóa học Hàng không quốc phòng, chúng tôi có toàn quyền lấy đi bất cứ bộ phận nào của máy bay ở trên tường bất kỳ nhà ai. Chúng tôi đi đến tất cả các "góc đỏ" ở trong thành phố Lê-nin-grát. Cũng có khi những bộ phận máy bay đó lại không treo ở

trên tường của góc đỏ mà lại ở một chỗ nào khác trên mặt bàn của viên kế toán, một người yêu Ngành Hàng không ở trong Ủy ban quản lý nhà đất. Chúng tôi đi thu nhặt những thứ đó rồi chuyển về sân bay. Đôi khi việc này rất thuận lợi, đôi khi cũng gây tai tiếng. Tôi và đồng chí kỹ thuật phải đến câu lạc bộ công nhân ngành may ba lần, phải giải thích rất lâu cho ông chủ nhiệm câu lạc bộ biết là cái máy phát động cũ để ở ngoài hành lang của họ chẳng có ý nghĩa tuyên truyền gì.

Khi những bộ phận cũ, nát, han gỉ ấy về đến tay chúng tôi, chúng tôi phải bỏ ra rất nhiều công sức. Chúng tôi lau đi chùi lại, đánh đi đánh lại. Nửa năm đầu, công tác của chúng tôi hình như chỉ có đánh, chùi và đi thu nhặt máy phát động. Bọn chúng tôi hầu hết làm công nhân nguội và lái xe, cho nên công việc này đối với tôi có khó khăn hơn những người khác. Nhưng tôi cố ý chọn lấy việc khó khăn nhất. Suốt đời tôi sẽ không bao giờ quên cái cánh trái của chiếc máy bay "Y - 1" chúng tôi dùng để học bay. Đó là chỗ bẩn nhất trong máy bay. Dầu từ động cơ chảy ra cánh trái và tôi đã đánh cuộc với một người là tôi sẽ lau chỗ ấy hàng ngày cho đến khi nào tốt nghiệp mới thôi. Tôi nằm ngửa, thoạt đầu lấy mảnh gỗ quét sạch chỗ dầu bẩn, sau đó lấy bàn chải chải, sau nữa lấy giẻ lau, nước bẩn chảy xuống đầy người, mùi dầu hôi thật là khó chịu...

Rõ ràng là trông chúng tôi chẳng ra vẻ những người phi công tương lai chút nào cả, nhất là ban đêm khi chúng tôi từ sân bay về nhà, mọi người trên xe điện nhớn nhác tìm xem mùi đó ở đâu và nhìn chúng tôi với vẻ căm phẫn. Nhưng chúng tôi không vì thế mà bực mình. Mi-sa nói:

- Không biết mùi gì ở đâu khó chịu quá? Phù!

Và nó cố ý bịt mũi.

Ngày làm việc của chúng tôi bắt đầu từ lúc chúng tôi thay phiên nhau cắt nghĩa cho Va-ni-a Gríp-cốp nghe thế nào là chân trời. Ở chỗ chúng tôi có Va-ni-a Grip-cốp mà cả trường ai cũng phải giải thích cho nó thế nào là đường chân trời. Sau đó các huấn luyện viên đến và chúng tôi bắt đầu bay.

Người hướng dẫn tôi là hiệu trưởng của trường kiêm chủ nhiệm cơ vụ và chủ nhiệm sự vụ, cựu phi công trong thời kỳ nội chiến. Ông là một người rất to lớn, tính tình vui vẻ, biết nhiều chuyện kỳ lạ có thể kể hàng giờ không hết, hay nổi khùng nhưng lại rất vô tâm, rất dũng cảm nhưng lại mê tín. Ông hiểu nhiệm vụ hướng dẫn của mình rất giản đơn: tức là mắng tôi và càng lên cao ông càng mắng tợn. Cuối cùng ông không mắng nữa, đó là lần đầu tiên trong nửa năm qua! Đó là điều tuyệt diệu! Tôi bay được khoảng mười phút với tâm trạng tuyệt vời. Hôm nay ông không mắng tôi, vì sao, có lẽ vì tôi lái tuyệt quá! Mặc dầu tiếng động cơ máy bay ầm ầm, nhưng tôi lại cảm thấy hình như tôi đang bay trong yên tĩnh, đó là trạng thái không bình thường!

Nhưng bỗng tôi hiểu tại sao: thì ra dây điện thoại đứt, ống nghe treo lủng lẳng bên ngoài khoang máy bay. Tôi bắt lấy ống nghe và lập tức nghe thấy câu mắng cuối cùng:

- Đồ ăn hại! Tốt nhất anh đừng bay nữa mà nên đi làm trên xe vệ sinh thì hơn!

Khi mắng người thậm tệ nhất, ông thầy của tôi vẫn xưng hô rất lịch sự, một điều "anh" hai điều "anh".

Khi tôi hồi tưởng lại năm đầu tiên sống ở Lê-nin-grát, thì một hình tượng khác lại xuất hiện trước mắt tôi, đó là đồng chí TR, ngày nào cũng đến sân bay Co-rơ-pút-xnươi. Ở đây ông có một việc hơi giản đơn tức là lái chiếc máy bay cũ kỹ, đã bị rơi nhiều lần, đưa hành khách đi chơi. Chúng tôi đều hiểu ông là

một người như thế nào. Chúng tôi biết và yêu mến ông trước khi cả nước biết và yêu mến ông nhiều. Chúng tôi đều biết, khi tập hợp ở Viện bảo tàng Hàng không, các phi công thường bàn tán về ai. Viện bảo tàng Hàng không hồi đó cũng na ná như câu lạc bộ của chúng ta ngày nay. Chúng tôi biết thầy hiệu trưởng đã bắt chước ai, khi ông nói hơi lắp, giọng trầm bình tĩnh:

- Thế nào, công việc ra sao? Bay được những đường lượn gấp chứ? Nhưng tuyệt đối không được nói dối! Hử!

Khi ông ta bay những hình kỳ diệu xong trở về sân bay, chúng tôi chạy ùa cả về phía ông. Chúng tôi, những học viên phi hành non trẻ như những cây cỏ vừa nhú khỏi mặt đất, thích những động tác bay điêu luyện đều phục ông sát đất. Còn ông không đeo kính chắn gió, ngồi trong buồng lái nhìn chúng tôi - ông quả là một phi công tuyệt vời, một con đại bàng.

Bất kỳ đi đâu tôi cũng mang theo cái ống nghe của bác sĩ I-van I-va-nứt đã kỷ niệm cho tôi và tấm ảnh của vị phi công này. Ông tặng tôi tấm ảnh này không phải trong thời gian tôi học bay ở Lê-nin-grát mà là sau đó nhiều năm ở Mát-cơ-va. Ông đã tự tay viết vào tấm ảnh những chữ "Nếu có thể-hãy làm người giỏi nhất". Đó là lời thề của ông...

Thế là một năm đã trôi qua - một năm gian khổ nhưng tuyệt vời ở Lê-nin-grát. Năm đó thật là gian khổ, bởi vì công việc của chúng tôi vượt quá sức lực của chúng tôi. Mỗi tháng chúng tôi được lĩnh bốn mươi sáu rúp tiền học bổng. Đến bữa thì gặp đâu ăn đấy có khi chẳng được ăn tí gì. Đáng lẽ học bay thì ba phần tư thời gian chúng tôi phải làm việc lau chùi và nhặt nhạnh những động cơ cũ. Nhưng đó cũng là một năm rất đẹp, bởi vì đó là năm chúng tôi có nhiều ước mơ, hình như đó là những đường nét vẽ

lên cuộc đời tương lai của tôi. Đó là một năm tôi cảm thấy mình đã đem hết sức ra để làm những điều mà tôi mong muốn.

Mặc dù tôi chẳng còn lấy một phút rỗi rãi, nhưng tôi vẫn giữ một quyển đại loại như nhật ký - ghi lại những ý nghĩ và những ấn tượng. Rất đáng tiếc là tôi không giữ được tập ghi ấy. Nhưng tôi còn nhớ trên trang đầu tiên của quyển sổ, tôi đã chép lại đoạn trích của Cơ-la-u-dơ-vít như sau: "Nhảy một bước ngắn dễ hơn nhảy bước dài nhiều. Song muốn nhảy qua một con hào rộng, chúng ta không thể bắt đầu nhảy nửa bước xuống lòng hào"[1]

Đó là tư tưởng chủ đạo của tôi trong thời gian ở Lê-nin-grát - vĩnh viễn tiến lên, không nhảy nửa bước.

Thời gian trôi như nước chảy, chỉ mãi đến ngày cuối tháng Tám năm 1930 nó mới ngừng lại. Ngày hôm đó tôi ngồi bên một cái bàn rất lớn, rất đồ sộ. Đó là một cái bàn lớn ghép từ hàng chục cái bàn đủ các hình dáng cao thấp lại. Những cái cửa sổ rất to. Mái nhà bằng thủy tinh. Đó là phòng chụp ảnh của nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh Be-ren-stanh. Xa-nhi-a, cô em gái của tôi đã thuê của ông ta một buồng.

---

(1) Cơ-la-u-dơ-vít (1780 - 1831) một vị tướng người Phổ nhà lý luận quân sự của giai cấp tư sản. - N.D.

Chương 2

Đám cưới Xa-nhi-a

Ngày nghỉ nào tôi cũng đến nhà Xa-nhi-a chơi và tôi phải nói rằng - mặc dù nói về em mình thế này có lẽ thật là kỳ quặc - càng ngày tôi càng mến em tôi. Cô ấy rất vui vẻ, dịu dàng, đồng thời lại rất khéo tay.

Sau khi vào học ở Học viện Mỹ thuật, cô ấy tìm được một việc làm ở Nhà xuất bản Thiếu nhi. Căn buồng của cô ấy thuê rất đẹp và gia đình nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh cũng chiều chuộng cô hết mực, tất nhiên vì cô cũng có làm cho gia đình nhà này một số việc. Cô thường quan tâm đến mọi công việc của tôi và của Pê-chi-a và thay mặt chúng tôi viết thư về cho các cụ nhà rất đều đặn. Lúc đó công việc của cô ấy ở trường rất nhiều. Mặc dù nét vẽ của cô ấy không được khỏe khoắn và bạo tay như của Pê-chi-a, nhưng những bức họa của cô cũng rất đẹp. Cô thích vẽ tranh nhỏ - ngày nay các nhà họa sĩ của chúng ta hầu như không vẽ kiểu này nữa. Những bức họa của cô rất hiếm. Vẫn như thời kỳ còn nhỏ, cô rất thích nói chuyện, khi có vấn đề gì có liên quan đến cô hoặc cô thích thú thì cô nói liến thoắng như súng liên thanh làm

cho tôi nghe xong rồi mà chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao cả. Tóm lại cô là một cô em tuyệt vời. Và giờ đây nó sắp lấy chồng.

Tất nhiên là chẳng khó đoán ra cô ta lấy ai, tuy rằng tối hôm đó trong số các bạn trẻ có mặt ở phòng chụp ảnh của nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh, Pê-chi-a ít giống chú rể nhất. Cậu ta lặng lẽ ngồi bên cạnh một chàng trai mũi nhọn, còn chàng trai này thì luôn luôn công kích cậu ta, cứ như muốn dùng cái mũi nhọn của hắn mà đâm cậu ta vậy. Tôi hỏi thầm Xa-nhi-a, cậu mũi nhọn đó là ai, cô trả lời vẻ kính trọng:

- I-di-a.

Nhưng không hiểu sao tôi không thích cái anh chàng I-di-a ấy.

Tóm lại đây là một đám cưới kỳ quặc. Chỉ vì một con bò cái mà các vị khách tranh cãi nhau suốt cả buổi tối - có thật họa sĩ Phi-líp-pốp đã vẽ con bò cái mất hai năm rưỡi trời hay không. Hình như ông ta chia con bò cái ra làm nhiều mảnh nhỏ, sau đó vẽ riêng từng mảnh một. Tôi định nói rằng đó là một người bệnh hoạn, nhưng lúc đó I-di-a đã kịp thời xây dựng cả một lý thuyết về con bò cái đó, thậm chí còn ghép cho cái mớ lý thuyết đó chữ "chủ nghĩa". Thế là chẳng có ai chú ý đến cô dâu chú rể cả.

Tôi đến dự lễ cưới của Xa-nhi-a với cả tấm lòng trân trọng. Cô em ruột đi lấy chồng - dù sao đây cũng không phải là chuyện thường có! Sáng sớm chúng tôi nhận được bức điện dài của ông chánh án và dì Đa-sa gửi cho hai người, một gửi cô dâu chú rể, một gửi cho tôi. Tôi mất cả một tháng trời để lắp cho hai vợ chồng trẻ cái máy thu thanh nhỏ. Nhưng các nhà họa sĩ lại chẳng để ý gì đến nó. Suốt cả buổi tối họ chỉ cãi nhau hoài về con bò cái.

Nhưng xem ra cô dâu chú rể cũng rất vui, đặc biệt là Pê-chi-

a, cậu ta cứ luôn mồm nói "Thật buồn cười!" và nhìn ngang nhìn ngửa rất hài lòng. Còn Xa-nhi-a thì rất bận, vì không đủ đĩa, chén nên khách phải ăn làm hai đợt.

Cô chỉ ngồi xuống được có một lát, mặt đỏ bừng, vẻ mệt mỏi, cô mặc chiếc áo váy có đăng ten, không hiểu sao chiếc áo đó lại gợi cho tôi nhớ đến En-xcơ và dì Đa-sa. Tôi tranh thủ lúc đó đứng lên.

- Các bạn, chú ý, xin nâng cốc! - I-di-a nói và nhìn tôi với vẻ tò mò.

Mọi người im lặng.

- Các bạn, trước hết, tôi đề nghị cạn chén chúc mừng cô dâu - tôi nói. - Tuy cô là em gái tôi, nhưng vì các vị khách chẳng ai nghĩ đến chuyện dù sao cũng nên nâng cốc chúc mừng cô dâu, cho nên tôi đành phải chúc vậy.

Mọi người hét ầm lên "U-ra!" và đứng lên chạm cốc với Xa-nhi-a.

- Thứ hai, tôi đề nghị cạn chén chúc mừng chú rể, - tôi nói tiếp, - mặc dù đáng lý ra cậu ta phải chúc tôi trước. Tại sao vậy? Tại vì chính tôi đã chứng minh cho cậu ta là cậu nên làm họa sĩ chứ không nên làm phi công. Có lẽ tôi đã để lộ bí mật của cậu ta, nhưng đó lại là sự thật, cậu ta đã muốn trở thành phi công. Có lần chúng tôi đã tranh luận với nhau về vấn đề này mất cả một ngày. Cậu ta đã khẳng định với tôi rằng cậu ta không thích vẽ. Cậu ta sợ rằng làm nhà họa sĩ cậu ta không phát huy được toàn bộ sức mạnh của tâm hồn mình.

Mọi người cười vang, tôi gõ cái thìa vào cốc.

- Tại sao lúc đó tôi lại quyết định cậu ta nên làm họa sĩ? Rất đơn giản: vì cậu ta đã cho tôi xem những bức họa của mình. Tôi

có thể chứng thực rằng lúc đó chỉ có một đề tài làm cho cậu ta thích thú, - tôi chỉ vào Xa-nhi-a.

- Xin lấy danh dự mà nói, anh ấy nói dối. - Pê-chi-a lắp bắp.

- Đề tài này đã được cậu ấy biểu hiện bằng mọi hình thức: ngồi trên thuyền, bên bếp lò, ngồi trên ghế dài cạnh cổng lớn, ngồi trên ghế dài trong vườn hoa, mặc áo bành-tô, không mặc áo bành-tô, mặc áo cánh kiểu U-cren và mặc áo choàng màu xanh. Lúc đó người ta dễ dàng dự đoán được rằng: thứ nhất, một lúc nào đó Pê-chi-a sẽ trở thành nhà họa sĩ; thứ hai, một lúc nào đó chúng ta sẽ được tụ tập bên những chiếc bàn này và sẽ được cạn chén chúc mừng cô dâu, chú rể của chúng ta, do đó bây giờ tôi đề nghị chúng ta cạn chén.

Tôi chạm cốc với Xa-nhi-a và Pê-chi-a và uống hết cốc rượu của mình.

Sau đó mọi người nâng cốc chúc tôi, rồi nâng cốc chúc I-di-a, và như vậy quả là thất sách, bởi vì để đáp lại, I-di-a đã tương ra một tràng dài những lời hóm hỉnh mà chỉ có mình hắn ta cười để chống lại họa sĩ Phi-líp-pốp. Pê-chi-a nghe hắn nói có vẻ hài lòng và luôn mồm nói "Thật buồn cười!", nhưng sau đó mặt cậu ta bỗng tím lại và nói rằng I-di-a đúng là "anh hùng tầm thường điển hình của hiệp hội các nhà nghệ thuật cách mạng Nga". Cậu ta suy nghĩ một lát rồi nói thêm: "Ngoài ra còn là một anh chàng tầm thường bất tài" nữa.

Nhưng I-di-a không tán thành nói hắn là một anh chàng tầm thường bất tài và tôi không biết làm thế nào để kết thúc được cuộc tranh cãi đó, nếu lúc đó không có giáo sư của Xa-nhi-a tới. Ông là người rất được tôn kính, có bộ râu đen rất đẹp. Mọi người chạy bổ ra đón ông, thế là cuộc tranh cãi kết thúc.

Thật tình mà nói, lần đầu tiên trong đời tôi trông thấy một vị

giáo sư chân chính. Tôi rất thích ông. Ông uống liền hai cốc và nói với tôi là ngay từ hồi chiến tranh 1914, lúc nào ông cũng muốn trở thành phi công. Ông ôm hôn Xa-nhi-a hơi lâu. Đối với một giáo sư có bộ râu đẹp đáng kính như thế mà hôn như vậy kể cũng hơi lâu. Sau đó ông nằm xuống chiếc đi-văng và ngủ luôn.

Tóm lại, đám cưới của Xa-nhi-a rất vui vẻ, nhưng trong thâm tâm tôi cảm thấy một nỗi buồn mà tôi không muốn thừa nhận. Tôi vẫn cảm thấy các nhà họa sĩ có cái gì hơi kỳ. Nhưng cái đó cũng rất dễ hiểu, bởi vì tôi có một lối sống khác với những sở thích khác. Và họ cũng như tôi, cũng nghĩ về tôi như thế. Tôi cảm thấy điều này trong khi tôi phát biểu ý kiến.

Nhưng còn có một nguyên nhân khác nữa làm cho tôi cảm thấy buồn. Xa-nhi-a đã đoán ra nguyên nhân này. Lúc đó giáo sư đã tỉnh dậy và đang nói rất to rằng ông ta cấm không cho Xa-nhi-a lấy chồng trước khi bảo vệ luận án tốt nghiệp. Mọi người đang vây quanh ông cười vang lên. Xa-nhi-a khẽ vẫy tay gọi tôi và chúng tôi đi xuống bếp.

- Có người hỏi thăm anh... Anh có biết ai không?

Tôi hiểu ngay là ai, nhưng tôi bình tĩnh nói:

- Không biết.

- Ca-chi-a đấy.

- Thật không? Cám ơn.

Xa-nhi-a phật ý nhìn tôi. Cô ấy phật ý đến nỗi tái mặt đi và giận tôi, - tất nhiên cô ấy biết thừa là tôi giả vờ.

- Anh lúc nào cũng nói dối, - cô nói nhanh. - Cứ định làm Sai-đơ Han-rôn[1] cơ! Không được nói dối em đâu, đặc biệt là ngày

(1) Nhân vật trong bản trường ca cùng tên của Bai-rơn - N.D.

hôm nay, ngày cưới của em. Em sẽ viết thư cho chị ấy, viết rằng anh đòi em bức thư suốt ngày, nhưng em không đưa.

- Tôi chẳng đòi cô cái gì cả.

- Trong lòng anh đang đòi, - Xa-nhi-a khẳng định, - nhưng bên ngoài thì giả vờ, ra vẻ không cần gì. Tóm lại, em có thể đưa cho anh bức thư này, có điều là trang cuối cùng anh không được xem, đồng ý không?

Cô ta dúi vào tay tôi bức thư rồi chạy. Tất nhiên là tôi đã đọc hết bức thư, và trang cuối cùng thì đọc những ba lần, bởi vì trong đó viết về tôi. Ca-chi-a không hề nhờ chuyển lời hỏi thăm tôi mà chỉ hỏi sơ sơ về tình hình của tôi và khi nào thì tôi tốt nghiệp. Bề ngoài thì đây là một bức thư bình thường, nhưng thực tế đây là một bức thư rầu rĩ... Ví dụ, trong đó có đoạn viết:

"Giờ đây mới là bốn giờ, chỗ chúng mình đây trời đã tối, mình bỗng ngủ thiếp đi, khi tỉnh dậy thì không sao hiểu được là mình đã gặp những việc tốt lành như thế. Thì ra mình đã nằm mơ về En-xcơ, hình như các bà dì đang giúp mình mặc quần áo, chuẩn bị lên đường..."

Tôi đọc đi đọc lại đoạn này mấy lần. Trước mắt tôi lại hiện lên cái cảnh lúc chúng tôi rời khỏi En-xcơ mà suốt đời không bao giờ quên được. Tôi nhớ lại các bà dì đã chạy theo đoàn tàu đang chuyển bánh dặn dò rất to như thế nào, sau đó tôi đã chuyển sang toa Ca-chi-a ra sao và nhớ lại cái cảnh các cụ đã xếp các thứ vào những cái làn của chúng tôi. Chàng thanh niên người nhỏ nhắn ngồi cạnh cứ thắc mắc về mối quan hệ giữa chúng tôi, rồi cảnh Ca-chi-a đứng bên cạnh tôi ở ngoài lối đi trên toa tàu Cô đứng sát bên tôi, tôi nhìn cô và nói chuyện với cô. Giờ đây khi cô đang ở xa tít mù tắp thì những cảnh này sao mà khó hình dung thế.

Xa-nhi-a đã quay lại mà tôi không biết.

- Đọc hết chưa?

- Xa-nhi-a, em hãy viết cho cô ấy biết rằng công việc của anh rất tốt, rằng anh sẽ tốt nghiệp vào tháng Mười và sau đó... Anh cũng chưa biết sẽ đi đâu. Anh sẽ yêu cầu được đi Bắc cực.

- Bây giờ anh hãy ngồi xuống đây và hãy tự viết cho chị ấy tất cả những cái đó.

- Không, anh sẽ không viết.

- Nếu anh không viết xong thì em không cho anh đi đâu hết.

- Xa-nhi-a!

- Em sẽ gọi Pê-chi-a xuống ngay bây giờ, - Xa-nhi-a nói giọng nghiêm khắc, - và sẽ gọi tất cả mọi người xuống, chúng em sẽ quì xuống để khuyên anh viết bức thư này, bởi vì chúng em cho rằng anh hành động cứng nhắc lắm.

- Xa-nhi-a, cô cút đi! Cô say rồi. Này, tôi đi đây!

- Đi đâu! Anh điên à?

- Không, tôi đi đây. Khuya rồi, sáng mai tôi phải dậy sớm. Và nói chung...

Tôi không nói, "nói chung" cái gì, nhưng cô ta hiểu, lúc chia tay cô ta rất thông cảm hôn lên má tôi.

Chương 3

Tôi viết thư cho bác sĩ I-van I-va-nứt

Tôi giận Ca-chi-a bởi vì trước khi rời khỏi Mát-xcơ-va, tôi muốn từ biệt cô và đã viết thư cho cô, nhưng cô không trả lời và cũng không đến, mặc dù cô biết rằng chuyến này tôi sẽ đi rất lâu và cũng rất có thể sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Cố nhiên là tôi cũng không viết thư cho cô thêm nữa. Cũng rất có thể là Ni-cô-lai An-tô-nứt đã làm cho tôi tin rằng tôi "đã phỉ báng ông ta bằng những lời vu khống đáng sợ nhất mà loài người không có thể tưởng tượng được", rằng tôi là "một tên nhãi ranh dòng máu bẩn thỉu", rằng vì dòng máu bẩn thỉu ấy mà mẹ cô đã chết.

Thôi được, mọi việc còn đang ở phía trước! Khi tôi hồi tưởng lại đến cảnh này thì mắt hoa lên, đầu choáng váng.

Nhưng, giờ đây tôi có thể làm gì được ở trong cái thành phố Lê-nin-grat này khi tôi phải làm việc từ tám giờ sáng đến năm giờ chiều ở trong nhà máy và từ năm giờ chiều đến một giờ đêm ở Trường Hàng không?

Mùa đông năm ấy, trước khi bay ở ngoài sân bay, chúng tôi lên lớp học tập ở trong phòng học của Viện bảo tàng Hàng không.

Có một lần tôi hỏi đồng chí giám đốc Viện bảo tàng, có biết tài liệu gì về thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp hay không. Ở trong thư viện có quyển sách nào nói về việc này không hay có quyển sách "Nguyên nhân thất bại của đội thám hiểm Gri-li" do ông viết không?

Tôi không hiểu tại sao, nhưng đồng chí giám đốc thư viện đã rất thích thú với vấn đề này. Nhân tiện cũng xin nói, ông là một trong những người sáng lập ra Trường Hàng không chúng tôi vì thế mà các học viên phi hành thường đến gặp ông để trình bày tất cả những chuyện riêng tư.

- Thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp? - Ông ngạc nhiên hỏi lại. - Ồ, chuyện đó thú vị đấy! Tại sao anh lại quan tâm đến vấn đề ấy?

Muốn trả lời vấn đề này, tôi phải kể lại tất cả những gì các bạn đã đọc ở những phần trên. Do đó tôi chỉ trả lời vắn tắt.

- Nói chung tôi thích đọc những sách về thám hiểm.

- Nhưng về cuộc thám hiểm lần này hầu như chẳng có gì rõ ràng cả. - Ông giám đốc Viện bảo tàng nói. - Nào lại đây chúng ta cùng vào thư viện xem.

Tất nhiên, nếu không có ông tôi không thể tìm được gì hết, bởi vì đó chỉ là những bài viết lẻ tẻ trên các báo chương, tạp chí còn sách thì chỉ có một quyển - một tập sách nhỏ vẻn vẹn có hai mươi nhăm trang, tên sách là "Người đàn bà trên biển". Thì ra không phải Ta-ta-ri-nốp chỉ viết một cuốn sách về đội thám hiểm Gri-li mà thôi.

Quyển sách này như thế nào? Tôi đọc đi đọc lại hai lần và khẳng định đây là một quyển sách rất hay, đặc biệt là nếu ta nhớ lại đây là một quyển sách do một sĩ quan hải quân viết. Và khi nào? Đó là năm 1910, dưới thời Sa-hoàng.

Quyển sách này chứng minh rằng phụ nữ có thể làm thủy thủ được. Ông đã dẫn chứng một số sự việc trong đời sống ngư dân vùng biển A-đốp. Trong những tình thế hiểm nghèo, phụ nữ đã tỏ ra không những không kém gì nam giới mà còn dũng cảm hơn nữa là khác. Thuyền trưởng tin tưởng sâu sắc rằng trái hẳn những mê tín đã lưu truyền nếu "không cho phụ nữ làm nghề hàng hải" thì sẽ đem lại nhiều điều bất hạnh cho những thủy thủ bị buộc phải để gia đình lại trên bờ, sống cuộc đời phân ly mãi mãi. Ông tin rằng trong tương lai không xa, trên các tàu biển sẽ được thấy "thợ máy phụ nữ, hoa tiêu phụ nữ, nữ thuyền trưởng".

Khi đọc quyển sách nhỏ này, tôi nhớ lại những ghi chú của thuyền trưởng về cuộc thám hiểm của Nan-xen và bản trích yếu báo cáo của ông về cuộc thám hiểm Bắc cực năm 1911. Lần đầu tiên tôi nhận thức được, ông không chỉ là một nhà hàng hải dũng cảm mà còn là một người có đầu óc hết sức trong sáng, nhìn cuộc sống một cách rộng rãi với quan điểm tiến bộ.

Nhưng có một số tác giả của các bài báo khác rõ ràng là có sự suy nghĩ khác. Ví dụ trên tờ báo "Pê-téc-bua" có một nhà báo nào đó đã viết bài chống lại cuộc thám hiểm này trên cơ sở Hội đồng bộ trưởng đã "phủ quyết đơn thỉnh cầu của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp về việc trích những khoản kinh phí cần thiết". Bài báo ấy còn viết bằng những lời lẽ như sau: "... theo sự chứng minh của các cơ quan hữu trách thì không đủ cơ sở để thực hiện cuộc thám hiểm này, vả lại thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã không suy nghĩ chu đáo về các dự định của đội thám hiểm. Hội đồng bộ trưởng cho rằng chính phủ cần thông qua đại biểu của Ngành Vận tải đường biển để bác bỏ kiến nghị này".

Trên một tờ báo khác, tôi tìm được một tấm ảnh rất thú vị: một chiếc tàu biển màu trắng rất đẹp, gợi cho tôi nhớ đến chiếc tàu buồm của Tây-ban-nha vẽ trong cuốn "Những phát hiện mới của thế kỷ". Đó chính là chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri". Xem ra chiếc tàu buồm này rất thanh tú, cân đối, có lẽ quá thanh tú cân đối để đi từ Pê-téc-bua đến Vla-đi-vô-xtốc dọc theo bờ biển Xi-bê-ri.

Số tiếp theo của chính tờ báo đó lại đăng một tấm ảnh càng thú vị hơn: tấm ảnh chụp chung nhân viên toàn tàu. Đúng là rất khó nhận ra được gì trên tấm ảnh này, nhưng cách bố trí người và Thuyền trưởng ngồi giữa, hai tay khoanh trước ngực - tất cả những cái đó đối với tôi rất quen thuộc. Tôi đã nom thấy tấm ảnh này ở đâu? Tất nhiên là ở nhà Ta-ta-ri-nốp, ở trong số những tấm ảnh cũ Ca-chi-a cho tôi xem. Nhưng tôi suy nghĩ tiếp. Không, không phải ở nhà Ta-ta-ri-nốp! Tấm ảnh này là của bác sĩ I-van I-va-nứt - đấy tôi đã trông thấy tấm ảnh này ở chỗ ấy!

Năm 1923, khi tôi ở nhà thương về, tôi đến để chào từ biệt ông. Ông đang chuẩn bị đi lên miền Bắc và khi ông xếp hành lý vào va-li thì chiếc ảnh này rơi ra ngoài. Tôi nhặt lên và đã ngắm nghía rất lâu rồi hỏi ông, tại sao bác sĩ không có mặt trong số toàn thể đội thủy thủ này, ông đã trả lời:

- Bởi vì tôi không đi trên chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" này, - sau đó ông cầm tấm ảnh ở tay tôi, nói tiếp: - Đây là của một người bạn để lại làm kỷ niệm...

Người đó là ai?

Một ý nghĩ đơn giản thoáng hiện qua trong óc tôi. Nhưng đồng thời đó cũng lại là một ý nghĩ kỳ lạ mà chỉ có chính bác sĩ I-van I-va-nứt mới có thể chứng thực được nó có chính xác hay

không. Tôi liền quyết định viết thư cho ông. Tuy ông rời Mát-xcơ-va đã gần bảy năm rồi, nhưng không hiểu sao tôi lại hoàn toàn tin tưởng rằng ông vẫn sống và khỏe mạnh và vẫn ngâm thơ của Cô-đơ-ma Prút-cốp, vẫn theo thói quen, vừa nói chuyện vừa vớ lấy cái gì đó trên mặt bàn tung lên rồi đỡ lấy, rồi lại tung lên, đỡ lấy như người làm trò tung hứng.

Đây tôi đã viết cho ông như thế này:

"Bác I-van I-va-nứt kính mến!

Bức thư này là của một "bệnh nhân thú vị" mà trước đây bác đã chữa cho viết gửi cho bác. Hồi ấy bác đã khẳng định người này bị bệnh "câm mà không điếc". Bác có còn nhớ cháu không hay là quên rồi? Lúc ra đi lên miền Bắc, bác có đề nghị cháu viết thư cho bác kể chuyện cháu đã làm được những gì và sức khỏe cháu ra sao. Thế là giờ đây, bảy năm đã trôi qua, cuối cùng cháu đã thực hiện lời đã hứa. Cháu cảm thấy người rất khỏe. Hiện nay cháu đang học bay, cháu học ở Trường Hàng không của Hội viện trợ xây dựng Ngành Hóa học Hàng không quốc phòng. Cháu hy vọng sẽ có một ngày được cưỡi máy bay đến thăm bác. Ngoài ra, bức thư này, cháu còn một việc nữa muốn hỏi bác, đó là hồi còn ở Mát-xcơ-va cháu có đến thăm bác một lần, bác có cầm trong tay một tấm ảnh bưu thiếp chụp toàn đội thủy thủ trên chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri", thuyền trưởng là Ta-ta-ri-nốp. Chiếc tàu buồm này rời khỏi Pê-téc-bua tháng Năm năm 1912, rồi bị mất tích ở ngoài biển Ca-ra. Bác có nhớ không, hôm ấy bác nói rằng tấm ảnh này là của một người khác tặng bác để kỷ niệm. Nhưng là ai thì bác không nói. Cháu rất cần biết người đó là ai. Tất nhiên bác có quyền hỏi cháu: tại sao em lại quan tâm đến việc đó? Cháu xin trả lời đơn giản là cháu quan tâm đến tất cả những

gì có liên quan đến thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, bởi vì cháu quen người nhà ông ấy, cháu muốn báo cho họ biết tình hình thực của ông ấy sống, chết ra sao. Đó là điều rất quan trọng đối với cháu.

Cháu sẽ rất cám ơn, nếu bác viết thư trả lời cháu. Thư cho cháu đề: Đại lộ Rô-sa-li-a, 12. Viện bảo tàng Hàng không, Trường Hàng không thuộc Hội viện trợ xây dựng Ngành Hóa học Hàng không quốc phòng.

Kính thư,
A-lếch-xan-đrơ Gri-gô-ri-ép"

Tôi có hy vọng nhận được thư trả lời hay không? Rất có thể bác sĩ đã trở về Mát-xcơ-va từ lâu rồi chăng? Có thể ông đã chuyển đi xa hơn lên miền Bắc chăng? Hoặc giả ông ấy đã quên béng tôi đi rồi và giờ đây đọc bức thư này ông ấy chẳng nhớ tấm ảnh nào, Gri-gô-ri-ép nào nữa chăng?

Chương 4

Tôi nhận được thư trả lời

Một tháng, hai tháng rồi ba tháng trôi qua. Chúng tôi đã học hết phần lý thuyết và chuyển toàn bộ ra sân bay Co-rơ-pút-xnưi.

Ngày hai nhăm tháng Chín năm 1930, đó là một "ngày trọng đại" trên sân bay. Cho đến nay khi chúng tôi vẫn nhớ lại ngày này với cái tên gọi như thế. Ngày hôm đó cũng như mọi ngày bình thường khác: bảy giờ sáng chúng tôi đã ngồi bên "đống phế liệu có thể lợi dụng được", có người đã thử làm cho Mi-sa Gô-lôm-bơ "ngạc nhiên", bởi vì cậu ta chẳng bao giờ ngạc nhiên về một cái gì hết. Còn Va-ni-a Gríp-cốp lại đang hỏi người nào đó, thế nào là đường chân trời.

- Kia kìa, nơi giữa trời và đất giáp nhau ấy. Đã hiểu chưa?

- Thế tại sao khi mình đang bay thì nó không giáp nhau nữa?

Cuối cùng Va-ni-a cũng đã hiểu, thế nào là chân trời. Nhưng bao giờ nó cũng chỉ tìm chân trời ở một chỗ ấy mà thôi - ở trên vịnh phía sau "Pu-chi-lô-vét". Nó cũng chỉ bay về phía ấy, vừa cất cánh, nó liền "tiến gần" phía chân trời, nó cứ "tiền gần" một mạch như thế cho đến khi người ta chuyển nó sang lính cơ giới.

Chín giờ, thầy giáo đến, thế là xảy ra mấy việc: thứ nhất, thầy giáo dẫn đến một vị mặc áo cổ tà, đeo kính gọng mạ vàng, oai phong lẫm liệt mọi người liền biết ngay đó là ông bí thư Khu ủy. Đồng chí bí thư nhìn những chiếc máy bay, rồi lại nhìn xưởng sửa chữa do chúng tôi làm bằng những cái hòm lớn đựng máy bay và nói:

- Này, anh bạn thân yêu. Trước hết chúng ta cần phải chỉnh đốn công tác bảo vệ một chút đã. Thật chẳng ra gì khi trên sân bay lúc nào cũng có người khả nghi lượn đi lượn lại.

- Đâu? - Ông thầy hỏi. - À, những người này ấy à? Đây là những học viên phi hành của tôi đấy.

Thứ hai, chúng tôi vừa tiễn khách đi xong thì ông thầy xạc chúng tôi một trận về tội chúng tôi đánh đổ dầu xăng. Mặt ông đỏ tía lên như hệt mái tóc của ông. Đây không phải là lần đầu tiên, cho nên chúng tôi nghĩ bụng cứ để cho ông ta hò hét một trận rồi cũng xong thôi.

Nhưng ông lại quì xuống và lấy ngón tay ngoáy những cái hố con ở bên cạnh những thùng dầu xăng. Trong hố chỉ có nước lã, nhưng ông lại nói đó là dầu xăng.

- Không, nước lã đấy, - Gô-lôm-bơ cãi.

- Nhưng tôi bảo là dầu xăng!

- Nước lã!

- Dầu xăng!

- Ừ, thôi được, thì dầu xăng, - Gô-lôm-bơ đồng ý.

Ông thầy lại chọc ngón tay vào một cái hố khác, ngửi rồi đứng lên. ông cau mày, ngửi lại lượt nữa.

- Nước lã, - ông khẽ lẩm bẩm, thế là chúng tôi cười bò ra, ngồi xuống đất.

Thứ ba... về việc thứ ba, cần phải nói tỉ mỉ một chút.

Hôm đó tôi bay với ông thầy mấy lần. Ông ta cứ nhìn tôi chằm chằm, nhưng lại khác với ngày thường, ông không mắng tôi.

- Lại đây, - cuối cùng ông nói. - Bây giờ anh bay một mình.

Lúc đó có lẽ trông tôi hồi hộp lắm, nên ông mới nhìn tôi đăm đăm đầy thiện ý. Sau đó ông kiểm tra các đồng hồ xem có làm việc bình thường hay không rồi cài khóa dây da ở cái khoang trên đang bỏ trống.

- Bay một vòng tròn bình thường. Sau khi rời khỏi mặt đất, lấy chiều cao. Không được lượn vòng ở dưới một trăm năm mươi mét. Lượn theo bốn đường vuông hình hộp rồi hạ cánh.

Tôi đưa máy bay ra tuyến đường bay và giơ một tay lên xin cho được cất cánh. Lúc đó tôi cảm thấy không phải tôi mà là một ai đó đang làm những việc này. Người cầm cờ hiệu giơ lá cờ màu trắng lên - có thể bay. Tôi dận ga, chiếc máy bay chạy dọc sân bay...

Đã từ lâu tôi quên mất cái cảm giác hờn dỗi thơ ngây khi lần đầu tiên tôi cất cánh lên không trung và hiểu thế nào là một chuyến bay. Hồi đó trong đầu óc tôi cứ tưởng tượng rằng khi tôi bay sẽ như một con chim, thế mà giờ đây ngồi trong khoang lái thì lại hoàn toàn cảm thấy y như ngồi trên mặt đất vậy. Ngồi vào chiếc ghế tôi chẳng còn thì giờ đâu mà nghĩ chuyện trên trời, dưới đất. Mãi đến khi tự bay lần thứ mười một gì đó, tôi mới nhận xét thấy hình trạng của mặt đất giống hệt như trong địa đồ, thấy chúng ta đang sống trong một thế giới hình học rất chính xác. Tôi rất thích những cái bóng đám mây đang lượn lờ trên mặt đất. Tóm lại tôi đã lĩnh hội được rằng thế giới đẹp lạ lùng...

Lần đầu tiên tôi bay một mình như thế đấy. Khoang buồng của huấn luyện viên rỗng không. Vòng lượn đầu tiên. Khoang buồng của huấn luyện viên trống rỗng, nhưng máy bay đang bay. Vòng lượn thứ hai. Tôi đang bay hoàn toàn độc lập với một cảm giác tuyệt vời hoàn toàn tự do. Vòng lượn thứ ba. Phải chuẩn bị hạ cánh. Vòng lượn thứ tư. Chú ý! Tôi bắt đầu giảm bớt ga. Mặt đất càng ngày càng gần. Kia nó đang ở ngay dưới máy bay. Tôi buông cần lái. Máy bay theo đà chạy. Dừng.

Có lẽ những động tác đó cũng không tồi cho nên đến cả ông thầy khó tính của chúng tôi cũng phải gật đầu tán thưởng, còn Mi-sa Gô-ôm-bơ đứng sau ông thì giơ ngón tay cái lên với tôi.

- Xa-nhi-a, cậu cừ lắm, - nó nói khi chúng tôi ngồi trên gò hút thuốc, - mình nói thật đấy! Này, cậu có thư đây. Hôm nay mình vào Viện bảo tàng Hàng không, ông thường trực nói: "Có thư của Gri-gô-ri-ép. Anh có thể chuyển hộ được không?"

Ông đưa cho mình bức thư. Đó là bức thư của bác sĩ I-van I-va-nứt.

"Xa-nhi-a thân yêu! Rất mừng là cháu rất khỏe. Nhưng cháu nói bác đã chữa cho cháu khỏi bệnh "câm mà không điếc" là không đúng. Chú em ạ, chẳng có bệnh nào như thế đâu. Nói "người câm không điếc" thì đúng. Bác đang chờ cháu và máy bay của cháu tới, nếu không bọn bác chỉ có ngồi xe do chó kéo mà thôi. Còn câu chuyện tấm ảnh thì như thế này: tấm ảnh này do I-van Đmi-tri-ê-vích Cơ-li-mốp, hoa tiêu tàu buồm "Xanh Ma-ri" tặng bác. Năm 1914 người ta đưa ông ấy đến Ác-khan-ghen-xcơ, hai chân đã bị băng giá làm tê liệt đi rồi, sau đó ông chết ở bệnh viện thành phố vì bệnh hoại huyết. Sau khi ông chết, người ta tìm thấy hai quyển vở ghi và một số thư. Số thư tương đối nhiều.

Theo bác dự đoán có thể đến hai chục chiếc. Tất nhiên đó là những bức thư ông mang từ chiếc tàu buồm về, mặc dù có thể có vài lá thư ông viết trên dọc đường - đội thám hiểm của trung úy Xê-đốp đã cứu ông trên đường đi. Sau khi ông chết, bệnh viện đã đem gửi những bức thư ấy theo từng địa chỉ trong thư. Nhưng hai quyển vở ghi và tấm ảnh thì bác giữ lại. Cháu đã quen người nhà của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp và có ý định cung cấp cho gia đình ấy biết "tình cảnh thật về cuộc sống và cái chết của ông ta (tất nhiên là của thuyền trường chứ không phải của người nhà thuyền trưởng)", nhất định cháu sẽ rất thú vị về hai quyển vở ghi này. Đây là hai quyển vở nháp bình thường của học sinh, trong đó viết đặc chữ bút chì. Rất đáng tiếc là viết ngoáy quá. Nhiều lần bác đã thử đem ra đọc nhưng kết quả đã phải từ bỏ ý định ấy. Những điều bác biết, đại khái là như vậy. Đó là vào khoảng cuối năm 1914, lúc đó mới bắt đầu xảy ra chiến tranh nên đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp chẳng được ai quan tâm đến. Hiện nay bác vẫn còn giữ hai quyển vở ghi và tấm ảnh. Cháu lên đây, à quên, cháu bay lên đây, cháu hãy đọc nếu như cháu có đủ nhẫn nại. Địa chỉ của bác: Da-pô-li-a-ri-e, phố Ki-rốp, số nhà 24.

Mong thư của chú, chú bệnh nhân thú vị của tôi.

Bác sĩ I-van Pa-vlốp của cháu

... Tình hình cô em gái ra sao? Các cháu có còn dùng xiên gỗ để nướng khoai tây nữa không?"

Tôi cũng đã nghĩ như thế! Tấm ảnh do người hoa tiêu để lại Chính bác sĩ đã được gặp người hoa tiêu; người đã ký tên: "*Xin gửi bà lời chào kính trọng - Hoa tiêu tàu biển viễn hành - I. Cơ-li-mốp*. Chính con người đã làm cho tôi suốt đời cảm thấy kinh

ngạc về những danh từ kỳ dị như "vĩ độ", "tàu buồm", "Phơ-ran" và những câu vô cùng khách sáo như "*Trước hết xin báo tin để bà rõ...*", "*tin rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ được gặp bà...*". Chính người hoa tiêu mà qua thư ông tôi đã biết rằng chữ ếch-xpe-đi-xi-a - không phải chỉ có nghĩa là cái nhà hầm bẩn thỉu dưới nhà bưu điện, mà còn là cuộc viễn hành, là thuyền trưởng, là núi băng trôi nữa.

Tôi quyết định khi nào tốt nghiệp Trường Hàng không sẽ đến Da-pô-li-a-ri-e ngay lập tức để đọc những quyển vở ghi chép ấy của ông. Bác sĩ đã "phải từ bỏ cái ý định này". Chắc ông sẽ không từ bỏ, nếu ông còn hy vọng tìm được thấy trong đó dù chỉ là một lời khẳng định được sự đúng đắn của ông, nếu như ông bị nhổ vào mặt, nếu như Ca-chi-a nghĩ rằng ông đã giết chết mẹ cô...

Hình như tôi đã nói ra lời, bởi vì Mi-sa Gô-lôm-bơ ngồi trên gò có vẻ ngạc nhiên.

- Mi-sa, - tôi nói với nó. - Sau khi tốt nghiệp Trường Hàng không, cậu có đi lên miền Bắc không?

- Đi. Nhưng để làm gì?

- Có việc cần.

- Nếu cần thì đi!

- Thế thì quyết tâm nhé?

- Quyết tâm.

Thực ra quyết tâm như vậy còn quá sớm. Nhưng ba năm sau tôi cũng đến được miền Bắc thật.

Chương 5

Ba năm

Tuổi thiếu niên không kết thúc trong một ngày - và ngày đó cũng chẳng đánh dấu ở trên tờ lịch: "Hôm nay tuổi thiếu niên của tôi kết thúc". Nó lặng lẽ trôi qua, thậm chí bạn còn không kịp từ biệt nó nữa. Vừa mới ngày nào bạn còn rất trẻ, rất xinh đẹp, thế mà kia - trên một chuyến xe điện có một đội viên thiếu niên tiền phong đã gọi bạn là "chú". Bạn vội vàng quay nhìn vào tấm kính cửa sổ lờ mờ trên xe điện và không khỏi ngạc nhiên nghĩ: "Ừ, là chú rồi". Tuổi thiếu niên đã kết thúc, nhưng khi nào, ngày nào giờ nào? Không biết.

Tuổi trẻ của tôi kết thúc như thế. Nhưng có một ngày thế này, từ ngày hôm đó trở đi tôi hiểu rằng mình đã có một lối nhìn khác hẳn để nhìn những khát vọng của mình trước đây. Cái ngày hôm đó tôi nhớ rõ lắm...

Tôi được cử từ Lê-nin-grát đến Ba-la-sốp. Vừa tốt nghiệp Trường Hàng không này tôi được cử đi học ngay ở một Trường Hàng không khác. Lần này tôi được học với một huấn luyện viên cừ và một chiếc máy bay ra trò.

Tôi không nhớ rõ trong đời tôi có thời kỳ nào tôi đã làm việc cần mẫn như thế không.

- Anh có biết anh đã bay như thế nào không - hồi còn ở Lê-nin-grát thầy hiệu trưởng nói với tôi như vậy. - Như cái hòm gỗ ấy. Mà ở miền Bắc thì cần phải có kỹ thuật lái hạng nhất.

Khi màn đêm vừa buông xuống tuyến đường bay tôi cũng bắt đầu học bay đêm. Lúc tôi bắt đầu lấy chiều cao, tôi cảm thấy hình như mình đang lò rò đi trong hành lang tối. Phía dưới, trên sân bay, tín hiệu hạ cánh hình chữ T sáng rực lên. Những bóng đèn đỏ vạch thành hai đường thẳng tắp, ngăn cách với cánh đồng đen ngòm. Trên những đoạn bẻ ghi đường sắt có tín hiệu lấp lánh. Ban đêm những đoạn đường tránh này sao ngay ngắn lạ kỳ, khác hẳn với ban ngày. Bầu trời đen kịt, không nhìn thấy mặt đất. Xa xa bỗng hiện lên ánh lửa, sau vài phút nữa, thì ra đây không phải là ánh lửa mà là một thành phố - có hàng ngàn ngọn đèn, đủ các màu sắc, đủ các hình dáng... Thật là một bức tranh kỳ lạ!

Tôi đã học được cách lái máy bay mờ. Khi tất cả xung quanh bị sương mù trắng xóa bao phủ, bạn sẽ cảm thấy hình như bạn đã bay hàng triệu năm sang một thời kỳ địa chất khác. Hình như bạn không ngồi trên máy bay mà là lao đi vun vút trên một chiếc xe thời gian!

Tôi hiểu rằng người phi công cần phải biết đặc tính của không khí, mọi xu hướng và tính đồng bóng của nó cũng như người thủy thủ ưu tú hiểu biết thuộc tính của nước vậy...

Trước đây, vùng Bắc cực hình như còn là nơi xa vời, hình như đó chỉ là những núi băng chẳng ai cần đến. Nhưng mấy năm lại đây nó trở nên gần gũi với chúng ta và những chuyến bay vĩ đại đầu tiên đã được cả nước chú ý.

Mỗi người chúng tôi đều có lý tưởng riêng của người phi công. Chúng tôi cãi nhau không cùng, chứng minh rằng đồng chí A bay giỏi hơn đồng chí L, nhưng đồng chí TR. lại bay giỏi hơn cả hai đồng chí trên. Ben Oen-sơn, một đại tá quân đội Mỹ bị chết vì cánh tay trái anh ta đè dập tim. Thi hài anh ta được phủ quốc kỳ và được phi công X. chở bằng máy bay đưa về Mỹ. Không hiểu tại sao chuyến máy bay đó đã gây cho chúng tôi rất nhiều ảo tưởng. Không, thời kỳ đó vẫn còn là thời kỳ niên thiếu!

Ngày nào báo chí cũng đăng những bài viết về các đội thám hiểm Bắc cực - bằng đường biển và bằng đường hàng không. Tôi đọc những bài báo ấy mà thấy xúc động. Toàn bộ trái tim tôi đều đã bay lên miền Bắc.

Thế rồi một hôm, tôi phải bay một chuyến bay sát hạch rất khó khăn. Tôi đã ngồi vào máy bay rồi, nhưng nhìn thấy tờ báo ở trong tay huấn luyện viên. Tôi nhìn thấy một mẩu tin ở trên báo, thế là tôi không kìm được, liền bỏ mũ bay, bỏ kính chắn gió ra nhảy từ trên máy bay xuống.

"Nhiệt liệt chào mừng những người tham dự đội thám hiểm đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xuyên qua Bắc băng dương" - đó là hàng chữ lớn in ở giữa trang nhất.

Tôi buộc lòng phải tuân theo lời huấn luyện viên đang nói với tôi với vẻ kinh ngạc, nhưng vẫn cố nhìn theo trang báo một lần nữa, tôi muốn sao nhìn một cái là đọc được hết cả bài báo. "Tuyến đường phía Bắc vĩ đại đã được mở", đó là tên một bài báo. "Những người Xi-bê-ri trên eo biển Be-rinh" - là đầu đề một bài báo khác! "Xin kính chào những người chiến thắng" - tên bài báo thứ ba. Toàn là những tin về chuyến đi lịch sử của "những người Xi-bê-

ri". Lần đầu tiên trong lịch sử hàng hải có một chiếc tàu buồm đi theo đường biển lên được Bắc cực. Tuyến đường biển này cũng là tuyến đường mà thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp dự định dùng chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" để vượt qua.

- Anh làm sao thế? Anh ốm à?

- Không, thưa đồng chí huấn luyện viên!

- Độ cao một nghìn hai trăm mét. Lượn theo độ dốc lớn, hai vòng sang phải, hai vòng sang trái. Bốn lần lộn ngược.

- Rõ, thưa đồng chí huấn luyện viên!

Lúc đó tôi rất xúc động, đến nỗi tí nữa thì xin hoãn chuyến bay...

Suốt ngày hôm đó tôi toàn nghĩ đến Ca-chi-a, đến bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã quá cố, đến thuyền trưởng, cuộc đời của ông đã gắn bó với tôi một cách kỳ lạ. Nhưng giờ đây tôi nghĩ về họ không giống như trước kia, giờ đây tôi đã bình tĩnh trước mọi sự việc xảy ra. Tất nhiên là tôi không quên một điều gì. Tôi không quên buổi nói chuyện cuối cùng với bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, trong đó mỗi lời nói chứa đựng một điều bí ẩn, chứa đựng lời vĩnh biệt tuổi trẻ và cuộc đời. Tôi không quên một hôm khác tôi và bà cụ ngồi ở phòng cấp cứu như thế nào, cánh cửa mở ra, tôi nhìn thấy cái gì trăng trắng có cái đầu đen và cánh tay trần buông thõng ra ngoài ghế đi văng. Tôi cũng không quên việc Ca-chi-a quay đi không thèm nhìn tôi hôm đưa đám, và không quên những mơ ước của mình về cuộc gặp gỡ sau mấy năm để đưa cho cô xem những bằng chứng về sự đúng đắn của mình. Tôi không quên việc Ni-cô-lai An-tô-nứt đã nhổ vào mặt tôi như thế nào.

Bỗng tôi cảm thấy tất cả những cái đó như một vở kịch, trong

đó vai chính lại xuất hiện vào hồi cuối, cho đến bây giờ, người ta chỉ toàn nói về ông ta. Mọi người đều đang nói về một người, ảnh của người đó đang treo trên tường - tấm ảnh một nhà hàng hải có trán rộng, cái cằm quắt, đôi mắt sâu hoắm.

Đúng, ông ấy quả là nhân vật chính của câu chuyện này. Nếu tuổi thơ của tôi có chiếm mất nhiều chỗ trong câu chuyện này thì đó chỉ là những ý nghĩ thú vị nhất nảy sinh ra trong đầu óc của con người khi anh ta mười tám tuổi. Ông - một nhà thám hiểm vĩ đại nhưng đã bị mai một. Lịch sử của ông vượt rất xa ra ngoài phạm vi những quan hệ cá nhân hoặc những quan hệ gia đình. Lịch sử của ông là mở ra tuyến đường biển vĩ đại lên miền Bắc. Ý nghĩ của ông là mở một con đường xuyên qua Bắc băng dương. Ông thuộc loại người đã giải quyết nhiệm vụ đặt ra cho loài người đã bốn trăm năm nay. Ông hoàn toàn có quyền đứng ngang hàng với họ.

Những ước mơ, những hy vọng, những mong muốn của tôi làm sao có thể so sánh được với điều đó. Tôi mong muốn gì? Tại sao tôi lại làm phi công? Tại sao tôi lại tranh thủ lên miền Bắc?

Đúng như trong vở kịch tưởng tượng của tôi, bỗng tất cả đều được xếp đặt đâu vào đấy và những ý nghĩ rất đơn giản về tương lai, về sự nghiệp của tôi hiện lên trong óc. Nhiều điều tôi hiểu biết được về cuộc sống gian khổ của người phi công Bắc cực bỗng chuyển sang hướng khác và tôi tưởng tượng đủ các loại tình huống: đêm bên ngoài vòng Bắc cực khá dài triền miên hàng nửa năm trời; mấy tuần lễ liền mệt mỏi chờ đợi thời tiết; bay cả trên những dãy núi tuyết trắng xóa trong khi đôi mắt miễn cưỡng tìm chỗ hạ cánh; bay trong bão tuyết, nhìn không rõ ngay cả cánh máy bay của mình; quay máy phát động một cách khổ sở

trong thời tiết năm mươi độ dưới không. Tôi nhớ lại cái công thức của một phi công Bắc cực: "Thế nào gọi là bay lên miền Bắc? - Đó là bão tuyết hoành hành và hâm nước nóng lên". Tôi nhớ lại những câu chuyện kinh khủng về bão tuyết Bắc cực, chỉ cần đi ra khỏi nhà độ hai thước đã có thể bị bão tuyết vùi mất xác.

Nhưng chẳng lẽ "người Xi-bê-ri" lại sợ những khó khăn và nguy hiểm này? Không, thuyền phá băng của họ tuy đã bị mất bánh lái nhưng họ vẫn căng buồn đi đến được biển Be-rinh.

Không, Pê-chi-a đã nói đúng. Phải chọn cái nghề gì mà anh có thể phát huy được toàn bộ sức mạnh tâm hồn của anh. Tôi tranh thủ lên miền Bắc, hy vọng làm một phi công Bắc cực, bởi vì nghề này đòi hỏi ở tôi tinh thần nhẫn nại rất cao, lòng quả cảm và tình yêu đối với Tổ quốc, đối với sự nghiệp của mình rất lớn.

Nào ai biết, rất có thể, một ngày nào đó tôi cũng được người ta liệt vào trong số những người ngang hàng với thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp cũng nên.

Tôi ghi nhớ kỹ trong lòng cái ngày nảy sinh ra ý nghĩ này, đó là ngày mồng ba tháng Mười năm 1932.

Trước khi tốt nghiệp Trường Hàng không Ba-la-sốp một tháng, tôi làm đơn xin cử tôi lên miền Bắc. Nhưng nhà trường không cho tôi đi. Tôi ở lại làm huấn luyện viên ở trường Ba-la-sốp đúng một năm. Tôi không dám nói mình là một huấn luyện viên giỏi. Tất nhiên tôi có thể dạy người ta bay, đồng thời, tôi không hề có ý muốn cứ động một tí là mắng người ta. Tôi rất hiểu những học viên của mình. Ví dụ tôi hiểu rất rõ tại sao học viên này ra khỏi máy bay là vội vàng hút thuốc, còn học viên khác khi hạ cánh lại tỏ ra rất phấn khởi. Nhưng tôi sinh ra không phải để làm huấn

luyện viên, tôi rất buồn vì phải giảng giải cho người khác hàng trăm nghìn lần những điều mà tôi đã biết từ lâu.

Tháng Tám năm 1933, tôi được nghỉ phép và liền đi Mát-xcơ-va. Tôi được giấy đi tàu không mất tiền đến En-xcơ qua Lê-nin-grát. Tại Lê-nin-grát và tại En-xcơ đều có người chờ tôi. Nhưng tôi vẫn quyết định đi Mát-xcơ-va, mặc dù ở đó chẳng có ai chờ đợi gì tôi cả...

Tôi có việc ở Mát-xcơ-va. Thứ nhất, tôi phải đến Tổng cục đường Hàng không Bắc cực để trao đổi về việc điều tôi lên công tác ở miền Bắc. Thứ hai, tôi muốn gặp Va-li-a Giu-cốp và thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Nói chung là tôi có khối việc, tôi có thể tìm ngay cho mình được đủ lý do, tôi cần phải đi Mát-xcơ-va một chuyến...

Tất nhiên tôi hoàn toàn không có ý định gọi dây nói cho Ca-chi-a nhất là trong ba năm qua, tôi chỉ nhận được lời hỏi thăm của cô qua Xa-nhi-a có một lần - mọi cái đều đã xong xuôi và quên đi từ lâu rồi. Mọi việc đã kết thúc và quên đi một thời gian dài như thế đến nỗi khi tôi quyết định lại gọi dây nói cho cô, tôi đã chuẩn bị sẵn câu nói đầu tiên rất lịch sự mà vô vị. Nhưng không hiểu sao tay tôi cứ run run khi nhấc ống nghe máy điện thoại lên, và thật là không ngờ, tôi đã gọi nhầm phải số khác - gọi cho thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

Tôi không gặp được ông, ông đang đi nghỉ phép. Giọng một người đàn bà lạ báo cho tôi rằng khi nào bắt đầu năm học ông mới về.

- Học sinh của thầy gửi thầy lời chào nhiệt liệt, - tôi nói. - Xin nhắc thầy là phi công Gri-gô-ri-ép đã gọi dây nói cho thầy.

Tôi đặt ống nghe xuống. Tôi đang ở trong khách sạn, cho nên phải xin tổng đài cho dây nói thành phố trước rồi mới quay số

điện mình cần gọi. Tôi nhìn cái máy điện thoại buồn thiu và thôi không gọi nữa. Tôi cứ nghĩ hoài. Mình sẽ nói gì với cô ấy? Mình không thể nói chuyện với cô ấy như nói với người xa lạ được.

Tôi quyết định gọi dây nói đến Vườn bách thú cho Va-li-a trước.

Nhưng Va-li-a cũng không có ở Mát-xcơ-va. Người ta báo cho tôi một cách lịch sự rằng trợ lý Giu-cốp hiện nay đang ở miền Cực bắc, có lẽ phải sau nửa năm nữa mới trở về Mát-xcơ-va.

- Xin hỏi anh là ai đấy ạ?

- Đề nghị chuyển lời chào anh ấy, - tôi nói. - Tôi là phi công Gri-gô-ri-ép.

Ngoài ra tôi không còn ai ở Mát-xcơ-va để mà gọi dây nói nữa. Họa chăng có thể gọi cho ông thư ký nào đó của Cục Hàng không dân dụng nữa thôi. Nhưng lúc này tôi chẳng còn tâm tư nào mà đi tìm ông thư ký. Tôi nhấc ống nghe và nói:

- Cho tôi xin thành phố.

Thành phố trả lời, tôi quay số.

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na chạy đến máy nói, tôi nhận được ra ngay giọng nói hòa nhã, quyết đoán của cụ.

- Có thể cho nói chuyện với Ca-chi-a được không ạ?

- Ca-chi-a? - Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ngạc nhiên hỏi lại. - Nó không có nhà.

- Không có nhà?

- Không có ở nhà và không có ở trong thành phố. Thế ai hỏi nó đấy?

- Gri-gô-ri-ép, - tôi nói. - Bà có thể cho cháu biết địa chỉ của cô ấy được không?

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na im lặng. Rõ ràng bà cụ không nhận ra tôi. Thiếu gì Gri-gô-ri-ép ở trên đời này!

- Cháu nó đi thực tập. Địa chỉ: Thành phố Trô-ích, Đội thăm dò địa chất của trường Đại học tổng hợp Mát-xcơ-va.

Tôi cám ơn rồi bỏ ống nghe xuống.

Tôi không thể ở một mình trong căn phòng buồn thiu này được nữa. Nhưng chờ đến hai giờ để gặp đồng chí thư ký Tổng cục đường Hàng không Bắc cực thì còn lâu quá. Tôi đi ra và đi lang thang trên đường phố Mát-xcơ-va.

Không bao giờ nên thơ thẩn một mình vào những nơi bạn đã đi qua cùng với người yêu. Cái vườn bình thường ở trung tâm Mát-xcơ-va hình như trở nên nơi buồn tẻ nhất thế giới. Một đường phố không lấy gì làm ồn ào cho lắm mà lại khá bẩn thỉu chẳng hiếm gì ở Mát-xcơ-va cũng có thể làm cho bạn buồn bã đến nỗi bạn bất giác cảm thấy mình già đi và thông minh hơn nhiều.

Hình như sau vài năm tôi đã thản nhiên nhìn lại thế giới nội tâm của mình và đánh giá lại tất cả sự nóng vội không cần thiết trong những việc liên quan đến cái vật thân yêu nhất trên trái đất là con tim - và trên một số vấn đề khác thì lại thiếu tự tin, ở đây có thể là vì hồi nhỏ tôi là một đứa trẻ câm, mà thế giới đối với tôi thì lại phức tạp quá không giải thích nổi. Giờ đây tôi cảm thấy hình như tôi vẫn còn tàn tích của tật câm này. Ví dụ như trong vấn đề tình yêu tôi không dám mạnh dạn bộc lộ hết tình cảm của mình, thậm chí đến những câu quan trọng nhất cũng không nói. Tôi cảm thấy tình yêu của tôi sở dĩ không thành công là bởi vì có rất nhiều hoàn cảnh oái oăm bao quanh nó về mọi mặt. Lần này tôi cũng lại ngớ người ra như thằng bé câm trước cái thế giới phức tạp thuở trước.

Không, tất cả đã thay đổi trong tâm hồn tôi, tôi cảm thấy điều đó! Tôi không còn là một đứa trẻ sôi nổi, sốt ruột muốn lập tức chứng minh ngay là mình đúng nữa. Giờ đây tôi hiểu rằng mình cần phải có tất cả - tính trầm tĩnh và lòng kiên nghị.

Với tâm trạng buồn thương và luyến tiếc đối với chính mình, tôi nghĩ đến những năm tháng của tuổi trẻ và mối tình học sinh của tôi. Tuổi niên thiếu đã kết thúc rồi và mối tình cũng không còn là mối tình xưa nữa. Nhưng vẫn như trước kia, tất cả vẫn còn đang ở phía trước. Tôi nhìn về phía trước với niềm hy vọng lớn hơn trước đây.

Tôi ở lại Mát-xcơ-va không lâu. Tổng cục hàng không Bắc cực và Tổng cục hàng không Dân dụng tiếp tôi rất niềm nở. Nhưng họ nói với tôi rằng, chừng nào Trường Hàng không Ba-la-sốp chưa nhả ra thì đừng hòng nghĩ đến chuyện công tác ở miền Bắc.

Mãi nửa năm sau tôi mới được ủy nhiệm lên công tác ở miền Bắc và đó cũng là một trường hợp rất không ngờ. Ở Lê-nin-grát tôi có quen một phi công Bắc cực đã già, ông ta rất muốn trở về nội địa công tác, bởi vì tuổi tác của ông không thích hợp với những chuyến bay gian khổ miền Bắc nữa. Chúng tôi thay thế nhau. Ông về chỗ tôi làm việc, còn tôi được chỉ định làm phi công số Hai trên một tuyến đường dài miền Bắc.

Chương 6

Ở nhà bác sĩ

Muốn tìm ngôi nhà này chẳng lấy gì làm khó, bởi vì cả thành phố chỉ có một dãy nhà, còn tất cả những ngôi khác thì mới chỉ ở trong trí tưởng tượng của các nhà xây dựng Da-pô-li-a-ri-e mà thôi.

Khi tôi đến gõ cửa nhà bác sĩ thì trời đã tối. Đúng lúc đó cửa sổ mở ra, một bóng người tư lự đi qua sau rèm cửa. Mãi chẳng có ai ra mở cửa cho tôi, tôi phải tự tay đẩy khẽ cánh cửa nặng nề và bước vào một căn phòng rộng rãi, sạch sẽ.

- Ông chủ có nhà không ạ?

Chẳng có ai đáp lại. Ở góc nhà có cái chổi. Tôi lấy chổi quét tuyết bám trên giày ống, tuyết bám lên đến tận đầu gối.

- Trong nhà có ai không?

Chẳng có ai cả. Chỉ có con mèo con màu hung từ dưới mắc áo sợ hãi nhìn tôi rồi lủi mất. Sau đó bác sĩ xuất hiện ở ngoài cửa.

Đứng về mặt y học mà nói, có lẽ chuyện này cũng khó tin. Nhưng trong mấy năm qua, không những ông không già đi mà còn trẻ ra rất nhiều và rất giống cái ông bác sĩ vui tính, cao cao,

râu rậm đã dạy tôi và em gái tôi làm xiên gỗ để nướng khoai tây năm nào ở làng quê.

- Anh tìm tôi?

- Thưa bác sĩ, tôi muốn mời bác đi thăm một người ốm, - tôi nói nhanh. - Một người bệnh rất thú vị: người câm mà không điếc. Người đó nghe được tuốt, nhưng đến chữ "ma-ma" cũng không nói được.

Ông bác sĩ từ từ nâng cái kính lên trán.

- Xin lỗi...

- Tôi nói có một người bệnh rất thú vị, - tôi nghiêm chỉnh nói tiếp. - Người đó chỉ có thể phát âm được sáu tiếng: gà, yên ngựa, hòm, bão tuyết, uống, A-bram. Bệnh nhân G." đã được đăng trên tạp chí.

Bác sĩ đi đến chỗ tôi, trông dáng điệu của ông hình như định kéo lưỡi tôi ra xem hoặc ngó vào tai tôi. Nhưng ông chỉ nói.

- Xa-nhi-a!

Chúng tôi ôm nhau.

- Thế ra đã bay đến rồi à?

- Vâng, bay đến rồi.

- Cừ lắm! Phi công à? Ừ, giỏi lắm! Giỏi lắm!

Ông ôm vai tôi dẫn vào phòng ăn. Ở đây có một cậu bé khoảng mười hai tuổi, trông giống bác sĩ như đúc. Chú bé chìa tay cho tôi và nói rõ âm "ô": "Vô-lô-đi-a".

Ở đây sáng hơn ở phòng ngoài, bác sĩ lại ngắm nhìn tôi tứ phía và lần này hình như không kìm nổi nữa, tí nữa thì ngó vào tai tôi thật.

- Ừ, cừ lắm, - ông nhắc lại đến lần thứ mười. - Còn em gái? Cô ấy đâu? Cũng biết bay chứ?

- Em cháu gửi bác lời chào thân ái, - tôi nói. - Cô ấy trở thành họa sĩ rồi, đã lấy chồng và sống ở Lê-nin-grát.

- Lấy chồng rồi? Vẫn tết đuôi sam chứ?

Tôi cười vang lên. Thì ra lúc bé Xa-nhi-a đã tết đuôi sam.

- Ồ, tôi già rồi, - bác sĩ thở dài nói. - Ai ngờ chú bé trước kia vừa gày vừa nhỏ, mặc chiếc quần rộng thùng thình, giờ đây đã trở thành phi công. Cô bé để tóc đuôi sam đã trở thành họa sĩ, đã lấy chồng và sống ở Lê-nin-grát.

- Thưa bác I-van I-va-nứt, cháu nói thật đấy, bác chả thay đổi tí nào cả. Thật lạ lùng. Lại còn trẻ ra nữa.

Ông cười. Thấy tôi nói thế, ông rất phấn khởi. Còn tôi, suốt cả buổi tối hôm ấy tôi cứ nhắc đi nhắc lại mãi là ông trẻ ra hoặc là ít nhất ông cũng không thay đổi gì.

Chúng tôi ngồi uống trà. Lúc đó bà vợ vào. Bà An-na Xtê-pa-nốp-na vừa cao lớn vừa to béo, mặc áo lông mà người dân tộc miền Bắc thích mặc, đi giày ống da lông. Tôi cảm thấy bà giống như một vị thần Bắc cực. Bà bỏ áo khoác lông ra, thay đổi giày ống, thế mà vẫn cao lớn. Thậm chí ông bác sĩ cao lêu nghêu như thế so với bà cũng chẳng cao hơn mấy. Khuôn mặt bà rất trẻ. Bà rất tương xứng với căn nhà gỗ sạch sẽ, với cái sàn nhà màu vàng và với những tấm thảm nông thôn. Bà có những nét cổ Nga đồng thời lại có những nét của chính vùng Da-pô-li-a-ri-e, mặc dù đây là một thành phố hoàn toàn mới, vừa xây dựng cách đây có năm sáu năm. Về sau tôi được biết bà là người vùng Bạch hải.

Chúng tôi nói chuyện về Da-pô-li-a-ri-e. Bây giờ tôi mới biết lịch sử của cái thành phố kỳ lạ toàn bằng gỗ này: vỉa hè bằng gỗ, cầu gỗ, tóm lại mọi thứ đều làm bằng gỗ, thậm chí đến cả móng nhà cũng đóng bằng cọc gỗ.

- Cứ như đi ở trong nhà ấy, - bà An-na Xtê-pa-nốp-na nói. - Toàn sàn là sàn. Đến đường cái quan cũng làm bằng gỗ.

Hình như bác sĩ là người đến Da-pô-li-a-ri-e bằng chuyến tàu biển đầu tiên, chính mắt bác sĩ đã được chứng kiến việc xây dựng tất cả cái thành phố này.

- Ở đây năm 1928 vẫn còn là rừng rậm, - ông nói. - Ngay như chỗ chúng ta đang ngồi uống trà đây, trước kia người ta cũng bắn thỏ.

- Nhưng bây giờ thì được dựng một ngôi nhà, - bà An-na Xtê-pa-nốp-na nói, - còn cái phố này thì cứ chuẩn bị xây mãi, chuẩn bị mãi mà chả thấy khởi công.

- Thế bà bảo rạp hát cũng tồi à?

- Rạp hát rất tốt.

- Năm ngoái. Nhà hát nghệ thuật Mát-xcơ-va có lên đây, - Vô-lô-đi-a nói và đỏ mặt lên. - Chúng em tặng hoa hoan nghênh họ. Họ rất ngạc nhiên, không biết chúng em lấy đâu ra hoa. Thực ra chỗ chúng em đây cần bao nhiêu hoa có bấy nhiêu.-Mọi người nhìn chú, thế là chú lại càng đỏ mặt tợn.

- Vô-lô-đi-a thích xem kịch, - An-na Xtê-pa-nốp-na nói, - nó còn thích...

- Mẹ!

Bác sĩ cười.

- Mẹ, mẹ ra con hỏi một tí! - Vô-lô-đi-a nói giọng đe dọa, nói xong chú đi ra.

Bà An-na Xtê-pa-nốp-na cũng cười và đi ra theo chú.

- Nó đang làm thơ, - bác sĩ nói nhỏ. - Thật vậy, giờ đây hồi tưởng lại thật là thú vị, - ông nói tiếp. - Thật là tuyệt! Khi xây dựng xưởng gỗ đầu tiên, trên tờ báo, thay cho chỗ in ngày tháng, người ta in dòng chữ còn bao nhiêu ngày nữa thì xưởng gỗ đi vào

sản xuất. Hai mươi ngày. Mười chín ngày. Cuối cùng chỉ còn có một ngày! Chuyến bay đầu tiên đến! Họ được hoan nghênh nhiệt liệt quá! Còn anh? - Tự nhiên ông bác sĩ nhớ ra, nói: "Anh thế nào? Anh chuẩn bị làm gì?

- Cháu chuẩn bị bay.

- Bay đi đâu?

- Cháu chưa biết. Kế hoạch thì rất lớn. Nhưng hiện nay tạm thời chở da lông thú đến Cra-xnô-ia-xcơ.

- Theo kế hoạch thì có tuyến đường bay mới chứ?

- Vâng... Thưa bác có ạ, - tôi nói khi đã ăn hết các thứ bày trên bàn, chúng tôi bắt đầu uống thứ rượu vang vàng tự chế rất hợp khẩu vị, - bác có nhớ những bức thư mà hồi cháu ở Lê-nin-grát trao đổi với bác không?

- Nhớ chứ.

- Bác có viết cho cháu một bức thư rất thú vị nói về người hoa tiêu ấy, - tôi nói tiếp, - và trước hết cháu muốn biết quyển vở ghi ấy có còn giữ được hay không?

- Còn giữ được.

- Hay lắm. Thế bây giờ bác nghe cháu nói nhé. Đây là một câu chuyện khá dài, nhưng cháu vẫn xin kể bác nghe. Mọi người đều biết, chẳng phải ai khác mà chính bác đã dạy cháu nói được. Cháu phải đền ơn bác.

Và tôi đã kể lại cho ông nghe tất cả, - bắt đầu từ những bức thư lạ mà hồi xưa dì Đa-sa đã đọc cho tôi nghe. Về Ca-chi-a tôi chỉ nói có vài lời, kiểu một bản tin. Nhưng không hiểu sao đến chỗ này bác sĩ lại cười và làm ra vẻ như chẳng chú ý gì cả.

- ... Đó là một người bị mệt mỏi kiệt sức, - ông nói về người hoa tiêu. - Thực ra ông ta chết không phải vì bệnh hoại huyết mà

là vì quá ư mệt mỏi. Ông ta đã phải dùng rất nhiều sức lực để trốn tránh thần chết, vì thế mà không còn sức để sống nữa. Ông ta đã để lại một ấn tượng như vậy.

- Bác có nói chuyện với ông ấy?

- Có.

- Về vấn đề gì ạ?

- Theo tôi, về một thành phố miền nam nào đó, - bác sĩ nói, - nếu không nói về Xu-khu-mi thì nói về Ba-cu. Đó là tư tưởng chủ đạo quán xuyến ông ta suốt cả thời gian ấy. Lúc đó mọi người đều đang bàn tán về chiến tranh, bởi vì chiến tranh vừa mới bắt đầu. Nhưng ông ta lại nói về Xu-khu-mi - ở đó đẹp ra sao, ấm áp thế nào. Chắc hẳn ông ta là người vùng ấy.

- Thưa bác I-van I-van-nứt, thế những quyển nhật ký ấy bác có để ở đây chứ? Ở ngay ngôi nhà này?

- Ở đây.

- Bác cho cháu xem.

Tôi luôn luôn nghĩ về những cuốn nhật ký này, cuối cùng hình thành trong tôi một cảm giác cho rằng đó là những quyển sổ dày, bìa cứng bọc vải đen. Bác sĩ đi ra, sau mấy phút ông quay lại đem ra hai quyển vở mỏng tang, trông giống như quyển từ điển ngoại ngữ của học sinh. Tôi tiện tay giở luôn một quyển ra xem, tự nhiên thấy vô cùng xúc động.

"Gửi Hoa tiêu Iv. Dm. Cơ-li-mốp.

Căn cứ theo ý nguyện của ông cùng các bạn sau đây, tôi đề nghị ông cùng với họ rời khỏi tàu để đi tìm đất liền có người ở..."

- Bác sĩ ạ, bút tích của ông ấy rất rõ ràng đây thôi! Cháu đọc chả thấy gì là khó cả.

- Không, những nét bút rất rõ ràng ấy là của tôi, - bác sĩ bác lại. - Cái đoạn anh đang đọc ấy tôi đã mò ra được rồi. Những chỗ

nào tôi đã đọc được tôi đều viết lại và có cài tờ giấy vào đó... Nhưng còn những chỗ khác thì anh tự xem lấy!

Thế là ông giở ngay trang đầu của quyển vở ra.

Tôi cũng đã từng đọc những chữ rất khó đọc. Ví dụ như chữ của Va-li-a Giu-cốp. Chữ nó viết đến nỗi các giáo viên cũng phải suy nghĩ mãi và cho rằng cậu này cố tình trêu người như vậy. Nhưng còn chữ viết như thế này thì tôi mới trông thấy lần đầu. Đây chỉ là những cái lưỡi câu vẽ loằng ngoằng loạn xạ trên trang giấy.

Ngay mấy trang đầu đã bị dầu mỡ thấm ướt, phải cố gắng lắm mới nhìn rõ nét bút chì trên tờ giấy màu vàng trong suốt. Tiếp theo là cái gì như mớ bòng bong và những chữ tẩy xóa, dưới nữa là hình phác thảo một bản đồ, rồi lại đến một đám bát nháo mà không một nhà đoán chữ nào có thể mò được ra.

- Thôi được. - Tôi nói và gấp quyển vở lại. - Cháu sẽ đọc được quyển này.

Bác sĩ nhìn tôi hài lòng và nhiệt tình nói:

- Chúc anh thành công.

Tôi ngủ lại ở nhà bác sĩ, bởi vì trời đã tối ngay từ khi tôi ngồi nói chuyện trong nhà và bên ngoài đã bắt đầu có bão tuyết. Ở Da-pô-li-a-ri-e, khi đã có bão tuyết thì không nên đi ra khỏi nhà. Bà An-na Xtê-pa-nốp-na bố trí cho tôi ngủ trong buồng Vô-lô-đi-a trên chiếc giường xếp có trải đệm. Trước khi ngủ tôi cứ ngắm mãi cậu Vô-lô-đi-a. Cậu nằm nghiêng, hai tay chắp lại đặt dưới má. Trong giấc ngủ ngon lành, cậu bé quả là một bác sĩ tí hon thực sự, chỉ có điều là không có râu. Tôi ngồi xuống chiếc giường xếp, định cởi giày thì chiếc giường kêu răng rắc. Cậu bé mở đôi mắt xanh to tướng ra chớp chớp rồi lẩm bẩm câu gì đó nhưng không tỉnh dậy.

Chương 7

Tôi đọc nhật ký

Tôi không thể thừa nhận mình là người không có tính nhẫn nại. Song hình như chỉ có những bậc thiên tài nhẫn nại nhất mới có thể đọc hết được những quyển nhật ký này! Rõ ràng là chúng được viết vào những lúc nghỉ, dưới ngọn đèn thắp bằng mỡ những con hải cẩu nên ánh sáng lù mù với bàn tay mệt mỏi, tê cứng vì trời lạnh bốn mươi nhăm độ âm. Ở một vài chỗ có thể nhìn thấy nét bút ngoằng xuống khỏi chữ thành một vệt dài chẳng có ý nghĩa gì.

Nhưng tôi cần phải đọc hết những trang ấy!

Thế là tôi lại bắt tay vào làm cái công việc khổ não này. Mỗi buổi tối (hôm nào không phải bay thì tôi làm từ sáng sớm) tôi ngồi cạnh bàn, tay cầm cái kính lúp bắt đầu một cách căng thẳng, chậm chạp biến những cái lưỡi câu này thành văn tự của loài người, có chữ thì bi quan thất vọng, có chữ lại tràn đầy hy vọng. Thoạt đầu tôi tiến hành một cách mù quáng, ngồi xuống là đọc. Nhưng sau đó tôi nảy ra một ý nghĩ láu lỉnh hơn, tôi không đọc từng chữ một như trước, mà đọc luôn từng trang một.

Trong khi đọc những quyển nhật ký này, tôi nhận thấy có một số trang viết tương đối rõ ràng, ví dụ như bản mệnh lệnh mà bác sĩ đã chép lại chẳng hạn. Căn cứ vào những đoạn này, tôi chép lại tất cả những chữ cái từ "a" đến "z" rồi xếp thành một cái "bảng chữ cái của hoa tiêu" rồi bắt chước từng nét chữ đủ hình đủ vẻ của ông ấy mà viết ra. Dựa vào bảng chữ cái ấy, công việc tiến hành được nhanh hơn nhiều. Chỉ cần căn cứ vào bảng chữ cái này mà đoán cho thật đúng một hai chữ cái, thế là tất cả những chữ khác tự nhiên cũng sẽ ra.

Tôi ngồi dò cuốn nhật ký hết ngày nọ sang ngày kia như vậy.

NHẬT KÝ CỦA HOA TIÊU TÀU BIỂN VIỄN HÀNH IV. ĐM. CƠ-LI-MỐP

Thứ Tư, ngày 27 tháng 5:

Khởi hành tương đối muộn, trong vòng sáu tiếng đồng hồ chỉ đi được có bốn véc-xtơ. Hôm nay ăn mừng ngày chúng tôi rời tàu được một tháng. Chúng tôi tính, sau khi rời khỏi tàu, chúng tôi mới đi được có một trăm véc-xtơ. Tất nhiên một tháng trời mà đi được có ngần ấy không lấy gì làm nhiều nhưng đường xấu quá, chúng tôi thật không ngờ. Chúng tôi long trọng ăn mừng ngày kỷ niệm tròn một tháng của chúng tôi: nấu một nồi xúp bằng rong khô và để cho xúp thêm ngọt thêm ngon, chúng tôi cho thêm vào hai hộp sữa đặc.

Thứ sáu, ngày 29 tháng 5:

Nếu chúng tôi đến được bờ biển thì những người này - tôi không muốn nêu tên tuổi họ ra - hãy vĩnh viễn ghi nhớ lấy cái ngày 29 tháng 5, cái ngày mà họ đã thoát khỏi tay thần chết, và

hàng năm họ hãy kỷ niệm ngày hôm ấy. Nhưng nếu người được cứu thoát thì khẩu súng hai nòng và toàn bộ dụng cụ nấu ăn của chúng tôi đều rơi xuống nước hết. Vì thế mà ngày hôm qua chúng tôi đành phải ăn thịt sống và uống sữa pha với nước lã. Ôi chỉ cầu trời làm sao tôi có thể lên bờ cùng bọn ngớ ngẩn này.

Chủ nhật, ngày 31 tháng 5:

Dưới đây là văn kiện chính thức, căn cứ vào văn kiện này thì tôi phải dẫn một đội thủy thủ lên đường.

"Gửi ông Hoa tiêu Iv. Đm. Cơ-li-mốp.

Căn cứ theo ý nguyện của ông và những người có tên sau đây tôi đề nghị ông cùng với họ rời khỏi tàu đi tìm đất liền có người ở. Phải làm điều này từ ngày mồng mười tháng Tư năm nay bằng cách đi bộ trên băng, phải mang theo xe trượt tuyết chở thuyền da thú và lương thực đủ ăn trong hai tháng. Sau khi rời khỏi tàu phải đi về phía nam cho đến khi nào nhìn thấy đất liền mới thôi. Sau khi nhìn thấy đất liền thì có thể tùy theo tình hình khách quan mà hành động cho thích đáng, nhưng tốt nhất nên tranh thủ đến cho được con sông đào Bri-len ở giữa đảo Phơ-ran-xcơ I-ô-xip. Đi dọc theo con sông đào này vì người ta biết rõ nó hơn cả đến mũi Phơ-lo-rơ. Ở đấy theo tôi có thể tìm cách kiếm được thực phẩm và chỗ ở. Sau đó nếu thời gian và điều kiện cho phép nên tìm đường đến Spi-xơ-béc-ghen[1]. Sau khi đến Spi-xơ-béc-ghen rồi, một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn đối với các bạn là đi tìm dân cư địa phương, những người chúng ta còn chưa biết họ sống ở đâu, nhưng tôi hy vọng rằng ông sẽ tìm được ở phía nam đảo này. Nếu ông không tìm được dân cư sống trên bờ thì cũng có thể

(1) Một hòn đảo ở miền Bắc Na-uy. - N.D.

tìm được một chiếc thuyền buôn. Một đội thủy thủ mười ba người tự nguyện cùng đi với ông.

Thuyền trưởng tàu "Xanh Ma-ri"
I-van Ta-ta-ri-nốp"
Tại Bắc băng dương, ngày 10 tháng Tư năm 1914

Xin trời chứng giám, tôi ra đi thật vô cùng đau đớn sau khi để ông ở lại trong hoàn cảnh gian khổ, hầu như tuyệt vọng.

Thứ Ba, ngày 2 tháng 6:

Trước khi rời khỏi tàu, anh thợ máy Coóc-nép đã làm cho chúng tôi bốn cặp kính, nhưng những chiếc kính ấy cũng chẳng có tác dụng gì. Mắt kính làm bằng vỏ chai rượu "Hoa lan". Ngồi trên chiếc xe tuyết đi trước là những "người mở mắt" gặp may, còn "những người mù" thì nhắm mắt lếch thếch theo sau, chỉ thỉnh thoảng mới hé mắt một tí để nom đường. Mắt bị nhức nhối vì ánh sáng gay gắt rất khó chịu. Tôi sẽ không bao giờ có thể quên được cảnh hành quân của chúng tôi: chúng tôi đi bước rất đều, nhưng tiến được một bước thì người nghiêng bên nọ, ngả bên kia, ngực đè xuống sợi dây da, một tay giữ chặt lấy mép thuyền bằng da thú. Chúng tôi nhắm tịt mắt lại mà tiến lên. Tay phải cầm gậy trượt tuyết, trượt lên phía trước rất chính xác như một cái máy, nghiêng người về bên phải rồi lại đi từ từ tụt lại phía sau. Tuyết dính ở đầu gậy kêu lạo xạo, nghe sao mà chán tai thế! Bạn miễn cưỡng phải nghe cái tiếng lạo xạo đó và hình như nghe rõ tiếng: "Còn xa lắm, xa - xa - lắm". Hình như chúng tôi đi trong trạng thái mất hết cả tri giác, chân bước đi như cái máy, ngực đè lên sợi dây... Hôm nay tôi cảm thấy như mình đang đi dưới bóng những tòa nhà cao vào một ngày hè nóng nực ở bên bãi biển. Trong những tòa nhà này có chứa những hoa quả

vùng châu Á. Cửa đóng kín mít. Có thể ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt và ngọt lự của hoa quả tươi và quả khô. Mùi cam, mùi đào, táo khô và đinh hương làm người ta ngây ngất. Những nhà buôn Ba-tư đang tưới nước lên vỉa hè nhựa đường chảy ra vì trời nóng. Tôi nghe thấy họ nói chuyện bình tĩnh. Trời ơi, sao mà thơm thế, sao mà sảng khoái, dịu dàng đến thế!... Lúc đó tôi bỗng bị vướng vào cái gậy trượt tuyết của mình, tinh thần bỗng tỉnh hẳn ra, tôi níu chặt lấy cái thuyền da thú và dừng bước. Thì ra trước mắt toàn là tuyết, tuyết và tuyết, mắt chỉ nhìn thấy có tuyết trắng xóa. Mặt trời vẫn gay gắt chói lọi như cũ, mắt vẫn bị đau nhức nhối như cũ.

***Thứ năm, ngày 4 tháng 6*:**

Hôm nay, đi theo vết chân Đu-na-ép, tôi để ý thấy anh ta thổ ra huyết. Kiểm tra hàm răng thì ra là bệnh hoại huyết. Mấy hôm nay anh ta cứ kêu ca về cái chân bướng bỉnh.

***Thứ sáu, ngày 5 tháng 6*:**

Hình ảnh, I-van Lô-vô-vích không sao rời khỏi đầu óc tôi. Khi ông ra tiễn chúng tôi và nói mấy lời từ biệt, ông bỗng ngừng lại cắn chặt răng, nhìn chung quanh mỉm cười cay đắng. Ông vẫn còn đang ốm. Tôi bỏ ông lại vào lúc ông vừa ở giường bệnh dậy. Trời ơi, đó là một sai lầm kinh khủng nhất. Nhưng giờ đây không thể quay trở lại được nữa.

***Thứ bảy, ngày 6 tháng 6*:**

Bắt đầu từ ngày mồng ba, Mô-rép cứ quấn riết lấy tôi nói rằng anh ta trông thấy trên đỉnh núi băng có một vùng như "bình nguyên" tức là một dải băng rất bằng phẳng kéo dài rất xa xuống phía nam "Chính mắt tôi trông thấy, ông hoa tiêu ạ! Bình

nguyên trơn nhẵm đến nỗi móng con thú cũng không đứng nổi". Sáng hôm nay anh ta không còn ở trong lều nữa. Anh ta ra đi không cần giày trượt tuyết, trên lớp tuyết mỏng và cứng có thể nom thấy dấu giày lông lờ mờ của anh. Chúng tôi đi tìm anh mất cả một ngày nào gọi, nào huýt sáo, nào bắn súng. Nếu nghe thấy nhất định anh ta sẽ trả lời chúng tôi, bởi vì anh có mang theo khẩu súng trường tự động và mười hai viên đạn. Nhưng chẳng nghe thấy một tiếng nào cả.

Chủ nhật, ngày 7 tháng 6:

Chúng tôi dùng thuyền da, bàn trượt tuyết và gậy trượt tuyết nối thành một cái cán cờ cao khoảng năm xa-gien[1] rồi buộc vào đó hai lá cờ, cắm lên đỉnh đồi. Nếu còn sống, anh nhất định sẽ nhìn thấy tín hiệu của chúng tôi.

Thứ ba, ngày 9 tháng 6:

Lại lên đường. Còn lại đúng mười ba người - một con số bất hạnh. Bao giờ cuối cùng mới có thể đến được đất liền, dù cho đó là một nơi trơ trụi, lạnh lùng cũng được, chỉ cần nó là một nơi đất liền không di động, chỉ cần chúng tôi ở trên đó không phải lo lắng từng phút giây rằng nó đang đưa chúng tôi trôi lên miền Bắc!

Thứ tư, ngày 10 tháng 6:

Buổi tối hôm nay lại có một ảo giác trông thấy thành phố miền nam, bờ biển, quán cà phê đêm cùng những người đội mũ cỏ Pa-na-ma màu trắng. Xu-khu-mi chăng? Lại ngửi thấy mùi thơm ngon dịu dàng của hoa quả tươi, lại nảy ra những ý nghĩ đau khổ. "Tại sao mình lại tham gia chuyến đi trên biển băng

(1) Đơn vị đo chiều dài cũ của nước Nga, mỗi xa-gien = 2,134 mét. - N.D.

giá rét khốc liệt này, trong khi đi về biển phía nam thú vị biết bao? Ở đó ấm áp. Chỉ cần mặc một áo sơ-mi thôi cũng được, thậm chí còn có thể đi chân không nữa. Có thể được ăn vô khối hoa quả: cam, nho và táo". Kỳ lạ thật, tại sao không bao giờ mình đặc biệt thích hoa quả? Nhưng kẹo sô-cô-la - cũng là một món tốt, ăn cùng với bánh mì khô, như hiện nay chúng mình ăn bữa thứ ba (sau khi ngủ trưa) cũng rất tốt. Có điều là chúng mình nhận được ít quá. Mỗi cái phải chia ra làm nhiều phần nhỏ và mỗi lần chỉ được ăn có một miếng. Nếu có một đĩa bánh mì khô bày ở trước mặt, tay cầm cả cái kẹo sô-cô-la, muốn ăn bao nhiêu thì ăn thì hay biết chừng nào! Còn bao nhiêu véc-xtơ nữa mới đạt đến cái khả năng ấy, bao nhiêu giờ, bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần!

***Thứ năm ngày 11 tháng 6*:**

Đường đi thật tồi. Tuyết rất dày. Dưới tuyết lại có rất nhiều nước. Thỉnh thoảng lại có hồ nước băng cản đường đi của chúng tôi. Hôm nay chúng tôi đi không được quá ba véc-xtơ. Suốt ngày chỉ thấy có sương mù và ánh sáng mờ mờ, thứ ánh sáng làm cho người ta rất nhức mắt. Giờ đây tôi đang nhìn vào quyển vở ghi như nhìn qua một lớp vải sa. Một dòng nước mắt nóng hổi chảy xuống má. Ngày mai sẽ là lễ Giáng sinh. Nếu hôm nay đã "ở đó", ở một nơi nào đấy của miền nam thì hay biết bao! Còn ở đây, trên khối băng trôi gần vĩ tuyết 82° chỗ nào cũng bị núi băng và hố băng ngăn cách thật chẳng thoải mái tí nào cả! Trước mắt là cả một khối băng cứ di chuyển từng phút. Cứ hố băng này bị lấp đi thì hố khác lại mở ra chẳng khác gì những anh chàng khổng lồ đang chơi cờ trên một bàn cờ khổng lồ.

Chủ nhật, ngày 14 tháng 6:

Có một phát hiện mới, nhưng tôi không nói gì với các bạn

đồng hành của tôi về việc đó: chúng tôi đang trôi bên cạnh đất liền. Hôm nay chúng tôi đã đến được vĩ độ của đảo Phơ-ran-xơ I-ô-xíp và vẫn còn đang tiếp tục di chuyển về phía nam, nhưng chẳng nhìn thấy bóng dáng hòn đảo đâu cả. Chúng tôi đang trôi bên cạnh dải đất. Dù căn cứ vào chiếc đồng hồ thiên văn vô dụng của tôi, hay căn cứ vào hướng gió thổi hay căn cứ vào chiều nước chảy dưới chiếc dây thả xuống nước, tôi đều có thể nhìn thấy như vậy.

Thứ hai, ngày 15 tháng 6:

Tôi đã bỏ ông ta lại trong cảnh ốm đau tuyệt vọng. Chỉ có ông mới có thể giấu kín được tâm trạng này. Điều đó làm tôi hết niềm tin là mình có thể được cứu.

Thứ ba, ngày 16 tháng 6:

Hiện nay chúng tôi đã có hai người bị bệnh hoại tuyết. Xốt-kin cũng ốm rồi. Lợi anh ta sưng lên, mọng máu. Cách chữa của tôi là cho họ mang bàn trượt tuyết đi tìm đường, buổi tối cho họ một viên ký ninh. Có lẽ cách chữa này tàn khốc quá, nhưng theo tôi, nếu một người chưa mất hết sức mạnh tinh thần, thì đây là cách chữa duy nhất. Tôi thấy người mắc bệnh hoại huyết nghiêm trọng nhất lại chính là I-van Li-vô-vích. Ông mắc bệnh này đã gần nửa năm nay. Chỉ có người nào có nghị lực phi thường mới làm cho mình bình phục được, tức là dứt khoát không chịu chết. Nhưng giờ đây con người có nghị lực ấy, có đầu óc rộng rãi ấy, có sự thông minh tuyệt vời ấy, con người có tinh thần sảng khoái ấy đang lâm vào cái chết không thể tránh khỏi.

Thứ năm, ngày 18 tháng 6:

Vĩ độ 81°. Lại trôi về phía nam rất nhanh. Thật là kỳ lạ.

Thứ sáu, ngày 19 tháng 6:

Khoảng bốn giờ. Ở về phía đông nam căn lều của chúng tôi, tôi trông thấy một cái gì đó. Đó là hai đám mây màu hồng hồng ở ngay sát chân trời. Hình dáng của nó mãi mãi không thay đổi cho đến tận khi bị sương mù che khuất. Có lẽ suốt đời chưa bao giờ chúng tôi bị những mảnh băng bám xung quanh nhiều như lần này. Rất nhiều chim hải âu trắng bay lượn, kêu hót. Ôi, những con hải âu kia! Ban đêm chúng thường không cho tôi ngủ yên. Chúng vây quanh những con hải báo chết bị vứt ở trên băng, tranh nhau moi ruột gan chúng. Bọn chúng như lũ ác quỉ quấy rầy chúng tôi, chúng điên cuồng kêu hét, y như chúng đang mắng mỏ chúng tôi. Tôi sẽ nhớ mãi mãi "tiếng kêu của chim hải âu trên tuyết trắng" này, nhớ mãi mãi những đêm trong lều vải này không sao ngủ được và cả cái ông mặt trời chiếu qua vải bạt của nhà lều mà không bao giờ lặn nữa.

Thứ bảy, ngày 20 tháng 6:

Sau một tuần lễ trong nhà lều, chúng tôi trôi theo băng về phía nam được đúng một độ.

Thứ hai, ngày 22 tháng 6:

Buổi chiều, theo thường lệ tôi trèo lên đỉnh một mỏm núi băng để nhìn chân trời. Lần này tôi nhìn thấy ở phía đông có một vật gì làm tôi rất hồi hộp, phải ngồi xuống đỉnh núi băng, vội vàng dụi mắt và lau ống nhòm. Đó là một dải sáng, giống như một nét bút ngay ngắn vẽ lên nền trời xanh biếc. Thoạt đầu tôi cho rằng đó là mặt trăng, nhưng không hiểu sao nửa vành trăng bên trái lại cứ mờ dần, còn nửa vành bên phải cứ càng ngày càng sáng ra. Đêm hôm đó tôi đem ống nhòm ra xem năm, sáu lần, mà lần nào cũng vẫn tìm thấy mảnh trăng này ở nguyên chỗ cũ.

Tôi rất ngạc nhiên, tại sao các bạn của tôi không ai nom thấy gì cả. Phải mất nhiều sức lắm tôi mới kìm được mình khỏi chạy vào trong lều, khỏi kêu ầm lên rằng: "sao các bạn cứ như người rơm cả thế, sao các bạn cứ ngủ mãi thế? Chẳng lẽ các bạn không nhìn thấy chúng ta đang trôi vào đất liền hay sao?" Nhưng không hiểu sao tôi lại im. Nào ai biết, có thể đây lại là ảo ảnh chăng? Tôi chẳng đã từng tưởng tượng là mình nom thấy thành phố miền nam, thấy bờ biển, thấy mùa hè nóng bỏng và thấy bóng những tòa nhà cao đó sao!

*

* *

(Quyển thứ nhất viết đến đây kết thúc. Quyển thứ hai bắt đầu ghi từ ngày 11 tháng 7).

*

* *

Thứ bảy, ngày 11 tháng 7:

Bắn chết một con hải báo, lấy được hai bát ô-tô tiết. Dùng tiết này nấu với vịt le-le được một món canh rất ngon. Khi chúng tôi pha trà hay nấu canh, nói chung chúng tôi không thích pha trò. Sáng hôm nay chúng tôi ăn hết một xô canh, uống hết một xô nước chè; bữa trưa ăn hết một xô canh, uống hết một xô nước chè; hiện nay là bữa tối, chúng tôi mỗi người ăn hơn một phun thịt và đang sốt ruột ngồi chờ xô nước chè của chúng tôi sôi. Cái xô của chúng tôi thì to, hình dáng nó giống cái nón. Thật ra nếu có một xô canh nữa cho anh em ăn thỏa thích chắc cũng chẳng có ai phản đối, nhưng chúng tôi ngượng, bởi vì phải "tiết kiệm". Sức ăn của chúng tôi không phải chỉ ăn như chó sói mà còn ăn nhiều

hơn chó sói nhiều; điều này cũng không bình thường đâu, đó là hiện tượng bệnh hoạn đấy.

Thế là chúng tôi đã ngồi trên một hòn đảo, dưới chân chúng tôi không phải là băng, thứ băng ám ảnh chúng tôi suốt hai năm qua, mà là đất rắn và rêu. Mọi việc điều ổn, nhưng có một ý nghĩ vẫn không cho tôi được yên lòng: tại sao thuyền trưởng không cùng đi với chúng tôi? Ông không muốn bỏ tàu, ông không thể quay về với "hai bàn tay trắng". "Họ sẽ giết chết tôi, nếu tôi quay về với hai bàn tay trắng". Sau đó còn một ý nghĩ nông nổi, trẻ con nữa là: "Nếu hoàn cảnh tuyệt vọng buộc tôi phải bỏ tàu thì tôi sẽ đến cái đất liền mà chúng tôi đã phát hiện ra". Tôi cảm thấy thời gian gần đây cái đất liền này quấy rầy ông ấy khá nhiều. Chúng tôi phát hiện ra đất liền này vào tháng tư năm 1913.

Thứ hai, ngày 13 tháng 7:

Tại hướng đông nam phía đông, biển không đóng băng cho tới tận chân trời. Ôi "Xanh Ma-ri" thân yêu, giá người ở đây thì tuyệt biết bao. Nếu người ở đây có phải đi được một cách thuận buồm xuôi gió, chẳng cần đến máy móc gì!

Thứ ba, ngày 14 tháng 7:

Hôm nay Xốt-kin và Cô-rôn-cốp đi đến mỏm tận cùng của hải đảo thì phát hiện ra một điều vô cùng tuyệt diệu. Ở một chỗ cách biển không xa họ trông thấy một đống đá nhỏ. Họ lấy làm lạ về hình dáng đống đá này sao lại ngay ngắn đến thế. Lúc đến gần, họ nom thấy cái vỏ chai ở cách đó không xa. Đó là vỏ chai bia của người Anh. Trên cổ chai có nút xoáy. Hai người liền bới đống đá ra xem, thấy ở dưới mấy tảng đá có một cái hộp bằng sắt. Trong hộp sắt có một lá cờ nước Anh được gói ghém rất cẩn thận. Bên dưới lá cờ cũng có một cái chai, như nãy. Có một mảnh giấy dán

lên cái chai trên mảnh giấy có viết tên, họ mấy người. Trong chai có một mảnh giấy viết bằng tiếng Anh. Tôi và Ni-lít phải cố gắng mãi mới đọc được mảnh giấy này. Thì ra đây là đội thám hiểm bắc cực người Anh dưới sự lãnh đạo của Giéc-xôn, rời khỏi mũi Phơ-lo-rơ vào tháng tám năm 1897, đến được mũi Me-ri Ham-xpho và để lại lá cờ cùng tờ giấy ở đây. Cuối cùng báo tin rằng chiếc tàu buồm "Uyn-xo" được bình an vô sự.

Thế là mọi ngờ vực của tôi không ngờ lại được giải quyết hết. Thì ra chúng tôi đang ở trên mũi biển Me-ri Ham-xpho. Đây là đầu phía tây nam hòn đảo A-lếch-xan-đrơ. Ngày mai chúng tôi có thể chuyển xuống bờ nam của đảo, sau đó tiến đến mũi Phơ-lo-rơ, đến lãnh thổ của Giéc-xôn nổi tiếng.

***Thứ tư, ngày 15 tháng 7*:**

Chúng tôi nhổ trại. Trước mắt chúng tôi có hai con đường phải chọn: tất cả đi làm một nhóm, mang theo đồ đạc theo băng hà đi xuống, hay chia ra làm hai nhóm, một nhóm đi giầy trượt tuyết tiến theo băng hà, còn nhóm khác độ năm người bơi theo băng hà bằng thuyền da thú. Chúng tôi chọn cách thứ hai để tiến.

***Thứ 5, ngày 16 tháng 7*:**

Sáng sớm Mắc-xim và Ni-lít bơi thuyền da thú đến gần chỗ chúng tôi đóng. Ni-lít bị dòng nước trôi đi rất xa, phải cử hai người đi với anh ta. Tôi nhìn qua ống nhòm thấy Ni-lít đã nhấc mái chèo lên, bất lực ngồi nhìn cái thuyền da thú đến cứu. Ni-lít ốm rất nặng, nếu không tôi không có cách nào giải thích về hành động này của anh ta. Nói chung gần đây anh ta có cái gì rất lạ lùng: đi đứng không vững, thường hay ngồi xuống ven đường. Bữa trưa hôm nay chúng tôi nấu hai con le-le và một con chim cụt.

Thứ sáu, ngày 17 tháng 7:

Thời tiết thật là ác liệt. Chúng tôi tiếp tục ngồi ở mũi Gran-tơ chờ đội đi bộ tới. Ban đêm trời trở nên sáng sủa. Phía trước, mạn phía tây tây bắc, ở một nơi không xa lắm có thể nhìn thấy một hòn đảo lởm chởm đá ở phía sau khối băng dày. Chẳng lẽ đó lại là Na-đơ-brúc, trên đó có mũi Phơ-lo-rơ? Giờ đây sắp đến lúc chứng minh được việc tôi vội vã tiến về phía mũi này là đúng hay sai. Hai mươi năm - đó là một thời gian dài. Rất có thể với thời gian đó, những vật kiến trúc của Giéc-xôn ở đó không còn lại dấu vết gì. Nhưng còn có cách nào khác nữa? Đi một vòng rộng nữa ư? Liệu những người bạn đường ốm yếu bất hạnh của tôi quần áo tả tơi, cáu ghét, chấy rận đầy người có thể kiên trì được nổi không?

Thứ bảy, ngày 18 tháng 7:

Ngày mai nếu thời tiết cho phép, chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Tôi không thể chờ đợi thêm được nữa. Ni-lít cố gắng miễn cưỡng đi. Cô-rôn-cốp có khá hơn một tí. Mặc dù Đu-na-ép có phàn nàn về đôi chân của mình, nhưng ở anh ta tôi không thấy có biểu hiện gì về sự suy nhược tinh thần và thể lực đáng sợ như ở Ni-lít và Cô-rôn-cốp. Cái gì có thể kìm chân những người bộ hành này lại? Tôi không biết, nhưng nếu ở lại đây thêm nữa thì nhất định chỉ có chết.

Thứ hai, ngày 20 tháng 7:

Đảo Ben. Bước ra khỏi cái thuyền da thú, chúng tôi biết rõ là Ni-lít không thể đi được nữa; anh ta ngã lăn ra và cố gắng bò bằng cả chân lẫn tay. Chúng tôi làm một cái tựa như cái cáng, đặt Ni-lít lên rồi lấy chiếc khăn duy nhất của chúng tôi đắp cho anh. Anh cứ định bò đi đâu ấy, nhưng về sau cũng chịu nằm yên. Ni-lit là người Đan-mạch. Sau hai năm phục vụ trên tàu "Xanh

Ma-ri", anh học nói tiếng Nga rất sõi. Nhưng bắt đầu từ hôm qua trở đi, anh quên hết tất cả tiếng Nga. Điều làm cho tôi kinh hãi nhất là đôi mắt ngây dại đáng sợ của anh - đôi mắt của một người đã mất hết lý trí. Chúng tôi nấu canh thịt và đem đến cho anh nửa bát. Anh ăn xong rồi nằm xuống. Mất một thủy thủ ưu tú rất thông minh và cần mẫn như vậy thật là tiếc. Mọi người nằm ngủ, còn tôi, tôi xách khẩu súng trường đến một ghềnh đá nhìn về mũi Phơ-lo-rơ.

Thứ ba, ngày 21 tháng 7:

Ni-lít đã chết hồi đêm. Anh không kịp bỏ cái chăn chúng tôi đắp cho anh ra nữa. Nét mặt anh bình thản, chẳng có vẻ gì là đau đớn trước khi chết... Hai giờ sau chúng tôi khiêng người bạn yên nghỉ giấc ngàn thu này ra đặt lên xe trượt tuyết. Mặt đất đóng băng rắn như đá nên không đào được huyệt sâu. Chúng tôi chẳng có ai khóc nấm mồ cô đơn ở nơi xa vời này. Cái chết của người này chẳng làm cho chúng tôi ngạc nhiên cho lắm, hình như đó là một việc rất bình thường đã xảy ra. Tất nhiên đây không phải là thờ ơ, không có tình cảm. Đây chỉ là sự đờ đẫn không bình thường trước cái chết sẽ đến với mỗi người chúng tôi. Hình như chúng tôi cố tình nhìn xem giờ đây đến lượt "Vị ứng cử" nào - có lẽ đến lượt Đu-na-ép, chúng tôi thầm đoán: "liệu anh có rời bỏ chúng tôi trước khi đến nơi không". Một bạn đồng hành thậm chí còn trêu anh ấy một cách cay độc: "Thế nào, cậu còn ngồi đây làm gì hả con gà nhúng nước? Cậu muốn đi theo Ni-lít hay sao? Đi, đi tìm gỗ trôi đi, hoạt động lên một tí!". Sau khi Đu-na-ép phục tùng đứng lên đi, có người còn gọi với theo anh: "Cậu đi lảo đảo thế à, đi nhanh lên!" Họ nói như vậy không phải là căm ghét Đu-na-ép. Giờ đây mấy cây gỗ trôi có gì là quan trọng.

Họ căm ghét bệnh tật đã cướp đi mất của chúng tôi người đồng chí, kêu gọi chúng tôi phải đấu tranh với cái chết đến cùng. Khi nào chân bị tê dại, muốn khuỵu xuống thì đó là đặc tính của bệnh. Sau đó lưỡi cứng ra. Bệnh nhân cố gắng thế nào cũng không phát ra thành tiếng, hình như bối rối rồi im bặt.

Thứ tư, ngày 22 tháng 7:

Ba giờ thì khởi hành đến mũi Phơ-lo-rơ. Lại nghĩ về I-van Li-vô-vích. Tôi chẳng còn nghi ngờ gì nữa, ông suy nghĩ rất nhiều về hòn đảo chúng tôi đã phát hiện ra.Trong thời gian gần đây ông cứ luôn luôn tự trách mình sao không cử một đội đến đó để nghiên cứu. Trong lời từ biệt ông cũng nhắc đến cái hòn đảo ấy. Không bao giờ tôi quên cái buổi vĩnh biệt ấy, không bao giờ tôi quên khuôn mặt trắng bệch kích động lòng người và cái nhìn xa thẳm ấy! Tất cả những cái đó chẳng còn tí chút gì giống với con người có bộ mặt hồng hào, sức sống sôi nổi, luôn luôn nghĩ ra những chuyện giai thoại khôi hài, toàn đội phải khâm phục; con người trước bất cứ khó khăn lớn nhất nào cũng có thể cười đùa được. Ông nói chuyện xong nhưng chẳng ai muốn bỏ đi. Ông đứng đấy, mắt nhắm lại, hình như đang chuẩn bị sức để nói mấy lời vĩnh biệt. Nhưng thay cho lời nói ra là một tiếng thở dài nhè nhẹ và ở đuôi con mắt có giọt nước mắt long lanh. Ông nói lúc đầu đứt đoạn nhưng càng về sau càng bình tĩnh: "Chúng ta cùng đau lòng phải tiễn biệt những người bạn đã cùng chung sống, làm việc và đấu tranh suốt hai năm qua. Nhưng chúng ta cần phải nhớ rằng, mặc dù nhiệm vụ căn bản của đội thám hiểm chưa được hoàn thành, nhưng chúng ta cũng đã làm được rất nhiều việc. Trong lịch sử thám hiểm Bắc cực, lao động của người Nga đã ghi những trang quan trọng - nước Nga có thể tự hào về điều

đó. Chúng ta gánh vác một phần trách nhiệm trọng đại, tỏ ra những người thừa kế xứng đáng với các nhà thám hiểm Bắc cực của nước Nga. Nếu chúng ta có chết đi thì những phát hiện của chúng ta không thể mất đi theo chúng ta được. Các bạn của chúng ta hãy trở về báo tin rằng đội thám hiểm của chúng ta với lao động của mình đã tăng thêm cho nước Nga một lục địa rộng lớn mà chúng ta gọi là "Đảo Ma-ri-a". Ông im lặng một lát rồi ôm từng người chúng tôi và nói: "Tôi muốn nói với các bạn không phải "vĩnh biệt" mà là "tạm biệt".

Thứ năm ngày 30 tháng 7:

Giờ đây chúng tôi chỉ còn lại có tám người: bốn người trên chiếc thuyền da thú, và bốn người đang ở nơi nào đó trên đảo A-lếch-xan-đrơ.

Thứ bảy, ngày 1 tháng 8:

Hôm nay xảy ra một việc như sau: Khi chúng tôi đến cách mũi Phơ-lo-rơ khoảng hai ba dặm thì gió tây bắc nổi lên rất dữ dội, sức gió càng ngày càng mạnh, nửa giờ sau, gió thổi mạnh như từ trong ống thổi ra gây nên những đợt sóng rất ác liệt. Trong sương mù mịt, chiếc thuyền da thú số hai cùng Đu-na-ép và Cô-rôn-cốp biến đi đâu mất. Nhận thấy không thể nào chống lại sóng to gió lớn như thế này được nữa, chúng tôi liền theo chiều gió lên một tảng băng lớn để vào bờ; chúng tôi bò lên núi băng, kéo cả cái thuyền da thú lên theo. Sau khi leo lên được núi băng, chúng tôi cắm một lá cờ lên đỉnh núi băng với hy vọng rằng nếu Đu-na-ép có trông thấy anh sẽ đoán ra và cũng sẽ leo lên một tảng băng nào đó. Lúc đó trời rất lạnh. Chúng tôi mặc áo da lông vào, nằm ngược chiều nhau trên đỉnh núi băng. Chân Mắc-xim thò vào áo da của tôi quặp chặt lấy lưng tôi, còn chân

tôi thò vào trong áo của Mắc-xim và quặp chặt lấy lưng anh. Chúng tôi nằm như vậy và ngủ yên lành được bảy tám tiếng đồng hồ. Một việc vô cùng khủng khiếp đã làm chúng tôi tỉnh giấc. Chúng tôi bị một tiếng động long trời lở đất làm tỉnh dậy và cảm thấy như mình đang chìm xuống như bay, chỉ một phút sau, cái chăn chui của hai người chúng tôi đã đầy nước, chúng tôi cố gắng một cách tuyệt vọng để giãy ra khỏi cái chăn chui phản bội này, chân chúng tôi đạp vào người nhau. Chúng tôi ở tình trạng những con mèo bị người ta dìm xuống nước để giết. Tôi không biết tôi giãy giụa như vậy được mấy giây đồng hồ, nhưng tôi cảm thấy lâu lắm, lâu một cách đáng sợ. Cùng với những ý nghĩ được cứu và sẽ chết, trong đầu óc tôi hiện lên bao nhiêu hình ảnh khác nhau trong chuyến đi này; cái chết của Mô-rép, của Ni-lít, của bốn người đi bộ. Giờ đây đến lượt chúng tôi, và không bao giờ có ai biết được điều này. Đúng lúc đó chân tôi va phải chân Mắc-xim, chúng tôi đẩy nhau ra khỏi được cái chăn chui, và lát sau chúng tôi đã đứng ướt sũng trên một tảng băng ngầm dưới nước, chúng tôi ra sức ném lên mặt băng nào ủng, nào mũ, chăn, găng tay những vật này đang trôi lềnh bềnh trong nước xung quanh chúng tôi. Chiếc áo da lông sao mà nặng thế, hai đứa chúng tôi phải khiêng lên, còn chăn thì không vớt kịp, nó chìm mất. Bây giờ chúng tôi phải làm gì đây? Dù tôi có vắt óc suy nghĩ cũng vô ích. Cả hai chúng tôi đều bị lạnh cóng! Hình như để trả lời chúng tôi, chiếc thuyền da thú từ trên đỉnh núi băng bay xuống nước. Cũng có thể gió thổi xuống, mà cũng có thể là khối băng ở dưới chiếc thuyền cũng bị vỡ ra như khối băng ở dưới chỗ chúng tôi khi nãy. Bây giờ chúng tôi hiểu phải làm gì rồi! Chúng tôi vắt đôi bít tất chân và cái áo khoác ngắn kiệt nước rồi mặc vào người, còn tất cả những thứ khác đem bỏ lên thuyền, chúng tôi ngồi lên

rồi ra sức chèo thuyền! Trời ơi, đúng là chúng tôi chèo thuyền chí chết! Tôi nghĩ, chỉ có như vậy mới cứu được chúng tôi. Sau sáu tiếng đồng hồ chúng tôi đến được mũi Phơ-lo-rơ...

*

* *

Trong những đoạn những hoa tiêu ghi ngay sau khi rời con tầu tôi tìm thấy một bản đồ rất thú vị. Kiểu bản đồ này rất cũ, tôi cảm thấy nó rất giống tấm bản đồ đính kèm theo chuyến thám hiểm của Nan-xen trên chiếc tàu "Phơ-ram".

Nhưng điều làm cho tôi kinh ngạc nhất là: đây là tấm bản đồ tuyến đường của chiếc tàu "Xanh Ma-ri" đã đi từ tháng Mười năm 1912 đến tháng Tư năm 1914. Địa điểm của đợt trôi này lại đúng là nơi được gọi là đảo Pê-téc-man. Hiện nay ai mà chẳng biết cái đảo này không còn nữa? Nhưng có ai biết rằng sự thực đó lại do thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đi trên tàu "Xanh Ma-ri" là người đầu tiên chứng minh?

Người thuyền trưởng mà chẳng có quyển sách địa lý nào nhắc đến ấy rốt cuộc đã làm những việc gì? Ông đã phát hiện ra Bắc địa, ông đã chứng minh rằng đảo Pê-téc-man thực tế không có. Ông đã hiệu chỉnh bản đồ Bắc cực - thế mà ông vẫn cho rằng đội thám hiểm của mình thất bại...

Nhưng điều quan trọng nhất: tôi đã đọc những cuốn nhật ký này theo bản sao của tôi đến năm sáu, bảy lượt rồi (thành ra việc đọc đối với tôi không khó khăn nữa) tôi rất chú ý đến đoạn ghi thái độ của thuyền trưởng đối với sự phát hiện của mình như thế nào:

"Những ngày gần đây ông luôn luôn tự trách mình đã không cử một đội đến dải đất này (tức Bắc địa) để nghiên cứu.

"... Nếu chúng ta có phải chết đi, thì sự phát hiện của chúng

ta cũng không thể mất đi theo chúng ta được. Các bạn của chúng ta hãy trở về báo tin rằng đội thám hiểm chúng ta với lao động của mình đã tăng thêm cho nước Nga một lục địa rộng lớn mà chúng ta gọi là "Đảo Ma-ri-a".

"Nếu hoàn cảnh tuyệt vọng buộc tôi phải bỏ tàu thì tôi sẽ đến cái dải đất mà chúng tôi đã phát hiện ra".

Và người hoa tiêu đã cho ý nghĩ này là trẻ con và nông nổi.

Trẻ con và nông nổi! Trong bức thư cuối cùng của thuyền trưởng mà hồi nào đó dì Đa-sa đã đọc cho tôi nghe đã có hai tiếng này.

"Dù muốn hay không bọn anh cũng đành phải từ bỏ cái ý định ban đầu là đi dọc theo bờ biển Xi-bê-ri để đến Vla-đi-vô-xtốc. Song chẳng có cái rủi nào lại không có điều may! Giờ đây trong đầu óc anh lại nảy ra một ý nghĩ khác hẳn. Anh mong rằng em sẽ không như những bạn đồng hành của anh, cho những ý nghĩ này của anh là "trẻ con hay là nông nổi".

Trang này viết đến hai chữ ấy thì kết thúc, và trang sau thì không còn nữa. Bây giờ tôi đã hiểu ý nghĩ này là gì: ông muốn rời khỏi tàu và đi đến hòn đảo này. - Cuộc thám hiểm trước đây là mục đích chính của đời ông đã thất bại. Ông không thể quay về với "hai bàn tay trắng". Ông tha thiết muốn đến cái dải đất mà mình phát hiện ra, cho nên tôi rất hiểu, nếu nói vết tích đội thám hiểm của ông còn lưu lại ở một nơi nào đó thì phải đến cái dải đất này mà tìm! Nhưng có lẽ điều đó chỉ rõ đối với tôi? Có lẽ sở dĩ tôi có thể hiểu được rõ như vậy, là bởi vì tôi có quen một người đàn bà mà tên của bà đã được đặt cho cái dải đất ấy và tôi cũng được thấy bà đã chết như thế nào. Tôi rất muốn tìm bằng được vết tích của đội thám hiểm này để càng chứng minh cho Ca-chi-a biết rằng tôi yêu cô và mãi mãi yêu cô.

Một đêm khuya vào tháng Ba năm 1935, tôi chép lại trang cuối cùng của cuốn nhật ký này, trang cuối cùng mà tôi có thể đọc được.

Trong ngôi nhà hai tầng đồ sộ của Ban chấp hành khu mà tôi ở hồi đó, tất cả mọi người đều đã ngủ say từ lâu, chỉ có ánh sáng trong cửa sổ buồng tôi chiếu ra một cái cây nhỏ mảnh khảnh phủ đầy tuyết ở ven đường. Đầu và mắt tôi đều nhức nhối. Tôi mặc quần áo và đi ra ngoài.

Đường phố tĩnh mịch, trời giá lạnh nhưng không tối lắm. Trời đầy sao và ở phía tây vẫn còn thấy chút ánh sáng Bắc cực yếu ớt. Cảm giác trìu mến mà tôi đã thể nghiệm hồi ở sân bay Ba-la-sốp trước kia lại hiện lên trong đầu óc tôi.

Hình như trong rạp hát đèn bỗng bật sáng, tôi nhìn thấy những người ngồi cạnh mình chính là những người tôi vừa nom thấy trên sân khấu. Chẳng lẽ đó lại là sự thật? Hình như một phút trước đây vẫn không thể nói được rằng những người này sống thật không hay chỉ là một trò chơi bị mờ dần và biến mất dưới ánh sáng của tư tưởng thực tế; nhưng đèn bật sáng, thế là biến mất hết. Trái lại, với sự sáng rõ lạ kỳ và tràn đầy sức sống tôi nhìn thấy xung quanh tôi toàn những người sợ sệt và ốm đau, tuyệt vọng, tràn đầy ảo giác và hy vọng. Khi họ đã rời khỏi con tàu, con tàu đang đỗ cách bờ biển một trăm bảy mươi ki-lô-mét, nhưng họ phải đi gần hai nghìn ki-lô-mét theo biển băng mênh mông bởi vì họ đã bị trôi qua cạnh đất liền. Tuy thuyền trưởng không có trong đám người này, nhưng cuốn nhật ký làm rung động lòng người ấy lại luôn luôn nhắc đến ông, chỗ nào cũng có lời ông nói, tràn đầy tình yêu mến đối với ông và sự lo ngại của mọi người đối với cuộc sống của ông! Những lời từ biệt được viết bằng bút chì, nét bút chì ấn sâu xuống giấy, cho nên đây là đoạn

dễ đọc nhất trong toàn bộ cuốn nhật ký. "*Nhưng thay cho lời nói là một tiếng thở dài nhè nhẹ và ở đuôi con mắt có giọt nước mắt long lanh...*"

Liệu đến một lúc nào đó, tôi có tìm biết được cái gì đã xảy đến với con người ấy, con người hình như đã giao cho tôi nhiệm vụ phải kể lại toàn bộ cuộc sống và cái chết của ông? Ông có bỏ tàu lại để đi nghiên cứu cái dải đất mà ông phát hiện ra không? Hay ông đã hy sinh vì đói cùng với những người bạn của mình? Còn con tàu bị đóng băng giữa biển băng ở bên bờ I-a-ma-lô mấy năm qua cùng với đoàn thủy thủ đã chết có đi theo con đường của Nan-xen đến Gren-lan không? Hay là đã bị băng làm cho vỡ tan vào một đêm đại hàn, có bão tuyết mà chẳng có trăng sao, cũng không có ánh sáng Bắc cực, cột buồm bị gãy đánh rắc một cái, đổ sụp xuống làm vỡ tan thành tàu, giết chết mọi người, còn thân tàu vỡ tan ra kêu răng rắc và hai giờ sau bão tuyết đã kéo tuyết phủ kín nơi xảy ra tai nạn.

Hoặc trên một hòn đảo nhỏ không người nào đó trên Bắc cực còn có những người của chiếc tàu "Xanh Ma-ri" đang sống? Những người này có thể kể lại số phận của con tàu, kể lại vận mệnh của thuyền trưởng. Trước kia chẳng phải đã có sáu thủy thủ Nga sống mấy năm trời trên một góc hoang vu của hòn đảo Spít-béc-ghen đó sao? Họ giết gấu và hải báo, lấy thịt chúng để ăn, lấy da lông chúng để mặc, dùng da thú để trải làm đệm trong nhà hầm họ làm bằng băng và tuyết.

Không, làm gì có chuyện như vậy! Từ khi cái ý nghĩ cho rằng rời bỏ tàu để đến đảo Ma-ri là "trẻ con" là "nông nổi", được phát biểu đến nay đã được hai mươi năm rồi. Họ có đến cái đảo ấy không? Họ có đến được không?

Chương 8

Gia đình bác sĩ

Tôi dỏ cuốn nhật ký này suốt cả mùa đông, nhưng cuộc sống của tôi ở Da-pô-li-a-ri-e vẫn đâu vào đấy. Tôi chở dụng cụ đến Cra-xnô-i-a-rơ-xcơ cho xưởng gỗ đúng thời hạn và cuối cùng tôi đã rút ngắn được thời gian bay trên tuyến đường này xuống còn tám giờ rưỡi. Tôi chở đội khảo sát đến Nô-rin-xcơ, chở các giáo viên, bác sĩ, các cán bộ công tác của Đảng đến những khu dân tộc Nê-nét hẻo lánh. Tôi đã cùng với đồng chí phi công M. - một đồng chí phi công nổi tiếng - bay đến Đích-xơn. Tôi đã từng bay dọc theo con sông Ê-ni-xây - Cu-rây-ke và sông Tun-gút hạ.

Nhưng hễ cứ về đến Da-pô-li-a-ri-e là tôi lại đến ngay nhà bác sĩ, tất nhiên là sau khi cắt tóc, tắm rửa xong rồi mới đến.

Tôi rất quyến luyến bác sĩ và gia đình bác sĩ và hình như họ cũng mến tôi. Nói ra thật nực cười, thái độ của bác sĩ đối với tôi y như đối với một tác phẩm của ông, thậm chí có khi ông nheo một mắt lại, hình như ông hoàn toàn không tin rằng tôi lại chính là cái thằng bé tóc đen gày còm ốm yếu, mặc chiếc quần rộng thùng thình hồi nào chỉ lắp bắp được mấy tiếng: "gà, yên ngựa,

hòm". Tất nhiên giờ đây tôi không còn cảm thấy ông có vẻ thần bí như hồi tôi còn bé ở làng quê nữa. Nhưng ngay cả lúc này cũng không ai có thể nói được rằng phút sau ông sẽ làm gì. Ví dụ, ông có thể đang ngồi nói chuyện với anh, bỗng tự nhiên ông ném cái ghế của ông sang cho anh và nhất định anh phải bắt lấy ghế và ném trả lại ông. Sau mấy phút chơi thể thao như thế, bác sĩ làm như chẳng có gì xảy ra, lại ngồi xuống chiếc ghế ấy và câu chuyện lại tiếp tục. Ông có rất nhiều bạn người dân tộc Nê-nét. Ông thích đọc những tác phẩm của Cô-di-ma Prút-cốp.

Họ thường đến nhà ông chơi, da ngăm ngăm, tóc đen, khuôn mặt to, mặc áo bành tô da lông hươu có đính hạt cườm. Họ ngồi xuống và nói chuyện miên man, còn những con hươu xám buộc ở xe trượt tuyết rất cao trợn tròn đôi mắt buồn rầu, đứng chờ rất lâu ở ngưỡng cửa.

Bác sĩ nói bằng tiếng Nê-nét, còn người Nê-nét thường đến tìm ông để bàn công việc - đôi khi là những công việc rất quan trọng. Họ sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa mới toanh nên không phải tất cả mọi việc họ đều hiểu rõ. Họ chưa tin tưởng lắm vào cái ông chủ tịch Vát-xcơ nào đó. Ông này được Ủy ban Xô Viết công nhận là chuyên gia chính về các vấn đề nông trang tập thể. Ví dụ, có một lần họ đến để hỏi xem ý kiến bác sĩ thì nên xử một tên ăn cướp như thế nào: để họ tự giết chết tên này hay giải lên giao cho chính phủ? Một lần khác họ đến để tìm hiểu xem ý kiến của bác sĩ đối với loại bếp đèn cồn hơi đốt như thế nào, dùng loại bếp này trong gia đình có thích hợp hay không?

Bác sĩ đã phải giải thích rất lâu là tên ăn cướp thì phải giải lên giao cho chính phủ, bếp đèn cồn dùng trong gia đình rất thích hợp, còn những người Nê-nét thì im lặng ngồi nghe ông nói với thái độ nghiêm túc ngây thơ. Sau đó ít lâu tôi có dịp nói rất

dài với người Nê-nét về chiếc đèn cồn, nhưng chuyện này xin kể sau.

Dù sao thì đây cũng là một tình bạn bền vững. Bác sĩ có kể cho tôi nghe rằng mối tình bạn này được bắt đầu từ sau ngày thành lập "trạm tẩy giun sán" ở thôn Ha-ba-rô-vô. Đây là một thành công thực sự trong ngành y học. Bác sĩ được mọi người gọi là "ông thầy tẩy giun", do đó tên tuổi ông lan truyền khắp vùng đồng rêu...

Trong nhà ông có rất nhiều động vật: mèo Phin-ca, rùa, nhím, cú mèo. Con cú mèo sống dưới gầm bàn ăn, khi nào mọi người ngồi vào ăn trưa là cú mèo kêu "ai, ai, ai". Cậu Vô-lô-đi-a cai quản tất cả bọn này và cả hai con chó tên là Bu-xi-ca và Tô-ga nữa. Vô-lô-đi-a dạy hai con chó kéo xe. Người Nê-nét tặng cậu một chiếc xe rất đẹp trang hoàng bằng da voi bắc cực. Tôi rất mến Vô-lô-đi-a vì cậu ta không khoe khoang những bài thơ của mình. Đó là bí mật của cậu. Suốt cả mùa đông, chỉ có một lần tôi nghe thấy cậu ngâm thơ. Thoạt đầu cậu ta lẩm bẩm đọc rất lâu, cậu không biết rằng tôi đang ở buồng bên cạnh và đã nghe được tất cả. Sau đó cậu đọc to, có điệu bộ:

Trôn-ca tan học về nhà
Trăng cười trong mắt anh ta hiền lành.
Xuống xe, anh vẫy tay nhanh
Vui tươi, rộn rịp theo anh vào lều.

Sau đó cậu lại bắt đầu lẩm bẩm.

Tôi kể cho cậu nghe chuyện thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp và giải thích cho cậu hiểu cuốn nhật ký của Cơ-li-mốp đã chết là quan trọng như thế nào đối với việc này. Và thế là cứ mỗi lần tôi đến nhà bác sĩ tôi lại mang theo những trang nhật ký mới dò ra

được và Vô-lô-đi-a lại ngồi nghe chúng tôi nói chuyện. Nét mặt cậu xúc động đến nỗi bác sĩ phải ra hiệu bằng mắt cho tôi, âu yếm ôm vai cậu. Rõ ràng không phải cậu ta chỉ làm một bài thơ về câu chuyện này và cuộc đời của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp không phải chỉ được kể lại bằng văn xuôi.

Bác sĩ rất thích những đoạn người hoa tiêu viết về bệnh tật, thoạt đầu thì chân bị tê dại, sau đó nói không ra tiếng rồi chết một cách đột ngột vô cớ. Thế là Vô-lô-đi-a liên tưởng đến E-van, người bạn đường của thuyền trưởng Xcốt cũng chết về bệnh này..

- Xcốt viết rằng, những người khỏe mạnh nhất cũng chết về bệnh này, - cậu ta nói, đỏ mặt lên. - Ông ta tưởng đây là một loại bệnh thần kinh gì đó.

Nhưng điều làm cho cậu hết sức kinh ngạc là giả thuyết của tôi: chiếc tàu buồm mang theo đoàn thủy thủ đã chết này có thể còn đậu trong băng tuyết ở gần một hòn đảo hoang vu nào đó. Cậu vừa định hỏi câu gì nhưng lại thôi mà cứ há mồm ra như trẻ con, xúc động đến nỗi mặt, má, thậm chí đến cả cổ cũng nổi da gà lên...

Tất nhiên bà An-na Xtê-pa-nốp-na là nhân vật chủ chốt trong nhà này. Tất cả mọi người đều phải nghe bà. Thậm chí đến con cú mèo chẳng chịu nghe lời ai cả, hễ cứ thấy bác sĩ là tỏ thái độ trách móc kêu "ai, ai, ai" cũng phải nghe lời bà. Chả trách những người Nê-nét nói với bác sĩ rằng "Có được bà vợ cao lớn thế kia tốt biết chừng nào!". Bà biết làm cho mọi người phải tôn kính. Không phải chỉ trong gia đình, mà trong toàn thành phố ai cũng đều nghe lời bà.

Bà sinh ra trong một gia đình hàng hải nổi tiếng cha, chú và mấy người anh em đều làm thuyền trưởng các tàu trên sông hoặc trên biển. Thỉnh thoảng vào mùa Ca-ra - ở Da-pô-li-a-ri-e

người ta gọi tháng tám và tháng chín là thế, khi tàu phá băng của chúng ta dẫn những tàu thủy của Liên Xô và của nước ngoài qua biển Ca-ra, anh em và chú của bà rẽ vào chơi. Trông họ rất giống bà, cũng cao lớn, chắc nịch, mặt to, mũi to và người nào cũng râu xồm.

Đối với câu chuyện thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, bà An-na Xtê-pa-nốp-na lại nhìn ở một góc độ thật không ngờ.

- Đàn bà thật là bất hạnh! - Bà nói, mặc dù trong câu chuyện chẳng có lời nào nói đến phụ nữ. - Chờ hết năm này đến năm khác, nhưng có lẽ ông ấy đã chết từ lâu rồi, đến vết tích cũng chẳng còn lại gì nữa, thế mà họ vẫn cứ chờ. Mọi người đều hy vọng rằng: có thể ông sẽ trở về! Và những đêm không ngủ! Còn con trẻ! Nói gì với trẻ con bây giờ? Và những tình cảm này là vô hy vọng đến nỗi thà chính mình chết đi còn hơn! Thôi, các ông đừng nói với tôi nữa. - Bà An-na-Xtê-pa-nốp-na ra sức nói, - những việc đó chính mắt tôi đã nhìn thấy rồi. Còn nếu một người như thế mà trở về được thì thật là một anh hùng, còn gì nữa. Nhưng còn bà ta - tất nhiên bà ta cũng là nữ anh hùng!

Chương 9

"Hình như chúng mình đã gặp nhau..."

Vô-lô-đi-a đánh xe trượt tuyết đến đón tôi vào lúc bẩy giờ sáng. Trong lúc còn đang mơ màng, tôi nghe thấy cậu mắng hai con chó kéo xe là Bu-xi-ca và Tô-ga ở phía dưới. Tối hôm qua tôi có hẹn cậu sẽ đi thăm nông trường chăn nuôi và cậu bỗng đề nghị đi xe trượt tuyết do chó kéo.

- Chúng nó chỉ không biết rẽ thôi, - cậu nói nghiêm trang, - còn kéo rất tốt. Đến chỗ rẽ em phải xuống xe và tự vòng lấy.

Lúc đầu tôi phản đối, nói tốt nhất nên đi giày trượt tuyết. Nhưng Vô-lô-đi-a giận vì những con chó của mình nên tôi đành phải đồng ý.

- Đến mẹ còn phải công nhận, - cậu ta nói nghiêm trang, - chạy đường thẳng, chúng nó kéo rất tuyệt.

Như một người Nê-nét chính cống, cậu hăng hái quát "Hây-xư" khi chúng tôi đã ngồi lên xe, thế là hai con chó lồng lên chạy. Ối giời, những bông tuyết cứ đập thẳng vào mặt, mắt đau nhói và thở không ra hơi! Chiếc xe lao lên gò tuyết, tôi vội nắm lấy Vô-

lô-đi-a, nhưng cậu ngạc nhiên quay lại nhìn. Tôi đành phải buông cậu ra và bắt đầu bồng bềnh trên mấy sợi dây da mà tôi cho là buộc rất lỏng.

Tôi nghĩ bụng tốt nhất nên chạy chậm một chút, - nhưng sao được! Làm gì còn thì giờ mà nghĩ! Vô-lô-đi-a giơ roi dọa hai con chó, thế là chúng lao đi càng ngày càng nhanh. Tất nhiên tôi có thể quát Vô-lô-đi-a, bảo cậu ta hãm lũ chó lại. Nhưng làm như vậy chỉ tổ làm cho cậu coi thường tôi mãi mãi. Hay tôi cứ gọi cậu ta một tiếng - cái xe tuyết chết tiệt này nhảy trên tuyết dữ quá! Nhưng lúc đó Vô-lô-đi-a lại quay lại nhìn tôi, sắc mặt cậu đỏ gay, phấn khởi, cái tai mũ bướng bỉnh lật sang một bên, thế là tôi quyết định nằm sấp xuống, phục tùng cậu ta.

"Họ"! Bỗng lũ chó đứng dừng phắt lại như đóng đinh và chính tôi cũng không biết làm thế nào ngồi yên được trên xe. Chẳng có gì đặc biệt cả! Hình như đã đến chỗ rẽ sang đường đi Prô-tô-ca, nên Vô-lô-đi-a dừng xe lại để đổi hướng.

Tôi không nhớ rõ trên đường đi tôi đã thề bao nhiêu lần là sẽ không bao giờ ngồi xe trượt tuyết do chó kéo nữa. Có lẽ đến hòn đảo nông trường chăn nuôi có bao nhiêu chỗ rẽ thì tôi đã thề bấy nhiêu lần. Nhưng Vô-lô-đi-a lại rất phấn khởi.

- Này, tuyệt đấy chứ?

Tôi đành phải thừa nhận là "tuyệt".

Và cuối cùng đến Prô-tô-ca! Chúng tôi lách qua những lùm cây, từ trên bờ trượt xuống phóng như bay trên các mô tuyết nhấp nhô. Giờ đây cuối cùng tôi thấy rõ rằng lũ chó của Vô-lô-đi-a kéo xe tuyết trên đường thẳng đúng là rất tuyệt. Lúc nào chúng cũng biết chọn đường thích hợp, biết tránh những ổ gà và những tảng băng mấp mô. Còn Vô-lô-đi-a thì hò hét, mắng mỏ lũ chó

đến khản cả cổ. May mắn sao bờ sông bên kia rất dốc cho nên lũ chó tự nhiên cũng chạy chậm lại.

Nhưng đi qua Prô-tô-ca rồi, lũ chó lại tăng tốc độ, bắt đầu sủa váng lên. Có chuyện gì vậy? Hình như để đáp lại, từ đằng sau những lùm cây vang lên nhiều tiếng sủa khác nhau, lúc đầu còn ở xa, sau càng nghe càng gần. Đó là những tiếng sủa kéo dài, man rợ và loạn xạ cả lên. Nghe tiếng sủa ấy người ta không khỏi cảm thấy đau nhói trong tim.

- Vô-lô-đi-a, ở đâu ra nhiều chó thế?

- Không phải chó! Cáo đấy!

- Tại sao chúng biết sủa?

- Chúng cũng giống như chó! - Vô-lô-đi-a quay lại nói to. - Chúng cũng biết sủa!

Tất nhiên là tôi đã có dịp thấy những con cáo màu nâu xám rồi. Nhưng Vô-lô-đi-a giải thích là trong nông trường này nuôi những con cáo màu đen và màu bạc, đây là một loại cáo khác hẳn. Trên thế giới không đâu có những con cáo như thế. Người ta cho rằng nếu ở cuối đuôi mà màu trắng thì đẹp. Nhưng ở đây, trong nông trường này lại đang cố gắng gây một loại cáo không có một cái lông trắng nào.

Tóm lại cậu quả đã làm cho tôi thích thú. Tôi rất lấy làm bực mình vì sau đó mười lăm phút, chúng tôi đến cổng nông trường chăn nuôi, và người bảo vệ đeo súng trường bảo là nông trường đóng cửa không cho vào tham quan.

- Thế thì mở cửa cho ai?

- Cho những người làm công tác nghiên cứu khoa học, - người bảo vệ trả lời giọng oai vệ.

Tí nữa thì tôi nói rằng chúng tôi đến cũng là để nghiên cứu

khoa học, nhưng ngay lúc đó tôi nhìn sang Vô-lô-đi-a và kịp ngậm miệng lại.

- Thế có thể gặp được giám đốc nông trường không?

- Giám đốc đi công tác vắng.

- Ai thay ông ấy?

- Chuyên viên khoa học cao cấp, - người bảo vệ nói, làm ra vẻ như chính ông ta là chuyên viên khoa học cao cấp.

- Hay lắm, thế thì chúng tôi xin gặp ông ấy!

Tôi để Vô-lô-đi-a đứng ở ngoài cổng, còn mình đi vào tìm chuyên viên khoa học cao cấp.

Rõ ràng là trong nông trường này chẳng có mấy người, bởi vì trên cái sân rộng mênh mông phủ đầy tuyết chỉ có một con đường nhỏ dẫn đến ngôi nhà mà người bảo vệ chỉ cho tôi. Từ xa nhìn ngôi nhà này tôi sực nhớ lại cái phòng thí nghiệm màu xanh bẩn thỉu ở trong vườn bách thú ở Mát-xcơ-va. Ở đấy Va-li-a Giu-cốp đã cho chúng tôi xem những con chuột của nó. Có điều phòng thực nghiệm kia to hơn ngôi nhà này một chút. Cái cảm giác tương tự ấy sao mà mãnh liệt thế, thậm chí tôi còn cảm thấy như đã ngửi thấy mùi chuột hôi hám. Tôi phủ tuyết bám trên đôi ủng da lông rồi đẩy cửa bước vào một căn phòng to rộng nhưng thấp. Căn phòng này thông với một căn phòng nữa còn rộng hơn. Trong căn phòng rộng kia có một người đang ngồi bên bàn làm việc. Tôi cảm thấy như người này chính là Va-li-a, mặc dù giây phút đầu tiên vẫn còn bị tuyết làm cho lóa mắt, tôi chưa thể nhận ra ngay được, hơn nữa khi nhìn thấy tôi anh ta đứng dậy, lưng quay ra cửa sổ. Tôi cảm thấy người này nhìn tôi hệt như Va-li-a nhìn, cũng có điệu bộ hiền từ và hơi ngớ ngẩn như thế, hình như trên má người này cũng có những sợi lông tơ đen như ở Va-li-a, có

điều là rậm hơn và đen hơn thôi. Tôi cảm thấy anh ta sẽ hỏi tôi ngay cũng với cái giọng như Va-li-a:

- Đồng chí cần gì ạ?

- Va-li-a! - tôi nói. - Có đúng cậu không, Van-ca?

- Gì cơ? - Anh ta lúng túng hỏi và cũng ngả đầu sang một bên.

- Va-li-a, của khỉ! - Tôi nói và cảm thấy tim mình đập rất mạnh. - Cậu làm sao thế! Cậu không nhận ra mình thật ư?

Anh ta cười do dự và chìa tay cho tôi.

- Không, làm gì có, - anh ta nói, giọng lạc đi. - Hình như chúng mình đã gặp nhau.

- Hình như! Chúng mình như đã gặp nhau!

Tôi nắm lấy tay anh và kéo ra chỗ cửa sổ.

- Nào, nhìn đi! Đồ con bò!

Anh ta nhìn và cười lưỡng lự.

- Rõ khỉ, chẳng lẽ cậu không nhận ra thật hay sao? - Tôi ngạc nhiên nói. - Thế này là thế nào? Chẳng lẽ mình lầm à?

Anh ta chớp chớp mắt. Sau đó, vẻ mặt nghi ngờ đã biến mất, lúc này thì đúng là Va-li-a, đúng là Va-li-a bằng xương bằng thịt, quyết không thể lẫn với bất cứ người nào trên đời này được. Vả lại có lẽ giờ đây tôi cũng đã là tôi hơn cho nên cuối cùng cậu ta đã nhận ra tôi.

- Xa-nhi-a! - cậu ta hét lên, thở không ra hơi. - Cậu đấy à?

Chúng tôi ôm hôn nhau và cứ ôm nhau như thế đi ra ngoài, ra đến cửa cậu ta lại hôn tôi cái nữa.

- Thì ra là cậu à? Khỉ thật! Cậu cừ lắm! Cậu đến đây bao giờ?

- Mình không đến mà đang ở đây.

- Ở đây?

- Rất đơn giản. Mình ở đây đã được nửa năm.

- Thong thả, thế là thế nào? - Va-li-a lắp bắp. - Đúng rồi, mình rất ít khi ra thành phố, nếu không mình đã gặp cậu. Hừ... Nửa năm rồi! Đúng nửa năm rồi sao?

Va-li-a dẫn tôi sang một phòng khác. Căn phòng này chẳng khác gì căn phòng chúng tôi vừa mới đứng. Khác chăng là trong phòng này có kê một cái giường và trên tường có treo một khẩu súng săn. Nhưng đó là phòng làm việc còn đây là phòng ngủ. Gần đó còn có một phòng thực nghiệm. Điều này cũng dễ đoán ra vì từ trong phòng đã ngửi thấy mùi hôi. Cái mùi hôi động vật hòa hợp với Va-li-a, với đôi mắt lờ đờ, với mái tóc bù xù, với những lông tơ trên má cậu ta làm cho tôi không khỏi bật cười. Trên người Va-li-a lúc nào cũng có cái mùi gì đó.

Cậu ta sống trong căn nhà to lớn này gồm ba phòng với một cái bếp. Cậu ta đã trở thành chuyên viên khoa học cao cấp và theo chế độ thì cậu ta được ở căn nhà rộng lớn trống trải này. Cậu ta chẳng biết làm gì cho hết.

Tôi bỗng sực nhớ còn để Vô-lô-đi-a đứng chờ ở ngoài cổng. Va-li-a cử chuyên viên khoa học sơ cấp ra đón Vô-lô-đô-a. Người chuyên viên này hơn Va-li-a khoảng ba chục tuổi, đó là một người đàn ông để râu, mũi rất to và hơi thô. Nhưng rõ ràng là ông ta đã gây cho Vô-lô-đi-a một ấn tượng rất tốt, cho nên chỉ sau nửa tiếng đồng hồ hai người đã chuyện trò rất thân mật. Vô-lô-đi-a nói chú Pa-ven Pê-trô-vích - tên người đàn ông - hứa là sẽ cho xem cái bếp của con cáo.

- Cũng có cơm cho cáo, - ông Pa-ven Pê-trô-vích nói.

- Hôm nay chúng ta có những gì?

- Cà chua và cháo bột trân châu.

- Dẫn chú ấy đi xem "Rừng nhiệt đới", - Va-li-a nói.

Vô-lô-đi-a đỏ mặt lên, sau khi nghe nói thế, hình như cậu ta nín thở. Tất nhiên thôi! "Rừng nhiệt đới" kia mà!

- Chú Pa-ven Pê-trô-vích, đưa cháu đi xem "Rừng nhiệt đới" trước đã có được không ạ? - Cậu ta lắp bắp đề nghị.

- Không trước hết phải xuống bếp đã, nếu không chúng ta sẽ lỡ mất bữa ăn sáng.

Họ đi ra. Tôi và Va-li-a ở lại. Cậu ta bận rộn thết tôi một bữa, pha trà và mang thức ăn điểm tâm ở dưới bếp lên.

- Những thứ này do nhà ăn tập thể của chúng mình đấy! Cũng không tồi, đúng không nào?

Thức ăn điểm tâm cũng có mùi súc vật. Tôi nếm một miếng rồi bắt chước đầu bếp Pê-chi-a ở trại trẻ chúng tôi nói.

- A! Có độc!

Va-li-a cười sung sướng.

- Hiện nay chúng nó ở đâu cả? Tan-ca Ve-lích-cô ở đâu? Gri-sca Pha-be? Thầy I-van Pa-vơ-lứt ở đâu? Thầy thế nào?

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt chẳng sao cả, - Va-li-a nói. - Mình có đến nhà thầy. Thầy có hỏi thăm cậu.

- Sao?

- Mình nói là mình không biết.

- Thế à, tất nhiên là cậu không biết! Thế ai gọi dây nói cho cậu ở Mát-xcơ-va? Họ có báo cho cậu không?

- Có báo. Nhưng người ta bảo mình rằng, một phi công gọi. Lúc đó mình không biết cậu là phi công.

- Cậu toàn nói dối! Thế cậu làm thế nào để đến đây?

- Mình ấy à, cậu có biết không, mình nghĩ ra một cái rất có ý

nghĩa, - Va-li-a nói, - dùng thứ này có thể làm cho nó lớn rất nhanh.

- Cho ai?

- Cáo.

Tôi cười.

- Lại máu thay đổi theo lứa tuổi chứ gì?

- Cái gì?

- Máu rắn độc thay đổi tùy theo lứa tuổi, - tôi trịnh trọng nhắc lại. - Đây cũng là cái trò do cậu nghĩ ra chứ gì. Khỉ thật, nhưng gặp cậu mình rất phấn khởi!

Tôi quả là có phấn khởi thật, phấn khởi từ đáy lòng! Tôi và Va-li-a bao giờ cũng yêu nhau, nhưng hồi đó chúng tôi chưa biết là sau nhiều năm, khi cuộc sống cũ hình như đã bị quên một nửa, bỗng bất ngờ chúng tôi lại được gặp nhau, thì thực là thú vị quá!

Chúng tôi nói chuyện về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, nhưng lúc đó Va-li-a sực nhớ ra là nói phải đi cho cáo con uống thuốc gì đó.

- Cậu dặn người khác đi có được không?

- Không được, cậu có hiểu không, việc này mình phải tự tay làm, tự mình cho nó uống, - Va-li-a nói vẻ lo lắng. - Đây là bệnh còi xương. Cậu chờ mình một tí nhé. Mình sẽ về ngay.

Tôi không muốn rời khỏi nó, thế là hai chúng tôi cùng đi.

Chương 10

Chúc ngủ ngon

Trời đã bắt đầu tối, Vô-lô-đi-a mới từ "Rừng nhiệt đới" về. Thì ra danh từ này là chỉ một khu rừng rậm do nông trường chăn nuôi dành ra để cho các loài thú được sống tự do ở đây. Vô-lô-đi-a ngạc nhiên nhất là những ngôi nhà nhỏ để nuôi cáo.

- Tuyệt thật! - Vô-lô-đi-a nói, cố gắng không để lộ ra là mình đang phấn khởi. - Nói chung chúng sống hoàn toàn như người. Chúng ăn sáng rồi nghỉ ngơi, rồi chơi đùa, một vài con lớn thì đi thăm hỏi nhau.

Va-li-a khuyên tôi nên ngủ lại ở chỗ nó, tôi gọi điện thoại về cho bác sĩ, để cho Vô-lô-đi-a về trước một mình...

Da-pô-li-a-ri-e là một thành phố ồn ào. Việc giao thông trong thành phố cố nhiên không tấp nập lắm, chỉ thỉnh thoảng mới có vài chiếc xe ô-tô, xe hươu kéo, xe ngựa và xe chó kéo cùng chen nhau đi lại trên đường phố. Những chiếc cưa máy ở trong xưởng gỗ làm ầm ĩ, suốt ngày đêm bên tai bạn lúc nào cũng có tiếng rít ngày càng mạnh lên. Và cuối cùng bạn chẳng thèm để ý đến nó nữa. Nhưng trong đầu óc bạn vẫn văng vẳng có tiếng cưa máy ở đâu đó xa xa.

Còn ở đây, trong nông trường chăn nuôi này rất tĩnh mịch. Chúng tôi đi dạo trong rừng và gặp bác Pa-ven Pê-trô-vích. Bác đang căng lưới bẫy chim đa-đa. Chúng tôi nói chuyện với bác rất lâu về rừng, về mùa Ca-ra, về thời tiết.

- Anh Va-len-tin Ni-cô-la-e-vích[1], thế nào, đêm nay đem Đông Các-lốt đến chỗ anh nhé? - Bác hỏi. Một người đàn ông đã đứng tuổi, có cái mũi to đáng kính như thế lại đi gọi Va-li-a là Va-len-tin Ni-cô-lai-e-vích và nói chuyện với cậu ta một cách kính cẩn ý như nói với một chuyên viên khoa học cao cấp thực thụ là rất buồn cười và cũng làm cho tôi rất thú vị. Đông Các-lốt là tên một con cáo con, chú ta rất sợ rét.

Sau đó chúng tôi trở về phòng Va-li-a, mỗi người uống một cốc rượu con. Nó nói với tôi, đúng là nửa năm nay hầu như nó không ra khỏi nông trường chăn nuôi. Nó đang có một công tác rất thú vị: nó đang mổ dạ dầy những con hắc điêu thử để nghiên cứu xem chúng ăn những thứ gì. Có mấy cái dạ dày hắc điêu thử là của nó, ngoài ra còn khoảng hai trăm cái khác là do tấm lòng tốt của khu rừng cấm cung cấp cho nó sử dụng. Nó phát hiện ra một việc rất thú vị như sau: khi chế tạo những túi lông loại nhỏ, phải thương hại lũ chuột kim hoa, bởi vì hắc điêu thử chủ yếu ăn thịt chuột kim hoa.

Tôi im lặng nghe nó nói. Chỉ có hai chúng tôi ở trong căn nhà trống trải này. Gian buồng này cũng trống trải. Một gian buồng mênh mông, không đủ tiện nghi của một người đơn độc.

- Ừ, thú vị thật, - tôi nói sau khi Va-li-a nói xong. - Như thế có nghĩa là hắc điêu thử ăn thịt chuột kim hoa. Tuyệt thật! Thế còn

(1) Va-len-tin Ni-cô-la-e-vích là tên và tên đệm của Va-li-a gọi gộp lại. Thông thường đối với người đứng tuổi, người có danh tiếng hay với người chưa quen thân mới gọi cả tên đệm. - N.D.

cậu, cậu có biết cậu cần cái gì nhất không? Cậu có biết nhu cầu bức thiết nhất của cậu là gì không? Lấy vợ!

Va-li-a chớp mắt rồi cười.

- Tại sao cậu nghĩ thế? - Nó do dự hỏi.

- Tại vì cậu đang sống như con chó. Và cậu có biết, cậu cần có một người vợ như thế nào không? Phải là một người đàn bà biết mang bánh mì cặp thịt đến phòng thực nghiệm cho cậu ăn và đừng có đòi hỏi cậu quan tâm nhiều đến cô ấy.

- Ừ, cậu nói rằng, - Va-li-a lắp bắp. - Có gì đâu! Rồi đây mình sẽ lấy vợ. Mình chỉ cần bảo vệ xong luận án, sau đó mình hoàn toàn tự do. Và mình cũng sắp trở về Mát-xcơ-va đấy. Còn cậu?

- Mình cái gì?

- Tại sao cậu không lấy vợ?

Tôi im lặng.

- Ồ, mình thuộc loại đặc biệt. Mình có một cuộc đời riêng. Cậu nghĩ xem, những người như mình: hôm nay ở đây, còn ngày mai sẽ ở tít tận trời nam biển bắc đâu đâu ấy. Mình không được lấy vợ.

- Không, cậu cũng cần phải lấy vợ, - Va-li-a bác lại. - Cậu nghe đây, - cậu ta bỗng phấn khởi nói, - cậu có nhớ cái lần cậu đến vườn bách thú tìm mình, Ca-chi-a đến với một cô bạn nữa không? Cô ấy tên là gì? Cái cô người cao cao, có bím tóc ấy mà.

Nét mặt cậu ta lúc đó sao mà hiền lành, ngây thơ. Tôi nhìn không nhịn được cười.

- Sao lại không nhớ! Ki-ren! Rất đẹp, có đúng không nào?

- Rất đẹp, - Va-li-a nói. - Rất đẹp!

Va-li-a định nhường giường của nó cho tôi ngủ, nhưng tôi không cho nó làm như thế, tôi ngủ trên sàn. Giường bao nhiêu

cũng có, nhưng tôi bao giờ cũng thích ngủ trên sàn. Cái đệm cỏ cao kêu lạo xạo, tôi reo lên "ô hổ", - Va-li-a lo lắng, tưởng tôi khó nằm. Thực ra, tôi nằm rất dễ chịu. Từ dưới nhìn lên có thể nhìn thấy bầu trời yên tĩnh, hình như trên đó cũng hoàn là rừng và đầy những tuyết. Nằm nhìn trời mà nói chuyện thì thật tuyệt. Chẳng muốn ngủ tí nào cả.

Chẳng có chuyện gì là chúng tôi không bàn đến! Thậm chí chúng tôi còn nhớ lại cả con nhím mà Va-li-a đã bán cho Trường đại học Tổng hợp được hai mươi cô-pếch. Sau đó lại quay lại chuyện thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

- Cậu có biết không, - tự nhiên Va-li-a nói, - tất nhiên, có thể là mình sai, mình cảm thấy hình như thầy ấy yêu bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na. Cậu thấy thế nào?

- Có thể.

- Bởi vì việc đó rất kỳ quặc. Có một lần mình đến chỗ thầy, mình thấy ở trên bàn có tấm ảnh của bà. Mình đến hỏi thầy một việc gì đấy, mà hôm sau mình định đến nhà Ta-ta-ri-nốp, thế là thầy nói chuyện ngay về bà ấy. Sau đó thầy im lặng, nhưng nét mặt thầy thế nào ấy... Mình đoán ở đây có cái gì không ổn.

- Va-li-a, xin đủ cậu đi! - Tôi bực bội nói. - Thật tình mà nói, mình không hiểu cậu sống ở đâu! Ông ta có yêu bà ấy thật! Ông ta không thể sống không có bà ấy! Toàn bộ câu chuyện chẳng đã xảy ra ngay trước mắt cậu đó sao! Ồ, hồi đó cậu còn mải nghiên cứu rắn độc, điều đó cũng dễ hiểu thôi.

- Cậu bảo sao? Thầy là người đáng thương!

- Đúng, ông ta là một người thật đáng thương!

Chúng tôi im lặng. Sau đó tôi hỏi:

- Cậu có thường đến nhà Ta-ta-ri-nốp?

- Không thường xuyên lắm. Mình đến tất cả ba lần.

- Thế họ sống thế nào.

Va-li-a chống người trên khuỷu tay. Hình như nó muốn nhìn tôi trong bóng tối, mặc dù tôi nói câu ấy rất bình tĩnh.

- Chẳng sao cả. Hiện nay Ni-cô-lai An-tô-nứt là giáo sư.

- Thế đấy! Ông ta dạy môn gì?

- Giáo dục học, - Va-li-a nói. - Cậu hãy tin mình nói, ông ấy là một giáo sư rất được tôn kính... và nói chung...

- Nói chung cái gì?

- Theo mình, trong chuyện này cậu đã lầm.

- Thật đúng như thế sao?

- Ừ, ừ, - Va-li-a nói một cách khẳng định. - Trong việc này cậu đã lầm! Ví dụ, cậu hãy xem ông ấy đối xử với học trò của mình như thế nào. ông ấy sẵn sàng vì học sinh của mình mà nhảy xuống nước hoặc lao vào lửa. Thằng Rô-ma-sốp nói với mình rằng, năm ngoái...

- Rô-ma-sốp? Thằng cha ấy ở đâu ra thế?

- Sao lại ở đâu ra? Chính nó dẫn mình đến nhà Ta-ta-ri-nốp mà.

- Nghĩa là, nó cũng thường đến nhà Ta-ta-ri-nốp?

- Nó ấy à? Nó là trợ lý của Ni-cô-lai An-tô-nứt. Ngày nào nó chẳng ở đấy. Nói chung, nó là người gần gũi nhất trong gia đình này.

- Hượm đã, cậu bảo sao? Mình không hiểu, Rô-ma-sca như thế à?

- Ừ phải, Va-li-a nói. - Nhưng cậu có hiểu không, hiện nay không ai gọi nó như thế nữa. Và theo mình thì nó chuẩn bị lấy Ca-chi-a.

Hình như có cái gì đâm trúng trái tim tôi, tôi ngồi phắt dậy. Va-li-a cũng ngồi lên giường, mắt ngơ ngác nhìn tôi.

- Sao thế? - Nó hỏi. - À, ừ, khỉ thật? Mình quên khuấy đi mất!

Nó lẩm bẩm rồi cuống quít nhìn quanh và tụt xuống khỏi giường. Nó nói tiếp:

- Không phải chuẩn bị...

- Không nên thế, tốt nhất cậu nên nói hết đi, - tôi nói rất bình tĩnh.

- Sao lại "nói hết"? - Va-li-a nói lắp bắp. - Mình chẳng giấu cậu điều gì cả. Chẳng qua mình chỉ nghĩ thế thôi, nhưng mình suy nghĩ cũng chẳng ít đâu! Đôi khi còn những ý nghĩ nảy ra trong đầu óc mình mà chính bản thân mình cũng thấy ngạc nhiên.

- Va-li-a!

- Mình thật không biết! - Va-li-a nói vẻ tuyệt vọng. - Cậu níu lấy mình làm gì? Chẳng qua đây chỉ là cảm giác, nhưng cũng có khi có ma biết được mình cảm thấy cái gì. Cậu có thể không tin mình - cũng được.

- Cậu cảm thấy thằng Rô-ma-sốp muốn cưới Ca-chi-a à?

- Không! Khỉ thật! Mình nói với cậu là không? Chẳng có chuyện gì như thế cả! Hiện nay nó ăn mặc có sang trọng hơn, thế thôi.

- Va-li-a!

- Mình xin thề với cậu là mình không biết tí gì hơn nữa.

- Nó có nói với cậu không?

- Ừ, có nói! Ví dụ như nó kể rằng, nó bắt đầu gom góp tiền từ năm mười ba tuổi,thế mà hiện nay không ngờ chỉ trong vòng nửa năm đã tiêu hết sạch, chuyện đó, theo cậu cũng có liên quan, có phải không?

Tôi không nghe thấy Va-li-a nói thêm gì nữa. Tôi nằm xuống sàn, nhìn lên trời. Tôi cảm thấy tôi đang nằm dưới cái hố sâu

kinh khủng, cả thế giới đang nói chuyện ồn ào trên đầu tôi, còn tôi nằm một mình, chẳng có ai nói với tôi một lời nào. Bầu trời vẫn tối đen như mực, sao vẫn sáng, không biết từ đâu chiếu đến một tia ánh sáng yếu ớt, xa xăm. Tôi nghĩ, chúng tôi đã nói chuyện thâu đêm, bỗng chúng tôi thỏa thuận với nhau!

- Chúc cậu ngủ ngon!

- Chúc cậu ngủ ngon, - tôi máy móc trả lời.

Giá tôi cùng trở về với Vô-lô-đi-a thì hay quá! Có cái gì đó tắc nghẽn trong cổ họng tôi. Tôi rất muốn đứng dậy đi ra ngoài, nhưng tôi vẫn nằm, chỉ xoay người lại, nằm sấp hai tay chống cằm. À, thì ra như thế! Việc này khó mà tin được, nhưng không thể nào quên nó được dù chỉ trong một phút. Chỉ có thằng Rô-ma-sca là khó tin, bởi vì tôi không thể hình dung được tình hình nó ở bên cạnh Ca-chi-a. Nhưng tại sao tôi có thể cho rằng cho đến nay cô ta vẫn còn nhớ tôi? Đã bao nhiêu năm nay chúng tôi không gặp nhau!

Tôi nằm đó và suy nghĩ miên man, suy nghĩ về tất cả nhưng lại không nghĩ đến việc này. Tôi nhớ lại chuyện Va-li-a không thích người ta nhìn nó ban đêm, có một lần thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói đùa với nó, hỏi nó: "thế nếu có người nhìn với con mắt yêu đương thì sao?" Sau đó hình như tôi lại nghĩ đến Ca-chi-a. Tôi bỗng nhớ lại một cách da diết - không phải nghĩ đến cô ta mà là nghĩ đến tâm trạng diệu kỳ mỗi khi gặp cô tôi thường cảm thấy. Trong những giây phút ấy, mong muốn lớn nhất trên đời của tôi là ngủ ngay được một giấc. Nhưng không những tôi không thể nhắm được mắt, mà thậm chí còn không thể rời mắt khỏi bầu trời, mắt cứ nhìn bầu trời sáng dần, tuy rất chậm nhưng dù sao cũng đã bắt đầu sáng.

Va-li-a ngủ say, nếu tôi đi ra có lẽ cậu ta sẽ tỉnh dậy. Nhưng tôi không muốn nói chuyện thêm với cậu ta nữa, do đó tôi cứ nằm và nằm sấp, sau đó nằm ngửa về sau lại nằm sấp hai tay chống cằm.

Sau đó - đại khái đã vào khoảng bảy giờ sáng - có tiếng chuông điện thoại reo. Va-li-a vùng dậy, vẫn còn đang ngái ngủ, chạy sang buồng bên, quấn chăn trên người.

- Tôi nghe đây! Tê-lê-phôn gọi cậu đấy, - sau một phút nó quay lại và nói.

- Gọi mình?

Tôi khoác áo bành tô và đi đến chỗ máy nói.

- Xa-nhi-a đấy à? Tôi là bác sĩ đây. Anh biến đi đâu thế? Tôi gọi từ Ban chấp hành khu đây. Bây giờ anh nói chuyện với người khác nhé.

- Vâng, cháu nghe đây, - tôi nói.

- Đồng chí Gri-gô-ri-ép, - giọng người khác nói. Đó là đại biểu toàn quyền của nhân dân ủy viên hội Bộ nội vụ đóng ở Da-pô-li-a-ri-e. - Có việc khẩn cấp. Đề nghị đồng chí cùng với bác sĩ Páp-lốp bay ngay đến thôn Va-nô-can. Đồng chí có biết Lét-cốp không?

Ai chẳng biết ông ấy! Ông ấy là Ủy viên ban chấp hành khu, một trong những người được kính trọng nhất ở miền Bắc. Ai cũng biết ông ta.

- Ông ấy bị thương, cần phải cấp cứu. Khi nào đồng chí có thể cất cánh?

- Sau một tiếng đồng hồ, - tôi trả lời.

- Bác sĩ, còn bác?

Tôi không nghe thấy bác sĩ trả lời.

- Dụng cụ đều chuẩn bị đầy đủ cả rồi chứ? Hay lắm, sau một tiếng đồng hồ nữa cháu sẽ chờ bác ở sân bay.

Chương 11

Bay

Sáng ngày mồng năm tháng Ba, chúng tôi cất cánh từ sân bay Da-pô-li-a-ri-e nhằm hướng đông - bắc. Đi trên máy bay gồm có: bác sĩ với vẻ rất sốt ruột. Ông đeo kính đen, trông thay đổi lạ lùng, anh thợ máy Lu-ri của tôi - bất cứ ở Da-pô-li-a-ri-e hay ở một nơi nào khác, anh chỉ cần ở lại ba, bốn ngày là trở thành một trong những người được hoan nghênh nhất, - và sau cùng là tôi.

Đây là chuyến bay thứ mười lăm của tôi ở miền Bắc, nhưng là lần đầu tiên tôi bay đến cái nơi chưa bao giờ được nhìn thấy máy bay. Thôn Va-nô-can là một vùng hẻo lánh nhất trên dòng sông Pa-a-xi-na. Nhưng bác sĩ đã từng đến Pa-a-xi-na và nói rằng tìm Va-nô-can không khó.

Ủy viên Ban chấp khu bị thương. Việc này xảy ra trong khi đi săn, mà cũng có thể không phải là trong khi đi săn. Tóm lại vị đại biểu toàn quyền của nhân dân ủy viên hội Bộ nội vụ yêu cầu chúng tôi, tức là tôi và bác sĩ xác minh sự kiện này xảy ra trong trường hợp nào. Đến Va-nô-can, chúng tôi phải bay vào khoảng ba giờ sáng, tức là lúc trời vừa sáng. Để đề phòng những bất trắc

có thể xảy ra, chúng tôi đã đem theo: lương thực đủ cho ba người ăn trong ba mươi ngày, bếp đèn cồn, lều bạt, súng bắn pháo hiệu và đạn pháo hiệu, súng trường và đạn, xẻng, rìu. Về tình hình thời tiết tôi chỉ biết có một điều là ở Da-pô-li-a-ri-e thời tiết rất đẹp. Nhưng thời tiết trên tuyến đường bay thế nào thì tôi không biết. Còn công tác "thăm dò" thời tiết thì giờ đây chẳng có thời gian mà cũng chẳng có ai để mà thăm dò nữa.

Như thế là mọi việc đâu vào đấy cả, chúng tôi cất cánh từ Da-pô-li-a-ri-e, bay theo hướng đông - bắc. Mọi việc đâu vào đấy cả và tôi không còn nghĩ ngợi gì đến những chuyện đêm qua Va-li-a kể cho tôi nghe nữa. Bên dưới đã trông thấy dòng sông Ê-ni-xây - một dải màu trắng rộng mênh mông kẹp giữa hai bờ sông trắng xóa. Dọc hai bờ sông là rừng trùng trùng điệp điệp, lúc ngay cạnh bờ sông, lúc chạy xa khỏi bờ. Sau một đêm mất ngủ, giờ đây tôi thấy hơi nhức đầu, thỉnh thoảng lại thấy tiếng o o ở trong tai, nhưng chỉ ở trong tai mà thôi, còn động cơ máy bay làm việc vẫn rất tốt.

Về sau chúng tôi rời khỏi con sông, bắt đầu bay đến đồng rêu, một vùng bằng phẳng, mênh mông, tuyết trắng xóa, không có chấm đen, chẳng có cái gì hấp dẫn đôi mắt....

Tại sao tôi lại tin rằng không thể xảy ra việc như thế được? Đáng lẽ tôi phải viết thư cho cô ấy nhờ Xa-nhi-a chuyển lời hỏi thăm mới phải. Nhưng chừng nào tôi chưa chứng minh được là tôi không có lỗi lầm gì đối với cô ấy, thì tôi chưa chịu nhượng bộ cô một điều gì. Nhưng cũng đừng bao giờ quá tin chắc rằng người ta yêu anh. Đừng quá tin chắc rằng bất kỳ như thế nào người ta cũng yêu anh, thậm chí có chờ đợi năm năm hay mười năm nữa người ta vẫn yêu anh, không có gì thay đổi.

Bất cứ nhìn đâu đâu cũng chỉ toàn thấy tuyết là tuyết. Phía trước có những đám mây, tôi lên cao và lao vào đám mây ấy: bay mò vẫn còn hơn là bay trên cái nền mênh mông bát ngát, thê lương, trắng xóa, chẳng nhìn thấy gì thật ở đằng xa.

Tuy tôi đối với thằng Rô-ma-sca chẳng có sự thù hằn đặc biệt, nhưng nếu nó có mặt ở đây lúc này, có lẽ tôi vẫn nện cho nó một trận. Tôi không cảm thấy căm thù nó, bởi vì không thể có chuyện đó được. Một thằng đầu tóc bù xù như tổ quạ, tai đỏ như gấc, ngay từ năm mười ba tuổi đã nghĩ đến chuyện gom góp tiền để làm giàu, lúc nào cũng tính toán số tiền của mình, lại có thể sống cạnh Ca-chi-a! Điều đó cũng vô nghĩa lý như chuyện nó muốn biến thành một con người hoàn toàn khác hẳn - chứ không phải là nó nữa - một con người cũng xinh đẹp, chính trực như Ca-chi-a!

Chúng tôi bay qua lớp mây này lại chui vào lớp mây khác đang có tuyết rơi. Phía dưới ở đâu đấy bắt đầu lấp lánh ánh mặt trời, nhưng mây đen lại che mất mặt trời làm cho chúng tôi không nhìn thấy nữa.

Chân tôi bị tê cóng. Tôi rất ân hận vì mình không đi đôi giày bay rộng rãi mà lại đi đôi giày chật bó chân này.

Như thế là tôi đã quyết định, tôi sẽ về Mát-xcơ-va. Có điều là phải báo trước cho cô ấy biết về chuyến đi này. Tôi phải viết cho cô ta một bức thư, viết thế nào đó để cô ta đọc xong sẽ không bao giờ quên được.

Chúng tôi bay ra khỏi những lớp mây đen, và bao giờ cũng thế, mỗi khi bay ra khỏi đám mây, người ta cảm thấy mặt trời đặc biệt chói chang, - vậy mà trước sau tôi vẫn không thể quyết định được là nên mở đầu bức thư như thế nào, chỉ viết "*Ca-chi-a*" không thôi hay là viết "*Ca-chi-a thân yêu*".

"Đã lâu lắm chúng mình không viết thư cho nhau. Ca-chi-a, khi cậu nhìn thấy chữ ký này, chắc cậu ngạc nhiên lắm. Cậu sống thế nào? Mình lâu lắm không viết thư cho cậu, vì mình nghĩ rằng cậu vẫn còn giận mình. Tất nhiên là cậu đúng. Chúng ta lâu lắm không gặp nhau, đó là lỗi tại mình. Đáng lẽ ở En-xcơ về, mình phải rẽ vào Mát-xcơ-va thăm cậu, mà không nên lang thang chung quanh nhà cậu như hồi mình còn mười tám tuổi..."

Tôi lại quên bẵng chuyện bức thư. Đáng lẽ hồi đó tôi phải dứt khoát lôi cô ấy đi, bởi vì tôi hiểu rất rõ, cô ấy không nên ở lại trong cái gia đình bất hạnh và giả tạo này cùng cái lão quân tử giả hiệu đáng sợ là Ni-cô-lai An-tô-nứt mà cô ấy tín nhiệm.

Trước mặt là núi! Những ngọn núi cao vọt lên trên những đám mây, lấp lánh ánh mặt trời, ngọn thì trọc lốc, ngọn phủ đầy tuyết trắng lóa cả mắt. Tôi nhìn vào gương, thấy Lu-ri giơ tay như vẫy chào dãy núi và nói gì với bác sĩ. Bác sĩ lãnh đạm gật đầu. Trông dáng điệu ông thật buồn cười, giống như một con vật gì tròn trĩnh ngộ nghĩnh.

Qua ánh sáng mù mờ có thể nhìn thấy những khe núi - những khe núi chạy dài trông rất đẹp, nếu chẳng may phải hạ cánh xuống đây thì chỉ có chết. Vô tình tôi nghĩ đến chuyện đó, nhưng sau lại nghĩ đến chuyện viết thư, tôi cứ nghĩ mãi cho đến khi tôi buộc phải làm việc khác, khẩn cấp hơn mới thôi.

Hình như trời chưa nổi gió khi những đám mây to lớn có tuyết đầu tiên rời khỏi đỉnh núi và quay tít bốc lên ngày càng cao.

Bất thình lình, tấm gương mà vừa rồi tôi nhìn thấy Lu-ri và bác sĩ trong đó đã mờ đi, phủ một lượt băng và sau khoảng mười phút nữa thì không tài nào tưởng tượng được rằng trên đầu chúng

tôi vừa rồi lại có mặt trời và bầu trời. Giờ đây không và còn nhìn thấy cả bầu trời nữa. Tất cả đều đã thay đổi. Gió đang đuổi kịp chúng tôi, thoạt đầu thì từ bên trái ập tới, sau đó từ trước mặt bổ về, bị dồn ngay về một phía. Ở đây cũng có sương mù và có tuyết, tuyết nhỏ và rắn như đá quật vào mặt rất rát và bám ngay vào những đường chỉ khâu và những khe hở trên quần áo. Tiếp đó trời bắt đầu tối, khi tôi nhìn lại lên tấm gương: chẳng còn nhìn thấy gì trong đó nữa. Chẳng nhìn thấy một tí gì ở xung quanh và nhiều lúc tôi đã phải lái máy bay mò trong đêm tối mù mịt. Gió từ bốn phía đổ lại, vừa gió, vừa tuyết hình thành từng lớp tường tuyết thật sự. Hình như tôi cứ đâm bừa vào những bức tường bằng gió, bằng tuyết ấy, lúc thì vượt được qua, lúc phải né tránh chúng, rồi tôi lại xuyên qua. Cũng có khi bị tụt xuống một khoảng cách khá xa bên dưới chúng. Bất thình lình máy bay tụt xuống một, hai trăm thước, đó thật là điều kinh khủng vô cùng. Tôi không biết những ngọn núi ở đây cao thấp thế nào,tại sao không thấy ghi trên bản đồ của tôi. Tất cả điều tôi có thể làm được là quay ngoặt một trăm tám mươi độ để bay về sông Ê-ni-xây. Tôi nhìn thấy bờ sông, bay cao dọc theo bờ sông, như vậy chúng tôi có thể thoát được cơn bão tuyết, nếu bất đắc dĩ lắm thì chúng tôi bay trở về Da-pô-li-a-ri-e.

Quay ngoặt! Nói thì thật là dễ khi tôi đạp bàn lái bên trái, không hiểu sao máy bay lại rùng lên một cái và thế là chúng tôi lại bị xô về một phía. Nhưng tôi vẫn tiếp tục quật tay lái. Hình như tôi có nói với máy bay mấy câu gì đó. Chính lúc ấy tôi cảm thấy động cơ máy bay có cái gì không ổn. Điều bất hạnh nữa là phía dưới lại là những khe núi mà lúc nãy tôi đã rất cảnh giác và đã tụt lại phía đằng sau chúng tôi rất xa. Chúng thoáng hiện lên

rồi biến mất, sau đó lại hiện lên dài dằng dặc, khiến người ta cảm thấy hoàn toàn vô hy vọng, - nếu rơi xuống đây không ai có thể tìm được chúng tôi và vĩnh viễn không có ai biết được việc này đã xảy ra như thế nào. Phải mau mau rời khỏi những khe núi này ngay, tôi bay đi, mặc dù máy bay như bị treo trong không khí, cơn bão tuyết chết tiệt ấy hình như vẫn cố tình trêu chúng tôi, nhưng có lúc lại bay như thường. Cuối cùng tôi cũng bay ra khỏi những khe núi, nhưng động cơ máy bay vẫn có cái gì không ổn, cho nên buộc lòng phải hạ cánh. Cần phải hạ cánh thật chậm phải luôn luôn chú ý những đồng hồ chỉ độ nghiên đường vòng. Không được nghiêng ngả, phải luôn luôn chú ý đến mặt đất ở phía dưới, bởi vì tuy mặt đất ở dưới, nhưng không biết nó ở chỗ nào, và hình dáng nó ra sao. Có cái gì gõ nhịp trong đầu tôi y như cái đồng hồ. Tôi nói rất to với bản thân mình và với máy bay. Nhưng tôi không sợ. Tôi nhớ trong nháy mắt tôi thấy nóng ran khi một mảng gì to tướng bay cạnh máy bay, tôi vội vàng tránh nó và suýt nữa thì cánh máy bay chạm đất.

Chương 12

Bão tuyết

Tôi không định kể về ba ngày đêm chúng tôi ở Đồng rêu, một nơi cách bờ sông Pi-a-xi-na không xa lắm. Đây là một kỷ niệm đau khổ nhất trong đời tôi và điều chính, đây là một kỷ niệm tẻ ngắt. Giờ này cũng giống như giờ sau, giờ sau lại giống như giờ sau nữa, và chỉ có những phút đầu tiên là không bị lặp lại, bởi vì lúc đó chúng tôi phải tìm mọi cách để cố định máy bay một chỗ, bằng không thì bão tuyết sẽ cuốn đi mất.

Xin các bạn hãy thử làm việc này ở Đồng rêu chẳng có cây cối gì ngoài trời gió bão mạnh đến cấp Mười mà xem! Không tắt động cơ máy bay, tôi đặt đuôi máy bay về hướng gió. Có lẽ chúng tôi có thể chôn máy bay xuống, nhưng cái xẻng vừa chạm đến tuyết là gió lại cuốn đi hết rồi. Máy bay vẫn tiếp tục lúc lắc rất mạnh, phải mau mau nghĩ cách gì cho ổn hơn, nếu không gió mỗi lúc một mạnh, chỉ sau nửa tiếng đồng hồ nữa là chậm mất. Lúc đó chúng tôi chỉ làm một việc đơn giản như sau (đề nghị các nhà phi hành Bắc cực cùng tham khảo) chúng tôi đem dây ra buộc vào cánh máy bay, sau đó đem bàn trượt tuyết, va-li da,

những hòm đựng đồ đạc, thậm chí cả cái phễu - tóm lại là tất cả những cái gì có thể để cho tuyết nhanh chóng tích lại thành đống thì buộc ở một bên đầu dây. Chỉ mười lăm phút sau đã có một đống tuyết đọng lại chung quanh đống đồ đạc này. Còn những chỗ khác ở dưới thân máy bay, tuyết vẫn bị gió cuốn đi không ngừng.

Giờ đây, ngoài việc chờ đợi ra chúng tôi chẳng còn việc gì khác nữa. Chờ đợi là một việc chẳng thích thú gì nhưng đó lại là công việc duy nhất của chúng tôi. Chờ, chờ và chờ. Nhưng chờ bao lâu nữa, nào ai biết!

Như trên kia tôi đã nói, chúng tôi có mang theo tất cả những thứ cần thiết để dùng nếu bắt buộc phải hạ cánh. Nhưng làm gì bây giờ, chẳng hạn, dựng lều ư, làm sao làm được khi mà anh chỉ bò ra khỏi máy bay cũng khó khăn, khổ sở lắm rồi, nên chỉ có thể mỗi ngày bò ra một lần và cũng bởi vì mỗi ngày chỉ cần phải chui ra khỏi máy bay một lần thôi.

Chưa cởi được sợi dây ở túi ra thì tay đã lạnh cóng rồi, cho nên muốn cởi phải chia làm ba đợt. Gió mạnh đến nỗi không bước đi được nữa, do đó chúng tôi phải sáng tạo ra một cách đi đặc biệt là cúi người bốn mươi nhăm độ ngược chiều gió.

Ngày đầu tiên trôi qua là như thế đấy. Trong người giảm mất một số ca-lô. Đã thế lại muốn ngủ nhiều hơn chút nữa. Để cho khỏi ngủ say quá, tôi đã nghĩ ra đủ trò tiêu khiển, những trò này chiếm nhiều thời gian. Có điều những biện pháp này cũng chẳng có tác dụng gì mấy. Ví dụ tôi đã thử đốt bếp đèn cồn, ra lệnh cho Lu-ri thắp chiếc đèn hàn. Công việc gian nan quá chừng! Thật khó mà đốt đèn cồn khi mỗi một phút bạn đều cảm thấy da thịt mình từ đầu đến chân hình như đều hở ra ngoài, khi mà trong

tận cùng lỗ tai bạn cũng thấy lạnh, hình như cả màng tai bạn bị đóng giá, khi phút chốc tuyết bám đầy mặt bạn và biến mặt bạn thành cái mặt nạ bằng băng, Lu-ri muốn pha trò, nhưng trời lạnh năm mươi độ dưới không độ thì lời bông đùa cũng phải đóng băng. Cậu ta chẳng còn cách nào khác, đành phải chế giễu cái tài năng của mình pha trò trong mọi hoàn cảnh và mọi lúc.

Đêm đầu tiên trôi qua như thế đấy. Lại mất thêm một ít ca-lo nữa. Lại muốn ngủ nhiều hơn chút nữa. Tuyết vẫn quét qua cạnh người chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi bắt đầu cảm thấy hình như có bao nhiêu tuyết trên mặt đất này đều bay qua cạnh chúng tôi cả...

Trong những ngày ở bờ sông Pi-a-xi-na, tôi càng hiểu thêm về bác sĩ I-van I-va-nứt.

Cảm thấy mình hoàn toàn bất lực, nhận thấy mình hoàn toàn không có khả năng vượt ra khỏi cảnh tuyệt vọng này - đó là điều đau khổ nhất! Giá tôi đừng khỏe mạnh, lực lưỡng như thế này có lẽ tâm hồn tôi còn nhẹ nhõm được đôi chút. Cảm tưởng này quyện với một cảm tưởng không vui khác: tôi đã không hoàn thành nhiệm vụ được trao. Lại còn thêm cảm tưởng thứ ba chẳng có liên quan đến ai cả, cảm tưởng lòng tự tôn bị làm nhục và bị xúc phạm - tâm trạng tôi lúc ấy như thế. Trong tâm trạng ấy, ăn cũng không thấy ngon và thực tình mà nói, thà rằng chết cóng đi cũng không kinh khủng như vậy.

Tất cả tình hình đó bác sĩ đều hiểu, đều thấy! Cả đời tôi chưa bao giờ được trông nom tỉ mỉ đến thế. Ông có từng phương thuốc cho mỗi cảm giác của tôi và hình như còn có cả phương thuốc cho cả loại cảm giác chẳng có liên quan gì đến ai của tôi nữa.

Ngày thứ ba. Tôi rất buồn ngủ. Ca-lo càng ngày càng giảm.

Cái áo da lông càng ngày càng ẩm ướt. Một thứ lạnh thần kinh nào đó sẽ truyền ngay đến tận xương tủy, khi anh nghĩ rằng thứ nước này có thể đóng băng lại.

Chúng tôi buộc phải luôn tay gạt những hạt băng ở trong áo khoác da lông ra, như vậy có lẽ lại còn tốt, bởi vì chỉ ngồi xuống và suy nghĩ vơ vẩn, nghĩ những chuyện không cùng thì cũng buồn tẻ quá. Sau đó số ca-lo trong người càng giảm đi - cũng chẳng có cách nào thoát, gió lạnh cứ thổi dần ca-lo đi - thế là tôi lấy đôi găng tay bay xỏ vào chân và đi đôi giày bay ra ngoài. Điều chủ yếu là phải kiên trì không được ngủ. Điều chủ yếu nhất là không được để cho người thợ máy trên máy bay ngủ, cậu ta là người yếu nhất trong chúng tôi, mặc dù bề ngoài có vẻ là khỏe nhất. Bác sĩ luôn luôn đập vào người cậu ta làm cho cậu tỉnh táo. Về sau cả bác sĩ cũng bắt đầu ngủ gật, và tôi đã buộc lòng phải luôn luôn lay bác dậy, tuy có hơi khách khí một tí, nhưng lay thật sự làm cho bác tỉnh táo.

- Xa-nhi-a, chẳng việc gì đâu, tôi có định ngủ đâu, - bác lắp bắp và cố gắng mở mắt.

Nhưng tôi lại khống muốn ngủ nữa. Tuyết rít bên tai và thỉnh thoảng khi được một phút yên yên thì hình như sự yên tĩnh vận động còn to hơn cả tiếng gầm rít rùng rợn quằn quại, vu vơ. Hình như ở đâu xa tít, những nhân viên vô tuyết điện ở Đích-xơn, ở Da-pô-li-a-ri-e đang nói chuyện về chúng tôi.

- Họ đang ở đâu? Có bay qua vùng X không?

- Họ không bay qua.

Ngồi xuống và đợi chờ xem bao giờ đợt bão tuyết này kết thúc thì rất chán. Cuối cùng tôi nhớ ra là tôi có một quyển sách. Tôi quấn cái áo lông cao hơn đầu gối một tí rồi chui cả đầu, cả tay

vào trong đó. Căn "nhà nhỏ" này đúng là chật chội thật, nhưng nếu tay trái cầm đèn pin giơ cao quá mang tai, tay phải cầm sách thì vẫn có thể xem sách được! Tôi có một cái đèn bấm chạy bằng nam châm. Muốn đèn sáng thì phải nắm trong tay bóp liên tục. Nhưng ngón tay không thể làm việc liên tục mãi được, mà hễ rời tay ra là tất cả lại trở nên lạnh lẽo, tất cả lại trở lại tình trạng cũ và tôi lại bắt đầu cảm thấy tuyết luồn qua những kẽ hở trên máy bay thổi vào người tôi.

Ít năm sau, đọc hết cuốn "Bắc cực mến khách" của Xti-ven-xôn, tôi mới hiểu ra rằng ít ngủ như thế là một sai lầm. Nhưng hồi đó tôi là một phi công Bắc cực chưa có kinh nghiệm, cho nên mới nghĩ rằng trong tình huống như vậy, ngủ cũng chẳng khác gì chết.

Có lẽ cuối cùng tôi cũng ngủ say, hoặc là có một ảo giác trong lúc ngủ không say. Tôi cảm thấy mình đang ở trong một cái hòm rất hẹp, ở một nơi rất sâu dưới đất, bởi vì tôi nghe thấy rất rõ bên trên có tiếng ồn ào của phố xá, tiếng chuông và tiếng ầm ầm của xe điện. Những cái đó không đáng sợ lắm nhưng tôi cảm thấy rất đau khổ, bởi vì lúc này mình lại nằm ở đây một mình, chân tay không sao cử động được mà đáng lẽ ra phải bay ngay đi đâu đó không được có một phút rỗi rãi. Sau đó không hiểu sao hình như tôi lại có mặt ở trên phố, đứng trước cửa sổ một hiệu buôn đèn sáng choang và trông thấy Ca-chi-a đang đi đi lại lại trong đó, chân bước đều, bình thản, nhưng không nhìn tôi. Đúng là cô ta, không còn nghi ngờ gì nữa. Mặc dù tôi hơi sợ, rất có thể sau đó sẽ không phải là cô ta hoặc là có người nào đó đến làm cản trở việc tôi nói chuyện với cô ta. Thế là tôi chạy bổ vào hiệu buôn - nhưng tất cả bỗng trống rỗng, tối om và trên cửa kính có hàng chữ "ĐÓNG CỬA".

Tôi mở mắt - rồi lại nhắm mắt: những cảnh tôi vừa nhìn thấy sao mà hạnh phúc vậy. Bão tuyết đã dịu. Tuyết nằm lặng lẽ trên mặt đất, không còn làm cho chúng tôi chói mắt nữa. Trên tuyết là mặt trời và bầu trời, bầu trời bao la. Chỉ có thể nhìn thấy bầu trời như vậy ngoài biển cả và ở vùng Đồng rêu này mà thôi. Trên nền tuyết và trời ấy có một người đang đứng cách chiếc máy bay khoảng hai trăm bước. Tay ông ta cầm một cái gậy dài dùng để đuổi hươu, đằng sau ông ta có mấy con hươu mắc vào xe trượt tuyết. Phía xa xa là hai ngọn núi tuyết nhỏ và dốc nổi bật lên rất rõ nhưng không gãy gọn cho lắm. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là nhà lều của người Nê-nét. Đó chính là cái vật đen đen đã làm tôi sợ toát mồ hôi lúc hạ cánh. Giờ đây những chiếc nhà lều ấy đã bị tuyết phủ kín. Chỉ còn cái hình nón có cái miệng ở phía trên là lộ ra ngoài đen chùi chũi. Chung quanh lều còn có nhiều người nữa, người lớn trẻ con đều có cả. Họ đứng ngây ra bất động, nhìn chằm chằm vào chiếc máy bay của chúng tôi.

Chương 13

Bếp đèn cồn là cái gì

Từ xưa đến nay tôi chưa bao giờ nghĩ rằng hơ đôi chân lạnh cóng vào lửa lại là một điều hạnh phúc. Mà đây quả là một hạnh phúc thật sự, không gì có thể so sánh được! Anh sẽ cảm thấy hơi ấm dâng lên người anh càng ngày càng cao và cuối cùng nó sưởi ấm trái tim anh lúc nào không biết.

Ngoài ra tôi không cảm thấy gì nữa, cũng chẳng nghĩ ngợi gì nữa. Bác sĩ lẩm bẩm gì đó sau lưng tôi, nhưng tôi không nghe bác nói, bác khuyên tôi uống cái rượu bác bảo người ta dùng để xoa chân cho tôi.

Hơi khói của các lùm cây vùng Đồng rêu bao quanh bếp lò, giống như khói của những cành thông tươi đốt cháy, tôi rất ghét loại khói làm nhức mũi ấy, nhưng chỉ cần ấm là được. Tôi cảm thấy ấm, đó là việc hầu như không thể tin được.

Những người Nê-nét ngồi vắt chân chữ ngũ xung quanh đống lửa nhìn chúng tôi. Mặt người nào cũng rất nghiêm trang. Bác sĩ đang giải thích cái gì đó cho họ nghe bằng tiếng Nê-nét. Họ chăm

chú lắng nghe bác nói và có vẻ rất hiểu nên cứ gật đầu lia lịa. Về sau mới biết, thì ra họ chẳng hiểu tí gì, bác sĩ bực bội hoa tay, rồi bắt đầu bắt chước một người bị thương và chiếc máy bay, bay đến cấp cứu cho người ấy. Tình cảnh đó lẽ ra sẽ rất buồn cười, giá tôi không ngủ sớm một phút. Lúc thì bác ôm bụng nằm xuống, lúc bác lại giơ hai tay lên nhảy bổ về phía trước. Bỗng dưng bác quay lại chỗ tôi nói:

- Hay quá! Họ hiểu tất cả đấy. Thậm chí họ còn hiểu Lét-cốp bị thương ở đâu. Đây là một vụ mưu sát. Chúng nó đã bắn ông.

Bác lại nói bằng tiếng Nê-nét. Trong lúc mơ màng tôi nghe thấy bác hỏi họ có biết ai đã bắn chết Lét-cốp không.

- Họ nói: kẻ bắn đã chạy về nhà rồi. Hắn về nhà suy nghĩ. Suy nghĩ một ngày, hai ngày, nhưng nhất định hắn sẽ quay lại.

Giờ đây thì không thể không ngủ. Mọi vật bỗng hiện cả lên ngay trước mắt tôi, tôi cảm thấy buồn cười rằng mình vui mừng là cuối cùng mình đã ngủ say...

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã sáng bạch. Tấm da trên lều bị ai bẻ ra một miếng, từ cái lỗ tam giác sáng chói mắt này có thể nhìn ra ngoài thấy bác sĩ đang đứng, còn những người Nê-nét thì ngồi xổm chung quanh ông. Xa một chút nữa thấy rõ một chiếc máy bay. Tất cả những cái đó kết hợp lại khiến cho tôi nhớ đến một đoạn phim quen thuộc, thậm chí tôi đã phải sợ nó sẽ thoáng hiện lên rồi biến mất. Nhưng đây không phải là phim ảnh. Đó là bác sĩ đang hỏi những người Nê-nét xem Va-nô-can ở đâu.

- Ở đằng kia à? - Ông gắt lên và chỉ tay về phương nam.

- Ở đằng kia à? - Ông chỉ tay về phía đông.

- Ừ!

Về sau người Nê-nét nhất trí chỉ tay về phía đông nam. Bác

sĩ vẽ trên tuyết một cái bản đồ bờ biển Bắc băng dương rất lớn. Nhưng cũng vô ích, bởi vì người Nê-nét xem bản đồ cũng như là tác phẩm nghệ thuật. Trong bọn họ có một người thanh niên còn rất trẻ, để tỏ ra là người cũng biết vẽ, cậu liền vẽ luôn một con hươu ở bên cạnh tấm bản đồ...

Việc cần phải làm trước hết là [illegible] máy bay ra khỏi tuyết. Nếu không có người Nê-nét giúp đỡ chúng tôi thì chúng tôi không bao giờ có thể làm được việc này. Từ thuở bé đến giờ tôi chưa hề trông thấy thứ tuyết chẳng giống gì tuyết cả như thế này! Chúng tôi phải dùng búa, dìu để chặt, dùng dao để cắt. Nhưng rốt cuộc mảnh tuyết cuối cùng cũng được cắt ra ném sang một bên, thế là cái công sự mà tôi giới thiệu với các nhà phi hành Bắc cực đã hoàn toàn tan vỡ. Tất cả nồi, siêu đều được đem ra đun nước để khởi động máy nổ. Cậu chàng Nê-nét trẻ tuổi, chính cái cậu đã vẽ con hươu bên cạnh tấm bản đồ trên mặt tuyết giờ đây được mời ra làm hoa tiêu cho chúng tôi, dẫn đường cho chúng tôi đến Va-nô-can. Cậu ta đang từ biệt người vợ khóc lóc thảm thiết. Chị vợ rất trẻ này cũng mặc quần da lông hươu, chỉ khác nam giới ở chỗ trên bím tóc có sợi dây vải nhiều màu sắc hơn một chút, đó cũng lại là việc rất thú vị. Mặt trời ló ra khỏi những đám mây cao - dấu hiệu thời tiết sẽ đẹp, - tôi nói với bác sĩ đang tra thuốc đau mắt cho một người nào đó, rằng "xong việc rồi". Đúng lúc đó thì Lu-ri đi đến chỗ tôi và nói, chúng tôi không thể bay được nữa.

Một chiếc càng máy bay bị gãy. Rõ ràng là lúc hạ cánh, tôi tránh cái nhà lều hiện ra bất thình lình và nó đã làm gãy cái càng ấy. Những người Nê-nét đã đào ở dưới tuyết lên cho chúng tôi cái càng này, thế mà trước đây tôi và Lu-ri không phát hiện ra.

Từ hôm cất cánh bay ở Da-pô-li-a-ri-e đến nay đã trọn bốn ngày đêm. Dứt khoát là người ta đang đi tìm chúng tôi và cuối cùng người ta có thể tìm thấy chúng tôi mặc dù bão tuyết đã thổi chúng tôi bay chệch đường bay dự định. Nhưng ai dám nói rằng người ta nhất định sẽ tìm thấy chúng tôi? Chưa biết chừng, bây giờ bay đến Va-nô-can thì đã muộn mất rồi, hoặc giả bay đến chỉ là để chở xác về?

Đây là "trận chiến đấu đầu tiên" của tôi ở miền Bắc. Tôi bỗng phát sợ vì tôi chẳng làm được gì cả và trở về với hai bàn tay trắng. Hoặc là - điều này còn đáng sợ hơn - người ta sẽ tìm thấy tôi đang bất lực như con chó con ở Đồng rêu bên cạnh chiếc máy bay cũng vô dụng nốt. Làm gì đây?

Tôi gọi bác sĩ và đề nghị ông tập hợp những người Nê-nét lại.

Đây là một cuộc họp lớn không thể quên được trong cái nhà lều chung quanh đống lửa, hay nói cho đúng hơn thì chung quanh đống khói, đang tỏa ra từ một ống tròn trên đầu chúng tôi. Thực không thể hiểu được, tại sao có thể chứa được nhiều người như thế này trong một căn nhà lều! Để chào mừng chúng tôi, người Nê-nét đã giết một con hươu. Họ ăn thịt sống, ngậm miếng thịt ở trong mồm lấy tay kéo rồi cắn đứt miếng thịt một cách rất điêu luyện. Sau đó họ không cần dao mà cắt được cái mũi cao hươu.

Tôi không kinh tởm, nhưng dù sao tôi cũng cố gắng không nhìn cách họ nhúng miếng thịt sống vào bát tiết rồi bỏ vào mồm một cách ngon lành...

- Sự việc rất xấu, - tôi bắt đầu nói như vậy, - chúng tôi phải đi cứu một người bị thương, một người rất được kính trọng, thế mà phải ngồi ở đây đã bốn ngày đêm và không thể giúp gì được cho ông ta. Bác I-van I-va-nứt, bác dịch đi!

Bác sĩ dịch xong.

- Nhưng sự việc cang xấu hơn nữa vì đã mất nhiều thời gian rồi mà chúng tôi vẫn còn cách Va-nô-can quá xa, thậm chí cũng không biết rõ phải bay về hướng nào, lên phía bắc hay là xuống phía nam, bay sang phía đông hay là về phía tây.

Bác sĩ dịch xong.

- Nhưng sự việc càng xấu hơn nữa vì máy bay của chúng tôi bị hỏng. Nó đã bị hỏng, nếu không có sự giúp đỡ của các vị thì chúng tôi không tài nào có thể chữa được.

Những người Nê-nét nói nhao nhao lên, nhưng bác sĩ giơ tay, họ liền im lặng. Ngay từ lúc trời còn sáng tôi đã nhận thấy họ rất kính trọng bác sĩ.

- Nếu không có các cụ, các ông, các bà và các bạn thì chúng tôi rất nguy, - tôi nói tiếp. - Nếu không có các vị thì chúng tôi đã bị chết cóng. Nếu không có các vị thì chúng tôi không tài nào lôi được chiếc máy bay ra khỏi tuyết. Bác dịch đi, bác I-van I-va-nứt!

Bác sĩ dịch xong.

- Và còn một đề nghị nữa. Chúng tôi cần một cây gỗ. Chúng tôi không cần cây gỗ to, nhưng cần phải thật chắc, dài độ một mét. Có thế chúng tôi mới chữa được máy bay và mới bay tiếp được để giúp đỡ con người đáng kính.

Tôi cố gắng nói kiểu na ná như trong óc đã dịch sẵn từ tiếng Nê-nét sang tiếng Nga.

- Tất nhiên, tôi hiểu rằng, gỗ là thứ rất hiếm và rất quí ở đây. Tôi rất muốn trả các vị rất nhiều tiền vì một khúc gỗ dài khoảng một mét này. Nhưng hiện nay tôi không có tiền. Vì vậy tôi xin biếu các vị cái bếp đèn cồn.

Lu-ri - việc này chúng tôi đã hẹn trước với nhau - lôi chiếc bếp đèn cồn ở trong áo khoác da lông ra và giơ cao lên đầu.

- Tất nhiên, các vị cũng biết bếp đèn cồn là cái gì. Đây là một cái máy có thể đun nước, nấu thịt và đun nước trà. Muốn đốt một đống lửa thì cần bao nhiêu thời gian? Nửa tiếng đồng hồ... Nhưng với cái bếp đèn cồn, các vị có thể đốt trong một phút là cháy ngay. Các vị có thể nướng bánh trên bếp này, và nói tóm lại đây là một vật rất tuyệt, làm được rất nhiều việc trong gia đình.

Lu-ri rót dầu hỏa vào bếp đèn cồn, đánh diêm châm, ngọn lửa liền phụt lên tí nữa thì tới đỉnh lều. Song cái bếp đèn cồn chết tiệt này như cố tình không muốn cháy và chúng tôi phải làm ra vẻ cần phải như thế để nó khỏi cháy ngay. Song cái trò này cũng không phải dễ làm, bởi vì vừa rồi tôi đã nói là đốt bếp đèn cồn chẳng khó khăn gì.

- Xin các vị cho chúng tôi một khúc gỗ dài khoảng một mét, chúng tôi sẽ đổi tặng các vị cái bếp đèn cồn này.

Tôi hơi sợ những người Nê-nét lại giận vì món quà nhỏ nhặt quá, nhưng họ không giận. Họ im lặng, nhìn cái bếp đèn cồn một cách nghiêm trang. Lu-ri ra sức bơm đèn, cái đèn xì bị đốt rất nóng. Ngọn lửa đỏ rực đảo đi đảo lại. Thực tình mà nói, trong khoảnh khắc đó, ở cái nơi Đồng rêu xa xôi vắng vẻ này, trong căn lều của người Nê-nét, tôi cảm thấy bỗng nhiên cái bếp đèn cồn ấy trở thành một vật kỳ diệu, sinh động, nóng bỏng, ồn ào! Mọi người im lặng nhìn cái bếp đèn cồn với lòng kính trọng chân thành.

Sau đó có một cụ già mồm ngậm tẩu thuốc rất dài đầu quấn khăn vuông của phụ nữ, tuy vậy cũng không hề ảnh hưởng gì đến việc cụ giữ thái độ tôn nghiêm lạ thường, đứng dậy và nói gì

đó bằng tiếng Nê-nét, tôi cảm thấy cụ nói một câu rất dài. Tuy lúc nói cụ quay về phía bác sĩ, nhưng lại là để trả lời tôi. Bác I-van I-va-nứt đã dịch lời của cụ ra như sau:

- Có ba biện pháp để đối phó với khói: bịt lỗ ống khói phía có gió thổi và ngọn lửa sẽ càng mạnh lên. Có thể bỏ miệng da thú chắn làm cửa đi. Cũng có thể khoát một cái lỗ phía trên cửa để cho khói bay ra. Nhưng để tiếp khách, chúng tôi ở đây chỉ có một biện pháp: biếu họ tất cả những gì mà khách muốn... Bây giờ chúng ta sẽ ăn thịt hươu rồi đi ngủ. Sau đó chúng tôi sẽ đem cho anh tất cả gỗ chúng tôi có thể tìm được ở trong lều của chúng tôi. Còn cái bếp đèn cồn quí hóa ấy thì tùy anh, thích làm thế nào thì làm.

Chương 14

Cái câu liêm cũ bằng đồng thau

Vừa ăn hết toàn bộ thịt sống cùng đầu, tai, mắt một con hươu xong, người Nê-nét liền đem tất cả những đồ đạc bằng gỗ ra cho chúng tôi. Những cái đĩa bằng gỗ, những cái cọc để treo nồi, một bộ phận của khung cửa, một tấm ván để treo nồi, một bộ phận của khung cửi, một tấm ván hai đầu có lỗ tròn, gậy trượt tuyết và bàn trượt tuyệt.

- Dùng không vừa à?

Họ ngạc nhiên.

- Nhưng gỗ rất bền đấy, dùng hàng trăm năm không hỏng đâu.

Thậm chí họ mang cả cái lưng ghế ra, có giời biết cái lưng ghế ấy lọt vào cái vùng Đồng rêu rộng lớn này thế nào. Anh chàng hoa tiêu tương lai của chúng tôi mang cả tượng thánh - một tượng thánh thật sự chùm vải màu sắc sặc sỡ có cái đầu nhọn hoắt và cái đinh đóng ở chỗ rốn.

- Không dùng được à? Nhưng đó là những gỗ rất bền đấy, dùng hàng trăm năm không hỏng đâu.

Phải thừa nhận rằng khi tôi nhìn thấy người Nê-nét rất nghiêm nghị nói với người vợ đang khóc thật đáng thương câu gì đó rồi mang cái hòm có đóng đai sắt thì ra rõ ràng đây là vật trang sức duy nhất trong căn lều này, lúc đó tôi cảm thấy thật hổ thẹn về cái bếp đèn cồn của mình. Anh ta khoái trá đi đến trước mặt tôi, đặt hòm gỗ lên trên tuyết.

- Lấy cái hòm gỗ này đi, - bác sĩ dịch lại. - Bốn tấm ván rất bền. Tôi là đoàn viên thanh niên cộng sản, tôi không cần gì cả. Tôi cần gì cái bếp đèn cồn của anh.

Tôi không biết, rất có thể bác sĩ không dịch thật đúng câu cuối cùng. Nhưng dù sao đây cũng là cử chỉ rất cảm động, cho nên tôi đã bắt tay người đoàn viên thanh niên cộng sản với tất cả tấm lòng.

Không biết các bạn đã từng có cảm giác như thế này hay chưa, khi trong óc bạn đang chỉ có một ý nghĩ, thậm chí bạn rất lấy làm lạ tại sao trên đời lại còn có những mong muốn và những ý nghĩ khác nữa, bỗng nhiên những mong muốn và những ý nghĩ khác nhảy xổ vào cuộc sống của bạn như vũ bão, khiến cho bạn trong khoảnh khắc quên phắt ngay cái mà vừa mới đây bạn còn hết lòng theo đuổi.

Khi tôi nhìn thấy một cái câu liêm cũ bằng đồng thau nằm chỏng gọng trên mặt tuyết, giữa những cây cọc dùng để dựng lều, lúc đó cảm giác của tôi đúng là như vậy.

Tất nhiên mọi việc đều không bình thường, kể từ phút tôi bắt đầu bài giảng về cái bếp đèn cồn của mình và những người Nê-nét nghe tôi một cách chăm chú, nghiêm túc và giữa chúng tôi, như trong một giấc mộng, là một cột khói rất thẳng, hệt như được tạo nên bằng những dải màu xám rất dài.

Những đồ đạc bằng gỗ trong gia đình như thế này lại nằm ngổn ngang trên mặt tuyết xung quanh chiếc máy bay trông đến kỳ quặc. Một điều nữa làm cho tôi cũng cảm thấy kỳ lạ là có một ông cụ Nê-nét sáu mươi tuổi, mồm ngậm tẩu thuốc nói như ra lệnh cho một bà cụ già đem cho chúng tôi một khúc xương chó biển.

Nhưng kỳ lạ nhất vẫn là cái câu liêm này. Có lẽ trên cả thế giới này không có cái gì lạ lùng hơn nó.

Đúng lúc đó thì Lu-ri thò đầu từ trong ca-bin ra và gọi tôi, và tôi đã thẫn thờ đáp lại như từ một nơi rất xa, từ cái thế giới xa tít mà cái câu liêm này đột nhiên đã đưa tôi tới đó.

Cái câu liêm này là loại như thế nào? Kỳ thực cũng chẳng có gì đặc biệt cả! Một cái câu liêm cũ bằng đồng thau. Nhưng trên miếng đồng thau cũ kỹ đã gỉ xanh lên rồi có khắc hàng chữ rất rõ "Tàu buồm "Xanh Ma-ri"".

Tôi nhìn xung quanh: Lu-ri vẫn từ trong ca-bin nhìn ra, không còn nghi ngờ gì nữa, anh ta đúng là Lu-ri có bộ râm rậm mà ngày nào tôi cũng trêu anh ta về bộ râu này. Anh ta để râu là để bắt chước một nhà phi hành bắc cực tên là F. đã từng nổi tiếng nhưng bộ râu ấy không tương xứng tí nào với gương mặt trẻ trung, hoạt bát của anh.

Bác sĩ I-van I-va-nứt bị rất nhiều người Nê-nét vây xung quanh đang đứng cạnh cái lều ở đầu kia.

Mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ - đúng như một phút trước không sai. Nhưng trước mặt tôi là chiếc câu liêm có khắc dòng chữ "Tàu buồm "Xanh Ma-ri".

- Lu-ri, - tôi rất bình tĩnh gọi, - lại đây.

- Dùng được à? - Lu-ri từ trong ca-bin hét lên.

Cậu ta nhảy xuống, đi đến chỗ tôi và nhìn cái câu liêm có vẻ thắc mắc.

- Đọc đi!

Lu-ri đọc.

- Của một cái tàu buồm nào đó, - cậu ta nói. - Của chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri".

- Không thể như thế được! Không thể như thế được, Lu-ri ạ!

Tôi nhấc chiếc câu liêm lên, cầm nó trong tay như ôm một đứa trẻ, còn Lu-ri có lẽ nghĩ rằng tôi điên, bởi vì cậu ta nói lắp bắp cái gì đó rồi ba chân bốn cẳng chạy đến chỗ bác sĩ. Bác sĩ đi đến lo lắng ôm đầu tôi, tay run run và nhìn mãi vào mắt tôi.

- Các đồng chí, các đồng chí khỉ lắm! - Tôi giận dữ nói. - Các đồng chí tưởng tôi điên à? Chẳng phải thế đâu! Bác sĩ, đây là chiếc câu liêm ở trên chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri"!

Bác sĩ bỏ kính ra và bắt đầu ngắm nghía cái câu liêm.

- Rõ ràng là những người Nê-nét đã tìm được cái câu liêm này ở trên Bắc địa, - tôi xúc động nói tiếp. - Nếu không thì nhất định phải ở trên một vùng nào đó trên bờ biển ngoài Bắc địa. Bác sĩ, bác có hiểu, thế này nghĩa là thế nào không?

Những người Nê-nét từ lâu đã đến đứng vây quanh tôi, dường như người nào cũng như đã hàng nghìn lần thấy tôi xúc động hò hét và chỉ cho bác sĩ xem chiếc câu liêm.

Bác sĩ hỏi cái câu liêm này của ai. Một cụ già Nê-nét bước ra, mặt cụ ngây ngô, những nếp nhăn rất sâu giống như một bức tượng gỗ, cụ nói những câu gì bằng tiếng Nê-nét.

- Bác sĩ, cụ ấy nói gì thế? Cái câu liêm của cụ ấy lấy ở đâu ra?

Bác sĩ hỏi bằng tiếng Nê-nét:

- Cái câu liêm này của cụ lấy ở đâu ra.

Cụ già trả lời; bác sĩ dịch lại:

- Cụ ấy bảo - bắt được.

- Bắt được ở đâu?

- Ở trên một chiếc thuyền.

- Trên chiếc thuyền như thế nào? Cụ thấy chiếc thuyền đó ở đâu?

- Trên bờ.

- Trên bờ nào?

- Ti-mua.

- Bác ơi Ti-mua! - Tôi nói như gào lên, làm cho ông lại phải lo lắng nhìn tôi. - Ti-mua! Đó là một bờ biển rất gần Bắc địa! Thế cái thuyền đâu?

- Cái thuyền không còn nữa, - bác sĩ dịch tiếp.

- Chỉ còn những mảnh ván thuyền.

- Mảnh như thế nào?

- Mảnh ván của chiếc thuyền.

- Xin cho xem!

Lu-ri gọi bác sĩ ra một chỗ và thì thầm gì đó với bác sĩ trong khi cụ già đi tìm mảnh ván thuyền. Hình như Lu-ri vẫn chưa yên tâm, vẫn cho tôi là bị thần kinh thất thường.

Cụ già Nê-nét đi tìm mất mấy phút rồi mang ra một miếng vải thô không thấm nước. Rõ ràng là chiếc thuyền con cụ tìm thấy ở Ti-mua được làm bằng vải thô không thấm nước.

- Cái này không bán đâu, - bác sĩ dịch lại.

- Bác I-van I-va-nứt, xin bác hỏi hộ xem trên thuyền có có cái gì nữa không? Nếu có thì có những gì, những thứ ấy ở đâu cả rồi?

- Còn có những vật khác nữa, - bác sĩ dịch lại. - Tôi không biết

những thứ ấy ở đâu cả. Lâu lắm rồi. Có lẽ đã mười năm rồi. Có một lần tôi đi săn, nhìn thấy một cái xe trượt tuyết. Trên xe trượt tuyết có một cái thuyền con, trong cái thuyền con có một số đồ đạc. Có một khẩu súng săn rất tồi, không thể bắn được nữa, không có đạn. Bàn trượt cũng rất tồi. Còn có cả một người.

- Một người à?

- Chờ một lát, có lẽ tôi nói nhỡ miệng, - bác sĩ vội vàng nói tiếp và hỏi lại câu gì đó bằng tiếng Nê-nét.

- Phải, có một người, - ông cụ nhắc lại. - Tất nhiên là người chết, gấu đã ăn mất mặt. Cũng nằm ở trong thuyền. Hết.

- Sao lại hết?

- Ngoài ra không còn gì nữa.

- Bác I-van I-va-nứt, bác hỏi cụ xem cụ ấy có lục soát người này không, và có cái gì ở trong túi không: có thể là giấy tờ tài liệu gì đó?

- Có.

- Những thứ ấy đâu?

- Những thứ ấy đâu? - Bác sĩ hỏi.

Cụ Nê-nét im lặng nhún vai. Hình như cụ cho rằng chính câu hỏi này ngu ngốc lắm.

- Chẳng lẽ trong tất cả những đồ đạc ấy chỉ còn lại có một cái câu liêm? Dù sao người ấy cũng phải mặc quần áo gì chứ? Vậy những quần áo đó đâu?

- Quần áo không có.

- Sao lại không có?

- Rất đơn giản thôi, - bác sĩ bực mình nói. - Hay là anh cho rằng ông cụ phải nhìn xa mười năm sau, chỗ anh và chiếc máy bay của anh sẽ rơi xuống đầu ông cụ, nên cụ phải giữ những

quần áo ấy lại cho anh? Mười năm! Thậm chí có thể người ấy đã chết trước đấy mười năm nữa!

- Bác I-van I-va-nứt thân yêu, xin bác đừng giận. Tất cả đã rõ ràng! Chỉ cần ghi lại câu chuyện này - ghi lại tất cả và bác chú thích thêm là chính bác đã trực tiếp nghe kể câu chuyện này. Xin bác hỏi xem cụ ấy tên là gì.

- Tên cụ là gì ạ? - Bác sĩ hỏi bằng tiếng Nê-nét.

- Vưn-ca I-van.

- Cụ bao nhiêu tuổi?

- Một trăm tuổi, - cụ người Nê-nét trả lời.

Chúng tôi im lặng. Còn Lu-ri cứ ôm bụng mà cười.

- Bao nhiêu? - Bác sĩ hỏi lại.

- Một trăm tuổi, - cụ Nê-nét nhắc lại.

Bác sĩ ngơ ngác nhìn xung quanh.

- Có ma quỉ biết, tiếng một trăm nói bằng tiếng Nê-nét như thế nào, - ông lẩm bẩm. - Có thể tôi đã nhầm?

- Một trăm tuổi, - cụ I-van Vưn-ca nhắc lại thẳng bằng tiếng Nga chính cống.

Trong khi chúng tôi ghi lại câu chuyện cụ kể ra ở trong căn nhà lều, cụ cứ nhắc đi nhắc lại mãi là mình một trăm tuổi. Rất có thể, cụ ít tuổi hơn hay ít nhất thì bề ngoài trông cũng có vẻ trẻ hơn. Nhưng càng ngắm nghía tỉ mỉ khuôn mặt như khắc bằng gỗ và cái nhìn đờ đẫn của cụ tôi càng tin cụ quả đã rất già. Một trăm tuổi - đó là niềm tự hào của cụ. Cho nên cụ mới nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu đó cho đến khi chúng tôi ghi vào biên bản câu "Cụ I-van Vưn-ca, người thợ săn một trăm tuổi" cụ mới thôi.

Chương 15

Va-nô-can

Thật tình mà nói, cho đến bây giờ tôi vẫn không biết những người Nê-nét đã kiếm ở đâu ra khúc gỗ để cho chúng tôi làm càng máy bay. Ban đêm họ mang giày trượt tuyết đi đến một khu du mục nào đó ở gần đấy và khi trời sáng chúng tôi chui ra khỏi cái lều ở đấy tôi đã nằm một đêm thấp thỏm nhất trong tất cả đời tôi, chúng tôi đã thấy khúc gỗ cây bá hương này nằm ngay cạnh lối ra vào.

Quả thật đó là một đêm chẳng vui vẻ tí nào cả. Chỉ có bác sĩ I-van I-va-nứt ngủ được ở bên cạnh đống lửa. Hai cái tai mũ dài vểnh lên trên đầu, thò ra ngoài cái áo khoác da lông giống như tai thỏ trông rất buồn cười. Lu-ri cứ trằn trọc và ho mãi. Tôi không ngủ. Một chị người Nê-nét ngồi bên cạnh cái nôi. Tôi nghe rất lâu chị ta hát một bài hát đơn điệu, hững hờ nhưng đồng thời lại có vẻ say mê. Vẫn những từ ấy cứ lặp đi lặp lại từng phút một và cuối cùng tôi cảm thấy cả bài hát của chị chỉ gồm khoảng vài từ mà thôi. Đứa trẻ đã ngủ từ lâu mà chị vẫn hát. Thỉnh thoảng khuôn mặt tròn trĩnh của chị lại sáng lên khi những

cành liễu tươi bốc cháy và khi đó tôi nom thấy chị vừa nhắm mắt vừa hát. Chị hát như thế này - sáng ra bác sĩ đã dịch lại bài hát đó cho tôi nghe:

Đang độ mùa đông,
Nhìn ra từ phía,
Con yêu của tôi,
Khắp trời trắng xóa,
Con yêu của tôi.
Tôi nhìn ra hồ,
Chỉ thấy nước đá
Lấp lánh màu xanh
Con yêu của tôi.
Đồng rêu tuyệt vời,
Khắp trời trắng xóa.
Con yêu của tôi.
Tai con xinh thế,
Con yêu của tôi.
Mắt con xinh thế,
Con yêu của tôi.
Mũi con xinh thế,
Con yêu của tôi
Nhìn ra ngoài trời,
Trời mây trắng xóa.
Đồng rêu tuyệt vời.

Cái cảm giác mà tôi đã thể nghiệm khi nói chuyện với Va-li-a, nay lại đến với tôi. Nó mãnh liệt đến nỗi tôi cứ muốn vùng dậy đi ra khỏi nhà lều, để khỏi phải nghe cái bài hát sầu não mà chị

con gái người Nê-nét vừa hát vừa nhắm mắt. Nhưng tôi không dậy. Chị ta hát chậm dần, khẽ dần và rồi im bặt, ngủ thiếp đi. Trừ tôi ra còn cả thế giới đều đang ngủ. Chỉ có mình tôi nằm trong bóng tối và cảm thấy trái tim mình đang than vãn nỗi cô đơn và lạnh lẽo. Nếu mọi việc đều đã kết thúc rồi, nếu giữa chúng tôi đã không có và sẽ không thể có bất kỳ mối quan hệ nào, mà chỉ như người dưng nước lã thì cái vật tìm thấy này để làm gì? Tôi cố gắng kìm chế mình, nhưng không tài nào kìm chế nổi. Tôi cứ phải cố mãi, cố mãi cho đến khi cuối cùng ngủ thiếp đi.

Đến khoảng trưa thì chúng tôi chữa được cái càng máy bay. Chúng tôi đem khoan mấy lỗ ở khúc gỗ tròn rồi lắp vào máy bay thay càng. Để cho chắc chắn hơn, chúng tôi lấy dây buộc thêm vào. Hiện nay máy bay như bị nạn, trông rất đáng thương. Tôi và Lu-ri bước xa ra mấy bước, đánh giá công việc này một cách lạnh lùng.

- Thế nào?

Lu-ri hoa tay có vẻ khó chịu.

Chẳng sao cả, cứ cho là mọi việc đều tốt đẹp di. Phải đun ít nước nóng để phát động máy nổ.

Chúng tôi bỏ tuyết vào những chiếc bi-đông rồi đặt bi-đông lên bếp đèn cồn. Thật là một việc khổ sở! Cái bếp đèn cồn của chúng tôi cháy tồi quá, cái "máy quí hóa" mà mỗi gia chủ không thể thiếu được này tồi quá.

Nhưng rồi tất cả cũng đâu vào đấy, động cơ đã nóng. Có thể khởi động được rồi. Những người Nê-nét kéo sợi dây khởi động[1].

---

(1) Ngày xưa muốn khởi động động cơ máy bay phải dùng dây buộc vào cánh quạt rồi kéo thật mạnh theo hướng quay của nó giống như quay ma-ni-ven ô-tô vậy. - N.D.

- Chú ý!

- Sẵn sàng.

- Hai, ba nào - kéo!

Sợi dây tuột ra, những người Nê-nét ngã lăn ra tuyết.

Làm lại:

- Chú ý!

- Sẵn sàng!

- Hai, ba nào - kéo!

Phải làm đi làm lại đến bốn lần. Cái máy nổ rung lên kêu bành bạch quay được khoảng hai chục vòng rồi lại tắt. Nhưng cuối cùng cũng khởi động được. Giờ chia tay đã đến! Những người Nê-nét vây chặt lấy chiếc máy bay. Tôi đi bắt tay từng người, cám ơn họ đã giúp đỡ, chúc họ săn bắn được nhiều kết quả... Họ cười rất hả hê. Còn vị hoa tiêu của chúng tôi cười ngượng nghịu, chui vào máy bay. Tôi không biết lúc chia tay, anh ta đã nói những gì với vợ, nhưng chị đứng bên cạnh máy bay phấn khởi lắm. Chị mặc cái áo khoác da lông to có viền nỉ nhiều màu ở dưới thắt cái thắt lưng to bản, đội cái mũ gió bằng lông rộng vành làm cho gương mặt chị sáng sủa hẳn lên.

Cái mũ gió này phải cao đến nửa thước, bên trên cắm những vật gì nho nhỏ, bên dưới mũ là khuôn mặt nhỏ nhắn tròn trĩnh, đó là tất cả những gì tôi nhìn thấy lúc chia tay.

Theo thói quen, tôi giơ tay như xin phép những người Nê-nét cho tôi được cất cánh.

- Xin chào tạm biệt, các đồng chí nhé!

Chúng tôi cất cánh...

Tôi không định kể lại chúng tôi đã bay đến Va-nô-can như thế nào, khả năng quan sát địa hình của người hoa tiêu của chúng tôi khiến tôi phải khâm phục như thế nào. Anh ta nhìn

xuống bình nguyên phủ tuyết trắng xóa một màu mà thành thạo cứ như người ta xem bản đồ vậy. Khi bay trên không phận một đội du mục, anh ta đề nghị tôi dừng lại một lát, nhưng anh đã rất buồn khi biết máy bay không thể dừng lại được.

Toi không định kể lại chúng tôi đã hạ cánh xuống Va-nô-can như thế nào. Những phi công lái máy bay thí nghiệm đều rất quen thuộc với cảm giác đặc biệt có tính chất nghề nghiệp này, một cảm giác pha trộn gồm tính mạo hiểm, tinh thần trách nhiệm. cộng với sự phấn chấn. Cuối cùng chúng tôi đã bay trên một chiếc máy bay có cấu trúc mới với cái càng bằng gỗ - quả là một tin mới lạ đối với giới chế tạo máy bay! Hình như tôi đã đặt toàn bộ trọng lượng máy bay lên cái bánh còn tốt, cho nên khi máy bay còn chưa dừng lại hẳn, Lu-ri đã nhảy ra khỏi máy bay và giơ ngón tay cái lên với tôi.

Tôi không định kể lại ở Va-nô-can, người ta đã đón tiếp chúng tôi như thế nào. Có ba nhà cùng đặt bếp nấu nước trà, còn nhà thứ tư thì có một em bé rơi ra khỏi cái nôi làm cho bác sĩ phải đến chữa bệnh ngay lập tức. Tôi không định kể lại họ đã thết đãi chúng tôi bằng món cá hồi và bánh ga-tô như thế nào, tôi đã tổ chức một tiểu tổ mô hình máy bay ra sao, và đã cho các em thiếu nhi đội thiếu niên nhi đồng ngồi lên máy bay như thế nào. Nhân dân Va-nô-can đã khẳng định với tôi rằng, đúng ngày và giờ chúng tôi bay đến, trên không phận của thôn đã có hai chiếc máy bay nữa cũng bay qua. Về sau tôi đã đoán đúng, thì ra đó chính là máy bay của tôi, bởi vì trước khi hạ cánh tôi đã lượn ba vòng.

Nhưng có một việc tôi không thể không kể lại ở đây, đó là việc bác sĩ I-van I-va-nứt ở Va-nô-can.

Chúng tôi tìm được Lét-cốp trong tình trạng rất xấu. Không phải tôi chỉ gặp ông có một lần ở các hội nghị mà có một lần tôi còn đưa ông từ Cra-xnô-i-a-rơ-xcơ về I-ga-rơ-ca. Thêm vào đó

kiến thức văn nghệ của ông đã làm cho tôi phải khâm phục. Thì ra ông đã tốt nghiệp Trường đại học Sư phạm ở Lê-nin-grát và nói chung ông là một người có văn hóa, có giáo dục. Trước năm hai mươi ba tuổi ông đã từng là mục đồng ở Đồng rêu. Chả trách người Nê-nét nói về ông đều tỏ vẻ tự hào và yêu mến.

Nhưng con người tuyệt vời, thông minh, nhà hoạt động chính trị xuất sắc ấy hiện nay đang nằm ở đây bị một tên chó má nào đó bắn bị thương. Lúc tôi vừa bước vào cửa, tôi không nhận được ra ông, bởi vì ông thay đổi ghê quá.

Thậm chí không thể nói được là ông đang nằm nữa. Ông ngồi ở trên giường, nghiến răng lại vị đau đớn. Và nỗi đau đớn nhấc ông lên: ông đứng dậy, tay nắm lấy thành giường, rồi nhảy tót lên một chiếc ghế. Nhìn nỗi đau đớn giày vò một con người cao lớn, khỏe mạnh như thế thật là đáng sợ. Thỉnh thoảng nỗi đau đớn dịu đi vài phút, lúc đó trông mặt ông mới ra hồn người. Sau đó lại tái diễn như thế! Ông cắn chặt môi trên, đôi mắt - đôi mắt khủng khiếp của người tráng sĩ không còn đủ sức để kìm chế mình được nữa - cũng lác hẳn đi. Thế rồi ông đứng phắt lên trên cái chân còn lành mạnh và lấy đà quăng mình lên giường. Nhưng ngay ở trên giường ông cũng luôn luôn vật vã thân mình. Không biết có phải vì viên đạn bắn trúng một hệ thần kinh nào đó hay là vết thương mưng mủ đau quá không chịu nổi. Nhưng cả đời tôi, tôi chưa bao giờ trông thấy cảnh nào kinh khủng hơn. Trông ông thật đáng thương khi ông quằn quại ở trên giường, đau đớn cố gắng ngồi dậy thì ai nấy đều bất giác cau mày lại. Bỗng nhiên ông lại đem toàn lực ra nhảy phắt một cái lên chiếc ghế.

Nhìn thấy những người bệnh như thế thường làm cho người ta mất hết lý trí. Nhưng bác I-van I-va-nứt lại không như thế mà trái lại, bác bỗng trở nên trẻ ra, bác dẩu môi ra và trở thành giống như một người bác sĩ quân y trẻ tuổi mà ai cũng sợ. Bác

liền đuổi ngay tất cả mọi người ra khỏi buồng người bệnh, cả đến vị chủ tịch ban chấp hành khu bác cũng không từ. Vị này không hiểu sao cứ nhất định đòi tham gia vào việc chẩn đoán bệnh cho Lét-cốp. Khi bà y sĩ địa phương một bà già gày gò đeo kính vội vàng đến trước mặt bác, bác hỏi bà một cách khách sáo:

- Bà đã tham gia việc cưa ống chân lần nào chưa?

Với động tác khéo léo, tự nhiên bác sắp xếp lại toàn bộ đồ đạc trong phòng trong một phút. Bác đưa chiếc bàn thừa ra ngoài, khiêng cái bàn dùng để chuẩn bị mổ vào giữa phòng dưới chiếc đèn treo.

Bác ra lệnh tập trung đèn toàn thôn lại, nhưng "không ngọn đèn nào được bốc khói". Bác treo đèn rải trên bốn bức tường. Thế là căn phòng này lập tức sáng rực lên như xưa nay ở Va-nô-can chưa hề thấy.

Bác vừa mới nhướm lông mày lên, thì bà y sĩ gày gò đã chạy đi lấy chiếc khăn mặt mà bác cho là không được sạch cho lắm. Tôi nghe ở dưới bếp bà ta cũng nói giọng gay gắt nhưng cũng lịch thiệp như bác sĩ:

- Các bạn nhỏ ơi, các bạn muốn đưa tôi vào quan tài đấy phỏng?

Nhưng chẳng có ai muốn đưa bà vào quan tài cả. Mọi người đều ba chân bốn cẳng chạy đi chạy lại và đều gọi bác sĩ là "nó".

Bác sĩ lấy bàn chải, rửa tay bằng xà phòng có tới nửa tiếng đồng hồ. Bác căn dặn người này, người khác rất lịch thiệp. Sau đó bác không lau khô tay, cứ thế đi vào phòng người bệnh, bác dừng chân, dạng chân, xòe tay ra, liếc nhìn chung quanh có vẻ bình phẩm. Sau đó cánh cửa đóng lại. Căn phòng sáng như tuyết, người bệnh nằm trên cái bàn trắng như tuyết và những người

mặc áo choàng trắng như tuyết - cái cảnh tượng kỳ diệu đối với Va-nô-can liền biến mất.

Đấy bác sĩ I-van I-va-nứt của chúng tôi ở Va-nô-can xử sự như thế đấy. Sau bốn mươi phút bác từ trong phòng mổ đi ra. Quá trình mổ chắc chắn là tốt đẹp, cho nên bác vừa cởi áo choàng vừa nói mấy câu tiếng La-tinh với tôi, và sau đó trích dẫn mấy câu của Cô-dơ-ma Prút-cốp:

- "Nếu bạn muốn là một người hạnh phúc thì xin cứ việc!"

Từ mờ sáng chúng tôi cất cánh từ Vô-nô-can và sau ba giờ ba mươi phút chúng tôi đã hạ cánh ở Da-pô-li-a-ri-e không gặp trở ngại gì.

Về trường hợp này, tức là về cuộc mổ xuất sắc mà bác sĩ đã thành công trong điều kiện khó khăn như vậy, và nói chung về chuyến bay của chúng tôi, sau này báo "Tin tức" có đăng một bài bút ký. Bài báo kết thúc bằng câu "sức khỏe của bệnh nhân đang được khôi phục nhanh chóng". Thật vậy, bệnh nhân bình phục rất nhanh.

Tôi và Lu-ri cũng nhận được thư khen, còn bác sĩ thì được bằng khen của khu dân tộc Nê-nét.

Chiếc câu liêm cũ bằng đồng thau hiện đang treo trên tường trong phòng tôi bên cạnh tấm bản đồ lớn. Trên bản đó có đánh dấu tuyến đường bị trôi của chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri".

Đầu tháng sáu tôi về Mát-xcơ-va. Thật tiếc là tôi có rất ít thì giờ: tôi chỉ được nghỉ có mười ngày. Trong mười ngày đó tôi không những phải làm công việc của cá nhân mà còn phải làm những công việc riêng và chung của vị thuyền trưởng kia nữa.

Trên dọc đường tôi suy nghĩ rất nhiều, nghĩ về mình, nghĩ về quan hệ giữa tôi và Ca-chi-a, rồi câu chuyện của cha cô lại hiện lên trên tất cả những ý nghĩ nầy, hình như nó đòi hỏi phải đặc

biệt chú ý và tôn kính. Dù muốn hay không tôi vẫn gặp ông trong mỗi bước ngoặt của cuộc đời mình. Cuối cùng từ những mảnh trong câu chuyện của ông mà tôi đã thu thập được, tôi có thể ghép thành một bức tranh hoàn chỉnh. Chiếc câu liêm cũ bằng đồng thau chính là bằng chứng của nét vẽ cuối cùng đầy tính lô-gích trong bức tranh này. Trong đó vấn đề phức tạp nhất cũng đã được giải quyết vì có được vật này.

Thực ra sau khi đọc xong cuốn nhật ký của người hoa tiêu tôi tự hỏi: "Liệu sau này mình có biết điều gì đã xảy ra đến với thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp không? Ông có bỏ tàu để đi nghiên cứu dải đất mà ông đã phát hiện ra không? Hay đã cùng chết đói với những người của mình trên chiếc tàu buồm bị băng trôi giạt năm này qua năm khác đến bên bờ Gren-lan?

- Đúng, - bây giờ tôi có thể trả lời được. - Ông đã bỏ tàu. Tạm thời chúng tôi còn chưa biết việc này xảy ra trong hoàn cảnh như thế nào - vì một bộ phận thủy thủ đã hy sinh hay vì tàu bị băng xô vỡ? Nhưng ông đã thực hiện cái ý nghĩ "trẻ con", "nông nổi" của mình.

Tôi tự hỏi: "Ông có đến được Bắc địa không?"

- Phải, - bây giờ tôi có thể trả lời được. - Ông đã đến gần Bắc địa. Nếu không cái xe trượt tuyết và cái thuyền con bằng vải thô không thấm nước làm sao có thể xuất hiện ở vùng bờ biển này để cho cụ thợ săn I-van Vưn-ca nhặt được?

Tôi đã từng tự hỏi: "Nên đi đâu để tìm vết tích của đội thám hiểm này? Có nên đi tìm hay không?

- Đúng, - bây giờ tôi có thể trả lời được. - Nên đi tìm những vết tích của họ, bởi khi phân tích một cách lô-gích có thể khẳng định một cách chính xác - có sai cũng không sai quá nửa độ - vị

trí của khu vực cần tìm. Còn ý nghĩa khoa học của công tác này thì không phải nghi ngờ gì nữa.

Đây là một cuộc đối thoại như ở tòa án, toàn là những câu hỏi và trả lời. Nhưng đằng sau những lời khô khan, lạnh lùng này hình như tôi cảm thấy còn có những lời khác hẳn, tôi đã nhìn thấy Ca-chi-a mà tôi hằng mong nhớ.

- Cậu quên mình rồi à? Có đúng không?

- Không, - cô trả lời. - Nhưng cuộc đời tuổi mười bảy, mười tám của chúng ta đã kết thúc rồi và cậu đã đi đâu mất cho nên mình cứ tưởng tình yêu của chúng mình cũng đã kết thúc cùng với quãng tuổi đời ấy.

- Cuộc sống chẳng kết thúc cái gì cả, - tôi nói với cô. - Giờ đây mình biết về ba cậu nhiều hơn cậu, nhiều hơn tất cả mọi người trên trái đất. Cậu xem đây, mình mang về cho cậu những gì đây: đây là toàn bộ cuộc sống của ba. Mình đã đi thu thập những sự tích về cuộc đời của ba và chứng minh đây là một cuộc đời của một con người vĩ đại. Cậu có biết tại sao mình lại làm những việc ấy không? Tại vì mình yêu cậu đấy.

Thế là cô hỏi:

- Như vậy có nghĩa là cậu không quên mình? Có đúng thế không?

Thế là tôi đáp:

- Dù cho cậu không yêu mình nữa, mình cũng không quên cậu.

Đây là cuộc đối thoại kỳ diệu do tôi nghĩ ra trên đường đi. Tuy vậy cũng không thể nói nó hoàn toàn không giống buổi nói chuyện thật sự giữa tôi và Ca-chi-a sau đó ít lâu. Buổi nói chuyện đó vừa giống lại vừa không giống - cũng như một giấc mơ vừa giống lại vừa không giống với cuộc sống hiện thực.

Phần thứ năm

VÌ LƯƠNG TÂM

Chương 1

Gặp Ca-chi-a

Mười ngày để phá một đám cưới và tổ chức một đám cưới khác, thời gian đó không phải là nhiều. Huống hồ ở Mát-xcơ-va tôi lại có nhiều công việc khác nữa: tôi chuẩn bị đọc một bản báo cáo ở Hội địa lý học "Về một đội thám hiểm Bắc cực bị lãng quên", nhưng lúc đó tôi vẫn chưa viết xong bản báo cáo ấy. Ngoài ra tôi còn phải đến Tổng cục đường Hàng không Bắc cực để đặt vấn đề đi tìm chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri".

Va-li-a đã chuẩn bị một số việc: ví dụ như nó đã trao đổi với Hội Địa lý học về bản báo cáo của tôi. Nhưng còn việc viết báo cáo, tất nhiên là nó không thể làm được.

Tôi định ở lại nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp,nhưng sau tôi nghĩ lại và đến ở khách sạn, chính cái khách sạn mà hai năm trước đây, khi tôi từ Ba-la-sốp về đã ở đó. Đó là một sai lầm, bởi vì tôi không thích ở khách sạn, mặc dù điều này đối với một người đang lang thang, như vậy là kỳ quặc. Ở khách sạn, tâm trạng tôi bao giờ cũng buồn bã.

Tôi gọi dây nói cho Ca-chi-a. Cô đến chỗ máy nói.

- Tôi nghe đây.

- Tôi là Xa-nhi-a.

Cô im lặng. Sau đó cô hỏi giọng rất bình thường:

- Xa-nhi-a?

- Đúng, tôi là Xa-nhi-a đây.

Cô lại im lặng.

- Ở Mát-xcơ-va có lâu không?

- Không, chỉ vài ngày thôi, - tôi trả lời, cũng cố gắng nói giọng bình thường, tựa hồ như không cảm thấy mình đang trông thấy cô vẫn đội cái mũ bịt tai nhưng không buộc dây, vẫn mặc cái áo bành tô bị tuyết ngấm ướt mà cô đã mặc hôm chúng tôi gặp nhau lần cuối cùng ở phố Tri-um-phan-nai-a ấy.

- Nghỉ phép à?

- Vừa nghỉ phép vừa đi công tác.

Tôi phải cố gắng lắm mới không bật ra câu hỏi: "Mình nghe nói cậu thường gặp Rô-ma-sốp luôn phải không?" Tôi đã cố gắng kìm được nên không hỏi.

- Thế Xa-nhi-a thế nào? - Đột nhiên cô hỏi về em gái tôi. - Mình và Xa-nhi-a vẫn thư từ cho nhau, nhưng sau đó bị gián đoạn.

Chúng tôi nói chuyện về Xa-nhi-a. Ca-chi-a nói rằng cách đây mấy hôm có một đoàn kịch ở Lê-nin-grát đến Mát-xcơ-va, trình diễn vở "NGƯỜI MẸ" của Mắc-xim Goóc-ki, và trong tờ chương trình có viết: "Họa sĩ: P.Xcô-vô-rốt-ni-cốp".

- Thật à?

- Trang trí rất đẹp. Rất mạnh dạn nhưng đồng thời cũng giản dị.

Tôi cảm thấy cô cố tình không gọi tôi bằng tên, chỉ có một lần gọi như thế thôi, nhưng giọng rất bé, hình như cô không muốn cho người nhà biết cô đang nói chuyện với ai. Chẳng lần nào cô

gọi tôi là "cậu" cả. Chúng tôi nói hết chuyện này đến chuyện khác giọng rất bình thường cho đến lúc tôi bỗng cảm thấy sợ hãi: tất cả sắp kết thúc mất rồi, tức là chúng tôi nói chuyện với giọng bình thường như thế này rồi sẽ chia tay, thậm chí tôi không còn cớ gì để mà lại gọi dây nói cho cô nữa.

- Ca-chi-a, chúng mình cần gặp nhau một buổi. Khi nào cậu có thể cho gặp được?

Tôi nói: "Khi nào cậu có thể?" Như thế là rõ, nếu tôi gọi "chị" thì thật là ngu xuẩn.

- Rất may tối nay mình rất rỗi.

- Chín giờ nhé?

Tôi chờ xem cô có bảo tôi đến nhà cô không, nhưng cô không bảo gì. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở đâu?

- Có lẽ đến vườn hoa phố Tri-um-phan-nai-a nhé?

- Hiện nay không còn vườn hoa ấy nữa, - Ca-chi-a lạnh lùng nói.

Chúng tôi hẹn gặp nhau giữa những hàng cột ở Nhà hát lớn.

Toàn bộ nội dung cuộc nói chuyện của chúng tôi bằng điện thoại là như vậy, chẳng có gì đáng nhớ lại từng lời tôi đã nói suốt cái ngày dài đằng đẵng ở Mát-xcơ-va.

Trước hết tôi đến Cục Hàng không dân dụng, sau đó đến Học viện Động vật thăm Va-li-a. Hình như lúc đó tôi lơ đễnh lắm nên Va-li-a phải nhắc đi nhắc lại mấy lần rằng ngày mai là ngày kỷ niệm hai mươi nhăm năm dạy học của thầy giáo Cô-ra-bơ-li-ốp, nhà trường sẽ tổ chức cuộc họp mặt chúc mừng thầy.

Cuối cùng cũng đến chín giờ tối, tôi đi đến Nhà hát lớn...

Ca-chi-a vẫn là Ca-chi-a như trước, cô vẫn quấn hai cái đuôi sam ở trên đầu, vẫn có mớ tóc quăn trước trán mà lúc nào tôi cũng nhớ mỗi khi nghĩ đến cô. Cô có xanh hơn một chút và người

cao hơn. Tất nhiên bây giờ cô không còn là cô gái như hồi nào đã hôn tôi ở vườn hoa phố Tri-um-phan-nai-a. Giờ đây cô có cái nhìn nhẫn nhục và giọng nói cũng nhẫn nhục. Nhưng dù sao cô cũng vẫn là Ca-chi-a, lớn lên chẳng có chút nào giống bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, mà không hiểu tại sao tôi rất sợ nếu cô giống mẹ. Trái lại tất cả những đặc điểm của Ca-chi-a trước đây, nay càng rõ nét hơn, và giờ đây cô càng đúng là Ca-chi-a hơn trước. Cô mặc chiếc áo sơ-mi lụa cộc tay màu trắng, trước ngực có đính một cái nơ màu xanh điểm những hạt đậu trắng. Trong khi nói chuyện, tôi nhìn lên mặt cô, cô liền trở nên nghiêm nghị.

Lần nói chuyện này gây cho tôi một cảm giác hình như chúng tôi ở hai buồng khác nhau, nói chuyện với nhau qua một bức tường và chỉ thỉnh thoảng Ca-chi-a mới nhìn qua khe cửa hé mở để xem tôi có phải là tôi không. Chúng tôi lang thang ở Mát-xcơ-va suốt cái ngày buồn bã ấy. Tôi cứ nói thao thao bất tuyệt, - tôi không nhớ có bao giờ tôi lại nói nhiều như thế hay không. Nhưng tất cả những điều đó lại hoàn toàn không phải điều tôi muốn nói với cô. Tôi đã kể cho cô nghe, tôi đã lập được "bảng chữ cái của người hoa tiêu" như thế nào và muốn đọc hết được cuốn "nhật ký" là cả một công việc gian khổ. Tôi đã kể cho cô nghe, tôi đã tìm được cái câu liêm cũ bằng đồng thau có khắc chữ "Tàu buồm Xanh Ma-ri" như thế nào.

Nhưng tôi không hề nói một câu nào về việc tôi đã làm tất cả những việc đó để làm gì! Không nói một câu nào hết. Hình như câu chuyện cũ đã chết từ lâu rồi, mà trong đó không có tình yêu và cái chết của bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, sự ghen tuông của Rô-ma-sca, toàn bộ bầu máu nóng sục sôi trong tôi và Ca-chi-a.

Ở Mát-xcơ-va đang xây dựng đường tàu điện ngầm và ở những nơi quen thuộc nhất đã có những hàng cọc chắn nên bắt buộc phải đi dọc theo những hàng rào đó trên những tấm ván gỗ ghề

và rồi lại phải quay lại, bởi vì ở đầu bên kia đã có một cái hố lớn. Hôm qua vẫn chưa có những hố này, thế mà giờ đây đã nghe thấy tiếng người ở dưới và tiếng làm việc ồn ào ở dưới đường hầm.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi cũng na ná như vậy, chúng tôi cũng đi vòng qua những nơi quen thuộc nhất, những nơi quen thuộc từ thời thơ ấu và thời còn đi học, chúng tôi phải đi vòng quanh và phải quay trở lại vì đến đâu cũng gặp những hàng rào chắn ngang, đặc biệt là những lúc chúng tôi đi gần đến chỗ nguy hiểm gọi là chỗ "Ni-cô-lai An-tô-nứt" là chúng tôi bị chặn đứng.

Tôi hỏi Ca-chi-a có nhận được những bức thư của tôi không - một bức thư tôi gửi từ Lê-nin-grát, một bức tôi gửi từ Ba-la-sốp. Khi cô nói là không, tôi lại nói bóng nói gió là liệu những bức thư đó có rơi vào tay người nào khác không.

- Trong nhà mình chẳng có người lạ nào cả, - Ca-chi-a nói gắt.

Chúng tôi quay lại quảng trường Nhà hát. Trời đã về khuya, nhưng trong các quầy vẫn còn bán hoa. Sau khi ở Da-pô-li-a-ri-e về, tôi cảm thấy là lạ khi nhìn thấy ở đây lắm thứ như thế - nào người, xe cộ, nhà cửa và không biết bao nhiêu là đèn điện đang đung đưa ở những góc khác nhau.

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài. Ca-chi-a nghe tôi nói, một tay chống đầu. Lúc đó tôi nhớ ra là cô vẫn có thói quen thích ngồi ngay ngắn để nghe cho thoải mái. Giờ đây tôi mới hiểu trong cô đã có điều thay đổi, đó là đôi mắt. Đôi mắt cô có vẻ buồn buồn.

Đây là giây phút êm đềm duy nhất. Sau đó tôi hỏi cô có còn nhớ buổi nói chuyện cuối cùng của chúng ta ở vườn hoa phố Tri-em-pha-nai-a không, cô không nói gì. Đó là câu trả lời đáng sợ nhất đối với tôi. Đó là dự báo sẽ trả lời: "Chúng ta sẽ không nói về chuyện ấy nữa".

Nếu tôi được nhìn kỹ vào mắt cô, có lẽ tôi có thể hiểu được nhiều điều hơn. Nhưng trong suốt thời gian đó cô cứ quay mặt đi, nên tôi cũng không định tìm cách nhìn nữa.

Tôi chỉ cảm thấy càng ngày cô càng lạnh nhạt hơn. Cô chỉ gật đầu khi tôi nói:

- Mình sẽ mãi mãi quan tâm đến cậu về mọi mặt.

Khi tôi mời cô đến nghe buổi báo cáo của tôi thì cô cám ơn tôi một cách lịch sự.

- Cám ơn, mình nhất định sẽ đến.

- Mình sẽ rất vui.

Chúng tôi im lặng.

- Xa-nhi-a ạ, mình muốn nói với cậu rằng, thái độ này của cậu làm cho mình rất cảm động. Mình cứ tưởng cậu đã quên việc này từ lâu rồi.

- Cậu thấy đấy, quên sao được!

- Nếu mình kể lại cho Ni-cô-lai An-tô-nứt nghe những chuyện chúng mình đã nói với nhau, cậu sẽ không phản đối chứ?

- Trái lại! Ni-cô-lai An-tô-nứt sẽ rất phấn khởi nếu được biết những phát hiện này của mình. Bởi vì những phát hiện này có liên quan hết sức mật thiết với lão, còn mật thiết hơn là lão tưởng tượng rất nhiều.

Thực ra những phát hiện này chẳng có quan hệ mật thiết đối với lão ta đến thế và tôi cũng chẳng có cơ sở gì để nói bóng gió như vậy. Nhưng lúc đó tôi rất bực.

Ca-chi-a nhìn tôi chằm chằm và có vẻ suy nghĩ. Hình như cô còn muốn hỏi tôi điều gì, nhưng còn do dự. Chúng tôi chia tay nhau. Tôi ra về lòng nặng trĩu, bực bội và mệt mỏi và về khách sạn chưa bao giờ trong đời tôi lại đau đầu đến như vậy.

Chương 2

Lễ kỷ niệm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp

Tổ chức lễ kỷ niệm của một giáo viên trung học vào những ngày nghỉ, quả là một ý nghĩ kỳ quặc, bởi vì lúc đó học sinh đều về cả và nhà trường cũng đã đóng cửa. Thậm chí tôi còn nói với Va-li-a là, theo tôi sẽ không có ai đến dự.

Thực tế lại hoàn toàn không phải như vậy! Trường chật ních người. Anh em học sinh còn lấy cành thông và cành bạch dương về trang hoàng cầu thang. Một đống cành cây đặt trên sàn phòng treo mũ áo và con số "25" rất lớn đung đưa trước cửa ra vào căn phòng dự định làm phòng tổ chức lễ kỷ niệm. Các nữ sinh ôm những bó hoa đi đâu đó, vẻ mắt nào cũng nghiêm trang, chăm chú. Do không khí tấp nập, phấn khởi ấy, và chủ yếu là do cảm giác tôi được về trường cũ, tôi bỗng cảm thấy lòng vui rạo rực.

Song các bạn không để cho tôi say sưa với những kỷ niệm của mình được lâu. Khi tôi mặc quần áo đồng phục vào, các bạn liền vây chặt lấy tôi. A ha, phi công đã đến! Tôi không còn kịp trả lời những câu hỏi của các bạn nữa.

Sau đó có một nữ sinh lớp trên, cô này làm cho tôi nhớ đến cô

Va-ri-a "Ban kinh tế" của chúng tôi, cũng béo, cũng hồng hào như thế, đi đến chỗ tôi và đỏ mặt lên nói rằng thầy I-van Pa-vơ-lứt đang chờ tôi.

Ông đang ngồi trong phòng giáo viên, già đi, hơi còng, tóc bạc - tóc đã bạc rồi! Giờ đây ông đang giống người nào? Giống Mác Toen! Tất nhiên ông già đi, nhưng tôi cảm thấy ông khỏe chắc hơn khi tôi gặp ông lần cuối cùng. Râu ông tuy cũng đã bạc trắng, nhưng lại rậm hơn và lại vểnh lên trông rất có sinh khí và bên trên cái cổ áo mềm và rộng là cái cổ hồng hào khỏe khoắn.

- Chào thầy ạ, xin chúc mừng thầy! - Tôi nói, chúng tôi ôm hôn nhau rất lâu. - Xin chúc mừng thầy, - tôi nói trong lúc hôn, - mong rằng những học sinh của thầy cũng sẽ biết ơn thầy như em.

- Cám ơn, Xa-nét-sca[1]!

Ông lại ôm tôi rất chặt một lần nữa. Ông xúc động vô cùng, môi ông run run.

Sau đó một tiếng đồng hồ, ông ngồi trên bục sân khấu ở trong chính cái phòng mà trước kia chúng tôi đã mở phiên tòa xử Ép-ghê-ni Ô-nê-ghi. Còn chúng tôi với danh nghĩa là khách danh dự ngồi trên bàn chủ tịch ở bên phải và bên trái người được kỷ niệm. Chúng tôi bao gồm: Va-li-a, nhân ngày lễ trọng thể này, cậu ta đã thắt chiếc cà-vạt màu xanh tươi; kỹ sư xây dựng Ta-ni-a Ve-lích-cô, giờ đây cô ta đã trở thành một thiếu phụ cao lớn đẫy đà làm người ta khó có thể tin rằng đó lại chính là cô Ta-ni-a gầy còm, có tính nguyên tắc rất cao thuở trước; và một vài học sinh nữa của thầy I-van Pa-vơ-lứt mà hồi chúng tôi còn học, họ chỉ là những học sinh lớp dưới, bé tí tẹo, thậm chí hồi đó chúng tôi còn

(1) Tức Xa-nhi-a gọi một cách âu yếm - N.D.

không coi họ ra gì. Trong thế hệ học sinh này có rất nhiều học sinh trường quân chính, và tôi rất hài lòng được biết có ba người là đội viên thuộc trung đội Thiếu niên tiền phong của tôi hồi đó.

Sau đó có một vị rất chi là hào hoa trang nhã, đi đôi giày ống màu trắng, mặc áo gi-lê sợi thô, đó là Gri-sca Pha-be, diễn viên của nhà hát Mát-xcơ-va. Quả thật anh chàng này không hề thay đổi tí nào. Cậu ta làm ra vẻ như mọi việc xảy ra trong hội trường này đều có liên quan đến cậu ta cả. Cậu ta trang trọng hôn lên má chủ nhân rồi ngồi xuống, bắt chân lên nhau. Cậu ta chiếm một chỗ rất rộng trên hàng ghế chủ tịch khiến cho người ta cảm thấy rằng buổi lễ này là để kỷ niệm cậu ta chứ không phải lễ kỷ niệm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Với dáng điệu mơ mơ màng màng, cậu ta nhìn những người dự họp rồi lấy lược ra chải đầu. Tôi viết cho cậu ta một mảnh giấy: "Gri-sca, thằng đểu, cậu có khỏe không!" Nó đọc xong, nhìn tôi cười khách khí và vẫy tay chào.

Đó là một buổi dạ hội rất tuyệt. Sở dĩ nó rất tốt là bởi vì người nào phát biểu cũng rất thật. Không có một người nào nói những lời giả dối. Rõ ràng là nói những điều thành thật về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không có gì là khó. Vả lại ông đối với học trò của mình xưa nay cũng chỉ yêu cầu họ trở thành người trung thực ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tôi cũng chỉ muốn, sau hai mươi nhăm năm công tác, người ta cũng sẽ nói về tôi như người ta đã nói về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp trong buổi liên hoan này thôi.

Bố mẹ học trò, công nhân xưởng đồ dùng gia đình, Ủy ban Xô Viết khu, Sở giáo dục thành phố đều tặng những lẵng hoa, lẵng sau to hơn lẵng trước. Và đây chủ tịch tuyên bố: "Bây giờ xin mời Gri-gô-ri I-va-nô-vích Pha-be, thay mặt cho các diễn viên đã tốt nghiệp ở trường ta lên phát biểu ý kiến". Tiếp đó hai chàng trai

lực lưỡng khiêng ra một lẵng hoa khiến mọi người phải kinh ngạc, cả hội trường nhốn nháo hẳn lên.

Gri-sca đứng dậy. Cũng như mọi khi, cậu ta nói rất hay, chỉ có điều là hơi gào lên quá và tôi lấy làm lạ là sao ở nhà hát người ta không dạy cho nó nói nhẹ nhàng đi một tí. Nó gọi thầy I-van Pa-vơ-lứt là "ông thầy của cuộc sống nghệ thuật" và nhấn mạnh rằng điều đó có tác dụng rất lớn đối với cá nhân nó. Sau đó nó lại ôm thầy Cô-ra-bơ-li-ốp một lần nữa rồi ngồi xuống rất chi là thỏa mãn.

Trên sân khấu càng ngày càng có nhiều hoa, thầy I-van Pa-vơ-lứt ngồi đó, mặt đỏ bừng, luôn tay vuốt bộ râu. Hình như ông ngượng vì cảm thấy mình hạnh phúc quá. Khi người ta ca ngợi ông thì đôi mắt ông trở nên buồn.

Sau đó có một trung úy lên phát hiểu. Hồi tôi còn ở trường, anh này học lớp năm. Anh nói, vừa rồi đồng chí Pha-be đã thay mặt cho các diễn viên, vậy anh cũng mạo muội thay mặt cho các học viên và cán bộ chỉ huy trường hồng quân công nông trước đây cũng học ở trường này ra đứng lên chúc mừng.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt thân yêu, - tôi nói khi chủ tịch cho phép tôi phát biểu, - bây giờ xin cho phép tôi thay mặt những phi công lên phát biểu vài lời, bởi vì trong không phận nhà nước Xô Viết vĩ đại của chúng ta cũng có rất nhiều học trò của thầy đang bay, chắc chắn rằng tất cả bọn họ đều sẽ tán thành mỗi lời tôi nói. Người ta thường nói, nhà văn là kỹ sư tâm hồn của nhân loại. Nhưng thầy cũng là kỹ sư tâm hồn của nhân loại. Ví dụ có một lần, tôi tỉnh dậy từ sớm và thấy anh bạn tôi đang chăm chú nhìn lên trần nhà, thậm chí tôi hỏi cũng không trả lời. Tôi nhìn theo hướng nhìn của anh ta và thấy trên trần nhà có vẽ một vòng

tròn đen bé bằng đồng năm mươi cô pếch. Ngày hôm sau cũng lại như vậy. Sáng nào anh bạn láng giềng của tôi cũng nhìn cái vòng tròn đen như vậy suốt hai tháng liền. Các bạn thử nghĩ xem anh ta làm như vậy để làm gì? Tất nhiên là bản thân anh ta có thể trả lời được câu hỏi này, bởi vì hiện nay anh ta đang ngồi bên cạnh tôi trong gian phòng này, - Va-li-a cười ngượng nghịu, sau đó là chủ tịch đoàn và toàn thể hội trường đều cười vang. - Thôi được, tôi xin trả lời thay cho anh ta: anh luyện sức nhìn. Nhãn quang của ai đã làm cho anh ta bái phục như vậy? Đó là nhãn quang kỳ diệu của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp I-van Pa-vơ-lứt. Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt thân yêu! Giờ đây tôi xin thú thật với thầy rằng, chúng tôi không chịu được cái nhìn của thầy. Đôi khi định làm liều một cái gì đó hay định nói dối điều gì đó nhưng gặp thầy hoặc là chỉ nghĩ đến thầy thôi thế là cũng buộc phải nói ra sự thực. Tôi cho rằng đây cũng là điều quan trọng nhất mà trường ta nên dạy bảo cho chúng tôi.

Tôi dứt lời và đi đến ôm hôn thầy I-van Pa-vơ-lứt. Va-li-a cũng đứng bên kia ôm hôn thầy, thế là chúng tôi cộc đầu vào nhau.

Trước đó tiếng vỗ tay rất thưa thớt, nhưng khi thấy chúng tôi cộc đầu vào nhau thì tiếng vỗ tay bỗng vang lên như sấm.

Sau tôi đến Ta-ni-a Ve-lích-cô phát biểu, nhưng tôi không nghe được gì bởi vì lúc đó Ni-cô-lai An-tô-nứt đến.

Ông ta bước vào hội trường - người mập mạp, dáng điệu uy nghi, mặc cái quần rộng thùng thình hơi cúi về phía trước, lách qua hàng người đi về phía chủ tịch đoàn. Tôi nhìn thấy bà Xê-ra-phi-ma già nua, đáng thương, chính cái bà trước kia đã dùng phương pháp dạy học tổng hợp để dạy chúng tôi bài "con vịt"

đang chạy trước mở đường cho ông, nhưng ông cũng không thèm nhìn bà, cũng chẳng buồn cười mà chỉ đi thẳng.

Từ cái tấn kịch tồi tệ trong đó ông ta quát tháo, bẻ ngón tay và nhổ vào mặt tôi lần trước, tôi không hề gặp lại ông ta lần nào nữa. Giờ đây tôi thấy ông ta so với hồi ấy thay đổi đến kinh khủng. Có một người nào đó đi sau ông ta, cũng khá đẫy đà, cũng hơi khom lưng về phía trước nhưng không mỉm cười.

Nếu lúc đó Va-li-a không nói thầm bên tai tôi thì rõ ràng là không tài nào đoán được ra người đó là ai. Va-li-a bảo: "Chính thằng Rô-ma-sca đấy". Thế nào, Rô-ma-sca à? Thằng Rô-ma-sca mà lại chải chuốt, bệ vệ, có cái mặt to béo, trắng trẻo và lịch thiệp thế kia, lại có bộ com-lê màu tro sang trọng thế kia? Thế bộ tóc vàng hoe, rối bù như tổ quạ của nó đâu? Thế đôi mắt tròn xoe kỳ quặc, đôi mắt cú mèo, đôi mắt ngủ không nhắm lại được của nó đâu?

Tất cả đều chải chuốt, chỉnh tề, mềm mại đến cực điểm, thậm chí đến cái cằm vuông bạnh của nó, giờ đây cũng không thấy vuông lắm nữa mà lại có vẻ đầy đặn và tao nhã. Nếu thằng Rô-ma-sca có mong muốn nặn lại bộ mặt mới, có lẽ nó cũng không thể nặn được đẹp hơn thế nữa. Nếu một người chưa hiểu nó mà gặp nó lần đầu, bây giờ thậm chí có thể gây nên ấn tượng tốt nữa kia.

Ni-cô-lai An-tô-nứt đi thẳng đến bàn chủ tịch, nó cũng đi theo ông ta và tất cả những gì Ni-cô-lai An-tô-nứt đã làm, thằng Rô-ma-sca đều làm theo. Ni-cô-lai An-tô-nứt miễn cưỡng, nhưng nói chung cũng nhiệt tình chúc mừng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, không hôn mà chỉ chìa tay ra bắt tay thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Thằng Rô-ma-sca cũng chỉ bắt tay thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Ni-cô-lai An-tô-nứt nhìn đoàn chủ tịch một lượt, trước hết lão chào vị giám đốc Sở

Giáo dục nhân dân thành phố. Theo sau, thằng Rô-ma-sca cũng đến chào ông. Nhưng có điều rất lạ kỳ là động tác của thằng Rô-ma-sca lại kiên quyết, mạnh mẽ hơn.

Ni-cô-lai An-tô-nứt không để ý đến tôi, cũng có nghĩa là lão ta làm ra vẻ như tôi không có ở đây. Nhưng thằng Rô-ma-sca thì đi đến chỗ tôi, dừng lại và xòe hai tay ra có vẻ như rất ngạc nhiên - có phải là tôi thật không? Hình như chưa bao giờ tôi lấy chân đá vào cái mặt chó đểu của nó cả.

- Chào cậu, Rô-ma-sca! - Tôi thờ ơ nói.

Nó hơi trù trừ, nhưng tôi lại làm ra vẻ như chúng tôi là những người bạn cũ đã lâu năm, cho nên phải gọi nhau một cách thân mật là "Xan-ca và Rô-ma-sca". Nó ngồi xuống cạnh tôi và bắt đầu nói gì đó, nhưng tôi hết sức khinh bỉ quay đi, ra vẻ như đang nghe Ta-ni-a nói.

Tôi cũng chẳng nghe Ta-ni-a! Những mạch máu trong tôi đều đang sôi lên, tôi phải đem hết nghị lực ngoan cường ra để cố giữ cho được vẻ bình tĩnh ban đầu.

Phần nghi thức của buổi lễ đã kết thúc. Khách khứa được mời vào bàn ăn. Thằng Rô-ma-sca đuổi kịp tôi ngoài hành lang.

- Lễ kỷ niệm của thầy I-van Pa-vơ-lứt tổ chức rất hay có phải không?

Giọng nó trở nên mềm mại, tròn trạnh.

- Ừ, rất hay.

- Thật ra rất tiếc là chúng ta ít gặp nhau quá. Dù sao cũng là bạn cũ cả. Cậu làm việc ở đâu?

- Ở Cục Hàng không dân dụng.

- Cái đó mình biết, - nó nói và cười. - Không. "Ở đậu" là ý khác cơ, nghĩa là ở vùng nào.

- Ở vùng Cực Bắc.

- Đúng rồi! Khỉ thật! Mình quên bẵng đi mất! Ca-chi-a đã từng nói với mình rồi! Ở Da-pô-li-a-ri-e!

- Ca-chi-a! Ca-chi-a đã từng nói với nó. Người tôi bỗng nóng bừng, nhưng tôi vẫn trả lời nó rất bình tĩnh:

- Ừ, ở Da-pô-li-a-ri-e.

Nó lặng im. Sau đó nó hỏi thận trọng:

- Ở lại có lâu không... đến đằng mình chứ?

- Mình chưa biết, - tôi cũng trả lời thận trọng. - Cái đó còn tùy thuộc ở nhiều hoàn cảnh.

Tôi rất mừng là tôi đã trả lời bình tĩnh và thận trọng như vậy và từ phút đó trở đi tôi khỗng còn hồi hộp nữa. Tôi trở nên lạnh lùng, khách khí và ranh mãnh như con rắn.

- Ca-chi-a nói rằng cậu chuẩn bị đọc báo cáo. Hình như ở Câu lạc bộ Bác học phải không?

- Không, ở Hội Địa lý học.

Rô-ma-sca nhìn tôi vẻ hài lòng - như nó đã thỏa mãn vì tôi chuẩn bị đọc báo cáo ở Hội Địa lý học chứ không phải ở Câu lạc lộ Bác học. Sự thực cũng đúng là như vậy, nhưng lúc đó tôi chẳng biết gì cả.

- Báo cáo về vấn đề gì?

- Cậu đến nghe sẽ rõ, - tôi thờ ơ trả lời.-Cái đó cậu sẽ thú vị đấy.

Nó lại có vẻ trù trừ, lần này thì rất rõ.

- Ừ, - nó nói, - cần phải ghi lại, nếu không lại lỡ mất cơ hội. - Nói đoạn nó giở sổ tay ra ghi mấy chữ rất chân phương. - Tên bản báo cáo là gì?

- Một đội thám hiểm Bắc cực bị lãng quên.

- Thong thả! Đó là nói về đội thám hiểm của I-van Li-vô-vích?

- Về độ thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, - tôi bác lại thẳng thừng.

Nhưng nó để ngoài tai lời đính chính của tôi.

- Theo những tài liệu mới?

Một quỉ kế ngu xuẩn, quen thuộc thoáng hiện lên trong ánh mắt nó và tôi lập tức đoán ra đó là chuyện gì.

"À, thằng đểu, - tôi lạnh lùng suy nghĩ, - mày lại được Ni-cô-lai An-tô-nứt phái đến đây. Nó cử mày đến để thăm dò xem tao có chuẩn bị chứng minh sự hy sinh của đội thám hiểm hoàn toàn là do sai lầm của nó chứ không phải của lão Phôn Vư-si-mia-xki nào cả hay không chứ gì."

- Ừ, hoàn toàn mới.

Rô-ma-sca nhìn tôi chăm chú. Trong giây phút đó nó lại hiện nguyên hình thằng Rô-ma-sca cũ. Nó đang tính toán xem nếu tôi để lộ đó là những tài liệu gì, thì nó sẽ kiếm được bao nhiêu lợi nhuận.

- Về đội thám hiểm này, - nó nói, - thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng có những tài liệu. Thầy có rất nhiều thư từ trong đó có rất nhiều thư rất thú vị, thầy có cho mình xem một lần. Cậu nên tìm thầy mà xem.

"À, hiểu rồi, - tôi lại nghĩ. - Ni-cô-lai An-tô-nứt lại lại xui mày đến dụ dỗ tao, để thương lượng về việc này. Lão ấy đang sợ mình. Lão muốn để cho mình đi trước một bước. Đâu có chuyện như vậy!"

- Chẳng cần, - tôi lãnh đạm trả lời. - Thực ra ông ấy biết rất ít. Nói ra cũng hơi kỳ, nhưng về vấn đề ông ấy tham gia vào công

việc của đội thám hiểm, mình còn biết nhiều hơn bản thân ông ấy rất nhiều.

Đó là một cú rất thích đáng, thằng Rô-ma-sca mặc dù hiện nay đã tiến bộ nhiều nhưng dù sao vẫn cứ là thằng ngu xuẩn, bỗng nhiên nó há hốc mồm ra nhìn tôi, rõ ràng là rất lúng túng.

"Ca-chi-a, Ca-chi-a", - tôi nghĩ và cảm thấy tim như thắt lại vì cả mình lẫn Ca-chi-a đều bị xúc phạm.

- Ừ, - ừ, - Rô-ma-sca kéo dài giọng. - Sự việc như vậy.

- Đúng, sự việc như vậy đấy.

Chúng tôi đi đến bàn ăn, cuộc nói chuyện chấm dứt. Tôi miễn cưỡng ngồi cho đến hết buổi dạ hội - chỉ vì để không làm phật ý thầy I-van Pa-vơ-lứt. Tâm trạng tôi thật buồn, tôi rất muốn uống thật nhiều rượu, nhưng tôi lại chỉ uống có một cốc, để mừng ngày kỷ niệm.

Lần này thằng Rô-ma-sca đứng lên chúc rượu. Nó đứng lên và trịnh trọng chờ rất lâu, chờ cho đến khi cả bàn đều im lặng. Có một câu nó nói rất trôi chảy, thế là vẻ đắc chí hiện nay lên nét mặt. Nó nói "tình bạn đã gắn bó tất cả học sinh của chủ nhân thân yêu của chúng ta". Lúc đó nó quay sang phía tôi và giơ cốc rượu lên, tỏ ý cũng cạn chén vì tôi nữa. Tôi cũng hơi nâng cái cốc lên một cách lịch sự. Có lẽ lúc đó nét mặt tôi không được tươi tỉnh lắm nên thầy I-van Pa-vơ-lứt chăm chú nhìn nó, rồi quay sang nhìn tôi rồi ông đặt ngay tay lên bàn và mắt nhìn vào tay để ra hiệu, nhưng lúc đó tôi không hiểu việc đó có ý nghĩa gì. Bàn tay nhấc lên, khẽ gõ xuống bàn, rồi lại lặng lẽ đặt xuống. Đó chính là ám hiệu của chúng tôi trước đây. Không được xúc động! Cả hai chúng tôi cùng cười và tôi cảm thấy lòng cũng vui vui.

Chương 3

Vô đề

Hôm đó tôi đã hẹn gặp một cán bộ của báo "Sự thật": tôi muốn kể cho ông nghe về những phát hiện của mình. Ông ấy phải hoãn hai lần, lần nào cũng nói là rất bận, nhưng cuối cùng ông ấy gọi dây nói đến và tôi đi đến tòa báo "Sự thật".

Đó là một bác người cao cao, làm việc rất nhiệt tình, đeo kính cận thị, mắt hơi lác, làm cho người ta cảm thấy như lúc nào bác cũng nhìn đi chỗ khác và suy nghĩ việc gì riêng của mình. Bác nói rằng bác có hiểu đôi chút về các phi công. Hình như bác thật sự thích thú câu chuyện của tôi, cho nên ngay từ câu thứ hai bác đã ghi chép vào sổ tay. Bác bảo tôi vẽ lại bức tranh về cách cố định chiếc máy bay trên tuyết trong thời gian bị bão tuyết và nói rằng tôi cần phải viết một bài báo về việc này và gửi cho tờ tạp chí "Hàng không dân dụng". Ngay lúc đó bác gọi dây nói cho tòa báo "Hàng không dân dụng" và thỏa thuận khi nào tôi sẽ gửi những tài liệu ấy và gửi cho ai. Tôi cảm thấy bác hiểu rất rõ ý nghĩa của đội thám hiểm của tàu "Xanh Ma-ri" và nói rằng hiện nay tất cả mọi người đều cảm thấy vô cùng hứng thú đối với Bắc cực, cho nên đây là một đề tài rất cần thiết và rất hợp thời.

- Nhưng đã có một bài báo viết về vấn đề này rồi, - bác nói. - Hình như ở trên báo "Bắc cực Xô Viết" thì phải.

- Ở báo "Bắc cực Xô Viết?"

- Phải, đăng năm ngoái.

Đây là một sự kiện rất mới! Một bài báo viết về đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đăng trên tờ "Bắc cực Xô Viết" năm ngoái?

- Tôi không đọc bài báo này, - tôi nói. - Nhưng dù sao thì tác giả của bài báo này cũng không biết những điều mà tôi đang biết. Tôi đã dò được quyển nhật ký của người hoa tiêu - một thành viên duy nhất của đội thám hiểm đến được đất liền.

Lúc này tôi mới biết, trước mặt tôi là một nhà báo chân chính. Mắt bác bỗng sáng bừng lên, bác ghi rất nhanh, thậm chí đến gãy cả bút chì. Rõ ràng đây là một sự kiện lớn gây ấn tượng mạnh mẽ. Chính bác cũng nói thế này:

- Đúng, đây là một sự kiện gây ấn tượng mạnh!

Sau đó bác khóa cửa buồng làm việc của bác lại để dẫn tôi đến gặp "thủ trưởng", như bác đã nói với tôi khi đi qua hành lang.

Ở chỗ "thủ trưởng" tôi kể lại vắn tắt câu chuyện của tôi, và chúng tôi ước định với nhau:

a) Ngày mai tôi sẽ mang quyển nhật ký đến tòa soạn.

b) Tòa báo sẽ cử một cán bộ đến nghe bản báo cáo của tôi.

c) Tôi sẽ viết một bài báo về những phát hiện của mình, đến lúc đó "Chúng tôi sẽ xem, nên đăng bài ấy ở đâu".

Lẽ ra tôi phải bàn với tòa báo "Sự thật" về vấn đề đi tìm đội thám hiểm, nhưng không hiểu tại sao lúc đó tôi lại cho rằng vấn đề đặc biệt này không có liên quan đến giới báo chí. Thật là đáng

tiếc, nếu không các đồng chí phóng viên lúc đó đã có thể giới thiệu tôi nên đến gặp ai ở Tổng cục đường Hàng không Bắc cực, hoặc giả đã có thể gọi ngay dây nói giúp tôi rồi.

Tôi ngồi ở phòng khách hai tiếng đồng hồ - chỉ để chờ được gặp một trong những vị thư ký của Tổng cục. Cuối cùng tôi cũng chờ được. Người ta dẫn tôi vào phòng làm việc và tôi lại ngồi ở đây nửa tiếng đồng hồ nữa. Người thư ký không có thì giờ nào rỗi nữa, nào thủy binh, phi công, vô tuyến điện viên, kỹ sư, thợ mộc, kỹ sư canh nông, các nhà họa sĩ nối đuôi nhau ra vào phòng làm việc của đồng chí ấy, và lúc nào đồng chí ấy cũng phải làm ra vẻ mình rất thành thạo về ngành Hàng không, về Nông nghiệp, về Hội họa và Vô tuyến điện. Cuối cùng đồng chí ấy tiếp tôi.

- Thật là một câu chuyện rất thú vị về mặt lịch sử - đồng chí nói, khi tôi kết thúc câu chuyện của mình. - Song hiện nay chúng tôi đang có những nhiệm vụ hiện thực hơn.

Tôi biện bạch rằng, tôi cũng rất hiểu, nhiệm vụ của Tổng cục tuyến đường hàng không Bắc cực không phải là đi tìm đội thám hiểm đã mất tích. Nhưng vì năm nay có một chi đội thám hiểm Bắc cực sẽ khởi hành đi lên Bắc địa, cho nên có thể giao cho họ một nhiệm vụ phụ không lớn lắm là điều tra khu vực thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp bị nạn.

- Ta-ta-ri-nốp, Ta-ta-ri-nốp.... - Người thư ký nhớ lại và nói. - Ông ấy đã viết về vấn đề này?

Tôi nói rằng ông ấy không thể viết về vấn đề này được, bởi vì đội thám hiểm này rời khỏi Pê-téc-bua cách đây đã gần hai mươi năm và những tin tức cuối cùng nhận được là vào năm 1914.

- Thôi được, vậy thì Ta-ta-ri-nốp nào đã viết về vấn đề này?

- Ta-ta-ri-nốp là thuyền trưởng, - tôi nhẫn nại giải thích. -

Ông ra đi vào mùa thu năm 1912 trên chiếc tàu buồn "Xanh Mari" với mục đích là định đi qua tuyến đường biển phía Bắc tức là chính tuyến đường của Tổng cục đường hàng không Bắc cực của chúng ta hiện nay. Công cuộc thám hiểm tuy không thành công, nhưng thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp lại hoàn thành một cách thuận tiện một phát hiện quan trọng về mặt địa lý học. Ví dụ hiện nay có đầy đủ căn cứ để khẳng định rằng Bắc địa là do ông phát hiện ra chứ không phải do Vin-kít-xki.

- Phải, rất đúng - người thư ký trả lời. - Đã có một bài báo viết về cuộc thám hiểm này, chính tôi đã đọc bài báo đó.

- Bài báo của ai?

- Theo tôi thì cũng của Ta-ta-ri-nốp. Đội thám hiểm của Ta-ta-ri-nốp, bài báo của Ta-ta-ri-nốp. Vậy thì anh đề nghị gì?

Tôi nhắc lại đề nghị của tôi.

- Thôi được, anh hãy viết một bản báo cáo, - người thư ký nói với cái giọng hình như ông cảm thấy rất tiếc là tôi buộc lòng phải viết bản báo cáo này và sau đó nó lại nằm ở trong ngăn kéo của ông...

Tôi đi ra.

Không thể có sự trùng lặp như thế được! Tôi đi đến một hiệu sách ở phố Goóc-ki, giở xem tất cả những số tạp chí "Bắc cực Xô Viết" xuất bản năm ngoái. Nhan đề bài báo là: "Về một đội thám hiểm đã bị lãng quên" - đầu đề bản báo cáo của tôi cũng chẳng như thế đó sau! - Và ở dưới ký tên "N. Ta-ta-ri-nốp" Thì ra chính Ni-cô-lai An-tô-nứt đã viết bài báo này!

Đây là một bái báo rất dài, viết dưới dạng hồi ký đồng thời cũng có tính chất khoa học. Bài báo bắt đầu bằng câu chuyện, chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" đậu ở chân cầu Ni-cô-la-ép-xki ở

Pê-téc-bua vào mùa hè năm 1912. "Nước sơn trắng trên tường và trần khoang tàu còn tươi mới, những đồ dùng bằng gỗ hồng trên tàu được đánh bóng, sáng loáng như những tấm gương, trên các lối đi trong khoang tàu để trải thảm. Buồng kho và khoang hàng hóa chật ních những thực phẩm dự trữ đủ các loại. Trong đó thật chả thiếu thứ gì! Nào quả khô, kẹo, sộ-cô-la, nào hộp nước quả đủ các loại, dứa, những hòm đựng hộp mật hoa quả, bánh bích qui, bột nhào lòng trắng trứng và nước quả cùng rất nhiều thứ khác nữa, cho đến những thứ tối cần thiết như thịt hộp và từng đống bột mì và tấm."

Đọc thấy Ni-cô-lai An-tô-nứt bắt đầu viết từ vấn đề thực phẩm mà cảm thấy nực cười, - đối với tôi đó chỉ là những tang vật thừa. Nhưng về sau ông ta viết có thông minh hơn một chút. Ông ta vạch ra rằng đội thám hiểm này được nhiều người trang bị cho. ông ta ám chỉ một cách khiêm tốn rằng ông ta là người đầu tiên nảy ra ý nghĩ "đi theo dấu chân của Noóc-đen-sen-đơ". Ông ta giận dữ vạch ra rằng các báo chí phản động và Bộ Hải quân đã cản trở ông rất nhiều. Ông ta trích dẫn lời phê trong bản báo cáo của bộ trưởng Bộ Hải quân về chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri" bị mất tích như sau: "Rất tiếc là thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã không trở về. Nếu không, vì tội coi thường những tài sản của nhà nước như thế, tôi sẽ đưa ông ta ra tòa ngay lập tức".

Ông càng cay đắng viết, vì bị ốm nên ông buộc lòng phải chia tay người em họ, thế là có một tên chủ xưởng ở Ác-khan-ghen-xcơ đã lừa dối người em họ của ông, bán cho người em ông những con chó rất tồi, chưa được huấn luyện gì cả, chẳng khác gì những con chó mà bọn trẻ con bán ở đầu phố "hai mươi cô-pếch một đôi", do đó mà ảnh hưởng đến toàn bộ việc tổ chức công tác. Ông ta không nêu tên họ chủ xưởng này - như vậy chẳng đã rõ lắm rồi

sao! Ông ta chỉ gọi một người trong bọn đó là V. Ni-cô-lai An-tô-nứt, kết thúc tội lão V. này vì lão vớ được một món lời to trong việc bán thịt, mà món thịt này đội thám hiểm chưa đi đến Iu-go Sa-rơ đã phải đổ tất cả xuống biển.

Trong cả bài báo, đoạn này viết dại nhất. Thậm chí Ni-cô-lai An-tô-nứt còn trích dẫn cả A-mun-xen: "Sự thành bại của bất kỳ đội thám hiểm Rô-da-li-a Na-u-mốp-na cũng hoàn toàn phụ thuộc và sự trang bị của nó" và ông ta đã lấy đội thám hiểm của "người em đã quá cố" của ông ta ra để chứng minh một cách xuất sắc sự đúng đắn của tư tưởng này. ông ta trích một số đoạn trong những bức thư của "người em đã quá cố" đã chỉ trích một cách cay đắng bọn thương nhân đã lợi dụng cơ hội tàu của ông đỗ lại ở Ác-khan-ghen-xcơ được ít thời gian và vội khởi hành ngay để làm những chuyện xấu xa ấy.

Còn chính cuộc thám hiểm ấy thì Ni-cô-lai An-tô-nứt hầu như không viết tí gì. Ông ta chỉ nhắc đến chuyện ở Iu-go Sa-rơ tàu "Xanh Ma-ri" có gặp mấy chiếc tàu buôn đang thả neo nằm chờ băng tan ở phía nam biển Ca-ra thì sẽ đi tiếp. Theo lời một trong những người thuyền trưởng ấy thì sáng sớm ngày mười bảy tháng Chín, tàu "Xanh Ma-ri" đã dũng cảm tiến vào biển Ca-ra và biến mất sau đường chân trời, sau cả một biển băng liên miên". Nhiệm vụ mà thuyền trưởng I.L. Ta-ta-ri-nốp đặt ra cho mình, - Ni-cô-lai An-tô-nứt viết tiếp - đã không thực hiện được. Nhưng ông đã có một phát hiện tuyệt vời. Đó là sự phát hiện ra Bắc địa mà thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đặt tên là "Đảo Ma-ri-a".

Tôi đã mua số báo "Bắc cực Xô Viết" này, bởi vì trong những bài báo này còn dẫn chứng những bài báo khác của cùng tác giả cũng về vấn đề này. Sau đó tôi trở về khách sạn.

Không thể nói rằng tôi trở về khách sạn với tâm trạng vui vẻ. Không hiểu sao tôi cảm thấy những điều giả dối này đã được đăng lên báo và lại đăng lâu quá mất rồi - hơn một năm - như vậy có nghĩa là mọi việc đều kết thúc rồi! Bây giờ có bác lại cũng đã muộn và cũng chẳng có ai nghe tôi bác lại chuyện đó. Ông ta đã báo trước cho mọi người. Những điều ông ta viết tuy là giả dối, nhưng trong những điều giả dối ấy lại có những sự thực. Ông ta là người đầu tiên chỉ ra tầm quan trọng của đội thám hiểm tàu "Xanh Ma-ri". Ông ta là người đầu tiên chỉ ra rằng Bắc địa đã được thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp phát hiện ra trước khi Vin-kít-xki trông thấy đảo này nửa năm. Tất nhiên ông ta lấy những tin này trong bức thư của thuyền trưởng mà tôi đưa cho Ca-chi-a. Ông ta đã vượt lên trước tôi trong mọi vấn đề.

Tôi vừa huýt sáo vừa đi đi lại lại mãi trong căn phòng của tôi.

Thật tình mà nói, lúc đó tôi chỉ có một ý nghĩ duy nhất là muốn ra ngay ga mua vé từ Mát-xcơ-va đi Cra-Xa-nhi-a-i-a-rơ-xcơ, rồi từ đó đáp máy bay đi Da-pô-li-a-ri-e. Nhưng tôi không đi ra ga, - trái lại tôi đã ngồi xuống viết bản báo cáo. Tôi đã viết bản báo cáo suốt cả ngày, và khi đã làm việc suốt cả ngày thì những ý nghĩ không vui cứ đến rồi lại đi, chẳng còn cách nào hơn nữa, bởi vì trong óc cũng không còn chỗ nữa.

Chương 4

Rất nhiều tin mới

Khi tôi bước vào, thầy I-van Pa-vơ-lứt đang ngồi xổm nhóm lò. Một bức tranh quen thuộc quá - thầy I-van Pa-vơ-lứt mặc bộ quân phục cũ đã xù lông đang ngồi nhóm lò. Thậm chí tôi còn cảm thấy hình như không có những năm qua, hình như tôi vẫn là một cậu học trò nhỏ và như ông ấy lại sắp "nổi trận lôi đình" như hồi học lớp chín, tôi đi về En-xcơ để tìm Ca-chi-a vậy. Nhưng ông đã quay lại. "Ông ấy già đi nhiều quá", - tôi nghĩ và trong nháy mắt mọi việc lại đâu trở về đấy.

- Cũng đến đấy à! - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bực bội nói. - Tại sao anh không rẽ vào nhà tôi chơi?

- Xin cám ơn thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- Anh chẳng đã viết thư là sẽ rẽ vào nhà tôi đó sao?

- Tôi sợ gây thêm phiền phức cho thầy.

Ông nhìn tôi, thậm chí còn nhắm một mắt lại để quan sát tôi cho thật tỉ mỉ. Đó là con mắt của người chủ - như đang nhìn công việc của mình. Có lẽ dầu sao cũng thú vị bởi vì ông đã chải ria một cách phấn khởi và mời tôi ngồi xuống.

- Hôm qua tôi chưa nhìn anh được kỹ - ông nói, - không có thì giờ.

Ông bày bàn ăn, ông lấy ở tủ trong tường ra một chai rượu, cắt bánh mì, rồi lấy thịt bò ướp lạnh ngoài cửa sổ vào và cũng thái ra. Ông vẫn sống độc thân như cũ, nhưng trong căn phòng cũ trước kia rất ẩm thấp, nay đã đủ tiện nghi hơn và hình như không ẩm thấp như trước nữa. Điều làm cho tôi không phấn khởi là trong khi tôi còn đang nói chuyện thì ông đã uống hết chai rượu rồi mà chẳng ăn tí gì cả. Việc đó làm cho tôi hơi buồn...

Tôi nói hiện nay tôi chỉ có thể kể lại cho ông nghe những chuyện quan trọng nhất. Nhưng trải qua bao nhiêu năm trời, nay được gặp lại người thân, liệu anh có nhớ được cái gì là cái chủ yếu nhất hay không? Thầy I-van Pa-vơ-lứt hỏi tôi về miền Bắc, về việc lái máy bay và rất không hài lòng về việc tôi trả lời vắn tắt quá.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, tôi kể gì về chuyện này được? Chính vì tội bay còn ít quá. À, có một lần tí nữa thì tôi chết cóng! Thầy có nhớ ông bác sĩ đã chữa cho tôi khi tôi trốn trường đi không? Hồi đó thầy cũng đến nhà thương thăm tôi ấy mà.

- Có nhớ.

- Ông ấy cũng đang sống ở Da-pô-li-a-ri-e. Tôi tìm thấy ông ấy, và đây là ngôi nhà duy nhất tôi thường đến. Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, tôi cảm thấy hình như suốt đời tôi toàn sống dựa vào gia đình người khác. Hồi còn nhỏ, tôi sống trong gia đình Xcô-vô-rốt-ni-cốp, - thầy có nhớ không, tôi đã kể thầy nghe rồi. Sau đó đến gia đình Ta-ta-ri-nốp. Và bây giờ thì gia đình bác sĩ.

- Chú em ạ, cũng đã đến lúc lập gia đình được rồi đấy, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói rất nghiêm.

- Thưa thầy không ạ!

- Sao lại thế?

- Về vấn đề này tôi không gặp thuận lợi.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp im lặng. Ông rót rượu cho mình, chúng tôi nâng cốc, uống một hơi cạn. Ông lại rót rượu. Sau đó ông cởi áo quân phục ra - chuẩn bị một cuộc nói chuyện dài.

- Xa-nhi-a, anh hãy nghe tôi, anh có nhớ anh đã nói gì với tôi khi anh đi khỏi Mát-xcơ-va không? Anh nói rằng: "Bây giờ dù có chết cũng phải chứng minh rằng tôi đúng". Vậy thế nào? Đã chứng minh được chưa?

Đó là một câu hỏi thật bất ngờ nên tôi không trả lời được ngay. Tất nhiên tôi nhớ cuộc nói chuyện của chúng tôi. Tôi còn nhớ, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hét lên: "Anh làm gì thế, Xa-nhi-a! Trời ơi, anh làm gì thế!" Ông đã vừa khóc vừa nói rằng mọi cái đều do lỗi lầm của tôi, bởi vì tôi đã khẳng định rằng trong thư thuyền trưởng nói về Ni-cô-lai An-tô-nứt, nhưng thực ra là nói về cái lão Phôn Vư-si-mia-xki nào đó.

Nếu ở địa vị thầy Cô-ra-bơ-li-ốp thì tôi đã chẳng nhắc đến cuộc nói chuyện này làm gì! Nhưng xem chừng ông ấy lại rất muốn tôi nhớ lại được cuộc nói chuyện ấy. Ông nghiêm khắc nhìn tôi và hình như ông đã thầm hài lòng về điều gì đó.

- Tôi không biết có ai cần tôi phải chứng thực điều gì không, - tôi buồn rầu bác lại. - Tôi không thấy có người nào cần tôi làm như vậy.

- Xa-nhi-a, như vậy là anh sai rồi, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Việc đó rất cần - cả anh cả tôi và còn cả một người khác nữa. Huống hồ anh rõ ràng là đúng.

Tôi trợn tròn mắt nhìn ông. Cuộc nói chuyện của chúng tôi đã

qua năm năm rồi. Giờ đây tôi biết về đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp nhiều hơn tất cả mọi người trên trái đất. Tôi đã tìm được quyển nhật ký của người hoa tiêu và đã đọc được quyển nhật ký ấy - đó là một công việc khó khăn trong đời tôi. Tôi lại may mắn được gặp cụ Nê-nét già, một người cuối cùng đã chính mắt nhìn thấy chiếc xe trượt tuyết của đội thám hiểm. Cái xác chết ở trên chiếc xe trượt tuyết này rất có thể chính là thuyền trưởng. Nhưng tôi đã không tìm được bằng chứng gì để chứng minh rằng trong vấn đề này tôi đã đúng.

Nhưng hiện nay khi tôi trở về Mát-xcơ-va rẽ vào thăm người thầy giáo cũ mà tôi cho rằng thầy đã quên câu chuyện này từ lâu, thì thầy lại nói với tôi: "Quả thật là anh đã đúng!"

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi bắt đầu nói giọng không được cương quyết lắm, - thầy cũng chẳng cần phải xác nhận những cái đó, nếu thầy không...

Tôi muốn nói: "Không còn những bằng chứng xác đáng", nhưng ông đã ngăn lời tôi lại. Hình như có ai bấm chuông điện. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lo lắng cắn môi, nhìn bốn phía rồi nắm vai tôi nói:

- Thế này nhé, Xa-nhi-a... Bây giờ tôi phải nói chuyện với một người. Anh hãy cứ ngồi ở đây nhé.

Ông dẫn tôi sang buồng bên cạnh. Căn buồng này trông giống như một cái tủ lớn nhét đầy sách. Ngoài cửa có treo một bức rèn màu xanh thủng lỗ chỗ.

- Lắng nghe nhé - việc đó có lợi cho anh ấy.

Tôi còn quên chưa nói, buổi tối nay, ngay từ đầu thầy I-van Pa-vơ-lứt đã làm cho tôi cảm thấy là lạ. Mấy lần ông khe khẽ huýt sáo. Hai tay ôm đầu, ông đi đi lại lại. Cuối cùng ông nhai cả cuống quả lê ông dùng làm tăm xỉa răng. Giờ đây, ông đặt tôi

ngồi vào "tủ" rồi vội vàng dọn những cái chai rượu vốt-ca trên mặt bàn, sau đó lấy cái gì ở trong ngăn bàn giấy ra ăn một tí rồi lại há mồm ra thở. Sau đó mới đi ra mở cửa.

Các bạn thử nghĩ xem, ông ấy đã đi cùng ai vào phòng treo mũ áo? Cùng cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na! Đó chính là cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na lưng còng, càng gày hơn, có nhiều vết nhăn của người già chung quanh mắt hơn, vẫn còn mặc chiếc áo nhung không có tay cụ thường mặc.

Cụ nói gì đó nhưng tôi không nghe thấy, tôi chỉ chú ý xem thầy I-van Pa-vơ-lứt ân cần mời khách như thế nào. Ông đang định rót nước trà mời cụ, nhưng cụ ngăn lại nói:

- Tôi không uống. Tôi vừa mới uống rồi. Nào, tình hình ra sao?

- Dạ, cũng không được khỏe lắm, cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ạ, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Đau lưng lắm.

- Thật thế sao? Già rồi à! Lại nghĩ ngợi lắm chứ gì! Đau lưng cứ xoa ít Bom-ban-gơ là khỏi ngay thôi.

- Thế nào? Cụ bảo sao? Bom-ban-gơ?

- Phải, Bom-ban-gơ, đó là một loại dầu xoa. Thế ông có uống rượu vốt-ca không?

- Thật thà mà nói, tôi không uống, cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ạ. Tôi hoàn toàn cai rượu rồi. Thỉnh thoảng làm một cốc con trước khi ăn trưa thôi. Nhưng bác sĩ cũng khuyên như thế cơ mà.

- Không đúng, ông vẫn còn uống. Hồi tôi còn trẻ tôi sống ở nông thôn. Bố tôi là một người cô-dắc. Nhiều khi ở ngoài về, chân đứng không vững mà còn nói: "Không sao, chính trước mỗi bữa ăn trưa uống một cốc rượu con mới chết".

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cười. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nhìn và cũng cười theo.

Sau đó cụ kể chuyện một bá tước phu nhân nào đó nghiện rượu, bà ta "sáng dậy vừa bảnh mắt ra đã uống một cốc rượu vốt-ca! Sau đó mới ra khỏi phòng. Bà ta chẳng quàng khăn, mặt bủng da chì. Đi dạo chán rồi quay về lại uống. Buổi sáng bà ta còn bình thường, đến bữa ăn trưa là bà ta đi không vững nữa. Còn buổi tối thì khách đầy nhà. Bà ta mặc rất đẹp, ngồi trước đàn dương cầm và hát. Bà ta là người tốt bụng. Ai có việc gì cũng đến tìm bà. Động một tí là đến nhà bà bá tước đi! Thật là một con người đẹp! Chỉ phải cái nghiện rượu!"

Hình như thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không thích ví dụ này lắm, vì thế nên ông cố lái câu chuyện sang đề tài khác. Ông hỏi Ca-chi-a có khỏe không.

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na khẽ phủi tay.

- Tôi cãi nhau với nó suốt ngày. Nó tự ái khiếp lắm. Việc này chưa thành công đã làm sang việc khác. Vì thế mà lúc nào nó cũng vội vội vàng vàng, không bình thường.

- Không bình thường?

- Không bình thường. Và kiêu hãnh, Và cứ lầm lì suốt ngày, - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nói. - Tôi gặp những người lầm lì như thế đủ lắm rồi. Tôi rất không thích cái tính nó cứ lầm lì suốt ngày. Tôi thật không hiểu tại sao người ta lại không nói chuyện. Có gì buồn phiền, cứ nói ra. Nhưng nó - nó không nói.

- Thế cụ đã hỏi cô ấy chưa, cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na.

- Nó sẽ không nói. Chính tôi đây cũng là người như vậy. Không bao giờ tôi nói ra những chuyện ấy.

- Có một lần tôi gặp cô ấy, tôi cảm thấy chẳng có chuyện gì cả,

- thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Cô ấy đi xem hát, chỉ có một mình, thật vậy, và chính vì thế mà tôi rất ngạc nhiên. Song cô ấy rất vui vẻ. Cô còn nói Trường đại học Địa chất đã trả lời sẽ cấp cho cô một phòng ở.

- Người ta đã nhận lời. Nhưng nó không dọn đến.

- Tại sao?

- Nó thương người ấy.

- Thương à? - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp hỏi lại.

- Nó thương. Vì nó nhớ đến mẹ nó, mẹ nó cũng thương... Người ấy cũng vậy, không rời khỏi con bé được một bước. Ông thấy đấy, hễ cứ về đến nhà là: "Ca-chi-a đâu? Có gọi dây nói về không?"

Tôi hiểu ngay, "người ấy" là ai: Ni-cô-lai An-tô-nứt.

- Vì thế mà con bé không chịu dọn đi. Và hình như nó vẫn chờ một người nào đó.

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na chuyển sang ngồi trên chiếc ghế bành khác, càng gần hơn.

- Có một lần, tôi được xem thư của nó, - bà cụ thì thào và ngó nhìn xung quanh, cứ như sợ Ca-chi-a có thể nom thấy cụ. - Hình như hồi con Ca-chi-a về En-xcơ trong những ngày nghỉ, chúng nó thân nhau lắm thì phải. Anh ta có một đứa em gái. Cô này viết thư nói: "Mỗi lần anh ấy viết thư về đều yêu cầu mình báo cho anh ấy biết: "Ca-chi-a ở đâu? Cô ấy thế nào? Anh có thể hy sinh tất cả, chỉ cần được nhìn thấy cô ấy". Anh ấy không thể sống thiếu cậu được đâu, mình không hiểu cuộc cãi nhau vô cớ này của các cậu".

- Xin lỗi, cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na, tôi không hiểu. Em gái ai?

- Còn của ai nữa. Chính là của cái thằng học trò của ông ấy.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bất giác quay nhìn về phía tôi. Qua những lỗ thủng của bức rèm cửa, tôi nhìn ra vừa đúng bắt gặp cái nhìn của ông. Em gái tôi? Xa-nhi-a?

- Có lẽ việc đó cũng thường xảy ra, nhưng trên thực tế là như thế này, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói, - có lẽ không sống nổi thật. Rất đơn giản thôi.

- "Lần nào cũng yêu cầu, - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na nhắc lại với điệu bộ. - Và không thể sống thiếu cậu được". Thế đấy! Còn con bé thiếu nó mới thật là không sống nổi.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp lại nhìn về phía tôi.

Tôi cảm thấy hình như ông đang cười dưới bộ ria.

- Thì ra thế đấy. Thế cô ấy không lấy người khác được sao?

- Nó không có ý định như thế. Nó không chọn người như vậy. - Bà cụ nói là "chọn". - Con bé không muốn lấy thằng Rô-ma-sốp. Tôi cũng không muốn nó lấy thằng ấy. Một ông cố đạo.

- Sao lại cố đạo?

- Nó là cố đạo. Nó là thằng da bò. Bất cứ nói cái gì nó cũng cứ phải thêm thắt vào. Tôi rất ghét cái loại người ấy. Lại còn lừa dối nữa.

- Đủ rồi đấy, cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ạ. Cụ làm sao thế?

- Quân lừa đảo. Nó lấy của tôi bốn mươi rúp, nó làm như tôi phải biếu nó không bằng, nó chẳng trả tôi gì cả. Tất nhiên tôi không thèm nhắc. Cứ suốt ngày chạy ngược chạy xuôi. Lạy trời! Giá tôi không già...

Bà cụ cay đắng phủi tay.

Bây giờ các bạn thử tưởng tượng xem, sau khi nghe những câu chuyện ấy cảm giác của tôi như thế nào! Tôi nhìn bà cụ qua những lỗ thủng của bức rèm cửa. Cái lỗ thủng đó y như một cái

ống kính, tất cả những gì xảy ra giữa tôi và Ca-chi-a đều hiện lên trong ống kính này càng ngày càng rõ nét cứ như nằm đúng vào tiêu điểm vậy. Mọi cái của quá khứ cứ dần dần tiến gần lại và đều trở về nguyên dạng của nó. Tất cả những cái đó sao mà nhiều thế, sao mà nhiều cái tốt đẹp thế, đến nỗi tim tôi đập rất dữ và tôi hiểu rằng tôi đang xúc động. Chỉ có một điều tôi hoàn toàn không hiểu gì cả, đó là tôi không bao giờ "Lần nào cũng yêu cầu cô em gái" và không bao giờ tôi viết cho cô ấy câu "Nếu thiếu Ca-chi-a thì tôi không sống nổi".

- Xa-nhi-a đã bịa ra câu này, nhất định là như vậy, - tôi tự giải thích cho mình. - Cô này vẫn đánh lừa Ca-chi-a. Song, tất cả những điều đó lại là sự thật.

Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na còn kể thêm được những gì đó, nhưng tôi không nghe thêm được gì nữa. Tôi quên bẵng đi mất, nên đã đi đi lại lại trong "cái tủ" của mình, cho đến khi nghe thấy tiếng ho nghiêm nghị của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, tôi mới tỉnh người ra.

Tôi cứ ngồi trong "cái tủ" như vậy cho đến khi cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ra về. Tôi không hiểu cụ đến để làm gì - có lẽ chỉ để cho khuây khỏa. Lúc chia tay, thầy Cô-ra-bơ-li-ốp đã hôn tay cụ, còn cụ thì hôn lên trán ông - trước đây bao giờ họ cũng chia tay nhau như vậy.

Tôi đang mải suy nghĩ nên không nghe thấy ông đã quay về phòng treo áo lúc nào, bỗng nhiên tôi nhìn qua khe hai tấm rèm cửa thấy cái mũi và bộ ria của ông.

- Còn sống không?

- Còn sống, thầy I-van Pa-vơ-lứt ạ.

- Anh muốn nói gì?

- Tôi muốn nói rằng, tôi là một thằng đại ngốc, không còn hy vọng gì nữa, - tôi trả lời, tay ôm đầu. - Tôi đã nói với cô ấy như thế nào! Ồ, tôi đã nói như thế nào với cô ấy! Tại sao tôi chẳng hiểu gì cả! Tại sao tôi chẳng nói gì với cô ấy, còn cô ấy thì vẫn cứ chờ! Cô ấy sẽ cảm thấy thế nào, thầy I-van Pa-vơ-lứt! Giờ đây cô ấy sẽ nghĩ về tôi như thế nào!

- Chẳng sao cả, cô ấy sẽ nghĩ lại.

- Không, không bao giờ! Thầy có biết tôi đã nói gì với cô ấy không! "Mình sẽ mãi mãi quan tâm đến cậu về mọi mặt".

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cười.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- Anh chả đã viết, thiếu cô ấy anh không sống nổi đó sao.

- Không viết như vậy! - Tôi thất vọng bác lại. - Đó là em gái tôi bịa ra. Nhưng đó lại là sự thật! Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt! Đó là sự thật hoàn toàn. Tôi không thể sống thiếu cô ấy, và giữa chúng tôi đã xảy ra cuộc cãi nhau vô cớ, vì tôi cho rằng đã từ lâu cô ấy không yêu tôi nữa. Nhưng bây giờ tôi phải làm gì? Phải làm gì?

- Xa-nhi-a, thế này nhé, đến chín giờ tôi có một cuộc gặp mặt nữa ở một rạp hát, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Vậy anh sẽ...

- Thôi được, tôi sẽ đi ngay bây giờ. Tôi sẽ đi tìm Ca-chi-a ngay bây giờ, có được không?

- Cô ấy sẽ đuổi anh ra ngay lập tức và cô ấy đuổi cũng hoàn toàn đúng.

- Thì cứ để cho cô ấy đuổi, thầy I-van Pa-vơ-lứt ạ! - Tôi nói và bỗng ôm hôn ông. - Có ma quỉ biết, tôi không hiểu giờ đây tôi phải làm gì! Thầy nghĩ nên như thế nào?

- Bây giờ tôi cần thay quần áo, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói và đi vào "cái tủ", - còn về anh, tôi cho rằng anh phải mau mau tỉnh lại.

Tôi trông thấy ông cởi chiếc áo quân phục ra, dựng cổ áo sơ-mi lên rồi thắt cà-vạt.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt! - Tôi bỗng gào lên. - Thầy chờ một lát! Tôi quên bẵng đi mất! Khi chúng tôi cãi nhau về vấn đề trong thư của thuyền trưởng nói về ai, thầy bảo rằng tôi nói đúng có phải không?

- Phải.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt!

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp tóc chải mượt, đi từ "trong tủ" ra. Ông mặc bộ com-lê mới màu tro, trông điệu bộ rất trẻ trung, rất oai nghiêm.

- Bây giờ chúng ta cùng đi đến rạp hát, - ông nói nghiêm trang, - rồi anh sẽ hiểu tất cả. Anh sẽ có nhiệm vụ như thế này: ngồi chờ và im lặng. Chịu khó nghe. Có hiểu không?

- Tôi chẳng hiểu gì cả. Thôi đi đi.

Chương 5

Trong rạp hát

Nhà hát kịch nói Mát-xcơ-va! Nếu theo sự suy luận của Gri-sa Pha-be, người ta có thể cho rằng đây là một rạp hát to lớn; hiện đại, tất cả các diễn viên ở đây đều đi ủng dài màu trắng rất đẹp, giọng nói rất hay, tiếng vang rất lớn. Nghĩa là giống như nhà hát nghệ thuật Mát-xcơ-va vậy. Nào ngờ đây chỉ là một nhà hát bé tẹo ở trong ngõ gì đó ở phố Xrê-ten-ca.

.Trong tủ kính nơi cửa ra vào đèn điện sáng trưng giới thiệu cho mọi người biết đang diễn vở "Đường chó sói". Trong bản phân vai tôi tìm thấy ngay tên Gri-sa, nó đóng vai bác sĩ: "Bác sĩ G.Phe-be". Không hiểu sao vai này lại để ở dưới cùng.

Gri-sa gặp chúng tôi ở phòng ngoài. Trông nó vẫn lộng lẫy như xưa. Nó liền mời chúng tôi vào phòng hóa trang của nó.

- Chờ khi nào màn hai bắt đầu, tôi gọi ông ấy đến, - nó nói với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp có vẻ thần bí.

"Ông ấy" là ai? Tôi nhìn thấy Cô-ra-bơ-li-ốp, nhưng lúc đó ông đang cuộn lại điếu thuốc lá rất dài và làm ra vẻ không để ý gì đến cái nhìn của tôi.

Trong phòng hóa trang của Gri-sa có ba diễn viên nữa đang ngồi ở đấy, không hiểu sao trông họ có vẻ như đang ngồi trong buồng của mình vậy. Nhưng khi Gri-sa mời chúng tôi vào thì họ bèn khách khí đi ra, lúc đó Gri-sa mới xin lỗi về chỗ của nó. Nó nói:

- Hiện nay phòng hóa trang của tôi đang sửa chữa.

Chúng tôi nói chuyện về đội kịch của trường nhớ lại vở bi kịch "Thời gian đã đến". Trong vở kịch này, Gri-sa đóng vai người Do-thái. Tôi nói, theo tôi thì nó đóng vai này rất đạt. Gri-sa cười và thôi không lên mặt nữa.

- Xan-ca, mình không hiểu, lúc đó cậu rất thích hội họa cơ mà. Tại sao bỗng dưng cậu lại bay lên trời như thế? Đến rạp hát với chúng mình đi, khỉ thật! Chúng mình sẽ bồi dưỡng cho cậu trở thành một nhà nghệ thuật. Thế nào không tốt sao?

Tôi nói là đồng ý. Và sau đó Gri-sa lại xin lỗi một lần nữa - nó sắp phải ra sân khấu, người hóa trang đang chờ nó, nói đoạn nó đi ra. Hai chúng tôi ở lại.

Thầy I-van Pa-vơ-lứt! Thầy thân yêu, thầy hãy giải thích cho tôi, rốt cuộc thế này là thế nào? Thầy đưa tôi đến đây để làm gì? "Ông ấy là ai?" Thầy muốn giới thiệu tôi với ai?

- Anh sẽ không làm điều gì ngu xuẩn chứ?

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- Anh đã làm một điều ngu xuẩn, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Thậm chí những hai điều. Thứ nhất, anh không đến chỗ tôi. Còn thứ hai, anh đã nói với Ca-chi-a: "Mình sẽ mãi mãi quan tâm đến cậu về mọi mặt".

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, nhưng lúc đó tôi chẳng biết gì cả! Thầy chỉ viết có mấy chữ "đến chỗ tôi". Tôi không ngờ sự việc

lại quan trọng đến như vậy. Xin thầy cho biết, chúng mình ngồi đây chờ ai? Người đó là ai? Tại sao thầy muốn tôi gặp người ấy?

- Thôi được, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Nhưng anh phải nhớ đến điều chúng ta đã ước hẹn với nhau: ngồi yên và không được nói một câu nào. Người đó là Phôn Vư-si-mia-xki.

Các bạn đã biết, lúc đó chúng tôi đang ngồi trong buồng hóa trang của Gri-sa trong Nhà hát kịch nói Mát-xcơ-va. Nhưng lúc đó tôi cảm thấy tất cả những việc ấy không xảy ra ở trong phòng hóa trang mà xảy ra ở trên sân khấu, bởi vì thầy I-van Pa-vơ-lứt vừa nói dứt lời thì Phôn Vư-si-mia-xki đã bước vào phòng, ông cúi người xuống, sợ cộc đầu vào khung cửa thấp.

Lúc đó tôi hiểu ngay đó là ông ta, mặc dù trước đó trong óc tôi chưa bao giờ nghĩ rằng trên thế gian này lại có con người như thế. Tôi vẫn cho rằng Ni-cô-lai An-tô-nứt bịa ra cái tên Phôn Vư-si-mia-xki để đổ mọi lời chỉ trích của tôi lên đầu người đó. Trước kia đó chỉ là một cái tên, nhưng hiện nay bỗng trở thành hiện thực, biến thành một ông già gầy đét, cao kều, lưng còng có bộ ria bạc. Hiện nay chúng tôi mới rõ, ông ta chỉ là Vư-si-mia-xki, chứ chẳng có "Phôn phiếc" gì cả. Ông là người coi mũ, áo ở rạp hát. Tóc phía trước đã đốm bạc, da cằm có những vết nhăn rất dài.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp chào ông ta, ông ta nhẹ nhàng, thậm chí còn rất kính cẩn chìa tay ra.

- À, thì ra đồng chí Cô-ra-bơ-li-ốp, tôi cứ tưởng ai đang đợi tôi, - ông ta nói, - mà không phải chỉ có một mình, lại mang cả công tử đi nữa. Có phải lệnh lang không? - Ông ta hỏi rất nhanh rồi thoáng cái nhìn sang tôi, rồi lại nhìn thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, sau đó lại nhìn tôi, rồi lại nhìn sang thầy Cô-ra-bơ-li-ốp.

- Không, đây không phải là con trai tôi, mà là học trò cũ của tôi. Bây giờ anh ấy đã là phi công. Anh ấy muốn làm quen với bác.

- Phi công lại muốn làm quen với tôi, - ông ta cười gượng, nói. - Tôi có điều gì thú vị đối với người phi công?

- Điều bác làm cho anh ta cảm thấy hứng thú là ở chỗ này, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói, - bác có biết không, anh ta đang viết về lịch sử đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Còn bác, như mọi người đã biết, bác đã tích cực tham gia vào công tác của đội thám hiểm này.

Hình như điều nhận xét đó không làm cho Vư-si-mia-xki thích lắm. Ông ta lại nhìn tôi một cách rất nhanh. Trong cái mơ hồ, già nua của ông ta có một cái gì thoáng hiện lên rất nhanh, sự sợ hãi hay sự nghi ngờ? Tôi không biết.

Nhưng ông ta nghiêm chỉnh ngay và nói thao thao bất tuyệt. Mỗi câu ông ta lại gọi thầy I-van Pa-vơ-lứt là "đồng chí Cô-ra-bơ-li-ốp" và tự khoe khoang đến nỗi không ai chịu nổi. Ông ta nói đó là đội thám hiểm vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử, rằng ông ta đã làm nhiều, rất nhiều "để cho mọi việc đều được hoàn hảo". Lúc đó ông ta không ngồi yên được lấy một phút, chốc lại đứng dậy, tay luôn luôn làm các cử động, vân vê ria mép bên trái, nhìn xuống chân vân vân.

- Nhưng đó là việc lâu lắm rồi, - cuối cùng ông ta nói có vẻ ngạc nhiên.

- Không, cũng không lâu quá đâu, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp bác lại. - Trước cách mạng không lâu.

- Phải, trước cách mạng không lâu. Tôi hồi đó không làm việc ở tổ hợp tác thương binh. Nhưng đó chỉ là tạm thời, chỉ là phục

vụ. Bởi vì tôi có công lao lớn. Hồi đó chúng tôi làm việc rất nhiều. Đó là những công việc quan trọng.

Tôi định hỏi ông ta những công việc ấy cụ thể là những việc gì, nhưng thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nhìn tôi với cái vẻ bình thường, hình như chẳng tỏ ra ý gì cả, thế là tôi ngoan ngoãn ngậm mồm lại.

- Bác Ni-cô-lai An-tô-nứt, bác đã kể cho tôi nghe về đội thám hiểm này, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Tôi còn nhớ bác còn giữ cả những giấy tờ và thư từ gì đó. Tôi đề nghị với bác một điều: bác hãy kể lại câu chuyện của bác cho anh chàng trẻ tuổi này nghe. Bác cứ gọi anh ta là Xa-nhi-a, thế thôi. Bác hãy hẹn ngày, giờ khi nào có thể đến gặp bác được và ghi cho anh ta địa chỉ.

- Xin mời. Tôi sẽ rất sung sướng! Tôi xin mời các vị đến nhà tôi, mặc dù tôi phải xin lỗi trước là nhà cửa chẳng ra sao. Trước kia tôi cũng có nhà riêng, có những mười một buồng, tôi không giấu giếm gì điều đó, trái lại tôi cũng đã viết vào phiếu điều tra, bởi vì tôi đã cống hiến rất nhiều cho nhân dân. Chính vì thế mà tôi đã làm đơn xin tiền trợ cấp dưỡng lão. Tôi nghĩ chắc người ta sẽ phê chuẩn bởi vì tôi đã có rất nhiều công lao. Cuộc thám hiểm này - chỉ là một giọt nước trong biển cả. Tôi cũng đã từng xây dựng cầu qua sông Von-ga.

Ông ta cứ thế nói thao thao bất tuyệt. Trên đầu ông ta mọc một mớ tóc trắng xám rất nhọn, trông ông ta giống một con chim già đã dày dạn phong sương.

Sau đó đèn điện trong phòng hóa trang của Gri-sa bỗng vụt tắt, - đã hết một màn kịch! Và cái ảo ảnh của thế kỷ trước này cũng biến mất đột ngột y như nó đã xuất hiện.

Toàn bộ cuộc nói chuyện chỉ kéo dài có năm phút, nhưng tôi

cảm thấy cứ như nằm mơ nó kéo dài rất lâu. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nhìn tôi cười, hình như trông tôi có vẻ ngu đần lắm.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt!

- Cái gì?

- Ông ấy đấy à?

- Có thể như thế được không?

- Được lắm.

- Chính người này?

- Chính người này.

- Ông ấy đã kể những gì với thầy? Ông ấy biết Ni-cô-lai An-tô-nứt? Ông ấy đến nhà ông này rồi?

- Không, chính vì ông ấy không muốn đến.

- Tại sao?

- Tại vì ông ấy căm thù Ni-cô-lai An-tô-nứt.

- Vì lẽ gì?

- Vì nhiều chuyện.

- Vậy rốt cuộc ông ấy nói với thầy những gì? Rốt cuộc cái thư ủy nhiệm mang tên Phôn Vư-si-mia-xki ấy lấy ở đâu ra? Thầy có nhớ thầy đã nói chuyện với tôi về bức thư ủy nhiệm ấy không?

- Ờ - ờ! Tất cả vấn đề là ở chỗ này đây! - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói. - Ở bức thư ủy nhiệm ấy đấy! Khi tôi hỏi đến bức thư ủy nhiệm thì ông ta giận dữ phát run người lên.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, xin thầy hãy kể lại cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện này đi! Thầy tưởng rằng đến phút cuối cùng thầy mới cho tôi biết người đó là Vư-si-mia-xki, như vậy là tốt lắm hay sao? Tôi cuống cả lên và có lẽ ông ấy cho tôi là thằng ngốc mất.

- Trái lại, ông ấy rất thích anh, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói nghiêm túc. - Ông ta có một cô con gái đã lớn, vì thế ông ta nhìn tất cả các chàng trai đều bằng một quan điểm: có xứng đáng là chồng chưa cưới của con gái ông không? Không còn nghi ngờ gì nữa, anh là người hoàn toàn xứng đáng: trẻ, đẹp trai, lại là phi công.

- Thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi nói giọng trách móc, - tôi không hiểu, tôi xin nói thật đấy... Thầy đã thay đổi nhiều quá, rất nhiều! Thầy biết rằng tất cả những cái đó đối với tôi rất quan trọng, thế mà thầy còn đùa tôi.

- Thôi được, Xa-nhi-a, đừng cáu kỉnh nữa, tôi sẽ nói tất cả. Nhưng bây giờ phải chuồn khỏi đây cho mau, nếu không Gri-sa sẽ tóm được và sẽ bắt chúng ta phải xem kịch ở nhà hát kịch nói Mát-xcơ-va...

Nhưng chúng tôi không chuồn kịp. Đèn đã bật sáng. Gri-sa hấp tấp chạy vào buồng hóa trang. Nó đeo bộ râu màu hung, cái mũi dài màu trắng và phải nói rằng nó giống vai hề trong rạp xiếc hơn là vai bác sĩ, nhưng là vai hề có vẻ mặt dũng cảm và lương thiện. Tôi và thầy I-van Pa-vơ-lứt không nhận ra hắn ngay và rất buồn là câu cuối cùng "giữ lại xem kịch ở Nhà hát kịch nói Mát-xcơ-va", rõ ràng là đã đến tai hắn. Nhưng rõ ràng là Gri-sa không nhận ra trong câu nói này có ý gì làm người ta không vui, mà trái lại, nó lại hiểu đâu đó như chúng tôi đang tha thiết mong muốn được đến ngay rạp để xem kịch và xem cái vai bác sĩ do nó đóng. Nó nói:

- Việc đã thế này, tôi đi tìm cho các vị chỗ ngồi ngay bây giờ.

Nó dẫn chúng tôi đi theo con đường riêng của các diễn viên. Trên đường đi tôi hỏi nó, tại sao người ta lại hóa trang cho nó vai bác sĩ kỳ quái đến như vậy. Không ngờ nó lại trả lời vẻ rất quan trọng:

- Đây là một dụng ý sâu xa đấy.

Tôi chẳng còn biết bác lại nó thế nào nữa.

Hình như thầy I-van Pa-vơ-lứt không đánh giá cao tài năng của Gri-sa. Nhưng tôi lại thích nó thật sự. Tôi thấy nó là một đứa có tài. Trong vở kịch này nó chỉ đóng một vai rất nhỏ, nhưng theo tôi thì nó đóng rất xuất sắc. Lúc nó rời khỏi bệnh nhân đi ra, nó trầm ngâm một lát, nó đứng lại phía trước sân khấu rất lâu. Đó là lối "chơi đòn cân não" và để cho khán giả phỏng đoán xem nó sẽ nói những gì. Rất đáng tiếc là vai nó đóng chỉ cho phép nó nói những câu hoàn toàn không tương xứng với nét mặt và điệu bộ dũng cảm của nó. Nó diễn lúc kê đơn thuốc trông rất đạt và khi nó nhận tiền, bàn tay nó không tự nhiên, đúng là một bác sĩ thật sự. Giá nó đừng nói to quá thì hay hơn. Nói chung nó đóng vai này rất khá, tôi nói với thầy I-van Pa-vơ-lứt một cách nghiêm túc rằng rồi đây nó có thể trở thành một diễn viên giỏi.

Khi nó nhận tiền rồi đi ra, nó vấp phải cái ghế cũng rất tự nhiên. Sau đó tôi và thầy I-van Pa-vơ-lứt không xem tiếp màn sau nữa.

Tôi vẫn cứ muốn nói chuyện về Vư-si-mia-xki nhưng trong lô có tiếng suỵt suỵt làm cho tôi phải ngậm miệng lại, tôi chỉ mới kịp hỏi có một câu:

- Làm sao thầy tìm được ông ấy?

Thầy I-van Pa-vơ-lứt vừa kịp trả lời:

- Rất đơn giản: con trai ông ấy học ở trường chúng ta.

Chương 6

Lại có nhiều điều mới

Từ trước đến nay tôi vẫn chẳng hiểu tí gì về giấy vay nợ - khi tôi mới bắt đầu học thì bản thân chữ này cũng không có. "Văn tự vay tiền" là gì? "Hối phiếu" là gì? "Đơn bảo hiểm" là gì? Chính là "Đơn bảo hiểm" chứ không phải chữ "Bắc cực", chữ Bắc cực thì mọi người đều đã biết. "Sổ nợ" là gì? Không phải giọng cao mà là "sổ nợ"(1).

Khi tôi đọc sách gặp phải những từ này, không hiểu sao tôi cứ nhớ đến cái "phòng hậu thẩm" ở En-xcơ - đến những chiếc ghế dài bằng sắt trong hành lang nhá nhem tối to rộng, lão nhân viên tòa án không ai trông thấy đang ngồi đằng sau hàng lan can gỗ mà mẹ cứ phải van nài mãi. Đó là cuộc sống đã qua, cuộc sống đã bị lãng quên từ lâu rồi, nay nó lại dần dần hiện ra trước mắt từ khi Vư-si-mia-xki kể cho tôi nghe câu chuyện bất hạnh của mình.

---

(1) Trong tiếng Nga, chữ "pô-li-xơ" là đơn bảo hiểm và chữ "pô-li-u-xơ" là Bắc cực gần giống nhau, cũng như chữ "đi-xcôn-tơ" là sổ nợ và chữ "đi-xcan-tơ" là giọng cao của trẻ con rất gần nhau. - N.D.

Chúng tôi ngồi trong căn nhà hầm bé nhỏ có cửa sổ. Ở đây lúc nào cũng có thể trông thấy cái chổi và đôi chân. Có lẽ người quét sân đang đứng đó. Trong căn phòng này cái gì cũng cũ kỹ, cái chân ghế đã phải lấy dây buộc. Tôi vừa tì tay lên cái bàn ăn đã phải rụt ngay lại vì tấm ván ở đầu bàn ăn chỉ chực đổ. Chỗ nào cũng có những miếng vải bọc rất bẩn - trên cửa sổ thì vải bọc này treo thay rèm cửa, trên ghế đi-văng thì trải miếng vải bọc rách, quần áo treo trên tường cũng che bằng thứ vải này. Những cái mới ở trong gian phòng này chỉ có cái bảng con, lõi cuộn chỉ và vòng dây thép của thằng con trai Vư-si-mia-xki - một thằng bé mười hai tuổi, mặt tròn, da bánh mật - nó vứt những thứ này ở trong góc tường sau bàn học của nó. Chính thằng bé này cũng hoàn toàn mới mẻ và rất xa lạ đối với cái thế giới mà giờ đây tôi đang nhớ lại lờ mờ trong khi nghe ông Vư-si-mia-xki kể chuyện về những sổ nợ và hối phiếu của ông ấy.

Đây là một câu chuyện rối rắm rất dài, trong đó có rất nhiều điều vô lý. Lão già coi tất cả những việc lão đã làm từ xưa đến nay đều là công lao, bởi vì "tất cả những việc này đều là vì nhân dân, vì nhân dân". Lão đặc biệt nhấn mạnh việc lão đã từng làm thư ký cho đại giáo chủ I-xi-đo-rơ, lão tuyên bố là lão biết rất rõ đời sống của tầng lớp cha cố, thậm chí lão còn đặc biệt nghiên cứu nó để mong nó sẽ "có lợi cho nhân dân". Lão luôn luôn sẵn sàng vạch mặt tên đại giáo chủ này.

Lão còn coi một chức vụ khác của lão, tức là phục vụ cho tên thượng tướng hải quân Hê-kéc-ta nào đó cũng là công lao. Tên thượng tướng hải quân này có một "thằng con trai bị bệnh thần kinh", Vư-si-mia-xki phải dẫn nó đến các khách sạn để cho người ta khỏi đoán nó bị bệnh thần kinh, bởi vì "họ che giấu việc này"...

Đến lúc lão kể chuyện về Ni-cô-lai An-tô-nứt thì tôi liền vểnh

tai lên nghe. Trước đây tôi vẫn cho rằng Ni-cô-lai An-tô-nứt là một nhà giáo dục. Một nhà giáo dục điển hình! Bởi vì ở trong nhà ông ta bao giờ cũng dạy người, bao giờ cũng giải thích, cũng dẫn chứng những ví dụ nọ kia.

- Chẳng phải thế đâu, - Vư-si-mia-xki cắm giận, cau mày bác lại. - Đó là bước đường cùng, bất đắc dĩ phải làm đó thôi. Trước kia hắn ta là tay buôn bán. Một mặt hắn làm ở Sở Giao dịch, mặt khác vẫn buôn bán. Hắn là một tay giàu có vừa làm ở Sở Giao dịch, vừa buôn bán.

Đây là một tin mới thứ nhất. Sau đó còn có tin thứ hai. Tôi hỏi, đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp có quan hệ gì với Sở Giao dịch? Tại sao Ni-cô-lai An-tô-nứt lại nắm công việc của đội thám hiểm? Chẳng lẽ ở đây cũng có lời hay sao?

- Nếu đội thám hiểm bị tan vỡ thì hắn lại càng thích, - Vư-si-mia-xki nói. - Hắn mong muốn như vậy, rất mong muốn như vậy. Kết quả đúng như vậy thật!

- Tôi không hiểu.

- Hắn đã yêu bà vợ của thuyền trưởng. Hồi đó đã có rất nhiều dư luận về việc này. Người ta đã nói nhiều, rất nhiều. Đây là cả một câu chuyện dài. Nhưng thuyền trưởng chẳng hề nghi ngờ gì cả. Ông ta là một người rất tốt, nhưng rất mộc mạc. Thật là một người rất tốt, rất nhiệt tình và có tài!

Tôi sửng sốt.

- Yêu bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na? Ngay từ những năm đó?

- Phải, phải, phải, - Vư-si-mia-xki vội vàng nhắc đi nhắc lại. - Trong này có những lý do cá nhân. Anh có hiểu không - cá nhân. Lý do cá nhân, cá nhân, cá nhân. Hắn ta muốn đưa thuyền trưởng sang thế giới bên kia, cho nên có thể hy sinh được tất cả gia tài. Kết quả hắn đã đưa đi được.

Nhưng tình yêu rốt cuộc vẫn là tình yêu mà buôn bán vẫn là buôn bán. Ni-cô-lai An-tô-nứt chẳng hy sinh tí tài sản nào của hắn cả. Trái lại, tài sản của hắn đã tăng gấp đôi. Ví dụ hắn đã mua những quần áo mục cho đội thám hiểm. Hắn đã mua thứ sô-cô-la người ta vứt đi vì bị ngấm dầu hỏa. Tất cả những thứ này đều là của ăn đút lót của bọn con buôn.

- Đó là sự phá hoại, đó là sự phá hoại! - Vư-si-mia-xki nói. - Kế hoạch! Một kế hoạch phá hoại!

Nhưng trước kia Vư-si-mia-xki đối với cái kế hoạch này rõ ràng là có thái độ khác bây giờ, bởi vì lão có tham gia vào kế hoạch này và được Ni-cô-lai An-tô-nứt cử đi Ác-khan-ghen-xcơ để gặp đội thám hiểm và cung cấp cho đội thám hiểm.

Chính lúc đó đã xuất hiện bức thư ủy nhiệm mà Ni-cô-lai An-tô-nứt đã đưa cho thầy Cô-ra-bơ-li-ốp xem. Cùng với bức thư ủy nhiệm này, Vư-si-mia-xki đã nhận được một số tiền - vừa hối phiếu, vừa tiền mặt...

Sau đó lão già cáu kỉnh khịt khịt mũi, lão rút trong ngăn kéo ra mấy tờ hối phiếu. Nói chung hối phiếu là một tờ giấy biên lai bảo đảm theo thời hạn quy định phải trả lại số tiền đó. Nhưng tờ biên lai đó phải viết trên giấy của Nhà nước, rất bền có bóng chìm trông rất hoa mỹ, làm cho người ta rất tin tưởng. Vư-si-mia-xki giải thích cho tôi, những hối phiếu này hồi ấy có thể lưu thông thay tiền mặt được. Nhưng cái đó hoàn toàn không phải là tiền, bởi vì "người phát hành phiếu" có thể bất thình lình tuyên bố họ hết tiền.

Trong đó có thể có rất nhiều trò lừa bịp. Vư-si-mia-xki tố cáo Ni-cô-lai An-tô-nứt là vì lão mắc một trong những trò lừa bịp ấy.

Lão tố cáo Ni-cô-lai An-tô-nứt bởi vì Ni-cô-lai An-tô-nứt đã gửi cho một số hối phiếu cùng thư ủy nhiệm cho lão, nhưng những

hối phiếu này đều "vô hiệu lực", nghĩa là Ni-cô-lai An-tô-nứt đã biết trước rằng "người phát hành phiếu" đã phá sản không thể trả tiền mặt được nữa. Nhưng Vư-si-mia-xki không biết điều đó nên đã nhận hối phiếu coi như tiền mặt bởi vì "người phát hành phiếu" là những nhà buôn các ngành các nghề khác nhau, hồi đó có một số rất có tiếng tăm. Mãi sau khi tàu nhổ neo rồi, còn lại một khoản nợ là bốn mươi tám nghìn rúp, lúc đó lão mới biết là bị mắc lừa. Lúc đó tất nhiên chẳng có ai chịu nhận cái thứ hối phiếu "vô giá trị" ấy để trả món nợ này.

Thế là Vư-si-mia-xki buộc phải bỏ tiền túi ra trả món nợ này. Sau này lão còn phải trả món nợ này một lần nữa bởi vì Ni-cô-lai An-tô-nứt đã đưa lão ra tòa án đã xử lão phải truy hoàn toàn bộ số tiền mà Ni-cô-lai An-tô-nứt đã giao cho lão khi đi Ác-khan-ghen-xcơ.

Tất nhiên tôi kể lại câu chuyện này một cách rất vắn tắt thế thôi, chứ lão già kể cho tôi nghe những hai tiếng đồng hồ và cứ đứng lên ngồi xuống hoài.

- Tôi đã kiện lên đến tận tòa án tối cao, - cuối cùng lão nói vẻ dọa nạt. - Nhưng người ta bác đơn kiện.

Lão bị bác đơn kiện, thế là công việc kết thúc vì tài sản của lão đã bán sạch rồi. Ngôi nhà - lão có một ngôi nhà - cũng đã bán đi rồi và lão phải dọn sang ở một căn phòng khác, nhỏ hơn. Vợ lão vì đau khổ mà chết, chỉ còn lại mấy đứa trẻ thơ. Về sau lão lại sang một căn phòng khác càng nhỏ hơn chỉ còn lại có một buồng mà lão hiện đang ở một cách miễn cưỡng. Tất nhiên "đây chỉ là tạm thời", bởi vì "chính phủ sắp coi trọng công lao của lão đã cống hiến cho nhân dân". Nhưng hiện nay lão buộc lòng phải sống ở đây. Lão có một cô con gái đã trưởng thành, cô ta biết những hai thứ tiếng nước ngoài, chính vì căn phòng này mà cô ta

chưa đi lấy chồng được: phu quân không có lối ra vào. Chờ khi nào được phát tiền trợ cấp dưỡng lão, lúc ấy lão sẽ dọn đi nơi khác.

- Đi đâu cũng được, dù là vào trại thương binh cũng được, - lão cay đắng phủi tay nói.

Rõ ràng là cô con gái đã luống tuổi này muốn ở một mình để dễ lấy chồng.

- Bác Ni-cô-lai I-va-nứt, - tôi nói với lão. - Bác cho tôi hỏi một câu nhé: bác bảo rằng ông ấy gửi giấy ủy nhiệm này đến Ác-khan-ghen-xcơ cho bác, tại sao nó lại rơi vào tay ông ấy?

Vư-si-mia-xki đứng lên. Lão có cái mũi rất to và những mớ tóc đã điểm bạc đều rung lên vì căm giận.

- Tôi đã ném tờ giấy ủy nhiệm ấy vào mặt hắn, - lão nói. - Hắn đi rót nước, nhưng tôi không thèm uống. Tôi đi ra đến ngoài phố thì ngất đi. Đấy còn nói gì nữa!

Lão lại cay đắng phủi tay một lần nữa.

Tôi nghe lão kể mà lòng nặng trĩu. Trong câu chuyện này có một cái gì nhơ bẩn giống như tất cả những cái chung quanh đây vì thế mà tôi cứ muốn đi rửa tay. Tôi cho rằng cuộc nói chuyện lần này sẽ là một bằng chứng mới để chứng minh sự đúng đắn của tôi, nó mới mẻ và kỳ lạ cũng như sự xuất hiện đột ngột của người này. Kết quả đúng là như vậy. Nhưng tôi cảm thấy rất khó chịu vì trong những bằng chứng mới này có lẫn những vết tích nhơ bẩn.

Sau đó lão lại nói về chuyện dưỡng lão "nhất định người ta sẽ cho tôi tiền trợ cấp dưỡng lão, bởi vì tôi đã có bốn mươi nhăm năm công tác". Đã có một người trẻ tuổi đến nhà lão và lấy đi tất

cả giấy tờ. Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng rất thích anh chàng này, nhưng sau đó không thấy đến lần nào nữa.

- Nó hứa sẽ chạy chọt, chạy chọt - Vư-si-mia-xki nói, - nhưng sau đó chẳng thấy đến.

- Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng thích?

- Phải, phải, phải! Hắn thích lắm, sao lại không!

- Người đó là ai?

Vư-si-mia-xki xòe hai bàn tay ra.

- Nó đã đến mấy lần. Con gái tôi nó biết, chúng nó đã uống trà và nói chuyện ở đây. Nó biết, nó biết!

Một nụ cười yếu ớt chạy trên khuôn mặt lão, đại khái kiểu quen biết này gắn liền với những hy vọng nào đó.

- Phải, thật là tò mò, - tôi nói. - Hắn lấy hết giấy tờ đi rồi?

- Vâng, để làm trợ cấp dưỡng lão, để làm trợ cấp dưỡng lão. Để anh ấy chạy cho mà.

- Có hỏi vì Ni-cô-lai An-tô-nứt?

- Đúng, đúng. Còn hỏi tôi có biết người nào khác... Rất có thể còn có người nào đó biết việc anh ta làm... công việc của con chim này... Tôi giới thiệu anh ta đến một người.

- Thú vị thật. Vậy anh chàng trẻ tuổi ấy là ai?

- Một con người oai nghiêm, - Vư-si-mia-xki nói. - Hứa sẽ chạy chọt hộ. Anh ta nói tất cả những cái đó cần để làm thủ tục xin trợ cấp dưỡng lão, chính là vì cá nhân chứ không phải vì cái gì khác!

Tôi hỏi tên anh là gì, nhưng ông già không thể nhớ ra được nữa. Ông lão nói:

- Hình như tên "sa" gì ấy.

Sau đó cô con gái lớn chạy vào. Đúng là cô ta đã đến lúc cần lấy chồng thật. Song đó không phải là việc dễ, ở đây tuyệt đối không phải vì "phu quân không có cửa ra vào". Vấn đề là ở chỗ cô gái có cái mũi to quá, cô thở bằng mũi một cách rất hung hăng khác thường. Tôi không biết có bị bệnh ngạt mũi mãn tính hay vì một tập quán xấu làm cho cô phải luôn luôn làm như vậy. Nhưng khi tôi nhìn thấy cô quay về phía ông bố hít hít rất mạnh bằng mũi, tôi hiểu ngay tại sao ông lão muốn vào trại thương binh ngay lập tức.

Tôi chào cô rất lịch sự, cô chạy đi đâu đó và lúc quay lại thì khác hẳn: lúc nãy cô mặc bộ quần áo Ả-rập, còn bây giờ cô đã mặc chiếc váy áo thường.

Chúng tôi chuyện trò với nhau: thoạt đầu nói về thầy Cô-ra-bơ-li-ốp - đó là người duy nhất chúng tôi cùng biết, - sau đó đến người học trò của ông, cậu bé vẫn đùa nghịch những cuộn chỉ của mình ở trong góc nhà, chẳng thèm để ý gì đến chúng tôi. Nếu không có những động tác mũi của cô, có lẽ cuộc nói chuyện của chúng tôi cũng thú vị. Cô nói rằng cô không thích xem phim bởi vì trong phim người nào cũng "trắng bệch như người chết", nhưng lúc đó ông già lại đưa vấn đề tiền dưỡng lão của ông vào.

- Niu-tô-sca, tên cái anh chàng ấy là gì nhỉ? - Lão sợ hãi hỏi.

- Cái anh chàng nào?

- Cái anh chàng hứa chạy hộ khoản trợ cấp dưỡng lão ấy.

Niu-tô-sca chau mày. Môi cô run run, lập tức trên mặt có hiện lên nhiều tình cảm. Trong đó thái độ chính là căm phẫn.

- Con không nhớ, hình như Rô-ma-sốp thì phải, - cô ta lơ đãng trả lời.

Chương 7

“Nhà tôi có khách”

Rô-ma-sca! Thằng Rô-ma-sca đã đến nhà họ! Nó đã hứa chạy tiền dưỡng lão cho ông già. Nó đã ve vãn cô Niu-ta có cái mũi to! Cuối cùng nó lấy hết giấy tờ và trốn biệt. Thậm chí ông già cũng không nhớ rõ là những giấy tờ gì. Thoạt đầu tôi nghĩ đó là một Rô-ma-sca nào khác, một người trùng tên. Không. Chính là nó. Tôi tả lại nó một cách tỉ mỉ, Niu-ta nói bằng giọng căm thù.

- Chính nó!

Nó đã ve vãn cô ta, điều đó đã quá rõ. Nhưng sau lại thôi, nếu không cô ta đã chẳng chửi nó cay độc như hiện nay cô đang chửi. Nó đến với ông già để thăm dò về chuyện Ni-cô-lai An-tô-nứt. Nó thu thập những tài liệu. Để làm gì? Nó lấy những tài liệu giấy tờ của Vư-si-mia-xki đi để làm gì? Qua những tài liệu này, ít nhất cũng rút ra được một kết luận trước cách mạng, Ni-cô-lai An-tô-nứt không phải là một nhà sư phạm, mà là một tên đầu cơ bẩn thỉu ở Sở Giao dịch.

Tôi ở nhà Vư-si-mia-xki ra về mà đầu thấy choáng váng. Ở đây chỉ có thể có hai ý đồ: hoặc là thủ tiêu tất cả những tang chứng của quá khứ, hoặc là nắm Ni-cô-lai An-tô-nứt.

Nắm lão ta ư? Để làm gì? Rô-ma-sốp chẳng đã là người học

trò trung thành nhất, đáng tin cậy nhất của ông ta đó sao! Ngay từ hồi còn học tiểu học nó đã như thế, đi nghe trộm những cuộc nói chuyện của học sinh về Ni-cô-lai An-tô-nứt, để rồi đi báo cáo lại cho ông ấy. Đó là việc được giao, Ni-cô-lai An-tô-nứt đã trao cho nó nhiệm vụ tìm hiểu tất cả những gì Vư-si-mia-xki biết về ông ta. Ông ta ngầm cử Rô-ma-sốp đến để lấy đi tất cả những giấy tờ có hại cho một nhà sư phạm Xô Viết như ông ta.

Tôi rẽ vào hiệu cà phê ăn kem. Sau đó uống cái gì đó. Tôi cảm thấy rất nóng, và tôi cứ suy nghĩ miên man. Sau khi tốt nghiệp, tôi và Rô-ma-sca xa cách nhau đã nhiều năm rồi. Hồi đó nó quả là một con vật đê tiện, lạnh lùng. Nhưng đối với Ni-cô-lai An-tô-nứt nó lại rất chân thành, hay là tôi chỉ tưởng như thế thôi? Giờ đây tôi không biết nó. Rất có thể nó đã thay đổi rồi? Rất có thể nó giấu Ni-cô-lai An-tô-nứt, vì nó yêu mến ông ta nên muốn thủ tiêu những giấy tờ xem ra có thể làm tổn hại đến tên tuổi đẹp đẽ của ông thầy và người bạn của nó.

Đó chỉ là điều nhảm nhí, chỉ cần nhớ lại cái mặt trắng bệch và đôi mắt tròn không tự nhiên của thằng Rô-ma-sca là có thể nhận thức về nó một cách đúng đắn.

Tôi ăn một cây kem nữa. Khi tôi hỏi mua chiếc kem thứ ba thì cô bán hàng cười. Có lẽ cô lấy làm thú vị thấy tôi ăn nhiều kem như thế, cho nên cô đã đến trước gương sửa lại mái tóc.

Không, không bao giờ nó làm một việc gì do sự gắn bó với người này. Ở đây phải có một mục đích bí mật gì, tôi tin chắc như vậy. Tôi chỉ không đoán ra mục đích ấy là gì, bởi vì tôi chỉ có thể phán đoán theo quan hệ cũ giữa Ni-cô-lai An-tô-nứt và Rô-ma-sca, còn quan hệ mới của họ tôi biết rất ít.

Đây có thể chỉ là một mục đích rất đơn giản liên quan đến vấn đề đề bạt chức vụ gì đó. Vì Ni-cô-lai An-tô-nứt là giáo sư, Rô-ma-sca là trợ lý của ông ta. Cũng có thể là vì tiền, bởi vì ngay từ

hồi còn học ở trường, hễ nói đến tiền là nó đỏ tai lên, việc đó cũng không phải là vô cớ. Hay vì vấn đề công xá, chuyện đó có trời biết!

Tôi gọi dây nói cho Va-li-a, tôi muốn bàn với nó một số việc, vì mấy năm gần đây nó có đến nhà Ta-ta-ri-nốp mấy lần. Nhưng nó lại đi vắng. Cũng như mọi khi, lúc cần đến nó thì nó lại đi chơi đâu mất.

"Không, không phải vì tiền công, cũng không phải vì địa vị - tôi tiếp tục suy nghĩ. - Muốn đạt được mục đích này, nó hoàn toàn có thể dùng biện pháp khác đơn giản hơn, chỉ cần nhìn vào con người nó là có thể đoán được việc này".

Đã đến lúc phải về nhà, nhưng hoàng hôn vừa buông xuống, đây là buổi hoàng hôn rất Mát-xcơ-va, nó không giống tí nào với buổi hoàng hôn của tôi ở Da-pô-li-a-ri-e. Chính vì thế mà tôi rất muốn đi bộ, mặc dù khách sạn còn cách rất xa.

Tôi lững thững bước đi, đầu tiên tôi đi ra phố Goóc-ki, sau đó rẽ vào ngõ Vô-rốt-ni-cốp-xki. Những nơi quen thuộc quá! Khách sạn lùi lại một bên, tôi vẫn đi theo ngõ Vô-rốt-ni-cốp-xki, sau đó rẽ sang phố Xa-đô-vô Tri-um-phan-nai-a, đi qua trường cũ của tôi. Còn từ Xa-đô-vô Tri-um-phan-nai-a đến Tve-rơ-xcai-a I-am-xcai-a thứ hai, rõ ràng là rất gần. Tôi đã đi qua phố đó và chỉ vài phút sau tôi đã dừng lại trước cái cổng một ngôi nhà quen thuộc. Tôi nhìn vào trong cổng và thấy cái sân nho nhỏ quen thuộc. Hồi nào tôi đã từng bổ củi giúp bà cụ ở đây. Kia là cầu thang, tôi đã từng trượt từ trên đó xuống, kia là cửa ra vào bọc vải sơn đen và tấm biển con bằng đồng, trên đó viết kiểu chữ hoa tên họ: "N.A. Ta-ta-ri-nốp"...

- Ca-chi-a, mình đến tìm cậu, cậu không đuổi mình ra chứ?

Sau này Ca-chi-a nói rằng, khi cô trông thấy tôi, cô biết ngay tôi "thay đổi rất nhiều so với hôm mồng Ba ở Nhà hát lớn". Nhưng có một điều cô không thể biết được: tại sao tôi lại đến với cô một

cách bất ngờ thế này và "thay đổi rất nhiều" như thế. Cả buổi tối tôi không rời mắt khỏi Ni-cô-lai An-tô-nứt và Rô-ma-sca.

Tất nhiên nói thế có phóng đại lên một chút, nhưng quả thật tôi nhìn họ chằm chằm. Tối hôm đó đầu óc tôi căng thẳng, chẳng khác gì hôm vào thi. Người ta vừa bắt đầu nói tôi đã cứ muốn đoán ra và hiểu ngay lập tức.

Tôi quên nói một điều, lúc ngồi ở quán cà phê tôi đã mua một bó hoa tươi. Tôi đi đến nhà Ta-ta-ri-nốp với bó hoa trong tay. Tôi rất ngượng. Từ ngày tôi và Pê-chi-a đi hái trộm hoa lan tím ở vườn Nhà thờ ở En-xcơ, chờ sau khi tan rạp bán cho những người đi xem hát năm cô-pếch một bó, đến nay chưa bao giờ tôi cầm hoa đi ngoài phố. Giờ đây tôi đến nhà họ và phải trao cho Ca-chi-a bó hoa tươi này... Nhưng không hiểu sao tôi lại đặt bó hoa lên bàn bên cạnh cái mũ.

Có lẽ tôi đã quá xúc động, cho nên sau khi nói được vài câu tiếng tôi đã oang oang lên khiến cho Ca-chi-a phải nhìn thẳng ngay vào mặt tôi.

Chúng tôi đi sang phòng của cô, nhưng lúc đó cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na từ trong phòng ăn đi ra. Tôi cúi chào. Bà cụ nhìn tôi vẻ kinh ngạc và cũng gật đầu chào lại rất lịch sự.

- Bà ơi, cháu là Xa-nhi-a Gri-gô-ri-ép đây. Bà không nhận ra cháu à?

- Xa-nhi-a! Trời ơi! Có thật không?

Cụ giật mình ngắm nhìn tôi. Vì cửa phòng ăn mở nên tôi nhìn thấy Ni-cô-lai An-tô-nứt đang ngồi trong chiếc ghế bành, tay cầm tờ báo. Ông ta có nhà!

- Chào bà, bà Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na thân yêu! - Tôi nói. - Bà còn nhớ cháu không? Có lẽ bà quên cháu từ lâu rồi phải không?

- Hừ! Quên rồi! Tôi chẳng quên tí nào cả, - bà cụ trả lời.

Chúng tôi đang hôn nhau thì Ni-cô-lai An-tô-nứt từ trong phòng ăn đi ra và dừng lại ở cửa.

Đó là phút chúng tôi đánh giá lại nhau. Ông ta có thể không nhìn thấy tôi cũng như ông ta đã không nhìn thấy tôi tại buổi lễ kỷ niệm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp. Ông ta có thể nhấn mạnh rằng chúng tôi không quen nhau. Và cuối cùng ông ta có thể chỉ ra cửa và đuổi tôi đi, mặc dù làm thế quá mạo hiểm. Ông ta chẳng làm cách thứ nhất chẳng làm cách thứ hai, cũng chẳng làm cách thứ ba.

- A, con đại bàng trẻ, - ông ta niềm nở nói. - Cuối cùng cũng bay đến chỗ chúng tôi à? Đáng lẽ phải đến từ lâu rồi đấy.

Ông sảng khoái chìa tay cho tôi.

- Chào ông, Ni-cô-lai An-tô-nứt!

Ca-chi-a nhìn chúng tôi ngạc nhiên. Cụ bà thì chớp mắt lia lịa. Còn tôi lại rất phấn khởi, giờ đây tôi có thể nói chuyện thoải mái.

- Phải... Chẳng còn gì đáng nói nữa, thật tuyệt, - Ni-cô-lai An-tô-nứt nghiêm nghị nhìn tôi. - Trước kia còn là một đứa trẻ con, thế mà bây giờ đã là phi công Bắc cực rồi. Lại chọn cái nghề như thế! Cừ lắm!

- Nghề bình thường thôi ông Ni-cô-lai An-tô-nứt ạ, - tôi đáp. - Cũng như mọi nghề khác.

- Cũng thế à? Thế còn tinh thần tự chủ? Còn tinh thần dũng cảm, khi nguy hiểm. Rồi còn kỷ luật, không phải chỉ trong lúc làm việc mà phải có kỷ luật trong lòng, như người ta thường nói là kỷ luật tự giác!

Nghe những lời nói giả dối rỗng tuếch của ông ta, theo trí nhớ cũ tôi cảm thấy lộn mửa, nhưng tôi vẫn chăm chú nghe, nghe một cách rất lễ phép. Tôi cảm thấy ông ta già đi rất nhiều so với hôm dự lễ kỷ niệm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, sắc mặc ông ta cũng đầy vẻ mệt mỏi. Khi chúng tôi đi vào phòng ăn, ông ta ôm vai Ca-chi-a và cô ấy hơi né tránh.

Trong phòng ăn còn có một bà cô Bu-ben-tri-cốp đang ngồi, nhưng tôi không nhớ rõ đó chính là bà đã cầm cái cán bàn chải ra định đánh tôi hay đó là bà đã mắng con dê. Nhưng dù sao bây giờ bà cụ cũng đón tiếp tôi rất ân cần.

- Đấy, chúng tôi đang chờ anh đấy! - Ni-cô-lai An-tô-nứt nói khi cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na săn đón tiếp tôi, rót nước trà cho tôi và đem đến cho tôi tất cả những món ăn có trên bàn. - Chúng tôi đang chờ anh kể chuyện Bắc cực đấy. Hãy kể chuyện lái máy bay mò, chuyện những vùng quanh năm băng tuyết, chuyện rừng tuyết núi băng bồng bềnh trôi!

- Mọi việc đều rất tốt, ông Ni-cô-lai An-tô-nứt ạ, - tôi rất phấn khởi nói. - Núi băng vẫn là núi băng, rừng tuyết vẫn là rừng tuyết.

Ni-cô-lai An-tô-nứt cười.

- Có một lần tôi gặp một người bạn cũ, hiện nay ông có công tác trong đoàn đại biểu thương mại của ta ở La mã, - ông nói. - Tôi hỏi ông ta: "Này, La-mã thế nào?" Ông ta đáp: "Chẳng sao cả! La-mã vẫn là La-mã". Câu đó rất giống với câu anh vừa nói, có phải không?

Ông ta nói giọng rất khách sáo. Ca-chi-a buông mắt nhìn xuống, nghe chúng tôi nói chuyện. Cần phải tìm cách duy trì cuộc nói chuyện này, thế là tôi đã kể chuyện người Nê-nét thật, kể lại phong cảnh Bắc cực, thuận mồm tôi kể cả chuyện tôi và bác sĩ đã bay đến Va-nô-can như thế nào. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na luôn luôn quan tâm hỏi tôi bay có cao không, việc đó làm cho tôi nhớ đến bức thư của dì Đa-sa tôi nhận được hồi còn học ở Trường Hàng không Ba-la-sốp. Trong thư nói: "Nếu số phận đã không cho cháu được đi lại trên mặt đất như người thường thì Xa-ne-sca ạ, dì cầu xin cháu hãy bay thâm thấp xuống một chút".

Tôi kể lại rằng Mi-sa Gô-lôm-bơ đã xoáy của tôi bức thư này,

thế là từ đó trở đi, hễ tôi cứ đội mũ bay vào là cả sân bay lại vang lên tiếng gọi tôi:

- Xa-nhi-a, bay thấp xuống một tí nhé!

Cũng chính anh chàng Mi-sa này đã tổ chức ở trong Trường Hàng không tờ tạp chí hài hước lấy tên là "Bay thấp". Trong tạp chí này có một mục đặc biệt "Kỹ thuật bay trên hình vẽ", trong đó có bài thơ như sau:

Có độ cao
Mới dễ lao,
Bằng mái nhà
Sẽ lao đao
Xa-nhi-a hỡi
Chớ có liều,
Dì khuyên cháu
Bay thấp nhiều

Có lẽ tôi kể lại chuyện này rất hay nên mọi người đều cười vang, cười rất to nhất là Ni-cô-lai An-tô-nứt. Ông ta cứ cười suốt! Do đó mặt trắng bệch ra, - bao giờ ông ta cười mặt cũng trắng bệch ra.

Ca-chi-a hầu như không ngồi yên ở bàn, cô cứ đứng dậy luôn và xuống nhà bếp mãi không lên. Tôi cảm thấy cô đi ra chỉ là để cho một mình thì dễ suy nghĩ, bởi vì khi cô quay lại thì nét mặt cô như vậy. Có một lúc cô quay lên, đi đến chỗ tủ buýp-phê để làm gì đó, tay cầm cái đĩa đan bằng mây, nhưng xem chừng cô lại quên không biết đến tủ để làm gì. Tôi nhìn thẳng vào mắt cô, cô cũng nhìn lại tôi bằng con mắt lo lắng, băn khoăn.

Hình như Ni-cô-lai An-tô-nứt có nhìn thấy chúng tôi trao đổi bằng mắt với nhau. Một bóng đen hiện trên khuôn mặt ông, thế là ông bắt đầu nói chậm rãi hơn, tròn trĩnh hơn.

Về sau Rô-ma-sca đến. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ra mở cửa cho nó. Tôi nghe thấy tiếng cụ nói ở phòng ngoài, giọng cay độc:

- Trong nhà tôi có khách đấy!

Nó đi đi lại lại ở phòng ngoài rất lâu, có lẽ để sửa sang lại quần áo, sau đó bước vào phòng, khi nhìn thấy tôi, nó làm ra vẻ chẳng ngạc nhiên tí nào.

- À thật ra vị khách này! - Nó cười gượng và nói. - Thật vui mừng, thật vui mừng! Hết sức vui mừng! Hết sức vui mừng!

Thoáng nhìn cũng biết ngay là nó có vui mừng thật hay không. Còn tôi thì quả là có vui mừng thật! Ngay từ lúc nó mới bước vào tôi đã theo dõi mỗi cử chỉ của nó. Mắt tôi không rời khỏi nó. Nó là con người như thế nào? Nó đã trở thành người như thế nào? Quan hệ của nó với Ni-cô-lai An-tô-nứt, với Ca-chi-a ra sao? Kìa nó đang đi đến chỗ cô, nói chuyện với cô, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của nó đều là những câu đố nhỏ đối với tôi, nhưng tôi đã đoán ra ngay. Càng ngày tôi càng thấy căng thẳng, tôi chăm chú theo dõi nó và suy nghĩ về nó.

Giờ đây, khi tôi trông thấy họ đứng bên nhau - nó và Ca-chi-a - tôi cảm thấy rất buồn cười: so với cô, trông nó sao nhỏ nhen, xấu xí và vô nghĩa thế. Nó nói lải nhải với Ca-chi-a một cách rất tự tin, tôi nghĩ bụng: "Chú này quá tự tin đấy". Nó nói đùa gì đó với cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na, nhưng chẳng có ai cười, tôi lại nghĩ bụng: "ngay Ni-cô-lai An-tô-nứt cũng không cười".

Nhưng họ đã nói ngay sang chuyện ngành nghề, về vấn đề bảo vệ luận án gì đó mà Ni-cô-lai An-tô-nứt cho là tồi, nhưng Rô-ma-sca thì lại bảo là rất hay.

Tất nhiên họ cố ý làm như vậy để nhấn mạnh rằng sự có mặt của tôi, đối với họ chẳng đáng chú ý. Nhưng tôi lại thích thú, bởi vì giờ đây tôi có thể ngồi im, nhìn họ, nghe và suy nghĩ.

"Không, - tôi nghĩ, - đây không phải là thằng Rô-ma-sca trước

kia, thằng Rô-ma-sca vẫn lấy làm vinh dự được phục tùng tuyệt đối những mệnh lệnh của Ni-cô-lai An-tô-nứt. Nó nói với ông ta với thái độ coi thường, gần như vô lễ, còn Ni-cô-lai An-tô-nứt thì lại chau mày, trả lời nó một cách mệt mỏi. Đó là mối quan hệ phức tạp làm cho Ni-cô-lai An-tô-nứt rất không thích. Tôi đã đúng. Đó không phải là công việc được giao. Nó lấy những giấy tờ của Vư-si-mia-xki không phải để thủ tiêu đi... Nó làm việc này là để bán những giấy tờ ấy cho Ni-cô-lai An-tô-nứt, đấy cái giống nó là như vậy. Có lẽ nó đã thu được khoản tiền lớn. Cũng có thể vẫn chưa bán mà còn đang mặc cả".

Ca-chi-a hỏi tôi câu gì đó, tôi trả lời cô. Rô-ma-sca vừa nghe Ni-cô-lai An-tô-nứt vừa nhìn chúng tôi và lo lắng. Bỗng một ý nghĩ từ từ hiện lên giữa những ý nghĩ khác và hình như dừng lại một bên để chờ tôi đi đến gần ý nghĩ ấy. Đó là một ý nghĩ hết sức lạ lùng, nhưng đối với mọi người đã quen biết Rô-ma-sốp từ thuở bé lại là một ý nghĩ rất hiện thực. Nhưng giờ đây tôi không thể dừng lại ở ý nghĩ này, bởi vì nó rất đáng sợ, tốt nhất là giờ đây đừng có nghĩ về việc đó nữa. Hình như tôi chỉ nhìn nó từ xa.

Sau đó Ni-cô-lai An-tô-nứt và Rô-ma-sca vào phòng làm việc làm gì đó. Chúng tôi ngồi lại với các bà già. Một bà chẳng nghe thấy gì cả, còn bà nữa thì làm ra vẻ chẳng nghe thấy gì hết.

- Ca-chi-a, - tôi nói nhỏ. - Thầy I-van Pa-vơ-lứt mời cậu bảy giờ sáng mai đến chỗ thầy ấy. Cậu có đi không?

Cô im lặng gật đầu.

- Mình đến đây không sao chứ? Mình rất muốn gặp cậu.

Cô im lặng gật đầu.

- Mong cậu hãy quên tối ngày mồng Ba đi nhé. Tóm lại tất cả đều không phải như thế và không xảy ra như vậy, thôi cứ coi như chúng ta chưa gặp nhau.

Cô im lặng nhìn tôi và chẳng hiểu gì cả.

Chương 8

Trung thành với vật kỷ niệm

Vậy đó là ý nghĩ gì? Tôi suy nghĩ về nó suốt cả một buổi tối và ngủ đi lúc nào không biết. Sáng ra tỉnh dậy cảm thấy hình như không ngủ, vẫn đang suy nghĩ.

Suốt cả ngày hôm đó đều như vậy. Với ý nghĩ ấy trong đầu, tôi đi đến Tổng cục đường Hàng không Bắc cực, đến Hội Địa lý học, đến Bộ biên tập tạp chí Bắc cực. Thỉnh thoảng có quên đi, nhưng hình như tôi để nó đứng ở ngoài cổng, chờ khi tôi ra lại gặp nó cứ như gặp người quen cũ vậy.

Khoảng sáu giờ tôi đến nhà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, người mệt mỏi, buồn bã. Lúc tôi đến, ông đang làm việc, đang chấm bài. Hai chồng vở dày cộm xếp trên bàn cạnh ông, ông đeo kính ngồi đọc tay cầm bút sắt luôn luôn thẳng tay gạch những chữ sai. Tôi không biết đó là những bài tập gì; lúc đó đang là mùa nghỉ, trường đang đóng cửa. Nhưng ngay trong mùa nghỉ ông cũng tìm được việc làm.

- Chào thầy I-van Pa-vơ-lứt, thầy cứ làm việc đi, tôi ngồi chờ một lát. Có được không? Tôi mệt quá.

Chúng tôi ngồi một lát trong sự tĩnh mịch hoàn toàn. Chỉ có tiếng ngòi bút kêu xoàn xoạt và tiếng rì rầm cáu kỉnh của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp là phá tan sự tĩnh mịch ấy. Trước kia tôi không thấy ông càu nhàu trong khi làm việc như thế.

- Thế nào, Xa-nhi-a, công việc ra sao?

- Thưa thầy, tôi muốn hỏi thầy một câu.

- Cái gì?

- Thầy có biết gần đây Rô-ma-sốp đến nhà Vư-si-mia-xki không?

- Biết.

- Thầy có biết tại sao nó đến nhà ấy không?

- Biết.

- Thưa thầy, - tôi nói giọng trách móc. - Thực tình mà nói, tôi lại chưa hiểu thầy. Thầy biết rõ chuyện như vậy, nhưng lại không nói với tôi một điều gì.

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nghiêm nghị nhìn tôi. Ông rất nghiêm nghị như thế có lẽ vì đang chờ Ca-chi-a nên hơi hồi hộp, nhưng lại không muốn cho tôi thấy.

- Xa-nhi-a, tôi còn nhiều điều chưa nói cho anh biết, bởi vì hiện nay, mặc dù anh đã là phi công, nhưng chưa biết chừng bỗng dưng anh lại lấy chân đá vào mặt người khác thì sao.

- Việc đó xảy ra bao giờ thế! Thưa thầy, vấn đề là hiện nay trong óc tôi đang có một ý nghĩ. Tất nhiên, rất có thể tôi sai. Giá như tôi nghĩ sai thì đó lại là chuyện hay.

- Thấy chưa, anh lại xúc động rồi, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói.

- Tôi không xúc động, thầy ạ. Thầy chưa nghĩ đến sao? Rô-ma-sốp có thể yêu cầu ông ta... có thể nói rằng nó sẽ im lặng, nếu Ni-cô-lai An-tô-nứt giúp nó cưới Ca-chi-a được không?

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp không trả lời gì.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, - tôi gào lên.

- Anh lại xúc động rồi.

- Tôi không xúc động. Nhưng tôi không hiểu được một điều: Ca-chi-a làm sao có thể cho phép nó nghĩ được về chuyện ấy? Dù sao đó cũng là Ca-chi-a!

Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp trầm ngâm suy nghĩ, đi đi lại lại trong phòng. Ông bỏ kính ra, mặt ông trông buồn xỉu. Tôi để ý thấy ông ấy nhìn tấm ảnh bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na mấy lần, chính tấm ảnh bà đeo chuỗi hạt trân châu ở cổ, tấm ảnh ấy hiện nay vẫn đặt trên mặt bàn của ông như cũ.

- Phải, Ca-chi-a, - ông chậm rãi nói. - Anh hoàn toàn không biết gì về cô ấy.

Đây lại là một tin mới. Tôi không biết gì về Ca-chi-a!

- Anh không biết cô ấy đã sống những năm vừa qua như thế nào. Còn tôi thì tôi biết, bởi vì... tôi quan tâm, - thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói nhanh. - Hơn nữa hình như chẳng có ai đặc biệt quan tâm đến cô ta cả.

Ông ấy đang nói tôi.

- Sau khi mẹ chết, cô ấy rất đau khổ. - Ông nói tiếp. - Thế mà bên cạnh cô ấy có một con người cũng đau khổ như cô ấy, và có thể còn hơn thế nữa. Anh có biết, tôi nói về ai đó không.

Ông đang nói về Ni-cô-lai An-tô-nứt.

- Một con người rất từng trải, rất nham hiểm. - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói tiếp. - Một con người đáng sợ. Nhưng đúng là suốt đời ông ta yêu mẹ cô ấy, suốt đời - đây không phải là một khoảng thời gian ngắn. Do đó cái chết của bà đã làm cho quan hệ của họ thêm gần nhau - vấn đề là ở chỗ ấy.

Ông bắt đầu hút thuốc, những ngón tay ông hơi run run khi ông bật que diêm, sau đó khe khẽ đặt que diêm vào cái gạt tàn thuốc lá.

- Lúc đó Rô-ma-sốp xuất hiện. Ông vẫn nói tiếp. - Tôi cần phải nói tiếp. - tôi cần phải nói để anh biết rằng, hiện nay đến nó anh cũng không hiểu nốt. Đây cũng là một Ni-cô-lai An-tô-nứt, chẳng qua chỉ là một loại hình khác mà thôi. Thứ nhất, nó có nghị lực. Thứ hai, nó chẳng cần đạo đức gì hết, chẳng tốt, cũng chẳng xấu. Thứ ba, nó có tài ở bước quyết định nói một cách khác, nó là thằng làm việc thật sự. Cái thằng cha làm việc thực sự ấy biết rất rõ nó cần những gì. Rồi một hôm nó đến nhà ông thầy nó, mà cũng là bạn của nó và nói với ông ta: "Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt, xin thầy hãy nghĩ lại đi, hình như thằng Gri-gô-ri-ép đã hoàn toàn đúng. Đúng là thầy đã ăn cắp của đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Ngoài ra, còn một số việc thầy chưa nhắc đến trong bản điều tra..." Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đã nghe được câu chuyện này. Cụ chẳng hiểu gì cả nên chạy đến tìm tôi. Nhưng tôi thì tôi hiểu.

- Thì ra thế đấy, - tôi nói. - Thú vị thật.

Chúng tôi im lặng.

- Vậy sau đó thì sao nữa? - Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp nói tiếp. - Có thể căn cứ vào kết quả mà phán đoán. Anh cũng biết Ni-cô-lai An-tô-nứt - ông ta hành động không vội vã: có thể lúc đầu chỉ là nói đùa. Nhưng rồi câu chuyện đứng đắn hơn, thường xuyên hơn.

- Thưa thầy I-van Pa-vơ-lứt, nhưng ông ta dầu sao cũng chưa thuyết phục được cô ấy, có đúng thế không?

- Xa-nhi-a, Xa-nhi-a, anh thật là cơn người kỳ quặc! Nếu ông

ta thuyết phục được cô ấy rồi, chẳng lẽ tôi lại còn kể cho anh nghe tất cả những điều đó hay sao? Nhưng ai biết được! Rất có thể đến một ngày nào đó ông ta đạt được mục đích cũng như ông ta đã...

Tôi hiểu thấy muốn nói: "Cũng như ông ta đã đạt được kết quả là bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã trở thành vợ ông ta".

Tôi không biết nên ở lại hay nên ra về, - đã bảy giờ rồi, Ca-chi-a có thể đến bấm chuông. Tôi chỉ cảm thấy khó mà dứt ra được. Tôi im lặng nhìn ông hút thuốc, cái đầu bạc gục xuống, cái chân dài duỗi ra. Tôi nghĩ ông đã yêu bà Ma-ri-a Va-li-ép-na say đắm như thế nào, số ông vất vả như thế nào và ông đã trung thành với những kỷ niệm của bà như thế nào, - đấy vì sao trong những năm gần đây ông quan tâm theo dõi cuộc sống của Ca-chi-a là như thế đấy.

Sau đó ông bỗng nhớ ra và bảo tôi nên về thì hơn.

- Không có anh tôi nói chuyện với cô ấy tiện hơn.

Ông tiễn tôi về, chúng tôi hẹn nhau đến mai lại gặp.

Tôi ra đến ngoài phố, trời vẫn còn sáng rõ, mặt trời chưa lặn, những tia nắng cuối cùng phản chiếu trên kính cửa sổ nhà bên kia phố Xa-đô-vai-a.

Tôi đứng bên cạnh cổng và nhìn dọc dãy phố. Ca-chi-a sẽ phải đi qua phố này. Hình như tôi chờ đã lâu lắm rồi, bởi vì những cửa sổ trên phố đã lần lượt tối dần từ bên trái sang bên phải. Sau đó tôi nhìn thấy cô - thì ra cô không đi từ phố kia đến mà cô ở trong ngõ O-ru-giây-nươi ra và đang đứng trên vỉa hè chờ cho xe cộ đi hết để sang đường. Không hiểu sao tôi thấy sờ sợ khi nhìn thấy cô đi qua đường vẻ trầm ngâm. Cô vẫn mặc cái áo váy như hôm nào cô mặc đến Nhà hát lớn, trông cô rất buồn. Giờ đây

cô đã đi đến gần tôi, nhưng cô vẫn đi, đầu cúi xuống, không nhìn thấy tôi. Nhưng tôi cũng không muốn để cô nom thấy mình. Tôi thầm chúc cô tinh thần sảng khoái và mọi điều tốt lành nhất mà lúc này đây tôi có thể chúc cô được và đưa mắt tiễn cô cho đến khi cô đi đến tận cổng. Cô đi khuất vào trong cổng, nhưng tôi vẫn đi theo cô trong tưởng tượng - tôi nhìn thấy thầy I-van Pa-vơ-lứt đã gặp cô như thế nào, ông xúc động và cố gắng tỏ ra rất bình tĩnh, và ông đã chậm rãi nhét điếu thuốc lá vào bót dài trước khi bắt đầu nói chuyện...

Giờ đây các cửa sổ đã tối om nhanh chóng. Chỉ còn hai cửa sổ cuối cùng ở căn nhà tận cùng kia là còn ánh sáng đỏ quạch. Ngôi nhà này đi qua ngõ O-ru-giây-nưi. Hồi tôi còn học, tiểu ban văn nghệ của Xô Viết thành phố Mát-xcơ-va đóng ở ngôi nhà này.

Lúc đó đã tám giờ mà tôi vẫn chưa muốn về nhà. Tôi ngồi rất lâu trong vườn một ngôi nhà nào đó. Từ khu vườn này có thể nhìn thấy cổng trường chúng tôi. Tôi đã vào trong sân mấy lần để xem căn phòng của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp có bật đèn hay không. Nhưng họ nói chuyện trong ánh sáng mập mờ - thầy I-van Pa-vơ-lứt nói, còn Ca-chi-a chỉ nghe và im lặng.

Nhìn vào những cửa sổ tối om kia, trước mắt tôi lại hiện lên một cảnh nói chuyện khác. Thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng khoanh tay trước ngực, đứng ngồi không yên, chốc chốc lại đứng lên đi đi lại lại trong phòng. Bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na ngồi thẳng người, nét mặt thản nhiên, thỉnh thoảng lại đưa bàn tay gày gò lên sửa mái tóc đã được chải chuốt kỹ: "Môn-ti-gô-mô I-a-xtơ-re-bi-nưi Cô-gốt, hồi đó tôi gọi ông ấy như vậy". Bà ngồi trước mặt chúng tôi, hút thuốc lá liên tục, tàn thuốc lá rơi khắp nơi, cả trên đùi bà cũng có. Sắc mặt bà không còn trắng bệch nữa mà là tái mét đi. Bà ngồi đó trầm tĩnh, bất động, chỉ thỉnh thoảng khẽ đưa tay

nâng chuỗi hạt trân châu đeo ở cổ, tựa hồ như chuỗi hạt làm bà nghẹt thở. Bà đang sợ sự thật bởi vì không có sức chịu đựng nổi. Còn Ca-chi-a thì không sợ sự thật, nếu cô biết được sự thật thì mọi việc sẽ rất tốt.

... Đèn đã sáng từ lâu. Tôi nhìn thấy cái bóng dài dài đen đen của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp in trên tấm rèm cửa sổ. Sau đó Ca-chi-a xuất hiện bên cạnh ông, nhưng rồi lại đi ngay mất, hình như cô chỉ nói có một câu dài.

Hiện nay ngoài đường phố đã tối hẳn. Như vậy lại càng hay, bởi vì tôi cứ ngồi mãi trong cái vườn con này và luôn luôn dán mắt vào nhìn cửa sổ kể cũng không tiện lắm.

Bỗng nhiên Ca-chi-a đi từ trong cổng ra có một mình và đủng đỉnh đi về phố Xa-đô-vai-a.

Không nghi ngờ gì nữa, cô đang đi về nhà. Nhưng rõ ràng là cô không vội về nhà, cô đang suy nghĩ điều gì đó trước khi về đến nhà. Cô vừa đi vừa suy nghĩ. Tôi đi theo sau cô. Hình như chỉ có hai chúng tôi đi trong cái thành phố rộng lớn - hoàn toàn chỉ có hai người - Ca-chi-a và sau cô là tôi, nhưng cô không nhìn thấy tôi. Tàu điện rầm rầm đinh tai nhức óc tiến về phía quảng trường, ô-tô rú máy dừng lại trước đèn đỏ. Tôi cảm thấy trong cái cảnh ồn ào náo nhiệt này khó mà nghĩ ngợi điều gì, càng không thể nghĩ cho chín vấn đề tôi đang cần nghĩ! Không thể nghĩ ra được vấn đề gì cần thiết cho tôi, cho Ca-chi-a, cho thuyền trưởng, nếu ông còn sống, cho bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na, nếu bà còn sống, cho tất cả những người đang sống và đã chết.

Chương 9

Tất cả đã được quyết định
Cô ấy dọn đi

Trong căn phòng ở khách sạn, đèn đã sáng tỏ từ lâu, nhưng tôi quên không tắt đèn cho nên trông tôi ở trong gương hơi xanh xao. Tôi cảm thấy rất lạnh, sau lưng cảm thấy như nổi da gà. Tôi nhấc ống nghe điện thoại. Mãi chẳng thấy trả lời. Cuối cùng có tiếng trả lời, tôi biết ngay là tiếng Ca-chi-a.

- Ca-chi-a. Mình đây. Sớm thế này, không can gì chứ?

Cô nói không hề gì, mặc dù vừa mới tám giờ thôi.

- Không làm mất giấc ngủ chứ?

- Không.

Tôi không ngủ đêm đó và tin rằng cô cũng không ngủ lấy một phút.

- Ca-chi-a, mình có thể đến được không?

Cô im lặng một lát.

- Đến đi.

Một cô gái hoàn toàn không quen biết, người mập mạp, tóc vàng tết bím quấn quanh đầu ra mở cửa cho tôi và đỏ mặt lên khi tôi hỏi:

- Ca-chi-a có nhà không?

- Có nhà.

Tôi lao vào và chính mình cũng không biết là đi đâu, tóm lại là đi tìm Ca-chi-a, nhưng cô gái này đóng sập sửa ngay trước mũi tôi và nói đùa:

- Sao thế, đồng chí chỉ huy! Đừng có vội thế.

Rồi cô cười sằng sặc, cười đến đinh tai nhức óc, cười một cách rất bất ngờ, lúc đó không thể không nhận ra cô được nữa.

- Ki-ren!

Ca-chi-a từ phòng ăn đi ra đúng lúc chúng tôi bước qua những cái va-li nhảy bổ vào nhau tí nữa thì ôm chầm lấy nhau, nhưng Ki-ren ngượng quá lùi ngay lại cho nên tôi đành phải bắt tay cô thôi.

- Ki-ren, có đúng cậu đấy không? Ở đâu về thế?

- Chính mình đây. - Ki-ren nói, cười khanh khách. - Có điều, xin đừng có gọi mình là Ki-ren nữa. Bây giờ mình không còn là một con ngốc như xưa nữa.

Chúng tôi lại thân ái nắm tay nhau lắc mạnh... Hình như cô ta ngủ ở nhà Ca-chi-a cho nên cô ta mặc áo ngủ của Ca-chi-a. Khi chúng tôi thu dọn đồ đạc, cái áo này bị đứt mấy cái cúc liền. Ở phòng ngoài có hai cái va-li mở nắp, rồi ở trong phòng ăn cũng có. Chúng tôi xếp vào va-li quần áo, sách vở, dụng cụ gì đó, tóm lại tất cả những thứ gì Ca-chi-a có ở trong ngôi nhà này. Cô ấy đi. Đi đâu? Tôi không hỏi. Cô ấy ra đi. Tất cả đã quyết định rồi. Cô ấy ra đi.

Tôi không hỏi, bởi vì tôi đã biết từng câu trong cuộc nói chuyện với thầy Cô-ra-bơ-li-ốp và từng câu cô ấy nói với Ni-cô-lai An-tô-nứt khi cô ấy về nhà. Ni-cô-lai An-tô-nứt không có mặt trong thành phố, hình như ông ta đi đâu lên tỉnh, lên Vô-lô-cô-lam-xcơ. Nhưng dù sao thì cũng vậy, nếu sau khi ở chỗ thầy Cô-ra-bơ-li-ốp về mà cô tìm được Ni-cô-lai An-tô-nứt, tôi biết từng lời cô sẽ nói với ông ta.

Cử chỉ của cô thật cương quyết, sắc mặt xanh xao, cô đi đi lại lại, nói chuyện tiếng rất to, sắp xếp mọi đồ đạc. Nhưng đây là sự trấn tĩnh của con người sau khi đã bị kích thích, tôi cảm thấy giờ đây không nên nói gì về điều đó. Tôi chỉ bắt tay cô thật chặt và hôn lên tay cô. Cô lặng lẽ siết chặt những ngón tay tôi để trả lời.

Nhưng người hoang mang nhất là bà cụ. Lúc gặp tôi cụ rất nghiêm trang, chỉ gật đầu và kiêu hãnh đi qua bên cạnh tôi. Sau đó cụ đột nhiên quay lại, với vẻ căm thù, cụ nhét vào va-li cái áo cánh.

- Như thế cũng rất tốt. Còn cách nào nữa? Cần phải như thế.

Cụ ngồi trong nhà ăn rất lâu, chẳng làm gì cả, chỉ phê bình chúng tôi xếp va-li. Sau đó cụ bỗng đi ra, hình như chẳng có việc gì, cụ chạy xuống bếp mắng chị giúp việc, vì chị ta mua cái gì đó ít quá.

- Tôi đã bảo nó có tới hàng nghìn lần: hễ thấy dầu gan thì mua, về nhà nó bảo tôi rằng, nó thấy khuỷu sau ngon, nó mua. "Như thế đấy. Vắng mặt bà, tôi không biết có nên mua hay không". Ai mà biết được? Chẳng dứt khoát gì cả. Tôi không chịu được những người như thế.

- Bà ơi, chẳng cần gì cả, - Ca-chi-a nói.

- Chẳng cần? Sao lại như thế được? Cầm lấy.

Về sau cô không chú ý tới những đồ dùng sinh hoạt nữa, cô bắt đầu thở dài, và lén đến tủ buýp-phê uống mấy giọt nước nguyệt quế anh đào. Chốc chốc cô lại chạy ra chỗ vắng người và thầm nhủ không được xúc động. Nhưng những lời thầm nhủ ấy chẳng có tác dụng với cô được bao lâu - cô lại phải chạy đến cái tủ, lại len lén uống thuốc nước nguyệt quế anh đào...

Sắp xếp đồ đạc cho Ca-chi-a chẳng mất mấy thời gian. Cô có rất ít đồ đạc, mặc dù cô đi khỏi nhà, ngôi nhà mà hình như cô đã sống gần cả đời mình. Tất cả mọi cái ở đây đều là của Ni-cô-lai An-tô-nứt. Nhưng những cái của riêng mình, cô cũng không để lại một tí gì, cô không muốn để lại bất cứ một thứ gì có thể gợi cho cô nhớ lại mình đã từng sống ở căn nhà này.

Cô đem đi khỏi nơi đây tất cả - cả thời thơ ấu, cả những thư từ, cả những bức họa đầu tiên của cô, những bức tranh này bà Ma-ri-a Va-xi-li-ép-na đã giữ lại được, cả cuốn "Ê-lê-na Rô-bin-sơn" và cuốn "Những phát hiện mới của thế kỷ" mà tôi đã mượn của cô hồi học lớp ba.

Hồi ở lớp chín tôi đã mượn cô những cuốn sách khác và khi chúng tôi xếp đến những cuốn sách này, cô gọi tôi đến và hơi khép cửa lại.

- Xa-nhi-a, mình muốn tặng cậu những cuốn sách này, - cô nói giọng hơi run run. - Những cuốn sách này của ba, mình bao giờ cũng rất quý nó. Nhưng bây giờ mình muốn tặng nó cho cậu. Ở đây có sách của Nan-xen, có nhiều sổ tay hàng hải và cả sách do ba viết.

Sau đó cô dẫn tôi vào phòng làm việc của Ni-cô-lai An-tô-nứt và lấy bức chân dung của thuyền trưởng treo trên tường xuống, đó là chân dung một nhà hàng hải trán rộng, hàm răng chặt và đôi mắt sinh động long lanh.

- Mình không muốn để lại cho lão, - cô cương quyết nói, tôi mang tấm ảnh sang phòng ăn và thận trọng đặt vào trong một cái gói để giữa gối và chăn.

Đó là vật duy nhất của Ni-cô-lai An-tô-nứt mà Ca-chi-a mang đi theo. Nếu có thể được cô đã đem cả cái kỷ niệm về thuyền trưởng khỏi cái nhà bẩn thỉu này.

Tôi không biết cái la bàn hàng hải bé tí xíu thuộc về ai, cái la bàn trước đây đã làm tôi sửng sốt. Tôi liền nhét nó vào va-li mà không cho Ca-chi-a biết. Dù sao nó cũng thuộc về thuyền trưởng.

Thế là hết. Sau khi chúng tôi thu dọn hết đồ đạc, lấy áo bành tô và chào cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ở phòng ngoài thì nơi đây trở thành một nơi trống rỗng nhất trên trái đất. Cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na ở lại không đi, nhưng cũng không lâu, chờ khi nào Ca-chi-a dọn sang phòng do trường đại học phân cho cô thì cụ cũng sẽ đi.

- Không lâu đâu, - bà cụ trịnh trọng nói, khóc và hôn Ca-chi-a.

Ki-ra bị trượt chân ở cầu thang, cô ngồi lên chiếc va-li để khỏi trượt xuống và cười khanh khách. Ca-chi-a nổi cáu nói: "Ki-ra, ngốc lắm". Tôi đi sau họ, hình như tôi trông thấy Ni-cô-lai An-tô-nứt đang đi trên cầu thang này, bấm chuông và im lặng nghe xem bà cụ nói gì với ông. Bàn tay run run, ông ta sờ cái đầu hói và đi về phòng làm việc, đôi chân bước đi một cách máy móc hình như chỉ sợ ngã. Trong ngôi nhà trống trải này chỉ có một mình ông ta.

Nhưng ông ta cũng đoán biết rằng, Ca-chi-a sẽ không bao giờ trở về đây nữa.

Chương 10

Tại ngõ Xip-xép Vra-giéc

Trước kia đây chỉ là một ngõ cong queo, bình thường nhất ở Mát-xcơ-va, cũng giống như cái quảng trường Xô-ba-tri mà Pê-chi-a đã ở hồi nào. Nhưng khi Ca-chi-a dọn đến ở ngõ Xíp-xép Vra-giéc thì từ đó trở đi nó lại thay đổi lạ thường. Chính vì nó trở thành cái ngõ mà Ca-chi-a ở cho nên nó không còn giống bất cứ một ngõ nào khác ở Mát-xcơ-va. Ngay như tên ngõ, trước đây cứ nhắc đến là tôi buồn cười, giờ đây cũng trở nên có ý nghĩa sâu xa và hình như tất cả đều có liên quan đến Ca-chi-a, đều có cái "vẻ Ca-chi-a"...

Ngày nào tôi cũng đến ngõ Xíp-xép Vra-giéc. Hôm ấy Ca-chi-a và Ki-ra chưa về nhà, bà mẹ Ki-ra tiếp tôi và nói chuyện với tôi. Đó là một bà mẹ tuyệt diệu, một diễn viên ngâm thơ. Bà thường ngâm những tác phẩm cổ điển ở các câu lạc bộ ở Mát-xcơ-va. Bà người nhỏ bé, tóc đã điểm hoa râm và giàu tính lãng mạn chẳng giống Ki-ra một tí nào. Bà nói về việc gì cũng rất nhiệt tình, khiến cho người ta hễ gặp là biết ngay bà rất yêu văn học. Điều này cũng chẳng giống Ki-ra tí nào, nhất là khi nhớ lại hồi xưa Ki-ra phải vất vả lắm mới đọc xong "Đu-brốp-xki", mà vẫn còn yên trí rằng rốt cuộc "Ma-sa đã lấy Đu-brốp-xki".

Có khi chúng tôi đã nói chuyện với bà mẹ này đến hai tiếng đồng hồ, nhưng đáng tiếc là chỉ toàn nói về bà Vác-va-ra Ra-bi-nô-vích nào đó. Bà này cũng là một diễn viên kể chuyện, nhưng rất nổi tiếng. Lúc đầu bà mẹ Ki-ra định đến xin học bà này, nhưng sau bà lại bỏ ý định ấy, bởi vì bà Vác-va-ra lúc tiếp bà cứ "vênh mặt" lên.

Sau đó Ca-chi-a về. Thầy I-van Pa-vơ-lứt đã nói đúng, tôi chưa hiểu cô. Sở dĩ như vậy không phải vì tôi không hiểu nhiều sự kiện trong cuộc sống của cô, - ví dụ như năm ngoái đội địa chất của cô (cô là đội trưởng một đội thăm dò địa chất) tìm thấy ở miền nam U-ran một cái mỏ rất giàu trữ lượng vàng, hay là việc những tấm ảnh của cô đã chiếm giải nhất trong cuộc triển lãm ảnh nghiệp dư, mà chính là tôi không hiểu tinh thần cương quyết, tính thẳng thắn, thái độ công bằng và thông minh của cô đối với cuộc đời, - nghĩa là tất cả những cái mà thầy Cô-ra-bơ-li-ốp gọi một cách thán phục là "tâm hồn nghiêm túc, đĩnh đạc". Tôi cảm thấy cô già dặn hơn tôi rất nhiều - đặc biệt khi cô nói chuyện về nghệ thuật, những năm gần đây tôi đã lạc hậu về mặt này rất xa. Nhưng cũng có khi bỗng nhiên cô lại trở lại như Ca-chi-a cũ, cô Ca-chi-a say mê với thuốc nổ và hết sức xúc động vì "Phéc-đi-nan Coóc-tét mang theo những lời chúc mừng tốt đẹp của người Tơ-lắc-xca-lan lên đường và chỉ vài ngày sau đã tới Hô-nô-lu-lu". Tôi sực nhớ đến Phéc-đi-nan Coóc-tét, khi tôi xem bức ảnh Ca-chi-a cưỡi ngựa, mặc quần dài và đi đôi giày ống dài của nam giới, vai đeo khẩu súng các-bin, đầu đội mũ rộng vành. Cô đã trở thành một nhà thăm dò địa chất! Nếu thuyền trưởng trông thấy tấm ảnh này, nhất định ông sẽ rất hài lòng.

Mấy ngày đã trôi qua như vậy, chúng tôi vẫn chưa nói gì đến chuyện xảy ra sau lần gặp nhau hôm trước, mặc dù sự việc đã rất nhiều. Nếu nói về những chuyện này, hình như có thể nói suốt đời được. Hình như chúng tôi cảm thấy trước hết nên nhớ

lại nhau một cách kỹ càng đã. Không có một lời nào về Ni-cô-lai An-tô-nứt, về Rô-ma-sốp, về việc tôi đã có lỗi đối với cô. Nhưng việc đó không phải dễ dàng, bởi vì hầu như tối nào bà cụ cũng đến ngõ Xíp-xép Vra-giéc.

Thoạt đầu bà đến rất trang trọng, rất khách khí. Bà mặc cái váy áo chiết li và toàn kể lại những chuyện cũ - lúc đó Ni-cô-lai An-tô-nứt chưa về. Bà kể chuyện về người bạn gái của bà. Bà này đi lấy một ông chồng "cố đạo đã cắt tóc ngắn", ông cố đạo này đã phát tài. Về sau có một hôm ông ta lên bục giảng và nói: "Hỡi các công dân, giờ đây tôi tin tưởng chắc chắn rằng không có Chúa". Tôi không hiểu bà cụ kể lại câu chuyện này là có ý gì - có lẽ bà cụ đã phát hiện ra giữa lão cha cố này và Ni-cô-lai An-tô-nứt có chỗ nào đó giống nhau.

Rồi một hôm bà cụ chạy đến hoang mang và thì thầm nhưng lại rất to: "Về rồi!"

Nói xong cụ liền đóng ngay cửa ở trong đó với Ca-chi-a. Lúc ra về cụ hầm hầm nói:

- Sống với người đời cũng cần phải có chiến thuật.

Ca-chi-a không trả lời, chỉ im lặng, trầm ngâm rồi hôn cụ lúc chia tay.

Ngày hôm sau bà cụ đến tay cầm cái dù, khóc đỏ mắt lên, vẻ mệt mỏi, cụ ngồi ở phòng ngoài.

- Ốm rồi, - cụ nói. - Tao đã đi gọi đốc tờ cho ông ấy. Nhưng ông ấy lại đuổi người ta đi. Ông ấy nói: "Tôi đã cống hiến cả đời mình cho cô ấy và cô ấy đền ơn tôi như thế đấy".

Bà cụ hạ giọng:

- Ông ấy nói "Đây là người cuối cùng giúp cho tôi sống. Bây giờ thì hết". Toàn là những câu đại loại như vậy.

Rõ ràng là tất cả chưa phải đã hết, bởi vì sau đó Ni-cô-lai An-tô-nứt đã khỏe lại, tuy bệnh tim trầm trọng quả có bắt lão phải

nằm trên giường mấy ngày. Lão gọi Ca-chi-a đến. Nhưng cô không đến. Tôi nghe cô nói với cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na:

- Bà ạ, ông ấy ốm đau hay khỏe mạnh, sống hay chết, cháu đều không muốn gặp. Bà hiểu chứ?

- Hiểu rồi, - cụ Ni-na Ca-pi-tô-nốp-na đáp. - Bố nó ngày xưa cũng thế đấy, - trước khi ra về bà cụ nói với bà mẹ Ki-ra như vậy. - Làm sao mà uốn nắn được nó - ừ ừ. Có ném nó xuống dưới bánh xe lửa cũng vô ích! Thật là kẻ cuồng tín!

Nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt đã khỏe hẳn và bà cụ cũng phấn khởi. Giờ đây mỗi ngày bà cụ đến hai lần - do đó chúng tôi thường xuyên được biết những tin tức mới nhất về Ni-cô-lai An-tô-nứt và về Rô-ma-sốp. Nhưng có một lần Ca-chi-a cũng nhắc đến Rô-ma-sốp.

- Nó đến chỗ mình làm việc, - cô nói vắn tắt, - nhưng mình nhờ người ta nói hộ là mình không có thì giờ và sẽ không bao giờ có thì giờ.

- ... Họ đang viết thư, - có một lần bà cụ báo tin. - Toàn là nói về phi công G., phi công G. Có lẽ lần này lại mật báo gì đó. Thằng cha cố đạo non ấy bực phát điên lên. Còn Ni-cô-lai An-tô-nứt thì im lặng. Người ông ta phù sũng lên, ngồi im không nói một lời. Choàng cái khăn của tao ngồi đó...

Va-li-a có đến Xíp-xép Vra-giéc mấy lần. Lúc đó mọi người đều bỏ công việc của mình đấy, ngừng nói chuyện để xem cậu ta ve vãn Ki-ra. Cậu ta đang ve vãn Ki-ra rất đúng qui cách và rất tự tin rằng không ai nghi ngờ việc này được.

Cậu ta lấy hoa tươi cắm vào lọ đem tặng Ki-ra - bao giờ cũng chỉ có mấy loại hoa, căn phòng của cô biến thành một cái vườn ươm nhỏ những loại hoa hồng trà và hoa thảo anh. Cậu ta nhìn tôi và Ca-chi-a, lúc đó trông cậu ta như nửa tỉnh nửa mê. Chỉ khi cậu ta nhìn Ki-ra và đôi khi nhìn bà mẹ Ki-ra, cậu mới là người

tỉnh táo. Cậu cũng tặng bà mẹ Ki-ra tặng phẩm, ví dụ như có lần cậu tặng bà cuốn "Nhà kể chuyện" in năm 1917.

Có khi cậu phấn khởi lên, cậu kể chuyện vui về đời sống của loài chuột hoặc loài dơi.

Muốn làm cho Ki-ra cười chẳng có khó khăn gì...

Những buổi tối ở ngõ Xíp-xép Vra-giéc trôi qua như vậy. Đó là những buổi tối cuối cùng trước khi tôi trở lại miền Bắc.

Tôi có rất nhiều công việc bận rộn: không thể nói rằng đề nghị của tôi tổ chức việc đi tìm đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp đã được hoan nghênh nhiệt liệt, hay là tôi làm không nổi?

Tôi đã viết một bài báo: bài gửi cho tạp chí "Hàng không dân dụng", tôi nói về phương pháp cố định máy bay trong bão tuyết; bài gửi cho báo "Sự thật" viết về những cuốn nhật ký của người hoa tiêu, và một bản báo cáo gửi cho Tổng cục đường Hàng không Bắc cực. Mấy ngày sau, đúng vào hôm trước ngày tôi lên đường, tôi phải đến báo cáo ở Đại hội thường kỳ của Hội Địa lý học về vấn đề tình hình trôi giạt của chiếc tàu buồm "Xanh Ma-ri". Đây là bản báo cáo tổng hợp chủ yếu nhất.

Có một lần, tôi về đến khách sạn đã quá mười hai giờ đêm, lòng rất phấn khởi. Tôi đến gặp ông thường trực để lấy chìa khóa, ông ta bảo:

- Anh có thư.

Ông ta đưa cho tôi bức thư và tờ báo.

Bức thư rất ngắn: thư ký Hội Địa lý học báo tin cho tôi, vì tôi không viết báo cáo thành văn bản gửi đến đúng thời hạn cho nên buổi báo cáo không thể tiến hành được. Tôi vừa cầm tờ báo vào tay thì tự nó đã mở ra theo vết gấp. Đầu đề bài báo là "Để bảo vệ một nhà bác học". Tôi bắt đầu đọc bài báo ấy, và những dòng chữ hòa thành một khối trước mắt tôi.

Chương 11

Một ngày bận rộn

Những điều đã viết trong bài báo này như sau:

1. Ở Mát-xcơ-va có một vị giáo sư, một nhà sư phạm và nhà hoạt động xã hội nổi tiếng tên là N.A. ta-ta-ri-nốp, tác giả của hàng loạt bài viết về lịch sử chinh phục và khai phá Bắc cực.

2. Có một phi công tên là G. hiện đang chạy đến các cơ quan nghiệp vụ Bắc cực, dùng mọi thủ đoạn để bôi nhọ nhà bác học tôn kính này, quả quyết rằng giáo sư Ta-ta-ri-nốp cướp đoạt(!) cuộc thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp, người em họ của mình.

3. Tên phi công G. này còn dự định đọc một bản báo cáo, rõ ràng hắn cho rằng việc vu khống này của hắn là một thành tựu lớn về mặt khoa học.

4. Ban phụ trách Tổng cục tuyến đường Hàng không Bắc cực phải đặc biệt chú ý đến con người này, bởi vì hành vi của hắn đã bôi nhọ danh dự gia đình các nhà công tác Bắc cực Xô Viết.

Bài báo được ký tên "I.Crư-lốp" và tôi lấy làm ngạc nhiên, tại

sao Bộ biên tập tòa báo lại có lòng tốt dùng tên của một người vĩ đại để ký cho một bài báo như thế này. Tôi không nghi ngờ gì cả, chính Ni-cô-lai An-tô-nứt đã viết bài báo này, - đó cũng chính là "bức thư" mà bà cụ đã nói ra. Tờ báo đã được gửi bằng đường dây bưu điện đến cho tôi.

"Khỉ thật, nếu như không phải lão ta? - Lúc đó đã ba giờ sáng, tôi cứ đi đi lại lại hoài và suy nghĩ. - Đây là bức thư của Hội Địa lý học gửi đến - cũng không nghi ngờ gì nữa, đây cũng là của lão. Vả lại thầy Cô-ra-bơ-li-ốp cũng là hội viên của Hội này, ông còn trách tôi là tôi đã nói cho thằng Rô-ma-sốp biết về bản báo cáo của mình. Bài báo này cũng là do lão viết! Lão đang hoảng. Ca-chi-a đi rồi và lão hoảng".

Tôi hình dung lão ta ngồi choàng cái khăn của bà cụ và im lặng, còn thằng Rô-ma-sca đang nói những câu thô bỉ với lão. Điều này rất có thể xảy ra!

"... Điều họ ít muốn nhất là Tổng cục đường Hàng không Bắc cực gọi tôi lên và yêu cầu tôi giải thích! Mà hiện nay tôi lại đang muốn đạt được điều này...." Tôi nằm trên giường suy nghĩ về việc này. "Hành vi của hắn đã làm nhục..." Hành vi như thế nào? Tôi chưa hề nói với ai về lão. Họ hy vọng rằng tôi sẽ phải lùi, sẽ sợ...

Rất có thể, nếu không có bài báo này, tôi đã đi khỏi Mát-xcơ-va mà chẳng làm việc gì cho Thuyền trưởng cả. Nhưng bài báo đã thúc tôi. Giờ đây tôi phải hành động và càng nhanh càng tốt.

Không nên nghĩ rằng lúc đó tôi cũng bình tĩnh như bây giờ hồi tưởng lại những sự việc này. Mấy lần tôi phát hiện mình có những ý nghĩ khá dã man, những ý nghĩ ấy Cục Điều tra hình sự hiểu rõ ràng nhất. Nhưng chỉ cần nhớ đến Ca-chi-a và những lời cô nói: "Ốm đau hay khỏe mạnh, sống hay chết, cháu đều không muốn gặp" - thế là mọi việc lại đâu vào đấy. Ngay bản thân tôi,

tôi cũng rất lấy làm ngạc nhiên sao mình có thể nói năng và hành động bình tĩnh như vậy trong cái ngày bận rộn này.

Ngay từ sáng sớm tôi đã đặt xong kế hoạch - rất đơn giản, nhưng qua bản kế hoạch này cũng thấy rõ là tôi rất ngán việc phải đi gặp các văn thư, thư ký.

1. Đến báo "Sự thật". Dù sao tôi cũng cứ phải đến tòa báo "Sự thật", bởi vì trước khi đi tôi phải nộp một bài báo tôi hứa viết.

2. Đến ông TR.

Ý nghĩ này - đến ông TR. đến ông TR. Nổi tiếng, trước kia là anh hùng của Trường Hàng không Lê-nin-grát, sau đó trở thành anh hùng toàn Liên bang, cả nước đều biết và đều yêu mến ông - tôi đã nghĩ từ hồi đêm, nhưng lúc đó tôi thấy ý nghĩ đó táo bạo quá. Gọi dây nói cho ông có tiện không? Liệu ông có còn nhớ tôi không? Hồi tôi còn là học viên phi công, chúng tôi đã chia tay nhau rồi!

Nhưng giờ đây tôi đã quyết định - có sao đâu, dù cho ông không nhớ tôi, chắc ông cũng không từ chối việc gặp tôi.

Tôi không biết ai đến nghe điện thoại, có lẽ bà vợ.

- Tôi là phi công Gri-gô-ri-ép.

- Vâng.

- Tôi rất muốn được gặp đồng chí TR., - tôi gọi ông bằng tên và tên đệm. - Tôi từ Da-pô-li-a-ri-e về và do đó mà rất cần...

- Thế thì mời anh đến.

- Khi nào ạ?

- Tốt nhất là hôm nay, mười giờ thì ông ấy ở sân bay về...

Tôi đã đến tòa báo "Sự thật", lần đó tôi phải chờ vị phóng viên của tôi đến hai tiếng đồng hồ. Cuối cùng ông ta ra.

- A, phi công G. đấy à? - Ông nói rất niềm nở. - Có phải anh đã làm nhục người khác không?

- Đúng hắn đấy.

- Tại sao lại như thế?

- Xin cho tôi được giải thích, - tôi bình tĩnh nói.

Đó là cuộc nói chuyện rất nghiêm túc ở trong phòng làm việc của biên tập viên phụ trách. Trong khi nói chuyện, tôi lần lượt đặt lên bàn những văn kiện sau đây:

a) Bức thư cuối cùng của thuyền trưởng (bản sao).

b) Bức thư của người hoa tiêu bắt đầu bằng câu: "Trước hết tôi xin báo tin để bà biết, ông I-van Li-vô-vích hãy còn sống và khỏe mạnh" (bản sao).

c) Những cuốn nhật ký của người hoa tiêu.

d) Bài ghi câu chuyện của người thợ săn I-van Vưn-ca, có chữ ký xác nhận của bác sĩ I-van I-va-nứt.

e) Bài ghi câu chuyện của Vư-si-mia-ski, có chữ ký xác nhận của thầy giáo Cô-ra-bơ-li-ốp.

g) Tấm ảnh chụp cái câu liêm bằng đồng thau trên có khắc chữ "Tàu "Xanh Ma-ri"".

Buổi nói chuyện này hình như rất có kết quả, bởi vì có một đồng chí trông rất nghiêm nghị bắt tay tôi rất chặt, còn một đồng chí khác nói rằng trong số báo "Sự thật" gần đây nhất sẽ đăng bài của tôi về tình hình của chiếc tàu "Xanh Ma-ri".

Từ tòa báo "Sự thật" đến nhà đồng chí TR. ít nhất cũng đến sáu ki-lô-mét, nhưng đi được nửa đường tôi mới nhớ ra là có thể đi xe điện được. Tôi bay nhảy như điên và nghĩ giờ đây nên kể lại như thế nào cho ông ấy nghe về cuộc nói chuyện của tôi ở tòa báo "Sự thật".

Và đây tôi đã bước lên cầu thang, trên chiếc cầu thang sạch sẽ của một ngôi nhà mới, tôi dừng lại trước cửa và lau mặt - nóng quá - và cố gắng bắt óc từ từ nghĩ về một điều gì đó - đó là biện pháp tốt nhất để ngăn sự xúc động.

Cửa mở. Tôi xưng tên và nghe thấy tiếng trầm trầm ở phòng bên cạnh, tiếng "o" của ông rất nặng.

- Ai hỏi tôi đấy?

Thế là người mà chúng tôi quí mến từ thời thơ ấu và cứ mỗi năm trôi qua, chúng tôi lại càng quí mến hơn, người mà chúng tôi chưa được nhìn tận mắt, mới chỉ được nghe về những chuyến bay thiên tài của ông càng ngày càng được mọi người yêu mến, chính người đó đã ra đón tôi và chìa bàn tay chắc nịch cho tôi bắt.

- Xin chào đồng chí TR., - tôi nói và gọi ông bằng tên và tên đệm, - có lẽ đồng chí không còn nhớ tôi. Tôi là Gri-gô-ri-ép. Chúng ta đã gặp nhau ở Lê-nin-grát, hồi đó tôi còn là học viên phi công.

Ông im lặng. Sau đó ông rất phấn khởi nói:

- Sao lại không nhớ! Thật là một con đại bàng! Tôi nhớ!

Chúng tôi đi vào phòng làm việc của ông. Tôi bắt đầu kể chuyện, tôi càng cảm động hơn bởi vì hình như ông còn nhớ tôi đã...

Chính trong cuộc gặp mặt này, ông TR. đã tặng tôi một tấm ảnh có ghi hàng chữ: "Nếu đã làm người - phải làm người giỏi nhất". Ông nói tôi thuộc loại người "có vé tàu đi xa". Sau khi nghe tôi kể xong, ông nói ngày mai ông sẽ gọi dây nói cho Tổng cục trưởng Tổng cục tuyến đường Hàng không Bắc cực để nói về vấn đề dự án của tôi.

Chương 12

Rô-ma-sca

Mười hai giờ đêm tôi chia tay đồng chí TR. Về nhà. Đối với một người khách như vậy là quá khuya. Thế mà vẫn có một người khách đang chờ tôi, thật ra đó là một vị khách không mời mà đến, nhưng dù sao cũng là khách.

Người thường trực nói với tôi:

- Có người tìm anh.

Rô-ma-sca đứng dậy ra gặp tôi.

Cần phải nói rằng, lần này không phải chỉ chuẩn bị tinh thần đến gặp tôi mà nó còn chuẩn bị cả thân thể nữa, bởi vì chưa bao giờ tôi nom thấy nó ăn mặc sang như vậy. Nó mặc cái áo bành tô màu thép xanh rất rộng, đầu đội mũ mềm, không phải nó đội mà là đặt trên cái đầu to quá khổ của nó... Từ người nó tỏa ra mùi nước hoa nhè nhẹ.

- À, Rô-ma-sca, - tôi vui vẻ nói. - Chào cậu, Cú mèo!

Hình như nó giật mình về câu chào hỏi ấy.

- À, ừ, cú mèo - nó cười nói. - Mình quên bẵng đi mất, họ đã

gọi mình như thế hồi ở trường. Nhưng thật kỳ lạ, cậu còn nhớ những cái biệt hiệu hồi còn đi học ấy!

Nó cũng cố gắng nói cho có vẻ tự nhiên.

- Mình ấy à, anh bạn ạ, mình nhớ hết. Cậu đến tìm mình?

- Nếu như cậu không bận.

- Không bận gì cả, - tội nói. - Hoàn toàn rỗi rãi.

Lúc lên thang máy, nó cứ chăm chú nhìn tôi suốt: xem ra nó đang đoán xem tôi có say rượu hay không, nếu tôi say rượu nó có thể lợi dụng được gì trong việc này. Nhưng tôi không say - tôi chỉ uống có một cốc rượu vang để chúc sức khỏe người phi công vĩ đại và người bạn già của tôi thôi...

- Cậu ở đây à, - nó nói khi tôi mời nó ngồi xuống chiếc ghế bành một cách lịch sự. - Buồng tốt lắm.

- Không sao.

Tôi chờ xem nó hỏi gì, tưởng nó sẽ hỏi tôi phải trả bao nhiêu tiền thuê buồng. Nhưng nó không hỏi.

- Nói chung đây là một khách sạn tốt, - nó nói, - không kém gì "Mê-trô-pôn".

- Có lẽ.

Nó hy vọng tôi sẽ bắt đầu câu chuyện trước. Nhưng tôi ngồi bắt chân chữ ngũ, hút thuốc lá và chăm chú nghiên cứu kỹ "Bản nội qui đối với khách trọ", đặt dưới tấm kính trên bàn làm việc. Lúc đó nó thở dài một cách khoan khoái rồi bắt đầu nói.

- Xa-nhi-a này, chúng mình cần bàn với nhau về rất nhiều vấn đề, - nó nghiêm nghị nói. - Hình như chúng ta đều là những người rất có văn hóa để thảo luận và giải quyết mọi vấn đề một cách hòa bình. Có phải thế không?

Rõ ràng là nó chưa quên, có lần tôi đã giải quyết "tất cả mọi

vấn đề" bằng phương pháp không hòa bình lắm. Nhưng càng nói giọng nó càng trở nên cứng rắn hơn.

- Mình không biết những nguyên nhân trực tiếp nào đã khiến cho Ca-chi-a thình lình bỏ nhà ra đi. Nhưng mình có quyền hỏi: những nguyên nhân này có liên quan gì đến sự xuất hiện của cậu ở đây không?

- Về vấn đề này, cậu hãy đi hỏi Ca-chi-a ấy, - tôi bình tĩnh trả lời.

Nó im lặng. Tai nó đỏ lên, mắt nó bỗng trở nên điên dại, trán căng ra. Tôi nhìn nó thấy thú vị.

- Nhưng theo mình biết, - nó lại bắt đầu nén giọng nói, - cô ấy cùng đi với cậu.

- Hoàn toàn đúng. Thậm chí mình còn giúp cô ấp sắp xếp đồ đạc.

- Thế à, - nó nói giọng khàn khàn. Một mắt nó gần như nhắm lại, còn mắt kia xếch lên - trông thật đến kinh. Lần đầu tiên tôi nom thấy nó như vậy.

- Thế à, - nó lại nhắc lại.

- Ừ, như thế đấy.

- Phải.

Chúng tôi im lặng.

- Này, - nó lại bắt đầu nói. - Lần trước tại buổi lễ kỷ niệm của thầy Cô-ra-bơ-li-ốp, chúng mình nói chuyện với nhau nhưng chưa nói hết. Mình phải nói với cậu rằng, trên những nét chung mình có biết ít nhiều về câu chuyện đội thám hiểm của tàu "Xanh Ma-ri". Cũng như cậu, mình cũng rất quan tâm đến đội thám hiểm này, có điều quan điểm của mình có lẽ hơi khác quan điểm của cậu.

Tôi không trả lời gì. Tôi thừa biết quan điểm này của nó.

- Ngoài ra hình như cậu rất muốn biết ông Ni-cô-lai An-tô-nứt đã đóng vai trò gì trong cuộc thám hiểm này. Hay ít nhất mình cũng có thể phán đoán được qua cuộc nói chuyện này.

Không phải chỉ có thể phán đoán qua câu chuyện của chúng tôi. Nhưng tôi không bác lại nó. Tôi vẫn chưa hiểu, hiện nay nó ngả về phía nào.

- Mình nghĩ, về vấn đề này mình có thể giúp cậu được nhiều.

- Thật không?

- Thật.

Nó bỗng nhảy bổ đến chỗ tôi. Theo bản năng tôi nhảy lên nấp vào đằng sau ghế bành.

- Cậu nghe mình đây, cậu nghe mình nói đây - nó lắp bắp, - mình biết những điều đó của lão! Mình biết cái trò ấy! Mình có tang chứng đây, nếu biết cách làm thì lão ta sẽ lôi thôi. Cậu cho rằng lão là người như thế nào?

Nó đã nhắc lại câu này đến ba lần, xích lại sát người tôi, đến nỗi tôi phải nắm lấy vai nó, khẽ đẩy nó lùi lại phía sau. Nhưng nó lại không nhận thấy như vậy.

- Những trò mà chính lão ta đã quên rồi, - Rô-ma-sốp nói tiếp, - thì lại có giấy trắng mực đen.

Tất nhiên nó nói về những giấy tờ mà nó lấy được của Vư-si-mia-xki.

- Mình biết, vì sao các ngài cãi nhau. Cậu nói rằng lão ta ăn cắp của đội thám hiểm, và lão ta đã đuổi cậu ra. Nhưng điều đó là sự thật. Cậu đã đúng.

Lần thứ hai tôi nghe thấy nó thừa nhận như vậy, nhưng hiện

nay nó không làm cho tôi hài lòng lắm. Tôi chỉ làm ra vẻ ngạc nhiên nói:

- Cậu làm sao thế?

- Chính lão ta! - Rô-ma-sca nhắc lại với vẻ say mê đê tiện. - Mình sẽ giúp cậu. Mình sẽ đưa cho cậu tất cả, tất cả bằng chứng. Rồi lão ta sẽ phải ba chân bốn cẳng chạy khỏi nơi đây.

Đáng lẽ cần phải im lặng, nhưng tôi không kìm được nên đã hỏi:

- Cậu cần bao nhiêu tiền?

Nó nghĩ lại, và nói:

- Tùy ý cậu, thế nào cũng được. Nhưng mình chỉ đề nghị cậu có một điều: đề nghị cậu đi khỏi nơi đây.

- Đi một mình?

- Ừ.

- Hay thật. Nghĩa là nói một cách khác là cậu đề nghị mình từ bỏ cô ấy?

- Mình yêu cô ấy, - nó nói gần như ngạo mạn.

- À, cậu yêu cô ấy! Điều đó thú vị thật. Cậu còn mong chúng mình từ nay về sau không trao đổi thư từ gì với nhau nữa, có đúng thế không?

Nó im lặng.

- Cậu chờ một lát, mình quay lại ngay, - tôi nói và đi ra.

Bà quản lý tầng góc đang ngồi bên cạnh cái bàn con ở phòng ngoài; tôi đề nghị bà cho tôi gọi dây nói. Trong khi nói chuyện, tôi luôn luôn nhìn sang hành lang, xem Rô-ma-sca có đi ra không. Nhưng nó không đi ra - có lẽ nó không ngờ tôi đang gọi dây nói cho một người nào đó.

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt? Tôi là Gri-gô-ép đây. - Ông ta hỏi

lại. Có lẽ ông ấy tưởng nghe lầm. - Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - tôi nói lịch sự, - xin lỗi, khuya khoắt thế này tôi còn làm phiền ông. Có một vấn đề tôi rất cần gặp ông.

Ông ta im lặng.

- Thế thì mời anh đến nhà tôi, - cuối cùng ông ta nói.

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt! Lần này chúng ta không nên nói ai đến thăm ai. Ông hãy tin tôi, đây là việc rất quan trọng không phải quan trọng đối với tôi, mà là đối với ông.

Ông ta im lặng và tôi nghe thấy tiếng ông ta thở.

- Khi nào? Hôm nay tôi không đi được.

- Không, chính là hôm nay. Ngay bây giờ. Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - tôi nói to, - ông hãy tin tôi, dù chỉ một lần này trong đời thôi cũng được. Ông hãy đến ngay đi. - Tôi bỏ máy xuống.

Ông ta không hỏi tôi ở buồng số mấy. Nhân tiện cũng xin nói một điều, qua việc này cũng có thể chứng minh thêm được một bước, tờ báo có đăng bài "Để bảo vệ một nhà bác học" chính là do lão ta gửi cho tôi. Nhưng giờ đấy tôi cũng chẳng cần để ý đến việc vặt ấy nữa. Tôi quay lại chỗ Rô-ma-sca.

Tôi không nhớ rõ có bao giờ tôi lại nói dối và tháo vát như hai mươi phút trước khi Ni-cô-lai An-tô-nứt đến, như thế hay không. Tôi giả vờ tỏ ra rằng trước kia tôi hoàn toàn không thích Ni-cô-lai An-tô-nứt, cố ý thăm dò xem đó là những giấy tờ gì và nói bằng giọng mũi một cách ranh mãnh rằng tôi không thể đi đâu không có Ca-chi-a đi cùng. Đúng lúc đó có tiếng gõ cửa, tôi nói to:

- Mời vào!

Ni-cô-lai An-tô-nứt đi vào, không chào hỏi, dừng lại bên cạnh cửa.

- Xin chào ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - tôi nói.

Tôi không nhìn Rô-ma-sca, sau đó tôi nhìn nó: nó ngồi ở tận góc ghế, rụt đầu xuống hai vai, lo lắng nghe ngóng, đúng là con cú mèo, nhưng còn đáng sợ hơn cả cú mèo.

- Đây, ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - tôi nói tiếp rất bình tĩnh, - không còn nghi ngờ gì nữa, ông chắc biết vị công dân này. Đây là Rô-ma-sốp, người học trò yêu quí và người trợ lý của ông, và nếu tôi không lầm thì chỉ kém mấy phút nữa các người sẽ trở thành những người thân thích của nhau. Mục đích tôi mời ông đến là để chuyển tới ông một cách khái quát nội dung cuộc nói chuyện của chúng tôi.

Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn đứng bên cạnh cửa - đứng rất thẳng, thẳng một cách lạ lùng, mình mặc áo bành tô, tay cầm mũ. Sau đó ông đánh rơi cả mũ.

- Vị Rô-ma-sốp này, - tôi nói tiếp, - đến chỗ tôi cách đây một giờ rưỡi, có đề nghị những điểm như sau: anh ta đề nghị tôi sử dụng những chứng từ để chứng minh, thứ nhất ông đã cướp đoạt của cải của đội thám hiểm của thuyền trưởng Ta-ta-ri-nốp. Thứ hai, trước kia ông còn những hành vị khách mà ông chưa nhắc đến trong bản kiểm tra.

Đó chính là lúc ông ta đánh rơi cái mũ khỏi tay.

- Tôi có ấn tượng như thế này, - tôi tiếp tục nói, - món hàng này hắn bán không phải lần đầu. Tôi không biết, có thể là tôi lầm.

- Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt! - Rô-ma-sca bỗng hét lên. - Đó toàn là nói láo. Đừng có tin nó. Nó nói láo.

Tôi chờ một lát, chờ cho nó ngừng hò hét rồi mới nói.

- Tất nhiên, bây giờ việc này không còn giá trị nữa, - tôi nói tiếp, - bây giờ việc này chỉ là mối quan hệ của các vị. Nhưng ông có ý thức...

Tôi cảm thấy từ lâu, trên mặt mình đang có một dòng máu đang nhảy nhót, nhưng tôi không thích cái đó, bởi vì tôi đã thầm hứa với mình là nói chuyện với họ phải hết sức bình tĩnh.

- Nhưng ông đã có ý thức muốn cho con người này trở thành người chồng của Ca-chi-a. Ông đã khuyên nhủ cô ấy - tất nhiên là từ tư tưởng đê tiện - bởi vì ông đã sợ hắn. Nhưng giờ đây hắn đã đến chỗ tôi và nói: "Lão ta sẽ vắt chân lên cổ mà chạy khỏi nơi đây".

Hình như bỗng tỉnh người ra, Ni-cô-lai An-tô-nứt bước lên một bước và nhìn chằm chằm vào Rô-ma-sca. Ông ta nhìn nó lâu, rất lâu đến nỗi tôi cảm thấy khó mà chịu đựng nổi cảnh im lặng căng thẳng này.

- Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt. - Rô-ma-số lại lắp bắp nói khẽ.

Ni-cô-lai An-tô-nứt vẫn cứ nhìn. Nhưng sau ông ta cũng nói khiến tôi rất đỗi ngạc nhiên là giọng ông ta rất đau khổ, rất bi ai.

- Anh mời tôi đến đây để làm gì? - Ông ta hỏi. - Tôi đang ốm, nói cũng khó khăn. Anh muốn để tôi tin rằng nó là một thằng đê tiện. Đối với tôi, đây không phải là điều gì mới mẻ. Anh lại muốn giết tôi, nhưng anh không có đủ sức để làm hơn những gì anh đã làm và cũng không sửa chữa được nữa đâu. - Ông ta thở dốc. Quả thật tôi thấy ông ta nói rất khó khăn.

- Hãy để cho lương tâm cô ta phán xử, - ông ta tiếp tục nói khẽ, nhưng với thái độ hung ác, khác thường, - vì cô ấy tin ở những lời vu khống đê tiện, bức hại cả đời tôi, ra đi mà chẳng nói với tôi một lời.

Tôi im lặng. Rô-ma-sca tay run run rót cốc nước đem ra cho ông ta.

- Thầy Ni-cô-lai An-tô-nứt, - nó nói lắp bắp, - thầy không nên xúc động.

Nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt gạt tay nó ra một cái rất mạnh, nước sóng hết cả xuống thảm.

- Tôi không nhận, - ông nói và bỗng dưng bỏ kính ra, bóp chặt trong tay. - Tôi không nhận những lời chê trách cũng không tiếp nhận lòng thương hại. Đây là công việc của cô ấy. Đấy là số phận riêng của cô ấy. Tôi chỉ cần mong cho cô ấy một điều duy nhất là hạnh phúc. Nhưng còn sự tưởng nhớ của tôi đối với em tôi thì tôi không trao cho ai hết, - ông nói giọng khàn khàn, cái mặt cau có, phù sũng với đôi môi dày. - Tôi đành cam chịu sự giày vò này dù cho đến chết cũng được, bởi vì đã từ lâu tôi không cần cuộc sống này nữa rồi. Nhưng đã không có chuyện như vậy thì tôi kiên quyết phủ nhận những lời buộc tội đáng sợ, nhục nhã này. Nếu cho rằng một nhân chứng không đủ, anh có thể mang hàng nghìn nhân chứng giả tạo nữa đến cũng không sao, dù sao cũng không có ai có thể tin được rằng chính tôi đã giết con người đó cùng với những tư tưởng vĩ đại, cùng với tâm hồn vĩ đại của ông ta.

Tôi định nhắc Ni-cô-lai An-tô-nứt rằng xưa nay ông vẫn đánh giá cao người em trai của ông như vậy, nhưng ông không cho tôi nói.

- Tôi chỉ thừa nhận có một nhân chứng, - ông ta nói tiếp, - đó chính là bản thân ông ta, ông I-van. Chỉ có mình ông ấy có thể kết tội được tôi, và nếu như tôi có tội, thì chỉ có mình ông ấy có cái quyền này.

Ni-cô-lai An-tô-nứt khóc. Ngón tay ông bị mảnh kính cứa làm toạc ra, ông rút mãi cái khăn tay. Rô-ma-sca nhảy bổ đến giúp ông nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt lại gạt tay nó ra.

- Ngay đến người chết cũng phải lên tiếng, - ông nói và thở dốc một cách yếu ớt, thò tay xuống nhặt cái mũ.

- Ông Ni-cô-lai An-tô-nứt, - tôi nói rất bình tĩnh, - ông đừng nghĩ rằng tôi định hy sinh cả tính mạng để chứng minh cho toàn nhân loại biết về sai lầm của ông. Đối với tôi, việc này đã rõ từ lâu rồi, còn bây giờ thì không phải chỉ mình tôi rõ. Tôi mời ông đến không phải để nói chuyện này. Chẳng qua tôi cho rằng mình có trách nhiệm phải vạch cái bộ mặt thật của tên đểu cáng này ra trước mặt ông thế thôi. Tôi không cần nó phải báo cáo với tôi về những công việc của ông, hơn nữa tất cả những việc này tôi đã biết từ lâu rồi. ông có còn muốn nói với nó điều gì nữa không?

Ni-cô-lai An-tô-nứt im lặng.

- Thôi, thế thì hãy cút đi! - Tôi nói với thằng Rô-ma-sca.

Nó nhảy bổ đến trước mặt Ni-cô-lai An-tô-nứt và thì thào gì đó với ông ta. Nhưng Ni-cô-lai An-tô-nứt cứ đứng đực ra như người mất hồn, mắt nhìn thẳng về phía trước. Mãi đến lúc này tôi mới nhận thấy những ngày qua ông ta già đi nhiều thật, trông ông ta ỉu xìu và thật đáng thương... Nhưng tôi không thương, - mới chỉ như thế này chưa đủ.

- Cút đi! - tôi lại nói vớ Rô-ma-sca.

Nó không ra, vẫn thì thào. Sau đó nó dìu tay Ni-cô-lai An-tô-nứt dẫn ông ta ra cửa. Đó thật là điều không ngờ, bởi vì tôi chỉ muốn đuổi thằng Rô-ma-sca chứ không phải đuổi Ni-cô-lai An-tô-nứt mà chính tôi đã mời đến. Tôi còn muốn hỏi ông ta xem ai viết bài báo "Để bảo vệ một nhà bác học". I. Crư-lốp có phải là con cháu của nhà ngụ ngôn nổi tiếng hay không? Nhưng đã chậm, - họ đã đi ra.

Xem ra hình như tôi vẫn chưa làm cho quan hệ giữa họ bị tan vỡ. Họ dìu nhau đi chầm chậm trong hành lang dài, Ni-cô-lai

An-tô-nứt chỉ dừng lại một phút để vuốt lại mái tóc. Đầu ông ta không còn tóc. ông ta sửng sốt đau đớn nhìn thấy mấy sợi tóc tơ giữa những ngón tay mình. Rô-ma-sca đỡ tay ông ta, phủi áo bành tô cho ông ta, rồi họ lại chậm rãi bước tiếp cho đến khi khuất vào lối rẽ.

Một ngay trước hôm ra đi, đồng chí TR. Gọi điện thoại cho tôi báo là ông đã nói chuyện với Tổng cục trưởng Tổng cục đường Hàng không Bắc cực, và chính ông đã đọc bản báo cáo của tôi cho ông ấy nghe. Ông ấy trả lời rất tốt. Năm nay cử đội thám hiểm đi thì muộn rồi, nhưng sang năm chắc chắn sẽ có. Bản đề án nêu ra rất có sức thuyết phục, đổi đôi chút cho cụ thể hơn. Phần lịch sử rất có ý nghĩa. Họ sẽ cho gọi tôi lên gặp, thông tri sẽ gửi sau.

Suốt cả ngày hôm đó tôi lang thang ở các cửa hiệu: tôi muốn tặng cái gì đó cho Ca-chi-a, chúng tôi lại chia tay nhau rồi. Đó là một việc không dễ dàng. tặng bộ đồ trà ư? Nhưng cô không có ấm pha trà. Hay áo dài? Nhưng xưa nay tôi có phân biệt được thế nào là kếp và lụa đâu. Hay máy ảnh? Đúng là cô rất cần máy ảnh thật, nhưng tôi làm sao có đủ tiền mua máy ảnh Lây-ca.

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nếu tôi không gặp Va-li-a ở A-rơ-bát, có lẽ tôi chẳng mua được gì hết. Nó đứng cạnh cửa sổ một hiệu sách và đang suy nghĩ điều gì - nếu là trước đây thì tôi đã khẳng định không sai nó đang nghĩ về loài động vật. Nhưng hiện nay nó cũng đang có một đối tượng buộc nó phải suy nghĩ.

- Va-li-a, - tôi gọi. - Này cậu có tiền không?

- Có.

- Có bao nhiêu?

- Năm trăm rúp.

- Cho mình vay tất.

Nó cười.

- Thế nào, cậu lại định đi En-xcơ tìm Ca-chi-a à?

Chúng tôi đi đến gian hàng bán máy ảnh và mua chiếc máy ảnh Lây-ca...

Đối với mọi người thì tôi đi lúc một giờ đêm, nhưng với Ca-chi-a mãi đến sáng chúng tôi mới chia tay. Lúc thì tôi đến nhà cô, lúc thì cô đến cơ quan làm việc. Lần này chúng tôi xa nhau không lâu lắm: đến tháng Tám cô sẽ lên Da-pô-li-a-ri-e với tôi, nhưng tôi lại mong cấp trên gọi tôi về sớm hơn, có lẽ vào tháng Bảy. Nhưng dù sao tôi cũng hơi sợ - làm sao đừng có xa nhau lâu nữa...

Va-li-a mang ra ga tờ báo "Sự thật" có bài của tôi. Bài báo đã đăng toàn bộ những vấn đề tôi viết ra. Chỉ có một chỗ sửa chữa đôi chút về văn chương. Toàn văn rút gọn lại gần một nửa. Nhưng phần trích nhật ký thì đăng tất cả: "*Tôi mãi mãi sẽ không quên lần từ biệt ấy, sẽ không bao giờ quên gương mặt xanh xao nhưng phấn chấn và cái nhìn xa vời ấy. Tất cả những cái đó chẳng còn giống chút nào với con người trước kia có bộ mặt hồng hào, tràn đầy sức sống, lúc nào cũng có thể nghĩ được ra những chuyện khôi hài và giai thoại, thần tượng của toàn đội chúng tôi, con người lúc nào cũng cười đùa trước mọi khó khăn gian khổ nhất. Ông nói xong rồi mà chẳng ai muốn rời đi. Ông đứng đấy, mắt nhắm lại, hình như ông đang chuẩn bị tinh thần để nói ra lời từ biệt. Nhưng thay cho lời từ biệt là một tiếng thở dài yếu ớt và ở đuôi mắt có những giọt lệ long lanh...*"

Tôi và Ca-chi-a đọc đoạn này trên lối đi trong toa tàu, tôi cảm thấy những sợi tóc của cô chạm vào mặt tôi. Tôi còn cảm thấy cô đang cố gắng nuốt những giọt nước mắt để nó khỏi chảy ra ngoài.

Hết tập 1

MỤC LỤC

Phần thứ hai

CÓ NHỮNG ĐIỀU ĐỂ SUY NGHĨ

Phần thứ ba

NHỮNG LÁ THƯ CŨ

Phần thứ tư

MIỀN BẮC

Phần thứ năm

VÌ LƯƠNG TÂM

THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY

Tập I

V.CA-VÊ-RIN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 - Nguyễn Du
Tel/Fax: 8222135

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH
Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập:
NGUYỄN THỊ ANH THƯ
Sửa bản in: THANH PHƯƠNG
Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

In 1000c, khổ 14,5x20,5 cm. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy chấp nhận ĐKKHXB số: 34/1402/XB - QLXB cấp ngày 28/09/2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/ 2004.

V. CA-VÊ-RIN

THUYỀN TRƯỞNG VÀ ĐẠI ÚY



NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYÊN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT/FAX: (04) 8246272

GIÁ: 70.000Đ